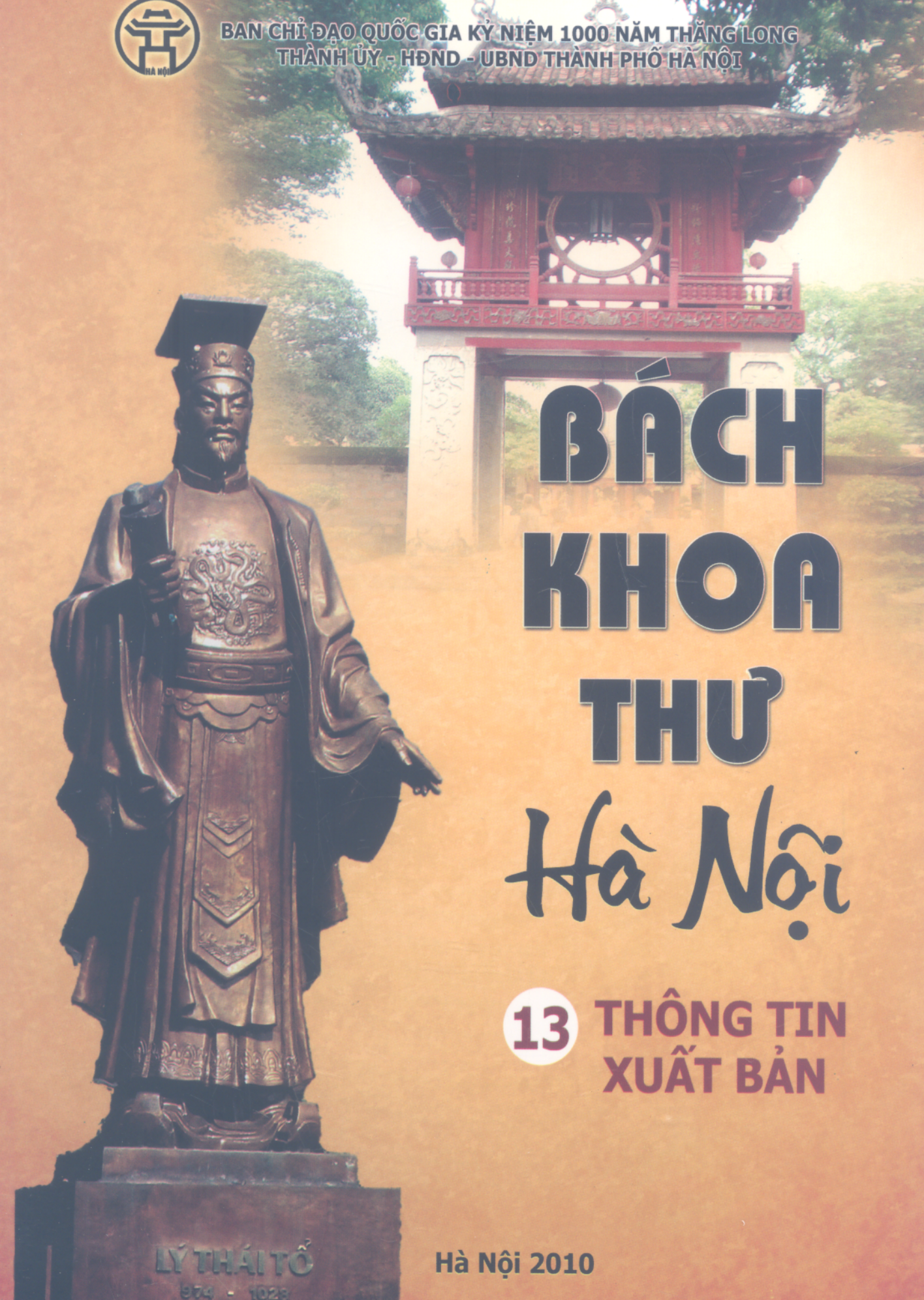
BAN CHỈ ĐẠO QUỐC GIA KỶ NIỆM 1000 NĂM THĂNG LONG
THÀNH ỦY - HĐND - UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI



BÁCH KHOA THƯ Hà Nội

13 THÔNG TIN XUẤT BẢN

Hà Nội 2010

BÁCH KHOA THƯ

HÀ NỘI

- THÔNG TIN XUẤT BẢN -

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BÁCH KHOA THƯ
HÀ NỘI

- THÔNG TIN XUẤT BẢN -

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

BAN CHỦ NHIỆM CÔNG TRÌNH
BÁCH KHOA THƯ HÀ NỘI
(Theo Quyết định số 747/QĐ - UB
Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, ngày 18.2.1993)

GS. LÊ XUÂN TÙNG	chủ nhiệm công trình
PGS, TS. NGUYỄN ĐỨC KHIỂN	phó chủ nhiệm, tổng thư kí
TS. ĐINH HẠNH	uỷ viên
GS, TSKH. NGUYỄN NĂNG AN	uỷ viên
PGS, TS. NGUYỄN HỮU QUỲNH	uỷ viên

BAN BIÊN TẬP *BÁCH KHOA THƯ HÀ NỘI*

PGS, TS. NGUYỄN HỮU QUỲNH	trưởng ban biên tập
GS, TSKH. NGUYỄN NĂNG AN	uỷ viên
TS. ĐINH HẠNH	uỷ viên
GS. ĐINH GIA KHÁNH*	uỷ viên
PGS, TS. NGUYỄN ĐỨC KHIỂN	uỷ viên
GS. VŨ KHIÊU	uỷ viên
PGS, TS. LÊ TRẦN LÂM	uỷ viên
NNC. NGUYỄN VINH PHÚC	uỷ viên
TS. LƯU MINH TRỊ	uỷ viên
GS, TSKH. NGUYỄN VĂN TRƯƠNG*	uỷ viên

* Đã từ trần.

BAN BIÊN SOẠN, BIÊN TẬP

THÔNG TIN - XUẤT BẢN

Biên soạn nội dung

Nhà báo HỒNG LĨNH	chủ biên
Nhà báo GIANG QUÂN	đồng chủ biên
Nhà báo DƯƠNG LINH	uỷ viên
Nhà báo HOÀNG PHONG*	uỷ viên
Nhà báo NGUYỄN GIA QUÝ	uỷ viên
Thạc sĩ NGUYỄN MAI HOA	cộng tác viên
Cử nhân TRẦN VĂN HÀ	cộng tác viên

BIÊN TẬP NỘI DUNG, NGÔN NGỮ VÀ HOÀN CHỈNH BẢN THẢO:

PGS, TS. NGUYỄN HỮU QUỲNH	CN. TRẦN THỌ KIM
CN. PHẠM TRẦN VIỆT ANH	PGS. VƯƠNG LỘC
PGS. HOÀNG DƯƠNG	KS. PHẠM THỊ THUÝ LAN
TS. ĐINH HẠNH	PGS. HỒ PHƯƠNG
PGS, TS. VŨ BÁ HÙNG	PGS, TS. NGUYỄN QUANG THỌ

* Đã từ trần.

LỜI NÓI ĐẦU

Bách khoa thư Hà Nội là công trình văn hoá khoa học lớn chào mừng Đại lễ 1000 năm Thăng Long - Hà Nội (1010-2010).

1. Bách khoa thư trên thế giới là loại sách giới thiệu kho tàng văn hoá của dân tộc và tinh hoa văn hoá của nhân loại, bao gồm nhiều ngành văn hoá, khoa học. Bách khoa thư đánh dấu trình độ phát triển văn hoá, khoa học của một quốc gia và một thời đại. Đặc thù của bách khoa thư là tính khoa học chính xác cao. Đây là sách công cụ rất quan trọng để tra cứu và học tập, góp phần nâng cao dân trí.

2. Bách khoa thư Hà Nội được biên soạn lần đầu tiên nhằm mục đích giới thiệu những tri thức về thiên nhiên, xã hội và con người Hà Nội trên các lĩnh vực lịch sử, địa lí, chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục, y tế, văn học, nghệ thuật... Những tri thức đó đã hình thành, phát triển và được nghiên cứu từ xưa đến nay, nêu được những bài học kinh nghiệm lịch sử và những thành tựu về mọi mặt, giới thiệu truyền thống văn hoá Hà Nội, những nét đặc trưng của Thủ đô ngàn năm văn hiến của nước Việt Nam. Những tri thức trên đây nhằm *nâng cao dân trí, giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá,* phục vụ công cuộc đổi mới của nhân dân Thủ đô, phục vụ bạn đọc rộng rãi trong nước và ngoài nước.

Bách khoa thư Hà Nội đòi hỏi trước hết phải trình bày những tri thức chính yếu, cơ bản, dựa trên những tư liệu đã được đánh giá theo quan điểm lịch sử. Nếu có nhiều tư liệu khác nhau và đều có giá trị thì chọn tư liệu đúng nhất, đồng thời giới thiệu các tư liệu khác để bạn đọc tham khảo. Trong nội dung nếu có những phần có liên quan giữa cái chung của cả nước và cái riêng của Hà Nội thì cân nhắc, lựa chọn những tri thức về Hà Nội là chính. Những tri thức có liên quan giữa các ngành thì các ngành trình bày theo các góc độ khác nhau và tránh trùng lặp. Tri thức có thể thiếu và sẽ bổ sung những lần tái bản với nội dung chuẩn xác.

Tranh minh họa góp phần giải thích nội dung.

Các tri thức yêu cầu trình bày súc tích, ngắn gọn, sử dụng ngôn ngữ trong sáng, chuẩn mực theo quy tắc thống nhất.

Tri thức trong mỗi tập được trình bày theo 3 cấp độ. Cấp độ 1 là phần tổng luận khái quát: lịch sử phát triển, thành tựu cơ bản, nhận xét đánh giá toàn cục. Cấp độ 2 là các vấn đề bộ phận cấu thành nội dung mỗi tập gồm các chuyên đề, chuyên luận tổng hợp tri thức từng phần. Cấp độ 3 gồm các chuyên mục nhỏ, đề mục nhỏ, các mục từ minh họa hoặc phát triển các phần ở cấp độ 2. Ví dụ: phố buôn bán, các làng nghề,

các công ty tài chính trong tập *Kinh tế;* các nhân vật lịch sử trong tập *Lịch sử;* các tác phẩm văn học, các tác giả trong tập *Văn học;* các bảo tàng, di tích, v.v. Cách trình bày trong mỗi tập *linh hoạt* tùy theo đặc thù về nội dung từng tập. Các vấn đề được trình bày theo quan điểm lịch sử, khách quan, biện chứng.

Bách khoa thư Hà Nội gồm 18 tập.

1. Lịch sử
2. Địa lí
3. Chính trị
4. Pháp luật
5. Kinh tế
6. Khoa học và công nghệ
7. Khoa học xã hội và nhân văn
8. Giáo dục
9. Y tế
10. Văn học
11. Tiếng Hà Nội
12. Nghệ thuật
13. Thông tin - Xuất bản
14. Di tích - Bảo tàng
15. Du lịch
16. Tín ngưỡng - Tôn giáo
17. Phong tục - Lễ hội
18. Thể dục thể thao.

Bắt đầu biên soạn từ năm 1993, năm 2000 đã in thử 17 tập để trưng cầu ý kiến. Từ đó đến nay các tác giả vừa tìm tòi thêm tư liệu vừa bổ sung, hoàn chỉnh.

Bách khoa thư Hà Nội là loại sách bách khoa còn rất mới mẻ ở nước ta. Trong quá trình biên soạn các tác giả gặp nhiều khó khăn về tư liệu, về tổ chức, phương pháp biên soạn và kinh phí. Nhưng vì tình yêu Hà Nội và lòng đam mê khoa học, các tác giả đã vượt qua, hoàn thành nhiệm vụ.

Bách khoa thư Hà Nội tập trung trình bày tri thức chủ yếu về một số lĩnh vực của Hà Nội theo địa giới hành chính trước tháng 8-2008. Sau ngày đó, theo quyết định của Nhà nước, Thủ đô Hà Nội được mở rộng thêm bao gồm tỉnh Hà Tây cũ và một số địa phương khác. Tiếc rằng trong lần xuất bản này, vì thời gian eo hẹp chúng tôi chưa kịp biên tập. Mong được lượng thứ. Hy vọng tới đây sẽ được bổ sung thêm.

3. Bách khoa thư Hà Nội được biên soạn theo sự chỉ đạo của Thường vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội dưới sự chỉ đạo trực tiếp của giáo sư Lê Xuân Tùng, nguyên Uỷ viên Bộ Chính trị, bí thư Thành ủy Hà Nội và Ban chủ nhiệm công trình. Đây là công trình văn hoá khoa học lớn được biên soạn lần đầu không thể tránh khỏi thiếu sót. Rất mong bạn đọc góp ý kiến sửa chữa, bổ sung để nâng cao hơn nữa chất lượng bộ sách.

Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội giữ bản quyền.

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2008

Ban Chủ nhiệm công trình - Ban Biên tập

BÁCH KHOA THƯ HÀ NỘI

QUY TẮC CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT VÀ PHIÊN CHUYỂN TIẾNG NƯỚC NGOÀI ÁP DỤNG TRONG BÁCH KHOA THƯ HÀ NỘI*

Hiện nay chính tả và phiên âm tiếng nước ngoài chưa có cách viết thống nhất trong nhà trường, trên sách báo và giữa các nhà xuất bản...

Trong lúc chờ đợi quy định thống nhất của Nhà nước, *Bách khoa thư Hà Nội* áp dụng cách viết theo các quy tắc sau đây.

I. CHÍNH TẢ TIẾNG VIỆT

1. Bảng chữ cái tiếng Việt gồm các chữ cái xếp theo thứ tự: A, Ă, Â, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, M, N, O, Ô, Ơ, P, Q, R, S, T, U, Ư, V, X, Y.

2. Các từ tiếng Việt viết theo cách viết chính tả hiện hành (tham khảo các từ điển chính tả dùng trong nhà trường), chú ý phân biệt:

d/gi: dành dụm, tranh giành; túi bằng da, gia đình.

c/k: ca, co, cô, cơ; ke, kê, ki.

g/gh: ga, go, gô, gơ; ghe, ghê, ghi.

ng/ngh: nga, ngo, ngô, ngơ, nghe, nghê, nghi.

Viết rời các âm tiết, không dùng dấu gạch nối.

3. Dùng i thay cho y ở cuối âm tiết mở. Thí dụ: *hi sinh, hi vọng, biệt li* (để thống nhất sử dụng trong máy vi tính, sắp xếp thư mục, tên đường phố, v.v...).

Trừ các âm tiết *uy* và các trường hợp sau *qu* hoặc *y* đứng một mình hoặc đứng đầu âm tiết. Thí dụ: *ý nghĩa, ý chí, yêu mến, quý trọng.*

Một số từ có i làm thành tố thì vẫn viết theo thói quen: *ỉ eo, ầm ĩ;* hoặc *i* đứng đầu một số âm tiết: *in, im, inh, ỏi, ít ỏi, ụt ịt, ỉu xìu.*

Ngoại lệ: Các tên riêng (tên người, tên đất), tên các tác phẩm cổ, tên các triều đại

---

* Bản Quy tắc này được nghiên cứu xây dựng từ năm 1993. Cho đến nay đã trải qua 5 lần hội thảo và trưng cầu ý kiến giới ngôn ngữ học.

đã quen dùng y thì vẫn viết theo truyền thống. Thí dụ: *triều Lý, Lý Bôn, Lý Thường Kiệt; xã Lý Nhân, Mỹ, Hoa Kỳ, Đại Việt sử ký toàn thư, v.v...*

4. Viết hoa

4.1. Viết hoa tên người:

- *Tên người* Việt Nam, Trung Quốc (đọc theo âm Hán - Việt) bao gồm tên thật, tên tự, tên hiệu, v.v... *đều viết hoa tất cả các chữ đầu của âm tiết* và không dùng dấu nối. Thí dụ: *Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Du, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên.*

- Một số tên gọi vua chúa, quan lại, trí thức Việt Nam, Trung Quốc thời phong kiến được cấu tạo theo kiểu *danh từ chung (đế vương, hoàng hậu, tông, tổ, hầu, tử, phu tử, v.v...) + danh từ riêng* thì viết hoa tất cả các chữ đầu tiên của âm tiết, thí dụ: *Mai Hắc Đế, Đinh Tiên Hoàng, Hùng Vương, Lạc Long Quân, Bố Cái Đại Vương, Lê Thái Tổ, Lê Thánh Tông, Phù Đổng Thiên Vương, Khổng Tử, La Sơn Phu Tử, v.v...*

- Một số tên người Việt Nam cấu tạo bằng cách kết hợp một danh từ chung (thí dụ: *ông, bà, thánh, cả* hoặc từ chỉ học vị, chức tước, v.v...) với một danh từ riêng dùng để gọi, làm biệt hiệu, v.v... thì danh từ chung đó cũng viết hoa. Thí dụ: *Bà Trưng, Ông Gióng, Cả Trọng, Đề Thám, Lãnh Cổ, Cử Trị, Nghè Tân, Trạng Lường, Đồ Chiểu, Tú Xương, Đội Cấn, v.v...*

- Tên người trong các dân tộc thiểu số ở Việt Nam cũng viết hoa tất cả các chữ đầu của âm tiết và không dùng dấu nối, thí dụ: *Lò Văn Bường, Giàng A Páo, Y Niêm, A Ma Pui, v.v...*

4.2. Viết hoa tên địa lí:

- Tên địa lí Việt Nam và tên địa lí đọc theo âm Hán - Việt, viết hoa các chữ đầu của âm tiết và không dùng dấu nối, thí dụ: *Hà Nội, Trung Quốc, Trường Giang, Thuỵ Sĩ, Nam Tư, Nhật Bản, v.v...*

- Tên địa lí thế giới phiên gián tiếp qua tiếng Hán và đọc theo âm Hán - Việt cũng viết hoa tất cả các chữ cái đầu của âm tiết và không dùng dấu nối: *Hà Lan, Phần Lan, Na Uy, Thuỵ Điển, Đan Mạch, Ai Cập, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha.*

- Từ chỉ phương hướng kết hợp với từ chỉ phương hướng hoặc một từ chung đơn tiết nào đó dùng để chỉ một vùng, một miền, một khu vực nhất định thì viết hoa tất cả các thành phần của nó: *Tây Bắc Kỳ, Đông Nam Kỳ, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Bắc Hà, Nam Hà, Đàng Trong, Đàng Ngoài, Đông Nam Bộ, Trường Sơn Tây, Bắc Bán Cầu, Nam Bán Cầu, Bắc Cực, Trung Phi, Cận Đông, khu Đông Bắc, vùng Tây Nam,* quan hệ *Đông - Tây,* đối thoại *Bắc-Nam,* các nước phương *Đông,* văn học phương *Tây, v.v...* (Các từ chỉ phương hướng *đông, tây, nam, bắc* không viết hoa: *gió nồm, gió nam, gió mùa đông bắc...).*

- Địa danh Việt Nam cấu tạo bằng cách kết hợp danh từ chung (biển, cửa, bến, vũng, lạch, vàm, buôn, bản, v.v...) với danh từ riêng (thường chỉ có một âm tiết thì

viết hoa tất cả các chữ đầu tạo nên địa danh đó: *Cửa Lò, Bến Nghé, Vũng Tàu, Lạch Trường, Vàm Cỏ, Vàm Láng, Buôn Hồ, Bản Keo, Sóc Trăng, v.v...* (Chú ý: Hồ Tây, Hồ Gươm, hồ Trúc Bạch, sông Tô Lịch, Sông Cái).

4.3. Tên các tổ chức:

- Tên các tổ chức: viết hoa chữ đầu của thành tố đầu và các chữ đầu, cụm từ cấu tạo nên đặc trưng *(nét khu biệt)* của tổ chức và tên riêng nếu có. Thí dụ: *Chính phủ Việt Nam, Quốc hội Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Đài Truyền hình Việt Nam, Ban Tổ chức Trung ương, nước Cộng hoà Hồi giáo Pakixtan, v.v...* (Một số tên tổ chức, cơ quan viết hoa theo thói quen: *Văn Miếu - Quốc Tử Giám*).

4.4. Viết hoa các trường hợp khác:

- Tên các năm âm lịch; viết hoa cả hai âm tiết, thí dụ: *năm Kỷ Tỵ, Cách mạng Tân Hợi, Cuộc chính biến Mậu Tuất, tết Mậu Thân, v.v...*

- Tên các ngày tiết và ngày tết: viết hoa âm tiết thứ nhất. Thí dụ: *tiết Lập xuân, tiết Đại hàn, tết Đoan ngọ, tết Trung thu, tết Nguyên đán.*

- Từ chỉ số trong những đơn vị là tên gọi các sự kiện lịch sử: không viết bằng con số mà viết bằng chữ hoa: *Cách mạng tháng Tám, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười.*

- Tên gọi một số thời kì lịch sử, sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng thì viết hoa âm tiết đầu: *thời kì Phục hưng, Chiến tranh thế giới I, phong trào Cần vương, thời kì Kháng chiến chống Pháp.*

- Viết hoa tên các ngành, lớp, bộ, họ, giống (chi) trong sinh vật học: *họ Kim giao; bộ Mười chân, lớp Thân mềm; chi Tôm he; lớp Nhện; cây họ Đậu, họ Dâu tằm, v.v...*

- Viết hoa chữ đầu âm tiết thứ nhất của tên các niên đại địa chất: *đại Cổ sinh, kỉ Cacbon, loài người xuất hiện từ đầu kỉ Đệ tứ.*

- Tên gọi các loại huân chương, huy chương, danh hiệu vinh dự, v.v... viết như sau: *Huân chương Độc lập, Sao vàng, Cờ đỏ, Lênin, Hồ Chí Minh; Huân chương Quân công, Chiến công, Kháng chiến, Chiến sĩ vẻ vang; Kỉ niệm chương; Tổ quốc ghi công; Bảng vàng danh dự; Giải thưởng Nhà nước; Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân, Anh hùng lao động, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, v.v...*

- Tên gọi các tôn giáo, giáo phái bằng tiếng Việt hoặc Hán - Việt: viết hoa tất cả các chữ đầu của âm tiết: *Tin Lành, Cơ Đốc, Thiên Chúa, Hoà Hảo, Cao Đài, Bà La Môn, Tiểu Thừa, Đại Thừa, Mật Tông, Thiền Tông, v.v...* Chú ý: *Nho giáo, Thiên Chúa giáo, Đạo Hồi, Hồi giáo.*

- Tên các tác phẩm, sách báo, văn kiện, v.v... để trong ngoặc kép và viết hoa như sau:

- Nếu tên người, tên địa lí, tên triều đại, v.v... dùng làm tên tác phẩm thì viết hoa tên người, tên địa lí, tên triều đại đó: *"Thạch Sanh", "Hồ Chí Minh toàn tập", "Nghệ An kí", "Lĩnh nam chích quái", "Việt sử lược", "Hậu Hán thư", "Tam Quốc chí", v.v...*

- Ngoài các trường hợp trên, chỉ viết hoa âm tiết thứ nhất *"Làm gì"*, báo *"Nhân dân"*, tạp chí *"Khảo cổ học"*, *"Dư địa chí"*, *"Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam"*, *"Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước"*. Trường hợp trong ngữ cảnh không gây nhầm lẫn tên các tác phẩm có thể in nghiêng, không dùng ngoặc kép.

- Tên chức vụ, học vị không viết hoa: *tổng thống, chủ tịch, tổng bí thư, đại sứ, thái thú, tổng đốc, tiến sĩ, cử nhân, viện sĩ, v.v...* trừ một số trường hợp trong các đơn từ và khi dùng biện pháp tu từ: *Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

5. Trật tự các thanh: không dấu (º), huyền (`), hỏi ('), ngã (~), sắc (´), nặng (.)

Đánh dấu các thanh trên âm chính: *hoá, hoà, hoả, quả, thuý, thuỳ, thuỷ, quẻ, khoẻ, ngoằn ngoèo,* chú ý: *của.*

II. PHIÊN CHUYỂN TÊN RIÊNG VÀ THUẬT NGỮ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

Trên thế giới cho đến năm 1990 có gần 5000 ngôn ngữ, trong đó có khoảng 1/10 ngôn ngữ có chữ viết. Song không có một ngôn ngữ nào ngay từ đầu đã có đủ vốn từ ngữ mà đều phải nhập một số từ ngữ mới từ tiếng nước ngoài. Hình thức phổ biến của việc nhập từ ngữ mới là *phiên âm,* nghĩa là ghi đúng hoặc gần đúng âm của từ nước ngoài bằng các âm, vần của bản ngữ. Ngoài ra còn có cách *chuyển tự* từ tiếng nước này sang tiếng nước khác hoặc *viết nguyên dạng* chữ nước ngoài. Chúng ta sử dụng biện pháp vừa phiên âm vừa chuyển tự và gọi chung là *phiên chuyển* tiếng nước ngoài.

1. Nguyên tắc chung: phiên chuyển tên riêng nước ngoài bằng các âm, vần và chữ Việt dựa vào cách đọc trực tiếp của nguyên ngữ có thể biết được. Trường hợp chưa đọc được nguyên ngữ thì phiên chuyển gián tiếp qua ngôn ngữ khác (một số trường hợp tạm để nguyên dạng: *tets, stress, gas*).

1.1. Đối với các ngôn ngữ có chữ viết dùng hệ thống chữ cái Latinh (Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Italia, v.v...) thì phiên âm theo cách đọc trực tiếp các ngôn ngữ đó, chú thích nguyên dạng tên gốc đặt giữa hai ngoặc đơn (hoặc có bảng đối chiếu kèm theo sách).

Thí dụ: *Camaguây* (Tây Ban Nha: Camaguey), thành phố ở Cuba.
Aizơnac (Đức: Eisenach), thành phố ở Đức.
Oelinhtơn (Anh: Wellington), thủ đô của Niu Zilân.
Vacsava (Ba Lan: Warszawa), thủ đô của Ba Lan.
Oasinhtơn (Washington), thủ đô Hoa Kỳ.
Clintơn Jâuzip Đâyvixơn (Anh: Clinton Joseph Davisson), nhà vật lí học Mĩ.

1.2. Đối với các ngôn ngữ không dùng hệ thống chữ cái Latinh như các ngôn ngữ Arập, Nhật, Triều Tiên, Lào nếu chưa phiên được bằng cách đọc trực tiếp thì phiên qua ngôn ngữ trung gian (tuỳ theo ngôn ngữ đó sử dụng tiếng Anh, Pháp hay tiếng

nước khác), chú thích ngôn ngữ trung gian giữa hai ngoặc kép, thí dụ: *Niu Đêli* (Anh: New Delhi), thủ đô của Ấn Độ, hoặc phiên qua dạng Latinh của ngôn ngữ đó nếu có, thí dụ: *Maxcat* (Masqat), thủ đô của Ôman (so sánh tiếng Pháp: Mascate).

1.3. Đối với tiếng Nga phiên trực tiếp từ tiếng Nga lược bỏ trọng âm. Thí dụ: *Lômônôxôp M.V., Tachiana.*

1.4. Đối với tiếng Hán, phiên theo âm Hán - Việt (có chú thích âm dạng Latinh của chữ Hán).

Thí dụ: *Đỗ Phủ* (Du Fu), *Bắc Kinh* (Beijing).

Một số trường hợp không đọc theo âm Hán - Việt thì phiên theo âm dạng Latinh của tiếng Hán.

Thí dụ: *Alasan* (Alashan), sa mạc ở phía bắc Trung Quốc.

1.5. Đối với tên riêng nước ngoài đã quen dùng (nhất là phiên theo âm Hán -Việt) thì giữ nguyên.

Thí dụ: *Pháp, Anh, Mỹ, Thuỵ Sĩ, Ý, Lý Bạch, Lỗ Tấn, Kim Nhật Thành.*

Tuy nhiên nếu có những thay đổi mới về tên riêng theo hướng gần với nguyên ngữ (hoặc nước đó đã thay đổi tên gọi) thì sẽ phiên tên riêng nước ngoài theo cách mới, có chú thích nguyên ngữ và tên gọi cũ đặt trong ngoặc đơn.

Thí dụ: *Ôxtrâylia* (cũ: Úc); *Italia* (cũ: Ý); *Myanma* (cũ: Miến Điện); *Đôn Kihôtê* (cũ: Đông Kisôt).

2. Quy định cách viết tên riêng nước ngoài bằng chữ Việt như sau: *viết liền các âm tiết theo đơn vị từ,* trừ một số trường hợp đặc biệt viết rời dùng dấu gạch nối giữa các âm tiết (Lu-i = Louis), không đánh dấu thanh điệu của tiếng Việt.

Thí dụ: *Gôxen Xanvađo Aliendê* (Tây Ban Nha: Gossens Salvador Allende); *Hainơrich Bruyninh* (Đức: Heinrich Bruning).

3. Bổ sung một số âm và tổ hợp phụ âm đầu từ, đầu âm tiết để *phiên chuyển.*

3.1. Cấu tạo tổ hợp phụ âm đầu âm tiết gồm 2 phụ âm: *br, khr, xt, đm, v.v...*

Ví dụ: *Đruyông* (Pháp: Druon); *Frăngxoa* (Pháp: François); *Xcaclati* (Italia: Scarlatti).

3.2. Các phụ âm cuối vần, cuối từ vẫn giữ nguyên các phụ âm cuối tiếng Việt: *n, m, p, l, c, ch, ng, nh...*

Thí dụ: *Mađrit* (Tây Ban Nha: Madrid); *Aptaliông* (Pháp: Aftalion).

3.3. Sử dụng bốn chữ cái F, J, W, Z (f, j, w, z) để:

- Viết các đơn vị đo lường, các kí hiệu quốc tế trong hoá học và khoa học tự nhiên, tên viết tắt các tổ chức quốc tế.

Thí dụ: W = Oát, J = Jun, Fe = sắt, WTO = Tổ chức thương mại thế giới.

- Phiên các tên riêng (tên người, tên địa lí) nước ngoài. Thí dụ: Frăngxoa Busê (Pháp: François Bouchet), Jêm Biucanơn (Anh: James Buchanan).

4. Các cặp chữ cái i và y; ph và f; j và gi đều được dùng để phiên căn cứ vào nguyên ngữ, nguyên ngữ dùng chữ cái nào thì chuyển sang tiếng Việt dùng chữ cái tương ứng. Một số trường hợp thêm *ơ: Marơ* (Marr), *Tơroa* (Troie).

5. Tên người và tên địa lí của các dân tộc thiểu số viết theo tiếng Việt và ghi chú tên dân tộc trong ngoặc đơn: Đắc Lắc (Đăk Lăk), Bắc Cạn (Bắc Kạn).

6. Thuật ngữ gốc tiếng nước ngoài cũng phiên chuyển theo các nguyên tắc trên. Sử dụng thuật ngữ đã dùng thống nhất trong từng chuyên ngành và liên ngành. Thuật ngữ hoá học, sinh học dùng theo sách giáo khoa. Thí dụ: dùng *i* thay cho *y* (oxi, hiđro) trừ các kí hiệu của các nguyên tố, các kí hiệu chỉ chức và gốc hoá học *al, ol, yl* (etanol, metyl), dùng ozơ trong hệ thống hiđrat cacbon (glucozơ), aza trong hệ thống các enzim (lipaza).

7. Các tên thuốc cũng phiên theo âm, vần tiếng Việt và chú thích nguyên dạng theo tiếng Anh, tiếng Pháp. Biệt dược dùng tên gọi của nước sản xuất biệt dược.

8. Cách viết ngày tháng năm: ngày 5.6.1934; tháng 6.1934, năm 1934. Kì họp thứ tư, Quốc hội khoá VI. Thế kỉ dùng chữ số La Mã: thế kỉ I trước Công nguyên, thế kỉ XV, thế kỉ XXI. Nghị quyết 25/CP ngày 30.6.2004, Nghị định 35/HĐBT...

TỔNG QUAN

Con người là một sinh vật có tư duy, sống quần thể, cho nên ngoài những nhu cầu vật chất tối thiểu như khí trời, thức ăn, thức uống... để sống còn, thì giao tiếp, thông tin là một trong những nhu cầu hàng đầu.

Phương tiện thông tin sơ đẳng có thể là tiếng hú, là những dấu hiệu quy ước như lửa, nét vạch bằng đá, cử chỉ... nhưng quan trọng nhất là tiếng nói. Tuy nhiên nói đến thông tin thực sự, thông tin trở thành một hoạt động có tổ chức, phải là khi có văn tự, tức chữ viết. Đến khi con người biết công nghệ làm giấy, chế tạo máy in, thì báo chí, sách mới ra đời.

Nhìn lại lịch sử nước ta, về văn tự, trải qua ngàn năm Bắc thuộc, dân ta có tiếng nói riêng nhưng chữ viết lúc đầu phải dùng chữ Hán. Đến đời Trần (thế kỉ XIII) mới đặt ra chữ Nôm (viết phỏng theo chữ Hán, nhưng đọc thành âm tiếng Việt) thì văn tự mới được phổ biến, bình dân hoá trong một chừng mực nhất định.

Về công nghệ làm giấy, theo sử ghi lại thì dân ta có nghề làm giấy từ thế kỉ VIII. Còn nghề in xuất hiện vào khoảng thế kỉ XI-XII, in theo kiểu thủ công, khắc chữ vào gỗ. Kiểu in thủ công này, tất nhiên về sau có được cải tiến thêm, tồn tại mãi đến cuối thế kỉ XIX.

Việc ra đời của chữ Quốc ngữ hồi đầu thế kỉ XVII đã tác động đến sự phát triển của thư viện ở nước ta. Chữ này do giáo sĩ người Âu - trong đó đáng kể nhất là Alecxandrơ đơ Rốt (Alexandre de Rhodes) - dùng mẫu tự Latinh để ghi âm tiếng Việt. Dù các giáo sĩ đặt ra chữ Quốc ngữ chỉ là nhằm mục đích truyền đạo Gia tô vào Việt Nam, song do tính chất tiện lợi, dễ học, chữ Quốc ngữ đã trở thành phương tiện truyền tải thông tin, truyền bá tư tưởng, phổ biến kiến thức sau này.

Khi nhân dân ta tiếp xúc với văn minh, văn hoá Châu Âu, du nhập kĩ thuật mới của phương Tây (cuối thế kỉ XIX), thì thông tin - báo chí - xuất bản bắt đầu phát triển theo đúng nghĩa của nó. Việc này gắn liền với tiến trình thực dân Pháp xâm lược nước ta. Những nhà in, tờ báo đầu tiên ra đời là ở Sài Gòn, Nam Bộ. Đó là những năm 1865 với tờ *Gia Định báo* (nếu kể báo bằng tiếng Pháp thì có từ năm 1862-1864). Ở Hà Nội phải 20 năm sau mới có báo tiếng Pháp (tờ *Avenir du Tonkin,* 1864) rồi đến báo chữ Hán (*Đại Nam đồng văn nhật báo*, 1892), báo in cả chữ Hán và chữ Quốc ngữ (*Đại Việt tân báo,* 1905).

Ngay từ thế kỉ XI-XVIII, Thăng Long - Hà Nội đã từng là kinh đô, trung tâm chính trị và văn hoá của đất nước, nên khi thực dân Pháp hoàn thành việc xâm lược cả nước ta, chúng cũng lấy Hà Nội làm trung tâm đầu não bộ máy cai trị của chúng trên toàn cõi Đông Dương. Báo chí - xuất bản ở Hà Nội tuy ra đời sau, vẫn nhanh chóng chiếm vị trí quan trọng đối với cả nước. Chính ở đây xuất phát những hoạt động thông tin, những đài, báo, những nhà xuất bản mà hoạt động có tiếng vang lớn, ảnh hưởng lớn đến đời sống chính trị, văn hoá, xã hội của cả nước.

Thông tin - báo chí - xuất bản thuộc thượng tầng kiến trúc, phản ánh hạ tầng cơ sở của xã hội, nó là phương tiện, vũ khí trong cuộc đấu tranh cho quyền lợi, đường lối của xã hội. Dưới thời phong kiến đã có nghề in, song tư nhân không được phép khắc ván, in sách. Ấn phẩm chủ yếu là kinh Phật phục vụ tôn giáo, ngoài ra đều là sách được phép của vua chúa: sách nói về luật pháp của triều đình, sách của các sử quan ghi chép biên niên, sách y học... sau này mới có một số tập thơ văn của những nhà Nho nổi tiếng và một số ít truyện Nôm dân gian.

Thực dân Pháp xâm lược nước ta cũng dùng báo chí, sách như một thứ vũ khí để tuyên truyền cho chính sách bảo hộ của chúng. Chiếm xong thành Gia Định (1859), ba năm sau chúng đã ra những tờ công báo bằng tiếng Pháp. Sau khi Hiệp ước Patơrôt (Patenôtre) được kí năm 1884, công nhận chủ quyền của Pháp ở cả ba kì (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ), thì ở Hà Nội có ngay báo *Avenir du Tonkin* (1884) - (Tương lai Bắc Kỳ), mở đường cho những báo chữ Hán và chữ Việt về sau.

Trung đoàn Thủ đô vừa rút khỏi Hà Nội ngày 17.2.1947, thực dân Pháp vừa trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, ở vùng tạm chiếm Hà Nội chưa đầy một tháng, ngày 15.3.1947, "Hội đồng an dân" của bù nhìn tay sai Pháp đã ra báo *Thời sự* để "phủ dụ" dân chúng, nói xấu kháng chiến...

Các lực lượng chính trị khác, trước hết là lực lượng cách mạng do Đảng Cộng sản lãnh đạo, luôn coi báo chí là vũ khí quan trọng, không thể thiếu trong cuộc đấu tranh. Khi cách mạng mới manh nha, Bác Hồ còn lưu lạc ở nước ngoài đã dùng báo chí để nói lên lập trường, quan điểm, tuyên truyền tư tưởng cách mạng. Khi tổ chức Việt Nam Cách mạng Thanh niên được thành lập (1925) thì có báo *Thanh niên*. Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời thì có *Búa Liềm*, v.v.. Những chiến sĩ cộng sản trong các nhà tù cũng ra báo để vừa giúp nhau giữ vững ý chí cách mạng, vừa tuyên truyền lí tưởng cộng sản cho những bạn tù khác. Gặp khi thời cơ thuận lợi, như thời kì Mặt trận Bình dân ở Pháp lên cầm quyền, Đảng lập tức mở Mặt trận Báo chí ở Hà Nội, ra nhiều báo, có tờ công khai đứng tên, có tờ mượn tên người khác, khi báo tiếng Việt bị kiểm duyệt khắt khe hơn thì có báo bằng tiếng Pháp (như những tờ *Le Travail, Rassemblement, v.v..*). Thời kì thực dân Pháp tạm chiếm Hà Nội (1947-1954), sách báo kháng chiến vẫn sản xuất và được bí mật đưa vào nội thành. Ngoài ra, ở đâu có điều kiện thì ra báo bí mật tại chỗ, như tờ *Nhựa sống* của Đoàn học sinh kháng chiến Hà Nội. Đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này nói: "*Báo chí là*

lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hoá; cán bộ báo chí là chiến sĩ cách mạng; cây bút và trang giấy là vũ khí sắc bén của họ".

Về thông tin, xuất bản, các phương tiện thông tin - xuất bản phần lớn nằm trong tay thực dân và tay sai. Các lực lượng cách mạng đã lợi dụng mọi cơ hội và điều kiện để cho ra những xuất bản phẩm của mình. Tiêu biểu nhất là thời kì 1936-1939 tại Hà Nội, Đảng đã cho ra đời *Tập sách dân chúng*, công khai tuyên truyền lí tưởng cộng sản và đấu tranh quan điểm trên các lĩnh vực chính trị, văn nghệ, triết học, tôn giáo.

Ngoài sách, báo thực dân Pháp và tay sai có những hoạt động thông tin ở quy mô lớn như: mở phòng thông tin, tổ chức hội chợ, chợ phiên, triển lãm. Các lực lượng cách mạng sử dụng các hình thức bí mật, nhỏ lẻ như: rải truyền đơn, treo cờ, diễn thuyết xung phong... Ở những thời điểm nhất định và có tiếng vang lớn.

Trong hoàn cảnh bị thực dân Pháp thống trị, Đảng ta đã vận dụng linh hoạt mọi hình thức và phương tiện cả hợp pháp và nửa hợp pháp, cả công khai và bí mật để duy trì và phát triển công tác thông tin - báo chí - xuất bản.

Giới cầm quyền thực dân đã kiểm duyệt báo chí, xuất bản rất khắt khe. Tuy nhiên, khi đã ra đời, báo chí, xuất bản, có quy luật phát triển khách quan của nó, vì bản chất của nó là chức năng phổ cập thông tin, giao lưu tư tưởng. Bản thân nước Pháp lại là quê hương của cách mạng tư sản dân quyền với khẩu hiệu "tự do, bình đẳng, bác ái", nên trong khi truyền bá cái gọi là "văn minh Đại Pháp" họ không thể không nói đến những tư tưởng tiến bộ. Sau thời kì đầu mà người làm báo phần lớn xuất thân từ Nho học, lớp người viết văn, làm báo kế tiếp đã tiếp thu phần nào văn hoá và phong cách Âu Tây, một số người học được nghiệp vụ báo chí mới, nên từ cuối thập niên 20 của thế kỉ XX, bộ mặt báo chí có phần sinh động, đa dạng hơn. Bên cạnh những sách báo, do chính quyền thực dân chủ trương hoặc tài trợ để làm công cụ tuyên truyền cho chúng, đã xuất hiện những cuốn sách, những bài báo, rồi những tờ báo có xu hướng tiến bộ, có tinh thần dân tộc, dân chủ. Đặc biệt thời kì 1936-1939, do không khí chính trị "dễ thở" hơn, nên hoạt động báo chí và xuất bản càng thêm sôi động. Nhìn vào bức tranh báo chí, xuất bản có thể thấy tấm gương phản ánh bộ mặt chính trị - văn hoá - xã hội của thủ đô và của cả nước qua các giai đoạn lịch sử. Trên báo chí có những cuộc "bút chiến" đáng chú ý như giữa Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh quanh vấn đề "lập hiến" hay "trực trị" những năm 20 của thế kỉ XX; giữa Hải Triều và Phan Khôi về "duy tâm và duy vật" năm 1933, giữa Hải Triều và Thiếu Sơn về "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh" với sự tham gia của nhiều văn nghệ sĩ ở thời kì Mặt trận Dân chủ... (1936).

Báo chí, xuất bản phải dùng đến văn tự, từ đó chữ Quốc ngữ ngày càng được hoàn thiện, trở nên uyển chuyển, phong phú, hiện đại. Đóng góp vào việc này có công của những nhà báo như Nguyễn Văn Vĩnh, Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn có bước cách tân khá mạnh về nghiệp vụ, đổi mới văn phong, ngôn ngữ báo chí, rồi đến nhóm Phong

hoá, Ngày nay... Điều đó tác động qua lại vào nền văn học hồi đó, tạo nên những tác phẩm văn học đáng chú ý như các tác phẩm của Nhà xuất bản Đời nay, Tân dân...

Sau Ngày giải phóng Thủ đô năm 1954, Miền Bắc tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, báo chí tư nhân vẫn tồn tại. Năm 1968, tờ báo tư nhân *Thời mới* đã hợp nhất với tờ báo của Thành uỷ Hà Nội thành tờ *Hà Nội mới*.

Cũng từ sau năm 1954 hình thành sự phân cấp quản lí báo chí: có báo chí của trung ương, có báo chí của địa phương Hà Nội. Mạng lưới báo chí địa phương Hà Nội lúc đầu chỉ có một tờ báo hằng ngày, một đài phát thanh, tới nay phát triển tới 33 đơn vị báo chí thông tin gồm 13 tờ báo, 3 báo điện tử, 1 đài phát thanh và truyền hình, 3 tạp chí, tập san, 13 bản tin. Ngoài các tờ báo chính, còn 13 ấn phẩm, phụ san, tất cả đều đặt dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ và sự quản lí về Nhà nước của Uỷ ban Nhân dân thành phố.

Để thể chế hoá sự quản lí của báo chí bằng luật pháp, ngày 2.1.1990, Luật Báo chí do Quốc hội thông qua được công bố. Năm 1999 và năm 2004, Quốc hội lại thông qua một số điều sửa đổi Luật Báo chí. Năm 1993, công bố Luật Xuất bản. Năm 2000 ban hành Pháp lệnh Thư viện.

Tinh thần hai bộ luật trên là Nhà nước bảo đảm quyền tự do ngôn luận, sách báo không bị kiểm duyệt trước khi in. Song chống sự "lạm dụng quyền tự do báo chí để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, tập thể và công dân". Người viết báo, viết sách là công dân, hơn thế còn là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - văn hoá, với trách nhiệm xã hội và ý thức công dân của mình, trước hết cần tự thấy nên viết gì và không nên viết gì vì lợi ích của nhân dân và xã hội. Đó là tự do chân chính, tự do đích thực.

Năm 1995, Đại hội lần thứ VI của Hội Nhà báo Việt Nam - tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tự nguyện của những người làm báo đã thông qua *Quy ước đạo đức nghề nghiệp của nhà báo*, trong đó nhấn mạnh trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân của người làm báo, chính là nhằm mục đích nói trên.

Sau khi Miền Nam được giải phóng, đất nước thống nhất và nhất là sau Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) với chủ trương "đổi mới", báo chí, xuất bản Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung có bước phát triển mạnh về số lượng, đổi mới tích cực về nội dung và hình thức.

Về báo chí của địa phương Hà Nội, ngoài báo *Hà Nội mới* và Đài Phát thanh Hà Nội (sau là Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội) đã có từ trước, phần lớn báo chí của các ngành, đoàn thể ra đời trong thời kì này và phát triển nhanh chóng, đặc biệt trong những năm gần đây. Có những tờ báo trước là tuần báo hoặc tuần ra 2-3 kì, nay gần như ra hằng ngày. Báo có nhiều phụ san, ấn phẩm khác nhau, như *Hà Nội mới* đến nay ra tới 5 ấn phẩm. Lại xuất hiện thêm một dạng báo mới là báo điện tử, trang tin điện tử. Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội phát sóng suốt ngày, tới tận

khuya tặng thêm nhiều chuyên mục thiết thực, hấp dẫn, ngoài ra còn có truyền hình cáp, truyền hình kĩ thuật số...

Khác với thời kì bao cấp, ngày nay báo chí, xuất bản hoạt động theo cơ chế thị trường và trong bối cảnh bùng nổ thông tin, từng bước hoà nhập thế giới, thuận lợi thật nhiều mà thử thách không ít. Thông tin đa dạng, đa chiều, quảng cáo rất phát triển, nhưng phải làm sao giữ được định hướng tư tưởng, giữ đúng tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ của từng tờ báo, tránh sa vào thoả mãn những thị hiếu tầm thường, không lành mạnh. Thông tin mở rộng, nhưng khi khai thác, tin tức, bài vở, tài liệu nước ngoài phải có chọn lọc.

Nói đến xuất bản là phải nói đến các khâu từ tổ chức biên soạn - biên tập đến in, phát hành để phổ biến ấn phẩm và thư viện để lưu giữ sách lâu dài phục vụ bạn đọc. Ngành in xuất phát từ in mộc bản dập tay dần dần phát triển lên công nghệ in tipô bằng máy đạp chân, sắp chữ chì và đến nay là kĩ thuật in ốp-xét hiện đại trên máy điện tử tự động, chế bản trên máy vi tính, in liền nhiều màu một lúc với hình ảnh được phân màu điện tử và chế bản trên phim nhựa.

Ngành xuất bản khởi đầu là do tư nhân đảm nhiệm, sau năm 1954 mới dần dần thống nhất vào các cơ quan Nhà nước quản lí. Trong chế độ bao cấp và ở thời kì đất nước có chiến tranh, việc xuất bản sách độc quyền không thể phát huy được mọi tiềm năng khai thác tác phẩm và mở rộng đề tài. Đến khi vào thời kì đổi mới, hình thành sự liên kết giữa tư nhân và các nhà xuất bản nhà nước đã làm thay đổi bộ mặt của thị trường sách. Nhiều tác phẩm giá trị của Châu Mỹ, Châu Mỹ Latinh, Châu Âu, Châu Phi... đã được dịch và xuất bản; nhiều loại từ điển song ngữ, đa ngữ, sách khoa học - kĩ thuật hiện đại, sách nghiên cứu xã hội học và nhất là sách học ngoại ngữ rất phong phú, đa dạng, đáp ứng mọi yêu cầu của bạn đọc.

Khâu phát hành cũng vậy, từ chỗ thâu tóm thống nhất trong Nhà in Quốc gia đến việc thành lập hệ thống hiệu sách nhân dân, quốc doanh phát hành sách trung ương (sau là Tổng Công ti Phát hành sách Việt Nam) và ở các tỉnh thành. Đại lí cho các hiệu sách nhân dân cũng là các tổ hợp tác, hợp tác xã sách báo kinh doanh tập thể. Khi xuất bản mở rộng cho liên kết thì công tác phát hành sách cũng không còn giữ được độc quyền. Tư nhân đã bung ra thành lập các cơ sở phát hành và lấy sách trực tiếp từ nhà xuất bản, không qua khâu trung gian. Đến lượt các nhà xuất bản cũng hình thành bộ phận phát hành của riêng mình hoặc thành lập hẳn một công ti kinh doanh các sản phẩm văn hoá như Công ti Tiền Phong. Cuộc cạnh tranh giữa các nhà xuất bản, cơ sở phát hành cùng với công tác nắm bắt nhu cầu bạn đọc, phát hiện sách có nội dung hay, in đẹp, tăng phí phát hành để làm tiếp thị đã mở ra một giai đoạn mới cho ngành xuất bản, phát hành ở thủ đô.

Có sách, báo thì có hoạt động thư viện. Trước Cách mạng tháng Tám, ở Hà Nội chỉ có một số ít thư viện do Pháp lập ra như Thư viện Pie Paxkiê (Pierre Pasquier) (nay là Thư viện Quốc gia), Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ (nay là Viện Thông

tin khoa học xã hội và Thư viện Khoa học - Kĩ thuật trung ương). Chỉ sau Ngày giải phóng Thủ đô, một số hệ thống thư viện tương đối hoàn chỉnh và rộng khắp mới được thiết lập, phục vụ việc học tập, nâng cao kiến thức của các tầng lớp dân chúng. Không kể các thư viện chuyên ngành của các ngành hoạt động kinh tế - xã hội, Hà Nội có Thư viện Nhân dân là một thư viện tổng hợp và đại chúng, ra đời năm 1959. Ngoài hoạt động trực tiếp phục vụ bạn đọc, thư viện này còn làm công tác nghiên cứu khoa học, hướng dẫn nghiệp vụ và chỉ đạo các thư viện cấp quận, huyện, phường, xã, thị trấn. Một thời gian dài, hệ thống thư viện này hoạt động khá hiệu quả. Tuy nhiên, sau khi xoá bỏ chế độ bao cấp, hoạt động này gặp nhiều khó khăn, hàng loạt thư viện cấp cơ sở tan rã. Gần đây cùng với phong trào xây dựng đời sống văn hoá ở phường, xã, ngành bưu điện lập ra các điểm bưu điện - văn hoá xã, các thư viện đang dần dần được lập lại.

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động văn hoá, thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện. Nhà nước đã ban hành *Luật Báo chí*, *Luật Xuất bản*, *Pháp lệnh Thư viện*. Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng từng thời kì đều có Nghị quyết hoặc Chỉ thị, khẳng định những thành tựu, ưu điểm của hoạt động báo chí - xuất bản, đồng thời uốn nắn những lệch lạc, chỉ ra phương hướng khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm để ngày càng làm tốt hơn vai trò quan trọng và sứ mệnh cao cả của mình.

Bách khoa thư Hà Nội, tập 13 này mang nội dung Thông tin - Xuất bản. Phần Thông tin bao gồm các phương thức thông tin từ xưa đến nay, các cơ quan thông tấn báo chí (báo nói, báo viết, báo hình, báo điện tử). Phần Xuất bản đề cập đến các ngành xuất bản, in, phát hành, thư viện. Ngoài ra có danh mục báo chí xuất bản ở Hà Nội từ năm 1884 đến năm 2007 (xem phần III), sắp xếp theo ABC và theo giai đoạn phát triển của nó.

PHẦN I

THÔNG TIN

CHƯƠNG I
CÁC HÌNH THỨC THÔNG TIN XƯA VÀ NAY

1. Thông tin thời Thăng Long - Hà Nội dưới chế độ phong kiến

Tín hiệu thông tin đầu tiên của con người là tiếng hú. Tiếng hú gọi bầy, tiếng hú báo hiệu, tiếng hú biểu cảm niềm vui mừng, sự sợ hãi. Để tiếng hú vang xa hơn, con người đã chế tác vỏ ốc, sừng thú thành chiếc tù và.

Khi tìm ra được lửa, tín hiệu cấp cứu được thay thế bằng ánh lửa ban đêm và cột khói đen bốc lên ban ngày, cách xa mấy dặm đường vẫn nhận thấy.

Cuộc sống định cư hình thành các xóm làng, nằm gọn trong các khoảnh đất bao quanh làng là hàng tre. Xã hội dần dần phân chia thành đẳng cấp. Người cầm quyền ở cơ sở có các cách thông tin mới: dùng mõ tre, mõ gỗ, trống da trâu, cồng la, chuông đồng... Định lệ khi nào đánh một hồi, hai hồi, ba hồi, ngũ liên... Mỗi làng có một người làm nhiệm vụ thông tin chuyên nghiệp. Họ mở đầu bằng một hồi mõ giòn giã và kết thúc bằng ba tiếng rất đanh: cốc, cốc, cốc! Sau hồi mõ báo hiệu cho mọi người chú ý lắng nghe, là câu giáo đầu thông lệ:

Chiềng làng, chiềng chạ
Thượng hạ, tây đông...

Rồi mới đến nội dung cần thông báo dưới hình thức ca dao và có vần lưng, vần đuôi để dễ thuộc, dễ nhớ, cho cả người rao lẫn người nghe.

Trong vở chèo cổ *Quan Âm Thị Kính*, còn ghi lại sinh động của một lời rao mà xã trưởng truyền cho mẹ Đốp:

Con gái Phú Ông
Tên là Mầu Thị
Tư tình ngoại ý
Mãn nguyệt có thai
Mời già trẻ gái trai
Ra đình mà ăn khoán!

Tất nhiên, lời rao có thể chỉ là những câu thông báo như lời nói thông thường. Đó là thông tin *động*. Còn thông tin *tĩnh* là những văn bia, văn bản, cáo thị, v.v.. Bia đá khắc chữ cũng là hình thức thông tin để lại cho muôn đời sau. Tấm bia

đá ở chùa Ngọc Hồ (phố Nguyễn Khuyến bây giờ), có câu mở đầu bài văn rằng: *"Chùa có bia như nước có sử. Sử để chép sự thịnh suy của một nước, bia để ghi công đức của một chùa. Trước là xét mực thước của thời xưa, tiếp theo là để làm gương cho đời sau..."*[1].

Tấm bia đá cổ nhất còn lại ở Hà Nội ngày nay ở chùa Kim Liên, làng Nghi Tàm, cạnh Hồ Tây (nay thuộc phường Quảng An, quận Tây Hồ) nhiều chữ đã mờ, nhưng còn đọc được niên hiệu "Thái Hoà tam niên Ất Sửu" (1445) thời Lê Nhân Tông. Còn bài văn bia cổ nhất khắc trên bia đình Thanh Hà (phố Ngõ Gạch) mang tên "Thanh Hà ngọc phả bi kí" do thượng thư Nguyễn Hiền sao lại thần phả năm Thuận Thiên thứ ba (1430), tấm bia mới tạo dựng khoảng triều Nguyễn. Sau đến tấm bia "Đại Bảo tam niên Nhâm Tuất khoa tiến sĩ đề danh kí" (1442), tấm bia tiến sĩ đầu tiên trong số 82 bia còn lại đến nay ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

Hàng nghìn tấm bia còn lưu giữ rải rác khắp các đình, chùa, đền ở Hà Nội là nguồn thông tin phản ánh khá rõ nét về nhiều sự kiện quan trọng của lịch sử Thăng Long - Hà Nội, những chứng cứ xác minh về cuộc sống - mảnh đất - con người cùng với bao bước thăng trầm khó tìm thấy trong sách sử.

Trạm thông tin đầu tiên của Thăng Long là đình Quảng Văn, lúc đầu có tên là Trữ Văn đình ở chỗ vườn hoa Bách Việt - Cửa Nam hiện nay.

Đình được xây dựng vào năm Hồng Đức thứ hai mươi hai (1493) theo lệnh vua Lê Thánh Tông (1460-1497), vị vua nổi tiếng trị nước, có luật pháp, ở vị trí ngoài cửa Đại Hưng (nay là khu vực Cửa Nam) để làm nơi niêm yết các chính lệnh của triều đình. Kể cả trước khi khâm ban chức tước, nhà vua cũng chỉ thị cho quan Hồng Lô đích thân yết bảng cho dân biết. Vua Lê còn cho đặt ở đình một trống "đăng văn". Ai có điều gì oan khuất làm đơn khiếu tố đem đến đấy gióng trống lên, sẽ có quan trực ra tiếp nhận đơn.

Đình Quảng Văn xây xong, vua sai quan ngự sử đài Bùi Xương Trạch (1451-1529) người làng Giáp Nhị, xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, viết bài kí để khắc vào bia đặt ở đó. Bài kí đã nhấn mạnh đến ý nghĩa quan trọng của việc phổ biến các thông tin của chính quyền về các mặt hành chính, thiết chế, xã hội... để làm cho *"công việc của muôn dân thiên hạ sẽ sáng như sao, rạng rỡ như vầng dương, khiến bốn phương được thêm đổi mới, biểu dương nền văn minh của một đời"*[2].

Các đời sau nối tiếp giữ nếp hay của Quảng Văn đình. Thời Tây Sơn đổi tên là đình Minh Chiếu. Đến nhà Nguyễn đổi là đình Quảng Minh, làm nơi cho quan Câu Kê ra giảng "thập điều" - mười điều giáo lí Khổng Mạnh về bổn phận làm dân do vua Minh Mạng (1820-1840) soạn ra. Dân Thăng Long chẳng ai muốn nghe. Lí trưởng

---

1. *"Tuyển tập văn bia"* quyển 1. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, 1978, tr.122
2. Trích *"Tác giả văn học Thăng Long - Hà Nội"*. Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội,1998, tr.59.

các thôn, phường phải lùa người bắt buộc đến dự. Một nhà Nho yêu nước đã có bài thơ tức cảnh đình Quảng Văn vào lúc Pháp chiếm Hà Nội, đình này bị tàn phá để dựng tượng Nữ thần Tự Do mà dân quen gọi là "đầm xoè" như sau:

Qua Quảng Văn đình tớ đến nghe
Câu Kê chẳng thấy, thấy đầm xoè
Thập điều bặt tiếng ê a giảng
Choáng óc kèn Tây thổi tí toe.

Còn một thứ trạm thông tin mang tính dân gian nữa. Đó là những điếm canh trở thành "điếm vè". Nhà văn Sở Bảo Doãn Kế Thiện đã kể lại (bài viết năm 1940).

"Chừng sáu bảy mươi năm về trước, vào khoảng đầu Hàng Ngang rẽ ra Hàng Bạc bây giờ, có một cái điếm làm bằng tre lợp lá, người ta thường gọi là "điếm vè". Cũng như các điếm canh khác, điếm ấy chỉ là nơi có dân phu túc trực, chuyên giữ việc canh phòng...

...Vậy mà hằng ngày ở đó lại thường xảy ra một cái tệ, phiên phu không sao giữ xiết, tức là tệ dán vè bất cứ ai. Có khi chính ngay những người tai mặt, quyền quý trong tỉnh, nếu trót làm sự gì mờ ám bất chính, không giữ kín, để người ngoài biết được, tức thì có người đặt bài vè, lẻn đến dán ở cửa điếm ấy. Chỉ một lát, miệng người truyền đi, bài vè đã lan khắp nơi, dù trong bài không kể rõ họ tên, người ta cũng đoán biết được là ai rồi. Ngày thì một bài, ngày thì vài ba bài, mỗi khi có bài xuất hiện, chỉ một lát là có hàng đàn hàng lũ người kéo đến xem..."[1].

Trong suốt thời phong kiến Việt Nam, phương tiện thông tin liên lạc từ kinh thành đi các nơi trong nước vẫn chỉ là dùng sức người, sức ngựa là chủ yếu.

Các phu trạm làm nhiệm vụ chạy công văn, thông báo của triều đình, được tổ chức thành các tổ, đội, có các cai trạm phụ trách từng chặng đường. Họ phải thường xuyên trực tại trạm dịch để có tin là chuyển ngay. Với các tin tức khẩn, họ phải chạy ngựa hoả tốc suốt ngày đêm, cứ đến mỗi trạm lại thay ngựa, thay người. Cầm cờ lệnh trên tay, không ai được cản đường họ, qua cầu, đò được ưu tiên đi trước.

Không rõ các triều đại trước tổ chức các trạm dịch ra sao, còn khi lập tỉnh Hà Nội (1831), theo "*Đại Nam nhất thống chí*" có tất cả 7 trạm dịch trên tuyến đường phía nam vào Phú Xuân - Huế (lúc đó là kinh thành). Đó là các trạm:

1. *Hà Trung* ở thôn Văn Trung, huyện Thọ Xương (nay ở cuối phố Hà Trung - Ngõ Trạm). Đây là trạm đầu mối. Lên phía bắc qua Sông Hồng đến trạm Bắc Liêm cách 39 dặm[2].

Sang phía tây, đến trạm Dịch Vọng cách 8 dặm, Sơn Xá (trạm Trôi) cách 37 dặm. Về phía nam đến trạm Hà Mai cách 6 dặm.

2. *Hà Mai* ở thôn Hoàng Mai, huyện Thanh Trì, đến trạm Hà Hồi cách 26 dặm.

---

1. Trích "*Hà Nội cũ*". Doãn Kế Thiện. Nxb. Hà Nội (tái bản). Hà Nội, 1994, tr.108, 109.
2. Dặm, độ dài khoảng 500m.

Phố Nhượng Địa nằm trong khu vực Đồn Thuỷ, nơi tập trung cơ quan đầu não của Pháp ở Bắc Kỳ trong thời kì đầu xâm lược, nên Đài Phát sóng Bạch Mai chủ yếu để phục vụ cho công cuộc bình định của thực dân Pháp.

Cho đến Cách mạng tháng Tám 1945, Đài Phát sóng Bạch Mai cũng chỉ có các máy phát sóng ngắn 19, 25, 31, 41m với công suất nhỏ nhất 100W và lớn nhất là 1kW mà thôi.

Thời Pháp thuộc máy thu thanh là thứ hàng xa xỉ phẩm, chỉ những nhà giàu mới sắm nổi, chương trình phát lại hầu hết là tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Hoa... nên đối với đông đảo quần chúng không có tác dụng lớn.

Có một loại hình thông tin được quan tâm trong giai đoạn này là thông tin kinh tế thông qua các *hội chợ, triển lãm* mà người dân thủ đô gọi đã thành quen là "Đấu xảo", có nghĩa là nơi thi đọ mức độ tinh xảo và kĩ nghệ.

Hội chợ Hà Nội đầu tiên được tổ chức vào năm 1887, ở khu vực Trường Thi cũ, rộng tới 75.000m^2. Ở đây, mới xây xong một ngôi nhà kiểu biệt thự để làm trụ sở Nha kinh lược Bắc Kỳ, nhưng chưa dọn đến, được mượn làm gian trưng bày chính; còn lại đều là nhà cất tạm bằng tre, gỗ, lợp tôn.

Khu trưng bày nông, lâm, hải, khoáng sản và hàng thủ công mĩ nghệ rộng tới 200 mẫu. Ngoài ra còn có khu giới thiệu các cổ vật của nền văn hoá Đông Dương do Viện Khảo cổ Sài Gòn đưa ra. Giám mục Puginier cũng có một gian bày các sưu tập đồ cổ, vật cổ đào được ở chân tháp Báo Thiên, khi xây dựng Nhà thờ Lớn Hà Nội.

Giữa hội chợ dựng một pho tượng đồng Thần tự do, theo mẫu pho tượng của nhà điêu khắc Bactoli (Bartholi) đặt ở cảng Niu Yooc, Hoa Kỳ, với tỉ lệ chỉ bằng 1/16.

Sức cuốn hút của hội chợ còn ở các trò vui, đèn chiếu và đặc biệt là con đường xe lửa dài 500m, rộng 0,60m, với đoàn tàu nhiều toa chở khách vượt qua một cầu sắt cao 6m. Đoàn tàu hoả là biểu thị cho nền công nghiệp tiên tiến của Pháp để cho người Nam phải phục sợ. Còn sản vật, hàng hoá của địa phương nhằm đề cao tài nguyên giàu có của Việt Nam để các nhà doanh nghiệp Pháp ủng hộ cuộc chinh phục nước ta, bỏ vốn đầu tư vào khai thác thuộc địa. Nhưng hội chợ tổ chức quy mô bắt đầu từ khi xây mới Khu nhà Đấu xảo ở vùng đất rộng, vốn là bãi đua ngựa ngay trước cửa ga Hàng Cỏ. Đó là vào năm 1902, khi Pháp vừa cho khánh thành cầu Sông Cái, đặt tên là cầu Đu-me (Paul Doumer) là tên viên toàn quyền Đông Dương lúc đó, tức là cầu Long Biên và thông đường xe lửa Hà Nội - Hải Phòng. Trên vùng đất rộng khoảng 12 ha, còn nhiều ruộng trũng, ao, đầm, được cải tạo mặt bằng, tôn cao lên, cho trồng nhiều loại cây đưa từ Java, Madagasca đến. Cổng chính khu Đấu xảo trông ra phố Quán Sứ. Trước mặt là đại lộ Gambetta (nay là phố Trần Hưng Đạo), bao quanh là các phố Giôrêghê-beri (Jauréguiberry) (nay là phố Quang Trung), đường 68 (nay là phố Trần Quốc Toản) và đường Cái Quan (đường Mandarin, nay là đường Lê Duẩn). Hai con sư tử đá lớn đặt ngay cạnh cổng vào. Ở quảng trường tròn là một nhóm tượng đài, biểu trưng cho nước Pháp. Chính giữa là "lâu đài trung tâm" dài

110m, rộng 30m, cao 27m. Hai dãy nhà hai bên chạy vòng cung ôm lấy một khoảng sân rộng, ở giữa có một dải hồ lung linh bóng nước.

Nội thất lâu đài trung tâm được trang trí bằng những tranh tường khổ lớn của hoạ sĩ Vôlê (Vollet). Phía sau toà nhà chính này là lâu đài mĩ thuật, nơi trưng bày các tác phẩm hội hoạ, điêu khắc của Hội Mĩ thuật Pháp đem sang. Bên cạnh đó là gian văn hoá, giới thiệu một số đặc điểm trang phục của dân tộc ít người.

Trên các lối đi đều có đặt những pho tượng. Có cả một khu vui chơi - giải trí ở góc đông nam. Tại đấy, người ta có thể xem trình diễn văn nghệ, hoà nhạc, chiếu bóng, xiếc... với các đoàn nghệ thuật Miến Điện (Mianma), Mã Lai (Malaixia), Nga. Quán ăn và giải khát đặt rải rác khắp nơi.

Về hoạt động kinh tế, Hội chợ - triển lãm (Foire &Exposition) giới thiệu nhiều hàng hoá của Pháp, của ba nước Đông Dương và của một số nước Viễn Đông. Một khu trưng bày các máy móc nông nghiệp và nông sản thực phẩm. Một khu vừa trưng bày, vừa biểu diễn tay nghề của các nghệ nhân thủ công làm các đồ hàng sơn, khảm xà cừ, chạm gỗ, ngà, đồng đúc, khảm tam khí, thêu ren, lụa tơ tằm...

Ban tổ chức Hội chợ - triển lãm quảng cáo rầm rộ ở trong và ngoài nước. Các báo chí đều tập trung giới thiệu. Chính phủ cai trị còn quan tâm tổ chức việc giao thông chuyên chở giữa nước Pháp và các nước Viễn Đông đến Hà Nội được thuận tiện, cũng như chuẩn bị một hệ thống khách sạn để đón khách tham quan. Người vào xem tự do không phải mua vé.

Trong thời gian mở Hội chợ - triển lãm tại khu đấu xảo từ ngày 3.11.1902 đến ngày 30.6.1903 có các hoạt động phụ trợ như: Đại hội quốc tế các nhà Đông phương học ở Hà Nội, thi bắn súng quốc tế, thi đấu kiếm, thi gia súc, dạ hội,...

Trưởng ban tổ chức là giám đốc Nha Nông lâm Đông Dương Pôn Tômê (Paul Thomé); thiết kế toàn bộ do kiến trúc sư Buytxi (Bussy) của Nha Công chính.

Sau khi Hội chợ - triển lãm Hà Nội năm 1902 bế mạc, khu Đấu xảo trở nên hoang vắng. Toà lâu đài trung tâm được chuyển làm Nhà Bảo tàng Nông nghiệp và Thương mại Hà Nội mang tên Môrixơ Long (Maurice Long). Đây cũng là nơi mở những lớp dạy nghề thủ công cho nông dân các làng ven ngoài thành phố và thuộc mấy tỉnh lân cận như Hà Đông, Hà Nam, Bắc Ninh,... để làm ra sản phẩm xuất khẩu và cung cấp cho thị trường Hà Nội.

Do xảy ra chiến tranh thế giới I (1914-1918) và kinh tế khó khăn, nên sau Hội chợ triển lãm lần thứ nhất năm 1902-1903, khu Đấu xảo không có kì tổ chức nào, cho mãi đến năm 1918 mới tổ chức Hội chợ - triển lãm Hà Nội lần thứ hai, và từ đó đến năm 1941 mở tất cả 15 lần hội chợ nữa.

Cũng do đóng cửa lâu, nên sau kì hội chợ năm 1902, khu Đấu xảo bị thu hẹp lại; thành phố cắt nhiều phần để xây công sở, làm nhà ở cho công chức, mở phố Bô vê (Bovet - nay là phố Yết Kiêu). Diện tích khu Đấu xảo chỉ còn lại khoảng một nửa (nằm trong khu vực nay là Cung Văn hoá Hữu nghị và khu nhà khách của Tổng Công đoàn).

Hoạt động của Hội chợ - triển lãm thực chất là hoạt động thông tin kinh tế đã góp phần thúc đẩy việc giao lưu thương mại giữa các nước với Việt Nam, cũng như tạo điều kiện cho tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp nước ta phát triển. Hà Nội được làm quen với một loại hình thông tin và tiếp thị mới mẻ lần đầu du nhập vào[1]. Mặt khác, qua phần triển lãm, các hội chợ đã phần nào giới thiệu được một vài nét về văn hoá truyền thống và dân tộc học Việt Nam.

Sau các cuộc Khởi nghĩa Bắc Sơn (23.9.1940), Nam Kỳ (23.11.1940), Đô Lương (13.1.1941), mặc dù thực dân Pháp ra sức đàn áp phong trào cách mạng, nhưng vẫn không cản được sự phát triển các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt Minh. Công nhân cứu quốc, Nông dân cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, v.v.. lần lượt ra đời. Một chi hội văn hoá cứu quốc ở Hà Nội được thành lập. Tình hình ấy đòi hỏi một phương thức thông tin tuyên truyền thích hợp. Số đông quần chúng chưa biết chữ, không tiếp cận với báo chí, phát thanh; tình hình thời sự trong nước không hay, thế giới chẳng biết, làm sao thức tỉnh được họ ủng hộ và tham gia đấu tranh cách mạng?

Sự có mặt của quân đội Nhật cùng với tác động của Chiến tranh thế giới lần thứ II lan rộng ở Viễn Đông và Đông Nam Á, kinh tế ngày càng khủng hoảng, giá cả sinh hoạt đắt đỏ chưa từng thấy, đời sống người lao động quá đỗi khó khăn, từ những năm 1942-1943, phong trào đình công đòi tăng lương, cải thiện việc cung cấp gạo nổ ra liên tục ở nhiều xí nghiệp, công xưởng trong thành phố. Truyền đơn chống cuộc chiến phát xít Nhật gây ra được rải khắp nơi. Biểu ngữ, khẩu hiệu hô hào "Ủng hộ Việt Minh, đả đảo thực dân, đế quốc" xuất hiện nhiều đợt. Lá cờ đỏ sao vàng lần đầu tiên bay trên cột điện, cành cây, treo ở cần vẹt xe điện. Tất cả những thứ đó là tín hiệu thông tin với mọi người: đã có Mặt trận Việt Minh ở ngay đây, đang chiến đấu giải phóng đất nước khỏi ách thống trị Pháp - Nhật.

Cuối năm 1944, các đoàn thể cứu quốc đã tổ chức ra các nhóm *Tuyên truyền xung phong* đi các nơi giải thích chính sách của Việt Minh, cổ vũ nhân dân tham gia cách mạng. Lúc đầu, họ hành động chủ yếu ở vùng ven thành phố, ngoại ô, trong các phiên chợ, bến sông, nhà ga. Mỗi nhóm dăm, bảy người, được vũ trang dao găm, súng lục. Đến đâu, họ bất ngờ giương cờ đỏ sao vàng, chiếm điểm cao, hô khẩu hiệu, tập hợp quần chúng lại để nói chuyện, tố cáo tội ác của thực dân Pháp, phát xít Nhật, kêu gọi mọi người sẵn sàng chuẩn bị khởi nghĩa dưới cờ Việt Minh, giành độc lập, tự do cho đất nước. Mọi hoạt động diễn ra thật nhanh, gọn, chỉ năm mười phút, phát truyền đơn xong là rút ngay, tránh không để cho quân thù vây bắt và luôn luôn có lực lượng tự vệ cứu quốc bảo vệ vòng ngoài.

---

1. Tư liệu về Hội chợ viết theo: A.Masson - *Ha Noi pendant la période héroique; Vial - Nos premières années au Tonkin*; Bourgeods - Rapport Foire 1902, dẫn theo "*Hà Nội - nửa thế kỉ XX*" của Nguyễn Văn Uẩn, tập 2. Nxb. Hà Nội, 1995.

Tết Nguyên đán Ất Dậu (1945), công tác tuyên truyền xung phong được đẩy mạnh. Sáng mồng 4 tết, ở chùa Đồng Quang và gò Đống Đa xuất hiện các khẩu hiệu "Đánh Pháp, đuổi Nhật". Đội Tuyên truyền xung phong hô hào thanh niên nối gót người anh hùng áo vải Quang Trung vùng lên cứu nước.

Sau ngày 9.3.1945, Nhật đảo chính Pháp, hoạt động tuyên truyền ào ạt diễn ra ở nội thành.

Đội Tuyên truyền xung phong vào diễn thuyết ở trường Gia Long, trường Kĩ nghệ; phá cuộc mít tinh kỉ niệm Nguyễn Thái Học tại vườn Bách Thảo do bọn Việt gian tay sai Nhật tổ chức, vạch trần tính chất phản động của chúng, kêu gọi nhân dân tham gia Việt Minh chuẩn bị tổng khởi nghĩa,...

Có những lần, đội Tuyên truyền xung phong đột nhập Nhà hát Lớn, các rạp hát Tố Như, Hiệp Thành, Quảng Lạc diễn thuyết, tung truyền đơn. Mặc dầu Nhật ra sức bưng bít, tin tức về Liên Xô tham chiến Mặt trận Thái Bình Dương, đập tan đạo quân Quan Đông hùng mạnh nhất, song tin Nhật đầu hàng đồng minh không điều kiện đã đến được với nhân dân Hà Nội.

Đỉnh cao của hoạt động tuyên truyền xung phong đã diễn ra trong cuộc mít tinh tại Quảng trường Nhà hát Lớn ngày 17.8.1945 do Tổng hội công chức thân Nhật triệu tập với danh nghĩa "ủng hộ nền độc lập Việt Nam và bài trừ chính sách thực dân". Cuộc mít tinh bắt đầu lúc 15 giờ. Vừa chào cờ "quẻ li" và hát xong bài "Tiếng gọi thanh niên", thì một lá cờ đỏ sao vàng rộng lớn tung ra từ bao lơn tầng hai, phủ kín khoảng giữa Nhà hát Lớn, tiếng hô "Ủng hộ Việt Minh" vang lên như sấm. Hàng loạt cờ đỏ sao vàng khác tung bay trong đám quần chúng. Cờ quẻ li bị hạ. Ban tổ chức mít tinh run sợ tìm đường rút. Một đội viên tuyên truyền xung phong dõng dạc đọc báo cáo trước quốc dân, tin Nhật đã đầu hàng và hiệu triệu đồng bào tham gia khởi nghĩa. Một đội viên nữ nói tiếp, hô hào chị em gia nhập phong trào cứu quốc. Cuộc mít tinh biến thành biểu tình tuần hành, giương cao lá cờ đỏ sao vàng, vừa đi vừa hô to khẩu hiệu: "Ủng hộ Việt Minh!". Các anh em lính bảo an, cảnh sát vác súng đi theo đoàn biểu tình, rầm rộ diễu qua các đường phố chính giữa thành phố.

Cả Hà Nội sôi sục khí thế cách mạng.

Các đội Tuyên truyền xung phong chia nhau ráo riết đi khắp các phố cổ động dân chúng tham gia cuộc mít tinh ngày 19.8, xuống đường đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của tổng khởi nghĩa đã nghiêng về phía các lực lượng cách mạng.

Hình thức thông tin bằng hệ thống tuyên truyền xung phong đã phát huy được tác dụng, phù hợp với hoàn cảnh đấu tranh cách mạng thời kì tiền khởi nghĩa, góp phần tạo nên thành công của Tổng khởi nghĩa tháng Tám do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Hình thức này còn tiếp tục được sử dụng sau Cách mạng tháng Tám, trong Kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, dưới các tổ chức mang tên khác nhau.

3. Thông tin ở Hà Nội sau Cách mạng tháng Tám và trong thời gian kháng chiến chống Pháp

Cách mạng tháng Tám thành công, chính quyền mới bộn bề lo bao công việc, thì nội dung thông tin, tuyên truyền của các đội Tuyên truyền xung phong cũng có đủ bấy nhiêu việc.

Sau khi phục vụ đắc lực ngày lễ Độc lập 2.9 và sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh ra mắt đồng bào và đọc *Tuyên ngôn độc lập*, thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, các đội Tuyên truyền xung phong toả ra làm nhiệm vụ mới, đề ra những việc làm cấp bách và vận động mọi người tham gia. Từ việc đắp đê chống lũ Sông Hồng đến phong trào nhường cơm xẻ áo, giúp nhau chống đói bằng cách bớt gạo từng bữa, bỏ vào hũ gạo tiết kiệm. Từ việc hô hào người chưa biết chữ đi học các lớp bình dân học vụ, xoá mù chữ đến xây dựng Quỹ độc lập, ủng hộ Vệ quốc đoàn, tham gia Tuần lễ vàng (9.1945). Đồng thời, không ngừng chống lại các luận điệu phản động tuyên truyền của bọn Việt quốc, Việt cách. Ngày 23.9.1945, giặc Pháp gây hấn, trở lại xâm lược Nam Bộ, các đội Tuyên truyền xung phong đã lập tức cho phát tin và đọc bài *"Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ kháng chiến"* của Bác Hồ, dấy lên một phong trào ủng hộ Nam Bộ kháng chiến và thanh niên Hà Nội xung phong gia nhập bộ đội Nam tiến; mở những ngày "Áo mùa đông binh sĩ", vận động đóng đảm phụ quốc phòng.

Cuối năm 1945, công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động tập trung cho vận động tổng tuyển cử, làm cho mọi người dân hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ công dân của mình, tích cực đi bỏ phiếu bầu ra Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Ngày 6.1.1946 đã thực sự trở thành ngày hội làm chủ của toàn dân.

Thực hiện chính sách hoà hoãn, Chính phủ ta kí Hiệp định sơ bộ 6.3.1946 nhằm tống cổ quân Tàu Tưởng về nước, nhưng phải nhượng bộ để quân Pháp vào đóng ở một số nơi trong thành phố. Bọn phản động ra sức xuyên tạc, làm lòng dân hoang mang, anh chị em tuyên truyền xung phong đã giải thích để mọi người tin tưởng vào sự chèo lái của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ tháng 11.1946, quân Pháp đóng ở Hà Nội liên tiếp mở các cuộc gây hấn, khiêu khích trên đường phố, cùng với hành động chúng đánh chiếm Hải Phòng, nổ súng tấn công Lạng Sơn.

Các đội Tuyên truyền xung phong đã kịp thời vạch trần âm mưu của địch, hô hào nhân dân bình tĩnh không bạo động, chờ lệnh Chính phủ. Mặt khác, anh em vận động mọi người chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đào hào, đắp ụ, đục tường thông sang nhau qua các nhà, đưa bớt người già, trẻ em đi tản cư...

*

* *

Do tầm quan trọng của công tác thông tin, trong tuyên cáo của Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (28.8.1945) đã có Bộ Thông tin - Tuyên truyền.

Khi thành lập Chính phủ liên hiệp lâm thời (1.1.1946) thì Bộ Thông tin - Tuyên truyền đổi thành Bộ Tuyên truyền và Cổ động do Trần Huy Liệu phụ trách. Nhưng đến khi thành lập chính phủ liên hiệp chính thức đầu tiên, Bộ Tuyên truyền và Cổ động không còn nữa. Sau đó, Bộ Nội vụ mới thành lập Nha tổng giám đốc thông tin tuyên truyền[1] (13.5.1946) dưới quyền chỉ huy và kiểm soát trực tiếp của Bộ Nội vụ, do bác sĩ Nguyễn Tấn Gi Trọng làm tổng giám đốc.

Về tổ chức ngành thông tin trong thời gian 1945-1954 còn nhiều thay đổi:

Ngày 27.11.1946, Chủ tịch nước ra sắc lệnh đổi thành Nha Thông tin trực thuộc Bộ Nội vụ, do Trần Văn Giàu làm giám đốc. Ngày 10.7.1951 chuyển Nha Thông tin trực thuộc Phủ Thủ tướng. Ngày 24.2.1952 hợp nhất Nha Thông tin (Phủ Thủ tướng) và Nha Tuyên truyền và Văn nghệ (Bộ Giáo dục) thành Nha Tuyên truyền và Văn nghệ thuộc Phủ Thủ tướng, do Tố Hữu làm giám đốc.

Tháng 8.1954, Chính phủ quyết định thành lập Bộ Tuyên truyền, do Hoàng Minh Giám làm bộ trưởng.

Ở thành phố Hà Nội, thời gian đầu chưa thành lập bộ máy riêng về thông tin - tuyên truyền. Công tác này do xứ uỷ, Thành uỷ trực tiếp chỉ đạo, huy động các tổ chức Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ cùng làm.

Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam, các báo của Trung ương, các tổ chức đoàn thể, Sở Tuyên truyền Bắc Bộ[2] vừa làm nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền cho cả nước, cho Bắc Bộ, vừa trực tiếp làm cho Hà Nội.

Tháng 11.1946, cả nước tổ chức lại thành 12 khu hành chính và quân sự. Thủ đô Hà Nội là Khu XI, được đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương. Lúc này, mới hình thành Ban Tuyên truyền Khu XI. Tại các liên khu phố, khu nội thành, các khu và các xã ngoại thành đều lập Ban Tuyên truyền, có phòng biên tập, ấn loát, phát hành tài liệu và Đội Tuyên truyền xung phong.

Sau 60 ngày đêm kháng chiến anh dũng trong lòng Hà Nội, Trung đoàn Thủ đô hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch, được lệnh rút khỏi thành phố (17.2.1947). Hà Nội bắt đầu nằm trong vùng tạm chiếm của địch.

Để chỉ đạo cuộc kháng chiến lâu dài, Khu uỷ Khu XI quyết định lập lại Thành uỷ Hà Nội (9.1947), hợp nhất Uỷ ban hành chính với Uỷ ban kháng chiến thành Uỷ ban kháng chiến - hành chính Hà Nội, lập Ti Thông tin Hà Nội.

Ti Thông tin Hà Nội thành lập tại thôn Công An, xã Quảng Bị, huyện Quốc Oai, Hà Đông (nay thuộc tỉnh Hà Tây) với khoảng 10 cán bộ. Đây là ngành chuyên môn ra đời khá sớm trong hoàn cảnh thành phố bị chiếm đóng, thể hiện vai trò quan trọng của công tác thông tin tuyên truyền trong vùng hậu địch. Các đội tuyên truyền xung phong sau đổi là đội vũ trang tuyên truyền được tổ chức, phân phối hoạt động với du kích tập trung.

1, 2. Tổng Nha lúc này có 4 cơ sở trực thuộc là Đài Tiếng nói Việt Nam, Ti nhận tin vô tuyến điện, Ti kiểm soát giấy, Ti kiểm duyệt báo chí và sách.

Năm 1948, Hà Nội sáp nhập với Hà Đông thành tỉnh Lưỡng Hà và Ti Thông tin Lưỡng Hà. Năm 1949, Hà Nội tách khỏi Lưỡng Hà, trở thành khu đặc biệt Hà Nội trực thuộc Trung ương. Ti Thông tin khu đặc biệt Hà Nội được thành lập: Cuối năm 1949, Hà Nội chia thành 2 quận: nội thành và ngoại thành. Ở mỗi quận lập một phòng Thông tin. Các xã ngoại thành lập Ban Thông tin. Năm 1951, Ti Thông tin sáp nhập với Ban Tuyên cổ (tuyên truyền cổ động) thành Sở Tuyên truyền.

Gần tám năm trong vùng Hà Nội bị Pháp tạm chiếm, mọi hoạt động cách mạng phải rút vào bí mật. Công tác thông tin cũng vậy.

Tất cả các cán bộ hoạt động trong lòng địch đều tham gia làm thông tin - tuyên truyền. Phương tiện lúc này chủ yếu là truyền tin bằng cách rỉ tai nhau:

- "Nghe đồn hôm qua Việt Minh treo cờ ở cây nước Hàng Đậu".
- "Nghe đồn đêm vừa rồi Việt Minh phá tề ở làng X. Gã lí trưởng bị xơi ba phát đạn, v.v.."

Có lúc, gặp mấy người trong quán đọc báo với nhau có một thông báo về cuộc hành quân bình định ở đâu đó, bắt về giết hàng trăm Việt Minh. Lập tức, phải tìm cách phản tuyên truyền lại tin đó ngay: *"Ôi dào, tôi là người vùng này. Người làng tôi có hai bà chạy ra đây hôm qua. Họ bảo nom thấy ba bốn xe tải chở xác lính "ba-ti-đăng"*[1] *đi càn trúng mìn. Hình như có đến bốn năm quan Tây ngắc ngoải nữa. Chẳng ai thấy Việt Minh chết, chỉ toàn ông già, bà lão, trẻ em,... dân làng bị đạn oan, nhà bị đốt, mấy cô bị chúng hiếp...".*

Từ thông tin bằng cách rỉ tai, truyền khẩu để lan truyền tiếp, khi đã nắm bắt được tâm lí người nghe, hiểu rõ đối tượng, thấy họ có cảm tình với kháng chiến rồi, thì người làm thông tin mới tiến đến những biện pháp khác: dúi vào tay một tờ thì truyền đơn, một số báo bí mật in thạch, hoặc in giấy nến, một mẩu báo từ hậu phương đưa vào. Với tầng lớp trí thức thì có thể dùng ngay báo chữ Pháp xuất bản ở Paris như *Le monde*, *L'humanité*, *Aurore* đưa tin và ảnh về chiến tranh Việt Nam có tính khách quan hơn để phá hoại lối tuyên truyền lừa bịp của bọn thực dân Pháp và tay sai.

Vào cuối năm 1948, biệt động đội Hà Nội được thành lập cũng là lúc hình thành các đội Vũ trang tuyên truyền. Phối hợp với các hoạt động phá hoại những cơ sở của địch, ném lựu đạn, chôn mìn, cắt dây điện thoại,... là rải truyền đơn, dán khẩu hiệu chống địch.

Ti Thông tin Hà Nội lúc này đóng ở Chương Mỹ, Hà Đông và vùng giáp ranh với Hoà Bình, đã xuất bản báo *Cứu quốc Thủ đô*, số đầu ra ngày 19.5.1949, có một phần được chuyển vào nội thành phát hành bí mật, nhưng việc chuyển tài liệu từ vùng tự do vào thành phố rất khó khăn, nên tốt nhất là biên tập và in tại chỗ. Đó là nội san *Tiền phong* của Đảng bộ Hà Nội, *Quân Thủ đô* của Ban chỉ huy Mặt trận Hà Nội,

1. Từ đọc theo âm tiếng Pháp "Partisan", chỉ bọn lính ngụy Pháp.

tập san *Tuyên huấn* của thông tin, *Quay súng* và *Non à la Guerre* của Ban Địch vận thống nhất, *Nhựa sống* của Đoàn học sinh kháng chiến.

Ngoài ra, còn vận động các văn nghệ sĩ tiến bộ, thanh niên viết bài gửi đăng trên các báo công khai trong vùng địch, khêu gợi tinh thần yêu nước, phản ánh cuộc sống ngột ngạt mất tự do, dân chủ, tố cáo tệ nạn tham nhũng, đấu tranh bảo vệ văn hoá dân tộc...

Tháng 7.1949, Bảo Đại ra Hà Nội. Các đội Vũ trang tuyên truyền nội thành liên tiếp quấy rối ở phố Lò Đúc, Cột Cờ, Việt Nam học xá, bắn đạn vào dinh Toàn quyền - nơi Bảo Đại nghỉ lại, Phòng Thông tin Bờ Hồ và các cổng chào do địch dựng lên trang hoàng đón tên vua bù nhìn đã bị ta đốt phá.

Trên các tuyến tàu điện, hình thức tuyên truyền xung phong lại được tái thực hiện, các đội viên diễn thuyết vạch trần bộ mặt bán nước của Bảo Đại.

Đội Vũ trang tuyên truyền còn cắm cờ đỏ sao vàng ở Tháp Rùa, thả chim bồ câu mang theo quốc kì bay trên bầu trời Hà Nội.

Kết quả đã làm cho Bảo Đại phải chuồn ngay về Đà Lạt, không dám ở lại Hà Nội hết thời hạn đã công bố.

Công tác tuyên truyền đã biết tận dụng thời cơ để công khai đả kích bọn cướp nước và bè lũ bán nước.

Nhân cái chết của Trần Văn Ơn và 10 học sinh yêu nước Sài Gòn, ta phát động cuộc đấu tranh bãi khoá, phản đối hành động đàn áp học sinh trong các trường học Hà Nội; đồng thời tổ chức lễ cầu hồn vào ngày 20.1.1950 tại chùa Quán Sứ. Trong bài điếu văn đọc công khai có đoạn:

"... Trong chỗ lao tù mà tận tuỵ ái quần, tương hợp nhau, đồng thanh yêu cầu cho các bạn bị giam được phóng thích, hầu tiếp tục công phu học nghiệp, mong khỏi lỡ thời! Nào ngờ: kẻ kia cậy mạnh, lấy sức đè người, gây nên cảnh cốt nhục tương tàn, làm thiệt thòi đến tuổi thanh niên hữu dụng...". Lời tố cáo đanh thép trên đã có tác dụng cổ vũ tinh thần yêu nước trong học sinh, sinh viên vùng địch tạm chiếm, dấy lên ý thức bảo vệ văn hoá dân tộc, vạch trần âm mưu "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của địch, tiến đến phản đối bắt lính, chống luật "tổng động viên", đến trại bắt lính đòi trả chồng con...

Nhưng phong trào đôi khi quá mạo hiểm, bộc lộ lực lượng, nên đã bị địch trấn áp mạnh mẽ, nhiều cơ sở bị sứt mẻ, Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Nội đã kịp thời đưa ra kế hoạch chấn chỉnh "xây dựng và củng cố lực lượng để chuẩn bị chiến trường Hà Nội", với phương châm "phải lâu dài tích trữ lực lượng, đợi thời cơ", tránh các hoạt động mạo hiểm, *phối hợp hoạt động hợp pháp và bán hợp pháp với hoạt động bí mật bất hợp pháp*[1].

---

1. Theo Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ Hà Nội, tháng 1.1952. Dẫn theo *Lịch sử thủ đô Hà Nội*. Nxb. Sử học 1960, tr. 254.

Mùa xuân 1954, khi tiếng súng nổ ran trên chiến trường Điện Biên Phủ, quân địch ở Hà Nội không ngừng vét người, vét của để phục vụ cuộc chiến đối đầu lịch sử ấy, thì phong trào đấu tranh ở Hà Nội cũng dâng cao. Công tác thông tin tuyên truyền nằm sâu ngay trong hoạt động của các đoàn thể quần chúng, trong các phong trào thành lập tổ chức "Phụ nữ Bắc Hà"; lập các nghiệp đoàn; học sinh chống bắt lính, vận động nguỵ binh rã ngũ trở về với kháng chiến; trí thức kí kiến nghị đòi Chính phủ Pháp phải thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh khi Hội nghị Giơnevơ về lập lại hoà bình ở Đông Dương nhóm họp.

Tháng 5.1954, quân ta thắng lợi ở Điện Biên Phủ. Cán bộ thông tin Hà Nội vận động một số văn nghệ sĩ ra báo *Dân ý* để tuyên truyền thắng lợi này, nhưng chỉ ra được 5 số thì bị đình bản.

Tháng 7.1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, ta lại ra tờ *Niềm tin* nhằm đưa tin về hiệp định, chống di cư, hướng về ngày tiếp quản, cũng chỉ ra được 5 số.

Công tác thông tin càng được đẩy mạnh. Nội dung trung tâm lúc này là tuyên truyền chiến thắng cả trên hai mặt trận quân sự và ngoại giao, cùng lúc với phát động quần chúng chống cưỡng ép di cư, bảo vệ các cơ quan, công xưởng không cho địch chuyển đi Nam, chuẩn bị mọi lực lượng tuyên truyền xung phong để đón ngày đại quân ta vào tiếp quản thủ đô.

Trong khí thế thắng lợi của Chính phủ kháng chiến và trong tình hình "quân hồi vô phèng" của địch, ta đã vận dụng lợi thế vừa tuyên truyền công khai, vừa tuyên truyền trong nội bộ các đoàn thể, tất cả dồn cho mục tiêu lớn: đấu tranh ngăn chặn các hành vi phá hoại của địch, bảo đảm cho ngày tiếp quản tưng bừng, náo nhiệt trong an toàn trật tự, mở đầu cho giai đoạn chuyển sang xây dựng hoà bình, giữ vững các sinh hoạt đời sống quan trọng của thành phố, ổn định tư tưởng nhân dân.

"Hoạt động thông tin - tuyên truyền trong thời kì Hà Nội bị chiếm đóng, tuy rất khó khăn gian khổ, cán bộ ít, phương tiện thiếu, công cụ chủ yếu bằng miệng, liên lạc với căn cứ kháng chiến khó khăn, nhưng suốt tám năm, các tin tức, chính sách của Chính phủ kháng chiến vẫn tới được dân, ảnh hưởng của cuộc kháng chiến trường kì vẫn ghi sâu trong lòng dân. Khi có thời cơ thuận lợi, hoàn cảnh cho phép, công tác thông tin tuyên truyền đã kịp thời và thôi thúc quần chúng xuống đường đấu tranh với khí thế áp đảo quân thù..."[1].

4. Thông tin từ ngày thủ đô giải phóng đến nay

Trong không khí tưng bừng chào đón Uỷ ban Quân chính thành phố Hà Nội và Đại đoàn 308 vệ quốc quân giương cao lá cờ đỏ sao vàng trở về giải phóng Thủ đô, tiếng loa thông tin cùng với các bài ca kháng chiến đã vang lên khắp các phố phường Hà Nội.

---

1. *Nửa thế kỉ văn hoá - thông tin Hà Nội (2945-1954)*, Sở Văn hoá - Thông tin. Hà Nội, 1995, tr. 36-37.

Hình thức thông tin đạt hiệu quả nhất lúc này là các buổi phát thanh lưu động trên các xe ô tô gắn loa phóng thanh. Tiếng loa vang vọng đường phố đông đúc, vào tới cả các ngõ xóm lao động, đem tới cho người dân biết rõ về: "Tám chính sách với thành phố mới giải phóng", "10 điều kỉ luật của bộ đội, nhân viên vào tiếp quản", "Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đồng bào Thủ đô", "Thông cáo của Uỷ ban Quân chính thành phố Hà Nội", "Nhật lệnh của đại tướng tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp cho các đơn vị tiếp quản...".

Ba xe loa của Uỷ ban Quân quản cấp cho, không đáp ứng được yêu cầu, phải vận dụng các gia đình cơ sở cho mượn thêm. Nội dung tuyên truyền, phát thanh do Sở Tuyên truyền thành phố Hà Nội cung cấp. Người đọc tin, bài, đàn hát đều là học sinh, sinh viên kháng chiến trong lòng Hà Nội được tuyển chọn. Anh chị em tham gia rất nhiệt tình hăng say. Ngoài việc phát thanh lưu động và phát thanh cố định ở một số điểm làm phòng thông tin, anh chị em còn kẻ khẩu hiệu, vẽ tranh áp phích, căng biểu ngữ... Tờ *tin tức* ra hằng ngày, số đầu phát hành đúng Ngày Thủ đô giải phóng 10.10.1954, là cơ quan của Uỷ ban Quân chính thành phố Hà Nội. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ tiếp quản, Uỷ ban hành chính thành phố được thành lập (10.11.1954), nhiệm vụ thông tin của tờ *Tin tức* được chuyển cho tờ *Tin Hà Nội* với danh nghĩa "Cơ quan thông tin, xuất bản tại Thủ đô".

Nhà Thuỷ Tạ - Bờ Hồ trở thành Nhà Thông tin - triển lãm và cũng là Trạm Truyền thanh đầu mối của một số tuyến đường dây loa công cộng đầu tiên được mắc xung quanh Hồ Gươm, dọc các phố Hàng Đào, Hàng Ngang, Đồng Xuân, Hàng Gai, Hàng Bông, Hàng Trống... Chương trình được mở đầu bằng câu: "Đây là buổi phát thanh của Sở Tuyên truyền Văn nghệ Hà Nội". Trạm này chính là tiền thân của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội và ngày đưa Trạm Truyền thanh này vào hoạt động 14.10.1954 đã được coi là ngày thành lập đài.

Hình thức thông tin thứ hai là hoạt động của các đội Tuyên truyền Văn nghệ xung kích - sự nối tiếp và nâng cao của Đội Tuyên truyền xung phong trước đây. Đội thực hiện phương thức tổng hợp: diễn thuyết, phổ biến và giải thích chính sách, kể chuyện triển lãm tranh, ảnh cổ động. Có những buổi đội trực tiếp hướng dẫn quần chúng hát các bài ca cách mạng hoặc múa tập thể.

Địa bàn có thể ở bất cứ đâu: ngã ba, ngã tư đường phố, quảng trường, công viên, chợ, nhà ga, bến xe, trong sân trường học, xí nghiệp, sân đình, trên đê, bên bờ sông...

Đội có thể hoạt động bất cứ lúc nào: sáng, trưa, chiều, tối, vào giờ nghỉ giải lao, giữa ca, giờ ra chơi...

Ở nơi nào hoạt động này cũng thu hút được đông đảo quần chúng. Dùng văn nghệ để lôi cuốn, tập hợp người xem, xen kẽ vào đó là phát các bản tin, bài viết, nói chuyện, kể chuyện...

Nhiều anh chị em tham gia các xe phát thanh lưu động, Đội Tuyên truyền văn nghệ xung kích sau trở thành phát thanh viên, biên tập viên, ca sĩ, nhạc sĩ, văn nghệ

sĩ của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội, của Sở Văn hoá - Thông tin và các đoàn văn công Nhà nước.

Hình thức thông tin - triển lãm được coi trọng. Ngoài Nhà Thông tin - triển lãm ở Thuỷ Tạ, Sở Tuyên truyền văn nghệ đã khôi phục lại Nhà Thông tin Tràng Tiền, các Phòng Thông tin khu vực ở phố Hàng Buồm, ga Hàng Cỏ và thị trấn Gia Lâm.

Tại đây, có dán các báo hằng ngày, báo tuần, các thông tin của chính quyền thành phố và các quận, các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các ảnh thời sự, hoạ báo. Thời kì đầu còn có cả sách xuất bản ở chiến khu Việt Bắc và vùng tự do Khu IV, để cho mọi người xem, một thời gian sau sách chuyển về thư viện.

Để đáp ứng yêu cầu của thời kì mới, tháng 9.1955, Thành uỷ quyết định chuyển Sở Tuyên truyền văn nghệ thành *Sở Văn hoá*, dời trụ sở từ Nhà Khai trí tiến đức góc phố Hàng Trống - Lê Thái Tổ về số 47 phố Hàng Dầu vốn là Nha Nông lâm thời Pháp thuộc. Trạm Truyền thanh ở Thuỷ Tạ chuyển về Nhà Thông tin số 45 phố Tràng Tiền từ tháng 2.1955, nay cũng đưa về đây để tiện xây dựng cơ sở vật chất như phòng bá âm, trạm tăng âm và nâng cấp thành Đài Truyền thanh Hà Nội. Nhờ sự giúp đỡ trang thiết bị của Liên Xô, tới đầu năm 1956, Đài đã có 2 máy tăng âm 5000W với hệ thống đường dây dài 85km. Phía đông tới chợ Mơ, ra quận VII (Thanh Trì), phía tây ra quận VI (Từ Liêm), phía nam tới Ngã Tư Sở, phía bắc vượt cầu Long Biên sang thị trấn Gia Lâm - quận VIII. Tất cả đã có 438 loa, trong đó có 32 loa lớn 10W và 25W đặt ở nơi công cộng, còn lại là loa nhỏ đưa vào các nhà tập thể.

Hằng ngày, đài phát thanh ba chương trình: sáng, trưa, tối với câu mở đầu: "Đây là Đài Truyền thanh Hà Nội". Lúc này, đài vẫn trực thuộc Sở Văn hoá. Về tổ chức, có hai phòng nghiệp vụ là phòng biên tập truyền thanh và phòng kĩ thuật truyền thanh.

Cuối năm 1959, đài đã trưởng thành, có đủ cơ sở vật chất ban đầu của một cơ quan "báo nói", nên được Thành uỷ cho tách khỏi Sở Văn hoá thành cơ quan ngôn luận dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ.

Sau một năm hoạt động độc lập, đài đã có những bước tiến cơ bản. Mỗi khi trên loa nổi lên giai điệu bản nhạc "Người Hà Nội" quen thuộc là người nghe nhận ra đó là nhạc hiệu của Đài Truyền thanh Hà Nội.

Chương trình phát thanh dần dần được ổn định hằng ngày.

Đài còn tiếp âm các chương trình thời sự và chương trình Quân đội nhân dân, sân khấu của Đài Tiếng nói Việt Nam; tiếp âm bản tin tiếng Việt của các đài bạn: Mạc Tư Khoa, Bắc Kinh qua dây truyền âm của Đài Tiếng nói Việt Nam. Ngoài ra, đài đã thực hiện các buổi phát thanh tường thuật tại chỗ. Buổi đầu tiên là phát đi vụ xử án tên gián điệp Trần Minh Châu tức Cập, tại Câu lạc bộ Lao động (7.1959). Sau đó là tường thuật tại chỗ các buổi mít tinh lớn, biểu tình, tuần hành phản đối Mỹ - Diệm gây tội ác ở Miền Nam, các cuộc diễu hành - duyệt binh ngày Quốc khánh...

Thời kì này, đài đã có 285,5km đường dây với 3.075 loa các loại. Tiếng nói của Đài

Truyền thanh Hà Nội trở thành thân thuộc với số đông quần chúng, nhất là với nông dân ngoại thành và đồng bào ở các khu lao động, khu tập thể ít có điều kiện đọc báo hằng ngày.

Chương trình phát thanh của đài không chỉ biểu dương, ca ngợi những cá nhân và tập thể tiên tiến, mà còn bắt đầu có những tin, bài đóng góp ý kiến xây dựng thủ đô, phê bình việc làm chưa hay của một số nhà máy, cơ quan, khu phố, v.v..

Trong các đợt thành phố có sinh hoạt chính trị lớn như bầu cử Quốc hội, bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, tổng điều tra dân số, cải tiến quản lí xí nghiệp, phát động phong trào "Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ", "Ba xây, ba chống", "Luật hôn nhân - gia đình", "Hiến pháp mới", "Nếp sống văn minh", "Đấu tranh thống nhất", "Kết nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn", các kì Đại hội Đảng, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, v.v.. Đài đã thực sự trở thành công cụ đắc lực của Đảng bộ và chính quyền thành phố, là tiếng nói của quần chúng nhân dân.

Tính chiến đấu và tính quần chúng của Đài Truyền thanh Hà Nội ngày càng được nâng lên. Đã bắt đầu có cơ sở phê bình và tự phê bình thu thanh phát lên đài. Cuộc đấu tranh chống các hủ tục, tập quán lỗi thời, mê tín dị đoan; chống chiến tranh tâm lí của các thế lực thù địch được mở rộng diện và ứng đáp kịp thời.

Là báo nói, đài rất quan tâm đến cách viết sao cho dễ nghe, dễ hiểu, phù hợp với tâm lí đối tượng mà bài phản ánh, đồng thời ngôn ngữ trong sáng, câu ngắn gọn, phát âm giọng Hà Nội, "tròn vành, rõ chữ" làm tiêu chuẩn chính.

Đài còn tổ chức 4 tổ nghe đài để ghi lại ý kiến người nghe khen chê, chỉ ra sai sót, chưa chính xác để kịp thời rút kinh nghiệm, sửa chữa, bổ sung ngay.

Nội dung tin, bài phải làm sao thể hiện được sắc thái địa phương của từng quận, huyện. Sự việc cần nêu cụ thể, tránh nói chung chung.

Phần văn nghệ và ca nhạc đã có cải tiến tốt, tăng cường các thể loại: đọc truyện, kí, sân khấu truyền thanh, kể truyện an ninh, măng non thủ đô. Tiếng nói người Hà Nội... đã góp phần xây dựng đời sống văn hoá lành mạnh, tạo những thời khắc giải trí cho nhân dân.

Tới năm 1963, đài đã tổ chức lại bộ phận biên tập thành 6 tổ chuyên trách.

Số cán bộ, phóng viên, phát thanh viên đã lên tới con số 22. Đài đã thành lập Chi hội nhà báo, đây là Chi hội nhà báo đầu tiên của Hà Nội.

Năm 1964, đài bắt đầu truyền thanh hoá ngoại thành. Bốn huyện Thanh Trì, Từ Liêm, Gia Lâm, Đông Anh lần lượt lập trạm truyền thanh. Đường dây từ các trạm toả dần xuống khắp các xã. Một số xã đã thành lập Trạm Truyền thanh cơ sở. Trạm cấp huyện hình thành dần các bản tin riêng của địa phương. Cả hệ thống truyền thanh ba cấp, ngoài việc phát các chương trình cố định thường xuyên, khi cần thiết còn là công cụ chỉ huy đột xuất của chính quyền cùng cấp. Đài đã mở những buổi phát thanh đặc biệt thông báo các tin khẩn thiết như chống bão lụt, thiên tai, truyền đạt các mệnh lệnh của thành phố. Các trạm truyền thanh xã, ngoài phần đưa tin còn

là tiếng nói điều hành, chỉ huy sản xuất của ban chủ nhiệm hợp tác xã.

Nhiều xí nghiệp, công trường, hợp tác xã thủ công, trường học cũng tự xây dựng hệ thống truyền thanh của mình. Chương trình của đài cơ sở này, ngoài phần tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền thanh Hà Nội, còn có buổi phát thanh riêng vừa đưa tin, vừa phát các chương trình văn nghệ quần chúng ở cơ sở, vừa là công cụ chỉ đạo, quản lí, điều hành của lãnh đạo chính quyền cơ sở.

Đây là tiền đề để từ năm 1965, hệ thống truyền thanh ba cấp của thành phố đã phục vụ đắc lực công tác phòng không, báo động, chỉ huy phòng tránh và chiến đấu, truyền tin chiến thắng, khắc phục hậu quả trong suốt hai đợt chiến tranh leo thang, ném bom Thủ đô của đế quốc Mỹ, mà cao điểm là 12 ngày đêm đánh trả cuộc tiến công chiến lược bằng B52 trên bầu trời Hà Nội cuối năm 1972.

Để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, từ cuối năm 1964, Đài Truyền thanh Hà Nội đã nối cáp tín hiệu với hai trụ sở chỉ huy phòng không của thành phố mang kí hiệu N1 và N2. Với hai máy nói tự động trực tuyến, bất kể lúc nào, ngay khi hệ thống truyền thanh đang phát, người chỉ huy phòng không nhấc micrô, lập tức chương trình ngừng ngay để truyền lệnh của Hội đồng phòng không, không chậm một giây. Thông báo xong đặt micrô xuống, chương trình phát thanh thường lệ lại tiếp tục.

Ngoài ra, sau những trận ném bom đầu tiên của máy bay Mỹ vào Hà Nội (6.1966), đài đã tăng cường khả năng an toàn cho các trạm máy, di chuyển các trạm máy của huyện ra xa trọng điểm, xây dựng thêm hàng trăm kilômét đường dây vòng tránh, đầu nối với các tuyến dây ngoại thành để có thể hỗ trợ nhau khi bị bom cắt đứt. Đài đã trực tiếp ghi âm tiếng còi báo động, báo an từ Nhà hát Lớn, chuẩn bị sẵn nội dung thông báo theo sự chỉ đạo của Hội đồng phòng không nhân dân thành phố.

Ngày 26.5.1965, tiếng còi báo động phòng không lần đầu tiên phát ra trên hệ thống truyền thanh Hà Nội.

Chuyển sang thời chiến, đài đã kịp thời cải tiến nội dung và nghiệp vụ biên tập đáp ứng yêu cầu của tình hình mới: vừa cổ vũ nhân dân đẩy mạnh sản xuất, tăng cường chi viện cho tiền tuyến; vừa làm tốt công tác sơ tán, phòng không, sẵn sàng chiến đấu đánh trả máy bay địch xâm phạm vùng trời thủ đô.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch "mỗi người làm việc bằng hai", các phóng viên của đài đã bám sát cơ sở, điển hình tiên tiến, cá nhân tiên tiến đưa tin bài biểu dương người tốt, nêu bài học kinh nghiệm, góp phần thúc đẩy phong trào. Đài đã phát hiện sớm phong trào "Ngày thứ bảy đẩy mạnh sản xuất, đấu tranh thống nhất nước nhà" xuất phát từ Nhà máy Xe lửa Gia Lâm, nâng cao chất lượng chuyên mục "Vì Miền Nam ruột thịt", phản ánh sâu sắc tâm tư, nguyện vọng, tình cảm và những việc làm thiết thực của công nhân lao động, nông dân Thủ đô hướng về Sài Gòn - Huế, anh em kết nghĩa, về Miền Nam ruột thịt thành đồng Tổ quốc.

Đài mở thêm chương trình *câu chuyện thời sự chủ nhật* nhằm tập trung vạch trần

âm mưu xâm lược và tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ, đồng thời kể chuyện về những chiến thắng lớn của quân dân hai miền Nam, Bắc.

Các chuyên mục: *dân quân, tự vệ Thủ đô, chiến sĩ sao vuông kể chuyện, tuổi trẻ thủ đô ba sẵn sàng, phụ nữ ba đảm đang, tay cày, tay súng, nhà máy công trường thủ đô, an ninh thủ đô, văn hoá và đời sống, v.v..* cho đến các mục: *ý kiến bạn nghe đài, bạn nghe đài cần biết* đều viết ngắn gọn hơn, sôi nổi, khẩn trương hơn, tính cổ vũ động viên cùng với lượng thông tin được tăng cường.

Chiến sự xảy ra ở đâu, lập tức có mặt phóng viên ngay, viết bài tố cáo tội ác của địch, ca ngợi những tấm gương chiến đấu dũng cảm, vận động bà con khắc phục hậu quả, đùm bọc lẫn nhau.

Từ chỗ ban đầu chỉ thực hiện lệnh báo động và báo yên, đài tìm cách truyền tin chiến thắng, ngay sau mỗi trận đánh, nhằm kịp thời động viên, cổ vũ quần chúng nhân dân Thủ đô.

Thế là từ năm 1967, trên hệ thống loa lớn, nhỏ, cứ sau mỗi lần đánh trả địch thắng lợi, tiếng nói đĩnh đạc lại được phát đi từ đài truyền thanh Hà Nội: "*Mời đồng bào và chiến sĩ Thủ đô đón nghe tin chiến thắng chúng tôi vừa nhận được...*" Có lần, giữa trận chiến đấu, trong tiếng đạn pháo cao xạ, tên lửa và cả tiếng máy bay gầm rú, tiếng loa báo tin chiến thắng cũng đã vang lên báo tin nhanh ta vừa bắn rơi máy bay địch, bắt sống giặc lái.

Trong tình hình ấy, tiếng loa quả đã có sức mạnh cổ vũ tinh thần và ý chí của quân dân thủ đô. Không chỉ vậy, các đại sứ quán, cơ quan ngoại giao nước ngoài ở Hà Nội cũng đều quan tâm lắng nghe đài Hà Nội. Một phóng viên hãng thông tấn nước ngoài đã phát biểu: "Còn ngồi trong hầm trú ẩn, tôi đã nghe được tin Đài Hà Nội báo bắn rơi ba máy bay Mỹ". Nhà báo nữ kiêm nghệ sĩ điện ảnh Ba Lan, Êlen-manka đề nghị cho đến đài ghi hình và thu tiếng truyền lệnh báo động và loan tin chiến thắng. Chị phóng viên Ba Lan nói: "*Tôi muốn ca ngợi chất anh hùng của Hà Nội, của Việt Nam chống Mỹ thông qua hình tượng này, nhằm giới thiệu cho bạn bè thế giới hiểu thêm cuộc chiến đấu chính nghĩa của Việt Nam*".

Vào năm 1966, để tăng cường hiệu lực truyền thông, thành phố thành lập Sở Thông tin, bao gồm cả Đài Truyền thanh Hà Nội. Đến tháng 4.1968, Mỹ phải ngừng ném bom Miền Bắc, ngồi vào bàn đàm phán ở Paris, vai trò của Sở Thông tin không còn phù hợp nên năm 1970, thành phố lại sáp nhập Sở Thông tin vào Sở Văn hoá thành Sở Văn hoá - Thông tin, Đài Truyền thanh lại thành cơ quan thuộc Uỷ ban hành chính Hà Nội.

Sau 4 năm phục vụ nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, phục hồi và đẩy mạnh sản xuất, cổ vũ nhân dân thủ đô làm tròn trách nhiệm của hậu phương chi viện cho tiền tuyến lớn, đài vẫn luôn luôn nhắc nhở nhân dân Thủ đô đề cao cảnh giác, sẵn sàng đối phó nếu chiến tranh phá hoại trở lại. Quả nhiên, tháng 4.1972, Mỹ leo thang lần thứ hai, ném bom Miền Bắc với mức độ tàn bạo, chúng đã sử dụng cả pháo đài bay B52 ném bom rải thảm huỷ diệt.

Đài nhanh chóng tăng cường cơ sở vật chất để đảm bảo là công cụ chỉ đạo của Hội đồng Phòng không nhân dân thành phố. Trạm máy trung tâm đổi mới thiết bị, nâng công suất lên gấp ba lần. Ba trạm tăng âm 7.000, 10.000, 30.000W có thể thay thế hoạt động trong mọi tình huống. Máy phát điện từ 20 kW tăng lên 45kW. Lắp đặt thêm một trạm tăng âm dự bị 1.200W ở Đống Đa chuyên phục vụ hệ thống loa phòng không. Đặt tổng số 191 loa lớn ở các nhà ga, bến xe, bến phà, chợ, ngã ba, ngã tư. Tổ chức một đội xung kích bảo vệ đường dây loa gồm 70 người.

Trong tình hình khẩn trương dự báo cuộc tiến công chiến lược bằng B52 của Mỹ vào Thủ đô có thể sắp xảy ra, chiều ngày 18.12.1972, nhóm thường trú tại hầm chỉ huy N2 đã chuẩn bị cấp tốc băng ghi âm mật lệnh của Hội đồng Phòng không.

Đúng 19h40, toàn bộ lưới loa truyền thanh khắp nội ngoại thành vang lên thông báo: - *Đồng bào chú ý! Giặc Mỹ đang thua to, chúng âm mưu đánh phá điên cuồng vào Hà Nội. Hội đồng Phòng không thành phố ra lệnh: khi có báo động mọi người phải xuống hầm trú ẩn, không ai được đi lại, đứng ngồi trên mặt đất.*

Đó chính là mật lệnh thành phố đã phổ biến trước cho Ban chỉ huy Phòng không các cơ sở, để kịp thời báo miệng lại cho nhân dân biết giặc Mỹ sẽ đánh Hà Nội bằng B52.

Liên tiếp trong 5 ngày, từ 18 đến 22.12.1972, B52 của đế quốc Mỹ tàn phá nặng nề huyện Đông Anh và nhiều điểm khác ở nội thành, trong đó có khu An Dương, Bệnh viện Bạch Mai, Nhà máy Điện Yên Phụ. Các phóng viên và công nhân truyền thanh đã dũng cảm có mặt ngay sau khi tiếng bom vừa dứt. Người lấy tin để gửi ngay về đài, người dựng lại cột, kéo lại đường dây, thay loa bị bom phá vỡ. Trong tình hình ấy, đài được phép phát sóng cực ngắn, truyền tín hiệu phòng không tới các trạm truyền thanh huyện từ ngày 22.12. Một sáng kiến mới nảy sinh. Kéo dây đến nơi cách xa những trọng điểm thường bị ném bom liên tục, mắc loa to, hướng theo chiều gió, có chỗ đặt cả chùm 2-3 loa, phát tiếng đi xa khoảng 2-3km, như vậy tránh được thiệt hại và tiếng loa vẫn giữ được, cả khi bom nổ ở trọng điểm.

Sự kiện đáng ghi nhớ là đêm địch ném bom xuống Khâm Thiên: 26.12.1972. Trong khói bom còn chưa tan, phóng viên đã leo qua những đống gạch vụn, xông xáo vào lấy tài liệu, phỏng vấn, thu thanh, phản ánh khí thế hừng hực của đường phố đông dân bị huỷ diệt này. 1 giờ sáng ngày 27.12, đài mở buổi truyền thanh đặc biệt *Khâm Thiên chiến đấu và căm thù* phát đi những tin ban đầu về tình hình Khâm Thiên bị tàn phá và chiến thắng bắn rơi B52, bắt sống giặc lái ngay tại trận, góp phần đề cao tinh thần chiến đấu hào hùng của quân dân thủ đô, ổn định tư tưởng mọi người, hướng dẫn các lực lượng cứu thương cứu sập vào khắc phục hậu quả.

Chỉ vài ngày sau, ca khúc "*Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không*" của nhạc sĩ Phạm Tuyên đã được dàn dựng thu thanh và phát nhiều lần trong các chương trình hằng ngày.

Trong 12 ngày đêm chống lại cuộc không kích bằng B52 của đế quốc Mỹ, Đài đã phát trên 100 lần thông báo về máy bay địch, 64 lần báo động, không một lần trục trặc, ngừng tắc. Mệnh lệnh của Hội đồng Phòng không được truyền đi đầy đủ, kịp thời. Một hãng thông tấn phương Tây đã đưa tin: "Hà Nội có một hệ thống báo động phòng không rất hoàn hảo".

Với thành tích phục vụ chiến đấu và phòng không trong chiến tranh chống Mỹ, Đài Truyền thanh Hà Nội đã được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng ba và Huân chương Chiến công hạng ba.

Trong sự nghiệp của Đài Truyền thanh Hà Nội, có một khoảng thời gian hoạt động sôi nổi và hào hứng nhất, đó là những tháng thông tin liên tục về các chiến công trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Miền Nam mùa xuân năm 1975.

Sau khi Chiến dịch Tây Nguyên mở đầu tại Buôn Mê Thuột thắng lợi, từ ngày 11.3.1975, Đài Truyền thanh Hà Nội coi việc đưa tin chiến sự Miền Nam là hàng đầu.

Ngày 26.3.1975 giải phóng thành phố Huế. Đêm 27, đài phát ngay tin thu thanh cuộc mít tinh của nhân dân thủ đô mừng Huế kết nghĩa hoàn toàn giải phóng, làm cho không khí thành phố sôi động, náo nhiệt hẳn lên. Thế rồi:

15h ngày 29.3.1975, hoàn toàn giải phóng thành phố Đà Nẵng.

5h ngày 1.4, giải phóng thành phố Quy Nhơn.

8h ngày 1.4, giải phóng thị xã Tuy Hoà và toàn tỉnh Phú Yên.

8h ngày 3.4, thành phố biển Nha Trang và tỉnh Khánh Hoà đỏ cờ cách mạng.

5h ngày 4.4 thành phố Đà Lạt đã về ta!

Những tin vừa nhận được từ "đường dây nóng" nối với Phòng Thông tin quân đội được đài sử dụng kịp thời, đưa tin nhanh nhất, đáp ứng lòng mong mỏi, chờ đợi của hàng triệu người dân Thủ đô.

Mỗi lần tiếng loa truyền thanh phát tín hiệu, mọi người đều chú ý lắng nghe, người đang đi trên đường cũng dừng xe, cụm lại dưới những tán loa công cộng:

- Đây là Đài Truyền thanh Hà Nội, mời đồng bào nghe tin chiến thắng Miền Nam mới nhận được...

Sau bản tin nhanh là những tiếng reo hò, vỗ tay, hoà trong khúc nhạc giải phóng Miền Nam hùng tráng vang dậy phố phường. Cả toà soạn làm việc thâu đêm, thu thập tin tức từ các nguồn. Phóng viên toả đi cơ sở ghi nhanh tin, bài về phong trào "Hưởng ứng thi đua với tiền tuyến chiến thắng".

Bộ phận kĩ thuật đường dây mắc thêm loa, kéo thêm dây vào các ngõ xóm lao động, bảo đảm cho tiếng loa rõ, liên tục, không chạm, rè. Công nhân trực 24h/24h để nghe đâu báo đường dây loa có sự cố là đến sửa ngay. Hàng trăm gia đình tới tấp xin mắc loa mới.

Những ngày cuối tháng 4.1975, quân ta đã tiến tới cửa ngõ Sài Gòn, các bản tin của Đài Truyền thanh Hà Nội đều như các buổi phát thanh đặc biệt cả!

Các hoạt động của thành phố hầu như tạm ngừng lại để nghe xong bản tin chiến thắng.

Đêm ngày 29.4.1975, cả Hà Nội không ngủ. Các cán bộ và phóng viên đài cũng trực và làm việc cả đêm. Sự kiện lịch sử vĩ đại đang đến gần.

9h25 ngày 30.4, tổng thống Nguỵ quyền Sài Gòn Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

11h30, cờ cách mạng của Mặt trận giải phóng tung bay trên nóc Phủ Tổng thống ở Sài Gòn. Sài Gòn đã được giải phóng.

Trưa ngày 30.4.1075, hàng trăm loa to, hàng vạn loa gia đình khắp nội, ngoại thành đã liên tiếp truyền tin Miền Nam hoàn toàn giải phóng. Ban biên tập của đài tập trung lại xây dựng ngay chương trình đặc biệt tóm lược những chặng đường chiến đấu và chiến thắng của quân dân ta ở cả hai miền Nam, Bắc trong suốt 30 năm vì sự nghiệp giải phóng tổ quốc thân yêu.

Ngày 1.5, đài tổ chức buổi truyền thanh tại chỗ cuộc mít tinh Kỉ niệm ngày Quốc tế lao động - mừng chiến thắng lớn. Đặc biệt, là thu thanh cuộc mít tinh của 70 vạn nhân dân thủ đô chào mừng thắng lợi vĩ đại của dân tộc vào ngày 15.5.1975.

Qua sự kiện trọng đại này, Đài Truyền thanh Hà Nội đã lớn lên với sức bật mạnh mẽ: cán bộ, phóng viên, phát thanh viên, kĩ thuật viên... đều trưởng thành rõ rệt sau đợt hoạt động thông tin - liên tục trong nhiều ngày với cả tâm trí và sức lực của mỗi người.

Thêm một lần, Đài Truyền thanh Hà Nội khẳng định vị trí của mình trong đời sống văn hoá - thông tin của thủ đô. Một bước củng cố nâng cao để tiến lên thành cơ quan phát thanh và truyền hình - tiếng nói của Thành uỷ, Uỷ ban hành chính và nhân dân thành phố trong giai đoạn mới.

Công tác thông tin trong thời kì chống Mỹ cứu nước ở Hà Nội phát triển phong phú cả về nội dung và hình thức. Từ thời bình chuyển sang thời chiến, yêu cầu thông tin, tuyên truyền được lãnh đạo của thành phố đặc biệt quan tâm. Nửa đầu năm 1966, Sở Thông tin Hà Nội được thành lập, bao gồm cả Đài Truyền thanh, để chỉ đạo và trực tiếp tiến hành các hoạt động thông tin, cổ động cho phù hợp với tình hình mới.

Các tổ chức thông tin cơ sở: khu phố, xã, thôn được thành lập. Các tổ chức ấy đã sử dụng đủ mọi phương tiện thông tin: hiện đại và thô sơ. Có điện dùng máy tăng âm phát ra loa. Đường điện mất do bom đánh dùng loa pin. Vùng sâu, vùng xa dùng loa sắt tây, phát ra từ các chòi phòng không trên chạc cây, như thời Kháng chiến chống Pháp. Tà vẹt cũ, chuông đồng, vỏ bom "xịt" được huy động để gõ lệnh báo động. Đánh liên thanh ba hồi báo động. Đánh một hồi thong thả báo yên.

Tại các tiểu khu, nơi công cộng, thị trấn, trước cổng xí nghiệp, trường học, bến tàu xe, v.v.. mọc lên những *Bảng tin chiến thắng*, một hình thức thông tin công cộng mới.

Hằng ngày, trên bảng ghi vắn tắt nhất tin chiến thắng hai miền. Thí dụ:

Lập công mừng thọ Bác Hồ, ngày 19.5.1967 quân và dân Hà Nội bắn rơi 10 máy bay Mỹ. Đến ngày 22.5, viết tin mới:

Thủ đô Hà Nội đã bắn rơi 100 máy bay giặc Mỹ

Bảng tin được xây gạch, trát phẳng, hoặc đóng bằng gỗ, sơn màu đen hoặc xanh lá cây sẫm, viết phấn hoặc màu nước trắng và màu nhạt.

Đi đến đâu cũng gặp những dòng chữ, những con số thông báo về số máy bay Mỹ bị quân và dân ta bắn rơi trên Miền Bắc, ở thủ đô, và tin chiến thắng miền Nam. Tin thay hằng ngày. Nhiều nơi con số máy bay Mỹ rơi được thay ngay sau khi Đài Truyền thanh Hà Nội đưa tin chiến thắng. Thông tin bằng hình thức này nhanh, gọn, tiếp cận nhiều nhất với quần chúng.

Những bảng thông tin đơn giản này, sau khi Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, thống nhất đất nước, đã chuyển thành các trạm thông tin, bao gồm các hình thức; dán báo hằng ngày (*Nhân dân, Quân đội nhân dân, Hà Nội mới*), các tranh cổ động, tuyên truyền, các khẩu hiệu; niêm yết các thông báo của chính quyền cơ sở và địa phương, các chủ trương, chính sách mới cần phổ biến rộng rãi. Nhiều cơ sở còn có ảnh thời sự của mình thay đổi hằng tuần, hằng tháng, có bảng vàng biểu dương gương "người tốt, việc tốt" hoặc thơ vui phê bình những hiện tượng không lành mạnh trong nếp sống thường ngày. Vào những dịp lễ hội, còn trưng bày báo tường của cơ sở, trạm thông tin trở thành trung tâm cho một cụm thông tin, cổ động với các hình thức phát thanh, văn nghệ phối hợp cũng thu hút đông đảo quần chúng đến xem và nghe.

Nhà Thông tin Tràng Tiền là một điểm hẹn của người Hà Nội quan tâm đến thời cuộc. Khắc phục mọi khó khăn, Nhà Thông tin chuyển giờ mở cửa từ ban ngày sang buổi chiều và buổi tối. Ở đây không chỉ có các loại báo, các bản tin trong nước và thế giới của Việt Nam. Thông tấn xã phát hành ngày ba lần, mà còn có ảnh thời sự Hà Nội, Miền Bắc, Miền Nam, thế giới. Các tin chính, tin quan trọng được viết chữ to để mọi người đến là thấy ngay. Thời kì chiến tranh, mất điện lưới từng lúc, Nhà thông tin đã có ắc quy, đèn măng xông (manchon) thay thế ngay, không để phải ngừng hoạt động. Một máy chiếu phim nhựa 16 li được phát hằng ngày các phim thời sự của trung tâm và của riêng Xưởng Phim thời sự - tài liệu Hà Nội trực thuộc Sở Văn hoá - Thông tin quay ghi hình.

Từng giai đoạn, tại Nhà Thông tin còn có triển lãm phối hợp các hiện vật như "mảnh xác máy bay Mỹ mới bị bắn rơi", bản đồ bay, vũ khí, phương tiện thu được của giặc lái nhảy dù xuống bị tóm cổ.

Hình thức cổ động cổ vũ chiến thắng làm rất kịp thời. Mỗi lần Hà Nội chiến thắng lớn, bắn rơi các máy bay Mỹ thứ 100, 200 trên đất thủ đô, hoặc 1000, 2000 trên Miền Bắc là lập tức thấy xuất hiện trên đỉnh Tháp Rùa ở Hồ Gươm một chùm bóng thám không lớn, kéo lên cao mô hình máy bay Mỹ bốc cháy cùng với tấm phướn đỏ ghi số máy bay địch bị bắn rơi. Ban đêm có đèn pha chiếu hắt vào, chỉ khi có báo động mới tắt.

Vùng đất ven Hồ Gươm trước cửa Sở Văn hoá - Thông tin đã trở thành khu vực Triển lãm ngoài trời. Hàng mấy chục tấm panô, mô hình được lắp ghép tạo nên những khu vực trưng bày ảnh, hiện vật rất đa dạng. Bản đồ chiến sự được căng lớn, hằng ngày có thể bổ sung thêm các mũi tên chỉ hướng tấn công, vùng đất mới giải phóng, đồng thời phối hợp với Cục Quân huấn, cử các sĩ quan quân đội tới nói chuyện trực tiếp, minh hoạ trên bản đồ cho người xem.

Những đợt thông tin lớn như cuộc Tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân (1968), chiến thắng Đường 9 Nam Lào, lễ tang Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969), chiến thắng Hà Nội - Điện Biên Phủ trên không (1972), Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (1975) ở khu vực triển lãm lúc nào cũng đông đảo người Hà Nội và khách qua lại dừng chân, kể cả người nước ngoài.

Ảnh thời sự được phóng to, cùng với các màn hình phim đèn chiếu, phim thời sự tài liệu luôn tạo không khí sôi động và sức thu hút, lôi cuốn quần chúng.

Người Hà Nội sống trong những năm tháng hào hùng này, còn nhớ mãi một sự kiện đáng ghi. Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mất, một bức chân dung của Bác lớn gần 100m^2 vẽ sơn dầu đã được các hoạ sĩ Sở Văn hoá - Thông tin do hoạ sĩ Văn Chúc thiết kế, làm việc khẩn trương ngày đêm không biết mệt mỏi để kịp thời hoàn thành cho máy bay trực thăng cẩu lên đặt trên giàn sắt tại nóc nhà Ngân hàng Trung ương, đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân luôn được ngắm nhìn Bác.

Bức chân dung này đã trở thành quen thuộc với đồng bào thủ đô và cả nước trong hơn 20 năm. Hằng năm, vì mưa nắng, bức chân dung này vẫn phải vẽ lại. Cho đến năm 1991 vì trọng tải của bộ giàn, khung sắt và ảnh hưởng của các trận bão lớn làm gẫy nứt vòm mái nhà Ngân hàng, nên Uỷ ban nhân dân thành phố đã cho tháo gỡ và đưa bức chân dung Bác Hồ về lưu giữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Từ năm 1974, hình thức "Tuyên truyền xung phong" xưa được phục hồi bằng phương thức đa dạng hơn, phong phú hơn với tên gọi Đội Thông tin lưu động - một tổ chức thông tin chuyên nghiệp do Sở Văn hoá - Thông tin thành phố chỉ đạo. Đội gồm 10-12 người, hoạt động với ba phương thức: tuyên truyền miệng, tuyên truyền bằng trực quan, tuyên truyền bằng văn nghệ, cổ động. Ba phương thức này đan xen với nhau trong một chương trình kéo dài từ 45 phút đến 1 giờ, chuyển tải một chủ đề nội dung nhất định.

Đội ra quân với chương trình xây dựng "nếp sống văn minh", "sinh đẻ có kế hoạch", "phục vụ sản xuất nông nghiệp và tổ chức quản lí hợp tác xã nông nghiệp ở ngoại thành" bằng một ô tô chuyên chở cả người và các phương tiện âm thanh, ánh sáng, đạo cụ... Đội đã đến các xã ngoại thành, nhất là ở các huyện ở xa trung tâm, tổ chức trình diễn vào buổi tối, được quần chúng hoan nghênh... Các cuộc nói chuyện, các phần triển lãm bằng tranh, ảnh với hình thức quay, lật, chiếu đèn, chiếu phim cùng với các bài ca, hoạt cảnh, tiểu phẩm ngắn đã góp phần nhất định vào công cuộc

giáo dục tư tưởng, phổ biến kiến thức, tuyên truyền chủ trương đường lối của Đảng một cách dễ tiếp thu nhất.

Năm 1975, Đội Thông tin lưu động đã lên công trường đê Sông Đáy, đoạn đê do Hà Nội phụ trách thi công, kéo dài gần 20km từ cầu Mai Lĩnh đến xã Phương Trung (Chuông) huyện Thanh Oai thuộc tỉnh Hà Sơn Bình. Anh chị em trong đội cùng dầm mưa dãi nắng bên các đội dân công, để viết tin, bài, xây dựng chương trình ngay tại công trường rồi đi lưu động dọc tuyến đê phục vụ trong các giờ nghỉ giải lao, các tối sơ kết thi đua ở các đội.

Vừa thông tin tuyên truyền, vừa góp phần giải trí cho quần chúng tham gia đắp đê cũng như đồng bào sở tại, Đội Thông tin lưu động đã thực sự có tác dụng đoàn kết, thúc đẩy, cổ vũ phong trào thi đua đắp đê hoàn thành đúng kế hoạch, trước thời hạn, nên đã được thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen.

Công trình đê vừa kết thúc thì Chiến dịch Hồ Chí Minh vào giai đoạn toàn thắng, đội đã chuyển ngay nội dung sang tuyên truyền chiến thắng, bám sát từng ngày diễn biến cuộc chiến, đưa tin đến với đồng bào thủ đô.

Năm 1976, đội tham gia tích cực cuộc vận động đồng bào đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Lâm Đồng. Đây là một nhiệm vụ đột xuất, quan trọng của thành phố. Để có thực tế nhằm xây dựng chương trình cho tốt, có sức thuyết phục được quần chúng, Đội Thông tin lưu động Hà Nội đã theo đội khảo sát vào tận Nam Ban - Lán Tranh, rồi cùng ở với các đội tiền trạm dựng lều lán, nhà cửa ban đầu đón người vào, tìm hiểu tâm lí quần chúng và qua đó sáng tác nên nhiều hoạt cảnh chèo. Các chương trình của Đội Thông tin lưu động đi từ bước đầu vận động người đi, di dân khai hoang làm giàu đất nước, xoá cảnh đói nghèo, đội lại vào trong đó nhiều đợt để tiếp tục phục vụ, kéo dài hàng chục năm sau. Cùng với Đội Thông tin lưu động chuyên nghiệp cấp thành phố, sau đó ở tất cả các huyện ngoại thành đều thành lập Đội Thông tin lưu động cấp huyện.

Cho tới những năm đầu của công cuộc đổi mới, do sự bùng nổ các phương tiện thông tin hiện đại, điện về làng xóm, hoạt động của Đội Thông tin lưu động mới thu hẹp dần.

Về thông tin kinh tế, ngay sau khi giải phóng Thủ đô, các Hội chợ - triển lãm đã được tổ chức tại Hà Nội. Từ Hội chợ - triển lãm hàng thủ công nghiệp tại phố Cát Linh (1958), Triển lãm tại phố Yết Kiêu đến xây dựng khu Hội chợ - triển lãm ở Vân Hồ, v.v.. nổi lên nhất là triển lãm có quy mô lớn nhân dịp kỉ niệm 10 năm giải phóng Thủ đô tại Vân Hồ (1964). Triển lãm này đã vinh dự được Bác Hồ đến thăm. Sau đó đến Triển lãm - hội chợ "Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà 25 năm chiến đấu và xây dựng" (1970).

Hà Nội không có khu triển lãm - hội chợ riêng của thành phố, mà về cơ sở vật chất đều do Bộ Văn hoá - Thông tin quản lí.

Nhà triển lãm số 93 phố Đinh Tiên Hoàng thuộc Sở Văn hoá - Thông tin, không

đủ sức chứa để trưng bày và bán sản phẩm kinh tế, cho nên các Hội chợ - triển lãm thường là Hà Nội phối hợp với các trung tâm và các ngành để tổ chức.

Tới nay có nhiều điểm mở Hội chợ - triển lãm kinh tế, như Trung tâm Hội chợ - triển lãm Giảng Võ, Trung tâm Triển lãm văn hoá - nghệ thuật Vân Hồ, Hội chợ triển lãm nông nghiệp ở đường Hoàng Quốc Việt, Cung Văn hoá Hữu nghị ở đường Trần Hưng Đạo.

Tại các hội chợ đều trưng bày bán các sản phẩm chuyên ngành, tổng hợp đến các hàng hoá chất lượng cao. Đồng thời còn có sự tham của các tổ chức liên doanh, của các công ti nước ngoài, ngày một nhiều.

Thông tin kinh tế đã trở thành một nhu cầu cao đối với nhà sản xuất và cả với quảng đại người tiêu dùng. Qua Hội chợ - triển lãm, người ta không chỉ giới thiệu và tiêu thụ hàng hoá mà còn mở ra nhiều mối giao dịch, liên kết giữa các công ti trong và ngoài nước, môi giới cho các đầu tư nước ngoài vào Hà Nội nhiều hơn.

Cũng trong dịp Hội chợ - triển lãm này, nhiều cuộc hội thảo trao đổi tìm hiểu bạn hàng, kí kết hợp đồng và xét tặng huy chương cho các sản phẩm chất lượng cao đã được tiến hành.

Hình thức thông tin kinh tế bằng các Hội chợ - triển lãm ở Hà Nội đã trở thành thường lệ, quen thuộc, được sự hưởng ứng tham gia đông đảo của các đơn vị, cơ sở sản xuất và người tiêu dùng.

CHƯƠNG II

THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

1. Đài tiếng nói Việt Nam

Về báo chí cách mạng phát sóng điện tử, Đài Tiếng nói Việt Nam ra đời sớm nhất ở nước ta, cũng như ở Hà Nội.

Trên cơ sở tiếp thu Sở Vô tuyến viễn thông với Đài Phát sóng Bạch Mai và Trung tâm Thụ tín ở số 4 phố Phạm Ngũ Lão của thực dân Pháp để lại, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, cán bộ và công nhân ta đã kịp thời nắm bắt kĩ thuật, sửa chữa, khôi phục lại các cơ sở này.

Trước ngày 2.9.1945, Đài Phát sóng Bạch Mai đã có máy phát sóng ngắn 19-25-31 và 41-49m; công suất nhỏ nhất là 100W, lớn nhất là 1kW. Một số máy 300W được đưa về số 4 phố Đinh Lễ để thực hiện truyền thử cuộc mít tinh lịch sử ở Quảng trường Ba Đình về bằng dây trần. Số 4 phố Đinh Lễ trở thành trụ sở của Ban Biên tập, còn phòng thu đặt ở số 4 phố Phạm Ngũ Lão. Hai phát thanh viên được thử nghiệm tường thuật tại chỗ lễ Tuyên ngôn độc lập là Nguyễn Thơ và Minh Lý. Cuộc thử nghiệm đã đạt yêu cầu.

Sau đó 5 ngày, ngày 7.9.1945, *Đài Tiếng nói Việt Nam* chào đời cùng với nhạc hiệu là bài "Diệt phát xít" hùng tráng của tác giả Nguyễn Đình Thi, phát sóng từ đài Bạch Mai.

Đúng 11h30, buổi phát thanh bắt đầu. Câu mở đầu *Đây là Đài Tiếng nói Việt Nam, phát thanh từ Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà*... đã vang lên, truyền ra thế giới.

Ba mươi phút phát sóng đầu tiên ấy, trong đó có cả bản "Tuyên ngôn độc lập" của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được ghi vào lịch sử. Hai phát thanh viên đầu tiên của đài là chị Dương Thị Ngân và anh Nguyễn Văn Nhất, giám đốc đài là ông Trần Lâm. Mười sáu ngày sau, ngày 23.9.1945, Pháp gây hấn ở Sài Gòn. Đồng bào Miền Nam nóng lòng chờ lệnh của Trung ương. Đài Tiếng nói Việt Nam cứ một lát lại nói: *Đồng bào hãy chờ, hãy chờ nghe lệnh của Hồ Chủ tịch*. Mãi tới đêm khuya hôm đó, Bác Hồ mới trao cho bộ trưởng Chính phủ lâm thời Cù Huy Cận "Lời kêu gọi đồng bào Nam Bộ" đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp. Chính nhà thơ Huy Cận là người

đọc trực tiếp nhiều lần lời kêu gọi lịch sử ấy trong buổi phát thanh đặc biệt giữa đêm khuya ngày 23.9 bằng tiếng Việt. Đồng thời, nhà văn Nguyễn Đình Thi và Phó Bá Loan được giao nhiệm vụ dịch ra tiếng Pháp và tiếng Anh để phát ngay sau đó. Đây là buổi phát thanh đối ngoại đầu tiên và là những chương trình đọc thẳng trên sóng phát thanh, không thu qua băng của Đài Tiếng nói Việt Nam. Nguyễn Đình Thi đọc bản tiếng Pháp, Phó Bá Loan đọc bản tiếng Anh[1].

Chương trình đặc biệt này chấm dứt vào lúc 2 giờ sáng ngày 24.9. Nội dung đó nêu bật được thiện chí mong muốn hoà bình của Chính phủ ta, tố cáo âm mưu dã tâm của thực dân Pháp thôn tính Nam Bộ một lần nữa, đồng thời phản ánh dư luận từ Bắc chí Nam của đồng bào ta quyết tâm đoàn kết cùng Chính phủ Cụ Hồ giữ vững nền tự do, độc lập mới giành lại.

Trưa ngày 23.10.1946, cán bộ, nhân viên phòng thu thanh của đài số 4 phố Phạm Ngũ Lão, đã vinh dự được đón Bác Hồ tới nói chuyện trực tiếp với đồng bào cả nước qua làn sóng điện, sau khi Người kí Hiệp ước tạm thời với Chính phủ Pháp ngày 14.9.1946.

Kháng chiến toàn quốc, ta cho nổ tung bốn cột ăngten ở Đài Phát sóng Bạch Mai. Đài Tiếng nói Việt Nam chuyển về hang núi Trầm, thuộc huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Đông và tiếp tục phát sóng. Buổi phát sóng đầu tiên ở đây vào ngày 20.12.1946, đã phát đi toàn văn "Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sau đó đưa tin chiến đấu của đồng bào thủ đô, của quân dân cả nước. Đêm giao thừa tết Đinh Hợi (1947), Bác Hồ đã đến đài ở hang Trầm đọc lời chúc tết đồng bào.

Đầu tháng 3.1947, Pháp đưa quân ra định đánh úp đài. Ta biết trước nên đã rút về huyện Quốc Oai, sau đó vận chuyển máy móc lên chiến khu Việt Bắc. Thực dân Pháp tìm mọi cách dò sóng để cho máy bay ném bom tiêu diệt đài. Suốt 8 năm kháng chiến, Đài Tiếng nói Việt Nam phải di chuyển hàng chục lần qua các tỉnh Tuyên Quang, Bắc Kạn, có lúc lên giáp biên giới Việt - Trung.

Ngày 10.10.1954, đài phát sóng từ xã Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây, đưa tin giải phóng Thủ đô. Mười ngày sau, ngày 20.10.1954, Tiếng nói Việt Nam mới lại cất lên từ Hà Nội, phát sóng ở cơ sở Bưu điện Viễn thông phố Ông Ích Khiêm. Sau đó gần một năm, mới đưa máy về 128C phố Đại La, khôi phục lại đài phát sóng cũ, khánh thành tháng 8.1955.

Phòng Thu thanh và Ban Biên tập tiếp quản trụ sở Đài Con Nhạn của địch, ở số 56-58 phố Quán Sứ. Nay là trụ sở chính của đài.

Tháng 10.1955, với sự giúp đỡ của Chính phủ Liên Xô, ta khởi công xây dựng Đài Phát sóng Mễ Trì. Sau ba năm, ngày 6.9.1958, Đài Mễ Trì được khánh thành và đưa vào sử dụng với máy phát sóng trung 150kW. Năm 1972, đài được trang bị máy phát

---

1. Theo Triệu Xuân trong bài "*Nguyễn Đình Thi, một trong những phóng viên đầu tiên*" - đặc san 50 năm Tiếng nói Việt Nam, 8.1995.

công suất 1000kW. Cũng năm 1958, Đài Tiếng nói Việt Nam thành lập Trung tâm Bá âm ở số 39 phố Bà Triệu, làm chức năng ghi âm và truyền tín hiệu bằng cáp ngầm đến Đài Phát sóng Bạch Mai.

Cũng cần nói thêm, trong thời gian từ năm 1960 đến năm 1964, có một đài phát thanh nữa được đặt tại số 6A phố Yên Phụ Hà Nội. Đó là Đài Phát thanh Giải phóng, còn gọi là Đài Giải phóng A vì có Đài Giải phóng B ở vùng căn cứ kháng chiến Miền Nam. Cuối năm 1964, đài chuyển vào Nam Đàn, Nghệ An cho gần hơn.

Về tổ chức: Sau Ngày giải phóng Thủ đô, Chính phủ thành lập Bộ Văn hoá (20.5.1955) giải thể Nha thông tin, thành lập Thông tấn xã Việt Nam (TTX). Thông tấn xã kiêm cả biên tập hai bản tin thông tấn: bằng tiếng Anh VNA (Vietnam News Agency) và bằng tiếng Pháp AIV (Agence d'information du Vietnam), trước đây do Đài Tiếng nói Việt Nam phụ trách.

Sau đó, đài chuyển thành Cục Truyền thanh, trực thuộc Phủ Thủ tướng, rồi trực thuộc thủ tướng Chính phủ, quản lí cả biên tập, kĩ thuật âm thanh và kĩ thuật phát sóng. Năm 1962, phần phát sóng chuyển giao cho Tổng cục Bưu điện, Đài Tiếng nói Việt Nam trực thuộc Hội đồng Chính phủ. Đến năm 1967, thấy sự phối hợp giữa lập chương trình và phát sóng phải được thống nhất chỉ huy, nên lại chuyển giao hệ phát sóng cho đài quản lí, bằng việc lập Cục Kĩ thuật phát thanh trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam.

Năm 1971, thành lập Ban Truyền hình trực thuộc đài, sau mới tách ra thành Đài Truyền hình Việt Nam.

Năm 1977, cả hai Đài Tiếng nói Việt Nam và Truyền hình Việt Nam nằm trong Uỷ ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam. Cho đến năm 1987, Uỷ ban giải thể, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam và Thông tấn xã Việt Nam là ba cơ quan độc lập trực thuộc Chính phủ.

Sau khi đưa Đài Phát thanh Mễ Trì vào hoạt động (năm 1958), nhờ có máy phát sóng trung 150kW, chương trình Tiếng nói Việt Nam phủ sóng khắp Bắc Bộ và cả Khu IV cũng nghe tốt. Trong bán kính 30km có thể nghe Đài Tiếng nói Việt Nam bằng máy ga-len do dân tự tạo đơn giản, rẻ tiền, phù hợp với điều kiện kinh tế. Chỉ cần có cột ăngten cao bằng cả một cây tre. Vào thời điểm này, đài thu bán dẫn còn là của hiếm, đắt tiền, khó mua; đài điện không dùng được vì ở nông thôn chưa có điện. Cho nên máy ga-len phát triển rất mạnh. Nhà nhà làm máy ga-len, làng làng làm máy ga-len. Đã có cả một cuộc thi làm máy ga-len được nhiều người hưởng ứng.

Trong hai đợt đế quốc Mỹ leo thang gây chiến tranh phá hoại Miền Bắc và ném bom đánh phá Hà Nội, trụ sở Đài Tiếng nói Việt Nam ở số 58 phố Quán Sứ, Trung tâm Bá âm ở số 39 phố Bà Triệu và các Đài Phát sóng Bạch Mai (số 128 phố Đại La), Mễ Trì đều là những mục tiêu của máy bay Mỹ.

Tai hại nhất là trong đợt 12 ngày đêm đế quốc Mỹ đã dùng pháo đài bay B52 ném bom huỷ diệt cuối năm 1972. Đêm ngày 23.12.1972, cả hai Đài Phát sóng Bạch Mai

và Mễ Trì đều bị trúng bom Mỹ. Địch đã tưởng phá huỷ được hai cơ sở phát sóng vào loại hiện đại nhất ở Đông Nam Á này, hẳn "bịt miệng Hà Nội" thành công. Nhưng nhờ có sự chuẩn bị chu đáo từ trước, lập thêm nhiều trạm phát sóng dự phòng, nên chỉ 9 phút sau, "Tiếng nói Việt Nam" đã lại đĩnh đạc lên tiếng, tố cáo tội ác man rợ của đế quốc Mỹ đem bom đạn tàn sát dân thường ở Hà Nội, Hải Phòng. Trưa hôm sau, ngày 24.12, sóng trung 500kW đã phát tiếp, đồng thời phát sóng cả tại 39 phố Bà Triệu.

Ngày 19.5.1974, Đài Phát sóng Mễ Trì đã hoạt động trở lại, có thêm nhiều máy phát sóng ngắn 50kW từ các điểm dự phòng đưa về.

Ta còn xây dựng Đài Phát sóng ở Ba Vì - lúc ấy thuộc ngoại thành Hà Nội - với hai máy phát sóng trung 500kW và máy phát sóng ngắn 100kW, đưa vào khai thác giữa năm 1978, tăng cường đáng kể cơ sở vật chất - kĩ thuật cho đài. Nội dung chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam cũng ngày càng phong phú và nâng cao chất lượng.

Nếu như tới đầu những năm 60 thế kỉ XX, đài chỉ có khoảng hơn 10 loại chương trình, thì đến cuối những năm 80 đã có gấp ba lần số chương trình chuyên đề, nhưng vẫn chủ yếu phát trên hệ 1. Ngoài các chương trình cũ như *thời sự, nông thôn, công nhân, văn hoá - xã hội, thanh niên, thiếu niên - nhi đồng, quân đội nhân dân, phụ nữ, an ninh tổ quốc, tiếng thơ, câu chuyện đêm khuya, câu chuyện truyền thanh, ca nhạc, sân khấu truyền thanh...* đã mở thêm các buổi phát thanh: *câu lạc bộ người cao tuổi, kinh tế tổng hợp, nhà nước và pháp luật, du lịch, tài nguyên - môi trường - dân số, tạp chí truyền thanh, ca nhạc theo yêu cầu, nói chuyện với bạn nghe đài, thông tin kinh tế* (sau là mục quảng cáo và nhắn tin)...

Từ tháng 1.1990, thời lượng phát sóng đã tăng từ 13 tiếng rưỡi lên 19 tiếng mỗi ngày. Tới ngày 7.9.1990, chính thức phát sóng chương trình âm nhạc và tin tức trên sóng cực ngắn FM, tần số 100MHz với thời lượng 8 tiếng/ngày. Tháng 2.1992 tăng lên 16 tiếng và từ ngày 1.1.1995 phát 24 tiếng/ngày và được truyền dẫn vào thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 1.7.1994, Đài Tiếng nói Việt Nam thực hiện chương trình đổi mới, tiếp tục đa dạng hoá thông tin, bảo đảm tính toàn quốc, áp dụng công nghệ đặc trưng trong sản xuất các chương trình phát thanh thu băng và chương trình phát thanh trực tiếp. Các chương trình được phát song song trên hai hệ VOV1 (thời sự tổng hợp), VOV2 (văn hoá và đời sống) phát trên 5 kênh cho người nghe trong nước. Tới năm 2004, đài có thêm hệ VOV3 (các chương trình thông tin âm nhạc - giải trí) phát sóng FM và VOV4 là hệ phát thanh tiếng dân tộc.

Hệ VOV4 ngày càng tăng cường các chương trình phục vụ đồng bào các dân tộc thiểu số; phát sóng ở Sơn La, Đắc Lắk và thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 1.4.1990 đến nay mở các chương trình phát thanh tiếng H'mông, tiếng Khơme Nam Bộ, tiếng Êđê, tiếng Giarai, tiếng Bana, tiếng Thái, K'Ho, Xơ Đăng và Chăm.

Về hệ chương trình đối ngoại, Đài Truyền hình Việt Nam đã tăng lên 11 ngữ: Anh, Pháp, Nhật, Bắc Kinh, Quảng Đông, Lào, Campuchia, Thái, Inđônêxia, Nga, Tây Ban Nha.

Ngoài ra, còn kênh phát thanh cho người nước ngoài ở Việt Nam, từ ngày 3.9.1998 gọi tắt là VOV5 (Voice of Vietnam) trên sóng FM bằng tiếng Anh và tiếng Pháp. Năm 1999, lên mạng tiếp tiếng Hoa.

Sau năm 1945, đài đã mở ngay buổi phát thanh cho người Việt Nam ở xa Tổ quốc. Quan tâm tới khu vực Bắc Mỹ và vùng Caribê, từ đầu năm 1968, với sự giúp đỡ của Chính phủ Cuba, Đài Tiếng nói Việt Nam đã thành lập một tổ phóng viên thường trú tại La Habana, làm biên tập tại chỗ, phát qua làn sóng của đài bạn, một bản tin tiếng Anh. Nội dung bản tin có tóm tắt chiến sự Việt Nam, bình luận ngắn, đọc danh sách lính Mỹ từ trần (lấy từ báo *Sao* và *Vạch* Thái Bình Dương). Bản tin được phát hằng ngày, mỗi ngày 5 lần, trong thời gian 20 phút. Sau có thêm mục *Phi công Mỹ bị bắn rơi ở Việt Nam nhắn tin về gia đình*, phát mỗi tuần hai lần.

Chương trình này được hoan nghênh đặc biệt, sau 1 tháng chào đời đã nhận được hàng nghìn thư, điện chào mừng, đề nghị từ nhiều bang của Hoa Kỳ, Canada, Thuỵ Điển, Đan Mạch... gửi về Nhà Văn hoá Việt Nam, nơi đặt văn phòng liên lạc của đài ở Praha, thủ đô Tiệp Khắc.

Tới giữa năm 1968, bạn lại yêu cầu ta cho phát trên sóng ngắn FM trong nội địa Cuba một bản tin của đài Tiếng nói Việt Nam bằng tiếng Tây Ban Nha, nội dung có khác đi cho phù hợp với đối tượng Mỹ Latinh.

Nhờ vậy, mà tháng 9.1969, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Ban Biên tập thường trú này đã đưa tin rất nhanh và phản ánh dư luận, tình cảm của nhân dân Châu Mỹ, Bắc Âu đối với Người. Đây cũng là nơi công bố, phân phát các tài liệu và chân dung Bác Hồ cho các cơ quan thông tấn và những người ngưỡng mộ Bác.

Sau khi Miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, tổ thường trú Đài Tiếng nói Việt Nam ở La Habana mới chấm dứt hoạt động. Gần 3000 ngày hoạt động trên nước bạn, tổ thường trú đã sống trong vòng tay nặng tình quốc tế cao cả hiếm có của nhân dân Cuba anh em[1]. Từ ngày 1.1.1995, Đài Tiếng nói Việt Nam mở lại chương trình phát cho khu vực Bắc Mỹ và Caribê bằng tiếng Anh và Tây Ban Nha với thời lượng 3 giờ mỗi ngày, tiếng Việt một giờ mỗi ngày, qua vệ tinh Intexputnhich (Intersputnic).

Cũng cần nhắc đến một số chương trình phát thanh đặc biệt trong thời chiến của Đài Tiếng nói Việt Nam. Đó là các buổi phát thanh binh vận, địch vận, với đối tượng là quân ngụy Sài Gòn (1958-1975), với quân Mỹ (1962-1973), với quân chư hầu Nam Hàn (1964-1973) đã góp phần nhất định vào sự nghiệp giải phóng Miền Nam, thống

1. Lê Tiến. "*Đài Tiếng nói Việt Nam phát sóng sang Mỹ như thế nào?*" in trong đặc san "50 năm tiếng nói Việt Nam", 8.1995.

nhất Tổ quốc. Chính lính Mỹ đã ca tụng Đài Tiếng nói Việt Nam có phát thanh viên Thu Hương "giọng mượt như nhung" làm bao lính Mỹ phải chùng tay súng. Họ mệnh danh cho chị là "Hà Nội Hana" (Hannah). Ngày 3.2.1999 đài ra mắt báo điện tử VOV NEWS cập nhật chính xác các thông tin, phóng sự, bình luận, đánh giá các sự kiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Thông tấn xã Việt Nam

Là em sinh sau, Thông tấn xã Việt Nam và Đài Tiếng nói Việt Nam vốn cùng một mẹ. Sau một tuần ra đời, ngày 15.9.1945, Ban Biên tập Đài Tiếng nói Việt Nam đã lấy hai bản tin tiếng Anh và tiếng Pháp của đài soạn lại thành Bản tin Thông tấn đầu tiên của Việt Nam, đặt tên là VNA (Vietnam News Agency) cho tiếng Anh và AIV (Agence d'Information du Vietnam)[1] cho tiếng Pháp. Bản tin được phát sóng truyền đi bằng kí hiệu "moóc" đầu tiên chính là bản dịch bản *Tuyên ngôn độc lập* mà Hồ Chủ tịch đọc ở Quảng trường Ba Đình lịch sử.

Ngày 15.9.1945 được coi là ngày ra đời của Thông tấn xã Việt Nam.

Qua hơn 50 năm, từ một nhóm cán bộ và ít máy thu phát lạc hậu, Thông tấn xã Việt Nam đã phát triển thành một hãng thông tấn nhà nước ngang tầm với các hãng thông tấn trong khu vực.

Ngày nay, Thông tấn xã Việt Nam có Tổng xã Hà Nội ở số 5 phố Lý Thường Kiệt, có cơ quan đại diện ở thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và 55 phân xã tại các tỉnh, thành phố trong cả nước, gần 20 phân xã ở Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ và bên cạnh Liên hiệp quốc tại Niu Yooc.

Thông tấn xã Việt Nam có quan hệ hợp tác song phương và đa phương với 35 hãng thông tấn và tổ chức báo chí nước ngoài.

Thông tấn xã Việt Nam còn là thành viên của Tổ chức thông tấn không liên kết (NANAP) và là uỷ viên Uỷ ban phối hợp của NANAP, là thành viên của tổ chức Thông tấn Châu Á - Thái Bình Dương (OANA) và là uỷ viên Hội đồng chấp hành của OANA.

Hằng ngày, Thông tấn xã Việt Nam phát hành hàng chục bản tin thông tấn, đưa lên mạng Internet. Bản tin trong nước ra ngày ba kì, tin nhanh ngày hai kì, ngoài ra là tin tham khảo thế giới, tin tham khảo kinh tế, tin thế giới, tin giá cả và thị trường.

Đối ngoại có các bản tin tiếng Anh VNA, tiếng Pháp AVI và tiếng Tây Ban Nha.

Thông tấn xã Việt Nam còn xuất bản khoảng 30 ấn phẩm hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng, trong đó có *Báo ảnh Việt Nam* phát hành từ tháng 10.1954 in bằng nhiều ngữ: Việt, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Lào, Hoa, Nga, Đức, Espéranto. Hai tờ báo hằng ngày bằng tiếng Anh "*Vietnam News*" và bằng tiếng Pháp "*Le Courrier du*

1. Nay đổi là AVI (Agence Vietnamienne d'Information).

Vietnam" (những ấn phẩm báo chí này xin xem thêm ở phần *Báo chí*).

Thông tấn xã Việt Nam còn là cơ quan chụp ảnh, sưu tầm, lưu trữ, phát hành các loại ảnh thông tấn trong và ngoài nước, để phổ biến rộng rãi và cung cấp cho các báo do Phân xã Nhiếp ảnh thực hiện. Mỗi ngày Thông tấn xã Việt Nam phát hành từ vài chục đến vài trăm ảnh thời sự và tư liệu, hằng tháng phát hành hàng nghìn bức ảnh triển lãm cỡ lớn cho các cơ quan, nhà thông tin - triển lãm, nhà bảo tàng, nhà truyền thống của các địa phương.

Phân xã Nhiếp ảnh làm cả phim dương bản cho các hộp hình. Riêng ảnh báo chí mỗi năm phát hành hàng triệu tấm (quy ra cỡ tiêu chuẩn 18x24cm).

Thông tấn xã Việt Nam có quan hệ tiếp nhận, trao đổi, đưa tin ảnh ra thế giới và nhiều hãng thông tấn nước ngoài.

Kho tư liệu của Thông tấn xã Việt Nam có hàng vạn phim ảnh đen trắng và màu, sắp xếp theo chuyên đề, chuyên mục.

Mọi yêu cầu về ảnh đều có thể được Thông tấn xã Việt Nam đáp ứng nhanh chóng.

3. Đài truyền hình Việt Nam

Trong buổi đầu xây dựng, truyền hình là một bộ phận của Đài Tiếng nói Việt Nam. Năm 1968, đài cử 16 cán bộ sang Cuba học và thực tập truyền hình. Đến tháng 4.1969, đoàn này về nước, mang theo hai máy thu hình làm mônitơ, một máy ảnh nhà nghề sửa làm ống kính têlêxin cho giai đoạn thí nghiệm. Liên Xô tặng hai ống supeooticon đã sử dụng. Anh em đã tự tạo hai camera thu hình vừa to kềnh càng, vừa dài, đặt tên là ngựa trời: NT1, NT2 ("Ngựa trời" là tên một loại súng lớn sáng tạo của quân giải phóng Miền Nam). Chính phủ cho 40 vạn rúp mua trang thiết bị. Tháng 5.1970, xe truyền hình lưu động của Ba Lan được đem về và cũng dựng xong cột ăng ten bằng thép cao 60m. Trung tâm ghi hình đặt tạm ở phòng thu nhạc lớn M trong Đài Tiếng nói Việt Nam tại 58 Quán Sứ. Ngày 5.8.1970, tổng diễn tập thành công.

Ngày 7.9.1970, đài thực hiện phát ra mắt chương trình thử nghiệm đầu tiên với 15 phút bản tin thời sự và 30 phút ca nhạc. Tham gia trình diễn có các nghệ sĩ và cộng tác viên của Đài Tiếng nói Việt Nam. Chương trình này còn được phát lại 5 buổi nữa để chiêu đãi bạn bè, cộng tác viên.

Tất cả lao vào chuẩn bị thật kĩ để phát truyền hình ra công chúng. Một "Ban Truyền hình" được chính thức thành lập, trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam.

Chiều 27.1.1971 (ba mươi tết Tân Hợi) tổng duyệt. Đúng giao thừa, buổi phát hình đầu tiên cho công chúng Hà Nội được thực hiện tốt đẹp. Lúc này tivi còn rất ít, phần lớn là đen trắng điện tử của Liên Xô. Bộ Ngoại thương đã cho nhập gấp một số tivi đen trắng của hãng Beryl (Ba Lan) bán cung cấp theo quy chế chặt chẽ. Một số cung cấp cho Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội đặt ở các nơi công cộng, trạm thông tin.

Từ đấy, Truyền hình Việt Nam phát mỗi tuần ba buổi, rồi tăng lên bốn buổi. Nội dung gồm: thời sự, ca nhạc, chiếu phim.

Ngày 16.4.1972, đế quốc Mỹ đem máy bay đánh phá lại Miền Bắc. Bộ phận truyền hình sơ tán máy móc, phải ngừng hoạt động đến ngày 21.1.1973, khi Hiệp định Pari được kí kết mới phát hình trở lại. Nhưng, phải đến khi Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, Truyền hình Việt Nam mới có bước phát triển tiến vọt về trang bị cơ sở kĩ thuật, để đúng ngày Quốc hội thống nhất khai mạc phiên họp đầu tiên ngày 16.6.1976 thì *Đài Truyền hình Việt Nam* chính thức phát hình hằng ngày. Đến năm 1977, Đài Truyền hình Việt Nam trở thành cơ quan độc lập.

Sau hơn mười năm đổi mới, Đài Truyền hình Việt Nam từ chỗ chỉ truyền phát có một kênh, nay đã phát trên 5 hệ:

- *VTV1*, phát trên kênh 9 và phủ sóng qua vệ tinh, nội dung chủ yếu là thời sự, các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, đồng thời cũng có phần ca nhạc và chiếu phim. Mỗi ngày phát sóng từ 5h30 đến 23h30.

- *VTV2*, phát trên kênh 11 và phủ sóng qua vệ tinh, nội dung là những vấn đề khoa học, giáo dục, truyền bá kiến thức, hướng dẫn tự học văn hoá, ngoại ngữ, giới thiệu các nước qua các chương trình du lịch, vòng quanh thế giới, thế giới đó đây,... phát liên tục từ 6h đến 23h.

- *VTV3*, phát trên kênh 22UHF và phủ sóng qua vệ tinh, nội dung chủ yếu là văn hoá - nghệ thuật - thể thao. Thực hiện nhiều chương trình truyền hình trực tiếp các trận bóng đá quốc tế qua vệ tinh, phát trực tiếp các trận đấu trong nước, cầu truyền hình, truyền hình tại chỗ các cuộc mít tinh, các kì họp Quốc hội, các lễ hội quần chúng. Hằng ngày, phát 24 giờ.

- *VTV4* là chương trình dành cho đồng bào ở xa Tổ quốc và đối ngoại, lúc đầu phát từ 0h đến 4h sáng, nay phát cả 24h.

Chỉ riêng phần *tin tức* đã có: *chào buổi sáng, bản tin trong nước, bản tin quốc tế, tin vắn, thời sự, điểm tin trong ngày, thế giới trong ngày, thế giới tuần qua, điểm báo, phóng sự - điều tra, đối thoại, phỏng vấn, chuyên mục cuối tuần,...* gần đây có mục *tiêu điểm* đề cập trực tiếp đến những vấn đề xã hội đang bức xúc, có tính phát hiện và tính chiến đấu cao.

Để hội nhập với khu vực và thế giới, đài mở các chuyên mục: *nhìn ra thế giới, nghiên cứu thế giới, những miền đất lạ, du lịch, thế giới đó đây, hội nhập kinh tế quốc tế,...*

Chuyên mục cho nông thôn đã có tới 5 chương trình: *nông thôn ngày nay, bạn của nhà nông, khuyến nông, cùng với nông dân bàn cách làm giàu, chuyện nhà nông.*

Về kinh tế có: *kinh tế, thương mại, từ sản xuất đến tiêu dùng, quản trị doanh nghiệp, trên mặt trận chống buôn lậu,...*

Thiếu nhi là đối tượng được quan tâm đúng mức với các chương trình: *thiếu nhi,*

góc thiếu nhi, vì trẻ em, khéo tay hay làm, ca nhạc thiếu nhi, những bông hoa nhỏ, hoạt cảnh thiếu nhi, phim hoạt hình.

Giáo dục trên màn ảnh nhỏ góp phần cho các em *ôn tập văn hoá, giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học*; học các *ngoại ngữ*: Anh, Nhật, Nga, Trung Quốc; *dạy cắt may máy, dạy hát, trang nội trợ, tin học.*

Các chương trình về khoa học có: *khoa học và đời sống, khoa học xã hội, phổ biến kiến thức, phim khoa học, dân số và phát triển, vì chất lượng cuộc sống, sức khoẻ cho mọi người, thời trang và cuộc sống, thế giới động vật, sự lựa chọn cho tương lai, công nghệ thông tin, kiến thức thương mại, những sắc màu không gian...*

Bên cạnh đó là các tạp chí truyền hình: *pháp luật, sử - địa, KCT (kĩ thuật công nghệ truyền hình), CKX (chính trị, kinh tế, xã hội), sức khoẻ, gia đình, dư địa chí truyền hình...*

Các đoàn thể, các ngành đều có chuyên mục riêng: *Đảng trong cuộc sống hôm nay, truyền hình quân đội nhân dân, quốc phòng toàn dân, cây cao bóng cả, vì an ninh tổ quốc, an ninh và cuộc sống, an toàn giao thông, nhân đạo, truyền hình thanh niên, phụ nữ...*

Văn hoá - văn nghệ - thể thao là khu vực đông vui nhất trên truyền hình; *Việt Nam đất nước - con người, hương sắc thiên nhiên, tre xanh, chân dung cuộc sống, nghệ thuật kiến trúc, giữ gìn cho muôn đời sau, văn hoá - xã hội, làm quen với nghệ sĩ, tác giả - tác phẩm, chúng tôi nói về chúng tôi, văn học - nghệ thuật, văn nghệ chủ nhật, điện ảnh chiều thứ bảy, đến với bài thơ hay, bài ca không quên, những nốt nhạc xanh, những bài hát hay nhất trong tuần, ca nhạc quốc tế, ca nhạc chọn lọc, kí ức thời gian, bài hát tôi yêu, ca nhạc dân tộc, âm nhạc phổ thông, âm nhạc diễn giải, 24 hình/s, người trong cuộc, dành cho người hâm mộ, phim truyện, phim tài liệu, tìm hiểu nghệ thuật, tiểu phẩm, sân khấu, thể thao, thể thao tuần qua, bình luận bóng đá,...*

Điểm mạnh của VTV là ngày càng có nhiều chuyên mục giao lưu, gặp gỡ với những người thật, việc thật có sức gây xúc động mạnh như: *những ước mơ xanh, người xây tổ ấm, người đương thời, khách mời của chúng tôi, khởi nghiệp, vì người nghèo,...* Bên cạnh đó là luôn có những chương trình truyền hình trực tiếp, cầu truyền hình thực hiện từ 3-4 điểm cách xa nhau, trong những dịp lễ kỉ niệm, hoặc các cuộc thi hoa hậu, thi giọng hát hay như *sao mai điểm hẹn*, các chương trình bóng đá trong nước và quốc tế, v.v..

Chỉ cần kể tên chuyên mục đã thấy sự vận động tích cực của các ban biên tập chuyên đề, của các ban chương trình của VTV1, VTV2, VTV3, VTV4, v.v..

Riêng VTV3 của Truyền hình Việt Nam đã liên tiếp tạo ra những "sân chơi" được đông đảo công chúng hoan nghênh. Từ năm 1996 đến nay, đã lần lượt ra đời các chương trình: *SV 96, bảy sắc cầu vồng, trò chơi liên tỉnh, trò chơi âm nhạc, hành trình văn hoá, chiếc nón kì diệu, ai là triệu phú, hãy chọn giá đúng, làng vui chơi -*

làng ca hát, sóng nước phương Nam, chuyện lạ Việt Nam, vườn cổ tích, kính vạn hoa, đường lên đỉnh Olympia, ở nhà chủ nhật, giờ thứ 9, v.v.. rồi đến các Câu lạc bộ : *bạn yêu nhạc, những người yêu sân khấu, người yêu thơ.* Nhưng cũng có những chương trình kém thành công như: *Tôi 16 tuổi,* hoặc có ý kiến chưa tán thưởng hẳn như; *Từ ánh mắt đến trái tim, gặp nhau và... cười,* sau đổi tên là *gặp nhau cuối tuần.*

Một điều dễ nhận ra là những người thiết kế chương trình trò chơi này, nếu thấy có dấu hiệu nhàm chán là lập tức đóng cửa không ham kéo dài thêm.

Chương trình phim truyện của VTV3, nhất là các phim chiếu trong *văn nghệ chủ nhật, điện ảnh chiều thứ bảy* và *lần đầu chiếu trên màn hình* do các xưởng phim truyện Việt Nam làm theo đơn đặt hàng hoặc do Đài Truyền hình Việt Nam sản xuất đã dần dần chiếm được sự tin yêu của công chúng xem truyền hình cả nước. Nội dung phim đã đi vào cuộc sống đời thường, mang hơi thở thời đại, có chiều sâu tư tưởng. Nghệ thuật thể hiện của diễn viên chân thực, gây được xúc cảm cho người xem. Vai trò của đạo diễn, biên kịch đã có những sáng tạo mới. Nhưng còn sân khấu truyền hình thì chưa thật hấp dẫn. Gần đây, đài mở chương trình *nhà hát truyền hình*, truyền hình trực tiếp những vở diễn cổ điển, dân tộc và tác phẩm hiện đại đã được công chúng đón nhận.

Vào thế kỉ XXI, Đài truyền hình Việt Nam có thêm hệ thống truyền hình cáp VCTV hữu tuyến. Đến nay VCTV đã có 7 kênh chương trình riêng; 4 kênh truyền các chương trình của VTV1,2,3,4 Đài truyền hình Việt Nam; các kênh phát chương trình của Đài truyền hình thành phố Hồ Chí Minh, Đài truyền hình Hà Tây, và 30 kênh thu vệ tinh các đài truyền hình trên thế giới như HBO, ESPN, Discovery, Starsports, Star world, CNN, AXN, CN, BBC World, Cinemax, MTV... với các chương trình chiếu phim truyện, thời sự, tài liệu, văn hoá - du lịch, văn nghệ, ca nhạc, khoa học, giải trí, thể thao, y tế - sức khoẻ, thời trang, ẩm thực.

Với mục tiêu "mang cả thế giới đến ngôi nhà của bạn" Truyền hình cáp Việt Nam đã mở rộng không gian văn hoá nhằm giao lưu với thế giới bên ngoài thêm sống động và phong phú. Để hội nhập quốc tế, thích ứng với thời đại, đài thu nhận cả gió đông và gió tây. Tất nhiên, ban biên tập của đài đã có chọn lựa các chương trình thích ứng, nhưng nhất định vẫn không thể loại trừ hết các tiết mục không phù hợp với truyền thống văn hoá Việt Nam, bạn nghe nhìn cần có bản lĩnh và sức đề kháng để tiếp biến văn hoá mà vẫn bảo vệ được bản sắc dân tộc mình.

Đài còn xuất bản ấn phẩm tạp chí Truyền hình Việt Nam từ tháng 10.1994 ra mỗi tháng 1 kì, đến năm 1997 ra mỗi tháng 2 kì; năm 1998 ra thêm *Tuần báo truyền hình VTV* nhằm phụ trợ cho các chương trình phát sóng và truyền hình cáp VCTV, đăng đầy đủ lịch phát sóng của đài và một số đài địa phương; giới thiệu các nghệ sĩ điện ảnh, các phim mới, các sân chơi trên đài, các cuộc thi đấu thể thao, bóng đá được truyền hình trực tiếp, các cuộc thi hoa hậu, biểu diễn thời trang trong nước và trên thế giới.

Với tuổi ba mươi, Truyền hình Việt Nam đang độ thanh xuân, lực lượng phần lớn là cán bộ, phóng viên, biên tập viên, phát thanh viên khá trẻ, năng động, sáng tạo, có trình độ nghiệp vụ, chắc chắn sẽ tạo bước phát triển mới đầy triển vọng.

Năm 2005, thành lập Đài Truyền hình kĩ thuật số (VTC) của Tổng công ti Truyền thông đa phương tiện Việt Nam, trụ sở ở số 65 phố Lạc Trung, phát sóng qua đầu thu kĩ thuật số. Đài đã phát sóng trên 6 kênh VTC với nhiều chuyên mục phong phú, đồng thời thu vệ tinh chuyển phát hơn 20 chương trình của các đài truyền hình trên thế giới. Ưu điểm của công nghệ truyền thông này là không bị can nhiễu công nghiệp và các bức xạ dưới dạng sóng điện tử, áp dụng kĩ thuật nén - ghép kênh số có thể phát đồng thời nhiều chương trình, hỗ trợ thu di động trên các phương tiện giao thông.

4. Từ truyền thanh đến phát thanh và truyền hình: Đài phát thanh và truyền hình Hà Nội

Sau ngày đất nước thống nhất, Đài Truyền thanh Hà Nội đẩy mạnh củng cố mạng lưới đường dây, phát triển mạnh đưa loa vào gia đình, tháo bỏ dần loa công cộng ở nội thành. Thời gian cao nhất đã đạt tỉ lệ 3 gia đình có một loa truyền thanh.

Sự gắn bó với đài bởi một phần các chương trình đều ít nhiều có quan hệ mật thiết đến cuộc sống đời thường của thời bao cấp. Những thông báo về tem phiếu, về thời gian phân phối, tổ chức căng tin bán các mặt hàng tiêu dùng, về chủ trương chính sách, chế độ mới ban hành của thành phố là không thể thiếu với mọi nhà, mà lúc đó số lượng báo hằng ngày còn ít.

Đầu năm 1978, Thành phố ra quyết định tổ chức lại bộ máy của đài nhằm đủ sức phục vụ sự chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền Thủ đô trong công cuộc xây dựng và bảo vệ trật tự an toàn đô thị. Các trạm truyền thanh huyện được nâng cấp, thành lập Đài Truyền thanh huyện trực thuộc Đài Truyền thanh Hà Nội.

Từ tháng 5.1979, Thành phố bắt đầu điều hành thêm 7 huyện và thị xã Sơn Tây do các tỉnh Hà Sơn Bình, Vĩnh Phúc bàn giao theo chương trình mở rộng Thủ đô lần thứ hai được Quốc hội khoá VI, Kì họp thứ tư phê chuẩn ngày 29.12.1978.

Đài Truyền thanh Hà Nội lại tiếp tục thực hiện truyền thanh hoá ở huyện, thị mới: đầu năm 1980, hệ thống truyền thanh toàn thành phố phát triển trên 2000km đường dây, với hơn 6 vạn loa lớn, nhỏ, 12 đài truyền thanh huyện, thị và 300 trạm truyền thanh cơ sở (xã, phường).

Nhưng hệ thống đường dây càng vươn dài, vươn xa, thì công tác bảo vệ và giữ vững tiếng loa càng khó khăn. Nhiều nơi cột dẫn bằng tre, bằng cây xà cừ, chạy qua vùng đồi gò, ven núi, vượt qua suối, qua sông, chỉ cần va quệt mạnh đã đổ cột, đứt dây, chưa kể lúc mưa dông, bão tố, sự cố xảy ra liên tiếp hết nơi này, nơi kia.

Từ nhân tố ban đầu, đài đã phát sóng cực ngắn truyền tín hiệu phòng không đến các trạm truyền thanh huyện từ cuối năm 1972, nay đài tiếp tục nghiên cứu việc phát sóng và xin thành phố cấp kinh phí đầu tư.

Được sự giúp đỡ của Uỷ ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam, Xí nghiệp Truyền thanh Hà Nội được trang bị phương tiện kĩ thuật và máy phát sóng.

Vào đầu dịp kỉ niệm 23 năm giải phóng Thủ đô và Đài Truyền thanh Hà Nội 23 tuổi, tháng 10.1977, chương trình đầu tiên của Đài Truyền thanh Hà Nội được phát trên sóng AM 570 KHz qua Đài Phát sóng quốc gia Mễ Trì, mở đầu bước chuyển từ truyền thanh đến phát thanh. Trong khi đó, hệ thống truyền thanh vẫn duy trì song song với việc phát sóng.

Ba tháng sau, ngày 6.1.1978, Uỷ ban nhân dân thành phố ra quyết định đổi tên Đài Truyền thanh Hà Nội thành Đài Phát thanh Hà Nội.

Thế là từ đây, bên cạnh Đài Tiếng nói Việt Nam, còn có tiếng nói của Đài Phát thanh Hà Nội cùng phát đi từ thủ đô ra cả nước.

Tổ chức của đài được điều chỉnh lại với 4 ban biên tập: Công thương nghiệp, Nông nghiệp, Nội chính - văn xã, Văn nghệ và Phòng công tác toà soạn, các tổ bạn nghe đài, truyền hình. Về kĩ thuật, có Phòng quản lí kĩ thuật, Thu phát thanh, Truyền thanh cơ sở. Bên cạnh đó, thành lập Xí nghiệp quản lí và khai thác truyền thanh, Xây lắp và sửa chữa truyền thanh cùng với một Trạm vật tư truyền thanh.

Công tác biên tập được tăng cường và dần đi vào nền nếp, chính quy hơn thời chiến. Các tin, bài đều đã tuân thủ quy định về số chữ, các chương trình, tiết mục giữ đúng thời gian được phân công. Phóng viên, biên tập viên nộp bài, tin cho các ban biên tập theo chế độ nghiêm ngặt. Giữa phóng viên, phát thanh viên và công nhân máy phát sóng có quy chế làm việc và bàn giao ca. Bộ phận kĩ thuật đảm bảo quy trình phát thanh, ghi âm, ghi hình thử nghiệm và quan hệ chặt chẽ với Cục Quản lí kĩ thuật phát thanh và Đài Phát sóng Mễ Trì để tránh những sai sót không đáng có.

Đến năm 1984, thời lượng phát thanh của Đài Phát thanh Hà Nội trên sóng 527 MHz đã tới 8 tiếng. Buổi phát thanh sáng từ 5h đến 8h, trưa từ 12h đến 12h30', chiều từ 17h đến 21h30'. Đây cũng là thời điểm số loa truyền thanh gia đình đạt con số cao nhất: nội thành trên 50.000 loa, ngoại thành gần 16.000 loa.

Về sau, các phương tiện nghe nhìn ngày càng phát triển. Rất nhiều gia đình ở nội thành đã có tivi - radio. Đồng thời, hệ thống truyền thanh do trang thiết bị đã lâu ngày lại chậm được thay thế, đổi mới, nên chất lượng tiếng loa kém dần, sự cố đường dây luôn xảy ra, người dùng loa đã giảm sút nhanh chóng. Đến năm 1990, chỉ còn 10% số hộ dân cư nội thành sử dụng loa truyền thanh, ngoại thành giảm đi 2/3, cả thành phố chỉ còn chưa đến 30.000 loa gia đình.

Các đài truyền thanh huyện cố gắng tăng cường loa công cộng có công suất lớn ở các thị trấn, các xã, lên tới hơn 2.000 chiếc. Gần 200 đài truyền thanh xã hoạt động thường xuyên, ngoài phần tiếp âm qua thu sóng các chương trình của Đài Phát thanh Hà Nội còn có bản tin riêng của cơ sở. Trong các xã đã có quy hoạch đường dây. Ở nội thành, xây dựng được 82/84 phường có đài truyền thanh, phát chương

trình riêng hằng ngày của nội bộ phường với thời gian từ 15 đến 30 phút.

Tháng 10.1989, Ban Âm nhạc của đài được thành lập, tách ra từ Ban Văn nghệ, chuẩn bị điều kiện để chính thức phát thêm sóng ngắn FM chương trình âm nhạc và tin tức, mỗi ngày 6 tiếng vào đúng dịp Kỉ niệm 35 năm giải phóng Thủ đô.

Khi thành lập Đài Phát thanh Hà Nội năm 1978, đã có một tổ thử nghiệm truyền hình ra đời. Sau một thời gian cố gắng hồi 14h ngày 1.1.1979, chương trình truyền hình đầu tiên của Hà Nội đã được phát trên sóng của Đài Truyền hình Việt Nam.

Với hình hiệu gác Khuê Văn nằm trong ngôi sao vàng năm cánh toả ra những chùm tia sáng lấp lánh xuất hiện trên màn hình cùng bản nhạc hiệu *Người Hà Nội* quen thuộc, câu mở đầu *Chương trình Truyền hình Hà Nội xin kính chào các bạn.* Chương trình "Hà Nội vào Xuân 79" gồm có bản tin, phóng sự và ca khúc Việt Nam mang đậm sắc thái Hà Nội do các giọng ca xuất sắc của thủ đô trình bày, kéo dài trong 45 phút.

Từ đấy, chương trình Hà Nội phát mỗi tháng một lần, vào chủ nhật tuần đầu tháng, sau thêm một chương trình vào tối thứ ba. Tiếp đến, cứ hai ngày có "Chùm tin Hà Nội" trong 5 phút góp vào chương trình thời sự của Đài Truyền hình Việt Nam. Phần biên tập do Đài Truyền hình Hà Nội thực hiện, còn kĩ thuật nhờ Đài Truyền hình Việt Nam giúp đỡ.

Ngày 25.8.1984, Thành uỷ Hà Nội ra Chỉ thị 21/CT-CU về phát triển sự nghiệp truyền thanh, phát thanh, truyền hình của thủ đô. Đài được cấp kinh phí lớn, đầu tư mua trang, thiết bị cho truyền hình để bắt đầu từ năm 1987, các chương trình được sản xuất hoàn chỉnh thành băng từ, rồi đưa lên Đài Truyền hình Việt Nam phát sóng.

Mười năm đầu (1979-1988) có thể coi là thời kì đào tạo đội ngũ, xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật, thử nghiệm làm biên tập và sản xuất chương trình. Thời lượng phát sóng được tăng lên từng năm và Truyền hình Hà Nội đã trở thành nhu cầu của nhân dân thủ đô.

Đài Hà Nội bắt đầu phát thử nghiệm chương trình truyền hình hằng ngày với thời lượng 30 phút - từ 18h15 đến 18h45 và phát chính thức từ đầu tháng 6.1989.

Ngày 25.8.1989, Uỷ ban nhân dân thành phố quyết định cho đài lấy tên mới: *Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội*, chính thức ghi nhận đài là tờ báo nói và báo hình - cơ quan của Thành uỷ và chính quyền thành phố, tiếng nói của nhân dân thủ đô.

Mùa hè năm 1990, nhân có cuộc bóng đá quốc tế ở Ý, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội mở chương trình đặc biệt về thể thao vào buổi sáng, phục vụ đông đảo nhân dân mến mộ bóng đá. Làm chương trình này là cuộc thử sức của cán bộ, phóng viên. Phải nhờ bưu điện thu hình từ vệ tinh, rồi biên tập, dịch, đọc lời thuyết minh để hoàn thành băng hình ngay trong đêm, sáng hôm sau phát sớm. Vất vả đấy nhưng được phần thưởng lớn là dư luận bạn xem truyền hình khen ngợi và cổ vũ.

Giải bóng đá kết thúc, cũng là lúc anh chị em đã được rèn luyện và trưởng thành, nên từ ngày 14.7.1990, Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội phát thêm chương trình truyền hình buổi sáng.

Trên đà phát triển, lãnh đạo thành phố đã đầu tư cho Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội xây dựng trụ sở mới ở đường Láng Hạ từ đầu những năm 90 và khánh thành năm 1994, tại số nhà 3-5 phố Huỳnh Thúc Kháng. Tại đây, có đủ cơ sở và trang thiết bị của một Đài Phát thanh và Truyền hình hiện đại, phòng bá âm, phòng thu hình, trường quay, phòng hậu kì, phòng thu vệ tinh, phòng phát sóng... Đài thành lập Công ti nghe nhìn Hà Nội số nhà 26 phố Hàng Dầu để sản xuất phim truyền hình, thiết kế và thực hiện các chương trình quảng cáo trên truyền hình, kinh doanh thiết bị nghe nhìn.

Năm 1988 hằng ngày đài phát thanh trên sóng AM 527 MHz: sáng từ 5h đến 8h, chiều từ 17h đến 19h, tối từ 21h đến 23h và một buổi trên sóng FM với chương trình âm nhạc và thời sự từ 12h đến 18h. Chương trình này đã được chuyển từ phát sóng mônô sang sóng stêrêô. Như vậy là mỗi ngày, Đài Hà Nội phát sóng âm thanh lên không trung 14/24 giờ.

Từ năm 1999, chương trình phát thanh chỉ phát sóng FM tần số 90 MHz với thời lượng 19 giờ mỗi ngày. Còn chương trình truyền hình được phát liên tục từ 6h đến 23h chiếm 17/24 giờ mỗi ngày.

Bước vào thời kì đổi mới, nội dung của cả phát thanh và truyền hình không ngừng cải tiến, không chỉ bám sát các vấn đề chính trị - thời sự, mà còn đặt đúng mức công tác thông tin kinh tế, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá của thủ đô và đất nước cũng như chuẩn bị các điều kiện hội nhập quốc tế. Các chuyên mục: *nhìn ra thủ đô và đô thị các nước, vòng quanh thế giới; hội nhập và phát triển,...* đã mở rộng tầm nhìn cho nhân dân hiểu người, hiểu mình hơn. Bên cạnh các tin, bài cổ vũ, nêu gương các mô hình tập thể và cá nhân làm kinh tế giỏi, người tốt việc tốt, đài còn tham gia tuyên truyền đấu tranh chống tiêu cực trong xã hội: cửa quyền, xách nhiễu, tham ô, buôn lậu, v.v.. mở các chuyên mục chống tệ nạn ma tuý, mại dâm; các chuyên đề tuyên truyền pháp luật như: *pháp luật và đời sống, xây dựng và quản lí đô thị, an toàn giao thông, các vấn đề xã hội, nghị quyết với cuộc sống, thiên nhiên và môi trường...*

Các chuyên mục: *ý kiến bạn nghe đài, giải đáp theo yêu cầu bạn nghe đài, hộp thư truyền hình, ống kính phóng viên, vấn đề và dư luận, bạn cần biết, dạo quanh phố phường - dạo qua thị trường, người tìm việc, gặp gỡ các thầy thuốc, dành cho đôi bạn, vì lợi ích người tiêu dùng, tạp chí thời trang, vào bếp cùng bạn...* là những sáng tạo nối nhịp cầu mật thiết giữa đài với công chúng xem và nghe đài.

Cùng với nhiều chuyên đề khác giới thiệu đất nước và con người thủ đô như: *Hà Nội của chúng ta, Hà Nội ngày nay, Hà Nội với cả nước - cả nước với Hà Nội, mừng thọ, ngày này năm xưa, giáo dục về Hà Nội học, Hà Nội phố, v.v..* Đài đã mở rộng

vùng phản ánh ra các địa phương chung quanh Hà Nội, các thành phố kết nghĩa anh em như Huế, thành phố Hồ Chí Minh. *Chương trình giáo dục từ xa, dạy ngoại ngữ* trên đài, *khoa học - kĩ thuật, những điều kì diệu của cuộc sống, một không gian văn hoá* cũng là những đóng góp tích cực vào việc phổ biến kiến thức chung.

Phần *âm nhạc* trên đài khá phong phú, bên cạnh các tiết mục *ca khúc Việt Nam,* trong đó quan tâm đến ca nhạc dân tộc, ca nhạc quốc tế, còn có: *ca hát của tuổi trẻ thủ đô, câu chuyện âm nhạc, âm nhạc đêm khuya* đồng thời tổ chức cuộc thi "Giọng hát hay trên làn sóng" nhiều lần góp phần cho mục *tiếng hát người Hà Nội* ngày càng phong phú. Các bạn thiếu nhi yêu thích các mục *phim hoạt hình, ngôi nhà tuổi thơ, ca nhạc thiếu nhi, măng non, v.v..*

Chương trình phim truyện của truyền hình Hà Nội cũng có tính chất độc đáo, giới thiệu nhiều tác phẩm giá trị được nhiều người xem yêu thích, đón đợi, nhất là những phim đặc sắc chiếu vào tối thứ sáu hằng tuần.

Tường thuật và bình luận bóng đá của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội mang nét riêng và cũng là một mặt mạnh đáng kể. Đài đã tổ chức truyền hình trực tiếp nhiều trận bóng đá quốc tế thu qua vệ tinh, bình luận qua *Tạp chí bóng đá, tổng hợp bóng đá.*

Chuyển biến mạnh mẽ của đài trong những năm đầu thế kỉ XXI là đưa một số chương trình từ thế *tĩnh* sang thế *động*, phỏng vấn và giao lưu trực tiếp với người trong cuộc qua mục *khách mời trường quay*.

Đài mở dần các *sân chơi,* thu hút khán giả nhập cuộc: *Đuổi hình bắt chữ* gợi nhớ những ngạn ngữ, ca dao, phương ngôn phong phú trong kho tàng văn nghệ dân gian của dân tộc khỏi bị lãng quên với lớp trẻ; *Vượt qua thử thách* là dịp kiểm tra kiến thức nhiều mặt về chính trị, xã hội, văn hoá, đồng thời với sự hỗ trợ của ban cố vấn tạo điểm gây quỹ vì người nghèo - người tàn tật là cách làm hay. Tuy nhiên, đôi lúc đưa ra câu tục ngữ còn khá xa lạ, hình vẽ chưa có tính thuyết phục hoặc câu hỏi kiến thức phức tạp mà đáp án làm người chơi, người xem ngỡ ngàng. Cuộc chơi cũng nhắc nhở mọi người Hà Nội nên tìm hiểu kĩ hơn về Hà Nội, vì có nhiều câu hỏi về Hà Nội quá dễ mà nhiều bạn chơi không trả lời được. Sân chơi *Vui cùng nghệ sĩ* (vốn là "Khắc hoạ chân dung" đổi tên) cuốn hút khá đông bạn trẻ yêu nhạc, ngưỡng mộ nghệ sĩ tài năng...

Tạo ra sân chơi không chỉ làm phong phú nội dung của Đài Phát thanh và Truyền hình HTV mà còn để tập dượt, rèn luyện bản lĩnh cho người dẫn chương trình đi sâu vào nghiệp vụ, nâng cao nghệ thuật điều hành và làm chủ sân chơi trong mọi tình huống.

Năm 2000, đài có thêm Truyền hình cáp Hà Nội (HCATV) hữu tuyến với nhiều kênh điện ảnh, văn nghệ, thể thao, khoa học, hoạt hình, thể loại phong phú. Lúc đầu chỉ phát vài chục kênh, đến 2007, truyền hình cáp Hà Nội đã phát trên 49 kênh, trong đó có chương trình của nhiều đài truyền hình trên thế giới như HBO, CNN,

BBC, ESPN, STAR, MTV... nhiều bộ phim truyện đặc sắc được thuyết minh tiếng Việt hoặc có phụ đề. Nhiều trận đấu bóng đá quốc tế tranh giải vô địch thế giới, vô địch Châu Âu... được đài mua bản quyền và phát trên kênh truyền hình trực tiếp.

Đài đã có 80.000 đầu máy thuê bao (2007) và ngày càng được khán giả Hà Nội yêu thích. Công ti Dịch vụ truyền thanh - truyền hình Hà Nội còn phối hợp với Trung tâm viễn thông thế hệ mới sử dụng cáp truyền hình thành kênh internet thông rộng tốc độ cao dành cho hộ gia đình (cable home) và cho khách sạn.

Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội còn cho ra mắt *báo điện tử Truyền hình internet*. Năm 2004, xuất bản tạp chí *Truyền hình Hà Nội*, 2005 ra thêm tập san *Truyền hình cáp Hà Nội*, là ấn phẩm phụ trợ giới thiệu lịch chương trình truyền hình hằng tháng, nội dung các phim chiếu trên truyền hình, cuộc đời các ca sĩ, các nghệ sĩ điện ảnh, các hướng dẫn viên của đài, trang văn hoá - thể thao, đặc biệt là chuyên mục *Hà Nội xưa và nay*, *Những mốc son Thăng Long - Hà Nội*, *Ẩm thực Hà thành*, *Trang ảnh góc nhỏ Hà Nội*... góp phần vào việc tuyên truyền giới thiệu các di sản, sự kiện đáng nhớ của thủ đô nhằm tiến tới đại lễ Kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Là một đài địa phương, nhưng là địa phương thủ đô - trung tâm chính trị, văn hoá, khoa học - kĩ thuật và là một trung tâm kinh tế lớn - đòi hỏi Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội phải xứng đáng với tầm và vị thế của trái tim cả nước.

Đài đã dần tạo được cho mình một bản sắc riêng. Bản sắc riêng ấy thể hiện ở nội dung đề cập những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống Hà Nội, những vấn đề đất nước và thế giới mà nhân dân Thủ đô đang quan tâm. Phong cách thể hiện phải nhạy bén, ngắn gọn, có tính chiến đấu và tính tư tưởng, đáp ứng trình độ ngày càng nâng cao của bạn nghe đài và bạn xem truyền hình. Giọng nói của phát thanh viên phải trong sáng, chuẩn mực, đúng giọng người Hà Nội, hình ảnh phải rõ ràng, dù là phản ánh thực tế cũng cần mang tính nghệ thuật, thể hiện cái đẹp và quan điểm thẩm mĩ thanh lịch của người Hà Nội và mang sắc thái riêng của Hà Nội.

Bản sắc riêng ấy sẽ làm cho Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội có chỗ đứng vững chắc trong lòng công chúng và không trùng lẫn với bất cứ đài phát thanh và truyền hình nào của các địa phương khác trong cả nước.

Đó là mục tiêu của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội đã đặt ra và đang phấn đấu để vươn tới.

5. Công nghệ thông tin

Vào những năm cuối thế kỉ XX, với sự phổ cập của máy tính cá nhân và sự ra đời siêu xa lộ thông tin toàn cầu Internet, cuộc cách mạng thông tin - truyền thông đã bùng nổ trên toàn thế giới, tác động tích cực đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội, làm thay đổi cả lối sống, phong cách làm việc, tư duy của con người. Việt Nam

nói chung và Hà Nội nói riêng cũng nằm trong trào lưu ấy. Công nghệ thông tin đã phát triển nhanh chóng trong những năm đầu thế kỉ XXI.

Công nghệ thông tin được coi là phương tiện tạo thuận lợi cho việc hình thành trí thức giải phóng các tiềm năng sáng tạo. Sự ngăn cách về không gian và thời gian cùng những cách trở do yếu tố văn hoá, lãnh thổ đã bị lu mờ trong không gian số hoá. Nhờ các ngôn ngữ phần mềm máy tính đã phát triển không ngừng với tốc độ nhanh chóng, kéo theo nó là các mạng máy tính nội bộ, mạng diện rộng và mạng Internet với công nghệ tiên tiến truyền tin có tốc độ ánh sáng.

Báo điện tử lần lượt ra đời, góp phần đắc lực vào việc truyền tải thông tin được thực hiện nhanh chóng. Mọi sự kiện diễn biến trên phạm vi tiếp cận đã đưa tất cả mọi hoạt động của các tổ chức, mọi giao tiếp, giao dịch của cá nhân và xã hội được thực hiện trực tuyến trên không gian mạng với các tín hiệu thông tin số hoá.

Nhờ có công nghệ thông tin, các bác sĩ có thể hội chẩn từ xa, thậm chí từ nhiều nước khác nhau; trong giáo dục xuất hiện loại hình đào tạo từ xa; trong kinh doanh có một mốc đáng ghi nhớ là ngày 29.4.2003, thị trường viễn thông Việt Nam đã xoá bỏ độc quyền doanh nghiệp nhà nước, chuyển sang cạnh tranh trên tất cả các loại hình dịch vụ, làm cho thị trường công nghệ thông tin sôi động hẳn lên và phát triển với tốc độ rất nhanh.

Năm 2004, mạng viễn thông thế hệ mới (NGN) chính thức được đưa vào sử dụng ở Việt Nam, tạo ra bước chuyển quan trọng và căn bản về công nghệ mạng, cập nhật với xu thế phát triển khoa học công nghệ của thế giới. Với một hạ tầng mạng duy nhất, băng thông rộng, mạng lưới NGN cho phép triển khai mọi dịch vụ trên cùng một môi trường mạng với mức giá thấp, đáp ứng sự hội tụ giữa thoại - số liệu - hình ảnh, giữa cố định và di động. Nhờ vậy, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trung học phổ thông ở Hà Nội đều có Internet. Đến nay đã có 8 doanh nghiệp hạ tầng mạng, 6 công ti cung cấp dịch vụ thông tin di động, 5 doanh nghiệp cung cấp kết nối Internet (IXP) và 9 nhà cung cấp dịch vụ internet (ISP).

Về kĩ thuật chuyển mạch: ngày 11.11.1990 Hà Nội chính thức đưa vào khai thác tổng đài điện tử kĩ thuật số đầu tiên ở Việt Nam với tổng dung lượng 30.000 số, đồng thời sử dụng tổng đài cổng quốc tế AXE -10 và các trạm vệ tinh mặt đất để hoàn chỉnh cấu hình mạng tổng đài quốc tế. Về kĩ thuật truyền dẫn: ngày 20.7.1999, trạm cáp Đà Nẵng của tuyến cáp quang biển quốc tế SEA - ME3 khánh thành đã đưa Việt Nam cùng với 34 nước khai thác dịch vụ viễn thông trên siêu xa lộ thông tin xuyên đại dương lớn nhất thế giới với công suất 60.840 cuộc đàm thoại cùng một lúc tới Nam Á và Bắc Mỹ. Năm 2005, Hà Nội đã lắp đặt nút mạng trung tâm NGN chuyển toàn bộ lưu lượng VOIP và một phần của điện thoại mạng công cộng (PSTN) sang mạng NGN, chuẩn bị cho việc kết hợp với phòng vệ tinh VINASAT làm cuộc cách mạng công nghệ thông tin viễn thông lần thứ hai vào năm 2008, thông tin liên lạc không còn phụ thuộc vào khoảng cách và địa hình.

Về phát triển dịch vụ: để phục vụ xã hội đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, nhiều dịch vụ đã được mở như di động trả trước, kết nối điện thoại di động chuyển vùng quốc tế, bưu chính lai ghép, trả lương qua tài khoản, dịch vụ điện thoại đường dài giá rẻ, điện thoại vô tuyến nội thị (Cityphone), điện thoại Internet, truyền hình số mặt đất, thẻ ATM...

Mô hình điểm Bưu điện văn hoá xã đã thành điểm sáng không thể thiếu trong kết cấu hạ tầng cơ sở nông thôn ngoại thành.

Tốc độ tăng trưởng thuê bao điện thoại cố định, mật độ người sử dụng Internet của Hà Nội vào loại hàng đầu ở Việt Nam, mà Việt Nam lại là nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong khu vực ASEAN + 3.

Công nghiệp bưu chính - viễn thông đã đảm bảo cung cấp 40% nhu cầu thiết bị cho mạng lưới, đã sản xuất được cả phần mềm, phần cứng và máy tính xuất khẩu. Tới nay, toàn bộ các xã ngoại thành Hà Nội đã có điện thoại và dịch vụ Internet thương mại điện tử với việc mua bán, trả tiền, thanh toán ngân hàng qua mạng Internet làm cho vòng quay của nền kinh tế nhanh hơn, nhịp sống xã hội cũng hối hả hơn.

Công nghệ thông tin - truyền thông đang là bài toán lớn của xã hội. Trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế việc ứng dụng khoa học hiện đại, kết nối liên thông các trang tin, trang báo điện tử thành một hệ thống thông tin quốc gia thống nhất là không thể chậm trễ. Hệ thống này sẽ nâng cao chất lượng hoạt động quản lí và tác nghiệp của các cơ quan quản lí nhà nước các cấp. Đây là tiền đề để các cơ quan quản lí nhà nước cung cấp trực tuyến các dịch vụ thông tin qua mạng Internet, phục vụ mọi sinh hoạt và làm việc của cộng đồng dân cư, của các doanh nghiệp và toàn xã hội, tiến tới triển khai *Chính phủ điện tử* tại Việt Nam.

Chính phủ điện tử được hiểu là việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông để cung cấp thông tin và dịch vụ công của Nhà nước đến với người dân, qua đó nhân dân tiết kiệm được thời gian nhờ có các dịch vụ hành chính và tạo điều kiện cho người dân tham gia quản lí Nhà nước.

Năm 2000, nước ta đã bắt đầu xây dựng *Chính phủ điện tử* bằng việc kí Hiệp định khung ASEAN điện tử (e - ASEAN) cam kết thực hiện các mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử tại Việt Nam.

Theo tài liệu của Viện Chiến lược bưu chính - viễn thông và Công nghệ thông tin, nước ta đang đứng ở hàng thứ 97/173 nước và đứng thứ 7/10 nước trong khối ASEAN sẵn sàng thực hiện *Chính phủ điện tử*.

Sau bốn năm khởi động, ta mới có một số chương trình, đề án tin học hoá của một số ngành được thực hiện, nhưng còn quá chậm, chưa có được kế hoạch tổng thể và lộ trình cụ thể cho việc xây dựng Chính phủ điện tử. Dịch vụ công trực tuyến ở nước ta mới đang ở giai đoạn thử nghiệm. Môi trường pháp lí về Chính phủ điện tử chưa

hình thành. Các luật giao dịch điện tử, công nghệ thông tin, các nghị định về chữ kí số, về sản xuất và sử dụng mật mã không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước còn đang soạn thảo.

Mục tiêu chính của *Chính phủ điện tử* là lấy người dân làm trọng tâm, nhằm cải cách hành chính phục vụ người dân, nhưng người dân còn rất hạn chế tiếp cận công nghệ thông tin. Cho đến nay cả nước mới có gần 7% dân số sử dụng Internet, 30% doanh nghiệp kết nối Internet, 10% doanh nghiệp có trang tin điện tử (Web).

Để khỏi tụt hậu, nước ta cần phải đẩy nhanh việc áp dụng Chính phủ điện tử. Muốn vậy, ta sẽ phải cùng thực hiện đồng thời ba giai đoạn từ tổ chức bộ máy, đào tạo nguồn nhân lực, quy trình triển khai dịch vụ công đến việc tuyên truyền rộng rãi lợi ích của Chính phủ điện tử đến với mọi người dân, đồng thời phổ cập cách sử dụng công nghệ thông tin trong đại chúng.

Một số công ti phần mềm đã đưa lên mạng các dịch vụ tra cứu văn bản luật, quảng bá sản phẩm, mua bán, giao dịch kinh tế, nhắn tin, fax hoặc e-mail từ điện thoại di động. Đây là một bước đang mở ra bước phát triển mới của công nghệ thông tin.

Tích cực hội nhập vào xã hội thông tin số hoá, Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo các ngành, các cấp đẩy mạnh thực hiện Đề án 112 "Tin học hoá cải cách hành chính Nhà nước", cùng việc hoạch định chiến lược phát triển Việt Nam điện tử năm 2010 (e-Vietnam 2010). Dịch vụ Chính phủ điện tử ra đời sẽ cung cấp các dịch vụ quản lí hành chính thuận tiện đến mọi người dân, người dân có phương tiện và công cụ hữu hiệu phản ánh, bày tỏ chính kiến của mình đến các cơ quan công quyền.

Tiếc rằng trong quá trình triển khai dự án đã nảy sinh một số tiêu cực, chưa phát huy được hiệu quả mong muốn, không thực hiện được mục tiêu đã đề ra, cho nên năm 2006 dự án đã bị dừng lại để thanh tra chỉnh đốn và khắc phục

Vào dịp Kỉ niệm 49 năm giải phóng Thủ đô 10.10.2003, Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội đã cho ra mắt *Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội* (Hanoi Portal, www.hanoi.gov.vn).

Cổng giao tiếp Hà Nội là một bộ phận trong bộ máy hành chính thủ đô, một nhịp cầu thông tin giữa chính quyền với công dân và tổ chức trong nước và nước ngoài với các nhiệm vụ:

- Cung cấp và phổ biến các thông tin của chính quyền thành phố, các hoạt động kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của thủ đô thông qua internet và các phương tiện điện tử, viễn thông khác.

- Tổ chức hỗ trợ các sở, ban, ngành, quận, huyện và các cơ quan, tổ chức khác trên địa bàn Hà Nội thực hiện các giao dịch thông tin qua cổng giao tiếp điện tử, trong đó ưu tiên các giao dịch hành chính.

- Tạo môi trường tổ chức diễn đàn, thảo luận, hỏi đáp giữa công dân và các tổ chức

với nhau và với chính quyền thành phố phục vụ công tác quản lí nhà nước của chính quyền thành phố.

- Phổ biến, tuyên truyền, thu hút các tổ chức và công dân tham gia giao dịch với chính quyền trên cổng giao tiếp điện tử, góp phần giảm tải cho cơ quan hành chính, tiết kiệm chi phí xã hội, nâng cao dân trí trong lĩnh vực hành chính điện tử và thương mại điện tử.

Sau một năm hoạt động, tới cuối năm 2004, *Cổng giao tiếp điện tử Hà Nội* đã mở các trang điện tử chuyên mục như sau:

Trang chính gồm có: Thư của chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố, thông báo quan trọng đang có hiệu lực của thành phố và các quận, huyện, tin tức - sự kiện về hoạt động chính quyền, giới thiệu văn bản mới, chính sách mới, một phòng đọc các báo điện tử nhằm cung cấp thông tin thời sự, trang tự giới thiệu của các sở, ban, ngành, quận, huyện.

Mục *Chính quyền* nhằm giới thiệu hệ thống chính trị và chính quyền Trung ương, chính quyền thành phố, các thông báo và tin tức của thành phố các quận, huyện, các sở, ban, ngành; hướng dẫn thủ tục hành chính; những vấn đề về cải cách hành chính, các văn bản quy phạm pháp luật.

Mục *Dịch vụ trực tuyến* với các dịch vụ, hỏi đáp các đơn vị cung cấp, tra cứu, trạng thái tiếp nhận và xử lí thủ tục hành chính ở tất cả các trung tâm "một cửa" các dịch vụ điện, điện thoại.

Mục *Kinh tế xã hội* thông tin quy hoạch, các văn bản pháp luật về quy hoạch, bản đồ quy hoạch tổng thể, quy hoạch quận, huyện, quy hoạch giao thông, khu đô thị mới, lưới điện, mạng cấp, thoát nước, niên giám thống kê, kế hoạch phát triển Thủ đô, thông tin kinh tế - xã hội, cơ hội giao thương, đầu tư xúc tiến thương mại, lao động, việc làm, giá cả thị trường.

Mục *Khám phá thành phố* với các tiểu mục: Hà Nội nghìn năm văn hiến, Hà Nội theo từng năm tháng; các dịch vụ công ích, thư viện Hà Nội; trung tâm thông tin thành phố, thông tin cần biết về thuế, tài chính, ngân hàng, chương trình văn hoá, văn nghệ, giao thông, thời tiết Hà Nội, y tế cộng đồng, bác sĩ gia đình. Ngoài ra còn trang tiếng Anh "Hanoi City".

Tuy nhiên, vì còn mới mẻ, *Cổng giao tiếp điện tử* chưa phát huy được tác dụng và sức mạnh của nó. Theo kết quả điều tra thì có tới gần 20% cán bộ quản lí khối chính quyền chưa từng truy cập internet, ở khối cán bộ, cơ quan đoàn thể con số này còn lớn gấp đôi. Việc ứng dụng nhiều nhất công nghệ thông tin vẫn là trong các doanh nghiệp. Ở nhiều cơ quan, cơ sở, máy tính chỉ được sử dụng thay cho máy chữ soạn thảo văn bản, tìm kiếm tin tức, trao đổi e-mail, chơi các trò chơi điện tử, v.v..

Các ứng dụng Chính phủ điện tử chỉ có thể đạt hiệu quả toàn diện khi nó được thiết lập trên cơ sở hạ tầng công nghệ - truyền thông, ban hành pháp luật cho các

giao dịch điện tử quản lí trang điện tử (website) đang mở ra ồ ạt, cũng như có các biện pháp hữu hiệu ngăn chặn các kênh điện tử mang nội dung xấu, bạo lực, gây thù địch hoặc tha hoá, sa đoạ con người.

Là Thủ đô của cả nước, Hà Nội cần có những bước đi tích cực để khai thác tiềm năng nguồn tài nguyên thông tin kĩ thuật số nhằm phát triển thành phố văn minh, hiện đại, xứng đáng với vị thế đã có và để hội nhập với cộng đồng quốc tế, tiến kịp các nước trong khu vực.

CHƯƠNG III

BÁO CHÍ

I. TỪ NĂM 1884 ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Khái niệm và lịch sử báo chí

Xác định cho đúng sự ra đời của báo chí Việt Nam và báo chí Hà Nội cũng khó khăn như người ta đã gặp khi xác định lịch sử báo chí thế giới. Cách đây 160 năm, trong một bài viết trên *Revue des Deux Mondes* (Tạp chí *Hai thế giới*), số ra ngày 15.12.1839, nhà văn lớn người Pháp Xanhtơ Bơvơ (Sainte Beuve, 1804-1869) đã thúc giục giới sử học mau viết lịch sử báo chí, bởi lỡ thời gian sẽ không còn thực hiện được nữa. Tuy nhiên, ông cũng như nhiều người đương thời, đều băn khoăn trong việc định nghĩa thế nào là báo chí. Nếu báo chí được hiểu đơn giản là sự phổ biến tin tức xảy ra trong ngày, thì lịch sử báo chí ắt phải bắt đầu ngay từ khi loài người có ngôn ngữ. Nhà sử học Do Thái Flaviut Giodep (Flavius Josèphe, 37-100) khẳng định rằng, từ thời đại Babion (Babylone) trước Công nguyên gần hai nghìn năm, đã có những sử quan chuyên ghi chép hằng ngày những sự việc công cộng xảy ra, nhờ đó mà đến thế kỉ III trước Công nguyên người ta mới viết được cuốn sử Sanđê (Chaldée). Nhưng Vônte (Voltaire, 1694-1778) lại khẳng định, có lẽ Trung Hoa đã có báo chí từ những thuở xa xưa hơn nhiều. Lịch sử đã làm ngơ việc những người cổ Hy Lạp ở Aten (Athènes) hằng ngày truyền miệng cho nhau tin tức kèm cả bình luận. Trong nhiều thế kỉ, Rôma đã từng có *Acta Publica* (tạm dịch: Biên bản công cộng), ghi chép sự kiện xảy ra trong năm để các công dân đến theo dõi tra cứu; có thể coi như thuỷ tổ của Công báo sau này. Từ đó, các bước tiến nối tiếp rất mau. Xêda (César) ra lệnh phải ghi chép và công bố những việc của dân chúng. Thế là những tập *Annales* (Biên niên) được thay thế bằng những tập *Acta diurna* (Biên nhật). Từ thế kỉ XIII, bắt đầu xuất hiện ở Anh những *tin viết tay* (nouvelle manuscrite hay nouvelle à la main). Cho tới năm 1436, nhờ sự phát minh nghề in mà các phương pháp phổ biến tin tức được cách mạng hoá và những tờ báo đầu tiên gần như ra đời cùng lúc ở Pháp, Anh, Hà Lan vào đầu thế kỉ XVII. Rơnôđô (theo Phraste Renaudot, 1586-1653) là nhà báo đầu tiên và cùng là người sáng lập tờ báo đầu tiên của nước Pháp năm 1631, tờ *Gadet* (Gazette), bắt nguồn từ chữ "gazetta" của người Ý. Và cứ như thế, cùng với lịch sử

tiến hoá của loài người, lịch sử báo chí thế giới tiếp diễn giai đoạn cách tân cho đến ngày nay.

2. Báo chí Việt Nam buổi sơ khai

Ở Việt Nam, cho đến nay chưa tìm được dấu tích nào để xem trong những triều đại xa xưa, kể cả thời Bắc thuộc, đã có loại hình thông tin nào được coi là báo chí như khái niệm phổ thông trên thế giới. Do đó, ta đành phải tạm bằng lòng cắm mốc lịch sử báo chí Việt Nam vào giai đoạn lịch sử cận - hiện đại của dân tộc, sau khi nước ta có sự tiếp xúc với người Châu Âu vào thế kỉ XVI. Nhất là từ khi chữ Quốc ngữ ra đời do các giáo sĩ người Âu đã mượn mẫu tự Latinh để đặt ra thứ chữ viết giản tiện hơn chữ Nôm, trong đó công lớn thuộc về Alêchxandrơ đơ Rôt (Alexandre de Rhôdes, 1591-1660), một cố đạo người Pháp. "Các giáo sĩ người Âu đặt ra chữ Quốc ngữ, chủ yếu là có được một thứ chữ để viết tiếng ta cho tiện và dùng trong việc truyền giáo cho dễ. Không ngờ rằng vì tình thế lịch sử, thứ chữ ấy nay thành văn tự phổ thông của cả dân tộc Việt Nam ta". (Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu*, xuất bản năm 1941, in lại năm 1993, tr. 207). Cũng phải kể thêm công lao của Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) trong việc sử dụng và cách tân chữ Quốc ngữ; của Trương Vĩnh Ký tức Petrus Ký (1837-1898), người đầu tiên chuyển *Kim Vân Kiều* và nhiều sách giáo khoa cho học trò nhỏ ở Nam Kỳ bằng chữ Quốc ngữ, như những cuốn *Vần Quốc ngữ, Lịch sử An Nam,...* và đóng góp của Huỳnh Tịnh Của tức Paulus Của (1834-1897) đã có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị về chữ quốc ngữ, như *Đại Nam quốc âm tự vị* (với tên Pháp là *Dictionnaire Annamite*), bộ từ điển giải thích ngôn ngữ dân tộc đầu tiên ở nước ta.

"Sau khi đàn áp những cuộc kháng chiến giữ nước của quân dân ta, các phong trào yêu nước và cách mạng bằng chính trị và văn hoá, như Đông Du (1904-1908), Duy Tân (1906-1908), Đông Kinh nghĩa thục (1907),.. từ đầu thế kỉ XX, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Một mặt, chúng củng cố bộ máy thống trị, tăng cường các lực lượng vũ trang, cảnh sát, toà án, nhà tù, ra sức đàn áp các phong trào đấu tranh và khủng bố các nhà yêu nước; mặt khác, thực hiện chính sách ngu dân về mặt giáo dục, đầu độc về văn hoá. Chúng dùng báo chí làm phương tiện củng cố bộ máy thống trị và đề cao "công ơn khai hoá, truyền bá văn minh của Đại Pháp". Vai trò của báo chí thực dân đã được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch rõ trong bài "Đông Dương" đăng trên *Tạp chí Cộng sản* của Đảng Cộng sản Pháp" (số 14, năm 1921): "Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại".

Chỉ ba năm sau khi thành Gia Định rơi vào tay thực dân Pháp (ngày 17.2.1859), tức vào năm 1862, ở Sài Gòn đã có tờ *Bulletin Officiel de Expédition de la*

Cochinchine (Bản tin chính thức của Phái Bộ viễn chinh Nam Kỳ), và ngày 1.1.1864 ra số đầu tờ *Courrier de Saigon* (Tin tức Sài Gòn, hay còn dịch là Sài Gòn tiệp báo).

Tiếp đó tờ *Gia Định báo* ra đời năm 1865 ở Sài Gòn. Có thể coi đây là tờ báo tiếng Việt đầu tiên ở nước ta, do Trương Vĩnh Ký và Huỳnh Tịnh Của làm chủ nhiệm và chủ bút, và cũng có thể coi hai ông là những nhà báo Việt Nam đầu tiên.

Đến khi Pháp đã xâm chiếm toàn bộ Việt Nam (với Hiệp ước Hacman Harmand kí với triều đình Huế ngày 25.8.1883) rồi Hiệp ước Patơnôt (Patenôtre) ngày 6.6.1884, thì trên nước ta lần lượt xuất hiện những tờ báo tiếng Việt và tiếng Pháp do người Pháp và người Việt đứng đầu, như tờ *Avenir du Tonkin* (Tương lai Bắc Kỳ) ra ngày 13.12.1884 ở Hà Nội, tờ *Courrier d'Haiphong* (Hải Phòng tiệp báo) ra ngày 19.9.1886 ở Hải Phòng.

3. Những tờ báo đầu tiên ở Hà Nội

Từ khi nhà Lý định đô ở Thăng Long (năm 1010), trong gần một nghìn năm qua, Hà Nội hầu như liên tục giữ vai trò trung tâm của cả nước về mọi mặt, nhất là về chính trị và văn hoá. Ngay cả khi thực dân Pháp thiết lập chính quyền thuộc địa trên cả nước, thì chúng cũng lấy Hà Nội làm trung tâm đầu não bộ máy thống trị của chúng trên toàn cõi Đông Dương. Tuy nhiên, về báo chí, do xuất hiện cùng với tiến trình xâm lược của thực dân Pháp, nên những tờ báo đầu tiên ra đời ở Sài Gòn, mãi tới cuối thế kỉ XIX mới có báo chí ở Hà Nội.

Nhưng cho đến nay vẫn có nhiều ý kiến khác nhau trong việc xác định tờ báo đầu tiên ở Hà Nội. Chúng ta đều biết tờ báo tiếng Pháp đầu tiên ở Hà Nội là tờ *Avenir du Tonkin* (Tương lai Bắc Kỳ) số đầu tiên ra ngày 13.12.1884; lúc đầu ra mỗi quý một số, sau đó từ ngày 14.6.1886, ra hằng tuần: báo này do Cudanh (Jules Cousin, người Pháp) sáng lập, trụ sở đặt tại 114 phố Jules Ferry[1].

Tờ báo in bằng chữ Nho đầu tiên ở Hà Nội là tờ *Đại Nam đồng văn nhật báo*, ra đời năm 1892, khi ấy chữ Nho vẫn còn phổ cập hơn chữ Quốc ngữ; báo này người Pháp gốc Đức tên là Snâyde (F.H.Schneider) làm chủ nhiệm và là tiến sĩ Đào Nguyên Phổ (thân sinh Đào Trinh Nhất) làm chủ bút. Đến năm 1907, báo chuyển sang in cả chữ Nho và chữ Quốc ngữ, đổi tên là *Đại Nam (Đăng cổ tùng báo)*; Đào Nguyên Phổ làm chủ bút phần chữ Nho và Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút phần chữ Quốc ngữ; báo ra hằng tuần từ ngày 28.3.1907 đến ngày 14.11.1907 thì bị nhà cầm quyền Pháp cấm gần cùng lúc Đông Kinh nghĩa thục bị đóng cửa (tháng 12.1907).

Năm 1905 ở Hà Nội cũng có tờ *Đại Việt tân báo* do Babuy (ernest Babut) người Pháp làm chủ nhiệm và Đào Nguyên Phổ rồi Hàn Thái Dương làm chủ bút, báo in cả chữ Quốc ngữ và chữ Nho, ra hằng tuần từ ngày 7.5.1905 cho tới năm 1908. Babuy

1. Tức số 44 phố Lê Thái Tổ, trụ sở báo *Cứu quốc* (1945-1946) và báo *Hà Nội mới* bây giờ.

là người có tư tưởng cấp tiến, biết tiếng Việt, đã cho đăng một số bài chứng tỏ có cảm tình và có liên hệ với Phan Chu Trinh, khi cụ Phan bị bắt, năm 1908, Babuy đã hăng hái bảo vệ cụ, nên chính quyền thuộc địa ra lệnh đình bản[1].

Trở lại bối cảnh chính trị của Hà Nội hồi đầu thế kỉ XX, các cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta trong các đô thị đã khá sôi nổi, mở đầu là phong trào Đông Kinh nghĩa thục. Tháng 3.1907, một nhóm sĩ phu thành lập Trường Đông Kinh nghĩa thục ở phố Hàng Đào, Hà Nội, do Lương Văn Can và Nguyễn Quyền phụ trách. Nhà trường được các nhà yêu nước và những người có con theo học ủng hộ về tài chính. Có lúc trường đông tới hàng nghìn học sinh, gồm cả già trẻ, gái trai. Trường vận động học chữ Quốc ngữ, hô hào thực nghiệm, bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, chống lối học từ chương, đả kích bọn tham quan ô lại, tiến công vào lề thói phong kiến và cổ vũ lòng yêu nước, kêu gọi kết đoàn chống kẻ thù chính của dân tộc là thực dân Pháp. Lịch sử cận đại của nước ta ghi đậm những cống hiến to lớn của Đông Kinh nghĩa thục trong việc tuyên truyền cổ động cách mạng và góp phần tích cực vào việc phát triển văn hoá dân tộc, ngôn ngữ và văn tự Việt Nam. Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936, quê ở Phượng Vũ, Thường Tín, Hà Đông) khi ấy là một nhân vật trọng yếu và là một trong những người sáng lập của Đông Kinh nghĩa thục, nên tờ *Đăng Cổ tùng báo* đã được sử dụng để tuyên truyền cổ động cho Đông Kinh nghĩa thục và đăng bài vở của các nhà lãnh đạo phong trào như *"Thơ cổ động học chữ Quốc ngữ"*, *"Thiết tiền ca"*, *"Cáo hủ lậu văn"*... Phan Bội Châu cũng đã có nhiều bài đăng trên báo này. Bởi thế như trên ta đã biết, tờ báo bị thực dân Pháp ra lệnh đình bản gần cùng lúc với việc đóng cửa trường Đông Kinh nghĩa thục và các sĩ phu yêu nước bị chúng bắt giữ tù đầy, như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc, Lê Đại, v.v..

Cũng vào đầu thế kỉ XX, khuynh hướng dân chủ tư sản thâm nhập vào phong trào dân tộc nước ta. Văn học và báo chí Việt Nam nhờ vậy cũng phát triển lên một bước mới, phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức. "Các báo chí Việt ngữ xuất hiện ngày một nhiều ở khắp ba miền. Một phương diện là làm trường học thử tài các văn sĩ, một phương diện làm trường học quốc văn của quốc dân, khiến cái địa vị báo chí quan hệ trọng yếu ở trong văn học sử không có nước nào như nước ta vậy". Ngoài tính yêu nước vốn là truyền thống, văn học và báo chí Việt Nam mang thêm tính cách mạng (dân chủ tư sản), tính đại chúng và tính hiện thực phê phán. Tính yêu nước là nét nổi bật trong thời kì này, mà tiêu biểu là thơ văn Phan Bội Châu.

---

1. Có ý kiến cho rằng *Đại Việt tân báo* mới là tờ báo đầu tiên xuất bản ở Hà Nội, vì đây là tờ báo đầu tiên có in phần chữ Quốc ngữ. Theo ý kiến này thì báo in chữ Nho không phải là báo Việt Nam. Chúng tôi e rằng như vậy không xác đáng, vì ông cha ta đã từng coi chữ Nho là chữ "Hán Việt", kho tàng văn học Việt Nam có biết bao áng thơ văn của ông cha ta bằng chữ Nho, liệu ta có coi đó là văn thơ nước ngoài không?

Tuy các nhà yêu nước khi ấy chưa có được một tờ báo riêng nào, nhưng các cụ đã tận dụng các tờ báo hợp pháp để phổ biến thơ văn yêu nước của mình. Ở Sài Gòn là các báo *Nông Cổ Mín Đàm*, *Lục Tỉnh Tân Văn* và ở Hà Nội là báo *Đăng Cổ tùng báo*. Năm 1923, ở Thượng Hải, Phan Bội Châu cũng đã cho in tác phẩm *Thiên Hồ, Đế Hồ*!, mà nhà sử học tiến bộ người Mỹ Đêvit Marơ (David Marr) coi như một bản án tố cáo thực dân Pháp lợi dụng tôn giáo để chiếm đoạt Việt Nam làm thuộc địa và tiêu diệt dân ta.

Cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đưa đến sự phân hoá sâu sắc trong xã hội ta và làm biến chuyển mạnh mẽ cả nông thôn và thành thị Việt Nam. Vào đầu thế kỉ XX, Hà Nội là nơi buôn bán sầm uất, có nhiều nhà buôn, sở giao dịch, trụ sở các công ti công thương nghiệp. Giai cấp tư sản cũng bắt đầu xuất hiện, trong đó có một số nhà tư sản đã thể hiện ý thức dân tộc. Giai cấp tiểu tư sản ngày càng đông hơn, bao gồm tiểu chủ, tiểu thương, trí thức, viên chức, học sinh và những người làm công việc dịch vụ ở các đô thị, thị trấn. Đời sống của họ, trước hết là viên chức, trí thức, tuy có khá hơn công nông, nhưng luôn bị chèn ép về chuyên môn, áp bức về chính trị, bấp bênh về kinh tế, nên phần đông họ đều thấy xót xa trước cái nhục mất nước và có tinh thần yêu nước khá cao. Tiểu tư sản đã sớm gắn bó với công nông trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Sau khi phong trào Đông Kinh nghĩa thục bị khủng bố và tan rã, Nguyễn Văn Vĩnh được Pháp sử dụng trên mặt trận văn hoá, báo chí. Hà Nội vắng bóng báo tiếng Việt trong mấy năm liền. Năm 1913, Pháp cho ra đời tờ *Đông Dương tạp chí*, là "một xuất bản phẩm đặc biệt của *Lục Tỉnh Tân Văn* ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ" (như dòng chữ nhỏ tiếng Pháp in trên măng-sét). Đây là tờ báo in hoàn toàn bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Hà Nội. *Đông Dương tạp chí* cũng do Snâyđe làm chủ nhiệm và Nguyễn Văn Vĩnh làm chủ bút. Báo tự giới thiệu là "Tạp chí bình dân, văn chương, nông nghiệp, thương mại, kĩ nghệ và khoa học", nhưng thực chất là phục vụ lợi ích của bọn thống trị thực dân, chống lại các phong trào yêu nước đương thời. Ngay từ số đầu, *Đông Dương tạp chí* đã nêu tôn chỉ mục đích là "Phải đồng tâm đem văn chương học thuật, đem ân huệ văn minh mà khua sao cho lấp được những lời gây loạn. Phải làm cho tiếng pháo của bọn Nguỵ tịt ngòi, không nổ được kịp tiếng chuông trống văn minh". Tờ báo bài xích những người yêu nước như Phan Bội Châu là "bọn Nguỵ nho", "cuồng dại trốn ra nước ngoài xúi người làm loạn, gieo hoạ hại dân", coi các chiến sĩ tiến hành vụ "Hà thành đầu độc" (27.6.1908) là "những đứa ở phản thầy".

Tuy vậy, *Đông Dương tạp chí* là tờ báo có đóng góp tích cực về mặt ngôn ngữ và văn học nước ta, thúc đẩy sự phát triển và phổ biến chữ Quốc ngữ trong nhân dân nước ta. Tạp chí có nhiều bài sáng tác tốt về văn xuôi và văn vần, nhiều bản dịch những tác phẩm lịch sử và văn học của các nhà Nho nước ta thời trước, cùng những tác phẩm văn học lớn, giá trị của nước ngoài. Nhất là từ năm 1915 tờ báo đổi thành khổ nhỏ, chuyển về văn chương và sư phạm, đề tài và nội dung phong phú, đa dạng

hơn. *Đông Dương tạp chí* cũng đã thu hút được sự cộng tác của nhiều cây bút Tây học và Nho học. Nhiều tác phẩm văn học và triết học Pháp và Trung Quốc do Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Tố, Phan Kế Bính, Nguyễn Đỗ Mục, Phạm Duy Tốn, Tản Đà, v.v.. dịch ra tiếng Việt. Nguyễn Văn Vĩnh còn dịch *Truyện Kiều* ra tiếng Pháp, in trên tạp chí. Trần Trọng Kim cũng là người tham gia *Đông Dương tạp chí* từ sớm, chuyên phụ trách mục "Tân học văn tập". Đến năm 1919, *Đông Dương tạp chí* đình bản và được thay thế bằng tờ *Học báo,* do Trần Trọng Kim[1] chuyên trách.

Tháng 7.1917, tạp chí *Nam Phong* ra đời. Chủ nhiệm là Macti (Louis Marty), người Pháp; chủ bút phần Quốc ngữ là Phạm Quỳnh (1891-1945, quê ở Lương Ngọc, Bình Giang, Hải Dương), phần chữ Nho là Nguyễn Bá Trác (1881-1945, quê ở Hoà Đa, Điện Bàn, Quảng Nam); báo còn có phụ trương tiếng Pháp. Lúc đầu ra hằng tháng; từ 1.5.1934, ra tháng 2 kì và từ 1.7.1934 Nguyễn Tiến Lãng thay Phạm Quỳnh làm chủ bút, đến số báo cuối cùng ra ngày 16.12.1934. *Nam Phong* tự giới thiệu là tạp chí văn học và khoa học, nhưng thực chất là một tờ báo chính trị phản động, xuất bản dưới sự chỉ đạo của chính quyền thực dân, tư tưởng chủ đạo là đề cao "Nhà nước bảo hộ giúp ta có đủ tư cách mà quản trị lấy công việc của ta,...". *Nam Phong* gọi cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên (8.1917) là "cuộc khởi loạn" và "mong rằng toà đại hình (của Pháp) sẽ dùng kết luận nghiêm mà trừng trị kẻ ngu xuẩn, cuồng dại, lập tâm quấy rối sự yên ổn trong nước". *Nam Phong* ca ngợi toàn quyền Anbe Xarô (Albert Sarraut), một tên thực dân cực đoan, nham hiểm và quỷ quyệt, tâng bốc hắn là người có tài năng cực độ, khai hoá sáng suốt và thương dân Đông Dương! Phạm Quỳnh và Nguyễn Năng Quốc viết bài công kích chủ trương "Trực trị" của Nguyễn Văn Vĩnh và đề cao việc thiết lập "chế độ quân chủ lập hiến", "Dung hoà nền quân chủ cổ truyền với văn minh phương Tây, thể hiện bằng một hiến pháp" do toàn quyền Đông Dương chuẩn y. Thực chất chỉ là sự kết hợp tàn dư phong kiến lỗi thời với phương pháp cai trị thực dân, thay đổi cái vỏ bọc che đậy chế độ thuộc địa tàn bạo.

Tất nhiên chúng ta không phủ nhận những giá trị về ngôn ngữ, lịch sử, triết học, văn học và những thông tin tư liệu mà nhiều cộng tác viên có tên tuổi của *Nam Phong* mang lại, như Nguyễn Trọng Thuật, Lê Dư, Phạm Duy Tốn, Hoàng Ngọc Phách, Tản Đà và nhiều người khác. Nhưng cũng không ai quên được những nội dung chính của nó, ca ngợi công ơn bọn cướp nước, đánh lạc hướng dư luận xã hội đương thời trước cuộc đấu tranh yêu nước của toàn dân ta. *Nam Phong* cũng bộc lộ rõ chủ trương bài xích cộng sản, đả kích Lênin và Cách mạng tháng Mười Nga ngay trong số ra tháng 11.1917.

---

1. Trần Trọng Kim (1882-1953) quê ở Đan Phố, Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Nhà văn Thiếu Sơn (Lê Sĩ Quý, 1907-1978) đã nhận định một cách xác đáng rằng: "Đông Kinh nghĩa thục bị Tây giải tán, nhưng Tây cũng biết rằng các nhà trí thức Việt Nam muốn hướng dân tộc theo một đường lối cách mạng văn hoá để tự lập tự cường sau khi đã thất bại trong những cuộc võ trang tranh đấu. Do đó, thực dân cũng muốn dùng văn hoá để say đắm thanh niên. Đông Kinh nghĩa thục muốn tạo nên những người ái quốc cách mạng, thì *Đông Dương tạp chí* và *Nam Phong tạp chí* trước sau đều muốn tạo nên những nhà văn hoá "thuần tuý" ham sống trong tháp ngà để nói chuyện văn chương. Phải nhận rằng, hai tờ báo nói trên đã tạo nên được một lớp "tao nhân mặc khách" không muốn để mắt, để lòng tới những gì xảy đến cho quê hương, đất nước. Và như thế là Pháp đã thành công trong công việc bình định". Nhà văn Thiếu Sơn còn cho thấy ông "không phủ nhận văn tài của Phạm Quỳnh, nhưng không ai chối cãi được là ông ta đã phục vụ thực dân rất đắc lực, ngay về phương diện văn hoá"; còn Nguyễn Văn Vĩnh thì "làm với Tây mà không sợ Tây, không nịnh Tây và lại có ý chống Tây"; "Thực dân không tin ông được nên chúng phải kiếm người thay thế, người đó là Phạm Quỳnh; do đó mà *Nam Phong* ra đời để lần lần phát triển, lấn át cả ảnh hưởng của *Đông Dương tạp chí*. Do đó mà lần lần ông Vĩnh lại đối lập với thực dân, mặc dầu cũng chỉ là đối lập trong khuôn khổ. Ông Quỳnh đề xướng thuyết "lập hiến" thì ông Vĩnh đòi "trực trị", cố nhiên ông Quỳnh làm theo kế hoạch và có sự trợ cấp của thực dân. Nhưng sự đối lập của ông Vĩnh cũng vẫn được thực dân chấp nhận vì cho nó là đồ trang trí để tạo nên một hình thức dân chủ làm dư luận phải chú ý trong khi họ có thể chú ý tới những nơi khác, nguy hiểm hơn". Thật ra ông Vĩnh cùng ở vào số những người có ưu thế trong xã hội, muốn làm gì cho nước cho dân. Nhưng ông không có gan là chí sĩ, lại quá tự phụ nên vẫn coi thường người dân, do đó mà ta không thể để ông Nguyễn Văn Vĩnh vào chỗ đứng của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng[1]. Chiến tranh thế giới I (1914-1918) kết thúc. Công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp càng được đẩy mạnh để bù đắp những thiệt hại trong chiến tranh ở chính quốc. Đông Dương (bao gồm Việt Nam, Lào và Campuchia) được đế quốc Pháp coi là "quan trọng nhất, phát triển nhất và giàu nhất" (Albert Sarraut: "*Việc khai thác các thuộc địa của Pháp*", Pari 1923). Đồng thời nó càng làm đậm nét tính chất thuộc địa nửa phong kiến của xã hội ta. Giai cấp địa chủ giàu thêm ngày càng cấu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc. Giai cấp tư sản càng hình thành rõ nét hơn; giai cấp tư sản Việt Nam có mặt ở mỏ than, có gần 30 chiếc tàu lớn nhỏ, mua lại cả những tàu và xưởng đóng tàu của các công ti Pháp, thuê mướn số công nhân lên tới 1650 người. Nguyễn Hữu Thu đã có gần chục chiếc tàu lớn nhỏ chở khách ở Miền Bắc và sang tận Hương Cảng. Họ ra báo, như tờ *Đại Việt tân báo* (1905-1908), *Diễn đàn bản xứ*

1.Thiếu Sơn: *Những văn nhân chính khách một thời*. Huy Cận đề tựa và Phạm Hữu Tùng đề bạt, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 1993, tr.116.

(1917), *Thực nghiệp dân báo* (1920-1933), *Khai hoá nhật báo* (1921-1927) để nói lên mục đích và hướng đi của mình.

Khi ấy, thực dân Pháp thực hành chính sách chuyên chế về chính trị, thẳng tay đàn áp, không cho dân ta một chút quyền tự do dân chủ nào, đến mức chủ nghĩa cải lương cũng không được phép tồn tại. Những người chủ trương cải cách cũng bị tù đày. Cơ sở xã hội làm chỗ dựa cho hệ thống cai trị, thực dân Pháp ra sức thực hiện chính sách văn hoá nô lệ, gây tâm lí vong bản, tự ti và phát triển tôn giáo, mê tín dị đoan, thực hành triệt để chính sách ngu dân, ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hoá dân chủ tiến bộ Pháp vào Việt Nam. Xã hội Việt Nam vốn đã bị chế độ phong kiến làm cho trì trệ, lại bị chế độ thực dân kìm hãm trong tình trạng lạc hậu và bế tắc.

Trong bối cảnh chính trị Việt Nam lúc ấy, chính quyền thực dân thấy *cần có báo hằng ngày* để kịp thời hướng dẫn dư luận Bắc Kỳ, mà trung tâm là Hà Nội. Tờ *Trung Bắc tân văn*, như đã nêu ở trên, được chọn vào việc này.

Năm 1919, *Trung Bắc tân văn* trở thành tờ báo hằng ngày đầu tiên ở Hà Nội, mở ra một thời kì mới của báo chí Hà Nội. Tổ chức biên tập, quản lí, in ấn, phát hành, v.v.. có những thay đổi lớn và những yêu cầu nghiệp vụ khác hẳn với báo tuần, báo tháng. *Trung Bắc tân văn* được "nhà nước bảo hộ" mua cung cấp đến tận thôn xã. Riêng Hà Nội có hơn chục điểm bán báo tự do. Ở Hải Phòng và Huế cũng có các đại lí bán báo này. Báo được tung ra rộng rãi, viên chức mua báo dài hạn được trả tiền làm nhiều lần. Báo sang cả Pari và Matxcơva.

Tuy *Trung Bắc tân văn* có thay đổi thể loại, nhưng tôn chỉ, mục đích của nó vẫn giữ nguyên như cũ. Trên mặt báo, bên cạnh sự tán tụng "công ơn khai hoá" của thực dân Pháp, là tin bài công kích các phong trào yêu nước và các nhà yêu nước. Hành động yêu nước anh hùng của Phạm Hồng Thái nhằm hạ sát tên toàn quyền Meclanh (Merlin) ở Quảng Châu (1924) bị coi là "việc mưu hại hèn hạ của một đứa ác phạm". Trong số báo ra ngày 29.1.1930, *Trung Bắc tân văn* coi những người cộng sản "phần nhiều là phường đầu trộm đuôi cướp, là những hạng tù vượt ngục" và tán dương sự khủng bố đẫm máu của bọn thực dân cướp nước. Từ giữa thập kỉ 30 thế kỉ XX trở đi, Nguyễn Văn Vĩnh thôi làm chủ bút, quay ra kinh doanh nghề in và xuất bản, rồi sang Lào tìm mỏ vàng và chết tại Sêpôn (năm 1936). Tờ *Trung Bắc tân văn*, khá hơn về thái độ chính trị cũng như về nội dung và thể tài, đáp ứng phần nào thị hiếu và yêu cầu của nhiều tầng lớp người đọc khác nhau ở thành thị, tờ báo thiên về luận thuyết văn chương nghệ thuật nhiều hơn, do đó thu hút được sự cộng tác của nhiều nhà văn, nhà báo có tên tuổi, như Nguyễn Đỗ Mục, Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Doãn Kế Thiện, Vũ Bằng, Xuân Thuỷ, v.v..

Tờ báo hằng ngày thứ hai ở Hà Nội là tờ *Thực nghiệp dân báo* của các nhà tư sản dân tộc: Nguyễn Hữu Thu (sáng lập), Mai Du Lân (giám đốc chính trị), Bùi Huy Tín (giám đốc danh nghĩa); chủ bút là Bùi Đình Tá, một nhà giáo dục, phó chủ tịch Hội

Khai trí tiến đức (số đầu ra ngày 12.7.1920; từ năm 1934 chuyển sang báo tháng, đến tháng 6.1935 thì đình bản). Qua những số báo còn lưu trữ được cho thấy *Thực nghiệp dân báo* có nhiều bài nghiên cứu, bình luận về sự kinh doanh của người Hoa ở nước ta, đánh giá thủ đoạn làm ăn và cạnh tranh của người Hoa, nhưng không có bài nào bàn về việc cạnh tranh và mâu thuẫn giữa các nhà tư sản Việt Nam với Pháp; báo cũng có nhiều bài tỏ thái độ tích cực, như đòi thả Phan Bội Châu, truy điệu Phan Chu Trinh.

Tờ báo hằng ngày thứ ba là *Khai hoá nhật báo* (1921-1927) cũng do một nhà tư sản dân tộc là Bạch Thái Bưởi sáng lập, Lê Văn Phúc rồi Đỗ Thận (cũng là nhà giáo) làm chủ bút. Lúc đầu, Hoàng Tích Chu làm trợ bút, viết xã luận cho báo, nhưng từ tháng 2.1922 không còn làm cho báo này. Tờ *Khai hoá nhật báo* tránh đề cập trực tiếp vấn đề chính trị, có liên quan đến chính quyền thuộc địa, mà đề cập nhiều các vấn đề văn hoá, giáo dục, đạo đức, xã hội, văn học - nghệ thuật, kinh tế... Nếu có nói chính trị thì cũng giữ đúng khuôn khổ để tỏ "lòng thành của nhà tư bản đối với Chính phủ". Số đầu ra ngày 15.7.1921 và sống được bảy năm, nhưng ít có tiếng vang thời ấy.

Vào cuối thập kỉ 20 đến khoảng giữa thập kỉ 30 của thế kỉ XX, trên cả nước ta đã có khoảng 150 tờ báo, tạp chí, tập san xuất bản định kì. Riêng ở Hà Nội, bên cạnh những tờ báo đã có từ trước, như *Đông Dương tạp chí, Nam Phong, Trung Bắc tân văn,* nhiều tờ báo mới đã xuất hiện, như *An Nam tạp chí* (1926-1933) của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu và Ngô Huy Lục, với Lê Thăng làm quản lí,... Báo ra hằng ngày, ngoài *Thực nghiệp và Khai hoá nhật báo*, có thêm nhiều tờ khác như *Hà Thành ngọ báo*. Đặc biệt là tờ nhật báo *Đông Pháp*, tồn tại lâu nhất thời Pháp thuộc, ra đời từ 1925, do nhà kinh doanh Pháp Đơ Laphoocgiơ (De Laforge) làm chủ nhiệm, ở số 53 phố Pôn Be (Paul Bert, tức phố từ Tràng Tiền xuống tận Hàng Khay bây giờ) sau chuyển đến 94 Hàng Gai cho tới cuối 1946.

Báo chí ở Hà Nội thời đó đã có nhiều tờ chuyên ngành. Về kinh tế, ngoài *Thực nghiệp và Khai hoá,* có *tạp chí Hữu Thanh* (1921-1924) của Bắc Kỳ Công thương đồng nghiệp ái hữu, do Nguyễn Huy Hợi làm chủ nhiệm và Tản Đà làm chủ bút (có sự cộng tác của nhiều nhà văn, nhà báo yêu nước, như Ngô Đức Kế); *Nông Công thương báo* (1929-1932) của Phạm Chấn Hưng (thân sinh nhà thơ Phạm Huy Thông), *Bắc Hà* (1935-1938) của Bùi Đình Tiến và Bùi Đức Dậu, *Thương báo* của Đoàn Như Khê (1930-1931) và *Thương báo* của Phạm Tá (1932-1933). Về văn học nghệ thuật có *Tứ Dân tạp chí* (1930-1932) của Tiết Như Ngọc, *Tiểu thuyết thứ Bảy* (1937-1940), *Báo tiểu thuyết* (1936-1942) của Vũ Đình Chung. Về khoa học có *Khoa học tạp chí* (1931-1940) của Nguyễn Đình Tiễu, *Bảo an Y báo* (1934-1938), tạp chí phổ biến y học của các bác sĩ Nguyễn Văn Luyện và Phạm Hữu Chương. Về thể thao có *Bắc Kỳ thể thao* (1930-1933) của Nghiêm Xuân Huyến... Về văn hoá giáo dục có *Ami de la Jeunesse Studieuse* (Bạn của Thanh niên ham học) của Bùi Cẩm Chương

(1931-1937), *Bạn trẻ* của Tôn Thất Minh (1933-1935), *Anh Niên* (1937) do bà Đông Mai là giám đốc, *Phụ nữ thời đàm* (1930-1938) do Nguyễn Văn Đa sáng lập và Ngô Thúc Địch làm chủ bút, *Đông Thanh tạp chí* (1932-1938) do Ngô Tử Hạ làm chủ nhiệm. Hội Chấn hưng Phật giáo có *Đuốc Tuệ* (1935-1945) do Nguyễn Năng Quốc làm giám đốc và Cung Đình Bình làm quản lí.

Chính quyền thực dân tận dụng tư tưởng chính trị phong kiến và bảo hoàng để chống phong trào cách mạng và kiềm chế xu hướng tư sản và tiểu tư sản. Vì lẽ đó chúng cho ra những tờ báo như *Pháp Viện báo* (1931-1932) của Phạm Huy Lục, *La Patrie Annamite* (1933-1945) và *Le Tam-tam* (1933) đều của Phạm Lê Bổng.

Đánh dấu bước cách tân khá mạnh về nghiệp vụ báo chí vào thời đó, phải kể đến sự đóng góp to lớn của Hoàng Tích Chu và Đỗ Văn, thể hiện trên tờ *Hà Thành ngọ báo* và nhất là tờ *Đông Tây tuần báo* (1929-1932). Hoàng Tích Chu là nhà báo Việt Nam đã sang Pháp nghiên cứu nghiệp vụ báo chí và đem về nhiều kiến thức mới về nghề báo. Tờ báo *Đông Tây* của ông ghi dấu ấn về sự đổi mới văn phong, tác động mạnh vào báo chí, tránh lối văn biền ngẫu xưa cũ. Sự đổi mới về ngôn ngữ đó đã tác động mạnh vào báo chí và cả văn học của nước ta hồi đó. Do bệnh tật, Hoàng Tích Chu qua đời ngày 24.1.1933 năm tháng sau khi tờ *Đông Tây* đình bản.

Xin trích để tham khảo một đoạn trong hồi kí *Bốn mươi năm nói láo* của Vũ Bằng[1] mà thượng sĩ viết trong lời tựa: "Đọc *Bốn mươi năm nói láo* chẳng khác gì đọc lịch sử báo chí xứ này trong vòng già nửa thế kỉ XX. Và nếu như ta thường hiểu, báo chí phản ánh sinh hoạt xã hội, thì *Bốn mươi năm nói láo* đã phản ánh phần nào, ở những khía cạnh nào, qua nhiều giai đoạn, nhiều biến cố của xứ sở chúng ta". Vũ Bằng viết:

"Nói đến quá trình báo chí ở Bắc Việt, theo tôi, các nhà văn lão thành như Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Nguyễn Đỗ Mục, Đinh Gia Thuyết, Phạm Duy Tốn, Nhượng Tống, v.v.. đều có công đóng góp rất lớn lao, nhưng phải đợi đến Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh bút chiến với nhau về vấn đề "lập hiến" thì ta mới thấy một thứ nhựa mới làm cho làng báo mạnh hơn lên. Tuy nhiên, mạnh không có nghĩa là tiến bộ. Tôi còn nhớ lúc đó báo hằng ngày có ba tờ: *Thực nghiệp* của ông Mai Du Lân, *Trung Bắc* của ông Nguyễn Văn Vĩnh và *Khai hoá* của ông Bạch Thái Bưởi. Tin tức do sở Cẩm Hàng Đậu và Hàng Trống cung cấp, còn xã thuyết thì *Trung Bắc* bao giờ cũng kết luận: Quốc dân đồng bào nghĩ sao?". Ông Đỗ Thận, râu một đống, viết xã thuyết cho báo *Khai hoá*, cứ tết mồng Năm có một bài xã thuyết mồng 5 tháng 5, tết Nguyên đán thì cũng không bao giờ thay đổi, mở đầu bài xã thuyết bằng 2 câu (có dấu than): "Tết đến rồi...! Tết đến rồi!"... Nhà báo tôi gặp đầu tiên là Tản Đà, Nguyễn Khắc Hiếu. Nhưng bắt đầu ham viết là kể từ ngày các ông Hoàng Tích Chu, Đỗ Văn,

1. Xuất bản ở Sài Gòn năm 1969. Nxb. Phạm Quang Khải; năm 2000, Nxb. Văn hoá - Thông tin, Hà Nội in lại, tr.10, 29.

Phùng Bảo Thạch, Tạ Đình Bính, Vũ Đình Chí làm báo *Ngọ báo* của ông Bùi Xuân Học".

4. Sự xuất hiện của báo chí cách mạng

Năm 1911, Nguyễn Ái Quốc rời quê hương tìm đường cứu nước. Tại Pháp, tiếp cận chủ nghĩa Mác-Lênin, Người đã cùng với những phái tả của Đảng Xã hội Pháp bỏ phiếu tán thành Đệ Tam Quốc tế, trở thành một trong những người sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Người đã cùng các bạn chiến đấu của mình bí mật gửi tài liệu cách mạng về nước, phần lớn là về Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, như báo *Humanité* (Nhân đạo), *Le Paria* (Người cùng khổ) và *Việt Nam hồn*, cùng với một số sách báo khác. Thanh niên, học sinh yêu nước tiêu biểu của Hà Nội lúc bấy giờ như Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Đức Cảnh, Đặng Xuân Khu, Nguyễn Danh Đới, v.v.. chịu ảnh hưởng của các sách báo đó mà sớm giác ngộ cách mạng.

Nửa cuối những năm 20, phong trào yêu nước và dân chủ phát triển tới đỉnh cao của nước ta. Cuộc đấu tranh về đường lối giải phóng dân tộc bắt đầu xuất hiện trong các lực lượng yêu nước, chủ yếu giữa khuynh hướng cách mạng và cải lương giữa một bên là đường lối của giai cấp công nhân và một bên là đường lối của giai cấp tư sản.

Đến đây, lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta chuyển sang một giai đoạn mới, mở đầu bằng sự hình thành từng bước Đảng Cộng sản Việt Nam. Lịch sử báo chí Việt Nam cũng mở ra một chương mới, đánh dấu bằng sự xuất hiện và hoạt động của một loại báo chí đã từng hoạt động công khai ở những thời kì trước. Loại báo chí này chủ yếu hoạt động bí mật, dựa vào sức mạnh của nhân dân và sống trong lòng tin yêu của nhân dân.

Tháng 6.1925, tại Quảng Châu (Trung Quốc), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thành lập một đoàn thể cách mạng với tên gọi là *Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (gọi tắt là Thanh niên). Đường lối chung của hội là: trước cách mạng tư sản dân quyền, tiếp đó phát triển theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Báo *Thanh niên*, cơ quan Trung ương của Việt Nam cách mạng Thanh niên, cũng do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo. Báo ra hằng tuần bằng tiếng Việt. Số đầu ra ngày 21.6.1925, in trên giấy sáp, mỗi số khoảng vài trăm bản và được bí mật chuyển về nước. Đây là tờ báo chính trị đầu tiên của một tổ chức cách mạng Việt Nam viết bằng chữ Quốc ngữ. Nguyễn Ái Quốc vừa là người phụ trách vừa là người viết nhiều bài cho báo. Với nội dung ngắn gọn, lời văn giản dị, trong sáng, các bài của Người đăng trên báo *Thanh niên* đã tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Việt Nam Cách mạng Thanh niên, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước, nêu lên các vấn đề về đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, chuẩn bị cho sự ra đời của chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam sau này.

Theo hệ thống tổ chức Thanh niên, khoảng tháng 3.1927, Kì bộ Thanh niên Bắc Kỳ được thành lập ở Hà Nội và Hà Nội có Tỉnh bộ Thanh niên. Năm ấy, ở Hà Nội có tờ *Dân báo*, ra hằng ngày, của Ngô Văn Mậu, một tên tay sai của thực dân Pháp, vừa ra mắt ngày 1.5, mấy hôm sau đã đăng bài đả kích tinh thần yêu nước của các chí sĩ Việt Nam trong phong trào Văn thân và Đông Kinh nghĩa thục, viết rằng các chí sĩ ấy "đáng đem bỏ rọ trôi sông". Đồng bào Hà Nội rất phẫn nộ. Chi bộ Thanh niên phát động quần chúng đấu tranh. Ngày 9.5, một vạn rưỡi dân lao động, học sinh, người buôn bán nhỏ, các em bán báo, biểu tình kéo đến trước cửa toà báo ở số 9 phố Huế, kịch liệt phản đối. Bị nhân dân tẩy chay, tờ báo này chỉ sống được đến số 16, ngày 16.5.1927, đã phải đóng cửa.

Cũng vào hồi ấy, *Việt Nam Quốc dân đảng* bí mật ra đời ở Hà Nội (25.12.1927). Đây là tổ chức chính trị tiêu biểu cho xu hướng cách mạng dân chủ tư sản, gồm những người trong Nam Đồng Thư xã, đại diện cho quyền lợi và nguyện vọng của giai cấp tư sản dân tộc và tiểu tư sản lớp trên ở Việt Nam. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Phó Đức Chính và Nguyễn Khắc Nhu là những người lãnh tụ chủ chốt của đảng này. Tờ báo bí mật *Hồn cách mạng* là cơ quan của Tổng bộ Việt Nam quốc dân đảng, song chỉ ra được một số, do đảng này bị thực dân Pháp khủng bố dữ dội và hoàn toàn tan rã sau cuộc khởi nghĩa không thành công ở thị xã Yên Bái (10.2.1930).

Trước đòi hỏi của phong trào cách mạng dân tộc dân chủ đang cuồn cuộn dâng lên lúc ấy, những người tiên tiến trong thanh niên đã sớm nhận thức được việc phải có một chính đảng thật sự của giai cấp công nhân. Tháng 3.1929, Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở trong nước đã ra đời ở Hà Nội. Ngày 17.6.1929, Đông Dương Cộng sản đảng thành lập và báo *Búa liềm*, tờ báo cộng sản đầu tiên in ở trong nước cũng ra đời ở Hà Nội.

Ngày 3.2.1930, dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, các đại biểu của ba tổ chức cộng sản ở nước ta họp tại Hương Cảng đã nhất trí hợp thành một đảng duy nhất lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam* và quyết định ra *Tạp chí Đỏ* (số 1 ra ngày 5.8.1930) và báo *Tranh đấu* (số 1 ra ngày 15.8.1930) thay thế tất cả các tờ báo của các tổ chức cộng sản ra trước đó.

Báo *Thanh niên* tồn tại đến 1929, đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, chuẩn bị chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân Việt Nam vào đầu năm 1930; *Thanh niên* xứng đáng là tờ báo khơi dòng lịch sử của báo chí cách mạng Việt Nam. Ngày 21.6 hằng năm ở nước ta được coi là *Ngày báo chí Việt Nam.*

Cần ghi nhớ những hoạt động báo chí cách mạng trước đó của Bác Hồ và nhiều người khác truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, đồng thời để tố cáo với dư luận quốc tế, trước hết là dư luận tiến bộ ở Pháp về chính sách đàn áp, bóc lột tàn bạo của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, như *yêu sách của nhân dân An Nam* (Revendication du Peuple Annamite) do Nguyễn Ái Quốc viết và gửi Hội nghị Vécxây

(Versailles) năm 1919. Trong tám điểm yêu sách, lần đầu tiên ta đòi: tự do báo chí và tư tưởng (yêu sách thứ 3). Nhiều bài báo khác của Nguyễn Ái Quốc đăng trên các báo *Humanité* (Nhân đạo), *Revue Communiste* (Tạp chí Cộng sản), *Vie Ouvrière* (*Đời sống thợ thuyền*), *Le Populaire* (Người bình dân), *Le Journal du Peuple* (Báo của nhân dân), nhất là trên tờ *Le Paria* (Người cùng khổ), cơ quan của Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa do Nguyễn Ái Quốc lập ra. (Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm và chủ bút tờ báo đó trong 14 số đầu, từ tháng 4.1922 cho đến khi Người rời Pháp sang Liên Xô tháng 6.1923). Cũng năm 1923, vào khoảng đầu năm, Nguyễn Ái Quốc sáng lập tờ *Việt Nam hồn*, viết bằng tiếng Việt nhằm phục vụ đối tượng chủ yếu là kiều bào lúc ấy đang học tập, sinh sống ở Pháp và công nhân, lao động trong nước (từ nửa cuối năm ấy Người hoạt động ở Liên Xô, tờ báo này chuyển sang Nguyễn Thế Truyền phụ trách). Người vừa đến Matxcơva thì Lênin qua đời, Người đã có một loạt bài viết về Lênin trên tờ *Pravđa* (Sự thật) và các báo khác.

Trong những năm đầu thập kỉ XX, Nguyễn Ái Quốc viết một loạt bài bằng tiếng Pháp, vạch trần sự lừa bịp của thực dân Pháp núp sau chiêu bài "khai hoá văn minh" để bóc lột, đàn áp nhân dân Việt Nam, và đã trở thành một tác phẩm nổi tiếng mang tên *Bản án chế độ thực dân Pháp* (*Le Procès du Colonialisme franzçais*) do Thư quán lao động ấn hành tại Pari năm 1925.

Noi gương Bác, các vị lãnh đạo chủ chốt của Đảng cũng rất quan tâm đến báo chí và nhiều người đã là những cây bút sắc bén trong làng báo cách mạng nước ta, như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Nguyễn Văn Cừ, Hà Huy Tập, Phan Đăng Lưu, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, v.v.. Từ năm 1925 đến 1930 đã có gần 40 tờ báo của các tổ chức cộng sản được xuất bản và phát hành bí mật.

5. Báo chí Hà Nội sau khi có Đảng Cộng sản Việt Nam

Sau khi Đảng thành lập (3.2.1930) tới tháng 6.1939, có thêm 120 tờ báo đảng ở trung ương và các địa phương. Hai tờ báo đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là *Tạp chí Đỏ* và tờ báo *Tranh đấu*, đều là cơ quan của Trung ương Đảng. *Tạp chí Đỏ* ra ngày 5.8.1930, gần giống như những tập sách huấn luyện, chữ đánh máy, in rônêô, mỗi số khoảng 100 bản. Mười ngày sau, tờ *Tranh đấu* ra đời (ngày 15.8.1930), do Trịnh Đình Cửu chỉ đạo biên tập. Báo in bằng giấy sáp, viết bút sắt; khi ấy tuy đã có chữ Quốc ngữ, nhưng ở nông thôn, nhiều người không thạo chữ Quốc ngữ bằng chữ Nho và chữ Nôm, vì vậy báo ra phụ trương chữ Nôm, tóm tắt những bài quan trọng để dễ phổ cập trong quần chúng.

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ nhất (tháng 10.1930), *Tạp chí Đỏ* và tờ báo *Tranh đấu* ngừng xuất bản, và thay thế bằng báo *Cờ vô sản* (từ 1.1.1931) và *Tạp chí Cộng sản* (từ 11.2.1931). Ngay trong số đầu *Tạp chí Cộng sản*, sau lời nói đầu, là lời bàn về tổ chức, và đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề "*Cần phải mở rộng việc tự chỉ trích trong Đảng*" (tức là vấn đề tự phê bình và phê bình). Hai tờ báo này chỉ tồn tại

được mấy tháng, cho đến ít ngày sau Hội nghị Trung ương lần thứ hai (3.1931), các cơ quan của Trung ương Đảng bị lộ, tổng bí thư Trần Phú và nhiều uỷ viên Trung ương bị địch bắt, hai tờ báo nói trên cũng phải đình bản.

Xứ uỷ Bắc Kỳ còn xuất bản báo *Tiến lên*[1]. Hà Nội trở thành nơi xuất bản và phát hành báo chí cách mạng, nhưng Đảng bộ Hà Nội khi ấy chưa có tờ báo riêng.

Tháng 6.1934, Ban chỉ huy Đảng ở ngoài nước ra tờ *Tạp chí Bônsêvich*, gửi về nước và đã góp phần quan trọng vào việc thống nhất Đảng về lí luận, tư tưởng, chính trị, khôi phục cơ sở và hệ thống tổ chức Đảng ở trong nước, chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ I (tháng 3.1935).

Trong các nhà tù đế quốc, các chiến sĩ cộng sản cũng ra báo để động viên nhau giữ vững chí khí, đoàn kết đấu tranh chống chế độ ngục tù của địch, như tờ *Con đường chính* của chi bộ Đảng trong nhà tù Hoả Lò Hà Nội, do ông Trường Chinh (bút danh Cây Xoan) làm chủ bút (1932-1933). Khi chưa bị thực dân cầm tù, các đảng viên cộng sản và Quốc dân đảng tuy khác nhau về quan điểm, đường lối và phương pháp cách mạng, nhưng không trực tiếp tranh luận với nhau. Khi cùng bị giam trong nhà tù Hoả Lò - Hà Nội, do thái độ mặc cảm của một số đảng viên Quốc dân đảng đã nổ ra cuộc "bút chiến" giữa tờ *Đường cách mạng* của Quốc dân đảng và tờ *Con đường chính* của Cộng sản. Hai bên luận chiến gay gắt về triết học, về những vấn đề chính trị trong nước và quốc tế,... Nhưng rồi bị địch kiểm soát ngặt nghèo, giấy bút từ ngoài gửi vào cạn dần, hai tờ báo này cũng chỉ tồn tại được gần một năm, đến cuối năm 1932 thì ngừng. Trong nhà tù Hoả Lò, năm 1931-1932, các chính trị phạm cộng sản còn có những tờ báo viết tay *Lao tù, Lao tù đỏ, Lao tù tạp chí*.

Báo chí cách mạng trong thời gian này đã làm đúng chức năng, "người cổ động tập thể, tuyên truyền tập thể và tổ chức tập thể", đóng góp rất tích cực vào việc khôi phục và phát triển Đảng, mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị và lí luận. Trước những thủ đoạn cực kì tàn ác của bọn thực dân phong kiến nhằm bóp chết từ trong trứng cơ quan ngôn luận cách mạng và cộng sản, báo chí của Đảng trong thời đó không có cách nào khác là phải hoạt động bí mật.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào cách mạng đã vượt qua những cơn lốc khủng bố trắng của địch. Báo chí của Đảng, qua năm năm hoạt động và thử thách (1930-1935), đã vững thêm và lớn lên để tiến mạnh hơn trên những chặng đường mới.

Trong tình hình chung, các báo công khai và hợp pháp cũng liên tục tăng về số lượng: năm 1930 có 132 tờ, đến năm 1935 lên 267 tờ, tuy mỗi năm có vài chục tờ bị đình bản, cả về hình thức và nội dung, với sự ra đời của tờ *Đông Tây* (1929-1932) do Hoàng Tích Chu và Phùng Tất Đắc chủ trương, tiếp đó là tờ *Phong hoá* (1932-1936).

Sự xuất hiện của tờ *Phong hoá*, năm 1932, cũng là một cột mốc đáng kể của báo

---

1. Viện Bảo tàng cách mạng Việt Nam hiện còn lưu giữ được một số đặc biệt đề ngày 15.2.1934, bốn trang, in giấy sáp, viết bút sắt.

chí Hà Nội và cả nước hồi ấy. Như trên đã thấy, Hoàng Tích Chu là nhà báo Việt Nam đầu tiên đi nghiên cứu báo chí ở Pháp nhằm cải tiến báo chí nước nhà. Còn một người nữa, là nhà văn Nhất Linh, tức Nguyễn Tường Tam, với những tác phẩm đầu tay *Nho phong* (1925) và *Người quay tơ* (1927), tuy không phải là nhà báo, nhưng yêu thích nghề báo, sau khi đậu cử nhân khoa học ở Pháp về, tập hợp một số bè bạn định cùng nhau ra báo trào phúng; xin phép Toàn quyền mãi không được, thì gặp lúc tờ *Phong hoá* của Nguyễn Xuân Mai và Phạm Hữu Ninh ra hằng tuần từ ngày 16.6.1932 đang thua lỗ có nguy cơ phải đóng cửa, Nguyễn Tường Tam bèn thuê lại, nhưng vẫn để Nguyễn Xuân Mai cùng đứng tên giám đốc với mình. Chỉ trong vòng hai tháng, từ một tờ báo hiền lành nhạt nhẽo, vô thưởng vô phạt, *Phong hoá* thay đổi cả hình thức lẫn nội dung, chuyển thành một tờ báo văn chương, nghệ thuật, trào phúng xã hội, thu hút được ngày càng đông đảo bạn đọc, phát hành mỗi kì tới một vạn số, là số lượng khá cao thời bấy giờ. Chủ lực của báo lúc đầu có ba anh em Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), sau thêm Trần Khánh Dư (Khái Hưng hay Nhị Linh), Hồ Trọng Hiếu (Tú Mỡ), Nguyễn Thứ Lễ (Thế Lữ), Xuân Diệu, Huy Cận, Trần Tiêu, Trọng Lang, Đoàn Phú Tứ, Thanh Tịnh và các hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Khái Hưng, Hoàng Đạo... Họ thành lập Tự lực văn đoàn gồm 7 người là Nhất Linh, Thạch Lam, Thế Lữ, Trần Tiên, Khái Hưng, Hoàng Đạo mà trụ cột là Nhất Linh. *Phong hoá* là cơ quan của nhóm này. Khi mới ra mắt bạn đọc, tờ *Phong hoá* nêu tôn chỉ là: hăng hái theo con đường mới, tìm lí tưởng mới; không chịu khuất phục thành kiến; không ai làm nô lệ ai, không xu phụng một quyền thế nào; lấy lương tri mà xét đoán, theo lẽ phải mà hành động, lấy thành thực làm căn bản; trào phúng làm phương pháp, tiếng cười làm vũ khí. Phải thừa nhận rằng, *Phong hoá* đã góp phần đáng kể vào sự cách tân và phát triển của văn học Việt Nam, là cái nôi của nền thơ mới nước ta; văn chương của *Phong hoá* không mang nặng ảnh hưởng văn Tây hay văn Tầu. Cách trình bày in ấn của tờ báo thanh thoát, đem lại bộ mặt mới về phương diện hình thức cho báo chí Hà Nội và cả nước. Báo có sức hấp dẫn, thu hút được nhiều tầng lớp, nhất là bạn đọc bình dân, với những tiếng cười sảng khoái, hóm hỉnh, trong lúc cuộc sống vật chất thường ngày lúc đó có nhiều chật vật, không khí chính trị có nhiều bức bối. Bạn đọc hâm mộ bao nhiêu thì giới quan lại, chức dịch căm giận bấy nhiêu. *Phong hoá* ra được đến số 190, ngày 5.6.1936 thì bị đóng cửa. Lường trước được việc này, từ năm 1934, nhóm Tự lực văn đoàn đã xin ra tờ *Ngày nay*, xuất bản song song với *Phong hoá*.

Năm 1932, Hải Triều ra tù, bị quản thúc tại Huế, viết bài gửi đăng tờ báo *Đông phương* (1929-1934) của Lavalê ở Hà Nội. Đây là loạt bài đầu tiên của một người cộng sản viết theo quan điểm cách mạng xuất hiện công khai trên báo chí Hà Nội. Năm 1933, trên báo này đã nổ ra cuộc bút chiến về "duy tâm và duy vật", giữa nhóm của Hải Triều với nhóm Phan Khôi. Báo *Đời mới* của Lê Văn Hoè và Nguyễn Mạnh

Chất xuất bản hằng tuần ở Hà Nội năm 1935, chỉ sống được có non một tháng từ ngày 24.3 đến ngày 14.4 và ra được có 4 số, nhưng đã nổi danh do việc tiếp nối cuộc tranh luận về "duy tâm và duy vật", phê phán quan điểm duy tâm và nêu cao triết học duy vật Mác-xít trên báo chí hợp pháp. Năm 1935, Hải Triều còn tranh luận về "Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh" kéo dài suốt thời kì Mặt trận Dân chủ. Qua việc tranh luận này với vốn hiểu biết phong phú, trình độ lí luận vững vàng, nhiệt tình chiến đấu sôi nổi, lối viết đanh thép, tinh tế, hóm hỉnh, Hải Triều đã nêu lên những vấn đề quan trọng nhất của lí luận văn nghệ Mác-xít, tuyên truyền, cổ vũ khuynh hướng văn học hiện thực đương thời, như *Kép Tư Bền* của Nguyễn Công Hoan hay *Lầm than* của Lan Khai, v.v.

Lúc này không chỉ có hai cuộc tranh luận ấy mà còn có những cuộc tranh luận về thơ mới, về nữ quyền, về *Truyện Kiều*, về tân học và cựu học, về chủ trương cải nước cũng ảnh hưởng đến tính tranh đấu của báo chí.

Cũng vào thời ấy, Trần Huy Liệu (1901-1969, quê ở Văn Cát, Vụ Bản, Nam Định) đang bị thực dân quản thúc tại quê nhà, ra Hà Nội viết bài đăng các báo. Báo *Đời mới* (số 2, ngày 31.3.1935) bắt đầu đăng "Côn Lôn kí sự" với Lời giới thiệu: "Tác giả Trần Huy Liệu, nguyên là chủ bút *Đông Pháp thời báo* ở Sài Gòn, một nhà văn xuất sắc đã từng ăn cơm nhà tù ở Sài Gòn và Côn Lôn"; thiên kí sự này đăng được ba số ra, đến số 4, ngày 14.4.1935 thì bị rút giấy phép. Trần Huy Liệu thấy viết tên thật, mật thám sẽ tìm cách cấm báo. Ông phải kí nhiều bút danh khác tiếp tục đăng trên các báo *Bắc Hà, Tiếng vang làng báo, Kiến văn,...* nhưng không qua được con mắt cú vọ của bọn thực dân, chúng moi ra tung tích tác giả là "tù chính trị, làm cộng sản trở về", còn bài vở chúng dán cho cái nhãn "phương hại đến an ninh quốc gia, kích động chống đối Nhà nước", thế là báo không còn được tiếp tục xuất bản,...

Tình hình báo chí công khai ở Hà Nội lúc này rất phức tạp. Có những tờ thể hiện rõ quan điểm phản động về chính trị, trắng trợn làm tay sai cho kẻ thù dân tộc. Theo một số nhà nghiên cứu lịch sử báo chí thì tờ *Phụ nữ thời đàm* khá tiêu biểu cho loại đó. Báo này do Nguyễn Văn Đa sáng lập, lúc đầu báo ra hằng ngày, sau ra hằng tuần, do Ngô Thúc Địch làm chủ bút từ năm 1930 đến năm 1934 thì ngừng. Chính *Phụ nữ thời đàm* trong số ra ngày 8.8.1933 đã đăng bài của Phan Khôi nhan đề "Văn minh vật chất và văn minh tinh thần", mở ra cuộc tranh luận về duy tâm và duy vật, mà Hải Triều đã trả lời trên *Đời mới*. Tháng 8.1938 *Phụ nữ thời đàm* lại tiếp tục ra và bộc lộ rõ xu hướng trốtxkít, người sáng lập vẫn là Nguyễn Văn Đa và thấy ghi tên Thái Văn Tam làm chủ nhiệm (sẽ nói tiếp đến tờ báo này ở phần sau). Cũng có những tờ báo không tỏ quan điểm rõ ràng, như *Nhật tân* (1933-1935) của Đỗ Văn, Tạ Đình Bính, Phùng Tất Đắc, hay *Tiểu thuyết thứ bảy* (1934-1945) của Vũ Đình Long chẳng hạn. Những tờ báo đăng những bài có khuynh hướng yêu nước và tiến bộ đều lần lượt bị thu hồi giấy phép, như *Đời mới* của Lê Văn Hoè (đã nói trên), *Tiến hoá* của Lê Tràng Kiều (1935, được 3 số), *Kiến văn* của Nghiêm Thượng Văn (ra được 10 số

từ tháng 12.1935 đến tháng 5.1936), *Tiếng vang làng báo* của Nguyễn Cao Sơn (chỉ được hai tuần giữa tháng 5.1936).

6. Báo chí Hà Nội thời kì Mặt trận Dân chủ

Tháng 3.1935, *Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Đảng* họp ở Ma Cao (Trung Quốc). Đại hội có ý nghĩa lịch sử quan trọng là đã khôi phục lại hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến địa phương, chuẩn bị điều kiện cho phong trào cách mạng Đông Dương chuyển sang một thời kì mới. Đại hội họp vào lúc đã xuất hiện nguy cơ chủ nghĩa phát xít gây ra chiến tranh thế giới. Tháng 7.1935, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp ở Matxcơva, đã vạch rõ: Kẻ thù trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân thế giới lúc này là chủ nghĩa phát xít, do đó nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, giành dân chủ và hoà bình, bảo vệ Liên Xô. Đại hội đề ra nhiệm vụ đặc biệt quan trọng là thành lập *Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chống chiến tranh*.

Tháng 4.1936, thắng lợi của Mặt trận Bình dân ở Pháp đã tác động tích cực đến tình hình chính trị ở Việt Nam. Tuy chưa phải đã nằm trong tình thế cách mạng nhưng tình hình đã rất thuận lợi.

Tháng 7 năm ấy, Hội nghị Trung ương Đảng quyết định chuyển sang hoạt động công khai, hợp pháp, đưa cách mạng Việt Nam lên một cao trào mới, với mục tiêu trước mắt là đòi quyền dân sinh dân chủ.

Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Thống nhất rộng rãi bao gồm các giai cấp, đảng phái, dân tộc, tổ chức chính trị, xã hội và tôn giáo khác nhau; triệt để sử dụng báo chí công khai làm vũ khí đấu tranh cách mạng. Hàng chục tờ báo của Đảng, của Mặt trận và của các đoàn thể nối tiếp nhau ra đời ở khắp Bắc, Trung, Nam, bằng tiếng Việt và tiếng Pháp.

Mùa thu năm 1936, phong trào đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống phát xít, chống chiến tranh, đòi quyền tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh và vận động Nguyễn An Ninh, một nhà trí thức yêu nước, đứng ra cổ động thành lập Đông Dương đại hội.

Ở Hà Nội, từ đầu tháng 6.1936 đã xuất hiện báo *Hồn trẻ tập mới*, tờ báo công khai đầu tiên của Đảng bộ Hà Nội (cũng là tờ báo công khai đầu tiên của Đảng trong cả nước). Trên măng-sét báo nêu tên chủ nhiệm Nguyễn Mạnh Đang và chủ bút Nguyễn Uyển Riễm, nhưng sự thật là do Nguyễn Thế Rục chủ trương và Trần Huy Liệu chỉ đạo[1].

---

1. Nguyễn Thế Rục sinh năm 1902, cùng quê với Trường Chinh ở Hành Thiện, Xuân Trường, Nam Định, đã từng theo học ở Pháp và Liên Xô, về nước bị Pháp bắt rồi quản thúc tại Hà Nội. Năm 1930 đã góp nhiều ý kiến quan trọng với Trần Phú khi soạn thảo *Luận cương chính trị*. Trong những năm 1935-1936 đã tập hợp đảng viên cộng sản và chỉ đạo phong trào ở Hà Nội. Ngày 23.5.1938 đồng chí mất vì bệnh lao phổi.

Trước đó ở Hà Nội tờ *Hồn trẻ* của Nguyễn Mạnh Đang, xuất bản hằng tuần từ ngày 15.4.1935, nhưng đang bị ế, sắp phải đóng cửa. Các đồng chí cộng sản ở Hà Nội nhận được tin Mặt trận Bình dân đã thắng cử và Lêông Blum (Léon Blum) thuộc Đảng Xã hội đã lập chính phủ ở Pháp. Thời cơ đã đến, cần ra báo ngay, nhưng để khỏi phải xin phép chính quyền thuộc địa, các đồng chí thuê lại báo của Nguyễn Mạnh Đang, đổi tên *Hồn trẻ tập mới*, ra mắt bạn đọc Hà Nội từ ngày 6.6.1936. Báo vẫn giữ tên chủ nhiệm cũ, nhưng ban biên tập và nội dung hoàn toàn mới.

Hồn trẻ tập mới là tờ báo tiên phong mở đường cho báo chí cách mạng trong thời kì vận động dân chủ, trận địa đấu tranh công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp ở Hà Nội. Cùng với những bài viết với nhiều thể loại của Trần Huy Liệu qua các bút danh Hải Khách, Hải Thu, báo còn có bài của nhiều chiến sĩ cộng sản khác từng hoạt động trong các tổ chức tiền thân của Đảng hay đầu những năm 30, như Hải Triều, Hải Thanh, Nguyễn Sơn Trà, Nguyễn Thị Lựu, Mai Quỳnh Hoa, Học Phi và những nhà trí thức có tư tưởng cấp tiến như Hồ Xanh, Nguyễn Thị Thu, Nguyễn Thị Kiên, Huy Thông, Đức Minh, v.v..

Do tình hình chuyển biến nhanh, chưa kịp nhận được chủ trương của Trung ương, chưa biết được những ý kiến chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về chiến lược và sách lược, nên báo *Hồn trẻ tập mới* trong mấy số đầu (ra tháng 6.1936) không tránh khỏi một vài khuyết điểm và nhược điểm về chính trị. Ví dụ như trong một bài phi lộ, tờ báo đả phá "những người bị nhồi sọ bởi những cái sản phẩm của xã hội đương thời như tam cương, ngũ thường, hư vô, luân hồi, kiêm ái...", và nhân đám tang Nguyễn Văn Vĩnh chết ở Lào ngày 1.5.1936, lúc đưa về nước, báo lục lại mấy bài trong *Đông Dương tạp chí* trước đó hơn hai chục năm, để xem xét đánh giá thái độ chính trị của ông này.

Tuy nhiên, *Hồn trẻ tập mới* mau chóng được bạn đọc trên cả nước hoan nghênh do nội dung của báo đề cập nhiều mặt chính trị, kinh tế, xã hội, văn học nghệ - thuật trong nước và quốc tế khá rộng. Nổi bật trong nhiều số đầu là đấu tranh đòi thả tù chính trị, tin tức về việc 150 tù chính trị ở Côn Đảo được trả tự do về Sài Gòn; tù chính trị được ân xá ra Hải Phòng, lên Hà Nội. Tin các nhà vua yêu nước Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân bị lưu đầy nay cũng được trở về. Bài giới thiệu nữ sĩ Ăngđrê Viôlit (Andrée Viollis), nhà văn, nhà báo tiến bộ Pháp, viết sách, báo tố cáo chế độ thực dân tàn bạo ở Việt Nam và đấu tranh đòi trả tự do cho tất cả tù chính trị Đông Dương. Báo có những bài của Hải Thu viết về tình hình chính trị ở Pháp có quan hệ đến Việt Nam, như "Nhìn sang nước Pháp bình dân, nước Pháp bình dân với thuộc địa Đông Dương", hay bài của Nguyễn Sơn Trà phê phán chủ nghĩa phát xít. Về triết học, báo có nhiều truyện ngắn, truyện dài đăng nhiều kì; có những bài giới thiệu văn học Xô viết và các nhà văn lớn trên thế giới, như Mácxim Goócki, Rômanh Rôlăng (Romain Rolland), Ăngđrê Gitđơ (André Gide); giới thiệu tập phóng sự *Tôi kéo xe* của Tam Lang. Báo cũng đã trân trọng nêu cao các nhân vật tiêu biểu trong các phong trào yêu

nước đầu thế kỉ, như Nguyễn Thượng Hiền, Ngô Đức Kế, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Lương Văn Can, v.v.. *Hồn trẻ tập mới* rất tích cực tham gia đấu tranh đòi tự do báo chí và liên tiếp trong nhiều số cuối tháng 8.1936 nồng nhiệt hưởng ứng vận động Đông Dương Đại hội do Nguyễn An Ninh nêu lên ở báo *La Lutte* (Tranh đấu) ở Sài Gòn. *Hồn trẻ tập mới* dành hẳn số 12 (ngày 27.8.1936) làm số đặc biệt về Đông Dương Đại hội, trong lúc thực dân Pháp đang tìm mọi cách đối phó nhằm dẹp phong trào này. Chính vì thế hai ngày sau, toàn quyền Pháp Rôbanh (René Robin) kí nghị định cấm, không cho *Hồn trẻ tập mới* ra tiếp. Tuy *Hồn trẻ tập mới* chỉ tồn tại được gần 3 tháng với 12 số báo, nhưng đã điểm một dấu son trong lịch sử báo chí Hà Nội, mở đầu thời kì vận động đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hoà bình, cũng như trong cuộc vận động tiến tới mặt trận rộng rãi của giới báo chí.

Để tiếp tục có tờ báo làm vũ khí đấu tranh, chỉ còn cách ra một tờ báo tiếng Pháp, để khỏi phải xin phép như luật của chính quyền thực dân lúc đó quy định. Tất nhiên, báo chữ Pháp sẽ hạn chế tác dụng tuyên truyền rộng rãi, nhưng có còn hơn không. Một số đồng chí ta với một số trí thức có cảm tình với Đảng đứng ra xuất bản tờ *Le Travail* (có thể dịch là Cần lao hay Lao động, nhưng Lao động lại trùng với tên tờ báo của Công hội lúc bấy giờ). Khoảng hai tháng đầu, tờ báo là của Hà Nội, vẫn do Nguyễn Thế Rục chủ trương và Trần Huy Liệu chỉ đạo chính trị. Những cây bút chủ lực trong *Le Travail* là Trần Đình Long, Võ Nguyên Giáp, Vũ Liên, Nguyễn Mạnh Chất, Phan Tự Nghĩa. Trịnh Văn Phú đứng tên chủ nhiệm; ông là người Hà Nội, theo học ở Pháp, do vào Đảng Cộng sản Pháp và tham gia biểu tình bênh vực chiến sĩ khởi nghĩa Yên Bái nên bị trục xuất về nước năm 1930. *Le Travail* số 1 ra ngày 16.9.1936 với số lượng 1000 bản, và lập tức trở thành diễn đàn rộng rãi của nhân dân ta chống bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai, tuyên truyền vận động việc thành lập Mặt trận Dân chủ.

Le Travail ra mắt vào lúc phong trào Đông Dương Đại hội đang tiến bước ở Bắc Kỳ, mặc dầu bọn phản động thuộc địa và tay sai tìm cách ngăn chặn. Liền trong bốn số đầu, báo tập trung vào chủ đề sôi nổi này. Về quốc tế, báo có những bài bình luận về cuộc đấu tranh của Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha chống phát xít Phrăngcô (Franco), về tình hình Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội,...

Cuối năm 1936, một số đồng chí thoát khỏi nhà tù đế quốc, như Đặng Xuân Khu (tức Trường Chinh), Hạ Bá Cang (tức Hoàng Quốc Việt), Lương Khánh Thiện, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Xuân Phúc,... Xứ uỷ Bắc Kỳ được lập lại, Đặng Xuân Khu được phân công làm bí thư chi bộ báo chí và được bổ sung vào Xứ uỷ, phụ trách công tác tuyên huấn và giám đốc chính trị các tờ báo do Xứ uỷ chỉ đạo. Từ đây *Le Travail* đặt dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ và Đặng Xuân Khu chỉ đạo trực tiếp. Uy tín và ảnh hưởng của tờ báo ngày càng rộng lớn với giới trí thức trong nước và ở Pháp, thông qua giới trí thức mà truyền đạt đến giới lao động những vấn đề được báo đề cập. Khi ấy, một phái đoàn của chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp do Giuyxtanh Gôđa (Justin

Godard) dẫn đầu sắp sang điều tra tình hình Đông Dương, báo *Le Travail* trở thành diễn đàn rộng rãi của nhân dân ta chống bọn phản động thuộc địa và tay sai. Khi Gôđa đến Hà Nội, *Le Travail* là nơi tập hợp các bản dân nguyện để chuyển cho phái đoàn và cũng tổ chức cho Gôđa tiếp nhiều đoàn đại biểu công nhân, thợ thủ công, nông dân, tiểu thương ở đây.

Theo nhà báo Xuân Thuỷ[1] kể lại, hồi ấy ông đang làm thông tín viên cho *Trung Bắc tân văn* ở thị xã Phúc Yên (nay thuộc huyện Mê Linh, Vĩnh Phúc). Gặp đúng lúc Mặt trận Bình dân Pháp thắng lợi, và ở Việt Nam cũng dấy lên một phong trào sôi nổi bày tỏ nguyện vọng và đòi quyền lợi của dân. Bấy giờ ông chưa phải là đảng viên cộng sản, nhưng với nhiệt tình cách mạng, biết đến đâu làm đến đấy. Cùng mấy người nữa, ông tổ chức thành một nhóm hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản và tổ chức đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ, tổ chức những cuộc chống quan lại tham nhũng, đòi giảm sưu cao thuế nặng. Nhóm ông đã tổ chức nông dân Phúc Yên đi đón Gôđa ở Hà Nội đạt kết quả tốt. Nhưng ít hôm sau, tuần phủ Phúc Yên (lúc đó là ông Phan Kế Toại) gọi một đại biểu nông dân là Lê Văn Thân lên tra hỏi: Ai bầy vẽ đi đón ông Gôđa, đón ông Gôđa là làm cộng sản phải không? Doạ nạt bằng lời không được, quan tuần cầm cái triện đồng nện vào mu bàn tay Thân mấy cái. Nhóm Xuân Thuỷ bày cách lấy giấy chứng thương và làm đơn kiện quan tuần. Chị Mai Phương (sau này là bà Xuân Thuỷ) cùng một người em họ đi Hà Nội đưa đơn cho báo *Le Travail* chụp ảnh để đăng báo, rồi mới nộp đơn cho chưởng lí Toà thượng thẩm. Hôm sau lá đơn được đăng lên tờ báo kèm theo bài bình luận (được biết bài bình luận này của Võ Nguyên Giáp). Thế là dư luận rầm lên khắp nơi. Quan tuần lại cho người gọi Thân lên vừa đe doạ vừa dụ dỗ. Nhóm Xuân Thuỷ được tin này, báo cho *Le Travail* cử đoàn phóng viên đến Phúc Yên cùng với việc đưa gia đình Lê Văn Thân đến dinh tuần phủ đòi người nhà. Sự việc đưa ra Toà thượng thẩm. Nông dân Lê Văn Thân được ngồi bên nguyên, quan tuần ngồi bên bị. Nhưng rồi toà cũng tìm cách xí xoá, nói rằng việc không đủ chứng cứ để xét xử, nên đình cứu! Vài hôm sau, theo gợi ý của thống sứ Tôlăngxơ (Tholance), quan tuần phát đơn kiện báo *Le Travail* là vu cáo và phỉ báng quan trường. Toà tuyên phạt *Le Travail* 6000 quan, một khoản tiền khá lớn, ta không chịu nộp phạt. Ngày 16.4.1937, *Le Travail* ra số cuối cùng, với bài tố cáo mạnh mẽ thủ đoạn bóp nghẹt tự do báo chí, bênh che quan lại sai trái ức hiếp dân, và tuyên bố tự đình bản.

Trần Huy Liệu và Xuân Thuỷ tiếp tục làm báo và tiếp tục vận động nhân dân đấu tranh, năm 1939, cả hai nhà báo này đều bị Pháp bắt giam vào Hoả Lò, rồi đầy lên Sơn La. Trên đường đi đầy, hai người cùng chung một xích. Trần Huy Liệu làm một bài thơ với đoạn mở đầu như sau:

---

1. Xuân Thuỷ (1912-1985), quê ở Phương Canh, Từ Liêm, Hà Nội.

Một xích hai thằng khắp đó đây
Ngủ, ăn, ỉa, đái, chẳng rời tay
Anh em ta thắt dây liên lạc
Trên bước đường xa cát bụi đầy

Xuân Thuỷ hoạ lại:

Gió bụi đường đời đã tới đây
Xích thì mặc xích cứ vung tay
Núi sông hùng vĩ chờ ta đó
Quyết vượt chông gai cóc sợ đầy

Hai người cùng nhau làm tờ *Suối reo* ở Nhà tù Sơn La và gặp lại nhau trên tờ *Cứu quốc* bí mật năm 1944, rồi sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, lại gặp nhau tại ngôi nhà 44 Lê Thái Tổ trông sang Hồ Gươm. Trần Huy Liệu làm bộ trưởng Tuyên truyền và Xuân Thuỷ làm chủ bút báo *Cứu quốc*. Ông Phan Kế Toại sau đó làm phó thủ tướng Chính phủ và cùng Xuân Thuỷ hoạt động trong Mặt trận Liên Việt.

Sau khi *Le Travail* phải đóng cửa, năm 1937, các đảng viên cộng sản xuất bản luôn các tờ báo tiếng Pháp khác: *Rassemblement* (Tập hợp, 1937-1839), *En avant* (Tiến lên, 1937), *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta, 1939) do Trường Chinh chỉ đạo và Ban Biên tập gồm có Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Phan Thanh, Trần Đình Long.

Ngày 6.4.1937, tờ báo tiếng Việt công khai đầu tiên của Xứ uỷ ra mắt tại Hà Nội là *Hà thành thời báo* do Nguyễn Văn Phúc làm chủ nhiệm và Trần Huy Liệu làm chủ bút, Nguyễn Đức Kính quản lí. Tờ báo này vốn là của Lê Kế Huyên cho Xứ uỷ thuê, nhưng để giữ thế hợp pháp vẫn đề tên ông ta là người sáng lập. Sau số 43 ra ngày 26.3.1938 ta lại trả lại Lê Kế Huyên, và ra tiếp tờ *Thời thế*, từ ngày 30.10.1937 đến ngày 12.2.1938 do Trần Đình Tri, rồi Trần Đình Long quản lí và vẫn có tên Lê Kế Huyên là giám đốc sáng lập.

Tới Hội nghị Trung ương Đảng tháng 3.1938, bộ phận công khai của Đảng ở Bắc Kỳ ra tờ *Tin tức* - "Cơ quan của Mặt trận Dân chủ Đông Dương". Tờ báo này do Trường Chinh làm chủ nhiệm, Trần Huy Liệu làm chủ bút, nhưng trên măng-sét chỉ nêu tên người chủ cũ là Lương Văn Tuân. Báo ra từ ngày 2.4 đến ngày 15.10.1938, mỗi tuần hai số, in tới 7.000 bản mỗi kì là số bản phát hành tương đối cao hồi bấy giờ.

Tin tức đã đánh dấu một bước tiến về phong cách làm báo và nghệ thuật tuyên truyền giáo dục bằng báo chí của Đảng.

Ngoài ra còn *Tân xã hội* (ra được 3 số từ ngày 30.9 đến ngày 17.10.1936) do Vũ Đình Huỳnh phụ trách, nhưng đề tên người sáng lập là Nguyễn Bỉnh Nam, một nhà trí thức ở Hà Nội; *Tiếng trẻ* (ra được 5 số từ ngày 22.12.1936 đến ngày 19.1.1937) do Phạm Hữu Ninh chủ nhiệm và Trần Văn Tuyên làm quản lí; *Bạn dân* (29 số từ

tháng 4 đến tháng 11.1937) do Đào Duy Kỳ làm quản lí; *Tiểu thuyết thứ năm* (được 7 số, từ ngày 18.3 đến 1.5.1937) do Học Phi làm thư kí toà soạn, sau này tờ báo vẫn tiếp tục nhưng không còn thuộc Xứ uỷ chỉ đạo (được 13 số, từ ngày 15.9.1938 đến ngày 13.9.1939, có nhiều thời gian cách quãng); *Ngày mới* (được 14 số, từ ngày 19.4 đến ngày 26.8.1939), do Dương Tự Quán sáng lập, nguyên là báo tư nhân, sau chuyển thành báo của Đoàn thanh niên Dân chủ, do Nguyễn Thường Khanh (tức Trần Mai Ninh) làm quản lí, ra được 5 số từ ngày 5.6 đến ngày 5.9.1939.

Cộng cả ba miền, báo chí cách mạng có hơn 40 tờ trong thời kì vận động dân chủ. ảnh hưởng của báo Đảng ngày càng sâu rộng trong quần chúng. Chính quyền phản động dùng mọi thủ đoạn phát xít thẳng tay bắt giam và đàn áp những người làm cách mạng, ra lệnh đóng cửa hàng loạt tờ báo cùng một lúc, thậm chí cấm ngay từ khi tờ báo mới đăng lời quảng cáo. Chúng truy nã những ai đọc và giữ sách báo tiến bộ; khám xét, tịch thu tài sản các toà báo, các nhà in và các cơ sở phát hành. Nhưng chúng ta không lùi bước. Tờ này bị cấm tờ khác lại ra.

Trong suốt ba năm từ 1936 đến 1939, sự phát triển của báo chí cách mạng đã tác động sâu sắc đến làng báo Hà Nội và cả nước. Giới báo chí nói chung đều có chuyển biến trong khuynh hướng và thái độ chính trị. Tuy rằng do quyền lợi kinh tế và chính trị của từng người hay từng nhóm người, họ có lúc thế này hay thế khác trước chủ trương đấu tranh của Mặt trận Dân chủ do Đảng lãnh đạo. Những tờ báo trung gian thường tỏ ra thiện cảm với Mặt trận, có thể kể đến: *Tiểu thuyết thứ năm* (từ ngày 8.5.1937) của Đinh Mai, Lê Cường và Lê Tràng Kiều, *Tiểu thuyết thứ bẩy* (1934-1945) của Vũ Đình Long, với Ngọc Giao và Vũ Bằng làm thư kí toà soạn, *Thời vụ* (1938-1940) của Phạm Toàn, *Effort Indochinois* (Nỗ lực Đông Dương 1936-1941) của Vũ Đình Di, *Trung Bắc tân văn* (từ năm 1935 do Phạm Huy Lục làm chủ bút cho đến năm 1941), *Tân Việt Nam* (1937-1939) của Nguyễn Văn Luận và sau đó là Phan Trần Chúc, Lưu Trọng Lư,... Cũng có những tờ khác mang những xu hướng chính trị khác nhau; xu hướng tiến bộ như tờ *Tương lai* của Nguyễn Doãn Chi (1936) và của Hà Văn Bính, Đinh Khắc Giao (1937), xu hướng bảo hoàng như *Patrie Annamite* (Tổ quốc An Nam 1933-1945) và *Nước Nam* sau đổi là *Nam Cường* (1937-1941) đều là của Phạm Lê Bổng; một số tờ báo không có chính kiến rõ ràng như *Việt báo* (1936-1942) của Bùi Xuân Học, *Hà Nội báo* (1936-1937) của Lê Cường, *Nước Nam* (1938-1945) của Lương Ngọc Hiển, *Bắc Kỳ dân báo* (1938-1939) của Nguyễn Quý Toàn và của Nguyễn Văn An, và mấy tờ báo trào phúng như *Nước non tuần báo* (1935) của Trần Trung Viên, *Vịt đực* (1938-1939) của Tam Lang Vũ Đình Chí, *Con ong* (1939-1940) của Nghiêm Xuân Huyến,...

Lường trước được việc báo *Phong hoá* thế nào cũng bị đóng cửa, từ năm 1934, Nguyễn Tường Cẩm trong Tự lực văn đoàn đứng tên xin phép ra báo *Ngày nay* với tôn chỉ mục đích tỏ ra hiền lành hơn, tự coi là tờ báo văn chương, khoa học, xã hội, mĩ thuật, chính trị thường thức. Do đó mà được Toàn quyền Pháp cho phép, và *Ngày*

nay bắt đầu ra từ ngày 30.1.1935 song song với *Phong hoá,* rồi tới 1936 thì thế chân hẳn cho đến năm 1940 (Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam rồi Khái Hưng lần lượt làm chủ nhiệm).

Những người chủ trương báo *Ngày nay* rút kinh nghiệm thời kì làm *Phong hoá,* ra sức tìm cách tiếp tục thu hút độc giả mà vẫn có thể vượt qua được vòng kiềm toả của bọn cầm quyền để duy trì được tờ báo. Không khí chính trị chung lúc này đã tương đối đỡ ngột ngạt hơn, vì đã vào thời kì Mặt trận Bình dân thắng thế ở Pháp. Bài vở của *Ngày nay* cũng nhẹ nhàng hơn, dễ tranh thủ được cảm tình của đông đảo người đọc trên nhiều vùng, thuộc nhiều lứa tuổi và nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Ngay trong thời kì đầu từ tháng 1.1935 đến giữa năm 1936, với sự cộng tác có hiệu quả của nhiều nhà văn, nhà báo, hoạ sĩ có tên tuổi, tờ báo đã có những chuyên mục vững vàng, hấp dẫn, như phần xã luận của Hoàng Đạo; thông tin thời sự của Tứ Ly (một bút danh khác của Hoàng Đạo) Lê Ta (tức Thế Lữ), Nhị Linh, Đoàn Phú Tứ; phê bình của Khái Hưng, Thạch Lam, Thế Lữ; phóng sự của Trọng Lang, Nguyên Hồng (tác phẩm đầu tay *Bỉ vỏ* đăng trên báo này năm 1936 và được giải của Tự lực văn đoàn); kịch nói của Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, Khái Hưng, Thạch Lam, thơ của Thế Lữ, Tản Đà, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Bính, Phạm Văn Hạnh; thơ trào phúng của Tú Mỡ; truyện ngắn, truyện dài của Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ, Đỗ Đức Thu, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Trần Tiêu, v.v.. Minh hoạ của Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Trần Bình Lộc, v.v.. Đối với Tự lực văn đoàn là những người chủ trương hai tờ *Phong hoá* và *Ngày nay*, đồng chí Trường Chinh đã có dịp phát biểu: "Dù sao, hoạt động của nhóm Tự lực văn đoàn cũng đã góp phần đẩy mạnh phong trào văn nghệ nước ta tiến lên một bước" (Hội nghị văn hoá toàn quốc lần thứ hai tháng 7.1948).

Năm 1937, tại Hà Nội, dưới danh nghĩa nhóm *Tin tức*, các đảng viên cộng sản đã liên minh với chi nhánh Đảng Xã hội Pháp (gồm cả người Pháp và người Việt), và nhóm *Ngày nay (*gồm một số trí thức tiểu tư sản và tư sản), lập thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Cũng cần nhắc đến báo chí trôtxkit trong thời kì ở Hà Nội. Những tờ báo này mang lập trường chính trị và tư tưởng của Trôtxki (Lev Trotski, 1879-1940), vốn là một sinh viên người Ucraina, do hoạt động cách mạng bị bắt năm 1898 rồi bị đầy ở Xibêri, vượt ngục, chạy trốn sang Luân Đôn theo Lênin. Tham gia Cách mạng tháng Hai năm 1905 rồi Cách mạng tháng Mười năm 1917, uỷ viên trưởng quân sự trong chính quyền Xô viết từ 1918-1925. Sau khi Lênin mất, Trôtxki chuyển dần sang chống lại chủ trương đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Bônsêvich Nga, xuyên tạc chủ nghĩa Mác, nêu ra thuyết "Cách mạng thường trực", đưa ra những chủ trương sai lầm, như đàn áp nông dân, thủ tiêu công hội, phản đối chính sách kinh tế mới, gây bè phái trong nội bộ Đảng, khiêu khích phá hoại kinh tế, quốc phòng và ám sát cá nhân... Bị cách chức và bị trục xuất khỏi Liên Xô, từ năm 1933 lập ra Đệ

tứ quốc tế). Chủ nghĩa Trôtxki hoạt động chủ yếu ở Châu Âu. Các phần tử trôtxkit ở Đông Dương không nhiều, họ chia làm nhiều nhóm nhỏ và chưa bao giờ có sự thống nhất về mặt tổ chức. Cầm đầu là một số thanh niên trí thức, phần lớn xuất thân từ các gia đình lớp trên ở Nam Bộ, theo học tại Pháp và tiếp thu chủ nghĩa trôtxkit, như Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hùm, v.v.. Trong những năm 1931-1932, đúng vào lúc các cơ quan lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương bị đế quốc Pháp khủng bố, họ về nước, tự xưng là những người Cộng sản "triệt để nhất" với mưu toan "cải tổ Đảng", nhằm chiếm lấy Đảng Cộng sản. Trong những năm 1936-1939, lợi dụng những điều kiện hoạt động công khai, hợp pháp, họ cũng nhân để tuyên truyền xuyên tạc đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương, nói xấu Liên Xô, đòi giải tán Mặt trận Bình dân của Pháp và Tây Ban Nha, phản đối Mặt trận dân tộc thống nhất kháng Nhật ở Trung Quốc, đưa ra những luận điệu "tả" để chia rẽ Mặt trận Dân chủ Đông Dương... Hoạt động của họ chủ yếu là ở trong Nam, ngoài Bắc không đáng kể, Miền Trung hầu như không có gì. Ở Hà Nội, khoảng cuối năm 1936 mới xuất hiện những phần tử trôtxkit. Tờ báo trôtxkit đầu tiên là tờ *Nghề mới* (1937) rồi *Phụ nữ thời đàm* (1938), rõ nhất là nhóm Hàn Thuyên.

Báo *Nghề mới* nguyên là một tờ báo tự do, ra đời từ năm 1935, do Dương Trung Thực làm chủ nhiệm, đặt toà soạn ở cả Hà Nội và Hải Phòng. Khi cuộc vận động dân chủ bắt đầu ở Việt Nam thì *Nghề mới* có xu hướng cấp tiến, tán thành nhiều khẩu hiệu đấu tranh của Mặt trận Dân chủ, nội dung bài vở thể hiện quan điểm đúng đắn theo quan điểm duy vật biện chứng, phản đối duy tâm cũng như phản đối duy vật máy móc, lên tiếng đòi quyền tự do báo chí, chống phản động thuộc địa, bênh vực công nông tiểu tư sản. Nhưng từ cuối năm 1937, tờ báo này chuyển hẳn sang xu hướng trôtxkit, chống Mặt trận Dân chủ, trực tiếp đả kích Đảng Cộng sản Đông Dương. *Nghề mới* chỉ sống được đến 1.12.1938. Sóng đôi với nó là tờ *Phụ nữ thời đàm*. Tờ báo này nguyên trước của Nguyễn Văn Đa và Ngô Thúc Địch, ta đã thấy ở trên, ra đời từ cuối năm 1930 đến giữa năm 1934 thì ngừng. đến cuối tháng 8.1938 tờ báo này tục bản, tuy vẫn giữ tên người sáng lập là Nguyễn Văn Đa, nhưng đã về tay các phần tử trôtxkit, do Thái Văn Tam làm chủ nhiệm, tập trung mũi nhọn đả kích Mặt trận Dân chủ. Trường Chinh, dưới bút danh Q.N (tức Qua Ninh) đã viết trên *Tin tức* số 38 (tháng 10.1938) bài "Luận điệu cách mạng mồm nông nổi và vô chính trị của bọn trôtxkit", trong đó vạch rõ "Bọn trôtxkit trên tờ *Phụ nữ thời đàm* chỉ có cái vỏ cách mạng mà sự thực nó lại phản lại quyền lợi quần chúng, làm mê hoặc quần chúng".

Các phần tử trôtxkit còn dùng tờ *Quốc gia* làm diễn đàn đả kích và vu cáo những người cộng sản chân chính. Sau khi báo *Quốc gia* (số 3, ra ngày 23.9.1938) đăng bài gọi là phỏng vấn Trương Tửu, thì ngày 1.10, trên báo *Tin tức*, Q.N vạch mặt "bọn trôtxkit tự phụ là theo chủ nghĩa thực tế cách mạng, song thực ra chúng lí luận trên không và nhai đi nhai lại những danh từ cách mạng mà chúng không hiểu nghĩa.

Nóng mắt lên thì chúng hoa chân múa tay, đỏ mặt tía tai vung ra hàng tràng khẩu hiệu và lí luận trống rỗng. Những ý kiến phát ra trong khi điên đầu ấy nhiều lúc đập lẫn nhau và chửi sự thực rành rành!". Cũng trên báo *quốc gia*, có lần Trương Tửu đã nói bừa với Nguyễn Văn Tạo và Trịnh Văn Phú (hai đảng viên Cộng sản ở Sài Gòn và ở Hà Nội) là trôtxkit, trong khi bản thân Trương Tửu lại không dám nhận mình là trôtxkit, thậm chí đổi trắng thay đen, xuyên tạc Đảng Cộng sản Đông Dương, ra báo công khai ủng hộ chính phủ Mặt trận Bình dân là "Ủng hộ chính phủ Pháp"! Báo *Tin tức* đều có bài phê phán và bác bỏ.

Cũng trong thời kì này, phong trào đấu tranh đòi lập Hội của báo giới dấy lên mạnh mẽ. Ở Châu Âu, các nhà báo đã có tổ chức của mình từ cuối thế kỉ XIX. Năm 1894, các nhà báo Bỉ đã mở đại hội ở Ăngve (Anvers). Năm 1895 đã có đại hội thành lập Hội Nhà báo quốc tế và đã quyết định các vấn đề bảo vệ quyền lợi của báo chí, như việc bảo vệ các nhà báo trước pháp luật, bảo vệ nguyên tắc bí mật nghề nghiệp, giảm chi phí bưu chính và điện báo...

Các nhà báo Việt Nam tất nhiên chưa có ngay tổ chức chính trị, xã hội và nghiệp vụ của riêng mình, cũng chưa được coi là thành viên của Hội Nhà báo quốc tế từ những thời kì đầu. Vì chủ nghĩa đế quốc không khi nào cho phép họ tự do lập Hội để có thể chống lại chúng. Năm 1917, chính quyền thực dân Pháp có lập ra Nghiệp đoàn báo chí thuộc địa, do Luyxiêng Êluri (Lucien Héloury), chủ báo Opinion (Công luận) ở Sài Gòn (1916-1936) làm chủ tịch, nhưng cũng chỉ dành cho các nhà báo Pháp hoặc "thân Pháp". Năm 1940, Pháp lại lập ra Hội báo chí Bắc Kỳ do Giăng Xômông (Jean Saumont), chủ nhiệm báo *La Volonté Indochinoise* (ý chí Đông Dương) làm chủ tịch, nhưng cũng chỉ là hữu danh vô thực, không mấy ai trong giới báo chí quan tâm.

Các nhà báo ta quy tụ với nhau từng nhóm nhỏ, tuỳ theo xu hướng chính trị hoặc sắc thái của từng cơ quan báo. Có người tham gia một nhóm, nhưng cũng có người đứng tên trong hai ba nhóm... Ví dụ nhóm *Đông Dương tạp chí* của Phạm Quỳnh, nhóm *Phong hoá, Ngày nay* của Tự lực văn đoàn, nhóm *Tiểu thuyết thứ bảy* của Vũ Đình Long, nhóm *Thanh Nghị* của Vũ Đình Hoè, nhóm *Tri tân* của Nguyễn Văn Tố... Dựa trên chính sách Mặt trận của Đảng trong thời kì mới, các cán bộ đảng viên hoạt động trong lĩnh vực báo chí đã vận động và tổ chức nhiều người làm báo tiến bộ thành mặt trận đấu tranh đòi quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận, quyền lập nghiệp đoàn báo giới,...

Tiếp theo Hội nghị báo giới Trung Kỳ họp ở Huế (ngày 23.1.1937), tháng 4.1937, Xứ uỷ Bắc Kỳ vận động xúc tiến việc triệu tập Hội nghị báo giới Bắc Kỳ với mục đích: đòi tự do báo chí, đoàn kết các nhà báo trong một tổ chức thống nhất để bảo vệ và giúp đỡ nhau. Ngày 12.4, các đại biểu của 18 tờ báo đã tham gia cuộc họp trù bị, trong đó đại diện các báo Đảng như Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Mạnh Chất và các nhà báo khác ở Hà Nội: Lê Tràng Kiều, Dương Tự Quán, Lưu Trọng Lư,

Trần Văn Tuyên, Nguyễn Uyển Riễm, Nguyễn Xuân Huy, Lê Cường, v.v.. Đến tối ngày 24.4.1937, cuộc hội nghị đầu tiên được triệu tập tại Câu lạc bộ Thể thao Việt Nam (CSA), ở phố Charles Coulier (nay là phố Khúc Hạo), với trên 200 nhà báo tham gia. Phan Tử Nghĩa được cử làm chủ toạ hội nghị và Tam Lang Vũ Đình Chí làm thư kí. Hải Triều, đại diện báo giới Trung Kỳ, được mời phát biểu ý kiến và được tán thưởng nhiệt liệt. Với chính quyền thực dân, Hội nghị đại biểu báo giới Bắc Kỳ lần thứ hai đã được tiến hành ngày 9.6.1937, cũng ở CSA, với 150 nhà báo tham dự, có cả đại biểu báo chí Miền Trung và Miền Nam, cùng một vài nhà báo Pháp. Hội nghị tố cáo chế độ báo chí phát xít ở Đông Dương, đề ra chương trình hành động chung đòi hỏi tự do nghiệp đoàn, bảo đảm quyền tự do cá nhân của những người làm báo, không được đe doạ và bắt giam những người đọc báo tiến bộ. Phát biểu tại hội nghị, Trần Huy Liệu kêu gọi cảnh giác với những manh tâm chia rẽ, gạt bỏ mọi ý nghĩ có hại cho sự đồng tâm hiệp lực của giới báo chí. Hội nghị đã bầu ra một Uỷ ban quản trị thường trực để chuẩn bị cho Hội nghị báo giới toàn quốc, với 19 uỷ viên chính thức và 6 dự khuyết; trong đó có 3 nhà báo của Đảng: Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Khuất Duy Tiến và các nhà báo khác thuộc nhiều xu hướng, như Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Trọng Trạc, Vũ Đình Chí, Trương Tửu, Nguyễn Triệu Luật, Lê Tràng Kiều, Nguyễn Đức Kính. Sau đó, có thể do sức ép của chính quyền thực dân, một số nhà báo xin rút tên khỏi uỷ ban, như Nguyễn Văn Luận (*Trung Bắc tân văn*), Ngô Văn Phú (*Đông pháp*), Bùi Xuân Học (*Việt báo*)...

Các cuộc hội nghị và đại hội báo chí nói trên có tác dụng thức tỉnh và cuốn hút nhiều nhà báo tiến bộ, tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của một số nhà báo cánh tả Pháp có mặt ở nước ta khi đó.

Năm 1938, phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đạt đến điểm cao với ngày Kỉ niệm Quốc tế lao động 1.5. Lần đầu tiên ở Việt Nam, ngày 1.5 được tổ chức công khai, rầm rộ trên khắp các địa phương trong nước. Ở Hà Nội, nhóm *Tin tức* đứng ra tổ chức cuộc mít tinh Ngày mồng 1 tháng 5 rất chu đáo, chặt chẽ, quy mô to lớn và gây được ảnh hưởng chính trị vang dội. Chiều hôm đó, hơn 25.000 người đại diện cho các đoàn thể, các nhóm chính trị gồm đủ các tầng lớp nhân dân, các giới, các ngành (công nhân đường sắt, thợ in, thợ may, nông dân, tiểu thương, phụ nữ, thanh niên, nhà văn, nhà báo,...) chia ra làm 25 đoàn, hàng ngũ chỉnh tề, giương cao cờ đỏ, hô vang khẩu hiệu, rầm rộ biểu tình qua các đường phố, trước khi tiến vào Khu Đấu xảo (Cung văn hoá Hữu nghị bây giờ). Ngoài cổng treo khẩu hiệu lớn với ba chữ rất to: "Cơm áo - Hoà bình - Tự do!" và hơn hai chục lá cờ thêu tên các đoàn thể. Trước lễ đài có các khẩu hiệu lớn bằng chữ Việt và chữ Pháp. Dẫn đầu đoàn nhà văn, nhà báo có Trần Huy Liệu, Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Nguyên Hồng, Như Phong,... với các khẩu hiệu đòi tự do nghiệp đoàn, tự do ngôn luận, tự do hội họp,... Bắt đầu buổi lễ, mọi người hát vang *Quốc tế ca*. Phát biểu tại buổi mít tinh có 7 đại biểu, trong đó có Trần Huy Liệu đại diện nhóm *Tin tức*. Cuộc mít tinh đã gây không

khí phấn khởi lớn trong nhân dân thành phố. Bọn thống trị thực dân rất căm tức nhưng đành bất lực.

Những tháng cuối năm 1938, tình hình thế giới chuyển dần sang chiều hướng xấu. Chính phủ Pháp ngày càng ngả sang hữu. Chính quyền thuộc địa lại bắt đầu o ép và đàn áp. Báo *Demain* (ngày mai) của chi nhánh Đảng Xã hội Pháp ở Hà Nội viết: "Kể từ năm 1930- thời kì bi thảm mà hiện nay chúng ta (người Pháp ở Đông Dương) đang trở lại - chưa bao giờ lại có những phương pháp đàn áp khốc liệt và tàn bạo quá tay đến thế. Người ta tịch thu, người ta cấm đoán, người ra bắt bớ, người ta kết tội một cách không căn cứ, điên rồ, sai trái, độc đoán và hết sức ráo riết. Người ta đã hành động đến mức không còn luật pháp, đạo đức, nhân quyền, lương tri nào mà có thể bào chữa cho một chính sách ngu xuẩn đến thế"[1].

Trước tình hình đó, ngày 10.3.1939, Trung ương Đảng ra thông cáo khẩn cấp kêu gọi toàn Đảng lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống khủng bố, đồng thời chỉ thị cho cán bộ hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp phải nhanh chóng rút vào bí mật, giữ vững liên hệ với quần chúng, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, nhưng vẫn phải duy trì thành thị. Từ tháng 4.1939, các hoạt động công khai của Mặt trận Dân chủ dần dần giảm bớt. Tuy nhiên, Đảng vẫn còn lãnh đạo cuộc đấu tranh chống âm mưu của chính quyền thuộc địa và bọn tay sai định đưa Bắc Kỳ trở lại chế độ cai trị theo Hiệp ước 1884 và cuộc đấu tranh đòi trả tự do cho tất cả tù nhân nhân dịp Kỉ niệm 150 năm Cách mạng Pháp.

Vào cuối thời kì này, làng báo Việt Nam nói chung và Hà Nội nói riêng mất đi nhà báo Tản Đà - Nguyễn Khắc Hiếu. Trong các phần trên, ta đã có nhiều dịp được gặp nhà báo - nhà thơ này. Ông sinh ngày 25.5.1889, mất ngày 7.6.1939 (theo âm lịch là 20.4 năm Kỷ Sửu và 20.4 năm Kỷ Mão). Quê ở Khê Thượng, Bất Bạt, Sơn Tây, nhưng sống và hoạt động ở Hà Nội là chính. Từ năm 1915, mới 26 tuổi. Ông đã có tên trên *Đông Dương tạp chí*, và nhất là từ khi *Nam phong* ra đời (1927). Nhưng chủ bút của hai tờ tạp chí này là Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh dẫu công nhận tài năng của ông, song lại loại ông ra, vì ông không biết đi theo con đường của họ. Ấy thế mà may, nhờ vậy mà thi tình thi cảm của ông đều gửi gắm vào đất nước, quê hương và nhân quần quảng đại. Năm 1921, ông làm chủ bút tờ *Hữu thanh tạp chí* - "Tạp chí ra đời gọi *Hữu thanh*. Chim tìm tiếng bạn vượn đề danh. Hai mươi nhăm triệu đồng thanh cả. Hữu ái mong ai một chút tình". Năm 1926, ông chủ trương tờ *An Nam tạp chí*; cuối 1927, cùng Ngô Tất Tố vào Sài Gòn viết *Đông Pháp thời báo* (của Diệp Văn Kỳ, và từ năm 1925 Trần Huy Liệu đã làm chủ bút, Phan Bội Châu cũng đã từng cộng tác); đầu năm sau, Tản Đà trở ra Bắc tiếp tục *An Nam tạp chí*. Năm 1933, báo đình bản. Tản Đà về quê ở ẩn, làm thơ, dịch thơ, soạn sách, viết báo... Trên tờ *Đông Dương thời báo* (1927), ông đã có "tuyên

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, in lần thứ nhất, tập 3, tr. 139.

ngôn" về đạo đức của những ai "may được để thân vào báo giới, cầm quyền phủ việt của quốc dân", mà đến nay đã gần ba phần tư thế kỉ, vẫn đáng để những người làm báo chân chính, vì dân, vì nước phải suy nghĩ. Những năm cuối đời, ông rất lận đận và bi đát. Cuộc sống của ông chỉ vẻn vẹn năm mươi năm, nhưng sự nghiệp của ông sẽ còn sống mãi với Núi Tản - Sông Đà.

7. Báo chí Hà Nội trong thời kì tiền khởi nghĩa tháng Tám 1945

Năm 1938, trở lại Trung Quốc, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc theo dõi rất sát cuộc vận động dân chủ của Đảng ở trong nước. Người thường viết bài gửi cho báo *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) và nhắc nhở Trung ương chỉ đạo chặt chẽ báo chí của Đảng để tránh những sơ xuất về chính trị. Ngay từ giữa năm 1939, Người đã nhắc nhở Đảng ta phải hết sức cảnh giác trước âm mưu xâm lược của đế quốc Nhật.

Tháng 9.1939, Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ. Từ cuối tháng 9.1939, tổng thống Pháp Lơbroong (Albert Lebrun) đã ra sắc lệnh cấm tuyên truyền cộng sản, giải tán đảng cộng sản, xử lí các đảng viên và những người có liên quan đến đảng cộng sản, cấm ngặt báo chí cộng sản,... Bọn cầm quyền Pháp ở Hà Nội lập tức khủng bố phong trào cách mạng; chúng thi hành chính sách phản động thời chiến. Các tổ chức ái hữu, nghiệp đoàn ở nước ta đều bị giải tán, các lực lượng cách mạng bị truy lùng, khủng bố. Hàng loạt báo của Đảng ở Hà Nội bị đóng cửa, như *Đời nay, Thế giới, Ngày mới, Notre Voix, Le Peuple*; nhiều nhà báo bị Pháp bắt giữ.

Thời kì hoạt động công khai, hợp pháp đã chấm dứt, Đảng rút vào bí mật, chuẩn bị chuyển hướng chỉ đạo chiến lược và sách lược của thời kì mới; thời kì chiến tranh và cách mạng. Từ năm 1939 đến năm 1945, Đảng chuyển trọng tâm công tác về nông thôn dựa vào nông thôn và xây dựng căn cứ địa cách mạng, tiến hành chiến tranh du kích và khởi nghĩa từng phần ở nông thôn. đồng thời vẫn coi trọng công tác vận động cách mạng ở thành thị, tích cực chuẩn bị cả nông thôn và thành thị cùng nổi dậy giành chính quyền.

Đúng như dự đoán của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, phát xít Nhật sẽ nhảy vào Đông Dương. Ngày 14.6.1940, Paris rơi vào tay phát xít Đức. Bốn ngày sau, Nhật gửi tối hậu thư cho toàn quyền Catơru (Catroux) đòi Pháp phải để quân đội Nhật vào Đông Dương. Tháng 10.1940, những toán quân Nhật đầu tiên nghênh ngang trên đường phố Hà Nội. Phát xít Nhật chiếm dần mọi quyền binh từ tay thực dân Pháp. Chúng ra sách báo, tổ chức phòng thông tin để tuyên truyền cho thuyết "Đại Đông Á", "Đồng chủng, đồng văn" và chương trình lập "Khu thịnh vượng chung", nhằm lừa gạt nhân dân ta để thực hiện chính sách xâm lược, đặt dân tộc ta và các dân tộc Châu Á khác dưới ách nô dịch của phát xít Nhật. Chúng tổ chức bọn tay sai lập các Hội đoàn, đảng phái thân Nhật, như Đại Việt dân chính của Nguyễn Tường Tam, Đại Việt quốc xã của Trương Đình Tri, Đại Việt ái quốc của Nguyễn Xuân Chữ, Phục quốc của Trần Văn An, Việt Nam quốc dân đảng của Nguyễn Thế Nghiệp, Thanh niên ái quốc của

Võ Văn Cầm... Bọn này quảng cáo cho cái gọi là "Đường lối Nhật đánh Pháp". Về phía thực dân Pháp, chúng cũng phỉnh phờ mua chuộc công chức, quan lại, thanh niên, học sinh, đưa ra những khẩu hiệu "Pháp - Việt đề huề", "Pháp - Nam thân thiện" để chống lại Nhật. Cảnh sát thuộc Pháp bắt bớ tay sai Nhật còn hiến binh Nhật uy hiếp, đe doạ, khủng bố mật thám Pháp. Tuy nhiên, cả Nhật lẫn Pháp đều thống nhất với nhau đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta. Bọn chúng treo giải thưởng rất cao cho những tên chỉ điểm nào phát hiện cho chúng bắt được các cán bộ đảng viên, nhất là những người trong Xứ uỷ. Dạo ấy, chúng truy lùng ông Lê Quang Đạo mà chúng gọi là "đốc lí Đỏ", vì từ năm 1942, ông được chỉ định làm bí thư Ban cán sự Đảng ở Hà Nội và tham gia Xứ uỷ Bắc Kỳ. Đã có lần đồng chí Đạo suýt rơi vào tay chúng ở hiệu sách Bình Minh, phố Hàng Đào, là cơ sở của tổ văn hoá Cứu quốc Hà Nội (nòng cốt của Hội Văn hoá cứu quốc sau này). Ông thường lui đến đây để gặp gỡ, hướng dẫn chỉ đạo hoạt động của anh em văn nghệ sĩ, báo chí. Nhờ tấm áo dài thâm với đôi guốc mộc, bọn mật thám coi như một chú học trò đệ nhị, đệ tam đến mua sách báo, nên đồng chí Đạo thoát được. Sau đó ông Trường Chinh giao cho hai ông Lê Quang Đạo và Xuân Thuỷ phụ trách báo *Cứu quốc* bí mật, đóng ở ngoại thành Hà Nội.

Thời kì dân ta phải "một cổ đôi tròng" này cũng là thời kì đen tối của báo chí Hà Nội. Báo chí cách mạng phải rút vào bí mật, còn báo chí công khai thì nói chung là xoay ra tuyên truyền cho việc Pháp đứng về phía đồng minh tuyên chiến với trục phát xít Đức - Ý - Nhật, đến khi Pháp đầu hàng, thì chuyển sang tán dương Pêtanh (Philippe Pétain) với những khẩu hiệu "Cần lao - Gia đình - Tổ quốc". Đến lúc Nhật ngấp nghé vào Đông Dương thì các phần tử thân Nhật như Phan Trần Chúc, Thái Phỉ, Nguyễn Triệu Luật ca tụng trò bịp "Đại Đông Á" và chuyện "Đồng chủng, Đồng văn". Những tờ báo theo xu hướng bảo hoàng như *Patrie Annammite* hay *Nam cường* của nhóm Phạm Lê Bổng, Phạm Tá, Tôn Thất Bình, Bùi Xuân Như, v.v.. thì hi vọng hai vương triều Nhật - Việt liên minh với nhau "tiến bước trên con đường thịnh vượng chung".

Bấy giờ, số lượng báo xuất bản ngày càng giảm. Báo hằng ngày còn có *Đông Pháp* (của Ngô Văn Phú), *Việt cường* (của Trịnh Ninh), *Trung Bắc tân văn* (của Phạm Huy Lục), *Tin mới* (của Nguyễn Văn Luyện), *Thông tin* (của Hoàng Cừ), báo tuần và tạp chí có thêm hai tờ là *Thanh nghị* (của Doãn Kế Thiện và Vũ Đình Hoè), *Tri Tân* (của Nguyễn Văn Tố và Nguyễn Tường Phượng). Sau khi Nhật đảo chính lật đổ Pháp (9.3.1945), có thêm tờ *Bình minh* do Khái Hưng rồi Nguyễn Giang làm chủ nhiệm, và tờ *Đông Pháp* đổi là *Đông phát*. Theo hồi ức của nhà báo lão thành Hiền Nhân, khi ấy đang có mặt tại báo *Đông Pháp* thì "tình thế đã đổi thay, tên báo *Đông Pháp* vốn gây ấn tượng trong người Nhật là một tờ báo thân Pháp, nay không còn thích hợp nữa; ông và một số người trong toà soạn gợi ý lấy tên là *Việt Nam độc lập báo*, nhưng ông Ngô Văn Phú đã ngả theo ý kiến của nhà báo Phùng Triển, một người

thông thạo Hán học trong toà soạn, lấy tên là *Đông phát*, vừa na ná với tên cũ, vừa có nghĩa phát đạt, và cho rằng với tên đó không lo mất độc giả".

Tháng 2.1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo Đảng, lãnh đạo cách mạng. Tháng 5 năm ấy, tại Pác Bó (Cao Bằng), Hội nghị Trung ương Đảng họp dưới sự chủ toạ của Người, quyết định nhiệm vụ cách mạng Việt Nam trong tình hình mới, quyết định mở rộng Mặt trận Đoàn kết dân tộc rộng rãi lấy tên là *"Mặt trận Việt Minh"* nhằm thu hút tất cả mọi người yêu nước trong các tầng lớp, các giai cấp để tập trung lực lượng đánh Pháp đuổi Nhật, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Các báo của Tổng bộ Việt Minh và Trung ương Đảng, như *Cứu quốc, Cờ giải phóng* và báo chí của các đoàn thể cứu quốc in ở các vùng ngoại thành Hà Nội được bí mật chuyển vào nội thành, lưu hành rộng rãi trong các cơ sở và quần chúng cách mạng.

Từ giữa năm 1943 đến cuối năm 1944, phong trào cách mạng ở Hà Nội đã được phục hồi và phát triển mạnh mẽ, đánh dấu một bước đi vững chắc. Mặt trận Việt Minh không ngừng được mở rộng và có cơ sở trong mọi tầng lớp công nhân, nông dân, dân nghèo thành thị, thanh niên, phụ nữ, học sinh, sinh viên, trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo và một số nhà tư sản dân tộc. Quán triệt tinh thần bản *Đề cương văn hoá Việt Nam 1943* do đồng chí Trường Chinh soạn thảo và các nghị quyết của Hội nghị thường vụ Trung ương tại Võng La (Đông Anh, Hà Nội) cuối tháng 2.1943, Ban cán sự Đảng của Hà Nội quyết định ra báo trong nội thành để kịp thời đáp ứng yêu cầu trực tiếp của phong trào. Năm 1944, tờ báo bí mật đầu tiên của Việt Minh ở Hà Nội là tờ *Khởi nghĩa* đã ra đời; sau cuộc đảo chính của Nhật (9.3.1945), báo đổi tên là *Tuốt kiếm*, tồn tại đến tháng 9.1945, sau khi Tổng khởi nghĩa thành công.

Cũng vào thời gian đó, với sự giúp đỡ của các đảng viên Đảng Cộng sản, ngày 30.6.1944, một số trí thức yêu nước, tiến bộ lập Đảng Dân chủ Việt Nam, tổng thư kí đầu tiên là Dương Đức Hiền, khi ấy là chủ tịch Tổng hội sinh viên Việt Nam. Ngay sau khi thành lập, đảng này tuyên bố tham gia Mặt trận Việt Minh và ra báo *Độc lập* xuất bản và phát hành bí mật ngay trong nội thành Hà Nội để góp tiếng nói của giới trí thức vào việc tuyên truyền động viên nhân dân đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho Tổ quốc. Nguyễn Đình Thi và Văn Cao vừa từ Hải Phòng lên được mời tham gia ban phụ trách của báo. Dương Đức Hiền và Nguyễn Đình Thi phụ trách bài vở, phần chính trị là chủ yếu; Văn Cao vừa biên tập, vừa trình bày, vừa học thêm nghề viết ngược để in litô. Thành bộ Việt Minh Hà Nội giới thiệu một cơ sở công nhân cứu quốc ở Hàng Thiếc, trong đó có Văn Lang, một công nhân có nhiệt tình và kinh nghiệm in thạch, được tách ra hoạt động cho báo. Nguồn tài chính thì nhờ vào sự đóng góp của các cơ sở quần chúng cảm tình, trước hết là số vốn ban đầu do nhà báo Thanh Thuỷ (tức bà Dương Đức Hiền) bán tư trang của mình. Báo *Độc lập* số 1, số 2 ra đời vào đầu tháng 12.1944 trong một căn buồng nhỏ của một cơ sở cách mạng ở gần Cầu Giấy. Bài *Tiến quân ca* và *Bài ca chiến sĩ Việt Minh* của Văn Cao cũng như

bài *Du kích ca* của Đỗ Nhuận xuất hiện trước tiên là trên các số báo đầu của tờ *Độc lập*. Cách mạng thành công, báo *Độc lập* ra công khai do Nguyễn Thành Lê làm chủ nhiệm và Đỗ Đức Dục làm chủ bút. Tờ báo này tồn tại hơn bốn mươi năm, qua nhiều lần thay đổi các tổng biên tập, đến tháng 10.1988 mới đình bản sau khi Đảng Dân chủ Việt Nam tuyên bố hoàn thành nhiệm vụ lịch sử.

Cùng với việc xuất bản các tờ báo của Đảng, mặt trận và các đoàn thể, các hội cứu quốc cũng được tổ chức. Tháng 4.1943, tại Hà Nội, giới văn nghệ sĩ và nhà báo cùng nhau nhóm họp bí mật để lập ra *Tổ văn hoá cứu quốc*. Những hội viên đầu tiên là Vũ Quốc Uy, Học Phi, Như Phong, Nam Cao, Nguyễn Đình Thi, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Trần Huyền Trân, Tô Hoài, Bùi Huy Phồn, Thép Mới, v.v.. Vũ Quốc Uy là tổ trưởng và chịu trách nhiệm liên lạc với Thành uỷ mà người trực tiếp chỉ đạo là ông Lê Quang Đạo. Trước đó, ở Hà Nội, Pháp đã lập ra Hội báo chí Bắc Kỳ (Association de la Presse Tonkinoise), chính thức được Phủ thống sứ chuẩn y ngày 22.5.1940. Chủ tịch lâm thời là Xômông (Jean Saumont), chủ nhiệm tờ *La Volonté Indochinoise* (ý chí Đông Dương), và họ nêu tên bác sĩ Nguyễn Văn Luyện, chủ nhiệm báo *Tin mới*, trong ban quản trị, để lôi kéo các nhà báo Hà Nội, nhưng hội này không hoạt động gì mà cũng không được báo giới chú ý. Các nhà báo trung thực, có lòng tự trọng, tuy đời sống hết sức chật vật, nhưng không chịu uốn cong ngòi bút. Như các nhà báo thuộc nhóm *Thanh nghị* và *Tri tân*.

Tờ *Thanh nghị* vốn của Doãn Kế Thiện đứng tên xin phép xuất bản, ngày 27.10.1939, ra được số 1, cách quãng tới sáu tháng sau, ngày 20.4.1940 ra được số 2 rồi ngừng. Một số nhà trí thức có tinh thần dân tộc, trăn trở trước thời cuộc, tập hợp nhau lại chung tiền biếu cụ Doãn ba trăm đồng để cụ nhường cho tờ báo. Tên báo và người sáng lập báo vẫn như cũ, nhưng chủ nhiệm mới là Vũ Đình Hoè. Tham gia cộng tác có nhiều nhà trí thức tên tuổi: Phan Anh, Hoàng Minh Giám, Lê Huy Vân, Vũ Văn Hiền, Đỗ Xuân Sảng, Đinh Gia Trinh, Phạm Gia Kính, Nguyễn Ngọc Minh, Phan Mỹ, Đỗ Đức Dục,... Các học giả nổi tiếng như Hoàng Xuân Hãn, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Tố, Nguỵ Như Kon Tum, Đặng Thai Mai,... Các văn nghệ sĩ lớn, như Vũ Đình Liên, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Xuân Sanh, Nguyễn Tuân, Đỗ Đức Thu, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Xuân Khoát, v.v..

Số *Thanh nghị* đầu tiên ra ngày 25.4.1941 và số 120 ra ngày 11.8.1945 là số cuối cùng. Tôn chỉ của báo ghi rõ bốn phương châm: 1) Thông hiểu sự vật và tư tưởng; 2) Thu nhặt tài liệu để góp vào việc giải quyết những vấn đề quan hệ đến đời sống của dân tộc Việt Nam; 3) Phụng sự một nền nghệ thuật chân chính; 4) Phổ thông mà không giảm giá.

Trong bài viết với tựa đề "Sống", đăng trên số Xuân 1942, Vũ Đình Hoè nêu lên nhân sinh quan cao đẹp của mình: "Thật sung sướng những người chỉ biết cố gắng và hi sinh - sự hi sinh đáng kính phục - mà không hề nhìn đến kết quả (ý nói đến kết quả gần cận và riêng tư). Mà lại đáng buồn cho kẻ đắn đo trước sau rồi dừng lại

vì thấy kết quả mơ hồ, tuy tiếng gọi lên đường rộn rã bên tai và chí muốn đi nung nấu trong gan ruột!" và ông viết tiếp: "Trước vận hội hãn hữu, mở một nẻo đường, phải có can đảm để dứt áo ra đi và xông pha sương gió". Còn Đỗ Đức Dục, trong bài "Hoài nghi hay bất lực", đã biện luận: "Hoài nghi khoa học để đi tới làm sáng tỏ một chân lí là cần thiết. Nhưng hoài nghi trong mọi trường hợp thì lại tai hại vô cùng. Ở những người đó, sự hoài nghi đã trở nên một lí do nguỵ biện để phá đổ, để chối kệ tất cả mọi điều dù là xác thực, dù là hiển nhiên cao quý, đáng thờ phụng, và một cuộc đời chật hẹp đớn hèn". Tác giả kêu gọi: "Không được hoài nghi! Hoài nghi trong lúc này là "đào ngũ"! Hoài nghi ở trường hợp này chỉ là bất lực!..." Và ta đã thấy, trong nhóm *Thanh nghị* hầu hết đã đi theo cách mạng, lập ra Đảng Dân chủ Việt Nam, một chính đảng trong Việt Minh, tham gia Đại hội Tân Trào và Chính quyền cách mạng sau này. Đành rằng khi Nhật đảo chính lật đổ Pháp, dựng lên chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, trong một thời gian ngắn, cũng có đôi người trong nhóm này ngộ nhận, nhưng cũng sớm nhận ra chân lí và quyết tâm đi với cách mạng.

Cũng vào giữa năm 1941, ở Hà Nội xuất hiện tạp chí *Tri Tân* của một số nhà trí thức cả cựu học và tân học, như Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Tường Phượng, Dương Tự Quán, Hoàng Thúc Trâm, Đào Duy Anh, Chu Thiên, Trần Huy Bá, Lê Thước và nhiều văn nghệ sĩ có tên tuổi như Phan Khắc Khoan, Nguyễn Huy Bá, Nguyễn Đình Thi, Lưu Quang Thuận, Tam Lang Vũ Đình Chí, hoạ sĩ Nguyễn Văn Tỵ, nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, các nữ sĩ Vân Đài, Ngân Giang, Mộng Sơn, Hoàng Hương Bình (bà Lưu Văn Lợi), Cẩm Lai, Mai Hương... Lấy lời xưa của Khổng Tử, *Ôn cố nhi tri tân, khả dĩ vi sư hỉ* (ôn lại việc xưa biết việc nay và việc sau, có thể làm thầy thiên hạ đó), các nhà trí thức uyên bác đó đặt tên tạp chí của mình là *Tri tân* và do Nguyễn Tường Phượng làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, ra mắt ngày 3.6.1941 cho đến ngày 16.7.1946 được 214 số.

Trong lời phi lộ, tạp chí nêu rõ tôn chỉ của mình: "Ôn cũ biết mới, nhằm cái đích ấy, *Tri tân* đi riêng con đường văn hoá; với cặp kính khảo cứu, *Tri tân* lần giở từng trang lịch sử; bằng con mắt nhận chân và lạc quan, *Tri tân* ngó rộng chân trời tri thức; ghé vai gánh vác gạch xe vôi, *Tri tân* đứng vào hàng ngũ công binh, xây dựng lâu đài Văn hoá Việt Nam; dầu vậy, *Tri tân* không bo bo nhốt tư tưởng riêng một quê hương, mạnh bạo tiến bước trên con đường chân lí; là tấm lụa bạch, *Tri tân* chỉ viết những hàng chữ chân phương, không tự hoặc bị nhuộm một màu sắc nào"... Với ý thức "mong rằng có thể cung cấp cho bọn thợ tương lai xây cất lâu đài Quốc sử toàn thiện toàn mĩ", *Tri tân* chủ trương kết hợp tìm tòi trong "đống sách đóng tây" với tiếp xúc "mấy bác cổ lão", những nhân chứng lịch sử, và đến tận nơi "những vết cũ, dấu tàn" có dính líu đến lịch sử để đối chiếu và đính chính những sai lầm trên các sách báo. Như Nguyễn Văn Tố đã vạch ra những cái còn ngờ vực, những sử liệu sai lầm. Những bài nghiên cứu của tiên đàm, Nguyễn Tường Phượng, Long Điền Nguyễn Văn

Minh, Khái Sinh Dương Tự Quán... cung cấp nhiều tư liệu lịch sử để đối chiếu và đính chính những sai lầm trên các sách báo. Như Nguyễn Văn Tố đã vạch ra những chỗ chép sai, dịch sai và thiếu sót trong tập *Văn học đời Lý và Thi văn bình chú* của Ngô Tất Tố; ông cũng góp nhiều ý kiến vào cuốn *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đổng Chi và mấy cuốn *Triều Tây Sơn, Bằng quận công* và *Danh nhân lịch sử* của Phan Trần Chúc. Về văn học, tạp chí có những tác phẩm giá trị như *Đêm hội Long Trì* và *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Cháy cung Chương Võ* và *Trúc Mai sum họp* của Chu Thiên, *Phạm Thái* và *Trần Can* của Phan Khắc Khoan. Tuy nhiên, cũng như *Thanh nghị, Tri tân* đã có những nhận định sai lầm đối với cuộc đảo chính của Nhật và sự ra đời của chính phủ Trần Trọng Kim, ngộ nhận rằng "Với đêm 9.3.1945, giang sơn đất việt đã trở lại với người Việt. Bóng cờ vàng chói lọi của đất nước đã vui mừng bay trước gió để hoan hô nền độc lập hoàn toàn của dân tộc Việt Nam" như Phạm Mạnh Phan đã viết trong số báo ra ngày 29.3.1945.

Đầu năm 1945, Hà Nội có thêm tờ *Hồn nước*, "cơ quan tuyên truyền của nam nữ thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu", do Thành uỷ chỉ đạo. Báo *Hồn nước* vốn do Ban Thanh vận Hà Nội lập ra từ giữa năm 1944, ông Lê Quang Đạo phụ trách những số đầu, Lê Đức Vân trực tiếp tổ chức và chăm nom mọi mặt, cùng với hai người viết lên bản đá và in là Trần Thứ và Mai Luân (Lều Văn Hoán). Số 1 in tại số 15 phố Hàng Phèn. Năm 1945, tờ báo do Thôi Hữu phụ trách[1]. Anh thợ điện - nhà thơ Thôi Hữu được kết nạp vào Đảng ở Hà Nội năm 1942 và bị bắt giam vào Hoả Lò giữa năm 1944, vừa vượt ngục Hoả Lò ra cùng với Trần Tử Bình và Trần Đăng Ninh trong đêm đảo chính 9.3.1945. Thôi Hữu được bổ sung vào Thành uỷ Hà Nội và được phân công phụ trách tờ *Hồn nước*, khi ấy đặt tại Võng La (Đông Anh).

Bước vào năm 1945, do chính sách vơ vét tàn ác của phát xít Nhật, dân ta lâm vào nạn đói khủng khiếp. Mâu thuẫn Nhật - Pháp ngày càng căng thẳng, và ngày 9.3.1945, phát xít Nhật làm đảo chính lật đổ Pháp. Sau chỉ thị lịch sử ngày 12.3.1945 của Hội nghị Thường vụ Trung ương Đảng "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta", phong trào Việt Minh chống Nhật, cứu nước càng lên cao.

Ngày 14.8.1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào vừa khai mạc dưới sự chủ toạ của Hồ Chủ tịch thì nhận được tin phát xít Nhật đầu hàng đồng minh. Hội nghị quyết định kịp thời phát động toàn dân tổng khởi nghĩa, giành chính quyền từ tay giặc Nhật và bọn bù nhìn tay sai của chúng trước khi quân đồng minh Anh,

---

1. Thôi Hữu (1919-1950) có tên thật là Nguyễn Đức Giới, quê ở Thanh Hoá, bí danh là Tân, nên còn có bút danh là Tân Sắc. Bắt đầu viết văn và làm thơ từ năm 1939, thành công hơn cả là bài thơ "Lên Cấm Sơn", làm hồi Kháng chiến chống Pháp. Sau khi phụ trách *Hồn nước*, qua Tổng khởi nghĩa, Thôi Hữu chuyển sang báo *Sự thật*, đến Kháng chiến toàn quốc, tham gia phụ trách báo *Thủ đô* (cơ quan của Uỷ ban Kháng chiến Khu XI, tức Hà Nội), rồi tham gia thành lập tờ *Vệ quốc quân* (tiền thân của báo *Quân đội Nhân dân* sau này); hi sinh trên đường công tác, trong một trận oanh tạc của máy bay địch, ngày 16.12.1950.

Mỹ vào Việt Nam. Liền đó, Đại hội quốc dân cũng được triệu tập họp ở Tân Trào trong hai ngày 16 và 17.8 để quyết định vận mệnh đất nước. Đại hội đã cử ra Uỷ ban Giải phóng dân tộc Việt Nam, tức Chính phủ lâm thời, do Bác Hồ làm chủ tịch. Trong thời điểm lịch sử nóng bỏng đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: "Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ đỏ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!".

Tại Hà Nội, tối 15.8, Thành uỷ mở hội nghị bất thường tại Chùa Hà (Dịch Vọng, nay thuộc quận Cầu Giấy) để kiểm điểm lực lượng và khẩn trương chuẩn bị tiến hành khởi nghĩa. Uỷ ban Quân sự cách mạng Hà Nội được thành lập.

Chiều 17.8, tại quảng trường Nhà hát Thành phố, cuộc mít tinh của Tổng hội viên chức vừa bắt đầu thì hàng loạt cờ đỏ sao vàng xuất hiện trong đám đông và dưới bóng lá cờ cách mạng tung bay trước cửa nhà hát, hàng vạn đồng bào hò reo hưởng ứng lời kêu gọi của cán bộ Việt Minh biểu tình tuần hành trên các đường phố thủ đô, hô vang khẩu hiệu: "Ủng hộ Việt Minh!", "Đả đảo bù nhìn!", "Việt Nam độc lập!"...

Nhà báo Xuân Thuỷ kể lại, ông được Xứ uỷ triệu tập họp bàn về thời gian và kế hoạch Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội. Nhưng tới nơi thì hội nghị đã kết thúc và đã quyết định khởi nghĩa vào sáng 19.8.1945 do ông Nguyễn Khang, Thường vụ Xứ uỷ phụ trách. Theo Xứ uỷ, báo *Cứu quốc* và Xuân Thuỷ chuyển ngay về Hà Nội. Số báo *Cứu quốc* kêu gọi Tổng khởi nghĩa, in ở Thu Quế, sát thị trấn Phùng (nay thuộc huyện Đan Phượng, Hà Tây), bốn trang chữ lớn, đầu đề đỏ chói, in được đến đâu phát đi đến đấy, coi như kết thúc giai đoạn *Cứu quốc* bí mật. Sáng sớm 19.8, từ Thu Quế, Xuân Thuỷ đi nhanh về Hà Nội. Qua Vạn Phúc (Hà Đông) đã thấy trước đình làng, lá cờ đỏ sao vàng tung bay trên cột cờ cao. Vạn Phúc đã giành chính quyền. Vào gần thành phố, trước cửa nhà nào cũng có cờ đỏ sao vàng, ngoài đường đầy người và đầy cờ. Vào nội thành càng bị hút vào rừng cờ, biển người với những gậy mác, gươm giáo giơ lên tua tủa, cùng những tiếng hô vang "Việt Minh muôn năm!", "Việt Nam độc lập muôn năm!"...

Khi báo *Cứu quốc* chưa chuyển kịp vào Hà Nội thì ngay tối hôm 17.8, Như Phong và Học Phi (Tổ Văn hoá cứu quốc Hà Nội) cùng một số đội viên tuyên truyền xung phong đến báo *Tin mới* của bác sĩ Luyện ở phố Giuyliêng Blăng (Phủ Doãn), thuyết phục được toà soạn đăng tin bài về cuộc biểu tình ủng hộ Việt Minh tại quảng trường Nhà hát Lớn. Sáng hôm sau, 18.8, ba vạn tờ *Tin mới* với bài hô hào nhân dân tham gia khởi nghĩa và các khẩu hiệu "Ủng hộ Việt Minh", "Thành lập chính quyền cách mạng", "Chống xâm lăng", "Đả đảo Chính phủ Nam triều", "Tiễu trừ Việt gian" tung ra khắp thành phố và các tỉnh, kịp thời cổ vũ nhân dân nổi dậy.

Ngày 19.8.1945, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội thành công đã cổ vũ và thúc đẩy mạnh mẽ nhân dân cả nước từ Bắc chí Nam nổi dậy giành chính quyền. Báo chí Hà Nội đã góp phần rất tích cực và có hiệu quả vào sự thành công vẻ vang của Cách mạng tháng Tám.

II. BÁO CHÍ HÀ NỘI SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

Sau Tổng khởi nghĩa, tờ báo cách mạng ra công khai đầu tiên ở Hà Nội là tờ *Cứu quốc*, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh.

Khi ấy Xuân Thuỷ vừa là chủ bút báo *Cứu quốc*, vừa là uỷ viên uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời Bắc Bộ, phụ trách thông tin, tuyên truyền và báo chí. Ông họp anh em lại, phân công Chu Văn Tích (sinh viên) phụ trách bộ phận thông tin tuyên truyền Bắc Bộ, Trần Quảng Vận (tức Trần Lâm, lúc ấy cũng là sinh viên) đứng ra lập Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam.

Ngôi nhà 4 tầng số 114 phố Giuyn Pheri (Jules Ferry, nay là số 44 phố Lê Thái Tổ), vốn là trụ sở báo *Action* (Hành động) của Pháp, trước nữa là báo *Avenir du Tonkin* (Tương lai Bắc Kỳ) nay được chọn làm trụ sở báo *Cứu quốc*. Ngày 20.8, Xuân Thuỷ triệu tập một số nhà báo, nhà văn họp bàn việc ra báo công khai. Tham gia toà soạn buổi đầu ấy, cùng với Xuân Thuỷ, có Phạm Văn Hảo, Như Phong, Văn Tân, Tô Hoài, Quốc Thuỵ, v.v.. trị sự có Lê Viên, Nguyễn Văn Hải, Nguyễn Trí Uẩn. Số báo công khai đầu tiên ấy đề: "Năm thứ tư, số 31, ngày 24.8.1945". Báo in tại nhà in Tôpanh (Taupin) của người Pháp do người Việt quản lí. Lá cờ đỏ sao vàng được trùm lên cả trang nhất (tác phẩm của Thâm Tâm) cùng với bài xã luận *Lời chào Cứu quốc* của Xuân Thuỷ:

"Cứu quốc! Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam, tiếng kêu thống thiết của đồng bào hơn 80 năm nô lệ, tiếng thét căm hờn của hàng vạn chiến sĩ bị bắt bớ, tra tấn, tù đầy, bắn giết chỉ vì đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc".

"Cứu quốc! Hai tiếng hô vang từ Trưng Trắc, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Quang Trung đến Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám và trong các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương vọng lại. Nó đã thành hai tiếng long trời lở đất của Việt Minh, hiệu triệu đồng bào vùng dậy dưới lá cờ đỏ sao vàng, giành quyền độc lập, tự do".

"Để đạt mục đích cứu quốc, hơn ba năm nay, *Cứu quốc* sống âm thầm trong hang núi rừng sâu và trong những túp lều tranh u uất, hôm nay nó đã vươn mình ra trước ánh sáng. Hơn ba năm qua, nó đã vượt muôn trùng nguy hiểm để đến tay đồng bào và giờ đây nó đã đường hoàng ra mắt độc giả".

"Tiếng hô *Cứu quốc* đã được hàng triệu đồng bào hưởng ứng. Cuộc khởi nghĩa ngày 19.8.1945 đã thắng lợi rõ ràng, nhưng nhiệm vụ của *Cứu quốc* chưa hết. Lúc này nó phải cùng toàn thể quốc dân đánh bại hẳn chế độ thối nát cũ, thành lập chính quyền nhân dân cách mạng khắp Bắc, Trung, Nam, nó còn phải kêu gọi đồng bào chống xâm lăng và phản động, nó còn phải nêu to khẩu hiệu *"Việt Nam hoàn toàn độc lập"*.

"Quốc dân ủng hộ, thế giới ủng hộ, nó quả quyết hoàn toàn thành công trên bước đường chiến đấu".

Chiều 24.8, tiếng rao của các em bán báo lanh lảnh trên các đường phố Hà Nội: "Báo *Cứu quốc* ơ! Báo *Cứu quốc* đây!" Chỉ thoáng cái, các em đã bán hết nhẵn,...

Báo *Cứu quốc* tuy danh nghĩa là cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, nhưng trong tình hình lúc đó, trên thực tế nó làm cả nhiệm vụ phổ biến chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ và Mặt trận, của Trung ương và của cả Hà Nội. Vì vậy, tờ báo phải gấp rút ra hằng ngày, không thể mấy ngày một số nữa. Tổ chức ra báo hằng ngày là một vấn đề lớn. Trước đây ban phụ trách báo *Cứu quốc* bí mật có ba người: Xuân Thuỷ, Trần Huy Liệu và Phạm Văn Hảo. Trần Huy Liệu đã tham gia Chính phủ lâm thời. Nay chỉ còn Xuân Thuỷ và Phạm Văn Hảo trong ban phụ trách.

Ngày 25.8.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên về Hà Nội. Cũng vào hạ tuần tháng tám, Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập hội nghị cán bộ, do tổng bí thư Trường Chinh chủ trì. Ông Trường Chinh nói, đại ý: "Cuộc Tổng khởi nghĩa theo chủ trương của Đảng và Tổng bộ Việt Minh đã nhanh chóng giành được chính quyền trong toàn quốc. Tuy nhiên tình hình còn phức tạp. Quân đồng minh sẽ vào Đông Dương tước khí giới quân Nhật. Thực dân Pháp đang tìm cách quay trở lại. Những kẻ làm tay sai cho nước ngoài sẽ quấy rối. Nạn đói do bọn xâm lược gây ra đang hoành hành. Nhiều nơi bị ngập lụt do nước lũ dâng cao, đê điều không được đảm bảo". Để đối phó, chúng ta phải có lực lượng đoàn kết to lớn của toàn dân. Lực lượng sẽ làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, muốn vậy, trước mắt phải mở rộng Ban Dân tộc giải phóng bầu ra ở Tân Trào tức Chính phủ lâm thời, cần được cải tổ nhằm đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước và những nhân sĩ tiến bộ. "Các đồng chí ta rút bớt ra khỏi Chính phủ lâm thời và uỷ ban, nhường chỗ cho các nhân sĩ trí thức để các vị ấy cùng chúng ta chung lo việc nước. Các đồng chí ta ra khỏi chính quyền sẽ trở về củng cố Đảng, củng cố Việt Minh, tăng cường lực lượng vũ trang, ra sức đoàn kết nhân dân... Đó là những việc rất cơ bản của chúng ta" (Thực hiện chủ trương này, ông Nguyễn Khang nhường chức chủ tịch Uỷ ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ cho nhà trí thức yêu nước Nguyễn Xiển, chỉ giữ lại ông Nguyễn Văn Trân làm phó chủ tịch; ông Xuân Thuỷ cũng rút khỏi Uỷ ban nhân dân cách mạng Bắc Bộ về chuyên trách công tác mặt trận, làm trưởng ban tuyên truyền của Tổng bộ Việt Minh kiêm chủ nhiệm và chủ bút báo *Cứu quốc*.

Ngày 28.8.1945, báo chí công bố danh sách Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và ghi rõ: Nội các thống nhất quốc gia. Chính phủ do Cụ Hồ Chí Minh làm chủ tịch. Cụ Hồ là ai? Mọi người hỏi nhau. Nhiều người đến báo *Cứu quốc* hỏi lai lịch và hoạt động của Cụ Hồ. Khi được biết đó chính là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc thì ai cũng vui mừng phấn khởi. Ngày 30.8, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị và trao ấn kiếm cho đoàn đại biểu Chính phủ và Tổng bộ Việt Minh do bộ trưởng Trần Huy Liệu dẫn đầu.

Thường vụ Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh quyết định ngày 2.9.1945 Chính phủ lâm thời ra mắt và Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*. Ngày

thứ hai 3.9.1945, hai tờ báo hằng ngày của Việt Minh bấy giờ là *Cứu quốc* ở Hà Nội và *Dân chủ* ở Hải Phòng (cũng phát hành rộng rãi ở Hà Nội) đăng tin tường thuật với tít lớn trên trang nhất: *Chúng ta đã đạt được nền độc lập hoàn toàn. Chúng ta đoàn kết chặt chẽ muôn người như một bức tường sắt để giữ của quý đó* - Lời vị Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với quốc dân. Hai hôm sau, ngày 5.9, báo đăng toàn văn bản *Tuyên ngôn độc lập*.

Nhưng cũng hai hôm sau nữa, ngày 7.9.1945, các báo đã có xã luận: "*Quyết chiến!*" kèm theo các bài phỏng vấn. Ông Trần Huy Liệu tuyên bố: "Nạn ngoại xâm đã đến rồi. Quốc dân phải sẵn sàng chống địch!"; ông Võ Nguyên Giáp khuyên dân Hà Nội trừ người khoẻ mạnh, còn nên tản cư, vì chính phủ Đờ Gôn tỏ ra không hoà hảo với nước ta, đã cho quân Pháp nhảy dù tại nhiều nơi, đột nhập nước ta, cử một viên chức Pháp sang làm toàn quyền Đông Dương; Lơclec (Leclerc) cũng tuyên bố sẽ phái quân sang Đông Dương. Tại Sài Gòn một chiến sĩ đã hi sinh trong khi thừa hành chức vụ, đó là công dân nước Việt Nam độc lập đầu tiên hi sinh cho Tổ quốc. Báo cũng đăng Sắc lệnh số 8 do bộ trưởng Nội vụ Võ Nguyên Giáp "Thừa lệnh Chủ tịch Chính phủ lâm thời, giải tán Đại Việt Quốc gia xã hội đảng và Đại Việt Quốc dân đảng vì họ đã tư thông với ngoại quốc để mưu những việc có hại cho nền độc lập quốc gia và nền kinh tế Việt Nam".

Thứ ba ngày 11.9.1945, báo đưa tin: Chính phủ lâm thời triệu tập Quốc dân đại hội (tức là tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá đầu tiên). Chủ tịch Hồ Chí Minh gặp báo chí. Từ đó về sau, các báo ở Hà Nội thường được Bác Hồ triệu tập đến Bắc Bộ Phủ để họp báo, nhiều lần có cả các nhà báo nước ngoài, một đôi lần phóng viên báo của Quốc dân đảng cũng có mặt.

Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á vừa ra đời trong không khí cách mạng hừng hực đã phải đứng trước những thử thách vô cùng khó khăn. Nhân dân Hà Nội tự hào được là công dân tự do của thủ đô nước Việt Nam độc lập và dân chủ, nhưng cũng thấy trách nhiệm nặng nề phải làm sao cùng nhân dân cả nước đoàn kết lại, tăng cường lực lượng về mọi mặt, phấn đấu bảo vệ chính quyền, bảo vệ và xây dựng đất nước, chống thù trong, giặc ngoài. Khi ấy, từ Quảng Trị trở ra, gần hai chục vạn quân Tầu Tưởng do tướng Lư Hán và tướng Tiêu Văn chỉ huy đã kéo vào nước ta, đem theo bọn Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam nhăm nhe lật đổ chính quyền cách mạng đang còn trứng nước. Trong Nam, nửa vạn quân Anh dưới quyền tướng Graxây (Gracey) cũng kéo vào Sài Gòn, che chở cho quân Pháp quay lại xâm lược nước ta. Ngày 23.9.1945, đồng bào Nam Bộ đã phải đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp. Qua Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam, ngày 26.9, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định với đồng bào Nam Bộ.

"Chính phủ và đồng bào toàn quốc hết sức ủng hộ những chiến sĩ và nhân dân đang hi sinh đấu tranh để giữ gìn nền độc lập của nước nhà. Chúng ta nhất định

thắng lợi vì chúng ta có lực lượng đoàn kết của toàn dân. Chúng ta nhất định thắng vì cuộc đấu tranh của chúng ta là chính nghĩa". Đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thanh niên Hà Nội và thanh niên các tỉnh phía bắc hăng hái tham gia các đoàn quân Nam tiến. Báo *Cứu quốc* cũng cử phóng viên nhiếp ảnh Nguyễn Bá Khoản và phóng viên chiến tranh Tô Hoài vào chiến trường Miền Nam. Tin bài và ảnh về mặt trận Nam Bộ đều phản ánh nhanh chóng trên báo *Cứu quốc*.

Do tình hình sôi động và biến chuyển mau lẹ, ông Trường Chinh thường mỗi tuần một lần đến họp với toà soạn báo *Cứu quốc* và các vị phụ trách các báo khác, như *Lao động, Hồn nước, Tiếng gọi phụ nữ*,... để phổ biến chủ trương của Thường vụ Trung ương và hướng dẫn những việc các báo cần làm.

Trụ sở báo *Cứu quốc* hồi ấy còn là nơi liên lạc của Tổng bộ Việt Minh và là nơi gặp gỡ giữa Việt Minh với Việt quốc (Việt Nam Quốc dân đảng) và Việt cách (Việt Nam cách mạng đồng minh). Trung ương Đảng và Tổng bộ giao cho các vị Trần Huy Liệu, Nguyễn Lương Bằng và Xuân Thuỷ gặp họ.

Báo chí Hà Nội nở rộ sau Cách mạng tháng Tám. Chỉ một thời gian ngắn, từ khoảng một chục tờ, đã lên hơn một trăm tờ. Cùng với những tờ báo đó, báo cách mạng khác cũng lần lượt ra công khai: *Lao động* của Công nhân cứu quốc, *Gió mới* của Sinh viên cứu quốc, *Độc lập* của Đảng Dân chủ, *Hồn nước* của Thanh niên cứu quốc Hoàng Diệu, *Tiếng gọi phụ nữ* của Phụ nữ cứu quốc Hoàng Diệu,... Những tờ mới: *Vì nước* của Nguyễn Đức Thuyết, *Tương lai* của Trương Văn Minh, *Đồng minh* của Cách mạng đồng minh hội, *Le Peuple* do Lưu Văn Lợi làm chủ bút, *Nam hoa báo* (tiếng Việt và tiếng Hoa) do Hồ Dzếnh xin phép. Có những tờ đã ra từ trước, nay xin tiếp tục, như *Dân Thanh* của Ngô Văn Phú (tên cũ là *Đông phát*), *Dân quốc* của Mai Văn Hàm (tên cũ là *Tin mới*), *Quốc gia* của Ngô Thị Thoa, *Tri tân* của Nguyễn Tường Phượng, *Hanoi Soir* cũng của Ngô Văn Phú.

Người Pháp ở Hà Nội khi đó có tờ *L'Entente* (Thông cảm) của Giăng Xômông (tên cũ là *La Volonté Indochinoise*). Bọn phản động tay sai Tầu Tưởng có mấy tờ: *Việt Nam, Liên hiệp, Thiết thực, Đồng tâm*...

Khi chính quyền cách mạng mới thành lập, ta duy trì chế độ kiểm duyệt báo chí một thời gian, để đảm bảo thông tin chính xác, đúng đắn. Sở Kiểm duyệt báo chí bấy giờ do nhà văn Nguyễn Công Hoan phụ trách, ít ngày sau chuyển sang Lưu Văn Lợi làm giám đốc và Thành Thế Vĩ phụ tá, cùng mấy cán bộ giúp việc. Trên báo *Cứu quốc*, ngày 9.4.1946, đăng thông báo kí tên Nguyễn Đức Thuyết: "Báo *Vì nước* ngày 23.3.1946 phạm kỉ luật kiểm duyệt nên đã bị Bộ Nội vụ (khi ấy do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm bộ trưởng) kí lệnh đình bản ba ngày 8, 9 và 10.4. Số báo tiếp tục ra chiều thứ năm ngày 11.4.1946". Báo *Dân chủ* của Mặt trận Việt Minh Hải Phòng cũng bị đình bản một ngày vì số báo ra ngày 19.2.1946 và phải đình bản ba ngày 20, 21, 22.2 vì đăng một tin sai lạc về tình hình chiến tranh ở biên giới Bắc Bộ! Bộ Thông tin tuyên truyền nói: Không có giặc Pháp ở Lào Cai, chỉ có mạn Phong Thổ, Lai Châu.

Theo tin của Báo *Dân chủ* ngày 19.2, thì ngày 15.2 có hơn 400 quân Pháp vượt qua biên giới tại mạn Lai Châu dò đường Điện Biên Phủ tiến sang đất Lào. Quân đội ta đã chặn đường đón đánh.

Nhiệm vụ của báo chí lúc ấy đặt ra thật nặng nề, phản ánh cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch trên mọi mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hoá, tư tưởng. Song song với việc tuyên truyền cổ vũ nhân dân ra sức xây dựng và củng cố chính quyền vững mạnh, động viên thực hiện ba nhiệm vụ lớn: *diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm*, ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, gắn liền với tăng gia sản xuất và tích cực tham gia tổng tuyển cử Quốc hội khoá đầu tiên của nước ta.

Từ khi Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán (ngày 11.11.1945) báo *Cờ Giải phóng* đình bản và được thay bằng báo *Sự thật* (từ ngày 5.12.1945) với danh nghĩa cơ quan của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác ở Đông Dương.

Cũng từ tháng 11.1945, Hội nghị Trung ương Đảng đã vạch ra đường lối "Kháng chiến kiến quốc". Bấy giờ hai chục vạn quân Tầu Tưởng còn đóng trên lãnh thổ nước ta mà Pháp thì đã sẵn sàng đưa hạm đội vào Hải Phòng. Bác Hồ và Thường vụ Trung ương Đảng nhận thấy cần tạm thời hoà hoãn, tạo điều kiện củng cố lực lượng. Sau nhiều ngày đàm phán giữa các đại diện ta với đại diện Pháp, ngày 6.3.1946, Hiệp định sơ bộ được kí kết tại Hà Nội. Trước mắt, hiệp định này làm cho các nước đồng minh với Pháp như Mỹ, Anh không còn có để xúm lại chống ta, quân Tưởng cũng phải rút sớm, ta loại bớt được kẻ thù. Tuy vậy, ta phải sẵn sàng cho 15.000 quân Pháp vào Việt Nam gọi là để thay thế quân đội Trung Hoa và số quân này sẽ rút dần trong vòng 5 năm.

Do đấu tranh kiên quyết, nhưng khôn khéo của ta, Pháp buộc phải mời Hồ Chủ tịch và phái đoàn ta do ông Phạm Văn Đồng làm trưởng đoàn sang Pháp mở Hội nghị chính thức Việt - Pháp ở Phôngtenơblô (Fontainebleau, thuộc vùng Pari). Hồ Chủ tịch và phái đoàn lên đường ngày 31.5.1946. Trước hôm rời Hà Nội, Bác gặp gỡ các nhà báo. Bác nói: "Trong khi thăm nước Pháp, Bác mong rằng sẽ làm tròn nhiệm vụ tranh đấu cho nước nhà, và các nhà báo cũng có trách nhiệm hướng dẫn dư luận đồng bào". Bác căn dặn thái độ của các cơ quan ngôn luận là phải ôn hoà và đúng đắn. Trên sân bay Gia Lâm sáng hôm ấy, Bác nhắc nhở "Báo giới đoàn kết. Ngôn luận chính đáng, thiết thực. Dĩ bất biến ứng vạn biến", và trước khi lên máy bay, Bác ghi vào sổ tay của nhà báo Hoàng Phong (khi ấy là đặc phái viên báo *Dân chủ*) mấy chữ để nhắn gửi đồng bào Hải Phòng và miền biển: "Đoàn kết, Kỉ luật, Cộng tác".

Ngày 7.6.1946, cuộc đàm phán bắt đầu, nhưng kéo dài được hơn ba tháng thì gián đoạn vì Pháp tỏ rõ âm mưu chia cắt Việt Nam. Nhằm giành thêm thời gian chuẩn bị lực lượng mọi mặt để sẵn sàng chiến đấu, Hồ Chủ tịch thoả thuận kí với bộ trưởng thuộc địa Pháp Mariuýt Mutê (Marius Moutet) bản Tạm ước 14.9.1946. Cuối tháng

10.1946, Bác về tới Hà Nội, Bác cùng Thường vụ Trung ương quyết định gấp rút chuẩn bị kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kì.

Từ ngày 28.10 đến ngày 9.11.1946, Quốc hội họp để thảo luận và thông qua Hiến pháp đầu tiên của nước ta, và thảo luận những chủ trương cấp bách để chuẩn bị kháng chiến. Khi ấy bọn phản động Việt quốc, Việt cách đã bỏ chạy theo quân Tưởng, cùng với việc khám phá ra vụ thảm sát Ôn Như Hầu và Đỗ Hữu Vị (hai địa điểm tại Hà Nội, nơi Quốc dân đảng giết hại những cán bộ và đồng bào ta bị chúng bắt cóc, tống tiền), quét sạch các sào huyệt của bọn phản động này, những tờ báo lá cải của chúng cũng biến mất tăm.

Các nhà báo theo dõi hoạt động của Quốc hội hồi đó mới có khoảng một chục phóng viên, thay nhau bám đủ các phiên họp sáng chiều và nhiều hôm đến tối khuya. Nhà báo Hoàng Phong ghi lại những lời tuyên bố giản dị mà vô cùng xúc động lòng người của Hồ Chủ tịch: "Tôi xin tuyên bố trước Quốc hội, trước quốc dân, trước thế giới: Tôi chỉ có một đảng: Đảng Việt Nam!". Khi Người được Quốc hội tiếp tục uỷ nhiệm lập chính phủ mới, một chính phủ đoàn kết dân tộc và tập hợp đông đảo nhân tài, không đảng phái, lãnh đạo toàn dân kháng chiến kiến quốc, gìn giữ nền độc lập và thống nhất nước nhà.

Giữa kì họp Quốc hội rất khẩn trương, ngày 5.11 Hồ Chủ tịch đã viết bản bút kí lịch sử: "Công việc khẩn cấp bây giờ", nêu lên nhiệm vụ cụ thể về kháng chiến và kiến quốc. Bác viết: "Ta phải hiểu và phải cho dân hiểu rằng: cuộc kháng chiến sẽ rất gay go cực khổ. Dù địch thua đến 99% nó cũng rán sức cắn lại. Vì nó thất bại ở Việt Nam thì toàn bộ cơ nghiệp đế quốc của nó sẽ tan hoang. (...) vì vậy ta phải có, và phải làm cho dân ta có Tín tâm và Quyết tâm, (...) Cố rán sức qua khỏi mùa đông lạnh lẽo thì ta sẽ gặp mùa xuân. Dù phải rút khỏi các thành phố ta cũng không cần. Ta sẽ giữ tất cả thôn quê. Qua khỏi trận khủng bố ráo riết của kẻ địch thì ta sẽ thắng lợi".

Bản chỉ thị viết tay của Hồ Chủ tịch đã đặt nền móng vững chắc cho đường lối kháng chiến của cả nước sau này. Ít hôm sau, trên báo *Cứu quốc* bắt đầu xuất hiện các khẩu hiệu. "Toàn dân kháng chiến", "Trường kì kháng chiến", "Kháng chiến là sống" và phân tích: "Người dân tản cư không thể coi mình như đi lánh nạn, mà phải thấy mình có nhiệm vụ trong việc kháng chiến lâu dài".

Giữa các báo của ta và của Pháp cũng luôn luôn diễn ra những cuộc chống trả nhau kịch liệt trên mặt báo. Lúc đó các nhà báo Pháp ở Hà Nội cũng khá đông, họ có câu lạc bộ báo chí ở gần Nhà hát Lớn, nơi về sau là Câu lạc bộ Đoàn kết, đôi khi mời các nhà báo Việt Nam đến trò chuyện, trao đổi tình hình. Trong số các nhà báo Pháp ở Việt Nam năm 1946, có Philip Đờvile (Philippe Devillers) và Giăng Lacutuya (Jean Lacouture) sau này là các tác giả có nhiều tác phẩm có giá trị về lịch sử cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân Việt Nam, đặc biệt là về Chủ tịch Hồ Chí Minh mà họ rất tôn kính.

Tại cuộc họp báo khoảng đầu tháng 11.1946 có cả các nhà báo Pháp là phóng viên thường trú của hãng AFP và báo *L'Entente*, Hồ Chủ tịch nói: "Tờ báo chỉ là giấy trắng mực đen mà thôi, nhưng với giấy trắng mực đen ấy, người ta có thể viết những bức tối hậu thư, người ta cũng có thể viết những bức thư yêu đương. Từ trước đến giờ, báo chí Việt Pháp đều chỉ dùng giấy ấy để viết những "tối hậu thư" nhiều hơn. Bây giờ về sau, chúng ta dùng giấy ấy để viết những bức thư thân ái. Trong bản Tạm ước, hai chính phủ Việt Nam và Pháp rất trọng thị địa vị của nhà báo, đã có một khoản riêng về các nhà báo. Hai chính phủ có hứa với nhau rằng từ đây về sau, các báo hoặc của Chính phủ, hoặc của dân chúng sẽ thôi chửi nhau. Tục ngữ Việt Nam có câu: "Lời nói chẳng mất tiền mua, Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau". (Khi ấy, một đồng chí của ta dịch "chửi nhau" là "polémiquer", Bác bảo phải dịch là "injurier" hay "insulter"). Song thực dân Pháp ngoan cố, vẫn rắp tâm xâm lược cả nước ta.

Dưới sự chủ trì của Hồ Chủ tịch, Thường vụ Trung ương Đảng và tiếp đó là Hội nghị Trung ương mở rộng họp trong hai ngày 17 và 18.12.1946, tại làng Vạn Phúc quyết định phát động toàn quốc kháng chiến. Địch đã cố tình gây chiến, ta phải chủ động làm thất bại âm mưu của chúng.

Ngay từ hạ tuần tháng 11, cơ quan báo *Cứu quốc* đã lục tục chuẩn bị chuyển dần nhà in từ Hàng Trống ra Thanh Oai (Hà Đông). Công nhân nhà in và một số phóng viên, biên tập viên trẻ khoẻ được phân công vào đội ngũ chiến đấu. Chủ bút Xuân Thuỷ phân công một số phóng viên chiến tranh ở ba liên khu trong nội thành: Liên khu 1 (trung tâm thành phố) có Hoàng Phong (mới chuyển từ *Dân chủ* sang *Cứu quốc*) và Hải Ly; Liên khu 2 (phía nam) có Như Phong và Hồng Hà; Liên khu 3 (phía tây) có Lưu Động và Thanh Đạm.

Sáng sớm ngày 19.12, báo *Cứu quốc* đăng "tin sau cùng" nhận được lúc nửa đêm 18.12: "Hồi 9 giờ 15 tối 18.12.1946, Liên kiểm Trung ương Pháp báo cho Liên kiểm Trung ương Việt Nam biết rằng trong ngày 18.12.1946, công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ. Nếu tình hình ấy kéo dài bắt đầu từ ngày 20.12.1946, quân đội Pháp sẽ đảm nhiệm việc trị an ở thành phố Hà Nội. Liền đó, báo đăng trả lời của Liên kiểm Việt Nam: "Cái cớ bảo rằng công an Việt Nam không làm tròn nhiệm vụ là hoàn toàn vu khống và bịa đặt. Quân đội Pháp không thể lấy lẽ ấy xâm phạm đến quyền trị an của chúng tôi, quyền tối cao của nước Việt Nam tự do". Giữa trưa 19.12 Xuân Thuỷ đi họp về, thông báo cho một số anh em: "Có thể tối nay nổ ra đánh nhau đấy" và dặn dò mấy việc cần làm.

Đúng 8 giờ 03 phút tối 19.12.1946, điện thành phố phụt tắt. Đại bác ta từ pháo đài Láng, Xuân Canh, Xuân Đỉnh và một số nơi khác ở ngoại thành nã từng loạt đạn giòn giã vào các vị trí địch trong thành. Cùng lúc đó, Đài Tiếng nói Việt Nam truyền đi mệnh lệnh chiến đấu của bộ trưởng Quốc phòng - tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp tới toàn thể bộ đội Vệ quốc quân và dân quân tự vệ Trung, Nam, Bắc nhất tề vùng

lên xông tới mặt trận giết giặc. Cả Thủ đô cùng nổ súng. Cả Hà Nội vùng đứng lên đánh giặc, cứu nước!

Đêm hôm ấy, tại Viện Nội (Thanh Oai, Hà Đông), cơ quan in dự bị của *Cứu quốc* đèn chong suốt sáng, máy nổ, máy in rì rầm lẫn trong tiếng nói cười. Cùng với những tờ áp-phích khổ lớn "*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch*" đang ra khỏi máy còn sực nức mùi mực là ba vạn tờ báo *Cứu quốc* đầu tiên trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đề ngày 21.12.1946, được in ra hàng loạt.

Cũng đêm 19.12, Như Phong và Hồng Hà cùng Nguyễn Đình Thi và Thép Mới chuyển từ Khâm Thiên đến làng Sét ở ngoại thành, ra tờ *Cứu quốc* khổ nhỏ, hai trang, được gọi đùa là "*Cứu quốc con*". Tờ báo được tung vào nội thành khá sâu rộng, trừ phía Hàng Bún trở lên có trở ngại hơn vì chiến sự và địch đóng dày. Mặt trận lan rộng dần, "*Cứu quốc con*" ra thêm được mấy số rồi ngừng. Nhưng nó đáng tự hào là tờ báo kháng chiến đầu tiên có mặt trong Hà Nội khói lửa. *Hà Nội cháy, khói lửa ngợp trời, Hà Nội hồng ầm ầm rung, Hà Nội vùng lên,...* Bài ca *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi xuất hiện đầu tiên trên tờ báo ấy. Trong khi đó, Hoàng Phong và Hải Ly tham gia chiến đấu với các chiến sĩ của Trung đoàn Thủ đô tương lai, ở Hàng Bè rồi ra Phất Lộc. Mấy số đầu của báo *Đông Kinh nghĩa thục* là do hai phóng viên chiến tranh này vừa nghĩ xã luận vừa viết lên giấy nến để in ra phân phát tới đồng bào và chiến sĩ.

Trong lãnh đạo kháng chiến, Đảng bộ Hà Nội (Khu XI) ngay từ đầu cũng rất quan tâm đến công tác báo chí. Chỉ ba ngày sau khi kháng chiến bùng nổ, tờ báo *Thủ đô*, cơ quan tuyên truyền của Uỷ ban kháng chiến Khu XI đã ra đời. Và đây cũng là lần đầu tiên Đảng bộ thành phố có một cơ quan ngôn luận chính thức, trực tiếp dưới sự lãnh đạo của mình. Như trên nói, tờ báo này do Thôi Hữu, thành uỷ viên phụ trách.

Lời phi lộ của *Thủ đô* (số 1 ra ngày 22.12.1946) cổ vũ chiến sĩ và đồng bào: "Trong cuộc chiến tranh này, thủ đô có nhiệm vụ chiến đấu gan dạ hơn hết, bền bỉ hơn hết và hi sinh hơn hết để làm gương cho toàn thể quốc dân. Tờ báo *Thủ đô* sẽ là cơ quan thông tin cuộc chiến đấu của quân dân thủ đô hằng ngày, hằng giờ. Tờ báo *Thủ đô* nguyện làm bạn chiến đấu với quân dân thủ đô cho đến thắng lợi cuối cùng".

Trang đầu của báo in trang trọng *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Hồ Chủ tịch, *Nhật lệnh của Uỷ ban Kháng chiến Khu XI*, khẩu hiệu "Kiên quyết giữ vững Thủ đô". Báo đưa tin Thủ đô kháng chiến: đêm 19.12, quân ta đột nhập nơi Pháp đóng trong thành; chiếm rạp Majestic; tấn công vị trí Pháp ở Trường Bưởi; Viện Pasteur lại về tay ta; Pháp đem đại đội thiết giáp vây trại Vệ quốc đoàn Trung ương bị quân ta chặn đánh ở nhiều nơi; tin Xanhtơni bị trọng thương; lời nhắc nhở "Dè xẻn đạn và kiên quyết".

Tuy báo *Thủ đô* chỉ có hai trang giấy xấu đen, khổ nhỏ như tờ pơ-luya, chữ chì đã mòn không còn rõ nét, nhưng vẫn có sức cổ vũ mạnh mẽ các chiến sĩ cảm tử của thủ đô xông lên giết giặc. Báo dự định ra hằng ngày, nhưng do điều kiện thiếu thốn ngặt

nghèo nên không ra được đều kì và đến đầu năm 1947, báo đã đình bản cùng với việc Trung đoàn Thủ đô hoàn thành sứ mệnh giam chân địch suốt sáu mươi ngày đêm khói lửa, rút quân an toàn và thắng lợi đêm 17.2.1947. Trong nội thành hồi ấy, còn có tờ *Chiến thắng* của Liên khu I và báo của các khu phố: tờ *Đông Kinh nghĩa thục* của khu Đông Kinh nghĩa thục, *Đông Xuân* của khu Đông Xuân, *Cảm tử* của khu Hoàn Kiếm, *Tiền phong* của khu Đông Thành... Tất cả các tờ báo này đều chấm dứt hoạt động cùng với tờ *Thủ đô*.

Tóm lại, từ lúc phôi thai cho đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, báo chí Hà Nội cũng như báo chí cả nước ta phải chịu sự kiểm soát vô cùng ngặt nghèo trong thời kì đô hộ của thực dân Pháp và tiếp đó là thời kì chiếm đóng của phát xít Nhật. Nhưng, nếu như bọn xâm lược dùng báo chí làm lợi khí cho công cuộc đô hộ của chúng, thì các nhà yêu nước và cách mạng Việt Nam cũng lấy báo chí làm vũ khí sắc bén của mình, góp phần tích cực vào sự nghiệp chung của dân tộc đấu tranh cho độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội và báo chí ta cũng từng bước được trưởng thành và phát triển cùng với sự nghiệp vẻ vang đó của dân tộc. Những nhà báo và trí thức yêu nước như Huỳnh Thúc Kháng (báo *Tiếng dân* ở Huế), Nguyễn Văn Tố (tạp chí *Tri tân*), Vũ Đình Hoè và Phan Anh (tạp chí *Thanh Nghị*) được Hồ Chủ tịch mời tham gia Chính phủ cách mạng đầu tiên của nước ta.

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, tới cuối năm 1945, các nhà báo hội viên Hội Văn hoá cứu quốc mới tách ra lập tổ chức riêng của mình. Sáng 27.12 năm ấy, gần một trăm nhà báo ở Hà Nội thay mặt báo giới cả nước, trong và ngoài Việt Minh, họp tại trụ sở Hội Văn hoá cứu quốc, phố Hàng Trống, để lập *Đoàn báo chí Việt Nam*. Ông Xuân Thuỷ là người chỉ đạo việc thành lập nhưng không tham gia hội đồng quản trị. Nhà báo lão thành Nguyễn Tường Phượng (tạp chí *Tri tân*) giữ chức chủ tịch, hai phó chủ tịch là Nguyễn Tấn Gi Trọng khi ấy là tổng giám đốc Nha Thông tin tuyên truyền và Đỗ Đức Dục (báo *Độc lập*); tổng thư kí: Nguyễn Huy Tưởng; tham gia hội đồng còn có nhà báo: Thanh Thuỷ (nữ), Trương Văn Minh, Hoàng Hữu Huy, Như Phong, Bùi Huy Phồn, Nguyễn Đức Thuyết, Nguyễn Quang Cẩn, Thích Thiện Hoà, Trương Tửu, Phạm Mạnh Phan và Lê Văn Thu.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, số đông các nhà báo toả ra các chiến khu và về các vùng nông thôn cùng nhân dân và bộ đội chiến đấu chống giặc.

III. BÁO CHÍ THỜI KÌ HÀ NỘI BỊ TẠM CHIẾM (1947-1954)

Sau 60 ngày đêm chiến đấu bảo vệ từng đường phố, từng khu nhà, ngày 17.2.1947, Trung đoàn Thủ đô rút ra ngoài để bảo toàn lực lượng, kháng chiến lâu dài. Hà Nội trở thành vùng tạm chiếm sâu của thực dân Pháp. Đây là một Trung tâm Quân sự hành chính của bọn chúng, dùng làm bàn đạp để hòng ổn định nhân tâm và chiếm đóng hoàn toàn nước ta. Chúng thiết lập các cơ quan cai trị dưới quyền

điều khiển của Cao uỷ Pháp. Một "Hội đồng an dân" gồm người bản xứ được lập để nắm quyền quản lí lúc giao thời.

Lúc này dân cư ở thành phố thưa thớt, chỉ vài vạn người. Nhưng ngày 15.3.1947 đã có báo xuất bản. Đó là tờ *Thời sự*, cơ quan của Hội đồng an dân, nhằm thông tin các chủ trương chính sách, vỗ về dân chúng, đưa tin chiến sự (theo thông báo chính thức của Bộ chỉ huy Quân đội viễn chinh Pháp) trong đó Việt Minh luôn luôn thất bại, hòng làm người dân mất tin tưởng vào kháng chiến. Mấy tờ báo xuất bản tiếp trong năm 1947 đều là cơ quan của chính quyền thực dân và bù nhìn: *Ngày mới*, cũng của Hội đồng an dân, *L'Entente*, nhật báo vốn đã xuất bản hồi 1945, nay ra tiếp, dành cho Pháp kiều. Báo tiếng Hoa là tờ *Thái Bình Dương chu san*, do "Việt Nam Hoa kiều văn hoá xã" thân Pháp chủ trương.

Từ cuối năm 1947, đầu năm 1948, quân đội Pháp đánh rộng ra nhiều nơi, dân chúng trở về nhiều hơn. Thực dân Pháp nghĩ đến giải pháp chính trị, đưa Bảo Đại về nước lập Chính phủ bù nhìn để Pháp "trao trả quyền độc lập" hòng lừa bịp nhân dân.

Hai năm 1948, 1949, tức là trước và sau khi Bảo Đại về nước làm "quốc trưởng", báo chí xuất bản khá nhiều. Đến lúc này, có tới 35 tờ, trong đó 15 tờ hằng ngày. Điều đó phản ánh sự tranh giành gay gắt của các đảng phái chính trị, các phe nhóm (Việt Nam Quốc dân đảng, Đại Việt quốc xã, Đại Việt dân chính, Việt Nam ái quốc đảng, Đại Việt quốc gia liên minh, phong trào Quốc gia bình dân, nhóm Xã hội thuộc Đệ nhị quốc tế) dùng báo chí để tranh thủ dư luận, gây tiếng tăm, hi vọng nhẩy lên vũ đài chính trị để được chia chác quyền lực. Điểm tên vài chủ nhiệm hoặc chủ bút thì biết:

- Nguyễn Cảnh Long, con nuôi thủ tướng nguỵ quyền, ra các tờ *Giác ngộ, Chánh đạo*.

- Xích Đạo, tức Nguyễn Trọng Trạc, liên tiếp chủ trương 3 tờ báo hằng ngày là *Lẽ sống, Lên đường, Công tội*. Tờ này chết thì tờ khác nối tiếp, đến năm 1950 Trạc được bổ nhiệm làm giám đốc Nha Thông tin Bắc Việt.

- Trần Trung Dung ra tờ *Thời báo*, sau trở thành tổng trưởng Bộ Quốc phòng;

- Nguyễn Thức, là "lãnh tụ" "Việt Nam Cách mạng đồng minh hội", ra tờ *Hưng việt, Dũng tiến*;

- Lê Thăng, Phan Huy Quát, Nguyễn Tôn Hoàn thuộc Đảng Đại Việt, ra tờ *Nhật báo*, sau đều là bộ trưởng trong nội các Nguyễn Phan Long;

- Nghiêm Xuân Thiện ra tờ *Thời sự*, sau làm tổng trấn Bắc Việt;

- Hoàng Cơ Bình ra tờ *Giang Sơn*, sau làm chủ tịch Uỷ ban bảo vệ, thực chất là Thủ hiến Bắc Việt thời kì sau Hội nghị Giơnevơ;

- Văn Tuyên, tức Mácxen Xubriê (Marcel Soubrier), một người Tây lai thuộc Phòng nhì của Pháp, ra tờ *Liên hiệp*...

Cũng có người ra báo để được cung cấp giấy in báo với giá hạ (giấy nhập từ Pháp

sang, do người Pháp nắm độc quyền phân phối lúc khan hiếm) rồi đem bán bớt với giá cao để hưởng chênh lệch.

Tuy nhiên, Ngày 30.11.1948, có tờ *Công luận*. Đó là tờ báo do một số trí thức tiến bộ - vì nhiều lí do khác nhau ở lại Hà Nội - Nguyễn Mạnh Hà, Hoàng Xuân Hãn, Bùi Tường Chiểu, Vũ Văn Hiền, Phạm Khắc Quảng cùng với nhà nhiếp ảnh Đỗ Huân, chủ nhà in Xuân Thu, xuất bản. Tranh thủ lúc chính trị của nguỵ quyền chưa ổn định, các vị mượn người đứng tên chủ nhiệm, ra báo biểu lộ tinh thần yêu nước của người tri thức trong Hà Nội bị tạm chiếm vẫn hướng về chính nghĩa, không hợp tác với địch. Những người này lúc đó được gọi là "trí thức trùm chăn". Bác sĩ Trần Văn Lai, nguyên thị trưởng Hà Nội thời chính phủ Trần Trọng Kim năm 1945, khi trả lời phỏng vấn báo *Công luận*, đã nói: "trùm chăn là yêu nước". Chính quyền bù nhìn tức tối, đả kích các ông là "ăn cơm quốc gia, thờ ma cộng sản". Báo *Công luận* chỉ ra đến số 2 đã bị đình bản có thời hạn theo lệnh của Bộ Thông tin. Sau ra đến số 15 ngày 14.12.1948 thì bị đình bản hẳn.

Do không có chính nghĩa, không được lòng dân, thực dân Pháp và nguỵ quyền rất e sợ dư luận, muốn hạn chế việc ra báo mà họ biết khó có thể kiểm soát. Nhưng trước sức ép của các phe phái khác nhau, hơn nữa lại muốn tỏ vẻ cho mình bộ mặt "tự do, dân chủ", họ buộc phải cho phép ra báo và dùng bộ máy kiểm duyệt khắt khe để bưng bít sự thật, bịt miệng những tiếng nói chân chính.

Lúc đầu, cơ quan cấp giấy phép ra báo và kiểm duyệt nằm trong tay người Pháp. Sau khi có "chính phủ quốc gia" thì Bộ Thông tin (ở Sài Gòn) giữ quyền này. Ở Miền Bắc, Bộ Thông tin uỷ quyền cho Nha Thông tin Bắc Việt, trực thuộc Phủ Thủ hiến, quản lí báo chí. Giám đốc Nha Thông tin có sự thay đổi luôn: đầu tiên là Nguyễn Trọng Trạc, trước từng làm giám đốc trị sự báo *Ngày nay* của nhóm Tự lực văn đoàn, và lúc đó cũng là chủ nhiệm một số tờ báo, trong đó có tờ *Công tội*, mà tiêu đề trên măng-sét ghi: "Nghĩ mình công ít tội nhiều" (?). Sau đó Lương Danh Môn, cử nhân Luật, từng làm tri huyện thời Pháp thuộc; Đỗ Văn bỏ vùng tự do vào Hà Nội cũng làm giám đốc một thời gian (sau này Đỗ Văn trở thành người phụ trách buổi phát thanh tiếng Việt của Đài BBC),...

Báo trước khi in phải đưa đến phòng kiểm duyệt. Nhân viên kiểm duyệt soi xét kĩ, cắt bỏ từng chữ, từng câu, đoạn, có khi xoá bỏ cả bài. Với báo hằng ngày, bản dập thử đưa tới phòng kiểm duyệt lúc 7-8 giờ tối (trang 1 có thể đưa muộn hơn) và được trả lại lúc 10-11 giờ đêm. Đoạn nào bị cắt bỏ thì toà soạn phải tìm cách thay thế, gây nhiều khó khăn cho báo. Tuy nhiên có khi thay không kịp, báo cứ để trống từng mảng trắng - và đó cũng là một cách để ngầm tỏ với bạn đọc là "ban báo" dám nói những điều không lọt tai chính quyền.

Có những điều cấm kị không ghi thành văn bản, người viết mặc nhiên phải theo, nếu không muốn bị rầy rà. Nói xấu "Chính phủ quốc gia" và Nhà nước Pháp, Quân đội Pháp đương nhiên là không được. Nhiều thứ không được phép gọi đúng

tên thực của nó, ví dụ phải viết "Chính phủ Việt Minh" hoặc "Việt cộng" thay vì "Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà", xe của một "ngoại kiều" lái ẩu chẹt chết người, thay vì "xe quân sự của nhà binh Pháp". Tin chiến sự không được phép dùng tin riêng của phóng viên hoặc của một nguồn nào khác, mà phải đăng nguyên văn thông cáo của Bộ Chỉ huy Quân đội viễn chinh Pháp. Những thông báo này được cân nhắc kĩ càng rồi mới công bố, nhưng theo nhà báo Hoàng Giáp thì khi báo đăng có lúc vẫn còn bị kiểm duyệt! Nhà báo Trương Uyên nhớ lại: Báo *Giang sơn* đưa tin Điện Biên Phủ, phải thay tít đến 8 lần vẫn không được bộ phận kiểm duyệt chấp nhận. Cuối cùng tin trang 1 còn một câu "Tin chiến sự Điện Biên Phủ" rồi bỏ trắng!

Nói chung, khi cuộc chiến ở Điện Biên Phủ và Hội nghị Giơnevơ 1954 về Đông Dương đang là thời sự nóng hổi, báo chí thế giới không ngớt thông tin và bình luận, thì báo chí ở Hà Nội đưa tin rất sơ sài và mơ hồ, kiểu "Quân Pháp ở Điện Biên Phủ đã ngừng chiến đấu", "Điện Biên Phủ không còn nữa". Cho nên đồng bào Hà Nội lúc đó thường dò tìm nghe đài kháng chiến, đài ngoại quốc, trí thức thì mua các báo Pháp như *Paris Match, Le Monde* hiểu được phần nào tình hình, theo dõi diễn biến của Hội nghị Giơnevơ.

Ngoài ra, hằng tuần Nha Thông tin còn phát cho các báo hai, ba bài viết sẵn (nội dung ca ngợi chính quyền, đả kích kháng chiến), buộc các báo, nhất là báo ngày, phải đăng tải.

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày càng gay go, quyết liệt. Quân đội Pháp mở nhiều chiến dịch hòng mở rộng vùng kiểm soát, số dân tránh bom đạn và càn quét về Hà Nội đông hơn. Năm 1950, dân số nội thành ước trên 20 vạn. Thực hiện chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của Pháp, tháng 7.1951 Bảo Đại ra dụ tổng động viên, bắt lính, lập "Quân đội quốc gia". Mặt khác, đế quốc Mỹ bắt đầu can thiệp vào Đông Dương, danh nghĩa là giúp Pháp, thực chất là chuẩn bị hất cẳng Pháp.

Bối cảnh đó càng làm cho bộ mặt của báo chí thêm lộn xộn với đủ các xu hướng, màu sắc chính trị khác nhau. Thống kê chưa đầy đủ, trong hơn 7 năm Hà Nội bị tạm chiếm, số đầu báo xuất bản là ngót 100 tờ. Song rất nhiều tờ chỉ ra được vài tháng, thậm chí vài số là đình bản, hoặc do bị chính quyền cấm, hoặc không sống được vì ít độc giả. Trong số các báo tuần và báo tháng, chỉ có 7 tờ sống được từ 3 đến 5 năm. Báo hằng ngày chỉ có 3 tờ sống lâu nhất, từ 3 năm trở lên (*Liên hiệp, Giang sơn, Tia sáng*), không kể tờ *L'Entente* bằng tiếng Pháp, của người Pháp.

Số bản phát hành cũng hạn chế. Không có số liệu chính xác, nhưng theo trí nhớ của một số người trong cuộc, trừ *Tia sáng* có số phát hành khá cao, các báo khác phần lớn chỉ in 3.000-4.000 bản. Đó là vì địa bàn phát hành bó hẹp trong 4-5 thành phố, thị xã bị tạm chiếm ở Miền Bắc, và tiêu thụ ở trong Nam với số lượng không đáng kể. Đối tượng độc giả cũng ít, nhu cầu đọc báo bấy giờ không nhiều, vì nội dung

báo không thiết thực với đời sống, ngoài sự tranh cãi chính trị, đảng phái, ít dám đả động đến vấn đề chính của thời cuộc mà nhân dân quan tâm. Để nâng đỡ những tờ báo nịnh bợ chính quyền, nhà chức trách có hình thức "tài trợ" bằng cách đặt mua một số báo với giá gấp đôi để phân phát cho các công sở.

Báo chí là vũ khí chính trị, là công cụ tuyên truyền. Trong bối cảnh Hà Nội thời tạm bị chiếm, chính trị phức tạp với nhiều đảng phái, phe nhóm tranh giành địa vị, lại có các thế lực bên ngoài đan xen, nên khuynh hướng các báo rất phân tán.

Khuynh hướng chính là theo "đường lối quốc gia", chống cộng sản, ủng hộ, tán dương các chính phủ đương thời do Pháp nặn ra. Đương nhiên, khuynh hướng này chia ra nhiều loại tuỳ theo diễn biến tình hình, bộc lộ rõ khi có những sự kiện chính trị như: Bảo Đại về nước làm quốc trưởng; Mỹ bắt đầu can thiệp vào Việt Nam; "Đại hội quốc dân" họp để quyết định Việt Nam độc lập có ở trong khối Liên hiệp Pháp hay không; Pháp thất trận ở Điện Biên Phủ, buộc phải họp Hội nghị Giơnevơ. Khuynh hướng thân Pháp là "trao trả độc lập" cho Việt Nam, nhưng Việt Nam vẫn ở trong khối Liên hiệp Pháp, không đồng tình Mỹ can thiệp sâu vào Đông Dương, v.v.. Tờ *Thời báo* của Trần Trung Dung thì lại ngả theo Mỹ, nêu lên "quốc tế hoá vấn đề Đông Dương", thực chất là gọi Mỹ vào để gạt Pháp ra. Tờ *Phổ thông* của Vũ Quốc Thúc - sau này là tổng trưởng Bộ Giáo dục - ủng hộ "giải pháp quốc gia", nhưng không hài lòng với thái độ chậm trễ của Pháp trong việc trao trả "độc lập hoàn toàn". Hoàng Cơ Bình, chủ nhiệm báo *Giang sơn*, sau Hiệp nghị Giơnevơ đứng ra lập cái gọi là "Uỷ ban bảo vệ Bắc Việt", kêu gọi dân chúng di cư vào Nam theo chủ trương của Mỹ.

Khuynh hướng yêu nước chân chính - khuynh hướng này luôn tiềm tàng, song do sự kìm kẹp gắt gao của địch, nên chỉ thể hiện được ở những lúc có thời cơ thích hợp. Ở trên đã nói tờ *Công luận* năm 1948 chỉ ra được ít số thì bị cấm. Đầu năm 1954, tình hình biến chuyển dồn dập không có lợi cho Pháp và nguỵ quyền, cuộc quyết chiến ở Điện Biên Phủ đã bắt đầu. Một số nhà báo, nhà văn đứng ra chủ trương tờ *Dân ý*, do Hoàng Công Khanh làm chủ bút. Hoạt động dưới sự kiểm duyệt khắt khe, *Dân ý* (số 1 ra ngày 1.5.1954) khéo léo gài vào các trang báo những tin tức có lợi cho kháng chiến, vạch được phần nào thế thất bại của địch, tuyên truyền lòng yêu nước chân chính, đăng văn thơ châm biếm những thói hư tật xấu của xã hội trong lòng địch, giới thiệu tác phẩm của các nhà văn tiến bộ nước ngoài.

Dân ý ra đến số 5 thì bị cấm. Lúc này đã là tháng 7.1954, anh em lại xoay xở ra tờ báo mới lấy tên *Niềm vui*, mời bác sĩ Trần Văn Lai làm giám đốc chính trị để tăng uy tín. Chủ nhiệm là Vũ Đức Toa, chủ bút là Hoài Việt, đều là những người có liên lạc với cán bộ kháng chiến. Tên báo cũng đã nói lên ý đồ của những người chủ trương nó, biểu hiện "niềm vui" đón chào thắng lợi sắp tới của dân tộc. *Niềm vui* số 1 ra ngày 27.7.1954 công khai đưa tổng hợp các tin tức về Hiệp định Giơnevơ (mà địch lúc đó ra sức bưng bít) lồng khéo vào tin, bài các chính sách của ta để hướng dẫn, ổn định

tư tưởng đồng bào, không di cư theo địch và chuẩn bị cho việc tiếp quản Thủ đô.

Niềm vui cũng lại ra đến số thứ 5 (ngày 31.7.1954) thì bị địch hăm doạ đình bản. Lúc này anh em coi tờ báo đã hoàn thành nhiệm vụ, nhường chỗ cho các báo cách mạng đưa từ ngoài vùng tự do vào bắt đầu được phổ biến dễ dàng trong thành phố.

Tờ *Nói thật* (chủ nhiệm: Văn Nhan, chủ bút: Huyền Quang) xuất bản từ giữa năm 1953 cũng có thể xếp vào khuynh hướng này, lồng nội dung yêu nước một cách khéo léo, nhà chức trách không ưa, nhưng không viện được lí do gì để ra lệnh cấm.

Một khuynh hướng nữa mà không ít báo giữ gìn, tạm gọi là "trung lập", cố gắng không dính sâu vào chính trị. Buộc phải có một số tin, bài nói theo chính quyền cho có lệ, các báo này tự mệnh danh là "báo văn chương - xã hội", chỉ nói chuyện văn học theo hướng nhân văn, nhân đạo. Làm thơ, viết truyện, phóng sự phản ánh thực tế nhọc nhằn của người lao động, phê phán thói hư tật xấu, mượn chuyện xưa để nói nay, v.v..

Tờ báo được chú ý và phổ biến hơn cả là *Tia sáng*, nhật báo xuất bản sớm, từ năm 1948. Chủ nhiệm kiêm chủ bút là Ngô Vân, quản lí là Phạm Trung Phổ, trụ sở sau cùng ở số 38 đường Gia Long (nay là đường Bà Triệu). Những ông chủ báo này không hẳn có cảm tình với kháng chiến (sau Hiệp định Giơnevơ, họ đều bỏ vào Nam), song có cách làm khôn khéo để tranh thủ độc giả, coi báo chí là thứ hàng kinh doanh. Những người trực tiếp viết báo phần lớn là những cây bút có đầu óc, nên nội dung báo *Tia sáng* cố gắng bám sát cuộc sống, đáp ứng yêu cầu của thị hiếu người thành phố. Trong hoàn cảnh bị chính quyền o ép, môi trường chính trị phức tạp, nên báo cũng phải lựa chiều mà viết, song cố tránh sa vào những luận điệu chống cộng, chống kháng chiến. Báo gia tăng mảng văn hoá - xã hội, dùng văn thơ để khêu gợi lòng yêu nước (dù là yêu nước chung chung), tình nhân ái, đả kích bọn sâu mọt chính trị, đề cao truyền thống dân tộc, giới thiệu những tác phẩm tiến bộ của nước ngoài. *Tia sáng* được sự cộng tác của nhiều nhà báo, nhà văn. Đáng kể là chuyên mục "Tiếng vang" do Hiền Nhân phụ trách, thơ trào phúng châm biếm của Vũ Đức Toa (tức Muỗi Sài Gòn). Tháng 5.1954, báo ra thêm đặc san hằng tuần, chuyển tải thêm nhiều vấn đề kinh tế - xã hội, bình luận thời cuộc, mở rộng lĩnh vực văn chương. Trước ngày tiếp quản Thủ đô, anh em làm báo đã đấu tranh với chủ không cho mang máy móc vào Nam để tiếp tục ra tờ *Thời mới* trong chế độ mới.

Tuy nhiên, báo văn chương - xã hội cũng có màu sắc khác nhau. Có tờ theo khuynh hướng lãng mạn, đôi khi phản động như *Thế kỉ* (của Triều Đẩu và Trúc Sĩ) có những bài nói xấu cách mạng, bôi nhọ kháng chiến. Một số báo có khuynh hướng hiện thực phê phán, hoặc "vô thưởng vô phạt" như *Tiểu thuyết thứ bảy, Phổ thông bán nguyệt san* (có từ trước cách mạng, nay ra lại). Tờ *Văn hoá tùng biên* của Ngô Thúc Địch, một nhà Hán học có tên tuổi, đi vào con đường nghiên cứu, bảo tồn văn hoá, đạo đức truyền thống.

Ngoài ra cũng có một số báo mang tính chuyên ngành như *Hiếu học* (báo giáo

khoa), *Tuổi thơ* (báo cho nhi đồng), *Khoẻ* (báo thể thao), *Phổ thông y dược* (báo chuyên về y tế),...

Nhìn chung, diện mạo báo chí công khai trong Hà Nội bị tạm chiến thật đa dạng. Song có thể nhận xét khái quát, dù phe nhóm gì, phần lớn các báo không dám công khai nịnh bợ nước Pháp và quân đội Pháp, không dám đả kích kháng chiến một cách trắng trợn, trừ một hai tờ báo như *Thần kiếm* của Đệ tam quân khu quân đội Nguỵ. Đó là vì tình hình tư tưởng của nhân dân lúc đó. Nhân dân Thủ đô vốn có lòng yêu nước thực sự, đã được sống những ngày Cách mạng tháng Tám hào hùng, trải qua hơn một năm chính thể dân chủ cộng hoà, đa số sống trong vùng địch vì bị mắc kẹt hoặc vì sinh kế phải "hồi cư", nhưng đều có người thân, bạn bè đang tham gia kháng chiến, phân biệt được ai chính nghĩa, ai phi nghĩa. Thực tế ở vùng bị tạm chiếm càng làm bà con thấy rõ những quan chức bù nhìn, phần lớn là những kẻ dựa vào thế lực bên ngoài để tranh quyền, giành lợi. Các chủ báo và số người làm báo nào dù có phản động cũng phải tính đến tâm lí đó, tỏ ra mình cũng là người yêu nước, chống thực dân. Trong một số trường hợp, báo chí cũng phải đứng về phía nhân dân, phản ánh sự bất bình, đấu tranh với chính quyền. Ví dụ: khi học sinh bãi khoá rầm rộ phản đối chính quyền bắt bớ học sinh (cuối năm 1949), hoặc đòi truy điệu Trần Văn Ơn bị sát hại ở Sài Gòn (đầu năm 1950), một số báo hằng ngày đã thông tin kịp thời, đăng nguyên văn các kiến nghị của học sinh, đăng khẩu hiệu chống khủng bố học đường. Lễ cầu hồn và cầu siêu Trần Văn Ơn ở Nhà thờ Lớn và chùa Quán Sứ ngày 20.1.1950, do học sinh, sinh viên đấu tranh quyết liệt với Thủ hiến Bắc Việt Nguyễn Hữu Trí, đòi được tổ chức công khai, được báo hằng ngày thông tin khá đầy đủ.

Về những người làm báo, ngoại trừ những giám đốc, chủ nhiệm báo là những nhân vật chính trị thuộc các phe phái khác nhau, còn có những giám đốc, chủ nhiệm và phần đông những người trực tiếp làm báo, viết báo là người vốn đã làm báo từ trước cách mạng, nay tiếp tục hành nghề như Vũ Đình Long (đã ra *Tiểu thuyết thứ bảy* và *Phổ thông bán nguyệt san* từ năm 1936). Bùi Cẩm Chương, Đào Trinh Nhất, Vũ Bằng, Tam Lang, Ngọc Giao, Nguyễn Doãn Vượng, Nguyễn Can Mộng, Hiền Nhân, Bạch Diện, các hoạ sĩ Hoàng Lập Ngôn, Thy Thy Tống Ngọc, Mạnh Quỳnh, Bùi Xuân Phái, v.v.. Hay như Ngô Vân trước đã làm báo *Đông Pháp*, nay ra tờ *Tia sáng*. Là người có nghề, có đầu óc kinh doanh, Ngô Vân khéo léo không để quá dính líu vào chính trị, nên làm ăn phát đạt, có nhà in riêng.

Một số khá đông đảo viết theo sở thích, năng khiếu, từng là cộng tác viên trở thành những người viết báo thường xuyên. Đây là lớp thanh niên học sinh, sinh viên, phần lớn có tư tưởng yêu nước, tiến bộ, nên không viết gì có hại cho kháng chiến.

Họ viết báo, làm văn thơ gián tiếp cổ vũ tinh thần dân tộc độc lập, lên án những bất công, thối nát trong xã hội vùng tạm chiếm, phê phán văn hoá nô dịch, đồi truỵ, v.v.. Một số anh em lại có liên hệ với cán bộ kháng chiến, nên càng có ý thức về công việc mình làm. Sau tiếp quản Thủ đô, phần lớn đã ở lại và trở thành nhà

báo, nhà văn tiếp tục hoạt động trong chế độ ta. Có thể kể: Băng Sơn, Giang Quân, Vân Long, Hoài Việt, Thạch An (tức Lê Văn Ba), Sao Mai, Vũ Đức Toa, Lý Giáp, Hồ My, Phùng Quốc Thuỵ (Tú Sụn).

Với chủ trương lợi dụng mọi khả năng công khai hợp pháp để hoạt động trong lòng địch, cụ thể là tuyên truyền gây ảnh hưởng của kháng chiến trong nhân dân, các cán bộ kháng chiến đã cố gắng trong phạm vi có thể, tranh thủ những nhà báo yêu nước tiến bộ. Ông Nguyễn Bắc, quận uỷ viên nội thành phụ trách vận động thanh niên và trí thức, có liên hệ thường xuyên với Hiền Nhân ở báo *Tia sáng*, và qua đó với nhà báo, nhà thơ Huyền Quang (phụ trách trang Văn nghệ báo *Tia sáng*) và Vũ Đức Toa (chuyên làm thơ trào phúng, châm biếm). Đồng chí Dương Linh, cán bộ thông tin, bắt mối với Trương Uyên, báo *Giang sơn*... Qua các hạt nhân ấy mà lồng ghép chủ trương đường lối của kháng chiến vào nội dung những bài viết. Bản thân các ông Nguyễn Bắc, Dương Linh dưới những bút danh khác nhau, cũng trực tiếp viết bài chính luận, dịch thuật, phê bình văn nghệ. ông Lê Tám (bút danh Lương Danh Hiền), cán bộ thanh niên, cũng tham gia làm thơ, viết phê bình.

Cùng với báo chí công khai hợp pháp, có một số báo bí mật của ta vẫn lưu hành. Không nói đến báo in ở ngoài vùng tự do như *Nhân dân, Cứu quốc, Cứu quốc Thủ đô*,... được chuyển vào nội thành - thường với số lượng ít, lại đứt quãng trong hoàn cảnh rất khó khăn. Ở đây chỉ kể những báo chí mật in ngay trong nội thành, đó là cơ quan của các đoàn thể, tổ chức hoạt động bí mật trong thành phố, xuất bản để đáp ứng nhu cầu cấp bách của công tác tổ chức, tuyên truyền, chỉ đạo phong trào, lúc đó in bằng phương tiện thô sơ, in thạch, đá ấm, in rônêô,... Có thể kể: *Du kích nội thành, Công an Hồ Gươm, Lao động* (của tổ chức công đoàn), *Quay súng* và *Non à la Guerre* (của cơ quan địch vận). Các báo nói trên xuất hiện từng thời gian ngắn, số lượng ít, hiện nay chưa sưu tầm lại được.

Đáng chú ý có tờ *Nhựa sống* - cơ quan của Đoàn học sinh kháng chiến Hà Nội, là tờ báo bí mật xuất bản tương đối đều trong thời gian ba năm, từ đầu năm 1950 đến hết năm 1952.

Nhựa sống ra đời đầu năm 1950 giữa lúc phong trào học sinh, sinh viên vừa qua một cao trào với những cuộc bãi khoá lớn cuối năm 1949 và biểu tình công khai truy điệu Trần Văn Ơn tại Hà Nội (tháng 1.1950). Lúc đầu in bằng thạch và đá ấm, sau bằng rônêô, khổ nhỏ, đóng bìa bằng bìa vở học sinh để tiện việc phổ biến trong trường học. Mỗi số khoảng 24-32 trang, với bài vở đủ loại: xã luận, bình luận, tin tức, truyện kí, thơ, tiểu phẩm, tranh châm biếm... Nội dung phong phú, theo sát sự chỉ đạo của phong trào, giáo dục lòng yêu nước chân chính, phân biệt đúng, sai trước thời cuộc, chống văn hoá lai căng, đồi truỵ, chống tư tưởng sợ Mỹ, phục Mỹ, chống bắt bớ, đàn áp học sinh, đặc biệt từ đầu năm 1952 tập trung vào chủ đề chống bắt lính, kêu gọi học sinh, sinh viên bằng mọi biện pháp không chịu để địch bắt đi, đẩy vào cái chết vô nghĩa.

Do điều kiện khó khăn, mỗi số *Nhựa sống* chỉ in độ 100 bản, nhưng nó được một số cơ sở kháng chiến ở trường học in lại để nhân ra nhiều bản hơn. Chị Đạm Thư, một đoàn viên học sinh kháng chiến - sau là cán bộ công tác tại Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam nhớ lại: "Từ ngày tờ *Nhựa sống* ra đời đầu năm 1950, lớp nào (ở Trường Trưng Vương) cũng có tổ in lại báo"[1].

Báo có ảnh hưởng nhất định trong dư luận, vì từ tay học sinh nó lan toả đến các phụ huynh thuộc đủ tầng lớp. Phụ trách tờ báo là ông Dương Linh, bị Pháp bắt. Trước đó là ông Lê Tám cũng đã bị bắt. Phải đến sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, báo *Tiền phong* của Đoàn học sinh kháng chiến Hà Nội mới ra tiếp. Số bí mật cuối cùng được in bằng ti-pô, bìa nhiều màu, với nội dung đón mừng ngày tiếp quản Thủ đô (10.10.1954).

IV. BÁO CHÍ THỜI KÌ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ CHIẾN ĐẤU CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

Theo Hiệp nghị Giơnevơ, quân ta sẽ tiếp quản Hà Nội vào ngày 10.10.1954. Trước tình hình đó, nhiều chủ báo ở Hà Nội rục rịch chuyển vào Nam, hoặc dừng lại để nghe ngóng.

Đầu tháng 8.1954, Thành uỷ Hà Nội họp bàn thi hành các chủ trương lớn của Chính phủ trong các thành phố mới giải phóng, trong đó có chủ trương văn hoá, báo chí. Thành uỷ chủ động mời nhà báo Hiền Nhân ra vùng tự do bàn cách đấu tranh giữ lấy cơ sở báo *Tia sáng* để có thể tiếp tục ra báo ngay sau khi quân ta vào Hà Nội.

Nhờ sự kiên quyết đấu tranh của anh em toà soạn và công nhân nhà in, cuối cùng chủ báo *Tia sáng* phải để lại tất cả máy móc, cơ sở vật chất nguyên vẹn, không mang được vào Nam. Và ngày 10.10.1954, trong không khí tưng bừng của Thủ đô giải phóng, báo *Thời mới* - tức *Tia sáng* đổi tên - đã ra số đầu tiên, đưa tờ báo đã xuất bản nhiều năm trong lòng Hà Nội bị tạm chiếm nay chuyển sang một thời kì mới.

Uỷ ban Quân chính Hà Nội lúc này tạm cho ra tờ *Tin tức*, báo 2 trang khổ nhỡ (33 x 47cm). Số 1 đăng "Thư Hồ Chủ tịch gửi đồng bào Hà Nội", "Nhật lệnh của đại tướng Tổng tư lệnh", Thông báo của Uỷ ban Quân chính Hà Nội và 8 chính sách của Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà với các thành phố mới giải phóng. Như tên gọi, *Tin tức* làm nhiệm vụ chính thức thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương chính sách, các quy định của Chính phủ và Uỷ ban Quân chính thành phố, và phản ánh những nét sinh hoạt mới, phong trào quần chúng nhân dân.

Ngày 10.11.1954, Uỷ ban Quân chính chấm dứt hoạt động, nhường chỗ cho Uỷ ban Hành chính thành phố, thì báo *Tin tức* cũng kết thúc nhiệm vụ. Trách nhiệm thông tin tuyên truyền được chuyển cho tờ *Tin Hà Nội* với tiêu đề "cơ quan thông tin

1. Hồi ức *Một thời sôi nổi*. Ban liên lạc học sinh, sinh viên kháng chiến Hà Nội, 1998.

xuất bản tại Thủ đô". Đây chính là bản tin do Sở Tuyên truyền Hà Nội, sau là Sở Văn hoá - phát hành. Biên tập tờ *Tin Hà Nội* có Lê Hưng và Tu Hà, cùng phối hợp với tổ biên tập của Đài Truyền thanh Hà Nội do Hoài An phụ trách.

Sau tiếp quản Thủ đô, tại Hà Nội, về báo hằng ngày, ngoài tờ *Nhân dân*, cơ quan Trung ương của Đảng Lao động Việt Nam và tờ *Thời mới*, còn có hai tờ *Liên hiệp* và *Sông Hồng*.

Như đã biết, *Liên hiệp* mà chủ bút là người Pháp lai có tên Macxen Xubriê (Marcel Soubrierlo) tức Văn Tuyên đã xuất bản từ tháng 5.1951 khi Hà Nội còn bị tạm chiếm. Sau khi ta giải phóng Thủ đô, tranh thủ còn 300 ngày quân Pháp chưa kịp rút khỏi Hải Phòng, Văn Tuyên vẫn ở lại và tiếp tục ra báo. Song chỉ đến cuối năm 1954, thấy rằng khó viết trên tờ báo của mình, báo *Liên hiệp* đã tự đình bản.

Sông Hồng (trụ sở tại 28 phố Lê Thái Tổ) số 1 ra ngày 14.8.1954, khi chỉ còn chưa đầy 2 tháng nữa là Hà Nội về tay chính quyền mới. Báo ra đời dựa trên cơ sở vật chất, máy in của tờ *Giang sơn* cũ. Sau Hiệp nghị Giơnevơ, chủ tờ báo này là Hoàng Cơ Bình bỏ đi Nam, những anh em còn ở lại bỏ vốn mua lại máy in và ra tờ *Sông Hồng* để bảo đảm công ăn việc làm. Tới tháng 7.1955, nhằm mục đích cải tiến nội dung và hình thức, báo đổi tên là *Hà Nội hằng ngày*. Những người làm báo này có Trương Uyên, Nguyễn Đức Thuyết, Nguyễn Đức Mưu, v.v..

Các tờ *Thời mới, Hà Nội hằng ngày* đã đáp ứng phần nào nhu cầu thông tin tuyên truyền ở Thủ đô thời kì mới giải phóng.

Báo *Nhân dân* có đối tượng là cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước, còn người dân thành phố vẫn cần có những báo viết theo thị hiếu của họ, đề cập đến những vấn đề của đời sống bình thường. Bởi vậy, gần như có sự phân công "bất thành văn" là *Thời mới* và *Hà Nội hằng ngày*, nhất là *Thời mới* nhằm vào đối tượng bạn đọc chính là những công chức cũ, nhà công thương và trí thức cũ ở lại với chế độ mới. Về mặt này, hai tờ báo nói trên đã làm được nhiệm vụ của mình trong một giai đoạn nhất định, và thể hiện sự cố gắng của những người làm báo cũ hoà nhập với chế độ mới.

Để giúp hai tờ nhật báo tư nhân vững vàng định hướng chính trị, làm quen với nguyên tắc và phong cách làm báo mới, một số cán bộ có quá trình lâu năm, nhiều kinh nghiệm làm báo được Đảng cử về giúp các Ban biên tập.

Các ông: Lê Tam Kính (từ báo *Nhân dân*), Phan Hiền (từ Ban Tuyên huấn Trung ương) được bổ sung vào đội ngũ báo *Thời mới*.

Các ông Phùng Bảo Thạch, Lưu Động từ báo *Nhân dân* được bổ sung về *Hà Nội hằng ngày*. Và hai tờ báo tư nhân đã cùng với báo *Nhân dân*, tờ *Tin Hà Nội*, *Đài Phát thanh tiếng nói Việt Nam* và *Đài Truyền thanh Hà Nội* làm thành một mạng lưới thông tin, tuyên truyền góp phần vào công tác giáo dục tư tưởng - văn hoá ở Thủ đô. Chủ đề tuyên truyền lúc đó tập trung vào công cuộc khôi phục kinh tế, chuyển Hà Nội từ một thành phố thuộc địa, tiêu thụ, thành một thành phố sản xuất dựa vào công nghiệp quốc doanh, đồng thời phát triển tiểu - thủ công nghiệp. Cuối năm 1955,

ngoại thành tiến hành cải cách ruộng đất, thực hiện "người cày có ruộng", cơ bản cải tiến quan hệ sản xuất cũ. Về văn hoá - xã hội, xây dựng nếp sống mới của người thủ đô thanh lịch văn minh, xoá nạn mù chữ, bài trừ tệ nạn xã hội... Với cuộc đấu tranh giành thống nhất đất nước, báo chí hằng ngày phản ánh phong trào của đồng bào Miền Nam chống Mỹ - Diệm, vạch âm mưu của chúng phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ, đàn áp nhân dân Miền Nam.

Trước những công tác cách mạng ngày càng phát triển về chiều rộng và chiều sâu, Thành uỷ Hà Nội thấy cần thiết phải có một tờ nhật báo, có sự chỉ đạo trực tiếp của mình. Ngày 26.2.1957, Thành uỷ ra nghị quyết xuất bản tờ *Thủ đô* và tích cực chuẩn bị cán bộ để xúc tiến việc này. Ban phụ trách báo - gọi là Biên uỷ - được thành lập gồm 5 người: Đinh Nho Khôi (tổng biên tập), Bùi Hạnh Cẩn (điều động từ báo *Nhân dân* sang), Hải Ly (từ báo *Cứu quốc*), Lê Hưng (từ tờ *Tin Hà Nội* của Sở Tuyên truyền), Phạm Viết (từ Mặt trận quân sự Hà Nội). Các bộ phận lúc đó gọi là tổ, có các tổ trưởng như sau: Phạm Sáu, Văn Tâm. Những cán bộ chủ chốt khác được điều từ các nơi về có Doãn Chiêm, Nguyễn Hải, Nguyễn Bảo Thịnh (tức Yên Thao), Đinh Nho Tứ, Vũ Như, Lê Tám...

Ngày 24.10.1957, *Thủ đô* ra số đầu, trụ sở đặt tại nhà số 6 phố Hai Bà Trưng. Măng-sét không ghi là báo của ai, nhưng hầu như mọi người đều biết đây là cơ quan thông tin chính trị của Đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam thành phố Hà Nội. Lần đầu tiên trong lịch sử, Thành uỷ Hà Nội có một tờ nhật báo đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của mình. Nghị quyết của Thành uỷ xác định *Thủ đô* là "công cụ đấu tranh của đảng bộ", có trách nhiệm "phản ánh nhanh chóng các mặt sinh hoạt và những ý kiến, nguyện vọng của người dân thành phố, đem các đường lối, chính sách của Đảng, nhất là của Đảng bộ địa phương, tuyên truyền giải thích một cách kịp thời và sát với trình độ, khẩu vị của người dân thành phố, góp thêm những thuận tiện cho công tác lãnh đạo của Đảng bộ".

Đội ngũ mới tập hợp, còn thiếu kinh nghiệm - dù tất cả đã qua một thời gian thực tập mấy tháng ở tờ báo "anh cả" *Nhân dân* - nên lúc đầu báo mới ra 4 trang khổ nhỏ 30x40cm (đến giữa năm 1958, mở rộng thêm thành khổ nhỡ 32,5x 47cm). Các tin, bài đều viết ngắn gọn, ngay trang đầu đã có mục "Mỗi ngày một chuyện" đóng khung; trang 2 có chùm tin vắn, viết dưới tiêu đề "Trong và ngoài năm cửa ô"; trang 3 dành một phần đăng truyện dài nhiều kì theo các kiểu báo hằng ngày trước đây; trang 4 dành một phần tóm tắt tin Miền Nam, tin thế giới. Chủ nhật có mục "Cổ tích và thắng cảnh thủ đô" do nhà Nho Sở Bảo Doãn Kế Thiện phụ trách. Ngoài ra còn có những mục rao vặt, cáo phó, màn ảnh sân khấu... cố gắng để tạo cho mình, có sắc thái riêng.

Thủ đô vừa xuất bản đã hoà nhập vào cuộc sống chính trị - văn hoá - xã hội của thành phố. Đó là việc tuyên truyền cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân thành phố khoá I (24.11.1957), lần đầu tiên nhân dân thực hiện quyền làm chủ bằng phiếu bầu

kể từ ngày thành phố giải phóng. Rồi tuyên truyền cho công cuộc lao động xây dựng thủ đô, phong trào xoá nạn mù chữ. Với cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, báo phản ánh phong trào của đồng bào Sài Gòn đấu tranh chống dự luật của Ngô Đình Diệm đặt cộng sản ra ngoài vòng phát luật, v.v..

Đầu năm 1958, *Thủ đô* và những báo khác đã tham gia diễn đàn chung đấu tranh phê phán khuynh hướng của một số văn nghệ sĩ chống lại sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực văn hoá - văn nghệ. Nguyên là một số văn nghệ sĩ, nhà báo và trí thức từ kháng chiến trở về, chưa có nhận thức đầy đủ về tình hình thực tế, ngộ nhận sự tự do dân chủ theo kiểu tiểu tư sản, đòi tự do tuyệt đối trong báo chí và sáng tác văn nghệ. Lợi dụng lúc Đảng và Nhà nước ta có những sai lầm thiếu sót trong công cuộc cải cách ruộng đất, trên thế giới thì có sự lộn xộn trong hai nước xã hội chủ nghĩa Ba Lan và Hungari, ở Liên Xô thì Khơrutxốp lên cầm quyền, khơi lên phong trào chống Xtalin, ở Trung Quốc thì chủ trương "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng", số văn nghệ sĩ này lớn tiếng đòi "tự do, dân chủ", phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật. Những quan điểm sai trái ấy được công khai thể hiện trong tập *Giai phẩm mùa thu* từ tháng 8.1956. Ít lâu sau, tờ *Nhân văn* tiến thêm một bước trong sự chống đối, lôi cuốn một số văn nghệ sĩ tham gia. Các báo tập san phụ hoạ liên tiếp ra đời như *Giai phẩm mùa xuân, Đất mới, Trăm hoa, Sáng tạo*. Thậm chí ở tờ báo *Văn*, cơ quan của Hội Nhà văn Việt Nam, cũng bị ảnh hưởng và bị thao túng.

Công luận không thể yên lặng được nữa. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, *Thủ đô* cùng *Thời mới* và các báo khác đã lên tiếng đấu tranh trực diện bằng những bài phân tích kịp thời và sắc sảo của cả người làm báo lẫn ý kiến của bạn đọc, qua đó đã góp phần xác định lại chân lí, ổn định tư tưởng, củng cố niềm tin trong dân.

Việc cải tiến và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí tỏ ra rất cần thiết. Nghị quyết số 60 của Bộ Chính trị là văn kiện đầu tiên của Trung ương Đảng về vấn đề này. Nghị quyết xác định báo chí của Đảng phải làm tốt hơn nữa công tác đấu tranh tư tưởng đang diễn ra phức tạp gay gắt giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa.

Báo chí Hà Nội được đặt trước những yêu cầu mới. Thành uỷ chủ trương hợp nhất hai tờ *Thủ đô* và *Hà Nội hằng ngày* nhằm tập trung cơ sở vật chất, phương tiện và cán bộ phóng viên, tập trung sự lãnh đạo, phục vụ tốt hơn các nhiệm vụ chính trị của đảng bộ trong giai đoạn mới. Sự hợp nhất giữa một tờ báo của Đảng với một tờ của tư nhân này được cân nhắc kĩ lưỡng và báo cáo với Bộ Chính tri. Đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng quan tâm về tên của tờ báo mới. Người xem cả hai tờ báo, đặt tờ *Thủ đô* xuống bàn, rồi lấy tờ *Hà Nội hằng ngày* gập chữ "hằng ngày" lại, đặt chữ "Hà Nội" còn lại bên cạnh chữ "Thủ đô" và nói: "Tên tờ báo sẽ là như thế này".

Thủ đô Hà Nội đã ra đời như thế. Số đầu ra ngày 1.1.1959, bốn trang khổ lớn

38x56cm. Trụ sở báo vẫn ở số 6 phố Hai Bà Trưng (tới 12.1961 mới chuyển về 44 Lê Thái Tổ, trụ sở báo *Hà Nội mới* bây giờ).

Là báo của Đảng bộ Hà Nội, chức danh chủ nhiệm đều do các uỷ viên thường vụ Thành uỷ phụ trách tuyên huấn đảm nhiệm. Cụ thể là Nguyễn Minh Cần, rồi Vũ Đại, Nguyễn Bá Đoán (đến sau này thì thường vụ Thành uỷ không cử người giữ chức danh chủ nhiệm nữa, mà mọi việc của báo đều do tổng biên tập chịu trách nhiệm, dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ).

Do hợp nhất hai báo, nên lúc này nguyên chủ nhiệm *Hà Nội hằng ngày* là nhà báo kì cựu Phùng Bảo Thạch được cử làm phó chủ nhiệm tờ báo mới. Tổng biên tập vẫn là Đinh Nho Khôi.

Được bổ sung thêm người và cơ sở vật chất, lại ra khổ lớn. *Thủ đô Hà Nội* có bước tiến bộ rõ về chất lượng tin bài và về trình bày, ấn loát.

Hội nghị lần thứ 14 của Ban chấp hành Trung ương (1958) vạch ra đường lối cơ bản của thời kì mới, và Quốc hội thông qua kế hoạch 3 năm cải tạo và phát triển kinh tế - văn hoá (1958-1960). Đảng bộ Hà Nội xác định "cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm, mà khâu chính là cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, người buôn bán nhỏ, vận tải nhỏ...". Tại Hội nghị Ban chấp hành Đảng bộ, Hồ Chủ tịch đến dự và nói những lời trở thành khẩu hiệu lặp đi lặp lại trên báo chí Hà Nội trong một thời gian dài: "Thủ đô Hà Nội phải làm thế nào để trở thành thủ đô xã hội chủ nghĩa. Muốn như thế thì mỗi một xí nghiệp, mỗi một đơn vị bộ đội, mỗi một trường học, mỗi một đường phố, mỗi một cơ quan và mỗi một nông thôn ở ngoại thành phải thành một pháo đài của chủ nghĩa xã hội".

Tháng 4.1959, Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam cũng xác định nhiệm vụ trọng tâm của báo chí là "phấn đấu cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội".

Hoạt động của báo chí đã được định hướng: trọng tâm là thông tin, tuyên truyền các vấn đề kinh tế, phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế và văn hoá, đồng thời đẩy mạnh ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào Miền Nam chống Mỹ - Diệm, tiến tới thống nhất nước nhà.

Thủ đô Hà Nội và *Thời mới* tích cực thực hiện trọng tâm tuyên truyền ấy. Từ khi *Thủ đô Hà Nội* ra đời, báo *Thời mới* càng phấn đấu vươn lên, gần như có sự thi đua ngầm giữa hai tờ báo, cải tiến nội dung và hình thức để khẳng định vị trí của mình. Ở giai đoạn cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, đối với thủ công nghiệp, *Thời mới* càng chú ý đi sâu vào đối tượng các nhà công thương, tiểu thương, các tầng lớp tiểu tư sản thành thị để họ chấp nhận con đường xã hội chủ nghĩa đầy khó khăn này. Và *Thời mới* đã phát huy được tác dụng của mình trong trách nhiệm đó.

Để phối hợp với báo chí tuyên truyền cổ động sâu hơn vào từng tầng lớp nhất định, Sở Văn hoá Hà Nội phát hành tờ báo khổ nhỏ (13x19cm) đặt tên *Tiếng hát quê ta*,

số đầu ra tháng 5.1958, dành riêng cho bà con nông dân ngoại thành đang sôi nổi trong phong trào đổi công, hợp tác. Đầu năm 1959 lại xuất bản tờ *Tiếng máy* cùng một khuôn khổ, dành cho công nhân viên chức các xí nghiệp nhằm tuyên truyền vận động phong trào thi đua sản xuất, cải tiến chế độ quản lí, "ba xây ba chống", giữa năm 1959 lại ra tờ *Đường phố mới* phục vụ công tác tuyên truyền, cổ động quần chúng ở đường phố. Ba tờ báo này chủ yếu dùng để tải tin tức, biểu dương người tốt việc tốt, phê phán cái bảo thủ, lạc hậu kèm theo thơ, ca dao, tấu chèo,... để phổ cập trong quảng đại quần chúng. Báo cũng có tác dụng động viên, khai thác khả năng sáng tác của quần chúng ở cơ sở, nhiều người viết tin, bài, làm thơ sau trưởng thành trở nên nhà báo, nhà thơ, nhà văn chuyên nghiệp. Cùng thời kì này, do yêu cầu của việc tuyên truyền phim ảnh, chi nhánh Điện ảnh Hà Nội xuất bản tờ *Phim mới* ra hằng tháng, chủ yếu giới thiệu tóm tắt nội dung các phim chiếu trong tháng. Năm 1959 chuyển thành báo *Màn ảnh Hà Nội*: ngoài phần giới thiệu nội dung phim như trước, có thêm những bài viết có tính hướng dẫn thẩm mĩ, bình luận nghệ thuật, hướng dẫn công tác của các cộng tác viên điện ảnh ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, hợp tác xã...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tháng 9.1960 vạch rõ: hai miền Nam Bắc có nhiệm vụ khác nhau, song có liên quan trực tiếp với nhau vì cùng nhằm mục đích chung là đánh đổ đế quốc Mỹ và tay sai, tiến tới thống nhất nước nhà. Nhiệm vụ cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Miền Bắc có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của cách mạng cả nước. Từ đó báo chí phải phục vụ đắc lực hai nhiệm vụ nói trên, đặc biệt ở Miền Bắc phải đẩy mạnh sản xuất, cải tiến quản lí nâng cao năng suất để Miền Bắc thật sự vững mạnh làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh ở Miền Nam.

Ngày 8.5.1961, Thành uỷ ra thông tri về việc nâng cao chất lượng và đẩy mạnh phát hành báo *Thủ đô Hà Nội*, làm tròn trách nhiệm nặng nề.

Theo hướng chỉ đạo ấy, *Thủ đô Hà Nội* và cả *Thời mới* đã bằng chức năng và nghiệp vụ của mình ra sức động viên cổ vũ các phong trào thi đua sôi nổi, trải qua các sự kiện chính trị lớn như Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ 2 (1.1961), lần thứ 3 (7.1963), phong trào phụ nữ "ba đảm đang (12.1965). Khẩu hiệu xuyên suốt lúc đó là "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp đồng bào Miền Nam ruột thịt".

Sau cái gọi là "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" (5.8.1964) do đế quốc Mỹ nặn ra để bắt đầu cho không quân đánh phá Miền Bắc, báo chí Hà Nội đã ra sức tuyên truyền nâng cao cảnh giác, vạch rõ âm mưu của Mỹ, đồng thời động viên, hướng dẫn nhân dân sản xuất - kinh doanh phải tổ chức lại theo hướng phân tán, sơ tán, với khẩu hiệu sẵn sàng "Tay cày tay súng", "Tay búa tay súng".

Bản thân các báo cũng sắp xếp lại tổ chức để chủ động đối phó với tình thế chiến tranh. Trước hết phải san sẻ cơ sở vật chất, chuyển một bộ phận nhà in ra xa Hà Nội để nếu cơ sở chính ở nội thành bị đánh phá thì báo vẫn sẵn nơi in dự phòng, việc ra

báo không bị gián đoạn. Bộ phận phóng viên xuống thường trú tại chỗ, theo sự phân công, không phân biệt mình vốn thuộc ban nào.

Ngày 29.6.1966, máy bay Mỹ bắn phá Hà Nội lần đầu tiên. Các nhà báo thủ đô thực sự bước vào một thời kì hoạt động sôi động. Ngày 17.7.1966 Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi rung động lòng người: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do".

Tinh thần, "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Tất cả để chiến thắng" thể hiện trên mỗi số báo trong thời gian dài.

Những tin, bài, phóng sự về các xí nghiệp, hợp tác xã tích cực cải tiến kĩ thuật, "tự trang tự chế" để tăng năng suất, làm thêm giờ, nhận thêm việc thay thế người đi chiến đấu, với tinh thần "kết nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn", "Miền Nam gọi, Miền Bắc đáp lời". Đồng thời tuyên truyền công tác phòng không sơ tán, "Đi sơ tán cũng là chiến đấu", tổ chức dân quân tự vệ, tuyển quân... luôn luôn sôi nổi trên mặt báo.

Mảng tuyên truyền chiến đấu, cổ vũ chiến công của cả hai miền Nam Bắc thường xuyên chiếm những tít chạy dài trên trang nhất. Bên cạnh các tin, bài, phóng sự về các đơn vị quân đội bắn rơi máy bay, đặc biệt là các đơn vị tự vệ lập chiến công như tự vệ nhà máy Quang Trung, tự vệ cơ khí Lương Yên là những bài xã luận với lời lẽ cổ vũ sôi nổi mỗi lần thủ đô bắn rơi máy bay Mỹ, mỗi lần quân và dân thủ đô được Bác Hồ gửi thư khen. Hãy thử điểm những đầu bài chỉ trong tháng 5.1967: "Thủ đô luôn luôn sẵn sàng đánh giỏi, thắng to", "Một ngày chiến thắng oanh liệt" (20.5), "Mừng thủ đô ta hạ trăm máy bay Mỹ" (23.5)... Hễ có bom rơi, máy bay Mỹ bị hạ, giặc lái Mỹ bị bắt sống ở đâu là có phóng viên đến đưa tin nhanh, viết tường thuật. Đã thành quen thuộc, số báo nào trên trang 1 cũng có một khung nhỏ, trong in đậm số máy bay Mỹ bị trừng trị đến ngày đó. Khung cuối cùng là vào ngày 27.12.1972, với con số 358 máy bay Mỹ do quân dân thủ đô bắn rơi, trong số hơn 4000 máy bay Mỹ bị bắn rơi trên toàn Miền Bắc.

Tin thời sự Miền Nam là một mảng quan trọng khác trên *Thủ đô Hà Nội, Thời mới* cũng như trên hai tờ nhật báo khác của Trung ương xuất bản tại Hà Nội là *Nhân dân* và *Quân đội nhân dân*. Ngoài tin chiến thắng về quân sự, các báo còn chú trọng đưa tin phong trào nổi dậy của đồng bào Miền Nam Việt Nam, tuyên truyền cương lĩnh của mặt trận, đồng thời vạch trần những âm mưu xảo quyệt, bộ mặt bịp bợm của Mỹ - Nguỵ, chỉ ra sự thất bại chủ yếu của chúng. Ngoài tin, bài chính luận, bình luận kịp thời, thể loại tiểu phẩm châm biếm, thơ đả kích luôn luôn có mặt với những mục cố định như "Chuyện Mỹ - Nguỵ", "Nhằm thẳng đầu thù", "Mấy hàng chông nhọn"...

Năm 1968 là năm đánh dấu một mốc đáng ghi nhớ đối với báo chí thủ đô: đó là việc hợp nhất hai tờ *Thủ đô Hà Nội* và *Thời mới* thành *Hà Nội mới*.

Như trên đã nói, *Thời mới* có nguồn gốc từ tờ *Tia sáng* xuất bản từ hồi Hà Nội tạm bị chiếm; đây là tờ báo của tư nhân chủ trương. Sau cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh năm 1958, các nhà in được công tư hợp doanh, riêng nhà in báo *Thời mới* vẫn thuộc quyền toà báo. Chơ đến năm 1961, tờ *Thời mới* được trao cho Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quản lí. Uỷ ban Mặt trận đặc phái 5 nhà báo từ *Cứu quốc* sang tăng cường cán bộ cho *Thời mới* theo một quyết định của Ban thư kí ngày 25.5.1961. Năm nhà báo đó là: Nguyễn Ngọc Kha, Hoàng Phong, Hoài Niệm, Lê Hiền Nam và Đỗ Trọng Thành (tức Tân Minh). Và Ban biên tập báo *Thời mới* gồm: Chủ nhiệm vẫn là Hiền Nhân, chủ bút là Nguyễn Ngọc Kha, các uỷ viên Ban biên tập khác: Lê Tam Kinh (phó chủ bút), Trịnh My (phụ trách văn hoá thể thao). Báo *Thời mới* có một số phóng viên thường trú tại Nam Định và Hải Phòng, và tỏ ra thích hợp với một số đối tượng độc giả nhất định ở thành phố, nhất là Hà Nội, Hải Phòng.

Với sự tăng cường cán bộ phụ trách và một số cán bộ chủ chốt khác, đến lúc đó thực ra *Thời mới* là tờ báo tư nhân chỉ trên danh nghĩa, nội dung báo cũng như về quản lí đã hoàn toàn theo sát đường lối báo chí của Đảng. Cho nên khi Đảng xác định trong chế độ ta báo chí là công cụ tư tưởng của Đảng, chính quyền và các đoàn thể xã hội, không có báo tư nhân thì từ cuối năm 1967 bắt đầu diễn ra quá trình chuẩn bị để hợp nhất hai báo *Thủ đô Hà Nội* và *Thời mới*. Tên báo mới (*Hà Nội mới*) lại được đặt bằng cách ghép hai từ lấy của hai báo hợp thành.

Sau một thời gian chuẩn bị, *Hà Nội mới* chọn ngay ra số 1 vào 25.1.1968, đồng thời là số tết năm Mậu Thân, với lời phi lộ: "Trong khí thế chiến thắng chung của cả nước, mọi người đều thấy có sự thôi thúc phải làm gì cho bản thân mạnh hơn để làm nhiệm vụ của mình một cách xuất sắc. Hai cơ quan báo *Thời mới* và *Thủ đô Hà Nội* chúng tôi đã nhất trí hợp lực nhau lại để làm một tờ báo tốt hơn. *Hà Nội mới* quyết sẽ là vũ khí sắc bén của đảng bộ Đảng Lao động Việt Nam và chính quyền thành phố Hà Nội, một người bạn chân thành của nhân dân thủ đô trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ thủ đô xã hội chủ nghĩa anh hùng".

Toà soạn và trị sự *Hà Nội mới* tiếp tục đặt tại trụ sở *Thủ đô Hà Nội* trước đây: số 44 phố Lê Thái Tổ. Tổng biên tập mới là ông Dương Ngà.

Do việc hợp nhất, đội ngũ cán bộ, phóng viên được bổ sung tăng cường thêm sức mạnh. Tất nhiên, tờ báo mới không phải gồm toàn bộ nhân lực của cả hai tờ cũ cộng lại, mà nhân dịp này có sự điều chuyển cho hợp lí; một số cán bộ phóng viên do những lí do khác nhau hoặc do nguyện vọng, được chuyển đi bổ sung cho các báo khác hoặc chuyển sang công tác khác. Điều đáng nói là từ hai tờ báo hợp thành, thực chất là từ ba tờ báo (trước đó *Thủ đô Hà Nội* là kết quả hợp nhất của hai tờ *Thủ đô* và *Hà Nội hằng ngày*), tập hợp những nhà báo được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, kể cả những người làm báo từ trong thời Hà Nội bị tạm chiếm, anh chị em báo

Hà Nội mới đã giữ vững sự đoàn kết trên cơ sở nhất trí với đường lối báo chí của Đảng, hợp lực cùng nhau xây dựng tờ báo của đảng bộ thành phố ngày càng vững mạnh cho đến nay.

Như đã nói, một sự trùng hợp thú vị là số báo *Hà Nội mới* đầu tiên là số tết năm Mậu Thân. Trên số 2 ra ngày 30.1.1968 là tin tức nóng hổi về cuộc sống tổng tiến công và nổi dậy của quân dân Miền Nam với hàng tít lớn chạy dài: "Cả Miền Nam thừa thắng xông lên, tấn công mãnh liệt, chiến thắng vẻ vang" kèm theo xã luận: "Hoan hô Miền Nam anh hùng"... Hoà chung với báo chí cả nước, *Hà Nội mới* góp phần cổ vũ nhân dân thủ đô hành động thiết thực ủng hộ Miền Nam. Dưới tiêu đề: "Hà Nội quyết tâm làm tròn nghĩa vụ với tiền tuyến lớn" quy tụ các tin, bài phản ánh suy nghĩ và việc làm cụ thể của các tầng lớp nhân dân hướng về Sài Gòn - Huế kết nghĩa, về Miền Nam chiến thắng.

Từ ngày 1.11.1968, đế quốc Mỹ buộc phải chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại Miền Bắc. Thường vụ Thành uỷ kịp thời ra nghị quyết, chỉ ra những nhiệm vụ tuyên truyền mới cho tờ báo của Đảng bộ: bên cạnh nhiệm vụ tích cực chuẩn bị chiến đấu, chi viện sức người sức của cho Miền Nam, phải đẩy mạnh tuyên truyền cho việc khắc phục hậu quả chiến tranh, tăng cường xây dựng và quản lí thành phố.

Sự kiện lớn ở thời kì này là Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời (2.9.1969). Cùng các báo hằng ngày khác ở thủ đô, trong một tuần liền *Hà Nội mới* đóng khung viền đen toàn bộ trang nhất; những tin, bài, ảnh về tang lễ, bản Di chúc lịch sử với bút tích của Hồ Chủ tịch, bài điếu văn thống thiết của đồng chí Lê Duẩn với 5 lời thề quyết tâm làm theo di chúc của Người làm xúc động hàng triệu bạn đọc, thúc đẩy "Nhân dân thủ đô quyết tâm làm theo di chúc của Hồ Chủ tịch" như đầu đề bài xã luận nhân dịp Kỉ niệm giải phóng Thủ đô 10.10 năm ấy.

Xin dừng lại đây một chút để nói về Chủ tịch Hồ Chí Minh với báo chí. Như ta biết, Bác Hồ là nhà báo Việt Nam số một, Người sáng lập ra tờ *Thanh niên*, báo cách mạng đầu tiên bằng tiếng Việt, mà ngày ra đời 21.6.1925, sau này được Ban bí thư Trung ương Đảng quyết định lấy làm Ngày Báo chí Việt Nam. Đã thống kê được là Bác Hồ đã viết 1553 bài báo dưới 35 bút danh khác nhau. Ngày 16.4.1959, Bác đến thăm Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam họp tại Hà Nội và nói chuyện với đại hội. Bác dặn các nhà báo mỗi khi viết báo văn phong phải giản dị, trong sáng, tránh lạm dụng tiếng nước ngoài, khó hiểu.

Bản thân Người làm gương trong việc này. Bác thường viết những bài ngắn gọn chỉ khoảng 300-500 từ, kí tên C.B hoặc T.L gửi đăng trên các báo hằng ngày ở Hà Nội, trong đó có báo của đảng bộ thành phố. Bài báo cuối cùng của Bác là "Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng" kí tên T.L đăng trên các báo *Nhân dân, Quân đội nhân dân, Hà Nội mới* ngày 1.6.1969.

Bác thường xuyên theo dõi báo chí, trong đó có *Hà Nội mới*. Cụ thể là khi có những bài báo nêu những gương tốt hoặc phê bình những nơi có khuyết điểm trong

công tác, Bác thường đích thân đánh dấu, ghi ý kiến bên lề rồi đưa thư kí chuyển xuống bác sĩ Trần Duy Hưng, chủ tịch Uỷ ban Hành chính thành phố đề nghị kiểm tra sự xác thực để báo cáo lại với Bác. Nếu đúng là người tốt, Bác sẽ thưởng huy hiệu của Người. Nếu là người có khuyết điểm, Bác đề nghị phải sửa chữa. Có lần Hội Liên hiệp phụ nữ thành phố báo cáo với Bác một số gương người tốt đề nghị Bác khen thưởng huy hiệu, Bác đề nghị cho đăng báo *Hà Nội mới* trước rồi Bác sẽ thưởng sau: đó là một cách rất khéo léo mà Bác làm để phát huy tác dụng và nâng cao uy tín cho báo chí. Cần nói thêm là Bác rất quan tâm đến việc nêu gương người tốt việc tốt trên báo chí. Bác nói: "Mỗi người tốt, mỗi việc tốt là một bông hoa đẹp. Nhiều người tốt. nhiều việc tốt là một rừng hoa đẹp". Chính theo chỉ thị của Bác mà Bộ Văn hoá - Thông tin đã cho xuất bản nhiều tập sách "Người tốt việc tốt".

Thất bại liên tiếp ở Miền Nam, ngày 16.4.1972, đế quốc Mỹ leo thang chiến tranh phá hoại Miền Bắc lần thứ hai, mở đầu bằng ném bom bắn phá, thả thuỷ lôi phong toả cảng Hải Phòng. *Hà Nội mới* cùng các báo khác nhanh chóng chuyển hướng tuyên truyền nâng cao cảnh giác sẵn sàng chiến đấu, làm tốt công tác sơ tán phòng không, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ. Ngày 8.7.1972, Hà Nội bắn rơi 4 máy bay, đưa tổng số máy bay Mỹ bị quân dân thủ đô trừng trị lên 300 chiếc. Tháng 10, quân dân Vĩnh Phú bắn rơi chiếc máy bay Mỹ thứ 4000 trên Miền Bắc. Những thông tin như vậy đều có tít chạy dài 8 cột kèm những bài xã luận, bình luận nóng hổi.

Hội nghị Pari về Việt Nam gần đi đến thoả thuận thì chính quyền Mỹ lật lọng, dùng máy bay B52 đánh phá ác liệt Hà Nội từ tối 18.12.1972, kéo dài đến ngày 29.12.1972, suốt 12 ngày đêm. Lại là thời gian có thể nói là sống động nhất trong hoạt động báo chí. Trừ bộ phận đi sơ tán (chủ yếu là một số công nhân nhà in, một số cán bộ hành chính quản trị đi tổ chức nhà trẻ trông nom con em cán bộ, nhân viên ở nơi sơ tán), tất cả phóng viên đều ăn ngủ ngay tại toà báo, sẵn sàng có mặt bất cứ lúc nào ở nơi nào cần đến. Ngay đêm 18.12, sau khi được tin máy bay B52 ném bom Uy Nỗ (Đông Anh), một nhóm phóng viên ở *Hà Nội mới* gồm 3 người lập tức lên đường trong đêm, qua cầu phao sang sông, lặn lội giữa một địa hình bị cày xới vì bom đạn để lấy tin và viết bài. Đường dây "nóng" giữa toà soạn với Hội đồng Phòng không thành phố luôn được giữ vững để có tin chiến sự và chiến thắng mới nhất, trên cơ sở đó Ban biên tập điều động phóng viên đi làm nhiệm vụ.

Đêm 26.12.1972, tiếng bom B52 vừa dứt ở Khâm Thiên, tổng biên tập *Hà Nội mới* và một số phóng viên đã có mặt, chứng kiến tội ác của giặc tại chỗ. Tin tức, bình luận, phóng sự, xã luận phần lớn viết vào giờ khuya nhất dưới hầm phòng không, giữa hai hồi còi báo động. Thời gian này các lớp báo chí hoặc văn nghệ mở tại Hà Nội đều tạm ngừng, học viên được đưa về các báo, vừa thực tập vừa phục vụ nóng hổi. Mặt báo đầy ắp tin, bài làm người đọc sôi sục căm thù, đồng thời nức lòng phấn khởi trước tư thế hiên ngang của chiến sĩ thủ đô bắn rơi nhiều máy bay, bắt sống nhiều giặc lái Mỹ. Các nhà thơ có ngay những bài kịp thời ca ngợi chiến công. Sáng sớm,

nhà thơ Huy Cận đạp xe đến toà soạn đưa bài thơ mới làm trong đêm, mong được đăng ngay. Nhà văn Nguyễn Tuân viết bài hoan hô "Thủ đô ta đánh Mỹ giỏi".

Mặt khác, *Hà Nội mới* vẫn dành phần diện tích thích đáng phản ảnh cuộc sống bình thường: chị mậu dịch viên đẩy xe hàng đi phục vụ, cô công nhân vệ sinh vẫn cần mẫn quét rác cho phố phường sạch, đẹp, thể hiện thái độ bình tĩnh của người Hà Nội, xứng đáng Hà Nội là "Thủ đô của phẩm giá con người".

Hồi tưởng lại những ngày cuối năm 1972 ấy, những người làm báo dù vất vả, thường xuyên mất ngủ, phải xông pha nguy hiểm, nhưng đều thấy là những ngày sôi nổi, hào hùng khó quên.

Trận "Điện Biên Phủ trên không" thắng lợi, đế quốc Mỹ buộc phải kí Hiệp nghị Pari, rút quân khỏi Miền Nam.

Chủ đề của *Hà Nội mới* lúc này là tuyên truyền phát huy chiến thắng, nâng cao tự hào, bắt tay vào hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, đồng thời tiếp tục ủng hộ Miền Nam đấu tranh đánh đổ nguỵ quyền, thống nhất đất nước.

Đầu năm 1975, một lần nữa lại là những tháng ngày sôi động báo chí theo sát bước chân của quân giải phóng Miền Nam được người đọc hồi hộp dõi theo. Chiến dịch đại thắng mùa xuân ngay từ lúc mới khởi đầu ở Buôn Ma Thuột, đến giải phóng Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Đà Lạt, Xuân Lộc - Biên Hoà, và cuối cùng là Sài Gòn và cả vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có thể nói, liên tục từ ngày 11.3.1975, *Hà Nội mới* cũng như các báo hằng ngày khác ở thủ đô đầy ắp các tin, bài hướng người đọc về một phía duy nhất: giải phóng Miền Nam thân yêu. Trang 1 là tin chiến thắng ở Miền Nam, tin thi đua lao động sản xuất "hưởng ứng chiến thắng, thi đua với Miền Nam". Trang 2 và trang 3 là tiếng nói và việc làm của những người con Miền Nam trên đất Bắc hướng về quê hương đang chiến đấu và chiến thắng, là những bài, những tư liệu giới thiệu về các thành phố, các tỉnh đã được giải phóng. Trang 4 là tin về dư luận phương Tây trước tình hình Miền Nam Việt Nam.

Số báo *Hà Nội mới* ra ngày 1.5.1975 được dành toàn bộ để mừng Ngày hội non sông ngàn năm có một. Cạnh hàng tít lớn đỏ rực "Chiến dịch lịch sử giải phóng Sài Gòn mang tên "Chiến dịch Hồ Chí Minh" đã toàn thắng" là xã luận đặt trong khung đỏ: "Thành phố Hồ Chí Minh rực rỡ tên vàng". Ngoài ra, dòng tin lớn tóm tắt không khí Hà Nội "Hà Nội tràn ngập cờ và khẩu hiệu, rền vang tiếng pháo mừng Sài Gòn giải phóng. Hàng chục vạn quần chúng phấn khởi đổ ra đường tuần hành, ca múa tới tận đêm khuya".

Tiếp đó báo chí lại thông tin phản ánh những sự kiện chính trị trọng đại đầy hứng khởi: bầu cử Quốc hội thống nhất trong cả nước, và trong kì họp đầu tiên của Quốc hội này tại Hà Nội, đã quyết định đổi tên nước là Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hà Nội một lần nữa được khẳng định là thủ đô của đất nước.

Đến đây, cùng với đất nước đã thống nhất, bước vào thời kì lịch sử mới, có thể nói

báo chí đã chấm dứt một chặng đường, chuyển sang giai đoạn chuẩn bị cho những bước phát triển mới.

Nhìn lại một chặng đường đã qua, báo chí thủ đô có thể tự hào đã làm tròn nhiệm vụ của mình: đã cùng với báo chí Miền Bắc phát huy tác dụng cực kì to lớn tuyên truyền giáo dục nhân dân nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, cổ vũ mọi người tập trung tinh thần và sức lực vào sự nghiệp cao cả: xây dựng Miền Bắc làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, giải phóng Miền Nam, thống nhất nước nhà. Báo chí đã tập trung biểu dương, cổ vũ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trên khắp các mặt trận. Những mục tiêu, những khẩu hiệu hành động của Đảng và Nhà nước, được báo chí truyền bá đã ngấm sâu vào máu thịt nhân dân và thanh niên, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Thời kì này tại Hà Nội có ba tờ báo hằng ngày: *Nhân dân, Quân đội nhân dân* (ra hằng ngày từ ngày 19.5.1965) và *Hà Nội mới*. *Quân đội nhân dân* có nội dung và đối tượng đặc thù, còn *Nhân dân* là cơ quan của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, là phát ngôn của Đảng và Nhà nước về tất cả các vấn đề đối nội và đối ngoại, đối tượng của báo là cán bộ, nhân dân và cả nước. Hằng ngày phát hành song song với báo *Nhân dân* trên địa bàn Hà Nội, *Hà Nội mới* không thể so sánh với tờ báo đàn anh về mặt trọng lượng chính trị, về chất lượng cao của bài, tin, song báo đã nỗ lực phát huy bản sắc và cũng là thế mạnh của mình, đó là tính địa phương của báo, như chỉ thị của Thành uỷ từ ngày 27.12.1965 đã xác định: "... tờ báo của Đảng bộ Hà Nội phải tuyên truyền trước hết và tập trung vào các nhiệm vụ của địa phương, phản ánh và thúc đẩy phong trào quần chúng của địa phương, biểu dương, cổ vũ những người mới, việc mới của địa phương...".

Với nội dung ấy, *Hà Nội mới* còn đáp ứng những nhu cầu nhiều mặt của độc giả thành thị, như có mục quảng cáo, rao vặt, những thông tin rất cụ thể và rất cần thiết cho cuộc sống hằng ngày (như hướng dẫn sử dụng tem phiếu...) và dành phần thích đáng để thông tin về sinh hoạt văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, kể cả thể thao thế giới (mà lúc đó ít báo quan tâm khai thác). Năm 1973, báo có sáng kiến cùng Sở Thể dục thể thao tổ chức "giải chạy báo *Hà Nội mới*" tiến hành đều đặn hằng năm cho đến tận ngày nay, có tác dụng lớn thúc đẩy phong trào rèn luyện thân thể quần chúng ở thủ đô, góp phần phát hiện, bồi dưỡng một số vận động viên chạy trở thành người đoạt thành tích cao trong nước và quốc tế. (Sau này, nhiều báo của trung ương và địa phương lần lượt đều đứng ra bảo trợ, tổ chức những giải thể thao tương tự).

Một điều nữa cần ghi công cho *Hà Nội mới* là đã khai thác có hệ thống mảng đề tài màu mỡ là bề dày truyền thống của Thủ đô ngàn năm văn vật. Ngay từ khi còn là tờ *Thủ đô* khổ nhỏ, báo đã mở mục "Cổ tích và thắng cảnh Thủ đô" do cụ Sở Bảo Doãn Kế Thiện phụ trách. Mục này sau mở rộng thành mục "Thủ đô ta", chuyên giới thiệu về lịch sử, các địa danh, các danh nhân của Thủ đô, giới thiệu về con người Thủ đô vốn có truyền thống tài hoa, thanh lịch. Mục này cùng nhiều bài vở khác vào

những thời điểm nhất định là diễn đàn để những nhà nghiên cứu như Nguyễn Vinh Phúc, Trần Quốc Vượng, Hà Ân và nhiều người khác quảng bá những kết quả tìm tòi, khảo cứu của mình, bồi dưỡng niềm tự hào về Thủ đô yêu quý.

Qua một chặng đường dài, *Hà Nội mới* cũng là một nguồn đào tạo cán bộ cung cấp những người làm báo có kinh nghiệm cho những nơi có nhu cầu. Sau Ngày giải phóng Miền Nam, một số phóng viên *Hà Nội mới* đã trở về quê giữ vai trò chủ chốt xây dựng tờ báo của địa phương.

Nói về những hạn chế của báo chí thời kì này, không thể tách nó khỏi bối cảnh lịch sử. Đất nước đang bị chia cắt, phải dồn sức vào cuộc chiến đấu lâu dài và ác liệt với kẻ thù, nhà báo có ý thức công dân phải tự hạn chế mình, chỉ nói, viết những gì có lợi cho cuộc chiến đấu không làm xao xuyến tinh thần của nhân dân, không làm ảnh hưởng đến lòng tin của đồng bào Miền Nam đối với Miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Kỉ luật thời chiến lại buộc phải giữ bí mật không chỉ về quân sự, mà cả về nội tình kinh tế - xã hội. Do vậy, báo chí thường phản ánh xuôi chiều, không hoặc ít đề cập những mặt trái, những khuyết điểm, yếu kém trong sản xuất, công tác, các chức năng mở rộng kiến thức, chức năng giải trí của báo chí chưa được coi trọng.

Mặt khác, cơ chế bao cấp có ảnh hưởng nhất định đến tâm lí người làm báo. Báo in ra không phải lo lỗ lãi, mọi thứ đã có Nhà nước lo. Số lượng phát hành bao nhiêu là do trên ấn định chỉ tiêu và cấp giấy in; in ra bao nhiêu do bộ phận phát hành của bưu điện chịu trách nhiệm đưa đến người đọc, chủ yếu là các cơ quan, đoàn thể và số ít người mua dài hạn, số báo bán lẻ chỉ là phần nhỏ. Số bản phát hành của *Hà Nội mới* có lúc trên 30.000 bản/kì, nhưng vẫn không đủ đáp ứng nhu cầu. Đặt mua báo dài hạn phải qua những thủ tục phiền phức, phải được cơ quan phát hành duyệt, có khi bị cắt. Người mua lẻ sáng sáng phải xếp hàng mới mua được số báo ít ỏi ở các quầy bưu điện. Cơ chế ấy khiến cho phóng viên báo chí thấy ít cần phải xông xáo, chủ động; trừ những vấn đề thật cần thiết, thường trông chờ vào cùng một nguồn tin từ Thông tấn xã Việt Nam chính thức phát ra, rồi các báo hằng ngày cùng đăng trùng lặp, thiếu màu sắc riêng của mỗi báo.

V. THỜI KÌ ĐẤT NƯỚC THỐNG NHẤT VÀ ĐỔI MỚI

Thời kì mới đòi hỏi báo chí phải có sự chuyển biến. Ngày 24.2.1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã bắt trúng vấn đề khi ra Nghị quyết về cải tiến công tác thông tin, báo chí, xuất bản. Nghị quyết có đoạn: "Chú ý đăng những kinh nghiệm công tác thực tiễn, nhất là về mặt kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa để phổ biến kịp thời cho các nơi. Biểu dương người tốt việc tốt, nêu cao ưu điểm, thuận lợi, đồng thời phê phán những hiện tượng không lành mạnh, nói rõ khó khăn, thiếu sót và biện pháp khắc phục, *không nói một chiều*. Mở rộng việc đăng ý kiến của nhân dân lao động đối với các vấn đề của đất nước. Mở rộng phê bình và tự phê bình công khai trên báo chí".

Dự đoán trước những sự lệch lạc có thể xảy ra, Nghị quyết nhấn mạnh: "Báo chí là vũ khí để làm công tác tư tưởng. Không thể vì thị hiếu của người đọc, lợi ích kinh doanh hay một lí do nào khác mà coi nhẹ nhiệm vụ chính trị đó hoặc làm trái với chức năng, nhiệm vụ đã quy định. Tuyệt đối không được chạy theo khuynh hướng thương mại".

Những định hướng đó đã giúp báo chí cả nước, trong đó có báo chí Hà Nội, có những cải tiến bước đầu về nội dung và hình thức.

Đây là thời kì mà, do yêu cầu của công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cần được mở rộng trong các đoàn thể, các ngành và điều kiện thời bình đã cho phép, một loạt các tờ báo mới của Hà Nội lần lượt ra đời. Mới đầu là những bản tin có tính chất thử nghiệm, tập dượt, phát hành chủ yếu trong nội bộ, sau mới xin phép chính thức ra báo.

An ninh Thủ đô - tiền thân là bản tin nội bộ của Sở Công an ra đời từ đầu năm 1975 trong khí thế của cuộc Tổng tiến công giải phóng Miền Nam. Lúc đầu, bản tin xuất bản một tháng hai kì, không bán, mà phân phối cho các cơ sở để "phổ biến, phát thanh, dán ở bản tin công cộng". Phải mười năm sau, bản tin mới chính thức chuyển thành tờ báo, số 1 ra ngày 7.4.1985 với 8 trang khổ 29x42cm. Trụ sở lúc đầu đặt trong khuôn viên Sở Công an ở số 81B phố Trần Hưng Đạo, sau chuyển về số 2 phố Hàng Giấy, số 136 phố Nguyễn Khuyến và nay là số 82 phố Lý Thường Kiệt. Cán bộ toà soạn đều là chiến sĩ công an từ nhiều năm làm công tác tuyên truyền của ngành.

Nội dung chủ yếu của *An ninh Thủ đô* là thông tin về các hoạt động của công an trong trách nhiệm giữ gìn trật tự an ninh, bảo vệ cuộc sống bình yên của dân. Qua những tin và mẩu chuyện cụ thể, làm mọi người nâng cao cảnh giác với bọn tội phạm, đồng thời thấy được sự tận tuy, dũng cảm của lực lượng cảnh sát, công an và bảo vệ dân phòng khi thi hành nhiệm vụ.

Ngay sau khi phát hành rộng rãi, *An ninh Thủ đô* nhanh chóng được bạn đọc ưa thích do sự hấp dẫn tự nhiên của các câu chuyện hình sự, các vụ án cụ thể xảy ra trên đất Hà Nội. Người ta tìm đến *An ninh Thủ đô* để được hiểu rõ sự thật về các vụ việc này, vốn hay bị nhiễu vì những lời đồn đại thường có trong cuộc sống đô thị. Số lượng báo phát hành tăng nhanh, và là tờ báo có số bản phát hành cao nhất trong những tờ báo của Hà Nội (số cao nhất lên tới sáu vạn bản).

Để ngày càng bám sát thời sự, từ tuần báo, *An ninh Thủ đô* tiến lên xuất bản một tuần hai kì, và đến năm 1998 ra một tuần ba kì (thứ tư, thứ sáu, chủ nhật), đến năm 2004 ra hằng ngày, cộng với số cuối tuần. Báo ngày càng kiên trì biểu dương người tốt việc tốt trong ngành, một mặt tích cực đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, nhất là nạn mại dâm và ma tuý, ngoài ra thường xuyên có những phóng sự tốt về đời sống xã hội. Điều mà những người làm báo *An ninh Thủ đô* phải luôn luôn giữ gìn là

tránh sa vào phong cách giật gân, nêu những mặt trái của xã hội, nhưng không quá đi sâu vào những chi tiết sống sượng, tự nhiên chủ nghĩa.

Chiến sĩ Thủ đô vốn là bản tin phát thanh trong Lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô, ra đời vào đầu năm 1979 và tới năm 1985 mới thành "tờ báo của Lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô", ra một tháng hai kì, 8 trang khổ 29x42cm. Nội dung báo phần lớn là tin phản ánh sinh hoạt, luyện tập của các đơn vị, các xí nghiệp quốc phòng trong quân khu, kèm những mẩu chuyện nhỏ, truyện ngắn, thơ ca, v.v.. có tính hướng dẫn tư tưởng. Báo chủ yếu phát hành trong quân khu, đối tượng là lực lượng vũ trang và dân quân tự vệ. Đến giữa năm 1993 do chủ trương sắp xếp lại hệ thống báo chí trong quân đội, *Chiến sĩ Thủ đô* trở lại thành bản tin nội bộ.

Người Hà Nội là cơ quan của Hội Văn nghệ Hà Nội (sau là Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội), toà soạn ở số 19 phố Hàng Buồm sau đến số 126 phố Nam Cao, chính thức ra số 1 ngày 1.5.1985. Lúc đầu báo ra tháng hai kì, khổ 29x42cm, mỗi số 16 trang. Đến năm 1990 chuyển thành tuần báo, có tiêu đề "Diễn đàn văn hoá - văn nghệ Thủ đô".

Trước đó, suốt từ năm 1967 đến năm 1984, Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản tập san *Sáng tác Hà Nội*. Như tên gọi, tập san này chỉ đăng các sáng tác viết về Hà Nội của các nhà văn chuyên nghiệp và không chuyên nghiệp. Đây cũng là nơi các nhà văn trẻ thử sức mình. Khi chuyển thành *Người Hà Nội*, báo mở rộng nội dung và thể loại, ngoài các sáng tác văn, thơ, nhạc, hoạ, kịch, bình luận phê bình văn học nghệ thuật, còn có cả các phóng sự, bút kí về những vấn đề thời sự và xã hội. Tổng biên tập báo thường do các tổng thư kí hoặc phó tổng thư kí của hội phụ trách.

Trong quá trình ra báo, *Người Hà Nội* gặp nhiều khó khăn. Giữa năm 1998, báo tạm ngừng xuất bản một thời gian để củng cố tổ chức; đầu năm 1999 ra lại, đánh số bộ mới. Từ năm 2000 ra thêm phụ san số cuối tuần.

Báo *Tuổi trẻ Thủ đô* bắt nguồn từ bản tin "Thanh niên Hà Nội" ra đời từ tháng 6.1982, xuất bản mỗi tháng một kì. Từ đầu năm 1985, chuyển chính thức thành báo, là cơ quan của Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thành phố, ra một tháng hai kì, toà soạn đặt tại số 14A phố Phan Chu Trinh, tức trụ sở Thành đoàn. Do chưa có đủ cán bộ, bí thư hoặc phó bí thư Thành đoàn kiêm nhiệm tổng biên tập, thay đổi luôn, tổ chức không ổn định. Hình thức của báo cũng luôn thay đổi. Lúc lúc đầu ra 8 trang khổ 29x42cm, sau ra khổ 38x56cm, lúc lại ra khổ nhỏ 19x27cm có đóng bìa như tập san. Năm 1993, nhà báo nữ Khúc Nga từ Thông tấn xã Việt Nam về làm tổng biên tập, báo ra hằng tuần một cách ổn định. Báo cố gắng phản ánh được những hoạt động nhiều mặt của Đoàn thanh niên từ thành phố đến cơ sở, cổ vũ phong trào thanh niên lao động sáng tạo, giới thiệu những gương tốt trong học sinh, sinh viên, trong các nhà doanh nghiệp trẻ. Do tổ chức, báo tạm đình bản một thời gian giữa năm 2005 đến ngày 7.10.2005 ra bộ mới - số 1.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Hà Nội lúc đầu có bản tin *Phụ nữ Thủ đô* từ tháng 8.1986;

với kế hoạch là tập dượt để chuẩn bị ra báo. Một năm sau, tháng 7.1987, báo được phép chính thức xuất bản một tháng hai kì, sau một thời gian thì ra hằng tuần. Toà soạn lúc đó mới chỉ có dăm ba cán bộ. Toà soạn cũng ở ngay trụ sở thành hội số 72 phố Quán Sứ.

Báo bám sát chức năng và đối tượng của mình, ngoài việc tuyên truyền phổ biến các chủ trương công tác của hội, phản ánh các hoạt động ở cơ sở, đã thường xuyên đi sâu vào các vấn đề của phụ nữ là hôn nhân gia đình, giáo dục con cái, và phát huy vai trò bình đẳng của phụ nữ trong xã hội. Mở những đợt tranh luận trên báo về các chủ đề thiết thực như "mẹ chồng nàng dâu", "tình yêu chân chính có cần đến địa vị, tiền tài hay không?". Có mục "Tâm giao" để giải đáp, tư vấn cho bạn đọc cách xử sự hợp lí khi gặp những vấn đề phức tạp về tình cảm trong tình yêu, hôn nhân và gia đình. Báo cũng hăng hái đấu tranh cho quyền lợi của phụ nữ và trẻ em mỗi khi có việc xảy ra như bị chồng ngược đãi, lao động nữ bị đối xử không bình đẳng, v.v.. Do nội dung thiết thực, sát với đối tượng, nên báo có chỗ đứng trong lòng bạn đọc, nhất là các tổ chức phụ nữ cơ sở.

Màn ảnh Hà Nội, trước đó là ấn phẩm giới thiệu các phim do Công ti Chiếu bóng phát hành hằng tháng, đến năm 1988 được phép chuyển thành báo, có tên gọi *Màn ảnh sân khấu Hà Nội* với nội dung bao trùm cả nghệ thuật điện ảnh và sân khấu. Cơ quan chủ quản là Sở Văn hoá - Thông tin. Lúc đầu ra một tháng một kì, sau ra hai kì. Ngoài phần giới thiệu phim và các tiết mục sân khấu, giới thiệu các diễn viên, báo có chú ý phần bình luận, khen chê, hướng dẫn về thẩm mĩ thưởng thức nghệ thuật.

Từ năm 1994, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường thành phố cho ra tạp chí *Thăng Long - Khoa học và Công nghệ*, là diễn đàn của các nhà khoa học giới thiệu các công trình nghiên cứu, các suy nghĩ của mình về phát triển khoa học phục vụ xây dựng thủ đô. Lúc đầu ra hai tháng một kì, sau ra hằng tháng. Tuy nhiên cũng có lúc báo không giữ được đúng kì hạn xuất bản.

Tháng 8.1990, Sở Tư pháp Hà Nội chuyển bản tin nội bộ trước đây thành báo *Pháp luật và đời sống*, nhà báo Ngô Tất Hữu từ Thông tấn xã Việt Nam về làm tổng biên tập. Lúc đầu ra hằng tháng, sau ra hằng tuần, báo tự đặt nhiệm vụ là tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho nhân dân theo tinh thần "sống và làm việc theo pháp luật". Bằng nhiều hình thức trực tiếp như: phổ biến pháp luật, giải đáp pháp luật, hoặc gián tiếp như thông qua các mẩu chuyện, các vụ xử án. Báo bám sát tôn chỉ, mục đích đề ra, có tác dụng thiết thực. Đáng tiếc là giữa năm 1998, do sự không nhất trí trong cơ quan chủ quản, báo đã ngừng xuất bản, sau ra bản tin.

Từ bản tin ra đời tháng 8.1990 đến 1.4.1993. Liên đoàn Lao động thành phố chính thức xuất bản báo *Lao động Hà Nội*, sau đổi là *Lao động Thủ đô*. Báo ra một tháng hai kì, sau một thời gian báo ra hằng tuần rồi mỗi tuần ra ba số báo và ba số phụ trương giao dịch. Báo phản ánh các hoạt động sản xuất và công tác của lao động chân

tay và trí óc, của các tổ chức công đoàn từ cơ sở, nêu các vấn đề đặt ra với người lao động: tiền lương, an toàn lao động, đào tạo nghề nghiệp và giới thiệu việc làm đặc biệt là với lao động trẻ...

Tháng 5.1996, Sở Thể dục thể thao Hà Nội xuất bản tờ *Thể thao - Văn hoá Hà Nội*, báo ra mỗi tuần hai kì. Sau báo đổi tên là *Thể thao ngày nay*, ra tuần 6 kì phản ánh, bình luận về các hoạt động của chuyên ngành này.

Thực hiện chủ trương của Thành uỷ ra một tờ báo mới nhằm tuyên truyền sâu rộng về những vấn đề kinh tế, xây dựng và quản lí đô thị, ngày 1.1.1999, tờ *Kinh tế và đô thị*, cơ quan của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội ra số đầu tiên, xuất bản tuần bốn kì, khổ lớn 42x58cm, 4 trang. Tổng biên tập đầu tiên là Công nghĩa Hoàn, đến tháng 10.2000 là Xuân Việt. Toà soạn ở số 21 phố Huỳnh Thúc Kháng. Từ đầu năm 2004, báo *Kinh tế và đô thị điện tử* đã lên mạng, đưa số báo điện tử của các cơ quan báo chí Hà Nội lên 3 báo. Ngoài ra mỗi tháng có một chuyên san *Nội thất*.

Ngoài các báo chí kể trên, còn ra đời một số bản tin để đáp ứng công tác tuyên truyền của các ngành đoàn thể.

- *Văn hoá - Thông tin* của Sở Văn hoá - Thông tin.
- *Dân số Hà Nội* của Uỷ ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình Hà Nội.
- *Ánh mắt trẻ thơ* của Uỷ ban Bảo vệ trẻ em Hà Nội.
- *Cựu chiến binh Thủ đô* của Hội Cựu chiến binh thành phố.
- *Doanh nghiệp và kinh tế Thủ đô* của Hiệp hội Công thương Hà Nội.
- *Nông dân* của Hội Nông dân Hà Nội.
- *Hữu nghị và hợp tác* của Liên hiệp các Hội hữu nghị thành phố Hà Nội.
- *Ngân hàng* của Ngân hàng Công thương Hà Nội.
- *Sức khoẻ và đời sống* của Sở Y tế Hà Nội.
- *Thuế* của Cục thuế Hà Nội.
- *Mặt trận Thủ đô* sau đổi là *Dân chủ và đoàn kết* của Mặt trận Tổ quốc Hà Nội.
- *Hội đồng nhân dân* của Hội đồng nhân dân thành phố.
- *Thăng Long - Hà Nội ngàn năm* của Ban chỉ đạo Kỉ niệm 1000 năm Thăng Long Hà Nội...

Như vậy, đến cuối những năm 90 thế kỉ XX đã hình thành một mạng lưới báo chí của thủ đô, gồm 9 tờ báo, 1 tạp chí, 13 bản tin và một đài phát thanh - truyền hình, đặt dưới sự lãnh đạo của Thành uỷ, đây là sự phát triển chưa từng có từ trước tới nay.

Mạng lưới báo chí này đặt ra vấn đề phải có sự quản lí về mặt Nhà nước trên địa bàn thành phố. Trách nhiệm này được trao cho Phòng Quản lí báo chí, xuất bản được thành lập năm 1991, nằm trong Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội.

Thành uỷ lãnh đạo báo chí chủ yếu bằng ba phương thức:

- Định hướng tuyên truyền giáo dục tư tưởng từng thời kì, giúp các báo nắm được những chủ trương lớn của Trung ương Đảng và Đảng bộ thành phố.

- Đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo thích hợp cho từng báo, giáo dục chính trị cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên.

- Quy hoạch mạng lưới, đầu tư cơ sở vật chất, tạo điều kiện cho báo chí chủ động sáng tạo thực hiện chức năng.

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (12.1986) đã mở ra một thời kì mới của cách mạng Việt Nam, thời kì "đổi mới", đồng thời cũng mở ra con đường phát triển mới của báo chí cả nước, trong đó có báo chí Hà Nội.

Đại hội chỉ rõ phải "đổi mới về nhiều mặt: đổi mới về tư duy, trước hết là tư duy kinh tế". Báo chí là lực lượng xung kích trên mặt trận tư tưởng đã góp phần tích cực vào việc làm chuyển biến kinh tế này, cụ thể là chấp nhận nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần kinh tế, có sự quản lí của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật" cộng với việc dân chủ hoá đời sống xã hội thật sự tạo điều kiện cho báo chí khắc phục tình trạng giản đơn, một chiều. Cùng với báo chí cả nước, báo chí thủ đô không chỉ truyền đạt chủ trương từ trên xuống, mà còn là diễn đàn của nhân dân để thông tin từ dưới lên những tiếng nói chân thực và xây dựng, những suy nghĩ và nguyện vọng, không chỉ biểu dương cái tốt, mà còn phải lên án cái xấu, tích cực đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực cản trở bước tiến của xã hội. Ngày 25.5.1987 trên tất cả các báo hằng ngày xuất hiện mục *"Những việc cần làm ngay"*, kí tên N.V.L, tức đồng chí Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư Đảng. Tiếp đó trong một bài viết nhân Ngày báo chí Việt Nam 21.6.1987, đồng chí Nguyễn Văn Linh lại chỉ rõ người làm báo phải có "Tấm lòng cương trực, yêu người làm đúng, làm tốt để ca ngợi, ghét bọn làm xấu, làm sai, làm ác để lên án. Vai trò của báo là đem ánh sáng trong lành toả rộng ra, đẩy lùi, thu hẹp và xoá dần bóng tối".

Đó thực sự là những phát súng lệnh mở đầu cho hàng loạt tin, bài, phóng sự điều tra... trên các báo, nhằm đấu tranh chống tiêu cực, tiến công vào tham nhũng, trì trệ, quan liêu, lãng phí. Từ chỗ phải kiềm chế, ít nói, đến chỗ được phép nói, khó tránh khỏi đi đến chỗ quá đà, đấu tranh tràn lan, thiếu trọng tâm, có lúc những chuyện xấu xa tiêu cực xuất hiện nhiều hơn trên mặt các báo. Vấn đề này được rút kinh nghiệm, và cân bằng dần dần được lặp lại.

Dù sao thì từ thời điểm này, báo chí đã có thông tin nhiều chiều. Lượng thông tin cũng mở rộng, do nguồn tin tức, báo chí ngoại nhập, rồi quan hệ đối ngoại của ta không bó hẹp chủ yếu trong các nước xã hội chủ nghĩa như trước. Tầm nhìn của độc giả được mở rộng; chức năng mở mang dân trí, phổ cập kiến thức của báo chí rõ nét hơn.

Nội dung mở rộng dẫn đến hình thức cũng đa dạng: các toà soạn "tăng thêm các dạng báo, đáp ứng nhu cầu bạn đọc". Sự việc đáng chú ý là sự ra đời của số *Hà Nội mới chủ nhật*

Trước đó các số báo *Hà Nội mới* ra ngày chủ nhật đều có ý thức làm cho nội dung

và hình thức có màu sắc riêng hợp với tâm lí và nhu cầu của bạn đọc trong ngày nghỉ cuối tuần là được thư giãn nhẹ nhàng. Báo in hai màu, dành nhiều diện tích (ít nhất là toàn bộ hai trang 2 và 3) cho các vấn đề văn hoá, văn nghệ, khoa học, giải trí, thể thao.

Từ ngày 2.4.1989, *Hà Nội mới chủ nhật* ra số đầu tiên 6 trang in màu, thực chất như một tờ tuần báo, có bộ phận phụ trách riêng, tất nhiên vẫn dưới sự chỉ đạo của tổng biên tập chung. Ngoài những vấn đề thời sự chính trị, văn hoá, xã hội chung nhưng đề cập dưới những khía cạnh khác nhau, viết bằng văn phong sinh động, thoáng hơn, báo mở những chuyên mục mới như "Diễn đàn xây dựng Thủ đô", "Muôn mặt đời thường", "Hà Nội tạp văn", "Trao đi... đổi lại...," "Nói chuyện chữ nghĩa", "Cùng đọc cùng suy ngẫm"... *Hà Nội mới chủ nhật* nhanh chóng tranh thủ được cảm tình của bạn đọc gần xa. Thực tế là lúc ấy, mới chỉ có báo *Nhân dân* ra số *Nhân dân chủ nhật* vừa trước đó hai tháng (ngày 12.2.1989), đến *Hà Nội mới chủ nhật* là tờ thứ hai. *Nhân dân chủ nhật* ra khổ nhỡ (khổ báo hằng ngày gập tư), *Hà Nội mới chủ nhật* vẫn ra khổ lớn tạo điều kiện trình bày phóng khoáng với những bức ảnh nghệ thuật đẹp ở trang 1 (do họa sĩ Thanh Toàn trình bày), nên vẫn có nét đặc sắc riêng không thể lẫn. Từ số 80 (ra ngày 7.10.1990), *Hà Nội mới chủ nhật* tăng số trang 8 trang, sau đó lên 10 trang. Từ tháng 4.1995, lại xuất bản tờ *Hà Nội mới cuối tuần* cũng 8-10 trang khổ lớn, in nhiều màu. Trước đó, tháng 6.1994, *Hà Nội mới* đã ra thêm tờ phụ san hằng tháng, mang tên *Hà Nội ngày nay*, khổ nhỏ 13x19cm, mỗi dãy số dày 100 trang, đăng tải những thông tin tổng hợp, những bài nghiên cứu về tình hình kinh tế xã hội, bình luận văn chương nghệ thuật của thủ đô và của đất nước, đồng thời cập nhật những kiến thức chính về chính trị - xã hội - khoa học. Tháng 10.2002 *Hà Nội hằng ngày* ra 8 trang. Tháng 10.2003, báo *Hà Nội mới điện tử* lên mạng. Tháng 10.2004 ra thêm ấn phẩm *Hà Nội mới tin chiều* làm cho gia đình báo chí Hà Nội mới thêm phong phú, đa dạng, phát triển lên một bước mới.

Để phục vụ cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lí các cấp của thành phố, Thành uỷ xuất bản đặc san *Hành trình đổi mới* ra mỗi quý một số, bắt đầu từ quý I năm 2003. Hằng tháng ra một số *Thông tin nội bộ* cung cấp cho các cơ sở Đảng.

Đến nay, hầu hết các báo của thủ đô, ngoài các số thường lệ, đều xuất bản số báo cuối tuần, hoặc cuối tháng, biên tập đặc sắc, phong phú hơn để hấp dẫn bạn đọc. Lại có những đặc san mang tính chuyên đề như *Màn ảnh sân khấu Hà Nội* ra chuyên san *Nghệ sĩ, Thể thao văn hoá Hà Nội* ra chuyên san *Ngôi sao bóng đá, Tuổi trẻ Thủ đô* ra tập san *Thế hệ trẻ kinh tế và Đô thị* ra chuyên san *Nội thất*, các bao khác đều có số cuối tuần, số cuối tháng...

Nhiều báo mở ra những hoạt động có tính quần chúng để phát huy vai trò tổ chức của báo chí.

Báo *Hà Nội mới* lập ban công tác xã hội, mở trang "xã hội - từ thiện" và chuyên mục "Địa chỉ sẻ chia", giải chạy báo *Hà Nội mới* đã thành truyền thống hằng năm.

An ninh Thủ đô lập quỹ từ thiện "Bầu ơi thương lấy bí cùng", tổ chức giải thi đấu pencatxilat hằng năm; *Phụ nữ Thủ đô* lập quỹ giúp đỡ phụ nữ và trẻ em hoạn nạn, tổ chức Câu lạc bộ Tâm Giao; *Lao động Thủ đô* tổ chức giải bóng chuyền trong công nhân, viên chức; *Tuổi trẻ Thủ đô* tổ chức thi thời trang, người đẹp...

Năm 2007, Trung ương Đảng phát động cuộc vận động lớn dài ngày "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", các báo Hà Nội đã nhanh chóng nhập cuộc, đưa tin về các cuộc thi kể chuyện về Bác Hồ ở các cơ sở, các ngành, các cơ quan, đơn vị. Hằng ngày, trên các báo đều có chuyên mục "Kể chuyện về Hồ Chủ tịch", "những bài học của Bác Hồ hoặc trích đăng những câu nói của Bác về tu dưỡng đạo đức, sửa đổi lối làm việc, thực hành cần - kiệm - liêm - chính, chí công vô tư... Nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến vấn đề *học tập* rồi thì phải *làm theo* mới đạt hiệu quả của cuộc vận động.

Các dạng ấn phẩm báo chí thủ đô thi nhau đua nở, góp phần vào bức tranh phong phú của bộ mặt báo chí cả nước. Thời kì đổi mới mở ra bước ngoặt trong việc nhập khẩu những phương tiện in hiện đại. Trước năm 1980, phần lớn các báo vẫn sử dụng kĩ thuật in cổ lỗ thời trước chiến tranh, giấy đã xấu nên chữ và ảnh đều xấu, báo nào muốn in hai màu là cả một sự cố gắng. Nay thì in ốpxét nhiều màu là phổ biến, giấy trắng, bìa đẹp in ảnh màu, trình bày cũng đổi mới, về hình thức không kém các báo của thế giới. Kĩ thuật vi tính thay thế hẳn các cách trình bày maket thủ công, tiết kiệm thời gian và công sức.

Một sự thay đổi quan trọng nữa là sự đổi mới về cơ chế quản lí. Trước năm 1985, các hoạt động theo chế độ bao cấp, chi phí hoàn toàn do cơ quan chủ quản đài thọ, tổng biên tập không phải lo chuyện lỗ lãi. Nay đi vào hạch toán kinh doanh, giới báo chí cũng phải hạch toán, giảm bớt phần tài trợ của Nhà nước, hướng đến tự bù đắp các chi phí, tự lo về chuyện tài chính và được coi là một đơn vị sự nghiệp có thu. Nguồn thu của báo gồm tiền bán báo, thu từ quảng cáo hoặc từ những hoạt động xã hội chính đáng khác.

Điều này có mặt tốt cơ bản, khiến người làm báo gắn chặt không chỉ với số phận chính trị, mà cả với số phận kinh tế của tờ báo. Người làm báo buộc phải năng động, xông xáo và thực tế, bám sát nhu cầu độc giả, có nhiều tin, bài kịp thời và có chất lượng, nếu không báo sẽ ít người đọc, mà cơ quan chủ quản không thể bù lỗ mãi. Sự thật là một số tờ báo của Hà Nội có số lượng bản phát hành không cao (dưới 10.000 bản) thường xuyên gặp khó khăn về tài chính, thu nhập của cán bộ, phóng viên bị ảnh hưởng.

Quảng cáo trên báo chí vừa là yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường, vừa là một nguồn thu quan trọng của báo, nhờ nó mà một số báo đã tự trang trải được chi phí, còn nộp vào ngân sách Nhà nước và cải thiện đời sống cán bộ, phóng viên. Trước đây, quảng cáo trên báo *Hà Nội mới* chỉ chiếm cao nhất là khoảng 12% diện tích, nội dung thường hạn chế ở các mục rao vặt, màn ảnh sân khấu, cáo phó, v.v..

Nay báo có số phải ra tới 10 trang phụ in màu đẹp để quảng cáo, một số quảng cáo lớn chiếm cả trang, thậm chí hai trang. Có tờ chuyên san, đặc san sống được không phải do tiêu thụ được báo, mà nhờ tiền quảng cáo. Việc gì quá mức cũng dẫn đến mặt trái: quảng cáo tràn lan, không kiểm tra được tính xác thực, đăng lớn hay nhỏ hoàn toàn phụ thuộc vào số tiền chi của người cần quảng cáo; nội dung phần lớn quảng cáo sản phẩm xa xỉ, đắt tiền của nước ngoài, tạo nên tâm lí tiêu dùng lãng phí, ham hưởng thụ.

Nhờ đổi mới mà chất lượng báo chí có khá hơn. Uy tín của báo tăng, người làm báo được xã hội coi trọng, nhưng cũng đứng trước nhiều thử thách vì nhiều người muốn "tranh thủ" nhà báo để nói lợi cho mình, nếu nhà báo không có bản lĩnh vững vàng với cái tâm trong sáng thì dễ phạm sai lầm.

Tổng biên tập của một tuần báo ở Hà Nội đã tâm sự: "Bây giờ làm báo lí thú và quyết liệt hơn nhiều, con đường đi của nhà báo không hề bằng phẳng, nhà báo đã từ bỏ cái vị trí "ăn theo" để thực sự làm người chiến sĩ dám chịu trách nhiệm trước công luận, dám đấu tranh cho chân lí và sự công bằng từ mỗi dòng viết, mỗi lời phát biểu. Đó là một sự thay đổi hết sức lớn, đòi hỏi mỗi nhà báo phải luôn tự xác định vị trí đúng, luôn luôn phải giữ vững phẩm cách và lương tâm nghề nghiệp, luôn luôn phải rèn luyện nâng cao lên mọi mặt".

Trong khi báo chí của Hà Nội phát triển về số lượng, thì báo chí của trung ương và các địa phương, nhất là thành phố Hồ Chí Minh cũng phát triển. Báo chí của trung ương phát hành ở thủ đô với số lượng lớn đã đành, báo chí của thành phố Hồ Chí Minh hầu hết đều có phát hành ở Hà Nội. Xuất hiện càng rõ sự "cạnh tranh" giữa các báo để thu hút độc giả hơn, buộc các báo luôn luôn phấn đấu cao, không ngừng đổi mới để tồn tại.

Trong quá trình phấn đấu đó, báo chí chứng tỏ sức sống, phát huy tác dụng to lớn, đồng thời cũng bộc lộ những điều cần chấn chỉnh, uốn nắn. Ngày 17.10.1997, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 22 CT/TW về "Tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lí công tác báo chí, xuất bản".

Tiếp đó, ngày 15.11.1997, Thành uỷ Hà Nội, ra Chỉ thị số 25 - CT/TW về "Nâng cao chất lượng, tăng cường sự lãnh đạo và quản lí công tác báo chí - xuất bản Hà Nội", đã có sự đánh giá như sau:

"Báo chí Hà Nội đã thể hiện được là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và diễn đàn của nhân dân thủ đô. Đã tích cực tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, tham gia đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng và đấu tranh chống những luận điểm sai trái, chống diễn biến hoà bình, góp phần giữ vững ổn định chính trị ở thủ đô. Đã tích cực tham gia giáo dục truyền thống và những việc làm hướng thiện, nêu gương "người tốt, việc tốt" và gương điển hình tiên tiến. Thông tin trên báo chí ngày càng đa dạng, phong phú, nhiều chiều. Hình thức tiến bộ, thời lượng phát thanh và truyền hình tăng nhanh, số lượng bản phát

hành của một số báo tăng khá, đáp ứng nhu cầu của bạn đọc thủ đô và nhiều địa phương trong cả nước".

Chỉ thị cũng chỉ ra "không ít thiếu sót, khuyết điểm". Đó là "Tính nhanh nhạy và sắc sảo chưa cao trên cả hai mặt biểu dương và phê bình; khai thác chiều sâu của thông tin và sự kiện còn yếu. Một số tờ báo, nhất là phụ san, chưa bám sát nhiệm vụ chính trị, tôn chỉ, mục đích. Một số báo bị cơ chế thị trường chi phối, thể hiện khuynh hướng thương mại rõ nét, chạy theo thị hiếu tầm thường, quảng cáo không đúng chất lượng hàng hoá và dịch vụ, chưa phù hợp với bản sắc dân tộc"...

Để khắc phục những khuyết, nhược điểm trên. Thành uỷ đã nêu những biện pháp cụ thể nhằm chỉ đạo các báo thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của mình, nâng cao chất lượng chính trị của báo chí.

VI. HỘI NHÀ BÁO THÀNH PHỐ

Tháng 2.1989, Thành uỷ quyết định lập Ban trù bị thành lập Hội Nhà báo thành phố[1] do ông Nguyễn Hồng Lĩnh, nguyên tổng biên tập báo *Hà Nội mới* làm trưởng ban.

Đại hội Hội Nhà báo thành phố Hà Nội lần thứ I họp tháng 8.1989. Đại hội lần thứ hai họp tháng 11.1994. Đại hội lần thứ III họp tháng 1.1999. Đại hội lần thứ IV họp năm 2004.

Trải qua bốn nhiệm kì, hội có nhiều cố gắng đổi mới phương thức hoạt động, tập hợp, đoàn kết, động viên các nhà báo không ngừng học tập, rèn luyện giúp các nhà báo hoàn thành nhiệm vụ. Hội thường xuyên động viên các nhà báo nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tổ chức nhiều cuộc hội thảo thiết thực, bổ ích, mở các lớp nghiệp vụ ngắn hạn, phối hợp với Phân viện Báo chí và Tuyên truyền của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở 4 lớp đại học báo chí tại chức cho cán bộ, phóng viên chưa qua đại học báo chí.

Hội tổ chức vận động viết về *"Người tốt việc tốt"*, lập *"Giải thưởng báo chí Ngô Tất Tố"*; phối hợp với một số ngành của thành phố mở các cuộc thi viết; tham gia giải báo

---

1. Trong thời Hà Nội bị tạm chiếm, giới báo chí Bắc Việt, chủ yếu ở Hà Nội, có lập ra Hiệp hội Báo chí Bắc Việt, bầu ra Ban quản lí do Ngô Vân làm chủ tịch, Phạm Văn Thụ là phó chủ tịch. Do chia rẽ, mẫu thuẫn giữa quá nhiều phe phái nên Hiệp hội trở thành hữu danh vô thực, không làm được gì đáng kể.

Hội Nhà báo Việt Nam được thành lập từ năm 1950 ở vùng tự do Việt Bắc trong thời kì kháng chiến, do nhà báo Xuân Thuỷ làm chủ tịch. Tại Đại hội lần thứ III của hội họp tại Hà Nội ngày 8.9.1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến dự và phát biểu, trong đó Bác dặn nhà báo mỗi khi viết hãy tự đặt câu hỏi: "Viết cho ai xem? Viết để làm gì? Viết thế nào cho phổ thông, dễ hiểu, ngắn gọn, dễ đọc".

chí của Hội Nhà báo Việt Nam, của các ngành Trung ương, thu hút đông đảo các nhà báo tại chức và đã về hưu.

Để tạo điều kiện hoàn thành bộ *lịch sử báo chí Hà Nội* và nghiên cứu sâu những vấn đề của báo chí Hà Nội, hội đã phối hợp với Sở Khoa học - Công nghệ tiến hành 10 đề tài khoa học cấp thành phố. Cuốn *Báo chí Hà Nội, một chặng đường lịch sử 1954-1993* được xuất bản năm 1995 và sau đó đến cuốn *Sơ thảo lịch sử báo chí Hà Nội* đã được Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản năm 2004.

Hội Nhà báo và các chi hội nhà báo còn tổ chức nhiều hoạt động nghiệp vụ; giáo dục truyền thống nâng cao phẩm chất chính trị cho các nhà báo qua các ngày kỉ niệm lớn; liên hoan họp mặt trong các dịp lễ tết, Ngày báo chí Việt Nam, ngày thành lập các báo; tổ chức hội khoẻ, nghỉ mát, tham quan du lịch, mừng thọ, mừng ngày sinh, thăm viếng khi ốm đau, qua đời, giúp đỡ nhau lúc khó khăn làm cho hội viên gắn bó với hội.

Hội cũng vận động các chi hội và hội viên tham gia những hoạt động xã hội như hiến máu nhân đạo, xây tặng nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, học bổng, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, người nghèo, giúp đỡ các địa phương gặp khó khăn, thăm hỏi các chiến sĩ ở biên cương, hải đảo.

Việc trao đổi các đoàn đại biểu báo chí của Hà Nội với một số tỉnh, thành phố trong nước và nước ngoài đã mở rộng sự hợp tác và hữu nghị giữa các tổ chức báo chí, học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

Hoạt động đều và có hiệu quả là Ban liên lạc các nhà báo hưu trí của Hội Nhà báo thành phố.

Một cố gắng của hội là đã cho xuất bản đều kì tập san *Nhà báo Thủ đô* từ năm 2002, hai tháng một kì, góp phần trao đổi nghiệp vụ làm báo, viết báo.

Đại hội lần thứ tư Hội Nhà báo thành phố họp trong 2 ngày 17, 18 tháng 12.2004. Báo cáo và phát biểu trong đại hội tập trung vào việc đánh giá cái được và chưa được, về chất lượng báo, về đội ngũ người làm báo, nhất là làm sao phát hiện và bồi dưỡng được những tài năng báo chí, tạo nguồn phóng viên và cán bộ quản lí báo chí giỏi, củng cố Hội Nhà báo thành phố, các chi hội nhà báo và bộ phận thường trực của hội.

VII. VÀI NÉT VỀ BÁO CHÍ CỦA TRUNG ƯƠNG XUẤT BẢN TẠI HÀ NỘI

Từ sau năm 1954, trong cơ chế quản lí báo chí của Đảng và Nhà nước ta, hình thành hai hệ thống báo chí.

Những báo có tính toàn quốc - là cơ quan của các đoàn thể, các tổ chức, các ngành ở trung ương, đối tượng phản ánh, phạm vi phát hành là cả nước - được gọi là *báo chí Trung ương*, do Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương sau này là Ban Tuyên huấn Trung ương trực thuộc Ban Chấp hành trung ương Đảng lãnh đạo về nội dung, định hướng và Bộ Văn hoá - Thông tin quản lí về mặt Nhà nước.

Những báo của tỉnh, thành phố - mà đối tượng phản ánh, phạm vi phát hành chủ yếu là trong một tỉnh, thành phố - được gọi là *báo chí địa phương* và do các tỉnh, thành phố lãnh đạo về nội dung, định hướng, các Sở Văn hoá - Thông tin quản lí về mặt Nhà nước.

Do có sự phân chia như vậy (trước 1954 chưa hề có) nên trong công trình này, khi nói về "báo chí Hà Nội" sau 1954, chủ yếu nói về báo chí *của địa phương Hà Nội,* như phần trên đã thực hiện. Còn báo chí của trung ương mà đại bộ phận đóng trụ sở tại Hà Nội in tại Hà Nội chỉ nêu một số tờ báo chính. Những tờ báo có tác động đến đời sống tinh thần, văn hoá của người Hà Nội.

Giữ vị trí hàng đầu, phải kể báo *Nhân dân* ra hằng ngày. Xuất bản từ ngày 11.3.1951 trong thời kì Kháng chiến chống Pháp, sau năm 1954 về Hà Nội trụ sở tại số 71 phố Hàng Trống. Tổng biên tập đầu tiên của báo là Hoàng Tùng, đến năm 1982 là Hồng Hà, rồi Hà Đăng (1987), Hữu Thọ (1992)...

Là cơ quan Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam (trước đó là Đảng Lao động Việt Nam), sau ghi thêm là "Tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam", *Nhân dân* là tờ báo có uy tín nhất trong nước, coi như phát ngôn chính thức của Đảng và Chính phủ. Báo bảo đảm thông tin chính xác, thận trọng; các bài xã luận, bình luận (trong nước và quốc tế), phê bình văn học nghệ thuật,... có tính chỉ đạo, định hướng cao. Khẩu hiệu "Đọc và làm theo báo Đảng" ứng trước hết với báo *Nhân dân*. Báo phát hành rộng rãi; hầu như mỗi cơ quan Nhà nước, mỗi đơn vị tổ chức xã hội, mỗi chi bộ ở cơ sở đều mua báo *Nhân dân* (bằng kinh phí của Đảng và Nhà nước), nên báo càng phát huy sức mạnh. Báo có những đợt tuyên truyền tập trung theo các công tác trọng tâm, cổ vũ các phong trào lớn của quần chúng. Mọi người đều nhớ những đợt tuyên truyền phong trào thi đua yêu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc với những điển hình như "gió Đại phong", "sóng Duyên Hải", "cờ Ba Nhất"... sôi nổi một thời. Bước vào cuộc Kháng chiến chống Mỹ cứu nước, các xã luận, phóng sự của báo cổ vũ lớn với những hình tượng "Nguyễn Viết Xuân, nhằm thẳng quân thù mà bắn", "Lê Mã Lương, cuộc đời đẹp nhất là ở trận tuyến đánh quân thù". Ngày 26.12.1972, trong khí thế hào hùng của quân dân Hà Nội đánh trả máy bay B52 của giặc Mỹ, báo ra bài xã luận "Hà Nội, thủ đô của phẩm giá con người". Đầu đề này đã trở thành khẩu ngữ dùng phổ biến trong nước và thế giới.

Sau Ngày giải phóng Miền Nam 1975, báo Nhân dân nhanh chóng phát hành trong cả nước, đặc biệt khi có cơ sở ấn loát riêng ở thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng in theo chế bản từ Hà Nội gửi vào, bảo đảm báo được phát hành đồng thời ở cả ba miền.

Ngày 12.2.1989, *Nhân dân chủ nhật* ra số đầu tiên, khổ nhỏ bằng tờ báo hằng ngày gập tư. Tháng 2.1995, đổi tên *Nhân dân chủ nhật* thành *Nhân dân cuối tuần*, số *Nhân dân chủ nhật* vẫn ra thường lệ với khổ lớn. Tháng 5.1997, ra số *Nhân dân hằng tháng*. Với tất cả những ấn phẩm trên, báo *Nhân dân hằng ngày*

lại ra với 8 trang khổ lớn (trước chỉ có 4 trang), báo có điều kiện mở rộng thông tin, đề cập toàn diện các vấn đề thời sự, chính trị, xã hội và cả văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao...

Ngày 21.6.1998, báo *Nhân dân điện tử* bằng tiếng Việt số đầu ra hoà mạng Internet, tiếp đó ngày 11.3.1999 lại có bản điện tử bằng tiếng Anh, đáp ứng nhu cầu thông tin của hàng chục triệu bạn đọc là người Việt ở nước ngoài, cũng như người ngoại quốc.

Báo đều đặn xuất bản tờ *Nội san báo Nhân dân* nhằm mục đích trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp trong cán bộ, phóng viên.

Ngoài *Nhân dân* là báo hằng ngày, trung ương Đảng cộng sản Việt Nam có một tạp chí lí luận hằng tháng là *Học tập*, số 1 ra tháng 12.1955, đến tháng 1.1977 đổi tên là *Tạp chí Cộng sản*. Lúc đầu, chủ tịch Hội đồng biên tập là đồng chí Trường Chinh, về sau lần lượt là các đồng chí khác như Trần Quang Huy, Đào Duy Tùng... làm tổng biên tập. Các tác giả viết trong tạp chí phần lớn là các đồng chí lãnh đạo của Đảng, thủ trưởng các bộ, ngành, các chuyên viên lí luận, nghiên cứu. Viết cho đối tượng chủ yếu là cán bộ trung, cao cấp, hoặc những cán bộ cơ sở có một trình độ lí luận, cho cán bộ, đảng viên, có tác dụng chỉ đạo các mặt công tác, định hướng tư tưởng, nhất là những khi có biến cố chính trị, những vấn đề đấu tranh tư tưởng trên thế giới.

Trong hệ thống các báo Trung ương của Đảng, còn có các tạp chí *Tuyên huấn* (từ 1959) của Ban Tuyên huấn Trung ương, tạp chí *Xây dựng Đảng* (từ năm 1965) của Ban tổ chức Trung ương, tạp chí *Công tác khoa giáo* và một số tạp chí khác.

Từ năm 1965, ở Hà Nội, ngoài hai tờ *Nhân dân* và *Thủ đô Hà Nội*, có thêm một tờ báo hằng ngày là *Quân đội nhân dân*, cơ quan của Đảng uỷ quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng. Tiền thân của báo là các tờ *Vệ Quốc quân* và *Quân du kích* ra đời từ năm 1947-1948 ở Việt Bắc, năm 1950 hợp nhất thành tờ *Quân đội nhân dân*. Sau Ngày giải phóng Thủ đô, báo *Quân đội nhân dân* về Hà Nội đặt trụ sở tại số 7 phố Phan Đình Phùng, ra mỗi tuần hai kì, rồi ba kì, và từ ngày 19.5.1965 thì ra hằng ngày. Đối tượng của báo chủ yếu là cho cán bộ, chiến sĩ quân đội và dân quân tự vệ. Nội dung chính nhằm động viên xây dựng quân đội vững mạnh, nâng cao cảnh giác bảo vệ tổ quốc, đồng thời cũng biểu hiện ý kiến, quan điểm của lực lượng vũ trang đối với các vấn đề đối nội và đối ngoại. Báo được bạn đọc cả trong và ngoài quân đội quan tâm vì những bình luận chính trị, quân sự sắc bén, những tư liệu quốc tế phong phú, đáng tin cậy.

Từ năm 1990, báo xuất bản thêm tờ *Quân đội nhân dân thứ bảy*, sau đổi là *Quân đội nhân dân cuối tuần*. Báo còn xuất bản nguyệt san *Sự kiện và nhân chứng*, ra ngày mồng 10 hằng tháng.

Cũng trong hệ thống các lực lượng vũ trang, còn có báo *Công an nhân dân* của Bộ Công an (trước là Bộ Nội vụ). Báo hoạt động từ năm 1948 và trải qua nhiều thời kì.

Thoạt tiên báo phát hành nội bộ, cái khó của báo Công an là làm sao nêu được thành tích của lực lượng an ninh mà không lộ bí mật về lực lượng, cũng như các biện pháp nghiệp vụ. Mặt khác mô tả, phản ánh tình hình tội phạm sao cho khỏi thấy xã hội đen tối và không sa vào những tình tiết giật gân, li kì, gây phản tác dụng. Có lẽ vì vậy nên một thời gian dài báo chỉ lưu hành trong nội bộ, dưới tên gọi *Rèn luyện* (tạp chí), sau là *Công an nhân dân* (tuần báo). Đến tháng 10.1988, báo mới phát hành công khai, rộng rãi cho mọi đối tượng bạn đọc, nhằm mục đích nâng cao cảnh giác, động viên phong trào phòng chống tội phạm trong nhân dân, cũng như phong trào thi đua bảo vệ an ninh Tổ quốc trong lực lượng công an. Từ 1996, phát hành thêm tuần báo *An ninh thế giới* và tạp chí *Văn hoá - Văn nghệ công an*.

Về báo chí của các tổ chức chính trị của quần chúng, trước hết phải kể báo *Cứu quốc*. Báo xuất bản từ thời bí mật (1942), là "cơ quan cổ động của Việt Nam độc lập đồng minh", tức Việt Minh, nhưng trong tình hình lúc đó, trên thực tế, tổng bí thư Trường Chinh đến họp hằng tuần với các vị phụ trách của báo để phổ biến chủ trương của Thường vụ Trung ương và hướng dẫn những việc cần làm.

Trong suốt cuộc Kháng chiến chống Pháp, dù phải làm việc ở rừng sâu Việt Bắc, báo *Cứu quốc* vẫn ra hằng ngày, còn lập thêm các chi nhánh ở các liên khu. Ông Trường Chinh đã nhận định: "Đó là tờ báo hằng ngày duy nhất của Đảng và nhân dân ta trong thời kì kháng chiến. Chỉ riêng việc ra báo đều đặn suốt gần ba ngàn ngày trong điều kiện chiến tranh vô vùng ác liệt, gian khổ, thiếu thốn, đó đã là một kì tích".

Hoà bình lập lại năm 1954, do đã có báo *Nhân dân hằng ngày*, nên *Cứu quốc* chuyển thành tuần báo và cùng với sự thay đổi tên gọi của Mặt trận, lần lượt là cơ quan ngôn luận của Mặt trận Liên Việt, rồi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sau Ngày giải phóng Miền Nam, cùng với mặt trận hai miền hợp nhất, *Cứu quốc* hợp nhất với báo *Giải phóng* (cơ quan của Mặt trận Dân tộc giải phóng Miền Nam Việt Nam) và lấy tên *Đại đoàn kết*. Hiện nay *Đại đoàn kết* xuất bản một tuần ba kì: thứ ba, thứ sáu, chủ nhật; hằng tháng xuất bản thêm một nguyệt san và một tờ chuyên đề cuối tháng.

Lao động, cơ quan ngôn luận của tổ chức Công đoàn Việt Nam, là tờ báo có truyền thống lâu đời. Số đầu ra ngày 14.8.1929 trong hoàn cảnh bí mật, do chính Nguyễn Đức Cảnh, uỷ viên trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương, lãnh tụ Tổng công hội đỏ Bắc Kỳ phụ trách. Sau Cách mạng tháng Tám, ngày 13.10.1945, tại số 51 phố Hàng Bồ, là trụ sở của báo cho đến tận hôm nay, lần đầu tiên báo *lao động* ra mắt đông đảo quần chúng, với danh nghĩa cơ quan của Hội Công nhân cứu quốc, rồi sau này qua nhiều thời kì, của Tổng liên đoàn Lao động, của Tổng Công đoàn và bây giờ lại là Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. Báo nói lên tiếng nói của giai cấp công nhân, giai cấp lãnh đạo, giai cấp đi tiên phong trong phong trào thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Từ năm 1975

đến nay, đặc biệt từ sau Đại hội VI của Đảng, *Lao động* là một trong những tờ báo nhạy cảm với sự nghiệp đổi mới của đất nước, đi đầu trong đấu tranh chống tiêu cực, được bạn đọc chú ý bởi những phóng sự điều tra kịp thời biểu dương điển hình tiên tiến, đồng thời mạnh mẽ phát hiện, lên án các hiện tượng cửa quyền, tham ô, lãng phí, quan liêu, bênh vực quyền lợi của người lao động.

Từ chỗ ra khổ nhỡ hằng tuần, đến năm 1996, báo ra một tuần 5 kì, rồi ra hằng ngày với khổ lớn 8 trang, và hai trang phụ trương Thông tin Hà Nội dành riêng cho thủ đô. Ngoài thông tin nhanh nhạy, bài vở súc tích, còn trình bày đẹp và hiện đại, được in và phát hành đồng thời ở cả ba miền. Ngày 19.5.1999, báo *Lao động điện tử* đã được đưa lên mạng Internet. Báo còn tổ chức chương trình "Việc làm miễn phí" rộng rãi cho thanh niên và mở quỹ "Tấm lòng vàng Lao động" làm việc thiện có hiệu quả thiết thực, được bạn đọc hoan nghênh.

Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (trước đó là Đoàn Thanh niên cứu quốc) có một hệ thống báo chí khá phong phú để phục vụ giáo dục thế hệ trẻ thuộc các lứa tuổi:

Tờ báo chính là *Tiền phong*, xuất bản từ năm 1953 trong Kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 về Hà Nội báo ra hằng tuần, rồi mỗi tuần ba kì, hiện nay ra hằng ngày. Từ năm 1989 có thêm phụ san *Tiền phong chủ nhật*, từ năm 1993 có *Tiền phong cuối tháng*. Xuất phát từ cuộc sống mới với những yêu cầu đa dạng của tuổi trẻ, từ năm 1993 báo xuất bản thêm chuyên san khác nhau, như *Trí thức trẻ*, *Tuổi trẻ hạnh phúc, Thời trang hạnh phúc, Thời trang trẻ, Người đẹp Việt Nam*.

Cơ quan nghiên cứu lí luận của trung ương đoàn là tạp chí *Thanh niên* (ra từ năm 1962), (kế tục từ nội san *Công tác Đoàn*) dành cho đối tượng là cán bộ thanh niên, bàn sâu về lí luận công tác thanh vận. Tạp chí này về sau cũng ra thêm các phụ san *Tuổi trẻ sống đẹp*, *Tuổi xanh*.

Dành cho lứa tuổi nhi đồng, có báo *Nhi đồng*, xuất bản từ năm 1983, lúc đầu ra hằng tuần, sau một tuần ra hai kì. Rồi có thêm phụ san *Nhi đồng cười vui*. Tiến thêm một bước nữa lại có báo *Hoạ mi*, dành riêng cho lứa tuổi mẫu giáo.

Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam có tuần báo *Thanh niên*. Hội Sinh viên Việt Nam có báo *Sinh viên Việt Nam*. Báo này lúc đầu (1956-1960) xuất bản một tháng hai kì. Từ năm 1991, nội dung về sinh viên nằm trong số chuyên đề hằng tháng của báo *Hoa học trò*. Tháng 10.1998, báo *Sinh viên Việt Nam* ra loại mới, đánh số lại từ số 1. Và *Hoa học trò* trở thành tuần san của *Sinh viên Việt Nam*.

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có báo *Phụ nữ Việt Nam*, ra đời từ năm 1955. Báo ra hằng tuần, thường xuyên cổ động chị em phấn đấu vươn lên làm tốt công việc gia đình và xã hội, thực hiện nam nữ bình đẳng và dành phần lớn nội dung để cập các vấn đề của chị em: quyền lợi bà mẹ và trẻ em và gia đình, chống các biểu hiện coi thường và ngược đãi phụ nữ, v.v.. Báo ra thêm đặc san *Phụ nữ Việt Nam*, và sau này là các chuyên san *Hạnh phúc gia đình, Thế giới phụ nữ*, đều ra một tháng hai kì.

Các đoàn thể chính trị - xã hội ra đời sau này lần lượt đều có cơ quan ngôn luận của mình: *Nông thôn ngày nay* (nguyên là *Nông dân Việt Nam*) của Hội Nông dân Việt Nam, *Doanh nghiệp* (từ năm 1993) của Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, tạp chí *Nhân đạo* (từ năm 1990) của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, báo *Cựu chiến binh Việt Nam* (từ năm 1991) của Hội Cựu chiến binh Việt Nam, *Người cao tuổi* (từ năm 1995) của Hội Người cao tuổi Việt Nam, *Người công giáo Việt Nam* của Uỷ ban đoàn kết công giáo Việt Nam (từ năm 1981 kế tục báo *Chính nghĩa* trước đó).

Trong Mặt trận Việt Minh còn có hai đảng chính trị là Đảng Dân chủ Việt Nam và Đảng Xã hội Việt Nam. Đảng Dân chủ Việt Nam thành lập từ năm 1944. Ngay sau khi thành lập, đảng ra báo *Độc lập,* xuất bản bí mật. Sau Cách mạng tháng Tám, báo ra công khai và tiếp tục xuất bản trong thời kì Kháng chiến chống Pháp. Sau Ngày giải phóng Thủ đô, báo ra hằng tuần, và được giao trách nhiệm tuyên truyền vận động chủ yếu là giới công thương, các nhà tư sản dân tộc chấp hành các chính sách của Nhà nước, đi theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng cầm quyền.

Đảng Xã hội Việt Nam thành lập năm 1946, nhằm thu hút giới trí thức đi theo con đường cách mạng của Đảng cầm quyền. Cơ quan ngôn luận của đảng là tờ *Tiến lên*, sau năm 1954 đổi là *Tổ quốc*, xuất bản hằng tháng. Các tác giả cũng như độc giả chủ yếu là trí thức, cán bộ nghiên cứu, cán bộ khoa học - kĩ thuật.

Hai tờ báo trên đã góp phần tích cực vào việc tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Dân tộc thống nhất, đi theo Đảng lãnh đạo vượt qua mọi thử thách. Cách mạng giải phóng dân tộc thắng lợi trong phạm vi cả nước, đối tượng vận động của hai đảng có nhiều sự biến chuyển, Đảng Dân chủ và Đảng Xã hội tự thấy mình đã làm tròn nhiệm vụ lịch sử, và quyết định kết thúc hoạt động vào cuối năm 1988. Và hai báo *Độc lập* và *Tổ quốc* cũng ngừng xuất bản.

Hầu hết ngành hoạt động nào, hội nghề nghiệp nào ở trung ương cũng có cơ quan ngôn luận của mình.

Trước hết nói về mảng báo chí thuộc các ngành giáo dục, văn hoá, nghệ thuật.

Bộ Giáo dục và đào tạo (trước là Bộ Giáo dục) xuất bản *Người giáo viên nhân dân* từ năm 1959, sau đổi tên là *Giáo dục và thời đại* ra một tuần hai kì. Mới đầu ghi là "Tiếng nói của ngành giáo dục - đào tạo Việt Nam", sau thêm "Diễn đàn toàn xã hội vì sự nghiệp giáo dục", mở rộng được nội dung thông tin, phản ánh, phù hợp với tinh thần đổi mới, xã hội hoá giáo dục. Từ năm 1995 ra thêm *Giáo dục và thời đại chủ nhật*. Bộ còn có *Nghiên cứu giáo dục*, tạp chí *Lí luận khoa học giáo dục*, ra từ năm 1968, và một số tạp chí khác thuộc lĩnh vực nghiệp vụ hẹp hơn.

Cũng tương tự, tờ *Sức khoẻ* của Bộ Y tế, sau đổi là tuần báo *Sức khoẻ và đời sống*, với tiêu đề ghi thêm là "diễn đàn vì sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ toàn dân". Bộ Y tế còn xuất bản tập san *Y học thực hành*. Ngoài ra còn có *Y học Việt Nam* (của Tổng Hội Y dược học), *Dược học* (Hội Dược học), *Y học cổ truyền Việt Nam* (Hội Y học cổ truyền)

và nhiều tạp chí của các chuyên ngành nhỏ hơn, như thuốc và sức khoẻ...

Hội Nhà báo Việt Nam có tạp chí *Người làm báo*, từ năm 1985-1990 đổi tên là *Nhà báo và công luận*. Khi báo này ra hằng tuần (1996), đề cập rộng rãi các vấn đề chính trị - xã hội, thì *Người làm báo* lại ra lại, trở thành tạp chí hằng tháng chuyên bàn về nghiệp vụ và công tác hội.

Bộ Văn hoá - Thông tin xuất bản báo *Văn hoá - Nghệ thuật* ra hằng tháng, sau đổi tên là *Văn hoá* ra hằng tuần, rồi tuần hai kì.

Hội Liệp hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam có tạp chí *Diễn đàn văn nghệ* (1991). Trước đấy Hội Văn nghệ Việt Nam, có tạp chí *Văn nghệ* ra từ năm 1948. Khi thành lập Hội Nhà văn, có báo *Văn* là tuần báo sáng tác, lí luận, phê bình, thông tin văn học. Tháng 5.1958 lấy tên là *Văn học*. Đến năm 1963 lại hợp nhất với tạp chí *Văn nghệ* thành tuần báo *Văn nghệ* cho đến nay. Báo *Văn nghệ* còn có các ấn phẩm: *Văn nghệ dân tộc miền núi* (từ năm 1995, ra hằng tháng), *Văn nghệ Trẻ* (từ năm 1995, nay ra hằng tuần), phụ san *thơ Tác phẩm mới* hằng tháng (1969), sau là tạp chí *Nhà văn* (2000), *Văn học nước ngoài* hai tháng một số (từ 1996).

Về văn nghệ, còn có tạp chí *Văn nghệ quân đội* do Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam xuất bản từ tháng 1.1957, ra hằng tháng. Bộ Công an xuất bản báo *Văn hoá - Văn nghệ Công an* từ tháng 1.1996.

Các hội nghệ thuật đều có cơ quan ngôn luận riêng: Hội Mĩ thuật có *Mĩ thuật thời nay*; Hội Điện ảnh có *Nghệ thuật điện ảnh*, sau đổi là *Nghệ thuật thứ bảy* (về điện ảnh, còn có *Điện ảnh - kịch trường* của Bộ Văn hoá - Thông tin. *Điện ảnh ngày nay* của Viện Nghệ thuật và Lưu trữ điện ảnh); Hội Nghệ sĩ sân khấu có *Sân khấu*; Hội Nhiếp ảnh có *Nghệ thuật nhiếp ảnh* sau chỉ gọi là *Nhiếp ảnh*; Hội Nhạc sĩ có tạp chí *Âm nhạc*; Hội Nghệ sĩ múa có *Nhịp điệu*; Hội Văn nghệ dân gian có tạp chí *Nguồn sáng*, sau này là *Nguồn sáng dân gian*; Hội Kiến trúc sư có tạp chí *Kiến trúc* (với phụ san là *Nhà đẹp*)...

Thể thao Việt Nam là cơ quan ngôn luận của Uỷ ban Thể dục thể thao Việt Nam, nguyên là báo *Thể dục thể thao* (xuất bản từ năm 1957) đổi tên. Lúc đầu ra hằng tháng, rồi hằng tuần, nay là một tuần ra ba kì, lại thêm tờ phụ san *Thể thao hằng ngày*. Báo còn ra các chuyên san *Thể thao - khoẻ và đẹp, Thế giới thể thao*, riêng về *bóng đá* cũng có tới 4 tờ và một phụ san ra hằng ngày.

Báo chí của các ngành khoa học xã hội rất phong phú. Các tổ chức xã hội thì có *Lao động - xã hội* của Bộ Lao động - Thương binh xã hội xuất bản từ năm 1993, *Vì trẻ thơ* của Uỷ ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam (từ 1991), *Gia đình và xã hội* của Uỷ ban Quốc gia Dân số kế hoạch hoá gia đình (từ 1999). Bộ Tư pháp có *Dân chủ và pháp luật* (1978), sau đổi là *Pháp luật*. Toà án nhân dân tối cao có *Người bảo vệ công lí* (từ 1994),Viện Kiểm sát có tạp chí *Kiểm sát*, Hội Khoa học lịch sử có *Xưa và nay* (từ 1994). Các Viện Nghiên cứu đều có báo chí hay tạp chí: *Ngôn ngữ* (1969) của Viện Ngôn ngữ học, *Nhà nước và pháp luật* (1972) của Viện Triết học, *Tâm lí*

học (1996) của Viện Tâm lí học (Hội Tâm lí học còn xuất bản *Thế giới trong ta* năm 1994), *Dân tộc học* (Viện Dân tộc học) năm 1974, *Nghiên cứu Đông Nam Á* (1990) của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, *Nghiên cứu tôn giáo* (1999) của Viện Nghiên cứu tôn giáo...

Các ngành hoạt động kinh tế và khoa học - kĩ thuật cũng xuất bản nhiều báo: *Thời báo kinh tế Việt Nam* (1991), *Tư vấn tiêu dùng* đều của Hội Khoa học kinh tế; *Thời báo Ngân hàng* (1991) của Ngân hàng Nhà nước; *Công nghiệp Việt Nam* (1995) của Bộ Công nghiệp; *Thương mại* (1950) của Bộ Thương mại; *Ngoại thương* lúc đầu của Bộ Ngoại thương, đến năm 1994 trở thành tuần tin của Trung tâm Thương mại, báo này còn ra một phụ trương riêng là *Mua và bán*; *Đầu tư* (1991) của Bộ Kế hoạch và đầu tư; *Giao thông vận tải* (1962) của Bộ Giao thông vận tải; *Đường sắt Việt Nam* (1985) của Liên hiệp Đường sắt Việt Nam; *Bưu điện Việt Nam* (1990) của Tổng cục Bưu điện; *Diễn đàn doanh nghiệp* (1997) của Phòng Thương mại; *Hải quan Việt Nam* (1991) của Tổng cục Hải quan; *Hàng không Việt Nam* (1991) của Hàng không dân dụng Việt Nam; *Con số và sự kiện* (1994) của Tổng cục Thống kê; *Điện tử và tin học* (1992) của Tổng Công ti Điện tử - Tin học; *Dầu khí* (1986) của Tổng công ti Dầu mỏ và Khí đốt; *Du lịch Việt Nam* (1981) của Tổng cục Du lịch...

Về nông nghiệp có *Nông nghiệp Việt Nam* (1955) của Bộ Nông nghiệp (sau là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), *Nông thôn ngày nay* của Hội Nông dân Việt Nam, *Kinh tế VAC* (nguyên là báo *Người làm vườn*) của Hội những người làm vườn (1988) nay đổi thành *Kinh tế Nông thôn, Việt Nam hương sắc* (1993) của Hội Sinh vật cảnh Việt Nam,...

Các tạp chí chuyên ngành về khoa học cơ bản, khoa học công nghệ, kĩ thuật nghề cũng phát triển nhanh chóng, như: *toán học, toán lí, vật lí, cơ học, hoá - lí - sinh, hoá ứng dụng, công nghiệp hoá chất, công nghệ nhiệt, kĩ thuật cơ khí, công nghiệp ôtô, ôtô - xe máy, công nghệ tàu thuỷ... Về y dược có các tạp chí: Y dược kĩ thuật y dược, dược học, cây thuốc quý, đông y, châm cứu, y học thực hành, nội khoa, phụ khoa, nhi khoa, nhãn khoa...*

Công nghệ thông tin phát triển cũng cho ra đời các tạp chí: *tin học và điều khiển học, viện thông - tin học, điện tử và tin học, xã hội thông tin, thế giới số, tin học và đời sống....*

Khi cuộc sống được cải thiện, số người giàu tăng nhanh, nhiều tạp chí đã đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của giới này như: *nhà đẹp, nội thất đẹp, sành điệu mĩ nghệ kim hoàn, thời trang trẻ, cẩm nang mua sắm, mua và bán...*

Thông tấn xã Việt Nam "Ngân hàng tin" của Nhà nước, có cả một hệ thống xuất bản phẩm. Không kể những bản tin hằng ngày và nhiều bản tin chuyên đề, Thông tấn xã Việt Nam có báo *Tuần tin tức* (1983), rồi *Tin tức buổi chiều* (1991) ra hằng ngày. Sau hai tờ này hợp nhất, lấy tên *Tin tức*, số đầu ra ngày 1.1.1999 và là báo hằng ngày. Ngoài ra, còn có tuần báo *Thể thao - văn hoá* ra từ năm 1982, *Khoa học*

kĩ thuật và kinh tế thế giới (1983). Báo *ảnh Việt Nam* ra bằng nhiều thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp, Nga, Hoa, Lào (nguyên là báo *Hình ảnh Việt Nam* ra từ năm 1954), báo này đã hoà mạng Internet từ 28.1.1999. Thông tấn xã Việt Nam có các báo bằng tiếng nước ngoài, phục vụ tuyên truyền đối ngoại: *Le courrier du Vietnam* từ 4 trang ra hằng tuần đến 1994 ra 16 trang hằng ngày, *Vietnam news*. Thông tấn xã Việt Nam cũng biên dịch ra tiếng Việt tờ tạp chí của UNESCO *Người đưa tin UNESCO*, phát hành từ năm 1986. Tạp chí này là có phụ san *Một cửa sổ nhìn ra thế giới* ra hằng tháng.

Cũng nói thêm là một số báo về kinh tế có in thêm bản tiếng Anh cho người nước ngoài. Như báo *Đầu tư* có *Vietnam Investment Review, Thời báo kinh tế Việt Nam* có *Viet Nam Economic times*. Một số cơ quan kinh tế cũng ra báo hoặc tạp chí tiếng Anh như ngân hàng, hàng không, thương mại, v.v.. Các đoàn thể như Tổng liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nhà văn Việt Nam cũng có những tập san ra bằng tiếng nước ngoài.

Sự liệt kê trên nhất định còn thiếu sót. Song qua vài nét phác hoạ trên, có thể thấy báo chí của trung ương xuất bản tại Hà Nội rất nhiều và đa dạng về nội dung, đề tài và loại hình. Đặc biệt từ khoảng năm 1990 đến nay, số đầu báo phát triển rất nhanh, hầu như không có một bộ, một tổ chức xã hội, một ngành nghề nào không có báo hoặc tạp chí. Có những tờ báo nhằm những nội dung trước đây chưa hề có như tạp chí *Tem*, tạp chí *Mốt*, tạp chí về *Nghệ thuật ẩm thực Việt Nam*, tạp chí về *Nhà đẹp, Người đẹp*, v.v.. đáp ứng nhu cầu nhiều mặt của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau trong thời kì đổi mới. Với sự tiến bộ của kĩ thuật ấn loát ở thời kì này, các báo nói chung đều thay đổi về hình thức: giấy tốt, in nhiều màu, trình bày hiện đại, nhất là những tờ cuối tuần, chuyên san, đặc san...

Trong hoàn cảnh ấy, báo chí của địa phương Hà Nội hoạt động có thuận lợi và có cả khó khăn. Thuận lợi là có cơ hội để cọ sát, học tập nhiều đồng nghiệp có trình độ và uy tín cao, không ngừng vươn lên để có chỗ đứng trong lòng bạn đọc. Khó khăn là Hà Nội có nhiều báo của trung ương, báo của một số thành phố bạn; bạn đọc ở thủ đô có trình độ, lại có yêu cầu đa dạng, họ có cơ hội lựa chọn, không phân biệt báo trung ương hay địa phương, báo nào hay, tốt thì họ mua và đọc, không thể áp đặt. Để giữ vững vị trí, vai trò của mình, báo chí Hà Nội càng phải bám sát tôn chỉ, mục đích, bám sát đối tượng mà mình phục vụ, đồng thời phải nâng cao trình độ nghiệp vụ và kĩ thuật, không kém bất cứ tờ báo nào cùng loại. Đó chính là mục tiêu phấn đấu của báo chí thủ đô, mà nhiều chỉ thị, nghị quyết của Thành uỷ đã chỉ ra.

VIII. MỘT SỐ NHÀ BÁO TIÊU BIỂU TẠI HÀ NỘI (TRƯỚC 1945)

Cùng với nhà báo lớn sáng lập nền báo chí cách mạng Việt Nam là Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cách mạng nổi tiếng khác, như Trường Chinh, Võ

Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng... Hà Nội có nhiều nhà báo tiền bối không chỉ tiêu biểu với thủ đô, mà còn với cả nước. Do chỗ dành trong tập sách có hạn và phần nữa do thiếu tư liệu đầy đủ, chúng tôi xin được ghi lại đây một số vị, theo thứ tự tuổi tác. Hi vọng sẽ bổ sung, hoàn chỉnh trong dịp tái bản.

1. Phan Kế Bính (1875-1921)

Hiệu Bưu Văn, người làng Thuỵ Khuê, huyện Hàm Long, tỉnh Hà Đông (nay thuộc Hà Nội), trong một gia đình khoa bảng, ông đậu cử nhân Hán học năm Bính Ngọ (1906). Năm 1907, ông đảm nhận phần chữ Nho trong *Đăng cổ tùng báo*, 1912 biên tập báo *Lục tỉnh tân văn*, 1914 biên tập cho *Đông Dương tạp chí*, trở thành cây bút chủ lực của tạp chí này. 1918 Đông Dương tạp chí đổi thành *Trung Bắc tân văn* và *Học báo*, ông chuyên viết xã luận cho báo.

Ngôn ngữ và văn phong của ông ngay từ những năm đầu thế kỉ XX, lúc quốc ngữ còn phôi thai mà đã đạt mức trong sáng, chuẩn mực, uyển chuyển không khác lắm văn hiện đại của thế kỉ ấy. Ông được đánh giá là một những nhà báo, nhà văn xuất sắc nhất của nhóm *Đông Dương tạp chí*.

Ông là tấm gương tinh thần tự học, tự rèn luyện và tự nỗ lực làm việc. ông đọc nhiều, đi nhiều, viết nhiều, kiến thức thật phong phú, sâu rộng. Ông để lại nhiều trước tác mang tấm lòng và trái tim của một ngòi bút tự trọng, có trách nhiệm trước vận mệnh đất nước.

Ông là nhà báo, nhà văn, nhà dịch thuật, nhà biên khảo có uy tín của Hà Nội.

2. Ngô Đức Kế (1878-1929)

Biệt hiệu Tập Xuyên. Quê làng Trảo Nha, nay là Đại Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Xuất thân trong một gia đình trí thức quan lại. Năm 1901, đỗ tiến sĩ, không ra làm quan, ở nhà dạy học, đọc tân thư, liên kết đồng chí, vận động bỏ khoa cử, đề xướng học mới, hô hào thực nghiệp. Thân với Phan Bội Châu. Năm 1908 bị thực dân Pháp đầy ra Côn Đảo cùng nhiều chiến sĩ Trung, Nam, Bắc. Năm 1921 ra tù, 1922 làm báo *Hữu Thanh* ở Hà Nội. Từ lúc còn đi học, khi ở tù Côn Đảo và làm báo *Hữu Thanh*, ông đã có nhiều thơ văn yêu nước và cách mạng. Nội dung chính trong thơ văn của ông là vận động duy tân đất nước, ca ngợi khí tiết trượng phu, ca ngợi anh hùng liệt sĩ. Ông là người có tư tưởng dân chủ, phê phán nghiêm khắc vua quan nhà Nguyễn bán nước, đục khoét nhân dân, phê phán văn hoá ngu dân của thực dân Pháp. Cùng với các chí sĩ khác như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, ông đã góp phần thức tỉnh tinh thần yêu nước trong thanh niên và các tầng lớp nhân dân. Ông mất tại Hà Nội cuối năm 1929.

3. Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936)

Ông quê ở làng Thượng Vũ, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Đông, tốt nghiệp trường

thông ngôn ra làm thư kí toà sứ một số nơi. 1906 bắt đầu thôi việc ra làm báo, dịch sách, mở nhà in. Ông cũng là người tham gia giảng dạy ở Trường Đông Kinh nghĩa thục (1907), ông làm chủ bút và viết bài cho nhiều báo tiếng Việt và tiếng Pháp như: *Đại Nam đông văn nhật báo, Đăng cổ tùng báo, Đông Dương tạp chí, Notre Journal, Notre Revue, Annam Nouveau*... và là một trong những người tích cực đóng góp cho công cuộc cải cách như Quốc ngữ. Ông từng có câu nói đã đi vào lịch sử văn hoá dân tộc đầu thế kỉ XX: "Nước ta mai sau hay hay dở là ở chữ Quốc ngữ".

Ông dịch nhiều tác phẩm văn học Pháp ra tiếng Việt, dịch *Truyện Kiều* ra tiếng Pháp, cộng tác với Vayrac chủ trì xuất bản tủ sách *Âu Tây tư tưởng*.

Có thể coi ông thuộc lớp nhà báo sớm nhất ở Miền Bắc. Cuối đời, ông bỏ nghề, đi tìm vàng ở Lào và mất đột ngột tại Sêpôn (Lào) ngày 2.5.1936.

4. Dương Bá Trạc (1884-1944)

Biệt hiệu Tuyết Huy, quê làng Phú Thị, nay thuộc xã Mễ Sở, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên. Vốn thuộc dòng thi lễ, bản thân ông rất thông minh, 15 tuổi đã đi thi và hai năm sau đỗ cử nhân (năm 1900), nhưng không ra làm quan. Năm 1904, cùng Phan Chu Trinh đi diễn thuyết về chủ nghĩa duy tân rồi cùng Tăng Bạt Hổ đi rất nhiều nơi từ Thanh Hoá vào Sài Gòn vận động, mưu tính công cuộc giải phóng đất nước. Cuối năm 1906, ông cùng các bạn Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí, Lê Đại, Lương Văn Can lập Đông Kinh nghĩa thục, đưa học sinh vào con đường cứu nước. Bị thực dân Pháp đàn áp. Ông bị kết án 15 năm tù và giam tại Hoả Lò rồi đày ra Côn Đảo, nhốt cùng với các bạn cũ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế,... Gần hai năm sau, ông phải an trí ở Long Xuyên rồi bị trục xuất về Bắc. Tại Hà Nội để tránh mọi âm mưu của địch, ông làm chủ bút cho nhiều tờ báo, trong đó có tờ *Nam Phong* và *Trung Bắc tân văn*. Khoảng năm 1932-1936, ông làm chủ bút *Văn học tạp chí* và *Đông Tây báo*. Cùng với làm báo, ông còn viết văn, làm thơ và được coi là "một người lỗi lạc trong các nhà văn đi tiên phong" (theo Vũ Ngọc Phan viết trong *Nhà văn hiện đại*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội - Hà Nội, 1989). Khi quân Nhật nhảy vào Đông Dương, ông bị chúng lưu đầy sang Singapo, rồi lâm bệnh chết ở bên đó vào cuối năm 1944. Dương Bá Trạc là nhà yêu nước chân chính, tên tuổi ông đặc biệt gắn liền với Đông Kinh nghĩa thục và nhiều nhà yêu nước lớn khác.

5. Nguyễn Khắc Hiếu (1889-1939)

Biệt hiệu Tản Đà. Quê làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, Sơn Tây (nay là Ba Vì, Hà Nội). Ông vốn thuộc dòng họ khoa bảng lâu đời của Nguyễn Công Thể, Nguyễn Văn Siêu ở làng Lủ (nay thuộc xã Đại Kim, Thanh Trì, Hà Nội). Xuất thân nhà Nho, nhưng sau khi thi hỏng khoa Nhâm Tý (1912), ông bỏ Nho học, học chữ Quốc ngữ, chữ Pháp rồi làm báo, viết văn, làm thơ. Những bài viết đầu tiên của ông đăng trên *Đông Dương tạp chí* (1915). Ông từng chủ trương nhiều tờ báo như *Hữu Thanh tạp*

chí (ra đời năm 1921), *An Nam tạp chí* (ra đời năm 1926). Cuối năm 1927, ông vào Sài Gòn viết cho tờ *Đông Pháp thời báo*. Năm 1930, ông ra Hà Nội tục bản *An Nam tạp chí* đến năm lần. Ông là tác giả nhiều tập thơ văn được lưu truyền trong nền văn học Việt Nam, như *Thơ Tản Đà, Khối tình con, Giấc mộng lớn, Giấc mộng con, Thề non nước, Tản Đà tùng văn*... Dưới ngòi bút của ông, nghệ thuật ngôn ngữ rất điêu luyện, đậm đà tính dân tộc. Ông nhấn mạnh đạo lí người làm báo là "phải tế tâm về sự viết văn mà lại cần phải nên trì thủ về bên hạnh kiểm". Ông viết trên *Đông Pháp thời báo* năm 1927: "Chúng ta may được để thân vào báo giới, cầm quyền phủ việt của quốc dân, thời phàm các loại hung nhân phải trọng phạt nghiêm hình để hả lòng cho công chúng. Còn như cái tình đồng bào đồng chủng cùng nhau, thời như sao vẫn có như sao vậy".

Ông mất tại Cầu Mới - Ngã Tư Sở (nay là số nhà 47 phố Nguyễn Trãi) ngày 7.6.1939.

6. Nguyễn Văn Tố (1889-1947)

Biệt hiệu là Ứng Hoè. Quê ở Hà Đông. Trú tại phố Bát Sứ, Hà Nội. Ông là một học giả yêu nước, tinh thông Hán học rồi theo Tây học. Ông đã viết cho nhiều báo, như *Đông Dương tạp chí, Nam Phong*... Ông làm hội trưởng Hội Trí tri (ở phố hiện nay mang tên ông). Năm 1938, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, ông cùng một số nhà trí thức lập ra Hội Truyền bá Quốc ngữ nhằm nâng cao trình độ văn hoá và ý thức chính trị trong nhân dân. Trước Cách mạng tháng Tám, ông chủ trì việc ra báo *Tri tân* nhằm "ôn cũ để biết mới". Những tác phẩm của ông in trên báo *Tri tân* và nhiều tờ báo khác đã cung cấp những tài liệu quý cho việc nghiên cứu lịch sử và văn học dân tộc ta. Trong Chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, ông là bộ trưởng Cứu tế, tiếp đó làm chủ tịch Quốc hội khoá I.

Tham gia Kháng chiến chống Pháp và hi sinh tại Việt Bắc năm 1947.

7. Ngô Tất Tố (1894-1954)

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho nghèo ở làng Lộc Hà, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội). Ông đỗ đầu xứ nhưng bỏ Nho học, đi làm báo, viết văn, dịch thuật. Là nhà báo, ngòi bút của ông rất sắc sảo, đả kích thực dân, phong kiến. Từ những năm 20 của thế kỉ trước, ông thường xuyên có mặt trên nhiều tờ báo ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam, như *An Nam tạp chí, Thần chung, Thực nghiệp, Đông phương, Công dân, Tương lai, Việt sử, Thời vụ, Đông Pháp, Con Ong, Hải Phòng tuần báo*... Là nhà văn, ông có nhiều tác phẩm hiện thực phê phán nổi tiếng, như *Tắt đèn, Việc làng, Lều chõng*... Ông còn dịch thơ Đường, biên soạn sách nghiên cứu về Nho giáo, Lão Tử, Mạc Tử,... Sự nghiệp văn học, báo chí của ông rất phong phú. Về dịch thuật, bản dịch *Đường Thi* (1940) và *Hoàng Lê nhất thống chí* (1942) là những công trình có nhiều giá trị. Từ trước Cách

mạng tháng Tám, ông đã tham gia Hội Văn hoá Cứu quốc và trong Kháng chiến chống Pháp, ông lên Chiến khu Việt Bắc, viết cho báo *Cứu quốc*, báo *Thông tin* Khu X, tạp chí *Văn nghệ* và phụ trách văn nghệ Liên khu I.

8. Doãn Kế Thiện (1894-1965)

Biệt hiệu Sở Bảo và còn có bút danh Sơn Vân, một nhà báo kì cựu của Hà Nội. Quê xã Phú Mỹ, huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây. Thuở nhỏ ông học chữ Nho, nhưng không thi cử. Ông chuyên viết báo và nghiên cứu văn học, sử học. Ông viết cho các báo: *Trung Bắc tân văn*, *Mới*, *Tiểu thuyết thứ bảy*, *Trung Bắc chủ nhật*, *Thực nghiệp*, *Khai hoá* là các báo ở Hà Nội và cộng tác với báo *Công luận* ở Sài Gòn. Năm 1939, ông sáng lập tờ *Thanh nghị* ở Hà Nội, nhưng chỉ được một hai số rồi gặp khó khăn phải nhường lại cho nhóm của ông Vũ Đình Hoè... Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Mặt trận Liên Việt, sau Ngày giải phóng Thủ đô, ông làm chủ tịch Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội.

Doãn Kế Thiện chuyên viết về truyền thống của Hà Nội, như các tác phẩm: *Hà Nội cũ* (in lần đầu năm 1943 và tái bản năm 1994), *Danh nhân Việt Nam* (1943), *Thăng Long lược sử* (1943) đã chuẩn bị xuất bản, nhưng bị Ti Kiểm duyệt của thực dân Pháp xoá hết và tịch thu bản chính, đến đầu năm 1959 mới in một phần dưới tiêu đề *Cổ tích và Thắng cảnh Hà Nội*, rồi năm 2004, nhân dịp Kỉ niệm 50 năm giải phóng Thủ đô, đã xuất bản lại tập sách này, coi như "một tác phẩm tiêu biểu về Hà Nội". Ông mất tại Hà Nội năm 1965 sau hàng chục năm làm chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Hà Nội.

9. Hoàng Tích Chu (1897-1933)

Ông sinh trong một gia đình quan lại ở làng Phù Lưu, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Thuở nhỏ học chữ Hán, chuyển sang học Pháp, Việt ở Hà Nội. Năm 1921 giúp việc tạp chí *Nam Phương*, tháng 7 năm ấy báo *Khai hoá* của Bạch Thái Bưởi ra đời, ông được giao làm chủ bút với bút danh Kế Thương. 1923 ông và bạn là Đỗ Văn tìm đường sang Pháp du học. Hoàng Tích Chu học nghề làm báo, đỗ Văn học nghề in. Họ dự định về nước sẽ ra một tờ báo riêng. Về nước, hai người tham gia tờ *Hà Thành ngọ báo* năm 1927 và bắt tay áp dụng kiến thức đã học. Hoàng Tích Chu làm biên tập đã mở ra lối viết báo mới gọn gàng, sáng sủa, giàu lượng thông tin khác hẳn lối viết giảng giải luân lí, triết học là thế và văn biền ngẫu đầy điển tích khó hiểu trên các báo lúc ấy. Việc trình bày báo cũng cách tân, đưa tin tức lên trang đầu, tít chữ đậm, chạy dài nhiều cột. Bài xã luận ngắn gọn, sắc bén, hàm súc. Nhưng bạn đọc chưa quen cái mới, báo bị phê phán, chủ báo Bùi Xuân Học cho hai người nghỉ việc. Năm 1929, hai người ra báo *Đông Tây* thực hiện ý đồ đổi mới cách làm báo theo phương Tây, báo có nhiều tranh, ảnh minh hoạ, tin tức kịp thời, văn viết trong sáng nên đã nhanh chóng thành tổ báo bán chạy nhất Bắc Kỳ. *Đông Tây* mở nhiều chuyên

mục đề cập đến những vấn đề thiết thực với đời sống dân chúng nên đến 1932 bị thu hồi giấy phép. Hoàng Tích Chu đem sự cách tân ấy sang tờ *Thời báo* được tái bản nhưng cũng chỉ ra được 20 số. Ông được coi là một trong những người cách tân mạnh mẽ báo chí đầu tiên ở nước ta. Ông bị ốm và mất vào 30 tết Quý Dậu 1933 khi mới 37 tuổi.

10. Nguyễn Tường Phượng (1899-1974)

Hiệu Tiên Đàm, sinh trưởng trong một gia đình khoa bảng, dòng dõi họ Nguyễn làng Nội Duệ Đông, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Năm 1911, ông lên Hà Nội sau khi đã trở thành môn sinh học chữ Hán cụ Nguyễn Quyền, rồi quay sang học tiếng Pháp, đỗ tú tài bản xứ năm 1929, làm tri huyện Thạch Thành (Thanh Hoá) rồi từ chức trở lại Hà Nội. Với lòng từ tâm, ông làm hội trưởng Hội Hợp thiện. Năm 1941, ông cùng các bạn là Nguyễn Văn Tố, Dương Tự Quán, Hoàng Thúc Trâm... thành lập tạp chí *Tri tân* và đã đóng góp không nhỏ vào công trình khảo cứu các giai đoạn lịch sử văn học, sử học nước nhà. Khi Cách mạng tháng Tám thành công, ông đã dành cả sự nghiệp đời mình phụng sự cách mạng. Cuối năm 1945, các nhà báo ở Hà Nội thay mặt báo giới cả nước, trong và ngoài Mặt trận Việt Minh, họp tại trụ sở Văn hoá cứu quốc (phố Hàng Trống), lập ra Đoàn Báo chí Việt Nam, tổ chức tiền thân của Hội Nhà báo Việt Nam hiện nay. Nhà báo lão thành Nguyễn Tường Phượng được cử giữ chức chủ tịch. Cuối năm 1946, ông tham gia kháng chiến và hoạt động ở Thái Bình với cương vị phó chủ tịch Hội Văn hoá Kháng chiến Liên khu III, đồng thời giữ chức chủ nhiệm tạp chí *Sóng mới*, cơ quan của hội. Năm 1954, giải phóng Thủ đô, ông trở về Hà Nội, tiếp tục công việc giảng dạy văn học tại hai trường Chu Văn An và Trưng Vương, truyền đạt cho học trò một phương pháp nghiên cứu đúng đắn về cội nguồn dân tộc. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó có hai tập *Địa chí văn hoá Thủ đô* và *Địa chí văn hoá vùng Kinh Bắc*.

Ông mất ngày 2.3.1974 tại Hà Nội.

11. Trần Huy Liệu (1901-1969)

Nhà hoạt động cách mạng, nhà báo, nhà văn, nhà sử học, nhà thơ yêu nước, người làng Văn Cát, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Ông viết báo từ khi 17 tuổi, với nhiều bút danh Đẩu Nam, Nam Kiều, Côi Vị, Hải Khách, Ẩm Hận, Kiếm Bút... Từ năm 1929, viết báo *Nông Cổ Mín Đàm*, chủ bút *Đông Pháp thời báo* (1925), sáng lập "Cường học thư xã" (1928), gia nhập Việt Nam Quốc dân đảng, bị bắt đày ra Côn Đảo 5 năm. Năm 1936 vào Đảng Cộng sản, chủ bút báo *Tin tức*, tổ chức và biên tập các báo công khai của Đảng. Năm 1939, lại bị bắt đày đi Sơn La, Bá Vân, Nghĩa Lộ. Năm 1945, vượt ngục về làm báo *Cứu quốc* bí mật. Tại Đại hội Quốc dân Tân Trào, ông được cử làm phó chủ tịch Uỷ ban Dân tộc giải phóng. Cách mạng tháng Tám thành

công, ông thay mặt Chính phủ lâm thời nhận ấn kiếm của Bảo Đại ở Huế, rồi làm bộ trưởng Bộ Tuyên truyền, cục trưởng Cục Chính trị trong Quân uỷ hội, chủ tịch Hội Văn hoá cứu quốc, đại biểu Quốc hội khoá I, viện trưởng Viện Sử học, phó chủ nhiệm Uỷ ban Khoa học Nhà nước. Ông còn là nhà thơ, nhà văn và đã viết nhiều công trình nghiên cứu lịch sử cổ cận hiện đại và được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh. Ông mất tại Hà Nội ngày 28.7.1969.

12. Tam Lang (1901-1983)

Tên thật là Vũ Đình Chí, quê quán Bắc Ninh. Ông học ở Hà Nội và viết cho nhiều báo ở Hà Nội từ lúc còn trẻ nhưng báo ông tham gia như *Trung Bắc tân văn*, *Hà Thành ngọ báo*, *Nhật tân*...

Ông là người đầu tiên viết phóng sự trên báo chí ở Hà Nội, chịu khó đi thực tế để viết được chính xác. Năm 1932, ông trực tiếp đi kéo xe để hoàn thành thêm phóng sự nhiều kì trên báo "Tôi kéo xe". Chính trên những sự này ông đã đưa ra một ý tưởng thay thế xe tay người kéo bằng thứ xe ba bánh do người đạp để chở khách mà sau này gọi là "xích lô".

Phóng sự "*Đêm sông hương*" của ông cũng được người đọc hâm mộ. Ông còn là cây bút viết tiểu phẩm châm biến đặc sắc, sau tập hợp in trong "*Lọng cụt cán*" (1939), "*Người ngựa*" (1940).

Trong Kháng chiến chống Pháp, ông viết báo ở nội thành và chấn hưng nghệ thuật chèo cổ.

Năm 1954 ông vào Nam, những tác phẩm của giai đoạn sau không có gì nổi trội. Ông mất ở Miền Nam năm 1983.

13. Phùng Bảo Thạch (1902-1974)

Quê ở Mỹ Hào, Hưng Yên. Cùng với Tản Đà, Hoàng Tích Chu, Vũ Bằng, Tam Lang, Đỗ Văn..., Phùng Bảo Thạch được xếp vào hàng các nhà báo lớn đương thời. Vũ Bằng đã từng tâm sự là mình bắt đầu ham viết kể từ ngày Phùng Bảo Thạch làm tờ *Ngọ báo* của Bùi Xuân Học, tức là vào cuối thập kỉ 20 của thế kỉ trước.

Ngay hồi ông học ở Trường Bưởi, một cô giáo dạy văn học người Pháp hỏi: "Sau này, em sẽ làm gì?" Cậu học trò họ Phùng trả lời ngay: "Em sẽ viết báo, nghề báo là nghề tự do".

Những tờ *Trung Bắc tân văn*, *Khai hoá* trong những năm 20 ấy, có ảnh hưởng rất lớn đến hứng thú làm báo của ông. Từ năm 1922 đến Cách mạng tháng Tám 1945, ông viết trên khoảng 20 tờ báo, đều có xu hướng tiến bộ, bênh vực quyền lợi dân tộc, phê phán chế độ quan lại thối nát và lên án bọn thực dân cai trị Pháp. Do đó, ông thường bị Sở Kiểm duyệt cắt bài, Sở Mật thám canh chừng, đe doạ. Ông bị bắt giam bốn tháng ở Vinh (1939), bị đi "căng" hai năm ở Hoà Bình (1940-1941).

Từ năm 1945, ông tham gia cách mạng rồi đi kháng chiến. Năm 1947 ở Liên khu X, viết báo *Vệ quốc quân* rồi dạy học ở Yên Bái đến khi hoà bình lập lại. Ông về báo *Nhân dân* trong hai năm 1955-1956. Đầu năm 1957, sang phụ trách báo *Hà Nội hằng ngày*. Cuối năm 1958 báo này hợp nhất với báo *Thủ đô* thành báo *Thủ đô Hà Nội*, ông giữ chức phó chủ nhiệm (một uỷ viên Thường vụ Thành uỷ làm chủ nhiệm trên danh nghĩa). Đến năm 1968, báo này lại hợp nhất với báo *Thời mới* thành *Hà Nội mới* hiện nay. Ông vẫn làm phó chủ nhiệm, đồng thời là phó chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam (Xuân Thuỷ là chủ tịch). Năm 1974, ông mất vì tai nạn giao thông. Ngoài nghề báo là chính, ông còn viết tiểu thuyết tự truyện, hồi kí.

14. Hiển Nhân (1908-1999)

Tên chính là Đỗ Trọng Quỳnh, quê ở thị xã Bắc Ninh. Năm 25 tuổi đã tham gia viết báo *Đông Pháp*, làm thông tin viên ở Bắc Ninh, rồi về Hà Nội làm phóng viên lưu động, phụ trách trang Phụ nữ - Thể thao. Nhật đảo chính Pháp (3 - 1945) báo đổi tên là *Đông phát* ông làm thường trực Ban biên tập. Cách mạng tháng Tám thành công, báo mang tên mới *Dân thanh*, ông là một cây bút chủ lực trong toà soạn. Sau một thời gian làm trưởng phòng Thông tin Kinh Bắc trong kháng chiến, ông về Hà Nội tạm chiếm làm cho báo *Ngày mới* giữ mục "Tiếng vang" phê phán các hiện tượng đàn áp dân lành, bóc lột thợ thuyền, tố cáo các bè phái chính trị lũng đoạn, tham nhũng. Năm 1949 ông làm thư kí toà soạn cho báo *Tia sáng*, tờ nhật báo lớn nhất Hà Nội ngày ấy. Có tinh thần yêu nước và được cán bộ bí mật bắt mối, ông cho đăng nhiều bài báo phản ánh xã hội thối nát trong vùng Pháp - Nguỵ nắm giữ. Hiệp định Giơnevơ được kí, báo *Tia sáng* đình bản, chủ báo định chuyển nhà in đi Nam, ông cùng anh em toà soạn và công nhân đấu tranh giữ lại, rồi liên lạc với kháng chiến, chuyển bị mọi điều kiện để ra báo *Thời mới* số đầu tiên đúng Ngày giải phóng Thủ đô 10.10.1954. Sau 14 năm tích cực ra báo mà ông làm chủ nhiệm kiêm chủ bút, năm 1968, tờ *Thời mới* sáp nhập vào tờ *Thủ đô Hà Nội* thành báo *Hà Nội mới*, cơ quan của Thành uỷ Hà Nội. Ông sang làm ở cơ quan Mặt trận Tổ quốc thành phố, rồi về nghỉ hưu năm 1970. Ông là một nhà báo hoạt động trong vùng địch chiếm nổi tiếng của Hà Nội. Ông mất ngày 18.7.1999, thọ 92 tuổi.

15. Xuân Thuỷ (1912-1985)

Xuân Thuỷ là tên gọi chính thức. Nguyễn Trọng Nhâm là tên gọi trước khi hoạt động cách mạng. Sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho yêu nước, tại xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Ông giác ngộ cộng sản, hoạt động cách mạng từ những năm đầu thập kỉ 30 thế kỉ XX. Những bài báo đầu tiên của ông đăng trên tờ *Trung Bắc tân văn*. Năm 1938, ông bị đế quốc Pháp bắt và đã trải qua các nhà giam Hoả Lò (Hà Nội), rồi Sơn La và Hà Giang. Khi bị giam ở nhà tù Sơn La (1941), Xuân

Thuỷ được kết nạp vào Đảng Cộng sản và làm chủ bút tờ báo *Suối Reo*, tờ báo bí mật của tù nhân chính trị. Năm 1944 ra tù, Xuân Thuỷ tiếp tục hoạt động cách mạng, và được Đảng cử phụ trách báo *Cứu quốc* bí mật, cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, rồi làm chủ nhiệm báo *Cứu quốc* suốt từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến khi nước nhà thống nhất, độc lập trên cả hai miền Nam Bắc, sau khi báo này hợp nhất với báo *Thống nhất* và *Giải phóng*, thành tờ *Đại Đoàn Kết*, cơ quan của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay. Ông còn là nhà thơ, nhà ngoại giao và giữ nhiều trọng trách trong Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội và Mặt trận, từng làm trưởng đoàn đàm phán của Chính phủ tại Hội nghị Pari về Việt Nam (1986-1973). Ông là chủ tịch đầu tiên của Hội Nhà báo Việt Nam (khoá I và khoá II). Ông mất ngày 18.6.1985 tại Hà Nội.

16. Hải Lý (1912-1985)

Tên chính là Thái Bá Cơ, sinh tại làng Thịnh Yên (nay là phố Huế) Hà Nội. Ông vào nghề báo từ tháng 3.1946, làm phóng viên báo *Cứu quốc*. Ông tham gia kháng chiến và viết bài phản ánh cuộc chiến đấu của Liên khu I. Trong Kháng chiến chống Pháp ông là phóng viên báo *Cứu quốc Liên khu III*, rồi lên báo *Cứu quốc Trung ương* ở chiến khu Việt Bắc do ông Xuân Thuỷ làm chủ nhiệm, Nguyễn Thành Lê chủ bút, ông làm thư kí toà soạn.

Hoà bình lập lại, ông theo báo *Cứu quốc* về Hà Nội. Giữa năm 1957, Thành uỷ quyết định ra tờ *Thủ đô*, cơ quan ngôn luận của đảng bộ thành phố, nên đã điều ông về xây dựng toà báo để báo ra mắt đúng vào tháng 10.1957. Ông Đinh Nho Khôi làm tổng biên tập, ông phụ trách khối kinh tế, chuyên lo mảng công thương nghiệp. Ông còn là người đầu tiên được giao giữ chuyên mục "mỗi ngày một chuyện", được bạn đọc hoan nghênh. Sau đó, năm 1966, ông sang phụ trách *Báo ảnh Việt Nam*, rồi làm giám đốc Khu triển lãm Trung ương ở Vân Hồ cho đến năm 1975. Ông mất năm 1985 tại Hà Nội.

17. Vũ Bằng (1913-1984)

Tên thật là Vũ Đăng Bằng (có tài liệu viết ông sinh năm 1914). Quê gốc ở làng Lương Ngọc, tỉnh Hải Dương, sinh tại phố Hàng Gai, Hà Nội, trong một gia đình mở hiệu sách và nhà in. Bước chân vào nghề báo từ năm 1930, với tờ *Đông Tây*. Năm đó Vũ Bằng đang học tại Trường Trung học Anbe Xarô (Albert Sarraut). Một năm sau vừa 17 tuổi, ông đã xuất bản tác phẩm đầu tay là *Lọ văn*, gây được tiếng vang lớn. Tiếp đó, cho đến trước năm 1945, ông tham gia các báo *An Nam tạp chí*, *Trung Bắc tân văn*, *Công dân*, *Ích Hữu*, *Trung Bắc chủ nhật*, làm thư kí toà soạn *Tiểu thuyết thứ bảy*... Thời ấy, ở Hà Nội, người ta thường nói đến bộ ba họ Vũ: Vũ Bằng, Vũ Đình Chí (Tam Lang), Vũ Trọng Phụng. Đầu thời kì Kháng chiến chống Pháp, ông làm

báo và viết văn ở Khu III. Năm 1952, ông nhận nhiệm vụ đặc biệt trong nội thành Hà Nội tạm bị chiếm; đến năm 1954 ông lại tiếp tục làm nhiệm vụ bí mật tại Miền Nam kháng chiến. Hồi đó, ngoài những tác phẩm nổi tiếng: *Bốn mươi năm nói láo, Miếng ngon Hà Nội, Thương nhớ mười hai*..., ông còn viết báo rất nhiều. Cho đến sau Ngày giải phóng Miền Nam, ông vẫn sống ở Sài Gòn và qua đời ngày 8.4.1984. Mấy năm gần đây, các bạn đồng đội chính thức xác nhận ông là một cán bộ của ta bí mật hoạt động hơn hai chục năm từ thời chống Pháp đến thời chống Mỹ xâm lược. Các tác phẩm của ông đang được lần lượt tái bản.

PHẦN II

IN - XUẤT BẢN - PHÁT HÀNH SÁCH - THƯ VIỆN

CHƯƠNG I
NGHỀ IN XƯA VÀ NAY

I. NGHỀ IN MỘC BẢN THỜI CỔ VÀ SÁCH HÁN - NÔM

Nói đến xuất bản là phải nói đến nghề làm giấy và nghề in.

Theo sử sách còn ghi chép lại cho biết thì từ khi nước ta bị nhà Đường (Trung Quốc, thế kỉ VIII) đô hộ, nghề giấy Lĩnh Nam đã nổi tiếng với loại giấy mật hương và giấy trắc lí. Giấy mật hương làm bằng vỏ và lá cây trầm hương, màu trắng có vân hoa mắt cá, bền dai, ẩm không mục, lại có mùi thơm. Năm 284, nhà buôn La Mã đến đất nước ta đã mua ba vạn tờ giấy này để dâng vua Tấn Võ Đế. Giấy trắc lí làm bằng rong biển. Những nguyên liệu này khá đắt tiền, nên sau đó, người ta đã biết tìm những loại vỏ cây khác để tạo bột giấy như vỏ cây niết, vỏ cây dó. Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, vào thế kỉ XV, ở phường Yên Thái của Thăng Long nghề làm các loại giấy đã có nền nếp rồi. Lại có làng Giấy ở ven Sông Tô về phía cầu Tây Dương bắc qua sông, làng Nghè làm giấy sắc cho triều đình (nay thuộc quận Cầu Giấy - Hà Nội).

Giấy đã trở thành vật phẩm quý đem cống tiến các chúa tể phương Bắc, những khi nước nhà lâm vào thế "cá lớn nuốt cá bé".

Còn nghề in ít ra cũng đã xuất hiện từ thế kỉ XI-XII. Theo *Thiền Uyển tập anh* (chuyện các vị cao tăng thời nước ta thuộc nhà Đường đến đời Trần) tổ tiên mấy đời trước của nhà sư Tín Học (mất năm 1190) đã làm nghề khắc ván in và in kinh cho các chùa. Trong cuốn *Thiền Tông chỉ nam* của Trần Thái Tông (1218-1277) ở lời tựa do chính ông viết cho hay, sau khi sách viết xong sẽ được in ngay, đồng thời cho mời quốc sư Trúc Lâm đại sa môn Phù Vân về kinh trông nom việc in kinh Phật. Năm 1295, nhà Trần cho in kinh *Đại Tạng*, bộ kinh lớn gồm 2565 quyển, và năm 1299 lại cho in cuốn *Phật giáo pháp sự đạo tràng công văn cách thức* để ban hành cho chùa chiền khắp trong nước.

Như vậy, cũng như một số nước phương Đông, nghề in trước hết là để phục vụ Phật giáo. Lê Quý Đôn trong *Kiến văn tiểu lục* có trích một câu trong lời tựa cuốn *Trích diễm thi tập* do Hoàng Đức Lương biên soạn như sau: *Sách vở về đời Lý, Trần phần nhiều chỉ thấy công việc nhà chùa là được lưu hành, đâu phải vì lòng tôn sùng*

Nho học không sâu sắc bằng tôn sùng Phật học, mà chỉ vì nhà chùa không ngăn cấm, cho nên sách được khắc vào ván để truyền mãi lại cho đời sau, còn như thơ văn, nếu chưa được lệnh vua chúa, không dám khắc lưu hành[1].

Năm 1395, đời Trần Thuận Tông, Hồ Quý Ly đã cho in tiền giấy "Thông báo hội sao" - tiền giấy đầu tiên ở nước ta - với bảy loại:

Giấy 10 đồng có hình rêu biển.

Giấy 30 đồng vẽ sóng nước.

Giấy 1 tiền vẽ mây.

Giây 2 tiền có hình con rùa.

Giấy 3 tiền hình lân.

Giấy 5 tiền hình phượng.

Còn giấy một quan vẽ rồng.

Năm 1435, Lê Thái Tông, cho khắc in *Tứ thư đại toàn*. Vậy mà sách *Hải Dương phong vật chí* chép: ông Lương Như Hộc người làng Hồng Liễu, thị lang Bộ Lễ nhà Lê, từng hai lần đi sứ nhà Minh, đã học được nghề in bản khắc làm tổ sư nghề khắc in ở nước ta, là chưa thật chính xác.

Công lao của Lương Như Hộc và dân hai làng Liễu (Hồng Liễu và Liễu Tràng) là ở chỗ nâng cao kĩ thuật và phổ biến nghề in thủ công, đưa ngành ấn loát - xuất bản tiến lên một bước mới.

Tuy nhiên cũng chỉ trong phạm vi Kinh Phật, in các sách của vua chúa, luật pháp của triều đình, còn tư nhân không được phép khắc ván in sách.

Vào thế kỉ XVII-XVIII, văn Nôm phát triển, nhiều truyện Nôm ra đời, nghề in ván phổ biến đã cho in những cuốn *Phan Trần, Nhị Độ Mai, Trê Cóc, Phạm Công Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, Lục súc tranh công*, nhưng tác giả không dám đề tên sợ bị truy tội, cho nên những truyện Nôm này đều thành "khuyết danh". Ngay từ cuối thế kỉ XVII, chúa Trịnh Tạc (1657-1682) đã ban hành 47 điều giáo hoá, trong đó có Điều 35 ghi rõ:

Lâu nay, những người hiếu sự hay bày đặt ra những chuyện bằng Nôm, không phân biệt nên xem hay không, cứ đem khắc in mà bán lấy lời. Việc đó cần phải nghiêm cấm. Từ nay về sau, nhà nào có tàng trữ các sách ấy hay có bản in thì phải giao cho quan sở tại xem xét và huỷ đi.

Muốn in một cuốn sách, trước hết phải chọn người có "thư pháp", viết chữ đẹp, viết đúng theo khổ sách định in, theo từng cột, mỗi cột 18 đến 22 chữ, mỗi trang có 9-10 cột (còn gọi là dòng). Thường là viết kiểu chữ "chân" (còn gọi là "khải") rõ ràng, đúng từng nét. Mỗi bản viết hai trang.

Gỗ khắc ván in phải là gỗ thị hoặc lòng mực, vì nhỏ thớ, bào nhẵn, đánh mịn cả

---

1. *Kiến văn tiểu lục. Lê Quý Đôn toàn tập*, tập 2.Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội 1977, tr.206.

hai mặt, cắt vừa bằng khổ sách. Dán chặt lộn trái bản viết lên mặt gỗ, miết cơm cho giấy mỏng đi, nhìn rõ các nét nhỏ nhất, rồi dùng các loại dao to, nhỏ mũi nhọn khắc vát chân cho chữ bám chắc. Mỗi mặt gỗ khắc được hai trang, một bản khắc được bốn trang sách.

Giấy in là giấy bản, giấy dó, giấy lệnh hội, tuỳ loại sách quý hay sách phổ thông mà chọn. Khổ giấy thông thường 64 x 22cm. In sách khổ lớn, tờ dọc hai, khổ nhỏ, tờ dọc ba. Chữ in một mặt, sau gập đôi lại để mặt in ra ngoài.

Khi in, đặt bản khắc gỗ lên đệm rơm cho khỏi sây sát mặt dưới, dùng chổi con quét nhẹ một lớp mực đen lên bản khắc, đặt giấy lên, lấy xơ mướp xoa xoa đều để không sót chữ nào; xong, bóc tờ giấy đã in ra, xếp lại.

Đến thợ đóng sách gấp đôi từng tờ, đặt lần lượt thứ tự theo trang, từ phải sang trái, để "lá nhãn" tức là tờ đầu đề của sách lên trên cùng; dùng giấy bồi dày, phất cậy hoặc sơn ta cho bền làm bìa, đóng dài ở mép sách bên phải bằng dây đàn, tơ xe hoặc giấy dó xe săn lại. Công thức in này thường quen gọi là "mộc bản". In xong, các bản khắc được xếp thứ tự lưu giữ để in lại nhiều lần sau; nơi cất giữ bản khắc được gọi là "tàng bản". Sách kinh, sách thuốc tàng bản ở các chùa: Hồng Phúc (Hoè Nhai), Liên Phái (Bạch Mai), Chùa Trại (Xiển Pháp - Cát Linh), đền Ngọc Sơn (Hồ Gươm), đền Phù Ủng và Lý Quốc Sư (thôn Báo Thiên xưa, nay là phố Lý Quốc Sư), đình Vũ Thạch (Bà Triệu).

Trong khu nhà Thái Học ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám, từ đời Lê đã có kho bí thư 4 gian để chứa ván khắc in sách.

Đến cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, phố Hàng Gai tập trung các nhà in sách mộc bản, có bản khắc của một hiệu tàng bản, có bản khắc chung cho cả phường đề *Hàng Gai tàng bản*. Nhiều nhà xuất bản ở Hàng Gai phải đem bản khắc gửi ở các đền, chùa, bởi vì có bộ sách như *Y tông tâm lĩnh* của Hải Thượng Lãn Ông để kín cả một gian nhà.

Về danh mục sách chữ Hán cổ đã in chưa có bản kê cứu chính xác, một phần do bị bọn xâm lược cướp đem về Kim Lăng năm 1406. Kinh thành Thăng Long nhiều lần bị quân Nguyên Mông, quân Minh, quân Thanh chiếm đóng, đã huỷ hoại sách chép tay, sách in, bản khắc gỗ. Tại thư viện ở Paris (Pháp) có khá nhiều sách chữ Hán của Việt Nam, trong đó có cả những bản rất quý hiếm mà trong nước không có lưu giữ.

Tuy vậy, cũng tạm có thể lập một thư tịch sách chữ Hán đã in chưa đầy đủ như sau:

- *Trị bình bảo phạm*, sách pháp luật in năm 1512 đời Lê Tương Dực.
- *Lam Sơn thực lục* (3 quyển) in năm Vĩnh Trị thứ nhất (1676).
- *Bảo sinh diên thọ toản yếu* (5 quyển) sách y học do Đào Công Chính soạn, chúa Trịnh Căn đề tựa, in năm 1676.
- *Đại Việt sử ký toàn thư* (24 quyển) khắc ván in năm 1697 - niên hiệu Chính Hoà

thứ 18 - theo lệnh của chúa Trịnh Căn. Đây là bộ sử đồ sộ nhất của nước ta, ban đầu do Ngô Sĩ Liên biên soạn theo lệnh của vua Lê Thánh Tông, hoàn thành năm Hồng Đức thứ 10 (1479), sau đó các sứ thần của các triều vua sau này viết tiếp như: Vũ Quỳnh, Lê Tung, Phạm Công Trứ và Lê Hy là người cuối cùng hoàn thành vào cuối thế kỉ XVII.

Sách in rất đẹp, chữ đều, rõ nét. Có bốn người chuyên viết chữ là Cao Đăng Triều, Đỗ Cộng Liêm, Đắc Hữu Phỉ, Nguyễn Hữu Đức và 6 người khác trông nom ấn loát đều được ghi trong lời tựa sách. Bản khắc do thợ hai làng Liễu thực hiện. Đây là một trong những bộ sách mang niên hiệu Chính Hoà (1680-1705) chứng tỏ sự tiến bộ của nghề in thủ công bằng mộc bản ở nước ta.

- *Nam dược thần hiệu*, bộ sách thuốc của Tuệ Tĩnh, gồm 11 quyển, ghi 580 vị thuốc nam, 10 khoa chữa bệnh, 3.873 phương thuốc trị chữa 184 loại bệnh. Bộ sách viết trong khoảng 20 năm. Sách được dâng lên chúa Trịnh Cương, thấy là sách quý, chúa lệnh cho khắc in và ban tên sách là "Hồng Nghĩa giác tu y thư" (sách thuốc của danh y ở Hồng Nghĩa).

Bản khắc lần đầu năm Vĩnh Thịnh 13 (1714) do sai nhiều chữ, Trịnh Cương sai khắc in lại năm 1725, lần này do Lê Đức Toàn, pháp hiệu Pháp Thạnh ở chùa Hồng Phúc (phường Hoè Nhai) viết chữ. Tàng bản tại chùa này, về sau sách còn được khắc in lại vào các năm 1879, 1885.

- *Thiền tuyển tập anh ngự lục* in năm 1715.

- *Đăng khoa lục*, 3 quyển, Nguyễn Hoán biên chép, khắc in đời Cảnh Hưng (1740-1786).

- *Lịch khoa tứ lục*, ghi lại những bài văn thi từ năm 1694 đến năm 1779 khắc in năm Cảnh Hưng thứ 40 (1779).

- *Việt âm thi tập*, Phan Phu Tiên biên soạn, in năm 1779.

- *Đại Việt sử ký tiền biên* 17 quyển, 8 quyển đầu khắc in từ năm 1798 đến năm 1800 đời Tây Sơn. Sử quán vâng mệnh biên định, ván khắc lưu tại Bắc Thành học đường.

- *Truyền kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm in năm 1811, Lạc Thiện Đường tàng bản.

- *Kim Vân Kiều* tân truyện của Nguyễn Du, Phạm Quý Thích đề từ, khắc ván in ở Hàng Gai khoảng năm 1825, đây là bản Kiều sớm nhất được xuất bản theo nguyên bản được gọi là bản "phường". Sau đó, năm 1871, vua Tự Đức sửa chữa Kiều và cho khắc in, bản này sai nhiều so với nguyên tác, được gọi là bản "kinh". Cuối thế kỉ XIX và đầu thế kỉ XX, *Kim Vân Kiều* còn được khắc in rất nhiều lần ở các nhà in phường Hàng Gai như Liễu Văn Đường (1871 và 1882), Quan Văn Đường (1879 và 1906) bản in năm Bính Ngọ (1906 này là bản in Kiều đẹp nhất trong các bản in ván khắc, Phúc Văn Đường (1918), Thịnh Mỹ Đường (1902)...

- *Khoá hư lục giải âm* của Trần Thái Tông (1225-1258) 3 quyển, do Trương lão hiệp sơn môn san khắc từ năm 1840 đến năm 1861, Văn Đường viết chữ, tàng bản

tại chùa Liên Phái (Bạch Mai) và chùa Bồ Sơn (Tiên Du - Bắc Ninh) (Sách này, sau Thiền Chửu cư sĩ dịch Nôm, in năm 1932, đến năm 1939 Bắc Kỳ Phật giáo - Tổng hội dịch Quốc ngữ in và phát hành). Hội Hướng thiện đền Ngọc Sơn cũng cho khắc in cùng với kinh Kim Cương và kinh Di Đà từ năm 1850 đến năm 1863.

- *Bác vật tân biên* có lẽ là cuốn sách khoa học đầu tiên được in, của Phạm Phú Thứ vào khoảng năm 1850.

- *Hương thí văn tuyển*, tập văn chọn lọc của cử nhân đỗ khoa Ất Mão (1855) do Liễu Văn Đường khắc in.

- *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* của Lê Hữu Trác, viết trong gần 40 năm, hoàn thành năm 1770, được khắc in xong toàn bộ 66 quyển vào năm Bính Dần (1866), đời Tự Đức. Đây là bộ *Bách khoa thư y học* của nước ta. Năm 1879, nhà sư Thanh Cao khắc in lại, sau 6 năm mới hoàn thành.

- *Ức Trai tập*, 7 quyển, Phúc Khê tàng bản, in năm 1868.

- *Đại Nam quốc sử diễn ca* của Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái được Đặng Huy Trứ cho khắc in năm 1870, Trí Trung Đường tàng bản, đến năm 1881 khắc lại, sau đến nhà Quảng Thịnh Đường (Hàng Gai) cũng khắc in.

- *Ngọc Kiều Lê* của Lý Văn Phức in năm 1888.

- *Đại Tạng kinh tổng mục* in năm 1893.

- *Tang thương ngẫu lục* của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án.

- *Phương Đình dư địa chí* của Nguyễn Siêu, đều in thời Nguyễn.

Từ những năm cuối thế kỉ XIX đến những năm đầu thế kỉ XX, phố Hàng Gai hình thành một phường chuyên khắc in và bán sách chữ Hán - Nôm. Có hàng chục nhà, phần lớn đều có chữ Đường và chữ Văn: *Liễu Văn Đường, Quan Văn Đường, Phú Văn Đường, Quảng Thịnh Đường, Quảng Văn Đường, Phúc Khê Đường, Tụ Văn Đường;* nhà *Quan Văn Đường, Quảng Thịnh Đường* là con cụ cử Trần Bình, hiệu sách lớn và in sách đẹp nhất phường Hàng Gai.

Sách khắc in phần lớn là truyện cổ, truyện Nôm khuyết danh, truyện dân gian như: *Phạm Công - Cúc Hoa, Trê Cóc, Lý Công, Phương Hoa, Phạm Tải - Ngọc Hoa, Nguyễn Trãi gia huấn ca, Phan Trần, Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm, Tấm Cám, Thạch Sanh, Hoa Tiên, Nhị độ mai, Lưu Bình - Dương Lễ, Quốc phong thi tập, Nam quốc phương ngôn tục ngữ, Bần nữ thán, Ca trù, Thơ Xuân Hương*... và nhiều nhất là *Kiều* (*Kim Vân Kiều truyện, Đoạn trường tân thanh, Vương Thuý Kiều*), rồi đến các sách liên quan đến Truyện Kiều: *Kiều án, Kiều tự, Kiều thơ*,... ngoài ra còn các sách học chữ Nho: *Tam tự kinh, Tứ tự kinh, Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Kinh thư, Kinh dịch*, sách *Thọ mai gia lễ*, sách *Vạn sự*,... năm 1906-1907 in một số sách của Đông Kinh nghĩa thục: *Việt sử tân ước, Nam quốc địa dư, Văn minh tân học sách, Quốc dân độc bản, Nam quốc sử lược*,... và lại bắt đầu có sách in kèm chữ Quốc ngữ cũng khắc liền với ván. Người Hồng Liễu và Liễu Tràng lên khắc ván tại chỗ hoặc nhận đưa về làng khắc rồi đem trả. Người Phù Ủng in và bán sách. Họ thường

trú ngụ ở Hàng Gai, Lý Quốc Sư, Tô Tịch, ở nhờ các đền Ngọc Sơn, Phù Ủng, các đình Cổ Vũ, Vũ Thạch... Bản khắc xong, in thử phải nhờ các ông đồ hay chữ soát lại, chữ nào sai phải đục đi, chêm gỗ vào khắc lại. Sách của Quan Văn Đường có tiếng là in ít lỗi nhất.

Việc phát hành sách, bán rong, bán ở các chợ là do người làng Phú Đôi, huyện Phú Xuyên đảm nhiệm. Sau mùa gặt hái, họ từng tốp kéo nhau ra Hàng Gai buôn sách đem đi bán hoặc đổi lấy giấy lộn đã viết. Người ta quen gọi họ là "Phường Đổi". Phương thức đổi sách là thường thì giấy lộn xếp cao bằng chiều ngang sách; sách quý hiếm phải xếp cao bằng chiều đứng sách. Giấy lộn bán cho làng Cót làm giấy bổi[1].

Bên cạnh phương pháp in mộc bản, năm 1712, cuốn *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ đã được in chữ rời bằng gỗ khắc, ghép lại. Năm 1906, cuốn *Việt sử tân ước* cũng in bằng chữ rời, nhưng sai nhiều do thợ sắp chữ chưa thông thạo chữ nghĩa lắm, nên sau lại dùng bản khắc ván. Ngay gần phường Hàng Gai còn một nghề xuất bản nữa: khắc in tranh của phường Hàng Trống. Họ là người làng tự Tháp ở ven hồ Hoàn Kiếm đứng ra làm. *"Những lán lợp tranh, mặt quay ra đường, không có tường vách gì cả, nghệ nhân làm trên chiếc phản bày đủ các lọ đựng màu bột, màu pha hồ. Tranh bày trong cửa hàng la liệt trên xà ngang đến nền sàn"*[2]. Tranh Hàng Trống chỉ khắc một bản ván màu đen với đủ các nét vẽ. In ra giấy, rồi tô màu lên từng mảng theo lối đậm nhạt khác nhau. Cho nên cùng một bức tranh, mỗi tờ lại có riêng về sắc màu. Đó là sự khác biệt với tranh dân gian làng Hồ, mỗi màu là một bản khác, in chồng lần lượt đè lên nhau.

Cuối thế kỉ XIX, Hà Nội đã có nhà in chạy máy của Pháp, tờ *"Đại Nam đồng văn nhật báo"* ra đời (1893) xuất bản bằng chữ Hán, được in bằng chữ đúc chì của Trung Quốc, sắp chữ thành cột, trang, rồi đưa lên máy in để in.

Kĩ thuật in này dần dần chiếm lĩnh thị trường, sách in mộc bản chỉ còn sống thêm tới những năm 20 của thế kỉ XX, phải nhường bước cho nghề in máy. In mộc bản còn lại ít nào cũng chỉ ở khu vực nhà chùa, in các bản kinh Phật, các văn bản khấn lễ, sớ; và ở phường tranh Hàng Trống mà thôi.

Tuy nhiên, trước khi có kĩ thuật chế bản tranh bằng kẽm, người ta vẫn phải khắc các minh hoạ sách báo bằng ván gỗ. Cho đến những năm 60, vẫn còn những bản khắc tranh gỗ do thợ Liễu Tràng ngụ ở phố Hàng Gai và ngõ Tô Tịch làm, rồi đưa lên chèn vào giữa những trang sách, cột báo sắp chữ chì, để đưa lên máy in.

II. TỪ IN TIPÔ ĐẾN IN LADE

Nghề in máy xuất hiện ở Hà Nội vào năm 1892. Một người Pháp gốc Đức là Snâyđơ (Schneider) xin được một khoảnh đất rộng 40.000m² ở nền chùa Bà Đanh bên

1. Theo Hoàng Đạo Thuý và Nguyễn Văn Uẩn, sđd.
2. Theo Hocquard - Une campagne au Tonkin 1883.

Hồ Tây, đầu làng Thuỵ Khuê mở một nhà in và xí nghiệp làm giấy khá lớn. Ông còn là chủ hiệu sách Snâyđơ ở phố Tràng Tiền. Nhưng xí nghiệp giấy bị thua lỗ, thất bại. Năm 1906, Snâyđơ bán lại cho Chính phủ để xây Trường Bảo hộ (Trường Bưởi - nay là Trường Chu Văn An). Nhà in được dọn về Hàng Gai rồi bán lại cho nhóm Macti (Marty) - Nguyễn Văn Vĩnh. Snâyđơ mua máy in lớn và hiện đại hơn từ Pháp sang và nâng cấp hiệu sách ở 34 phố Tràng Tiền thành hiệu sách, nhà in, Nhà xuất bản Viễn Đông ấn quán (Imprimerie d' Extrême Orient, viết tắt là IDEO) ra đời vào khoảng năm 1930.

Lúc này, số ở 50 phố Tràng Tiền cũng đã có một nhà in, hiệu sách lớn của Pháp: nhà Tôpanh (Taupin). Nhà này có một chi nhánh ở số 5 phố Hàm Long.

Nguyễn Văn Vĩnh cùng Lê Văn Phúc và Bùi Xuân Thành lập Công ti "Phúc Vĩnh Thành", nhà in đặt ở khoảng đất rộng giữa phố Hàng Bông (sau mang các số từ 61 đến 67) in thuê cho báo *Trung Bắc tân văn*, rồi *Hà Thành ngọ báo* và xuất bản sách.

Ít năm sau, Lê Văn Phúc rút ra, mua nhà in của Bạch Thái Bưởi ở số 16 - 18 Hàng Bông, sau mở rộng chuyển về số 82 phố Hàng Gai in báo *Nam Phong*.

Nhà in Phúc Vĩnh Thành không còn Lê Văn Phúc, đổi là Vĩnh Thành công ti và sau khi ông Vĩnh phá sản (1935) chia làm hai: một phần do Phạm Huy Lục và Nguyễn Văn Luận làm chủ dọn về 36 phố Óclêăng (H. d'Orléans, Phùng Hưng); một phần do Nguyễn Hữu Như làm chủ dọn về 107 phố Hàng Buồm, gọi là Nhà in Trung Bắc. Nhà in này sau được trang bị thêm máy mới trở thành nhà in có kĩ thuật in đẹp nhất lúc đó. Sách *Tự lực văn đoàn* của Nhà xuất bản Đời nay đều đưa đến in ở Nhà in Trung Bắc.

Vào những năm 20, đầu những năm 30 của thế kỉ XX, Hàng Gai - Hàng Bông đã trở thành phố của hiệu sách - nhà in - nhà báo - nhà xuất bản.

Riêng phố Hàng Bông đã có các nhà in: Lê Văn Phúc (số 16-18), Nghiêm Hàm (số 58), Mạc Đình Tư (số 136) sau giao cho con rể là Lê Văn Tân, Vĩnh Thành (số 63-65), Tân Dân (số 93), Ngô Tử Hạ (số 101), Dương Tự Quán (số 195).

Nhà in Lê Văn Phúc khi chuyển về số 82 phố Hàng Gai đổi tên là Đông Kinh ấn quán (Imprimerie Tonkinoise).

Số nhà 88 phố Huế là Nhà in Lê Cường vừa ra báo *Hà Nội báo* vừa xuất bản sách, sau phát triển thêm cơ sở in ở số 75 phố Hàng Bồ. Ở phố này còn Nhà in Hoa Phong của Hoa kiều chuyên in và đóng lịch.

Hai anh em người Hoa khác mở Nhà in Minh Sang ở phố Sinh Từ, Chi Sang phố Lò Sũ.

Số nhà 35 phố Nhà Chung là Nhà in Trung Hoà và Hiệu sách Xanh Mari (Saint Marie) in và bán sách giáo lí, kinh Giatô. Ngoài ra, còn Nhà in Kim Đức Giang của Nghiêm Xuân Quảng, có chân trong Công ti Quảng Hưng Long ở phố Hàng Bồ và một số nhà in nhỏ của tư nhân.

Sau Ngày giải phóng Thủ đô, Nhà in Quốc gia của ta được Nhà nước giao nhiệm vụ quản lí cả 3 ngành xuất bản, in, phát hành đã về tiếp quản các nhà in lớn của

người Pháp, chuyển Nhà in IDEO thành Nhà in Quốc gia Việt Nam, sau là Nhà in Báo nhân dân của Đảng; nhà in, hiệu sách Tôpanh chuyển thành cơ quan Quốc doanh phát hành sách trung ương.

Theo tài liệu của Sở Văn hoá Hà Nội, lúc này thành phố có 50 nhà in lớn nhỏ, trong đó có 8 nhà in gồm trên 50 công nhân với các máy in bán tự động in giấy khổ rộng 16 trang tiêu chuẩn và máy in giấy cuộn lô trên khuôn đúc chữ chì.

Ngày 23.11.1959, Ban bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 172 CT/TW xác định vị trí, tính chất, nhiệm vụ của ba ngành xuất bản, in, phát hành không chỉ đơn thuần kinh doanh, mà còn chủ yếu là công cụ chuyên chính vô sản của nước ta. Chỉ thị cũng nêu rõ chủ trương cải tạo ngành in tư nhân, thành lập các nhà in công tư hợp doanh riêng, hoặc nhập hai ba nhà in làm một thành xí nghiệp hạch toán. Giám đốc, phó giám đốc xí nghiệp do Uỷ ban hành chính thành phố bổ nhiệm, có người là tư sản cũ. Các nhà in nhỏ của tiểu chủ được tập hợp lại thành các xí nghiệp in công tư hợp doanh, chỉ khác chủ không bị quy là tư sản, vốn cố định được trích trả dần.

Cải tạo xong ngành in, Sở Văn hoá Hà Nội chỉ quản lí Xí nghiệp in Công tư hợp doanh Lê Cường, sau đổi tên là Xí nghiệp in Hà Nội, nay là Công ti in Tổng hợp Hà Nội, xí nghiệp trước ở số 75 phố Hàng Bồ sau chuyển tới số 67 phố Phó Đức Chính và Nhà in Têrêxa ở số 35 phố Nhà Chung để làm nhà in báo *Hà Nội mới*. Năm 1970, Uỷ ban hành chính thành phố ra quyết định sáp nhập hai nhà in này thành Xí nghiệp in Hà Nội. Nhưng đến năm 1973 lại cho tách ra: Xí nghiệp in Hà Nội do Sở Thông tin quản lí và Xí nghiệp in báo *Hà Nội mới* do báo *Hà Nội mới* quản lí.

Các nhà in đã dần dần thay đổi công nghệ in bằng máy móc hiện đại tự động tiến tới sử dụng máy in phun điện tử, in lade, in ốpxét. Khâu đánh chữ lập trang, thiết kế kĩ thuật, mĩ thuật và chế bản màu đều trên các máy vi tính điện tử và công nghệ kĩ thuật số tiên tiến, làm ra các ấn phẩm đẹp, bền như của nước ngoài.

Các cơ sở in ở Hà Nội ngoài Công ti in Tổng hợp Hà Nội và Công ti in báo *Hà Nội mới* do thành phố quản lí, còn rất nhiều các nhà in lớn thuộc các cơ quan trung ương. Có thể kể một số cơ sở nổi tiếng: Nhà in báo *Nhân dân Hà Nội* (15 phố Hàng Tre), Công ti in Tiến Bộ (175 phố Nguyễn Thái Học), Công ti in Công đoàn (167 phố Tây Sơn), Nhà máy in Quân đội (Cầu Diễn), Công ti in Tạp chí Cộng sản (38 phố Bà Triệu), Công ti in Thống Nhất (107 phố Nguyễn Tuân), Xí nghiệp in Thông tấn xã (3 phố Phan Huy Chú), Nhà in báo *Quân đội nhân dân* (21 phố Lý Nam Đế)... và hàng trăm cơ sở in của các ngành, các đoàn thể, cơ quan và tư nhân.

Đến năm 2005, Hà Nội có 253 doanh nghiệp in, là trung tâm lớn thứ hai trong cả nước. Ngày 22.2.2002, Hiệp hội in Hà Nội đã được thành lập. Hiệp hội hỗ trợ, tạo điều kiện giúp nhau nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ngành in, xây dựng và vận hành doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, tiếp cận những thông tin mới nhất về phát triển công nghệ thiết bị và vật liệu in để đủ sức mạnh hội nhập quốc tế.

Năm 2005, Công ti in Tổng hợp Hà Nội đã hợp nhất với Công ti Phát hành sách Hà Nội để tăng cường sức mạnh liên kết trong khâu in và phát hành.

CHƯƠNG II
XUẤT BẢN

I. XUẤT BẢN TỪ KHI CÓ CHỮ QUỐC NGỮ, THỜI PHÁP THUỘC ĐẾN TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (1946)

Trải qua nhiều lần bị phong kiến phương Bắc thống trị, Hán học truyền vào nước ta và trở thành chữ viết duy nhất được sử dụng trong văn bản Nhà nước cũng như trong sáng tác văn học.

Từ gốc chữ Hán, ta đã đặt ra chữ Nôm để đặt ra chữ viết ngôn ngữ dân tộc. Chữ Nôm có từ trước đời Trần, nhưng đến đời Trần mới thịnh hành. Và từ thế kỉ XIII trở đi, chữ Nôm được dùng phổ biến trong cả chiếu chỉ, thi ca, thư từ. Chỉ trừ có triều Minh Mạng (1820-1840), ông vua nhà Nguyễn này bỗng giở chứng bắt bỏ chữ Nôm dùng lại chữ Hán. Nhưng quyết định lạc hậu này không làm thay đổi cục diện. Tiếng Việt từ thời Lê đã phong phú, đến lúc này càng giàu và đẹp, đủ diễn đạt mọi mặt của cuộc sống xã hội rồi. Tới thế kỉ XVII, các giáo sĩ phương Tây vào truyền Đạo Giatô đã dùng tiếng Việt để giảng và ghi âm tiếng Việt bằng chữ cái Latinh.

Các giáo sĩ người Bồ Đào Nha: Gatxpa Amirat (Gaspart Amirad), Ăngtoan Bacbo (Antoine Barbore), người Ý: Giulien Banđinoti (Julien Baldinotti), người Pháp: Alêxandrơ đơ Rôt (Alexandre de Rdodes) là những người đi đầu trong việc tìm tòi dùng chữ cái Latinh ghi tiếng Việt. Trong đó, cố đạo Alêxandrơ đơ Rôt là người nhanh chóng thông thạo tiếng Việt hơn cả. Ông nghiên cứu soạn sách mẹo (văn phạm) tiếng, viết sách kinh bổn bằng hai thứ chữ Latinh và Việt. Năm 1649-1651, ông cho xuất bản ở Roma (Ý) quyển *Từ điển Việt - Bồ - Latinh* và quyển *Giáo lí cương yếu* bằng tiếng Việt. Đó là những cuốn sách "Quốc ngữ" đầu tiên.

Việc sáng tạo chữ Quốc ngữ bằng cách Latinh hoá tiếng Việt, trước hết là với mục đích truyền bá đạo Giatô. Bởi vậy, một thời gian dài chỉ lưu hành trong giới truyền đạo, chưa có tác dụng nhiều đến sự phát triển xã hội, còn coi "chữ Nho của thánh hiền" mới là quốc tự, khinh rẻ chữ Quốc ngữ.

Nhưng hiệu quả tiện lợi, khoa học, dễ phổ biến đã đưa chữ Quốc ngữ nhanh chóng trở thành công cụ đắc lực để truyền bá khoa học và phát triển văn hoá. Một số người Việt Nam đã sớm nhận biết tác dụng lớn lao của nó nên đã tham gia - dù bất cứ với

lí do nào để hoàn thiện dần chữ Quốc ngữ, đưa chữ Quốc ngữ trở thành chữ viết của nước ta. Đó là Trương Vĩnh Ký, người đã dịch ra Quốc ngữ và xuất bản ở Sài Gòn các cuốn *Kim Vân Kiều*, *Đại Nam quốc sử diễn ca* vào năm 1875; Huỳnh Tịnh Trai (tức Paulus Của) đã soạn bộ *Việt Pháp tự điển* từ thế kỉ XIX, góp phần truyền bá học thuật và tư tưởng Âu Tây.

Ở Miền Bắc, trên tờ *Đại Nam đồng văn nhật báo* xuất bản tại Hà Nội, từ số 273 ra ngày 2.1.1897 đã để ra 2 trang dạy chữ Quốc ngữ. *Đăng cổ tùng báo* ra tiếp từ 1907 in bằng hai thứ chữ Hán - Quốc ngữ, cũng như tờ *Đại Việt tân báo* cùng thời, sau đến *Nam Phong* (1917) và nhất là *Trung bắc tân văn* (1915) tờ báo hằng ngày đầu tiên ở Hà Nội (từ 1919) in hoàn toàn bằng Quốc ngữ, đã thúc đẩy mọi người tìm học và đọc sách báo Quốc ngữ. Ở đây, còn có công lớn của "Đông Kinh nghĩa thục", nhà trường cổ động mọi người học Quốc ngữ một cách tích cực nhất.

Đông Kinh nghĩa thục (1907) không chỉ dạy chữ Hán - Nôm, chữ Pháp mà chú trọng dịch sách nước ngoài, sách chữ Hán - Nôm ra Quốc ngữ để phổ biến sâu rộng:

"... Chữ Tàu dịch lấy chữ ta
Chữ Tây cũng phải dịch ra chữ mình..."

"chữ mình" chính là chữ Quốc ngữ, Đông Kinh nghĩa thục khẳng định:

"Trước hết phải học ngay Quốc ngữ
Khỏi đôi đường: tiếng, chữ khác nhau"

và

"Chữ Quốc ngữ là hồn trong nước
Phải đem ra tính trước dân ta..."

Nhà trường đã in nhiều lần đến vài vạn cuốn "*Quốc dân độc bản*" bằng chữ Nho, chữ Quốc ngữ. Nhiều cuốn sách tiến bộ khác như: *Chiêu hồn nước, Đề tỉnh quốc dân ca, Hú hồn thanh niên, Khuyên con, Khuyên nhau hợp quần, Tiếng quốc kêu, Chống bọn bàng quan, Hải ngoại huyết thư*,... bằng Quốc ngữ được in bằng đủ cách: khắc ván, chữ sắp, in thạch,... cốt có sách, có tài liệu để phân phát cho học sinh. Có thể nói *Đông Kinh nghĩa thục* tuy không chính thức là nhà xuất bản, nhưng đã thành một "Trung tâm xuất bản" sách chữ Quốc ngữ đầu tiên ở Hà Nội.

Hiệu sách ở phố Hàng Gai với các tên "Văn Đường" bán sách chữ Nho chuyển dần sang bán sách Quốc ngữ và giấy bút Tây. Bốn hiệu sách đầu tiên bán giấy bút Tây và sách Quốc ngữ ở Hà Nội là nhà Thuỵ Ký ở số 98 Hàng Gai, Cẩm Văn Đường ở số 10 Hàng Hài (nay là Hàng Bông), Mạc Đình Tư ở số 136 Hàng Bông, Ích Ký ở số 58 Hàng Giấy. Về sau ở phố Hàng Gai thêm các hiệu Cát Thành, Văn Hương, Nhật Nam; Bờ Hồ có Nam Ký, Nam Hoa; Sinh Từ có Thích Ký, Trường Xuân; Cửa Nam có Từ Lâm; Hàng Đẫy có Kim Long... chưa kể hàng trăm các nhà sách kiêm tạp hoá khác.

Về nhà xuất bản, trước 1920 đã có những nhà Hoàng Xuân Lan, Văn Minh, Bình Dân chỉ chuyên in các truyện Nôm, truyện cổ loại bình dân rẻ tiền cho các cô hàng

xén chợ huyện mua buôn về bán lẻ. Rồi đến Nghiêm Hàm ấn quán sau hợp tác với Tản Đà mở Tản Đà thư cục, Hương Sơn Đường ra đời năm 1921, Bùi Xuân Học 1922, Tân Dân 1925, Nam Ký 1926, Nhật Nam, Đông Kinh, Vĩnh Hưng Long 1927.

Cũng năm này, có hai nhà xuất bản in sách tiến bộ yêu nước, đó là Giác quần thư xã do Ngô Đức Kế sáng lập, đã xuất bản một số sách dịch tác phẩm của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Khải Siêu, Tôn Dật Tiên và Nam Đồng thư xã của Phạm Tuấn Tài xuất bản những sách như: *Con thuyền khứ quốc, Gương thành bại, Trưng vương, Dân tộc chủ nghĩa*... Cơ sở này sau thành cơ quan xuất bản của Việt Nam Quốc dân đảng và bị Pháp đóng cửa cùng lúc với đàn áp tổ chức yêu nước này. Từ 1930 đến 1940 hàng loạt nhà xuất bản ra đời, trong đó, đáng kể có Đời nay, Lê Cường (1933), Mai Lĩnh, Tân Việt, Á Châu (1936); Cộng lực, Hàn Thuyên (1940)... Hà Nội trở thành trung tâm xuất bản lớn nhất nước.

Thời kì Mặt trận Dân chủ (1936-1939) có Nhà xuất bản Đức Cường - Tập sách dân chúng, cơ quan xuất bản công khai của Đảng cộng sản Đông Dương và Hiệu sách Đồng Xuân ở trước cửa cái chợ lớn nhất thành phố. Lúc này, một đảng viên là Phạm Thường đã lập được một nhà in nhỏ, lấy tên là *Le progrès* (Tiến bộ) để chủ động in sách báo.

Hiệu sách Đồng Xuân ở 26 phố Chợ Gạo (nay là phố Đồng Xuân) vốn của Phạm Văn Hảo, nhường lại để Đảng sử dụng, được giao cho Nguyễn Văn Trạch phụ trách. Công việc ở hiệu sách do bà Trần Thị Minh Châu và ông Ngô Văn Tuyết phục vụ. Đó là một hiệu sách nhỏ, một gian, tủ kính mỏng áp tường bày sách và quầy kính giữa nhà bày các loại báo, văn phòng phẩm. Sách trong nước chủ yếu là của *"Tập sách dân chúng"*, *"Cường học thư xã"* của Trần Huy Liệu ở Sài Gòn gửi ra, *Hương Giang* của Hải Triều từ Huế chuyển tới. Ngoài ra còn sách chữ Pháp do Đảng Cộng sản Pháp và các tổ chức tiến bộ Pháp xuất bản gửi sang. Có nhiều sách dịch của Liên Xô như: *Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Chống Đuyrinh, Người mẹ*... Về báo có *Thế giới, Đời nay, Bạn dân, Notre Voix*... những báo công khai của Đảng lúc đó.

Dù chỉ hoạt động trong vài năm, nhưng những tập sách dân chúng, những sách về chủ nghĩa Mác-Lênin, báo chí của Đảng phát hành ra đã toả sáng cách mạng, soi tỏ con đường đấu tranh cho cả thế hệ thanh niên đang mất nước.

Cũng trong giai đoạn 1936-1939, ở Hà Nội có phong trào in các sách mỏng viết về các nhân vật lịch sử được gọi là "tiểu thuyết" với giá 3 xu một cuốn: *Đề Thám, Vợ Ba Cai Vàng, Bùi Thị Xuân*...

Một số nhà xuất bản thương mại chạy theo việc in truyện kiếm hiệp, trinh thám, phiêu lưu mạo hiểm... ra từng số lẻ 16 trang, bán 3 xu câu khách. Có truyện kéo dài hàng trăm số, lại nối tiếp sang bộ khác. Những cây bút viết truyện này "bịa" rất tài, đưa ra những nhân vật hảo hán, ngang tàng, võ nghệ cao cường, kiếm pháp kì diệu

lôi cuốn người xem không bỏ dở nổi. Nhiều người cứ tưởng họ dịch của Trung Quốc. Đó là Lý Ngọc Hưng, Văn Tuyền, Trường Xuân...

Nhà văn Trần Huy Liệu lúc này ở tù Côn Đảo về, viết được cuốn *Thái Nguyên khởi nghĩa*, ông không kí tên thật, nhờ người bạn đem bán đứt bản quyền cho *Bảo Ngọc văn đoàn* để lấy 25 đồng bạc chi tiêu cho cuộc sống. Ít lâu sau, sách ra, tác giả ngạc nhiên thấy tên sách được đổi là *Loạn Thái Nguyên*. Nhà xuất bản chẳng dại gì dây vào chữ "khởi nghĩa" để bị nhà cầm quyền nhòm ngó.

Những nhà xuất bản thời kì trước cách mạng, có thể tạm thời chia ra một số loại hình:

- Làm báo kiêm xuất bản: Đời nay (*Phong hoá - Ngày nay*), Lê Cường (*Hà Nội báo*), Tân Dân (*Tiểu thuyết thứ bảy, Ích Hữu*), Trung Bắc tân văn ra sách "*Âu Tây tư tưởng*".

- Nhà in kiêm xuất bản: Viễn Đông ấn quán xuất bản "Tứ dân văn uyển", Đông Kinh ấn quán ra *Nam Phong tùng thư,* Nghiêm Hàm ấn quán với *Tản Đà tứ thư cục*...

- Nhà xuất bản chỉ để in sách của mình hoặc bạn bè như: Quốc học tùng san của Sở Cuồng, Duy Tân thư xã của Nguyễn Tố, Quốc học thư xã của Lê Văn Hoè, Thái dương văn khố của Vi Huyền Đắc, Vĩnh Hưng Long của Nguyễn Văn Ngọc, Trúc Khê thư cục của Ngô Văn Triện, Thi quán tùng thư của Đào Duy Anh, Vĩnh Thành công ti in sách Nguyễn Văn Vĩnh, Dương Tự Quán in sách của mình và Dương Bá Trạc, v.v.

- Hiệu sách làm thêm xuất bản khi có dịp hoặc tác giả nhờ cậy: Thuỵ Ký, Nam Hoa, Nam Ký, Thuận Thành Ký, v.v.

- Nhà thuốc Đông y kiêm xuất bản, như Bảo Ngọc văn đoàn của hiệu thuốc Bình Hưng, Lê Cường của hiệu thuốc Hồng Khê; Lê Huy Phách, Nhật Nam, Hương Sơn, Đời mới... cũng do các ông chủ hiệu thuốc đảm nhiệm; phần lớn xuất bản theo hướng thương mại, tất nhiên trong số sách đã xuất bản của họ cũng có những cuốn giá trị, tiêu biểu cho một tác giả nào đó.

- Có những tác giả bỏ tiền thuê in *tự xuất bản* như Nguyễn Giang in *Trời xanh thẳm* (1935), Nguyễn Vỹ in tập thơ đầu (1936), Tam Lang in *Lọng cụt cán* (1939), Trương Chính in *Dưới mắt tôi* (1939) hoặc người nhà tác giả xuất bản sách của người thân để lại: Nguyễn Dương in *Ngày xưa* của Nguyễn Nhược Pháp, bà goá Tản Đà mở lại thư cục in sách của chồng...

Sau Cách mạng tháng Tám, hơn một năm dưới chế độ dân chủ cộng hoà, xuất bản chưa có gì thay đổi lớn, phần nhiều bị chững lại trước những đổi thay. Các đoàn thể cách mạng đều có cơ quan xuất bản ra đời. Đáng chú ý nhất là Nhà xuất bản Hội Văn hoá cứu quốc, ngoài tạp chí *Tiên Phong* còn ra nhiều loại sách: chính trị phổ thông, gương chiến đấu, tủ sách thế giới, sách văn nghệ và nhạc phẩm của các văn nghệ sĩ cách mạng (Hoài Thanh, Tố Hữu, Hải Triều, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Văn

Cao). *Việt Nam ấn thư cục* tái bản cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc bằng tiếng Pháp. Các Nhà xuất bản *Sự thật*, *Lao động*, *Tiếng gọi phụ nữ*, *Cứu quốc*, *Hoa Lư* ra đời chưa xuất bản được mấy đã đi kháng chiến lên Việt Bắc, Nhà xuất bản *Minh Đức* do Trần Thiếu Bảo thành lập đã in: *Cười* (Nam Cao), *Khao* (Đồ Phồn), *Tương lai văn hoá Việt Nam* (Hồ Hữu Tường), *Muốn hiểu chính trị* (Thuần Phong). Như vậy, trong giai đoạn từ lúc có nhà xuất bản sách chữ Quốc ngữ ở Hà Nội vào đầu thế kỉ XX đến toàn quốc kháng chiến (12.1946) thì thời kì xuất bản ổn định nhất là từ 1932 đến 1945. Một số nhà xuất bản lớn, ra nhiều sách và có những cuốn sẽ còn mãi với lịch sử văn học Việt Nam như Đời nay, Tân dân, Mai Lĩnh, Vĩnh Hưng Long (chuyên đề sách của Nguyễn Văn Ngọc)... Tân dân, Đời nay là hai nhà xuất bản có tổ chức chặt chẽ, có người biên tập chuyên trách từng loại sách, báo; Mai Lĩnh có tôn chỉ xuất bản đúng đắn với những tùng thư được nhiều học giả, nhà văn hoá, tác giả có danh cộng tác chặt chẽ. Hàn Thuyên cũng có tổ chức, nhưng có mục đích của nhóm Tân Văn hoá lại mắc sai lầm về tư tưởng.

Có thể kể thêm Nhà xuất bản Tân Việt có khuynh hướng giới thiệu về các nền văn minh thế giới và lịch sử tư tưởng dân tộc, nhưng đầu sách ở giai đoạn này còn quá ít, chỉ sau năm 1946, nhà xuất bản chuyển vào nam hoạt động mới trở thành một nhà xuất bản quy mô. Còn các nhà Đời mới, Cộng lực, Á Châu, v.v.. cũng có những đóng góp nhất định vào việc giới thiệu những tác giả mới - tác phẩm mới.

Cũng phải nói thêm mảng sách cho thiếu nhi đã được nhiều nhà xuất bản khai thác: Đời nay có *Sách Hồng*, Tân dân có *Truyền bá*, Cộng lực có *Hoa Mai*, Đời mới có *Hoa Xuân*, Mai Lĩnh có *Tủ sách Pháp văn cho trẻ em* (Le Livre du Petit)...

Việc tra cứu thời gian hoạt động của các nhà xuất bản giai đoạn này rất khó khăn, không như báo chí có ghi ngày tháng; nhiều sách không hề có địa chỉ nhà xuất bản, in năm nào, ai là chủ nhân.

Việc sách giáo khoa, ngoài các sách của Nha học chính xuất bản do Ban tu thư gồm Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc, Đỗ Thận, biên soạn như *Quốc văn*, *Cách trí*, *Luân lí*... còn có bộ *Trung học Việt sử toát yếu*, 4 cuốn của Ngô Giáp Đậu, *Địa dư* của Trần Văn Thông, *Toán pháp* của Trần Văn Khánh. Những sách trên đều in vào khoảng từ 1911 đến 1915 và được in lại nhiều lần. Chưa kể những sách học của Đông Kinh nghĩa thục có từ 1907. Trần Trọng Kim còn viết và xuất bản các cuốn sách: *Sư phạm khoa yếu lược* (chung với Dương Tự Quán). Nguyễn Văn Ngọc có *Phổ thông độc bản*.

Tự điển là loại sách được xuất bản khá muộn mằn. Những bộ tự điển đầu tiên của nước ta đều in ở Pháp rồi ở Sài Gòn. Mãi năm 1931, nhà Trung Bắc tân văn bắt đầu in tập thứ nhất của bộ *Việt Nam tự điển* của Hội Khai trí tiến đức, đây là cuốn tự điển tiếng Việt đầu tiên do người Việt biên soạn (Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Nguyễn Văn Luận, Phạm Huy Lục, Dương Bá Trạc, Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Đôn Phục, Đỗ Thận). Sách in dần đến tận năm 1938.

Năm 1932, tập 2 của bộ *Giản yếu Hán Việt tự điển* của Đào Duy Anh cũng được in ở nhà Trung Bắc tân văn (tập 1 in ở Huế). Khoảng 1935-1937 Nhà Chung và Nhà in Trung Hoà đã xuất bản hai cuốn tự điển: *Từ điển Việt - Hoa - Pháp* (Gustave Hue) và *Từ điển Pháp Việt* (Barbier và Lê Công Đắc). Năm 1942, Đuốc Tuệ xuất bản *Hán Việt từ điển* của Thiều Chửu. Thời kì này sách dịch từ văn bản Hán Nôm, sách Trung Quốc, sách Pháp được xuất bản khá nhiều. Những dịch giả được tín nhiệm về Hán văn là Nguyễn Đổ Mục, Ngô Tất Tố, Ngô Văn Triện, Nhượng Tống, Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Tản Đà, Phan Kế Bính.

Nhờ các bản dịch và xuất bản bằng chữ Quốc ngữ mà đông đảo người Việt biết đến các tác phẩm văn học sáng giá của Trung Quốc: *Tam quốc chí, Đông Chu liệt quốc, Tây sương ký, Đường thi*... Về Pháp văn nổi lên Nguyễn Văn Vĩnh và Phạm Quỳnh. Cuộc đời hai ông tuy mức độ khác nhau nhưng đều có hai mặt: con người chính trị và con người văn hoá. Về chính trị hai ông có sai lầm, nhưng những đóng góp của hai ông trong nền văn học Quốc ngữ thuở ban đầu là không thể phủ nhận.

Nguyễn Văn Vĩnh (1882-1936) là một trong những người sáng lập Đông Kinh nghĩa thục nhưng sau lại cộng tác với Pháp trong thời kì thực dân đẩy mạnh khai thác thuộc địa. Ông từng làm chủ bút các tờ báo *Đăng cổ tùng báo, Đông Dương tạp chí*, chủ nhiệm các báo chữ Pháp *Notre Journal* (Nhật báo của chúng ta), *Notre Revue* (Tạp chí của chúng ta) từ năm 1907 đến 1919. Nguyễn Văn Vĩnh là cây bút chủ lực của những tờ báo chính, làm công cụ cho chính quyền thực dân. Vấn đề chính trị, tư tưởng của ông đã được phê phán. Ở đây, chỉ nói về mảng sách dịch các tác phẩm văn học Pháp - mà ông là quán quân lúc đó - được xuất bản trong loại sách *Âu Tây tư tưởng* do Toàn quyền Rôbanh (Robin) sáng lập. Ông dịch cả thơ (*Thơ ngụ ngôn La Phôngten*), kịch (*Trưởng giả học làm sang, Giả đạo đức, Người bệnh tưởng, Người biển lận* của Môlie), tiểu thuyết (*Truyện Ginbla đờ Xăngtian*, 4 quyển của Lơsadơ; *Mai Nương lệ cốt*, 5 quyển của Prêvốt; *Truyện ba người ngự lâm pháo thủ*, 24 quyển của A. Đuyma, *Miếng da lừa* của Bandắc, *Quy live du ký* của Suýt, *Têlêmac phiêu lưu ký* của Phênơlông; *Những kẻ khốn nạn* của V.Huygô, *Truyện trẻ con* của Perôn... Ông còn là người dịch *Kim Vân Kiều* của Nguyễn Du lần đầu sang tiếng Pháp. Sách của ông sau còn được Nhà xuất bản *Alêxăng đrơ đơ Rốt* in lại đầu những năm 40. Bản dịch của ông rất hay, văn lưu loát; ông lại khéo chọn toàn những tác phẩm có giá trị. Qua sách dịch của ông, lần đầu bạn đọc Việt Nam tiếp xúc với nền văn hoá nổi tiếng Châu Âu.

Phạm Quỳnh (1892-1945) lãnh đạo nhóm *Nam phong tạp chí*. Tờ tạp chí này do ông làm chủ bút từ 1917-1934, cũng là công cụ của Chính phủ thuộc địa. Bản thân ông là một quan chức, làm tới thượng thư Bộ Học và Bộ Lại. Ông là người đưa ra luận thuyết *Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, nước ta còn.*

Phạm Quỳnh viết và dịch đủ thể loại: chính trị, triết học, kinh tế học, sử học, giáo dục học, khoa học, văn học,... Hơn 30 tập sách của ông đã được in trong "*Nam phong*

tùng thư" do Đông Kinh ấn quán (Imprimerie Tonkinoise) xuất bản từ 1927-1932, sau tập hợp lại thành bộ *Thượng Chi văn tập* 5 quyển do Nhà xuất bản Alêxăng đrơ đơ Rốt ấn hành năm 1943.

Để khép lại giai đoạn này, xin giới thiệu một số nhà xuất bản tiêu biểu cho các khuynh hướng, theo trình tự xuất hiện, đó là các Nhà xuất bản Vĩnh Hưng Long, Tân dân, Đời nay, Tập sách Dân chúng, Mai Lĩnh, Hàn Thuyên và Hội Văn hoá cứu quốc.

1. Nhà xuất bản Vĩnh Hưng Long

Thành lập vào những năm đầu thế kỉ XX, Vĩnh Hưng Long thư quán vừa là hiệu sách - nhà in - nhà xuất bản, ở số 24 phố Hàng Đường. Từ năm 1913, Vĩnh Hưng Long đã in cuốn *Truyện Thuý Kiều* do Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim chú giải (1927). Nhưng chủ yếu là in và phát hành tủ sách *Cổ kim thư xã* do hai anh em Nguyễn Quang Oánh và Nguyễn Văn Ngọc chủ trương. Trong đó, sách của Nguyễn Văn Ngọc đứng đầu bảng.

Nguyễn Văn Ngọc (1890-1942) hiệu Ôn Như, tự Đông Trạch, quê ở làng Hoạch Trạch, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Ông sinh tại Hà Nội, tốt nghiệp trường thông ngôn. Sau nhiều năm dạy học ở Hà Nội, ông là thanh tra các trường tiểu học Bắc Kỳ, rồi phụ trách Tứ thư cục của Nha học chính Đông Dương, đốc học tỉnh Hà Đông. Vĩnh Hưng Long xuất bản một số sách giáo khoa do ông biên soạn cả bằng chữ Việt và chữ Pháp: năm 1932 có *Phổ thông độc bản*, năm 1933 có *Méthode de langue Annamite*, năm 1936 có *Cours de langue Annamite*.

Trong tủ sách *Cổ kim thư xã*, Nguyễn Văn Ngọc có tới 9 bộ sách chuyên khảo riêng và một bộ soạn chung với Từ An Trần Lê Nhân: *Cổ học tinh hoa* (2 cuốn). Quan điểm xuất bản tủ sách, *Cổ kim thư xã* đã được Nguyễn Văn Ngọc nói trong *Lời tựa* (Tiểu tự) của các bộ sách. Năm 1925, trong Tiểu tự sách *Cổ học tinh hoa*, ông viết... *Có ý bảo tồn tinh hoa của cổ học và mong các bạn thiếu niên ta nhớ đến nguồn gốc từ bao nhiêu nghìn năm từ trước*... Ghi lại 6.500 câu tục ngữ và 850 bài ca dao do ông sưu tầm trong sách cổ và trong dân gian là nhằm: *giữ lại cho khỏi mỗi ngày một sai suyển lưu lạc... Cố vun trồng cho cái gốc văn Việt Nam của tổ tiên xưa được chắc rễ, bền cây, ngộ sau này nhờ đấy mà nở ngành xanh ngọn, thêm tươi thêm tốt*" và như vậy "... *trên đối với tổ tiên mà giữ được cái nghĩa vụ tồn cổ, dưới đối với quốc dân mà giúp được ít tài liệu trong khoa ngôn ngữ*... (Lời tựa bộ *Tục ngữ - Phong dao*, 2 tập - 1928).

Ông quyết tâm theo đuổi công việc làm này. Ở Lời tựa bộ *Truyện cổ nước Nam* (2 tập, tập 1: 1932, tập 2: 1934), ông nhận định: *Giữa lúc cổ kim xung đột, kim có thể mạnh, như muốn nuốt cổ, mà ta cố lựa lọc giữ được một vài phần hay trong những cái cổ của ta, nó khiến ta bao giờ cũng phải nhớ ta là ta, không phải là ai, thì cái công việc ta làm quyết nhiên không là vô ích*...

Cách đây 80 năm, Nguyễn Văn Ngọc đã có ý thức gìn giữ, bảo tồn vốn cổ của dân tộc như vậy, vào giữa lúc văn hoá phương Tây ào vào, quả là con người có tầm nhìn xa và có lòng với đất nước.

Ngoài bộ *Tục ngữ - phong dao*, ông sưu tầm tuyển chọn những bài thơ hay của nước ta qua các thời đại vào tập *"Nam thi hợp tuyển"* (1927), phóng tác theo ý tưởng các ngụ ngôn dân gian đưa vào tập *Đông Tây ngụ ngôn* (2 cuốn - 1927). *Để mua vui* bao gồm 259 truyện tiếu lâm. *Câu đối* (1931) được ông biên khảo cẩn thận, chia thành từng thể loại, có dẫn xuất xứ và lời bình. *Đào nương ca* in hơn 100 bài ca trù (1932) cùng với bài giới thiệu về các thể hát và cách sáng tác. *Truyện cổ nước Nam* được sưu tầm và viết lại theo quan điểm đạo đức của soạn giả (1932-1934) nhưng vẫn giữ nguyên tính cách nhân vật và tình tiết của cốt truyện. *Ngụ ngôn* (1935) ngoài các bài sưu tầm có một phần do ông sáng tác. *Nhi đồng lạc viên* (1936) là tập sách dành cho thiếu nhi lúc này còn hiếm hoi.

Nhà xuất bản Vĩnh Hưng Long còn xuất bản *Tình sử* (2 tập, tập 1: ra năm 1928, tập 2 ra năm 1931) và *Ngâm khúc* (1930), bao gồm *Cung oán ngâm, Chinh phụ ngâm* và *Tỳ bà hành* do Nguyễn Quang Oánh giới thiệu, dịch âm và chú thích.

Chỉ tập trung trong vòng 10 năm (1926-1936), Nhà xuất bản Vĩnh Hưng Long đã cho ra đời hàng loạt sách cổ văn và công trình sưu tầm, biên khảo về văn học dân gian vô cùng quý giá, có đóng góp nhất định vào việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá của ông cha. Sau khi những người chủ trương tủ sách *Cổ kim thư xã* qua đời, Nhà xuất bản Vĩnh Hưng Long cũng lặng lẽ ngưng hoạt động xuất bản để kinh doanh các việc khác.

2. Nhà xuất bản Tân Dân

Một trong những nhà xuất bản hoạt động trong một thời gian dài, hơn 20 năm, và có tác động nhất định đến sự phát triển của nghề xuất bản và phong trào sáng tác văn học ở nước ta. Một nhà xuất bản thực thụ, biết kinh doanh, có tổ chức bộ máy biên tập chặt chẽ, quy tụ được đông đảo các cây bút nổi tiếng đương thời.

Tân Dân mở đầu bằng hiệu sách ở số 93 phố Hàng Bông, ra đời năm 1925, sau đó mới mua máy in và lập nhà xuất bản. Chủ nhân là Vũ Đình Long, một công chức của Sở Học chính Hà Nội, một nhà văn - kịch tác gia, tác giả vở kịch 3 hồi *Chén thuốc độc* (1921), vở kịch đã đi vào văn học sử và sân khấu Việt Nam với tư cách mở đầu cho kịch nói ở nước ta.

Vũ Đình Long (1896-1960) sinh tại Hà Nội, người làng Mục Xá, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông. Dạy học ở Hà Đông, sau làm việc tại Sở Học chính Hà Nội, từ 1936, ông thôi làm công chức, dồn sức cho sự nghiệp xuất bản.

Nhà xuất bản Tân Dân chủ trương ra nhiều báo và tạp chí liên tiếp từ năm 1934 cho đến trước Cách mạng tháng Tám. Một điều đặc biệt là các báo này đều hoàn toàn in sáng tác văn học, dịch thuật, khảo luận, phê bình mà không làm chức năng thông

tin, xã thuyết của báo chí, trừ tờ *Ích hữu* có một phần nghị luận thời sự, tiểu phẩm và vài chuyên mục về pháp luật và sức khoẻ.

Sở dĩ như vậy là do cái tài khéo léo của ông chủ Vũ Đình Long. Thời ấy, nếu ra báo tạp chí, được mua giấy giá rẻ hơn là mua giấy ra sách. Vũ Đình Long đã biến tướng các tập tiểu thuyết, các truyện ngắn, văn thơ, truyện dịch vào trong các tập sách được gọi cái tên báo chí ra định kì là *Tiểu thuyết thứ bảy* (1934-1945), *Phổ thông bán nguyệt san* (1936-1945), *Ích hữu* (1936-1938), *Tao đàn* (1939), *Truyền bá* (1942-1944); ngoài ra còn xuất bản tủ sách *Những tác phẩm hay* (1938-1940). Như vậy, nhờ mua giấy giá rẻ, nên giá sách của Nhà xuất bản Tân Dân luôn thấp hơn giá chung trên thị trường sách, góp phần cạnh tranh với các nhà xuất bản khác.

Tân Dân còn là nơi xuất bản phong phú và đa dạng, nhiều thể loại, nhiều phong cách viết hợp khẩu vị với đủ loại độc giả. Nhiều nhà văn cộng tác viết cho *Tân dân* theo sở trường của mình: Lan Khai sành truyện đường rừng với *Ai lên phố Cát*, *Tiếng gọi của rừng thẳm*, *Đỉnh non thần*, *Truyện đường rừng*; Tchya (Đái Đức Tuấn) với những truyện thần kì *Thần hổ*, *Ai hát giữa rừng khuya*; Lê Văn Trương bằng loạt truyện *Người hùng* như *Một người*, *Tôi là mẹ*, *Trường đời*; Nguyễn Triệu Luật với các lịch sử tiểu thuyết *Rắn báo oán*, *Ngược đường trường thi*, *Bà chúa chè*...; Nguyễn Công Hoan bằng các tiểu thuyết tả chân: *Cô giáo Minh*, *Bước đường cùng*, *Lá ngọc cành vàng*, *Nợ nần* và những tập truyện ngắn *Kép Tư Bền*, *Đào kép mới*. Còn miêu tả sinh hoạt, phong tục nông thôn đã có Bùi Hiển, Nguyễn Tất Thứ, Tô Hoài... Truyện thiếu nhi xuất sắc của Tô Hoài: *Con dế mèn*, *Dế mèn phiêu lưu ký* đều xuất hiện trên tập *Truyền Bá. Tao Đàn* là một tạp chí đứng đắn lúc đó, dù chỉ ra được 13 số và 2 số đặc biệt (về Tản Đà và Vũ Trọng Phụng) cũng để lại dấu ấn trong lịch sử văn học. Ông chủ Tân Dân không chỉ biết chọn người giao việc phụ trách biên tập thành thạo như Lê Văn Trương, Lan Khai, Trúc Khê, Vũ Bằng... mà còn biết thu hút sự cộng tác của nhiều nhà văn khuynh hướng khác nhau. Bên những cây bút tiêu biểu cho trào lưu hiện thực phê phán như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, Mạnh Phú Tứ, Nam Cao, Tô Hoài, v.v.. là những nhà văn lãng mạn tiểu tư sản: Lưu Trọng Lư, Trần Huyền Trân, Nguyễn Tuân, J.Leiba, Ngọc Giao...

Nhà xuất bản đã tạo ra thứ "văn chương Tân Dân" gần gũi với tầng lớp độc giả bình dân, khác với "văn chương Tự lực văn đoàn" đài các cao, sang của lớp thị dân đang Âu hoá. Nhiều cây bút qua tôi luyện ở "lò" Tân Dân và đã trưởng thành. Không ít người sau này nằm trong số các nhà văn cách mạng xuất sắc của nước ta.

Với vài trăm cuốn tiểu thuyết, hàng mấy nghìn truyện ngắn đã in, Nhà xuất bản Tân Dân đã thực sự góp phần đưa văn chương Quốc ngữ bước vào giai đoạn phồn thịnh đầu thế kỉ XX ở Hà Nội.

3. Nhà xuất bản Đời nay

Là cơ quan xuất bản của Tự lực văn đoàn, thành lập năm 1933. Nhà xuất bản Đời

nay hoạt động liên tục đến trước Cách mạng tháng Tám, qua 12 năm đã cho ra đời hàng mấy trăm cuốn sách sáng tác văn học, đánh dấu một giai đoạn phát triển của văn học Việt Nam giữa thế kỉ XX.

Tự lực văn đoàn là nhóm văn học tư sản do *Nhất Linh* (Nguyễn Tường Tam) đứng đầu. Trong nhóm có Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ sau thêm Trần Tiêu, Xuân Diệu. Ngoài ra còn nhiều nhà văn cộng tác chặt chẽ với Tự lực văn đoàn cũng có nghĩa là Nhà xuất bản Đời nay như: Đoàn Phú Tứ, Huy Cận, Thanh Tịnh, Trọng Lang và các hoạ sĩ Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí...

Lúc đầu, khuynh hướng sáng tác nghệ thuật cũng như tư tưởng của văn đoàn là thống nhất: dùng văn hoá đấu tranh chống phong kiến, ít nhiều có ý nghĩa tiến bộ. Nhưng cuộc đấu tranh ấy chỉ yêu cầu giải phóng cá nhân, mà quên nhiệm vụ giải phóng dân tộc; ca ngợi lối sống cá nhân, hưởng lạc, làm lạc hướng đấu tranh của thanh niên. Sự phân hoá trong văn đoàn ngày càng bộc lộ khi những thành viên, người sa vào chủ nghĩa cải lương đi đến hoạt động chính trị phản động; người ngả dần sang chủ nghĩa hiện thực, yêu nước, hướng tới cách mạng giải phóng dân tộc.

Phải công nhận là sách của Đời nay đã hấp dẫn và thu phục khá đông công chúng tiểu tư sản thành thị; *Hồn bướm mơ tiên*, *Nửa chừng xuân*, *Đoạn tuyệt*, *Đời mưa gió*, *Trống mái*, *Gánh hàng hoa*... đã từng rung động bao trái tim thiếu nữ, thanh niên một thời.

Bên cạnh những tác phẩm văn học lãng mạn nói trên, Đời nay cũng xuất bản nhiều tác phẩm tả chân hiện thực. Có thể kể *Bỉ vỏ* (1937 - Giải thưởng Tự lực văn đoàn), *Những ngày thơ ấu* (1940) của Nguyên Hồng, *Con trâu* (1940) của Trần Tiêu, *Hà Nội lầm than* (1938) của Trọng Lang, *Quê mẹ* (1941) của Thanh Tịnh, *Nằm vạ* (1941) của Bùi Hiển, *Đứa con* (1943) của Đỗ Đức Thu, *Dòng nước ngược* (1943) của Tú Mỡ, một loạt truyện ngắn và bút kí của Thạch Lam như *Gió đầu mùa* (1937), *Nắng trong vườn* (1938), *Sợi tóc* (1942), *Hà Nội ba sáu phố phường* (1943) đã làm nổi bật lên một lối viết giản dị, trong sáng, phân tích cảm giác tinh tế, giàu chất thơ và đậm đà phong vị quê hương mà Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại* đã đánh giá là "những đoản thiên hay nhất trong văn chương Việt Nam".

Cũng không quên những tập thơ đầu tiên của phong trào "Thơ mới" đã ra đời từ Nhà xuất bản Đời nay: *Mấy vần thơ* (1935), *Mấy vần thơ - tập mới* (1941) của Thế Lữ, *Thơ thơ* (1938) của Xuân Diệu, *Lửa thiêng* (1940) của Huy Cận, *Bức tranh quê* (1940 - Giải thưởng Tự lực văn đoàn) của Anh Thơ, *Tâm hồn tôi* (1937) của Nguyễn Bính. Những tập thơ này đã góp phần khẳng định sự thành công của "Thơ mới" trong nền thi ca Việt Nam.

Thế Lữ còn cho xuất bản ở Đời nay hàng loạt tiểu thuyết và truyện ngắn. Đặc biệt là truyện ghê rợn làm người đọc sởn tóc gáy, như một số truyện ngắn trong *Bên đường thiên lôi* (1936), *Vàng và máu* (1934), *Trại Bồ tùng linh* (1941) và mảng

truyện trinh thám: *Mai Hương và Lê Phong* (1937), *Lê Phong phóng viên* (1937), *Gói thuốc lá* (1940)...

Nhà xuất bản Đời nay đã xuất bản một số tác phẩm của nước ngoài như *Aivanhô, Anna Karênina* (Vũ Ngọc Phan dịch). Bên cạnh báo "Phong hoá" rồi "Ngày nay" cơ quan ngôn luận của Tự lực văn đoàn, Đời nay còn xuất bản tập *Sách hồng* dành cho lứa tuổi nhỏ, được học sinh, thiếu niên ham thích. Để cạnh tranh với Nhà xuất bản Tân Dân, Đời nay cho ra đời loại sách *Lá mạ*, in giấy thường, bán giá phổ thông hơn.

Điều dễ cảm nhận thấy trong tiểu thuyết của các cây bút chủ lực trong Tự lực văn đoàn (Nhất Linh, Khái Hưng) tuy có tả đến cảnh lầm than, lam lũ của người nghèo, cũng động lòng thương xót, nhưng là *"sự thương xót của một người ở giai cấp khác"* để rồi kết luận *"những cảnh mà những kẻ khốn nạn kia tự dấn thân vào vì vô học, vì óc hủ lậu"* mà không phải do ở *"sự thiếu tổ chức của một xã hội"*[1].

Sự đóng góp của Nhà xuất bản Đời nay là đã đưa tiểu thuyết Việt Nam vượt khỏi khuôn sáo cũ, miêu tả sinh động, bố cục linh hoạt tự nhiên hơn, câu văn thuần thục, sáng sủa, giản dị.

Ngoài ra, sách của Đời nay được trình bày, ấn loát rất đẹp, do các hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân trông nom, đã cách tân nghệ thuật xuất bản sách lên một bước mới cho nghề xuất bản sách. Ở nước ta, Nhà xuất bản Đời nay đã đi đầu trong kĩ nghệ xuất bản sách, ngoài những bản giấy thường, còn có một số bản giấy dó, lụa, búp phăng, có chữ kí của tác giả và đánh số, dành để tặng và cho bạn đọc yêu sách đẹp.

4. Nhà xuất bản Tập sách dân chúng

Thời kì 1936-1939, cùng với phong trào Mặt trận Dân chủ, một bộ phận làm công tác tuyên truyền tư tưởng của Đảng đã công khai thành lập các cơ quan ngôn luận. Về báo, có *Le Travail*, (Lao động), *Rassemblement* (Tập hợp), *En Avant* (Tiến lên), *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) xuất bản bằng chữ Pháp. *Đời mới, Tiếng vang, Kiến văn, Hồn trẻ, Tân xã hội, Thời báo, Thời thế, Bạn dân, Tin tức, Đời nay, Người mới, Thế giới mới* bằng Quốc ngữ. Cũng thời gian này, các đảng viên cộng sản đã cho xuất bản và phát hành *Tập sách dân chúng* góp phần vào tiếng nói chung của Đảng, giới thiệu chủ nghĩa Mác và giáo dục quần chúng đấu tranh cách mạng. Lúc này, ta đã mở *hiệu sách Đồng Xuân* ở số 26 phố Hàng Gạo (nay là phố Đồng Xuân) để bán các sách báo tiến bộ của Đảng và của nước ngoài.

Tập sách dân chúng coi như một cơ quan xuất bản của Đảng trong thời kì Mặt trận Dân chủ để công khai tuyên truyền lí tưởng cộng sản và đấu tranh trên mọi lĩnh vực chính trị, văn nghệ, tôn giáo, triết học đang diễn ra. Trong đó, có cuộc tranh luận

---

1. Vũ Ngọc Phan - *Nhà văn hiện đại*, quyển tư (tập thượng). Nxb. Vĩnh Thịnh, 1981, tr.100.

sôi nổi xung quanh vấn đề *"nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh"* giữa nhóm Hải Triều, Hải Khách, Hải Thanh,... với nhóm Hoài Thanh, Lưu Trọng Lư, Lê Tràng Kiều, mà sự mở màn từ bài của Thiếu Sơn trên báo *Tiểu thuyết thứ bảy* (2.1935) và bài phê phán lại của Hải Triều trên báo *Đời mới* (3. 1935). Bên cạnh còn có hai cuộc tranh luận phụ, xung quanh cuốn *"Ở Liên Xô về"* (Retour de L'uRSS) của Ăngđrê Giđơ (André Gide) và vấn đề *Quốc gia và quốc tế* trên tờ *Hà Nội báo*, cho đến cuối năm 1936. Trong bối cảnh ấy, sách của *Tập sách dân chúng* đã là vũ khí phối hợp. Danh mục sách xuất bản thấy có: *Vấn đề dân cày*[1] của Qua Ninh và Vân Đình (bút danh của Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp), *Vấn đề dân tộc giải phóng ở Đông Dương* của Vân Đình là hai cuốn sách đề cập đến vai trò nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ. *Tự chỉ trích* của Trí Cường (bút danh của Nguyễn Văn Cừ, tổng bí thư của Đảng lúc này) đã tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo và đấu tranh của Đảng trong thời kì Mặt trận Dân chủ, tác phẩm quan trọng phát triển lí luận về công tác Mặt trận Dân tộc thống nhất trong cách mạng nước ta.

Chế độ chính trị các nước của Cựu Kim Sơn, *Lênin* của Văn Giang, *Tiểu sử Mao Trạch Đông* của Bằng Phi (tức Phan Đăng Lưu) dịch. Bên cạnh đó là các tập *Ăngđrê Giđơ và Liên Xô* của Hải Thanh, *Duy tâm và duy vật, Chủ nghĩa Mác xít phổ thông, Văn sĩ và xã hội* của Hải Triều, *Giai cấp là gì* của Sơn Trà. Trong cuốn *văn sĩ và xã hội*, Hải Triều đã giới thiệu ba nhà đại văn hào thế giới: Macxim Goorki (M. Gorki), Rômanh Rôlăng (Romain Rolland) và Hăngri Bácbuytxơ (Henri Barbusse).

Ngoài sách chính trị - xã hội, còn có những phóng sự như *Ngục Kontum* của Lê Văn Hiến kể lại những chuyện có thật với đủ chứng cứ trong ngục tù này nhằm cung cấp tài liệu cho Đảng Cộng sản và Mặt trận Bình dân Pháp đấu tranh. Sách ra đời (1938) đã bị thực dân cấm lưu hành ngay. *Vượt ngục* cũng là phóng sự tiểu thuyết của Cựu Kim Sơn, xuất bản năm 1939, kể lại chuyện 7 chiến sĩ cách mạng tổ chức vượt ngục tại nhà thương Phủ Doãn tháng 12.1932 do Nguyễn Văn Cuội (tức Nguyễn Tạo) cầm đầu. Sách ra bán hết mới bị cấm. *Ba năm ở Nga Xô Viết* của Trần Đình Long là tập hồi kí đã đăng tải trên báo *Tin tức* của Đảng, sau mới xuất bản thành sách.

Bên cạnh các báo chí công khai của Đảng, các sách do *Tập sách dân chúng* xuất bản đã tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các cuộc tranh luận văn chương - chính trị - tư tưởng ấy - cuộc đấu tranh giữa hai quan điểm nghệ thuật: một bên là nghệ thuật tư sản, một bên là nghệ thuật vô sản. Thực ra, đằng sau sự va chạm về quan điểm nghệ thuật là sự xung đột giữa hai thái độ chính trị của hai tầng lớp thanh niên lúc đó.

Quan điểm của nhóm nghệ thuật vị nghệ thuật cũng như của Ăngđrê Giđơ đã gieo

1. Có tài liệu ghi sách này do Đức Cường xuất bản. Hà Nội, 1937 (*Lịch sử Việt Nam*, tập 2. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr.167).

rắc trong thanh niên tư tưởng trốn tránh đấu tranh, đi vào con đường thoát li, mơ mộng, yêu đương lãng mạn. Sự chiến thắng của nhóm nghệ thuật vị nhân sinh đã chứng tỏ sức mạnh đang lên của tư tưởng nghệ thuật vô sản, trong đó có sự góp sức của *Tập sách dân chúng*.

5. Nhà xuất bản Mai Lĩnh

Xuất phát từ hiệu sách rồi tiến tới mở nhà in, lập nhà xuất bản, *Mai Lĩnh* có mặt ở Hà Nội từ năm 1936, luân chuyển qua nhiều địa điểm đến năm 1937 ở số 57 phố Phúc Kiến (nay là phố Lãn Ông) rồi đến năm 1941 về số 21 phố Hàng Điếu, hoạt động cho đến ngày toàn quốc kháng chiến (1946). Nhưng trước đó, Mai Lĩnh đã mở hiệu sách - nhà in và xuất bản ở Hải Phòng, số 60-62 phố Cầu Đất và là nơi phát hành *Tuần báo Hải Phòng* do Phùng Bảo Thạch làm chủ bút. Giám đốc nhà xuất bản ở Hà Nội là Đỗ Xuân Mai.

Lúc đầu, để có thể thu nhanh vốn và có lãi hồng trụ vững lâu dài, nhà xuất bản in hàng vạn chuyện số lẻ 16 trang bán ba xu, với các truyện kiếm hiệp do Văn Tuyền viết (một bút danh của Phạm Cao Củng): *Chu Long Kiếm, Lục Kiếm Đồng, Khánh Sơn tiểu hiệp, Dạ quang tình hiệp*... toàn truyện bịa đặt mà cứ tưởng dịch của Tàu. Đồng thời, xuất bản loại sách trinh thám của Phạm Cao Củng lấy nhân vật trung tâm là thám tử Kì Phát: *Nhà sư thọt, Người một mắt, Kì Phát giết người, Đám cưới Kì Phát, Bóng người áo tím*... cũng được bạn đọc bình dân, học sinh ham thích. Dần dần nhà xuất bản hình thành *Mai lĩnh tư thư cục* với biểu trưng "người thợ xây dưới ánh mặt trời" và dòng chữ "Xây nền Quốc học", công bố phương châm như sau:

Nước ta muốn cho trình độ trí thức ngày càng cao hơn lẽ cố nhiên phải có những sách về học thuật, về tư tưởng bằng Quốc văn để ai ai cũng có thể đọc được; và chữ Quốc ngữ ngày nay đã phổ thông trong dân gian nhiều lắm. Nhà xuất bản Mai Lĩnh hình thành 5 tùng thư và một loại sách phổ thông.

Trên danh mục sách, *Triết học tùng thư* đã ra: *Lão Tử, Mặc Tử, Trung Dung chú giải, Kinh Dịch, Trang Tử, Tâm lí học*. *Sử học tùng thư* có: *Triều Tây Sơn, Hoàng Lê nhất thống chí, Những trang sử vẻ vang, Bằng quận công, Tĩnh đô vương, Nguyễn Trường Tộ, Đông Kinh nghĩa thục, Phan Đình Phùng, Đời cách mạng Phan Bội Châu*.

Văn học tùng thư đáng lưu ý nhất là bộ văn học Việt Nam gồm: *Thi văn bình chú* (đời Lê, Mạc, Tây Sơn), *Văn học đời Lý, Văn học đời Trần* là một công trình sưu tầm, nghiên cứu công phu và bản dịch tài hoa của Ngô Tất Tố. Trong tùng thư này còn có: *Lược khảo thơ Trung Quốc* (Doãn Kế Thiện).

Y học tùng thư với bộ *Việt Nam dược học* gồm 5 cuốn của Phó Đức Thành. *Giáo dục tùng thư* khá phong phú: *Việt Nam sử học, Sơ yếu lịch sử Việt Nam, Công dân giáo khoa thư, Luận ngữ cách ngôn, Nguồn gốc và văn pháp chữ Hán, Việt Nam tốc kí, Bài học tiếng Nhật, Học tiếng Ăng-lê*... và đặc biệt là loại sách cho thiếu nhi bằng

chữ Pháp "Livre du petit" do nhà giáo Lê Doãn Vỹ phụ trách, ra mỗi tháng hai số, từ số 1 ra ngày 15.3.1940 đến số 40 năm 1942. Bên cạnh đó là những sách phổ thông: *Nghệ thuật làm mẹ*, *Nguyên nhân các thói xấu của trẻ em*, *Thụ thai theo ý muốn*, *Sách dạy đan len*, *Muốn khoẻ*, *Khoa học huyền bí*...

Mảng sách sáng tác văn học của Nhà xuất bản Mai Lĩnh là nơi tập hợp khá nhiều tác phẩm nổi tiếng đánh dấu giai đoạn văn học trước cách mạng. Ngô Tất Tố với *Tắt đèn*, *Lều chõng*, *Việc làng*... Vũ Trọng Phụng với *Làm đĩ*, *Lấy nhau vì tình*, *Vỡ đê*. Tam Lang với *Tôi kéo xe* - cuốn phóng sự mở đầu cho thể loại văn học này ở nước ta. Nguyễn Tuân có *Ngọn đèn dầu lạc*, *Tàn đèn dầu lạc*. Phạm Cao Củng - Văn Tuyền có tới dăm chục tên sách ở Mai Lĩnh.

Ngoài ra còn có các cộng tác viên của Nhà xuất bản như Phùng Bảo Thạch, Lan Khai, Nguyễn Công Hoan, Doãn Kế Thiện, Phạm Tất Đắc, Nguyễn Triệu Luật, Đào Trinh Nhất, Phan Trần Chúc, Bùi Quang Huy, Trúc Đình, Vũ Bằng, Đinh Khắc Giao, Lê Doãn Vỹ, Đoàn Như Khuê, Bùi Đình San, Phó Đức Thành, Nguyễn Lân, Đoàn Nồng, Thái Phỉ, Nguyễn Lương Bích, Phan Khoang, Trần Lang, Vũ Liên, v.v..

Nổi lên nhất là hầu như gần toàn bộ trước tác, sáng tác của Ngô Tất Tố, trong những năm 1935-1945 đều xuất bản ở Nhà xuất bản Mai Lĩnh, đó là: *Vua Hàm Nghi với việc kinh thành thất thủ* (1935), *Tắt đèn* (1939), *Gia đình tổng trấn tả quân Lê Văn Duyệt* (1940), *Thơ và tình*, *Phê bình Nho giáo của Trần Trọng Kim* (1940), *Thi văn bình chú* (1941), *Việc làng* (1941), *Lều chõng* (1941), *Văn học đời Lý*, *Văn học đời Trần*, *Lão Tử*, *Mặc Tử* (1942), *Kinh dịch* (1943).

Nhà xuất bản Mai Lĩnh, xét toàn cục, đã thực sự đóng góp có ý thức vào việc xây dựng nền học thuật và văn học dân tộc nước nhà. Trong những năm Hà Nội bị địch tạm chiếm, Nhà xuất bản Mai Lĩnh có phục hồi hoạt động, nhưng chỉ là tái bản một số sách của Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyễn Tuân mà thôi.

6. Nhà xuất bản Hàn Thuyên

Chỉ hoạt động vẻn vẹn trong vòng 6 năm (1940-1946) với sách xuất bản khoảng trên dưới 100 cuốn, nhưng Nhà xuất bản Hàn Thuyên cần được quan tâm, bởi nội dung của phần lớn sách mang danh nghĩa triết học, kinh tế học, khảo luận văn học, cổ sử loài người, đánh giá lịch sử... đã viết theo phương pháp duy vật máy móc, khoác áo "mác-xit" làm cho nhiều người mơ hồ bị đánh lừa.

Chủ trương thành lập Hàn Thuyên xuất bản cục ở số 71 phố Tiên Tsin (nay là Hàng Gà) là nhóm *Tân Văn hoá*, chủ chốt có Nguyễn Đức Quỳnh, Nguyễn Bách Khoa (tức Trương Tửu), Lương Đức Thiệp, Lê Văn Siêu, Nguyễn Tế Mỹ...

Bên cạnh tủ sách *Tân Văn hoá*, nhà xuất bản cho ra tạp chí *Văn mới*.

Xuất hiện vào thời điểm sau khi Mặt trận Dân chủ bị chính phủ Pháp đàn áp dữ dội, Chiến tranh thế giới II đang diễn ra ác liệt, lòng dân đang hoang mang, mò mẫm tìm đường, Hàn Thuyên tuyên bố *đi tìm một triết lí mới về nhân sinh, có ích lợi thiết*

thực cho cuộc sống của quốc dân Việt Nam và *kiến thiết một hệ thống văn hoá mới để làm kim chỉ nam cho sự hoạt động tiến thủ*... quả đã làm cho công chúng bạn đọc lưu ý. Nguyễn Đức Quỳnh với bộ *Lịch sử thế giới* hàng chục cuốn từ *Đời sống thái cổ, Thượng cổ sử Ai Cập, Cục đông cổ sử, Cận đông cổ sử*...; Nguyễn Bách Khoa với *Nguồn gốc văn minh, Kinh thi Việt Nam, Nguyễn Du và truyện Kiều, Văn chương truyện Kiều*; Lương Đức Thiệp với *Xã hội Việt Nam*; Nguyễn Tế Mỹ với *Hai Bà Trưng khởi nghĩa*... đều ít nhiều bóp méo lịch sử, bôi nhọ di sản văn hoá dân tộc, xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Nguyễn Tế Mỹ cho Hai Bà Trưng chống Hán là "lạc hậu", chống lại "tiến bộ", là "phản quy luật tiến hoá của lịch sử".

Nguyễn Bách Khoa từ chẩn đoán Kiều là thiếu nữ đến kì "xuân tình phát động" bị ức chế không thoả mãn tính dâm mà nảy sinh chuyện, đến mạt sát Nguyễn Du và truyện Kiều bằng những lời thô thiển.

Tuy nhiên, bên cạnh những cây bút được coi là trốtxkit nói trên, còn một số nhà văn mơ hồ, bị lợi dụng đã cộng tác với Nhà xuất bản Hàn Thuyên như Nguyễn Đình Lạp, Bùi Huy Phồn...

Ngoại ô tiểu thuyết phóng sự của Nguyễn Đình Lạp do Hàn Thuyên xuất bản (1941) là một tác phẩm hiện thực phê phán, miêu tả cuộc sống đầy bi đát của những con người dưới đáy xã hội, chui rúc ở "cửa ô tối tăm, chật hẹp" với "lòng yêu sống, mong sống, ham sống" trong "một cuộc sinh hoạt gay go, tàn nhẫn và nhọc nhằn" đã lột trần khoảng sau của đời sống đô thị phồn hoa thời ấy.

Bùi Huy Phồn bên cạnh *Một chuỗi cười* (1940) đả kích bọn quan lại phong kiến, đã đi vào viết hàng loạt truyện trinh thám cho Hàn Thuyên như *Gan dạ đàn bà, Hai giờ đêm nay, Mối thù truyền kiếp*...

Trương Tửu trong *Tính sổ 10 năm văn học 1930-1940* (Mùa gặt mới số ra tháng 2.1940) đã tỏ ra một nhà phê bình không nhất quán. Trong *Nhà văn hiện đại* (Tân Dân 1942-1945) nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan đã nhận xét về Trương Tửu khá rõ: *... ông là một nhà phê bình rất thiên vị. Ông đã từng khen những văn sĩ trong Tự lực văn đoàn những chữ "rất lớn" trong báo Loa, rồi bây giờ theo một khuynh hướng chính trị của ông, ông lại dìm họ xuống đất đen, bảo họ đã "tạo ra một loạt thiếu niên nam nữ truỵ lạc từ thể chất đến linh hồn"*[1].

Nhưng, Nhà xuất bản Hàn Thuyên cũng để lại một số cuốn sách mang khuynh hướng đối lập như *Văn học khái luận* của Đặng Thai Mai (1944). Tác giả trên quan điểm mác-xit chân chính đã đấu tranh với những quan niệm sai lầm trong giới văn nghệ lúc đó, giải thích và thuyết phục, hướng tới một lối đi cho lớp trí thức văn nghệ sĩ khủng hoảng niềm tin. Tính luận chiến uyên bác, mực thước và phương pháp phân tích khoa học của tác giả đã ít nhiều làm rõ ba mục tiêu mà Đảng đã đề ra trong "Đề cương văn hoá Việt Nam" là "dân tộc hoá, khoa học hoá, đại chúng hoá".

---

1. Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại*. Sđd. Tr.192.

Dù xuất bản ở Hàn Thuyên, *Văn học khái luận* cũng như *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đổng Chi, *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm* của Nguyễn Đình Lạp, *Báo chí cách mạng* của Trần Huy Liệu - 1946, vẫn là những cuốn sách đáng ghi nhớ trong lịch sử văn học Việt Nam.

7. Nhà xuất bản Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam

Trụ sở: Nhà Khai Trí tiến đức cũ, phố Hàng Trống sau chuyển về số 40 phố Quang Trung.

Hội Văn hoá cứu quốc là một thành viên của Mặt trận Việt Minh, thành lập từ tháng 4.1943 tại Hà Nội, hoạt động bí mật, do Đảng Cộng sản Đông Dương tổ chức và lãnh đạo. Tháng 6.1945, Hội nghị quyết định ra cơ quan ngôn luận của mình là tạp chí *Tiên phong*. Số 1 ra trước Cách mạng tháng Tám, nhưng khi nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời, tạp chí mới xuất hiện công khai dưới hình thức bán nguyệt san, số đầu coi như tái bản ngày 10.11.1945. Đồng thời, hội cũng thành lập nhà xuất bản, cùng thời với nhà xuất bản của các đoàn thể khác như *Lao động* của công nhân cứu quốc, *Sự thật* của Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương, *Tiếng gọi phụ nữ* của Hội Phụ nữ cứu quốc...

Chủ tịch Hội Văn hoá cứu quốc là Trần Huy Liệu, tới Đại hội Văn hoá toàn quốc tháng 11.1946, chủ tịch là Đặng Thai Mai, tổng thư kí là Hoài Thanh. Với danh nghĩa "cơ quan vận động văn hoá mới", Hội đã xuất bản các loại sách: *Chính trị phổ thông*, *Văn học*, *Tủ sách thế giới*, *Tủ sách nghiên cứu*, *Tủ sách dịch và Tủ sách gương chiến đấu*. Đặc biệt là những cuốn sách lí luận về văn hoá như: *Có một nền văn hoá Việt Nam* (Hoài Thanh), *Một nền văn hoá mới* (Nguyễn Hữu Đang và Nguyễn Đình Thi), *Văn hoá là gì?* (Đào Duy Anh).

Sách nghiên cứu có: *Văn sĩ xã hội* (Hải Triều), *Chủ nghĩa dân chủ mới* (Nguyễn Đình Thi), *Chữ của dân tộc* (Ngô Quảng Châu), *Công cuộc chống nạn thất học ở Việt Nam* (Nguyễn Công Mỹ). Sách chính trị phổ thông có: *Quyền và bổn phận làm dân*, *Hiến pháp là gì?*, *Lá phiếu dựng nước*, *Trang sử mới*, *Tám mươi năm tội ác*... Tủ sách thế giới có: *Ấn Độ và đế quốc Anh* (Văn Tần), *Ba Lan vận động độc lập* (Hữu Minh), *Các nước trên trường quốc tế* (LTC), *Thanh niên Liên Xô* (Trần Mai Thiên dịch), *Lịch sử giáo dục Trung Hoa* (Minh Tranh dịch). Nhiều tác phẩm của các văn nghệ sĩ: *Miền Nam nước Việt và người Việt Miền Nam*, *Ngọn quốc kì*, *Hội nghị non sông* (Xuân Diệu), *Thơ Tố Hữu*, *Địa ngục* (Nguyên Hồng), *Luống cày* (Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Huy Tưởng, Kim Lân), *Căm hờn* (nhiều tác giả), *Nghĩa Lộ khởi nghĩa - Nghĩa Lộ vượt ngục* (hồi kí của Trần Huy Liệu), *Mặt trận Nam có gì lạ?* (Thu Tâm), *Bắc Sơn* (kịch Nguyễn Huy Tưởng), *Cứu quốc ca* (tập bài hát cách mạng của Văn Cao, Đỗ Nhuận, Nam Bình).

Phát hành rộng rãi là loại sách "Gương chiến đấu" với các cuốn sách: *Chị Tư gánh nước giết giặc* (Vương Thế Trang), *Người chiến sĩ trong bộ đội thu sơn* (Mắt biển),

Quyết chiến, *Anh hồi sinh* (Phạm Phú Tư), *Chị Lan giết hiền sĩ* (Đặng Vân), *Năm trẻ anh hùng ở Thái Nguyên* (Nguyễn Huy Tưởng), *Ngọn đuốc sống* (Hoàng Hương Bình), *Người vệ quốc trong phái tăng già* (Tô Hoài), *Người chiến sĩ say*, *Lá cờ máu*, *Miền Nam chiến đấu diễn ca* (Thâm Tâm) đã góp phần cổ vũ tinh thần chiến đấu anh dũng giết giặc cứu nước của nhân dân ta.

Theo giới thiệu trên tạp chí *Tiên phong*, sau một năm hoạt động, đến tháng 8.1946, *Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam* đã xuất bản 37 tựa sách với 199.880 bản.

Hội đã tập hợp được đông đảo văn nghệ sĩ, nhà văn hoá, nhà chính trị có tên tuổi lúc ấy và huy động họ tham gia vào công cuộc xây dựng Nhà nước nhân dân non trẻ, Kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ. Sách của hội ấn hành năm 1946 đã chiếm lĩnh trận địa văn hoá - tư tưởng, có mặt ở khắp các hiệu sách Miền Bắc, Miền Trung và theo đoàn quân Nam tiến.

Đến ngày 15.10.1946, hội quyết định thành lập Nhà xuất bản Tiên phong. Nhưng chỉ hơn 2 tháng sau, chiến cuộc đã nổ ra. Nhà xuất bản phải tản cư ra hậu phương, không có điều kiện hoạt động. Có lẽ cuốn sách cuối cùng đang in dở dang của nhà xuất bản này là cuốn *Hồ Chủ tịch nói*, tập sách sưu tầm những bức thư, những lời hiệu triệu, những lời đối đáp của vị lãnh đạo quốc gia.

II. XUẤT BẢN Ở HÀ NỘI TRONG TÁM NĂM BỊ ĐỊCH TẠM CHIẾM (1947-1954)

Sau 60 ngày đêm chiến đấu anh dũng kìm chân địch ở Liên khu I, Trung đoàn Thủ đô được lệnh của Trung ương rút khỏi Hà Nội, vượt Sông Hồng đêm 17.2.1947, về hậu phương xây dựng lực lượng để kháng chiến lâu dài.

Thủ đô tạm thời nằm trong vùng quân Pháp chiếm đóng. Lúc đầu, địch thi hành chế độ quân quản, đàn áp, bắn giết nhân dân để lập lại trật tự. Số người còn lại chỉ khoảng 5-6 nghìn người. Mãi nửa năm sau chúng mới dựng lên một chính quyền tay sai là Hội đồng an dân, rồi mới lập được Toà thị chính Hà Nội.

Tháng 3.1947 mới có tờ báo chữ Việt đầu tiên trong Hà Nội bị tạm chiếm: tờ *Thời sự* của Nghiêm Xuân Thiện. Ba tháng sau có thêm tờ *Ngày mới* của Nguyễn Phi Khanh. Tháng 1.1948 thêm tờ *Vì dân* của Đào Trinh Nhất. Những tờ báo này đều do mật thám liên bang nắm. Đến tháng 10.1948 mới có tờ *Tia sáng* do Ngô Vân làm chủ nhiệm, vốn là tờ *Đông Pháp* trước kia, nay hoạt động trở lại. Đó là báo chí. Còn xuất bản chưa có gì. Các nhà xuất bản cũ, một số ra hậu phương đi kháng chiến, một số chuyển vào Sài Gòn, số còn lại cũng chưa dám hoạt động, còn chờ đợi nghe ngóng.

Phải đến năm 1950, xuất bản ở Hà Nội mới bắt đầu hoạt động. Lúc này, số dân trong thành phố đã tới chục vạn người. Một số văn nghệ sĩ hồi cư. Tình hình giao thông với các thành phố lớn ở phía bắc như Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương đã ổn định. Đường hàng không đã mở nối với Huế, Sài Gòn. Các hiệu sách đã mở cửa ngày một đông.

Các nhà xuất bản cũ trở lại hoạt động có Á Châu, Hương Sơn, Lê Cường, Lê Thăng, Mai Lĩnh, Quốc Học, Tam Hữu, Trường Xuân, Tân Dân... nhưng chỉ hoạt động cầm chừng, lấy lệ. Nổi lên một số nhà xuất bản mới, phần lớn đều có nhà in riêng và có hiệu sách để tự phát hành sách của mình.

Những nhà xuất bản hoạt động đều và liên tục từ 1950 đến tháng 9.1954 có thể kể: Văn Hồng Thịnh ở số 112 phố Hàng Bông, Nhà xuất bản Cây Thông ở số 62 phố Hàng Đẫy (Nguyễn Thái Học) - (Hai nhà xuất bản này của hai anh em Đỗ Văn Hồng và Đỗ Văn Giao). Nhà xuất bản Sông Nhị lúc đầu ở số19B Hàng Bông Nhuộm, sau chuyển ra phố Hàng Bông rồi lại dọn đến số 33B phố Đồng Khánh (Hàng Bài). Nhà xuất bản Thế giới ở số 116 Duy Tân (nay là phố Huế), Nhà xuất bản Vĩnh Thịnh ở số 63 phố Lò Sũ, Nhà xuất bản Yên Sơn ở số 42 phố Hàng Than...

Do sự kiểm duyệt ngặt nghèo của địch, xuất bản gặp nhiều khó khăn trong việc in các sáng tác mới. Đầu tiên là đua nhau tái bản những sách truyện nôm, cổ văn, truyện dã sử Trung Quốc, sau đó, phục hồi việc in truyện kiếm hiệp, trinh thám, phiêu lưu mạo hiểm ra từng số dày 16 trang, sau đó đóng lại thành tập. Khá nhiều nhà xuất bản tham gia phương thức này.

Xuất bản truyện Nôm, sách cổ văn bình dân có các Nhà xuất bản Phúc Chí, Tam Hữu, Văn Hồng Thịnh, Cây Thông... Bên cạnh đó, họ xuất bản các truyện *Tam quốc chí, Ngũ hổ bình nam, Ngũ hổ bình liêu, Tái sinh duyên, Phấn trang lâu, Vạn hoa lâu, Chiêu quân...*

Truyện kiếm hiệp có các nhà xuất bản Vĩnh Thịnh, Yên Sơn, Trần Văn Huy, Huyền Nga, Trường Xuân... các cuốn đã in trước cách mạng của Lý Ngọc Hưng (*Lăng Vân kiếm khách, Long hình quái khách, Độc nhỡn kiếm...*), của Văn Tuyền (*Lục kiếm đồng, Chu Long kiếm, Giang Đông tam hiệp...*), của Ngọc Cầm (*Đoan Hùng, Lệ Hằng phục thù...*) lần lượt được tái bản.

Truyện trinh thám của Phạm Cao Củng do Nhà xuất bản Huyền Nga liên tục xuất bản cùng với truyện kiếm hiệp mới viết của Văn Tuyền (bút danh khác của Phạm Cao Củng), như *Dạ Quang tình hiệp, Sơn Nam hùng kiếm...* Sách in rất xấu và viết rất ẩu.

Nhiều tiểu thuyết của Tự lực văn đoàn, của các nhà văn Lê Văn Trương, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng, Tô Hoài, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Trần Tiêu, Tản Đà đã được nhiều nhà xuất bản in lại không cần xin phép tác giả, vì nhiều người vẫn ở ngoài kháng chiến. Cũng có cuốn do gia đình tác giả đưa in, hoặc là sách đã bán bản quyền cho nhà xuất bản rồi. Sau đó, mới đến một loạt sách mới của tác giả trẻ: Nguyễn Minh Lang, Nguyễn Thạch Kiên, Thanh Nam, Huy Linh... Bên cạnh các tiểu thuyết *Những kẻ lạc loài, Hoa dại, Nước mắt trong đêm mưa* còn có tiểu thuyết của các nhà văn lớp trước như Ngọc Giao với *Quán gió, Đất, Xả Bèo. Quán gió* là cuốn tiểu thuyết bôi bác nông dân trong kháng chiến. Mặc Thu viết *Bão biển*, Triều Đẩu viết *Tranh tối tranh sáng* và *Trên vỉa hè Hà Nội* là ba tập sách của hai

cây bút phản động, đổ tội gây hoạ chiến tranh cho Việt Minh. Lại có *Đồi thông hai mộ* cuốn truyện thơ của Nguyễn Đình Trung mang nặng thứ tình sầu lãng mạn được Bảo Đại cho giải thưởng...

Tuy nhiên, bên cạnh các sách mang nội dung lãng mạn vẫn có loạt sách của dòng văn học hiện thực yêu nước, tố cáo xã hội ngột ngạt trong vùng địch tạm chiếm hoặc mượn lịch sử để nói đến chống xâm lược, bảo vệ non sông đất nước. Nhà xuất bản Sao Mai có *Nhìn xuống*, Hoàng Công Khanh có *Mẹ tôi sớm biệt một chiều thu*, *Bến nước Ngũ Bồ*..., Mộng Sơn có *Vượt cạn*, Giang Quân có *Con tôi về giữa mùa xuân*, Minh Tân - Thuỳ Linh có *Mưa bóng mây*...

Mảng sách nghiên cứu, khảo luận được các Nhà xuất bản Sông Nhị, Thế giới, Thăng Long, Quốc học, Võ đất quan tâm xuất bản.

Nhà xuất bản Sông Nhị đứng hàng đầu trong việc xuất bản các sách này. Được sự cộng tác của nhiều học giả tên tuổi như Hoàng Xuân Hãn, Nghiêm Toản, Vũ Văn Hiền, Hoa Bằng Hoàng Thúc Trâm, Nguyễn Gia Tường, Nguyễn Dương Đôn... Nhà xuất bản đã cho ra đời 5 tủ sách: Hiểu biết, Văn cổ, Xây dựng, Khảo luận, Giáo khoa. Nhiều cuốn sách giá trị như: *Lý Thường Kiệt*, *Đại Nam quốc sử diễn ca*, *Thi văn Việt Nam*, *Mai Đình mộng kí*, *Hà Thành thất thủ và Hoàng Diệu*... do Hoàng Xuân Hãn viết hoặc biên khảo về nguồn gốc, giới thiệu văn bản, dịch nôm, chú giải tường tận, đã từ nhà xuất bản này đến với bạn đọc.

Các nhà xuất bản khác phần lớn là tái bản sách chuyên khảo của Đào Duy Anh; Lê Văn Siêu, Giản Chi, Nguyễn Bách Khoa, Hồ Hữu Tường... Nhà xuất bản Thăng Long tập trung xuất bản và lập tủ sách "Giúp trí nhớ" cho học sinh trung học với nhiều tác phẩm - tác giả cổ văn được phân tích, nhận xét, đánh giá, chú giải rất cẩn thận do các giáo sư có tín nhiệm soạn: Nguyễn Duy Diễn, Nguyễn Tường Phượng, Hoa Bằng...

Nhà xuất bản Á Châu cũng có tủ sách "Cổ văn", nhưng chú giải đơn giản hơn, một cách phổ thông cho học sinh tham khảo môn văn học. Sách giáo khoa bậc tiểu học và trung học là mối lợi lớn được các Nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh, Đông Bích, Thế Giới, Yên Sơn,... cho in la liệt. Cuốn nào cũng thấy ghi "được công nhận dùng trong nhà trường", nhưng tuỳ ý trường nào thích sách của ai, hoặc được nhà xuất bản cho "hoa hồng" thì dùng sách đó.

Cùng với sách học các môn tập đọc - học thuộc lòng, lịch sử, địa lí, cách trí, toán học, tập làm văn... là sách học tiếng Pháp, tiếng Anh, tự điển song ngữ Pháp - Việt, Việt - Pháp, Anh - Việt, Việt - Anh... Nhà xuất bản Nguyễn Du chỉ với cuốn *Vần quốc ngữ* của Nguyễn Bình in đi in lại mà cũng làm nên cơ đồ.

Nhà xuất bản Quốc học có *Truyện Kiều chú giải* và *Tự vị chính tả* của Lê Văn Hoè.

Để đấu tranh xây dựng quan điểm văn nghệ lành mạnh, chống lại thứ văn hoá đồi truỵ, phản động, thực dân, một số tác giả đã cho xuất bản những cuốn sách lí luận phổ thông về văn nghệ như: *Quan điểm văn nghệ nhân dân* của Hoàng Công

Khanh do Quy Sơn xuất bản, *Tìm nghĩa văn học*, *Viết và sống* của Nguyễn Xuân Huy do Nhà xất bản Võ đất xuất bản.

Nhà xuất bản Vĩnh Thịnh in nhiều sách kiếm hiệp, nhưng cũng tái bản được bộ sách quý *Nhà văn hiện đại* gồm 5 quyển của Vũ Ngọc Phan và in lần đầu bộ *Lịch sử Việt Nam* gồm 5 quyển của Phan Xuân Hoà dùng cho học sinh trung học.

Loại sách cho thiếu nhi cũng được các nhà xuất bản chú ý. Nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh có sách *Măng mọc*, Nguyễn Du có *Truyện cổ tích*, Quốc Việt có tủ sách *Cổ tích vui*, Thanh Bình có sách *Trẻ Việt*, Lan Tú Lê Doãn Vỹ ra sách *Tuổi xanh*...

Nhà xuất bản Hương Sơn có thâm niên xuất bản, nhưng chỉ quẩn quanh tái bản thơ Nguyễn Bính, Tản Đà... và đặc biệt ra nhiều tập sách về tình dục như *Ái tình bảo giám*, *Yêu nhau nên biết*... Nhà xuất bản Huyền Nga thấy sách này bán được, cũng cho ra một loạt *Thụ thai theo ý muốn*, *Sinh con trai hay con gái theo ý muốn*, *Sinh nở dễ dàng*... chẳng rõ do "ông lang băm" nào viết!... Nhà xuất bản Tam Hữu cũng có *Nam nữ đại bí mật*!

Nhà xuất bản Tân Dân tục bản *Tiểu thuyết thứ bảy* do Vũ Bằng làm chủ bút cũng thu hút được khá nhiều cây viết trẻ, nhưng chủ yếu vẫn là những nhà văn đã cộng tác trước cách mạng và cái vốn bản thảo mà ông chủ Vũ Đình Long còn lưu giữ được. *Phổ thông bán nguyệt san* ra 5 tập, trong đó có hai tập kịch Việt Nam do Vũ Đình Long phỏng dịch (*Tổ quốc trên hết*, *Công tôn nữ Ngọc Dung*), *Thư cho người mất tích* của Vũ Bằng, *O chuột* của Tô Hoài, nhưng Tân Dân cũng chỉ "nhúc nhắc" được trong hai năm (1949-1950) rồi đóng cửa "xuất bản", giao nhà in cho Đinh Xuân Cầu quản lí để ra báo và in thuê.

Tóm lại, trong 8 năm tạm chiếm, xuất bản ở Hà Nội hoạt động yếu, mục tiêu kinh doanh kiếm sống là chính, xuất bản không có chủ trương nhất quán, trừ Nhà xuất bản Sông Nhị như đã nói ở trên. Sách tái bản là chính, phục hồi truyện kiếm hiệp, trinh thám "rẻ tiền". Bên cạnh sách lãng mạn có một số sách mang tư tưởng yêu nước, tiến bộ.

III. XUẤT BẢN Ở HÀ NỘI TỪ SAU NGÀY GIẢI PHÓNG THỦ ĐÔ (10.1954-1999) ĐẾN NAY THỜI KÌ NÀY ĐƯỢC CHIA LÀM BA GIAI ĐOẠN:

a) *Giai đoạn 4 năm đầu sau ngày giải phóng (1955-1958)*, xuất bản có nhiều thành phần: nhà xuất bản trong Hà Nội bị tạm chiếm còn lại tiếp tục hoạt động, nhà xuất bản tư nhân mới ra đời thêm, một số nhà xuất bản của Nhà nước và tư nhân từ hậu phương về, thành lập các nhà xuất bản mới của các hội, cơ quan, đoàn thể.

b) *Giai đoạn 1959-1986*: thống nhất hoạt động xuất bản trong tay Nhà nước, nhà xuất bản được bao cấp, mở rộng phong trào đọc và xây dựng thư viện.

c) *Giai đoạn đổi mới 1987-2007*: các nhà xuất bản chuyển sang hạch toán kinh tế,

một số nhà xuất bản trở thành doanh nghiệp, in ấn hoàn toàn bằng phương thức hiện đại. Tư nhân tham gia liên kết xuất bản.

1. Giai đoạn 1955-1958

Sau Ngày giải phóng Thủ đô, công tác trung tâm của Hà Nội là ổn định trật tự an ninh và đời sống nên hoạt động xuất bản chưa được chú ý. Vả lại, các nhà xuất bản còn ở Hà Nội vẫn tạm dừng hoạt động để nghe ngóng. Trong khi đó, một loạt nhà xuất bản tư nhân ở Khu IV, Việt Bắc trở về Hà Nội gây dựng cơ sở, nhưng đều là nhà xuất bản quá nhỏ, vốn ít, ra sách của văn nghệ sĩ quen biết, bạn bè là chủ yếu, như Hưng Văn, Kim Đức ở Hàng Bông. Chỉ có Nhà xuất bản Minh Đức - Thời đại của Trần Thiếu Bảo là bề thế nhất, đặt trụ sở ở số 25 phố Phan Bội Châu, lập kế hoạch xuất bản để lập các tủ sách: *Văn học sử, Tìm hiểu*... trong tay có sẵn bản thảo còn giữ của các tác giả đưa từ năm 1946, mang đi tản cư, trong kháng chiến chưa có điều kiện in, nay về Hà Nội lập tức cho xuất bản như *Tấm Cám* truyện thơ của Tú Mỡ, *Chiếc vai cày* chèo cùng với loạt sách tìm hiểu: *Một cuộc hành trình* của Nguyễn Mạnh Tường, *Học thuyết Michurin* của Bùi Huy Đáp, *Kinh tế dân chủ nhân dân* của Hoàng Minh Thảo, *Lí tưởng mới của thanh niên* của Lê Đạt. Sau đó, tái bản hàng loạt tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, Thạch Lam, Nguyễn Nhược Pháp, Tản Đà... Nhà xuất bản "quốc doanh" lúc này từ hậu phương về chỉ có bốn nhà: Sự thật, Văn nghệ, Thanh niên, Lao động. Đầu năm 1955 có thêm Nhà xuất bản Văn sử địa. Phải đến năm 1957 mới ra đời hàng loạt các nhà xuất bản của các cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng. Đó là Nhà xuất bản Giáo dục của Bộ Giáo dục, chuyên xuất bản sách giáo khoa, Nhà xuất bản Kim Đồng phục vụ sách cho thiếu nhi, Nhà xuất bản Phụ nữ của Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Nhà xuất bản Nông thôn chuyên ra sách phục vụ nông thôn, Nhà xuất bản Văn hoá xuất bản sách cổ văn, lúc đầu thuộc Viện Văn học sau trả về Cục xuất bản - Bộ Văn hoá quản lí cùng với Nhà xuất bản Phổ thông, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân ra sách về đề tài lực lượng vũ trang, Nhà xuất bản Hội Nhà văn thành lập sau khi đại hội Hội Nhà văn lần thứ nhất ra đời. Ngoài ra, có thêm Nhà xuất bản Ngoại văn in sách tiếng nước ngoài, phục vụ đối ngoại.

Các nhà xuất bản cũ trong Hà Nội bị tạm chiếm gặp nhiều khó khăn, kho sách đã in phần lớn không dùng được nữa, như sách giáo khoa, các tiểu thuyết kiếm hiệp, truyện tình lãng mạn, và một phần là sách vi phạm kỉ luật tuyên truyền của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, sách phản động, đồi truỵ phải huỷ bỏ. Chỉ còn lưu hành sách truyện Nôm, truyện dịch của Trung Quốc, tiểu thuyết của các nhà văn được tái bản, từ điển... Trong số này chỉ có Nhà xuất bản Văn Hồng Thịnh kiêm nhà in - hiệu sách, trường vốn hơn, hoạt động trở lại đầu tiên với tên mới Nhà xuất bản ánh sáng số 112 phố Hàng Bông. Những cuốn truyện phim về Bạch Mao Nữ, những truyện thơ, vở kịch đã diễn ở hậu phương được ấn hành. Sau đó, có hai nhà in được

sự cộng tác của các nhà văn, nhà giáo từ kháng chiến trở về đã mở nhà xuất bản, đó là Nhà xuất bản Sông Lô của Phan Bá Học ở số 18 phố Tràng Thi và Nhà xuất bản Xây dựng của Đào Văn Ngọc ở số 13 phố Đường Thành.

Nhà xuất bản Sông Lô mới chỉ ra hai loại sách: các chuyên khảo về cổ văn và văn học sử trong tủ sách "Tìm hiểu văn học" do Trần Thanh Mại, Nguyễn Văn Phú viết, và tủ sách "Măng non" cho thiếu nhi.

Nhà xuất bản Xây dựng có quy hoạch hơn, xuất bản các tủ sách văn học, sử học, triết học với sự cộng tác của nhiều tác giả, giáo sư có tiếng như Trần Văn Giàu, Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Chu Thiên... Chỉ trong ba năm 1956-1958, nhà xuất bản đã ấn hành nhiều bộ sách nghiên cứu giá trị: *Chống xâm lăng* (ba tập), bộ ba *Biện chứng pháp, Duy vật lịch sử, Vũ trụ quan* của Trần Văn Giàu; *Chống quân Nguyên* của Chu Thiên; *Lịch sử Việt Nam* (1897-1914) của Trần Văn Giàu, Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự; *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* (ba tập) của nhóm Lê Quý Đôn; *Vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam* của Đào Duy Anh.

Hoà bình đã được lập lại nhưng *chưa phải là thái bình* lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh với cán bộ khi trở về tiếp quản Thủ đô đã như tiếng chuông dự báo.

Miền Bắc giải phóng, công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiến hành cải cách ruộng đất với bao nhiêu khó khăn. Một số sai lầm trong cải cách ruộng đất cùng với cuộc đấu tranh chống tệ sùng bái cá nhân và dập tắt cuộc bạo động phản cách mạng ở Hungari đã tác động đến tinh thần một bộ phận văn nghệ sĩ.

Đầu năm 1956, *Giai phẩm mùa xuân* ra mắt, đã bị bạn đọc phản đối và bị thu hồi. Nhà xuất bản Minh Đức ra tiếp các tập *Giai phẩm mùa thu, Giai phẩm mùa đông* rồi đến *Đất mới*...

Cùng lúc này, có thêm báo *Nhân văn* ra đời. Cuộc đấu tranh văn nghệ và chính trị chống nhóm "Nhân văn - Giai phẩm" kéo dài đến giữa năm 1958 mới kết thúc. Nhà xuất bản Minh Đức (trước là Minh Đức - Thời đại) và báo *Nhân văn* bị đình bản, cấm xuất bản và lưu hành.

Từ thực tế này và trong tình hình đất nước còn chia cắt hai miền, các thế lực thù địch không ngừng đánh phá ta trên mọi lĩnh vực, Nhà nước ta đã chủ trương thống nhất quản lí báo chí và xuất bản. Các nhà xuất bản tư nhân không được phép hoạt động nữa.

Như vậy, trong bốn năm đầu sau hoà bình lập lại (1955-1958) hoạt động xuất bản ở Hà Nội ở trong bối cảnh có nhiều thành phần xuất bản: có nhà xuất bản cũ trong Hà Nội bị tạm chiếm ở lại không đi Nam, có nhà xuất bản của Nhà nước và đoàn thể, cùng với một số nhà xuất bản tư nhân ở vùng tự do và chiến khu Việt Bắc về, có nhà xuất bản tư nhân mới ra đời...

Không kể một số nhà xuất bản đã thành lập trong Kháng chiến chống Pháp như Sự thật, Thanh niên, Văn nghệ, Lao động vẫn tiếp tục xuất bản theo tôn chỉ và mục đích đã đề ra và gần chục nhà xuất bản mới thành lập sau hoà bình, chủ yếu là trong

năm 1957 của các cơ quan, ngành và đoàn thể quản lí là hoạt động có nền nếp, có kế hoạch xuất bản từng năm như các nhà xuất bản Nông nghiệp, Ngoại văn, Phổ thông, Giáo dục, Phụ nữ, Kim đồng, Quân đội nhân dân. Còn lại các nhà xuất bản tư nhân đều có gì in nấy, hoạt động không đều, có tháng ra vài ba đầu sách, có khi nửa năm không xuất bản cuốn sách nào. Số lượng in mỗi đầu sách trung bình từ 1000-3000 bản. Giấy còn thiếu, một số vẫn in giấy bản, giấy nội in tipô, sắp chữ chì. Bìa in màu, dùng bản khắc gỗ hoặc bản kẽm. Nói chung, sách chưa đẹp, chưa nhiều, chưa phong phú về thể loại và phong cách, cả nội dung lẫn hình thức.

Kinh tế còn nhiều khó khăn, sức mua chưa cao, các thư viện chưa được xây dựng nhiều, phong trào đọc chưa được phát động, nên tình hình xuất bản trong giai đoạn này chưa có gì nổi lên, ngoài sự kiện "chống Nhân văn - Giai phẩm", để đi đến quyết định Nhà nước nắm quyền thống nhất về xuất bản, đồng thời tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh với các nhà in, nhà xuất bản, hiệu sách.

2. Giai đoạn 1959-1986

Có thể gọi đây là giai đoạn "hoàng kim" của nghề xuất bản sách ở Hà Nội, kéo dài gần 30 năm trong thời bao cấp.

Sách báo được coi là vũ khí tuyên truyền chính trị, phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng Miền Nam, thống nhất Tổ quốc, cho nên được Nhà nước hoàn toàn bù lỗ.

Nhờ viện trợ và giao lưu kinh tế với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, công nghệ in được nâng cao, giấy in nhập ngoại ngày càng phong phú, hình thức của sách đã tiến bộ khá nhanh. Trong mảng sách văn nghệ được xuất bản, giới thiệu khá đông đảo những tác phẩm từ cổ điển đến hiện đại của nhiều nước anh em lần đầu tiên xuất hiện ở Việt Nam, như văn học Nga và Liên Xô, văn học hiện đại Trung Quốc, Ba Lan, Đức, Hungari, Bungari, Anbani, Tiệp Khắc, Triều Tiên. Sau đó, đến văn học Cuba, các nước Châu Mỹ Latinh, Châu Phi... Hàng loạt sách văn học cổ điển của Pháp, Anh, văn học tiến bộ của Tây Ban Nha, Mỹ... cũng được xuất bản. Có cuốn in số lượng lớn, bán rộng rãi, có cuốn in số lượng vừa phải, bán cho các đối tượng nghiên cứu và sinh viên các trường đại học, cung cấp cho các thư viện.

Đến năm 1959, sau khi cải tạo xã hội chủ nghĩa ngành in - xuất bản - hiệu sách, Hà Nội chỉ còn 13 nhà xuất bản "quốc doanh", nhưng đến cuối thời bao cấp (1986) số nhà xuất bản đã lên tới gần 40, dù đã qua nhiều lần nhập, tách ở một số cơ sở.

Trước hết là có thêm nhà xuất bản của các hội nghệ thuật chuyên ngành: Nhà xuất bản Âm nhạc - Mĩ thuật (sau tách làm hai: Nhà xuất bản Âm nhạc - Đĩa hát và Nhà xuất bản Mĩ thuật), Nhà xuất bản Sân khấu, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc... đến nhà xuất bản của các ngành: Nhà xuất bản Công an nhân dân, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, Xây dựng, Công nhân kĩ thuật, Y học, Thể dục - thể thao, Khoa

học (sau tách ra Khoa học - kĩ thuật và Khoa học xã hội), Pháp lí, Thông tin, Thống kê, Đại học và Trung học chuyên nghiệp (sau nhập vào Nhà xuất bản Giáo dục)...

Đặc điểm của xuất bản giai đoạn này là từng nhà xuất bản đều có tôn chỉ, mục đích, phương hướng xuất bản nhằm phục vụ một đối tượng chủ yếu, nhưng vẫn có thể phục vụ rộng rãi bạn đọc. Nhà xuất bản nào cũng ấn hành nhiều loại sách chính trị, lí luận, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật. Có một số nhà xuất bản chuyên xuất bản một loại sách như Nhà xuất bản Sự thật, sau là Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, nhưng ngoài sách chính trị, triết học, kinh tế... cũng có xuất bản những tập hồi kí mang chất văn học, hoặc truyện kí, kí sự... của các tác giả là cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước hoặc viết về một sự kiện lịch sử chính trị, ngoại giao...

Do có sự phân công tương đối ấy, nên sách xuất bản đỡ bị trùng lặp. Kế hoạch xuất bản hằng năm đều được lập trước và được Cục Xuất bản, Bộ Văn hoá - Thông tin là cơ quan quản lí chung, duyệt đề tài, phân bố chỉ tiêu vật tư (giấy), và điều hoà kế hoạch nếu có sự trùng hợp, chủ yếu là đối với sách dịch nước ngoài.

Số lượng đầu sách xuất bản cũng như số lượng in từng cuốn sách đã tăng trưởng khá nhanh. Riêng về số lượng in của một đầu sách có nhiều cuốn đã đạt tới mức kỉ lục.

Hãy so sánh để biết như sau:

Trong thời Pháp thuộc, từ năm 1920-1928, mỗi năm trên toàn cõi Đông Dương (Việt Nam - Lào - Campuchia) xuất bản trung bình dưới 500 đầu sách, từ năm 1929-1945, mỗi năm trên dưới 1000 đầu sách. Năm 1938 là năm xuất bản cao nhất: 1.113 đầu sách (trong đó có 818 sách tiếng Việt, 295 sách tiếng Pháp, 18 sách tiếng các nước khác) với tổng số vào khoảng 1,5 triệu bản. Vậy mà từ năm 1955-1975 ở Miền Bắc (chủ yếu là Hà Nội) đã xuất bản 31.215 đầu sách với tổng số in 529 triệu 385 nghìn bản.

So sánh, năm đầu 1955: xuất bản 527 đầu sách, 5.568.626 bản với năm cuối 1975 xuất bản 2.905 đầu sách, 41.618.000 bản, tăng gấp 5 lần về đầu sách và gần 7,5 lần về số bản in[1].

Đáng kể là có sự "bùng nổ" về số lượng bản in của một số đầu sách đã đạt tới kỉ lục cao nhất, mà sau này chưa biết đến lúc nào xuất bản mới lại có. Nếu như trước cách mạng, cuốn sách được tái bản nhiều lần nhất, trong nhiều năm, như *Hồn bướm mơ tiên* của Nhà xuất bản Đời nay cũng chỉ tới 15.000 bản, thì tập thơ *Gió lộng* của Tố Hữu do Nhà xuất bản Văn học xuất bản lần thứ nhất (1962) đã có số lượng 60.000 bản. Đó là cuốn sách văn học có số lượng in cao nhất đầu tiên của giai đoạn này.

Tiếp đó, năm 1964, cuốn *Từ tuyến đầu Tổ quốc* gồm những bức thư từ Miền Nam

---

1. Dẫn theo số liệu trong cuốn *Trang sách hồn nước*. Hữu Tuấn. Nxb Trẻ - tp HCM.1998.

gửi ra, được Nhà xuất bản Văn học tập hợp lại dày 200 trang, in 150.000 bản.

Năm 1965, tác phẩm *Sống như Anh* của Trần Đình Vân viết về tuổi trẻ anh hùng của Nguyễn Văn Trỗi, do Nhà xuất bản Văn học in liên tiếp ba đợt với tổng số gần 40 vạn bản.

Năm 1966, cuốn *Người mẹ cầm súng* truyện kí của Nguyễn Thi viết về nữ anh hùng út Tịch, do Nhà xuất bản Phụ nữ in hai đợt với tổng số 20 vạn bản. Các cuốn khác như *Hòn đất* của Anh Đức, *Bất khuất* hồi kí của Nguyễn Đức Thuận (Nhà xuất bản Văn học), *Con chim đầu đàn* (Nhà xuất bản Lao động)... đều in lần đầu hàng vạn bản, sau còn tái bản nhiều đợt.

Những cuốn sách trên sở dĩ in số lượng cao như vậy là do có cuộc phát động phong trào đọc sách học tập các gương anh hùng trong chiến đấu của đồng bào và các chiến sĩ Miền Nam, gương lao động quên mình "Vì Miền Nam ruột thịt" xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa của các cá nhân và tập thể công nhân ở Miền Bắc.

Các phong trào đọc sách này đều được chỉ đạo tập trung của Ban Tuyên huấn Trung ương và ban Tuyên huấn các đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Công đoàn... với sự phối hợp của ngành văn hoá - thông tin.

Những năm 60 của thế kỉ XX là đỉnh cao của phong trào đọc và làm theo sách *Nhà nhà đọc sách, người người đọc sách*. Có cuốn in vài chục vạn bản vẫn không đáp ứng yêu cầu của cơ sở, phải tổ chức "đọc to nghe chung", phát trên đài truyền thanh cơ sở, trên sóng phát thanh Đài Tiếng nói Việt Nam. Nhà xuất bản, các đoàn thể, thư viện, các cơ quan phát hành sách đã tiến hành hàng ngàn buổi giới thiệu sách, kể chuyện sách, trao đổi toạ đàm về sách cho mỗi cuốn. Để phục vụ phong trào, mạng lưới thư viện từ thành phố đã phát triển đến các quận, huyện, rồi tiến tới xây dựng trạm sách, tủ sách, thư viện xã...

Nhưng không chỉ có sách văn học mới in với số lượng lớn như vậy. Nhà xuất bản Khoa học xã hội đã ấn hành khá nhiều sách nghiên cứu, biên khảo về lịch sử, văn học dân gian hoặc từ điển với số lượng khá lớn và tái bản liên tục nhiều lần. Có thể kể một số cuốn tiêu biểu.

- *Kho tàng cổ tích Việt Nam* của Nguyễn Đổng Chi (5 tập) tập 1, từ 1958-1976 in 6 lần với tổng số 147.000 bản.

- *Tục ngữ và ca dao, dân ca Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, từ 1956-1971 in tới lần thứ 7 gần 100.000 bản.

- *Thời đại Hùng Vương* in lần thứ nhất 1973: 10.200 bản; lần thứ hai 1976: 20.300 bản.

- *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên Mông thế kỉ XIII* của Hà Văn Tấn, Phạm Thị Tâm, từ 1968-1975 in 4 lần, 56.700 bản.

- *Lịch sử Việt Nam I*, in lần thứ nhất 1971-1972, 150.000 bản, lần thứ hai 1976; 50.000 bản, tổng số: 200.000 bản.

- *Từ điển truyện Kiều* của Đào Duy Anh, in lần đầu 1974: 30.200 bản.

- *Từ điển tiếng Việt phổ thông*, in lần đầu 1975, 50.500 bản.

- *Từ điển Anh Việt* (Viện Ngôn ngữ) in năm 1975, 100.000 bản.

Về sách chính trị của Nhà xuất bản Sự thật, đứng hàng đầu là *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh và *Lời kêu gọi, điếu văn* của Ban chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, in lần đầu 7 triệu bản (1969).

Về sách kĩ thuật, Nhà xuất bản Nông thôn có cuốn *Để đạt 5 tấn thóc 1 hecta trên diện tích rộng* của Lương định Của, in 500.000 bản (năm 1962).

Cuốn tóm tắt *Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp* có lời giới thiệu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Nông thôn in 3,5 triệu bản (1969). Ngoài ra, các *Văn kiện* của mỗi kì Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng đều in với số lượng hàng chục vạn bản. Chưa kể các loại sách giáo khoa phổ thông của Nhà xuất bản Giáo dục thường thường mỗi năm đều in lại, mỗi lần in có cuốn in tới hàng chục vạn bản. Sách tham khảo cũng in hàng vạn bản.

Các loại sách *Người tốt việc tốt* cũng từ một vạn bản trở lên. Các nhà xuất bản Kim đồng, Thanh niên, Phụ nữ, Quân đội nhân dân, Lao động, Phổ thông, Nông thôn (từ 1977 là Nông nghiệp... đều tham gia xuất bản loại sách này theo đề xuất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sách in khổ nhỏ có thể bỏ túi được, lời văn giản dị, trong sáng, ngắn gọn, nêu những gương người tốt việc tốt hoặc đơn vị tốt được gọi là "sách điển hình", cho mọi người cùng học tập làm theo, góp phần vào việc "trồng người" cho thế hệ kế tiếp.

Một điều đáng chú ý là kho tàng sách Hán - Nôm bước đầu được khai thác, sưu tầm, đối chiếu văn bản, giới thiệu, dịch và cho xuất bản hàng loạt như: *Đại Việt sử ký toàn thư* (4 tập), *Việt sử thông giám cương mục* (20 tập), *Đại Nam nhất thống chí* (5 tập), *Đại Nam thực lục* (38 tập), *Nguyễn Trãi toàn tập*, *Khoá hư lục*, *Lê Quy ký sự*, *Lịch triều tạp kỷ*, *Ngọc Kiều Lê*... các tác phẩm của Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, Phan Huy Ích... Lịch sử Việt Nam, nhất là lịch sử cách mạng Việt Nam, được nhiều học giả, nhà sử học, nhóm giáo sư nghiên cứu biên soạn và được nhiều nhà xuất bản ấn hành (Sự thật, Sử học, Khoa học xã hội, Giáo dục...).

Sách công cụ, tra cứu, bách khoa lần lượt ra đời. Có thể kể: *Niên biểu Việt Nam*, *Lịch thế kỉ XX*, *Bảng đối chiếu âm dương lịch 2000 năm*, *Việt Nam những sự kiện*, *Bảng tra cứu chữ Nôm*, *Ngữ pháp tiếng Tày Nùng*, *Từ điển Mèo - Việt*, *Từ điển Hán - Việt*, *Từ điển Tày - Nùng - Việt*, *Từ điển Pháp Việt - Việt Pháp*, *Từ điển Nga Việt - Việt Nga*, *Từ điển Anh Việt - Việt Anh*, *Từ điển các thuật ngữ* nhiều thứ tiếng về tâm lí - giáo dục, văn học - mĩ học, ngôn ngữ học, triết học - chính trị, sử học - dân tộc học - khảo cổ học, âm nhạc, mĩ thuật, bảo tàng học, luật học, thư viện học...

Khá nhiều sách nghiên cứu về đủ các ngành toán, lí, hoá, thiên văn, địa lí, triết học, khoa học tự nhiên cũng như khoa học xã hội của nước ngoài đã được dịch và xuất bản.

Đặc biệt là sách kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng và Nhà nước ta đã được Nhà xuất bản Sự thật xuất bản có

hệ thống, từng chuyên đề; tuyển tập, toàn tập của Các Mác, Ăngghen, Lênin, Hồ Chí Minh... có bộ in ở Việt Nam, có bộ hợp tác xuất bản với Nhà xuất bản Chính trị Liên Xô, đóng bìa cứng, giấy tốt, có nhiều phụ bản ảnh...

Ở thời kì trước Cách mạng tháng Tám, vào cuối những năm 30, Hà Nội đã là "Thủ đô" của xuất bản, phát triển và ổn định. Sách ra nhiều và có nhiều sách đáng giá. Sau những biến cố chiến tranh, bị tạm chiếm và mấy năm đầu "quá độ" hoà bình lập lại, xuất bản ở Hà Nội lại chiếm lĩnh vị trí số một trong cả nước.

Theo thống kê ở Miền Nam, dưới chế độ Mỹ - Nguỵ (1954-1972) đã xuất bản 21.279 đầu sách, trong đó có 6930 đầu sách giáo khoa. Sách in bình quân chỉ một vài nghìn bản, riêng sách giáo khoa cao nhất là 5.000 bản. Chủ yếu xuất bản ở Sài Gòn, một phần ở Huế. So với Miền Bắc, chủ yếu là Hà Nội, về đầu sách kém khoảng 30%, nhưng về số lượng thì chỉ bằng 10%.

Về sách dịch, trong cả nước từ đầu thế kỉ XX đến năm 1954 có khoảng 500 đầu sách; từ năm 1955-1956 có trên 11.000 đầu sách, trong đó hơn một nửa xuất bản tại Hà Nội. Đó là về lượng, còn về chất thì các bản dịch của bất cứ loại sách nào, qua ngôn ngữ nào, Miền Bắc cũng hơn hẳn về phong cách dịch và bám sát nguyên văn.

Sau khi Miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, viện trợ nước ngoài giảm hẳn, trong đó có giấy in, nên đã gây khủng hoảng với các nhà xuất bản ở Hà Nội. Nhiều sách tái bản, hoặc in mới cũng đưa vào in tại Sài Gòn - nơi còn tồn kho giấy và nguyên liệu in, lại tiếp thu được kĩ thuật in ôpxet hiện đại.

Nhiều nhà xuất bản đặt chi nhánh ở Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh; sách xuất bản mới đưa ra Hà Nội một nửa số lượng in, còn sách tái bản để phát hành toàn bộ ở trong phía nam.

Sách in ở Hà Nội những năm 80 thế kỉ XX phải in bằng giấy nội địa (Việt Trì, Hoàng Văn Thụ, Lửa Việt, Trúc Bạch)... vừa đen vừa nhám một mặt, in tipô không lên rõ nét, chữ đúc, rất xấu, khó đọc. Bìa cứng bằng giấy nội, không nhẵn mặt, bản kẽm không lên hết, độ cứng và bền đều kém, chóng bị gãy rách. Về sau, cuối những năm 80 của thế kỉ XX, có giấy khá hơn: giấy Vĩnh Phú (của nhà máy giấy Bãi Bằng), giấy Tân Mai,... và giấy báo Liên Xô để in ruột sách. In bìa cũng đã có giấy ôpxet của Liên Xô và các nước khác.

Do thiếu giấy, mặt khác tình hình kinh tế sau chiến tranh chậm hồi phục, sản xuất chưa phát triển, quỹ phúc lợi của công đoàn các cơ quan, xí nghiệp, các hợp tác xã nông nghiệp đều ít hoặc không còn; tủ sách, thư viện cơ sở không có tiền mua bổ sung; kinh phí bao cấp mua sách của thư viện công cộng cũng bị cắt giảm mạnh, số người mua sách ít đi, nên số lượng in của mỗi đầu sách đã xuống tới bình quân chỉ vài ba nghìn bản. Cuốn nào in được 5.000 bản đã là quý lắm. Mũi tên trên biểu đồ số lượng in từ đó cứ ngày càng giảm xuống cho đến thời đổi mới.

Ở giai đoạn này, xin nói kĩ thêm về các sách do các cơ quan Hà Nội xuất bản - trong đó có Nhà xuất bản Hà Nội, còn các nhà xuất bản của các cơ quan, đoàn thể

trung ương đóng tại Hà Nội chỉ có 5 nhà xuất bản lớn là Nhà xuất bản Sự thật, Nhà xuất bản Giáo dục, Nhà xuất bản Văn học, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Nhà xuất bản Khoa học kĩ thuật.

Sách của các cơ quan Hà Nội và Nhà xuất bản Hà Nội.

Trước khi thành lập Chi hội Văn nghệ Hà Nội (1966) sau là Hội Văn học - nghệ thuật Hà Nội và Nhà xuất bản Hà Nội (1979), việc xuất bản sách của Hà Nội đều do Sở Văn hoá sau là Sở Văn hoá - Thông tin ấn hành.

Ngoài các sách nhỏ về "Người tốt, việc tốt", các sáng tác văn, thơ, ca dao, kịch bản của quần chúng, Sở Văn hoá Hà Nội đã in được một số sách giá trị mở đầu cho "Tủ sách người Hà Nội". Có thể kể một số đầu sách như: *Hà Nội thời kì Cách mạng tháng Tám* (Bùi Huy Khánh), bộ hồi kí 4 tập *Người Hà Nội*, *Lược sử tên phố Hà Nội*, *Hà Nội xưa và nay*, *Hà Nội di tích và thắng cảnh*, *Người Hà Nội thanh lịch*, *Trên mảnh đất cổ loa lịch sử* (Trần Quốc Vượng), *Hà Nội nghìn xưa* (Trần Quốc Vượng - Vũ Tuân Sán), *Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội* và *Phố phường Hà Nội xưa* (của Hoàng Đạo Thuý), *Hà Nội - Điện Biên Phủ*, *Hà Nội lửa hoa*... Tập nhạc *Hà Nội mùa xuân*, 2 tập sách ảnh về *Hà Nội*, *Bác Hồ sống mãi với thủ đô Hà Nội*... Ngay cả khi đã có nhà xuất bản Hà Nội, Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội vẫn tiếp tục xuất bản nhất thời những sách phục vụ công tác thông tin - tuyên truyền của thành phố từ năm 1979 đến nay. Đó là *Thủ đô Hà Nội*, *Chủ tịch Hồ Chí Minh với thủ đô Hà Nội* (biên niên, Giang Quân biên soạn), *Bác Hồ với nhân dân Thủ đô* (hồi kí), *Bác Hồ với nông dân ngoại thành* (hồi kí), *Địa chí văn hoá dân gian Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội* (Đinh Gia Khánh và Trần Tiến chủ biên), *Những gương mặt anh hùng* (truyện kí), *Văn Miếu - Quốc Tử Giám - một biểu tượng văn hoá Việt Nam*, *Văn hoá Thủ đô, hôm nay và ngày mai* (Vũ Khiêu - Vĩnh Cát), *Hà Nội di tích và văn vật*, *Thơ trữ tình mười thế kỉ*, *Những gương mặt văn học Thăng Long*, *50 năm trọn nghĩa vẹn tình*, tập bài hát *Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội*, tập ảnh *Hà Nội ngàn năm văn hiến*...

Hội Văn nghệ Hà Nội xuất bản các tập *Sáng tác Hà Nội* và một số sách như *Ca dao, ngạn ngữ Hà Nội*, *Hát cửa đình Lỗ Khê*, *Danh nhân Hà Nội* (2 tập), *Thơ Hà Nội*, *Truyền thuyết ven Sông Nhĩ*, *Truyền thuyết Hồ Tây*... sách địa chí về một số làng và nhiều tập thơ cho các tác giả.

Tháng 10.1976, *Nhà xuất bản Thăng Long* ra đời trên cơ sở Phòng xuất bản của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội. Có thể coi đây là cơ quan tiền thân của Nhà xuất bản Hà Nội, trụ sở ở số 47 phố Hàng Dầu và trực thuộc Sở Văn hoá - Thông tin.

Nhà xuất bản Hà Nội chính thức thành lập ngày 24.11.1979, do nhà văn Vũ Cao làm giám đốc kiêm tổng biên tập... Trụ sở ở số 4 phố Tống Duy Tân. Nhà xuất bản Hà Nội xuất bản tổng hợp, là cơ quan chính trị, tư tưởng, văn hoá của đảng bộ thủ đô, phục vụ đời sống văn hoá tinh thần ngày càng cao của đông đảo nhân dân thủ đô. Lúc mới thành lập, cơ cấu sách văn học và thiếu nhi chiếm tới 80%, sau 10 năm hoạt động (1979-1989) đã thực hiện được sách văn học nghệ thuật 30%, sách chính

trị - xã hội và khoa học - kĩ thuật 30%, sách thiếu nhi và giáo dục 40%. Nhà xuất bản đã ra mắt bạn đọc gần 300 đầu sách, trong đó quan tâm đến những sách viết về đề tài Hà Nội. Đáng chú ý là các cuốn *Người và cảnh Hà Nội* (Hoàng Đạo Thuý), *Từ Sông Tô đến Sông Nhuệ* (Đỗ Thỉnh), *Đường phố Hà Nội* (Nguyễn Vinh Phúc - Trần Huy Bá), *Làng xã ngoại thành* (Bùi Thiết); *Hà Nội tự điển*, *Chuyện cũ Hà Nội* (Tô Hoài), *Người ven thành* (Tô Hoài); *Người Thăng Long* (Hà Ân), *Dấu tích kinh thành* (Giang Quân - Phan Tất Liêm), *Những chặng đường báo Cứu quốc* (nhiều tác giả).

Các sách về lịch sử Đảng bộ Hà Nội, lịch sử đảng bộ các quận, huyện qua các thời kì, lịch sử đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố, lịch sử cách mạng và kháng chiến của các xã, phường, sách truyền thống của các ngành, cơ quan, trường học... đều đã được Nhà xuất bản Hà Nội ấn hành hoặc tạo điều kiện xuất bản để phát hành trong nội bộ.

Trong các thời kì sau đó đặc biệt là trong thời kì đổi mới, Nhà xuất bản Hà Nội hình thành bộ sách *Lịch sử Hà Nội* dùng trong nhà trường và xây dựng kế hoạch xuất bản bộ *Thư tịch Hà Nội nghìn năm văn hiến* với quy mô lớn hoàn thành vào dịp Kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

SÁCH CỦA CÁC NHÀ XUẤT BẢN TRUNG ƯƠNG ĐÓNG TRÊN ĐỊA BÀN HÀ NỘI.

Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật

Thành lập ngày 5.12.1945, chưa xuất bản được mấy thì đã đi kháng chiến lên Chiến khu Việt Bắc. Sau Ngày giải phóng Thủ đô, Nhà xuất bản về Hà Nội và hoạt động trở lại. Lúc đầu trụ sở ở số 15 phố Đặng Thái Thân, sau chuyển về số 22-24 phố Quang Trung cho đến nay.

Là cơ quan xuất bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam, Chính trị quốc gia - Sự thật có nhiệm vụ xuất bản các loại sách.

- Các tác phẩm của Mác, Ăngghen, Lênin; sách nghiên cứu các vấn đề của chủ nghĩa Mác-Lênin.

- Các văn kiện của Đảng và Nhà nước; sách của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sách nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh; sách của các vị lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước; sách về lịch sử Đảng và xây dựng Đảng.

- Sách chính trị, triết học, lí luận về chủ nghĩa xã hội.

- Sách giáo khoa chính trị, các bộ môn của chủ nghĩa Mác - Lênin và sách tham khảo cho hệ thống các trường chính trị, trường đại học.

- Sách lí luận và thực tiễn về nền kinh tế Việt Nam, xã hội Việt Nam.

- Sách về xây dựng Nhà nước pháp quyền, các bộ luật, nghị định, pháp lệnh và sách giải thích pháp luật.

- Sách về đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, sách tham khảo, tìm hiểu về các nước, thông tin về những vấn đề quốc tế.

Chính trị quốc gia - Sự thật không chỉ là nơi quy tụ các nhà chính trị, các nhà khoa học và lí luận trong nước để xuất bản các công trình, tác phẩm lí luận giá trị mang tính chủ đạo, mà còn mở rộng hợp tác quốc tế, tuyên truyền đối ngoại, giới thiệu với bạn đọc trong nước những công trình lí luận, chính trị và khoa học có tầm cỡ của nước ngoài.

Tới cuối giai đoạn này (1988) Chính trị quốc gia - Sự thật đã xuất bản khoảng hơn 3500 đầu sách, trong đó có những bộ sách rất quý như *Lênin toàn tập* (55 tập), *Lênin tuyển tập, Mác - Ăngghen tuyển tập, Mác - Ăngghen toàn tập, Hồ Chí Minh tuyển tập, Hồ Chí Minh toàn tập* (12 tập), *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện của Đảng* của các Đại hội toàn quốc, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử* (10 tập).

Nhiều sách của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta như Trường Chinh, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyễn Giáp, Văn Tiến Dũng... đã được nhà xuất bản ấn hành trang trọng.

Sách của Chính trị quốc gia - Sự thật được coi là cẩm nang giáo dục, rèn luyện, tu dưỡng của người cán bộ cách mạng, của các đảng viên, lại còn có loại phổ cập cho quảng đại quần chúng tìm hiểu về đường lối, chủ trương, sách lược của Đảng. Ngày 20.11.1992, Chính trị quốc gia - Sự thật hợp nhất với các Nhà xuất bản Tư tưởng - Văn hoá, Nhà xuất bản Thông tin - lí luận, Nhà xuất bản Pháp lí thành Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, nhưng vẫn giữ biểu trưng mang hai chữ ST của Chính trị quốc gia - Sự thật đã quen thuộc lâu năm với bạn đọc.

Cho đến năm 2007 đã xuất bản hơn 10.000 đầu sách

Nhà xuất bản Văn học

Lúc đầu là Nhà xuất bản Văn nghệ ra đời tháng 3.1948 ở Chiến khu Việt Bắc, cơ quan của ngành văn nghệ Trung ương. Sau giải phóng Thủ đô trở về hoạt động ở Hà Nội, trực thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam, năm 1989 nhập thêm Nhà xuất bản Hội Nhà văn và đổi tên là Nhà xuất bản Văn học, cơ quan xuất bản trực thuộc Bộ Văn hoá (sau là Bộ Văn hoá - Thông tin).

Nhiều nhà văn, nhà văn hoá đã lãnh đạo nhà xuất bản: Tô Hoài, Đặng Thai Mai, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Đình Thi...

Nhiệm vụ của Nhà xuất bản Văn học là ấn hành các tác phẩm văn học có giá trị từ cổ đại đến hiện đại của Việt Nam và các nước, phục vụ rộng rãi mọi đối tượng bạn đọc; giới thiệu các giá trị văn học đương đại, phát hiện và khuyến khích những tài năng văn học trẻ của đất nước, về trình độ xuất bản phải tiếp cận với những tiến bộ kĩ thuật của thế giới.

Nhà xuất bản cho ra đời nhiều tác phẩm được giải thưởng, trong đó đáng chú ý như văn xuôi: *Vùng mỏ* (Võ Huy Tâm), *Xung kích* (Nguyễn Đình Thi), *Kí sự Cao*

Lạng (Nguyễn Huy Tưởng), *Đất nước đứng lên* (Nguyên Ngọc), *Truyện Tây Bắc* (Tô Hoài), *Con trâu* (Nguyễn Văn Bổng), *Cỏ lau* (Nguyễn Minh Châu), *Từ tuyến đầu Tổ quốc* (nhiều tác giả), *Sống như anh* (Trần Đình Vân), *Hòn đất*, *Bức thư Cà Mau* (Anh Đức), *Về làng* (Phan Tứ), *Vụ lúa chiêm* (Đào Vũ)...

Thơ của Hồ Chí Minh, Tô Hoài, Tú Mỡ, Nông Quốc Chấn, Bàn Tài Đoàn, Trần Hữu Thung, Cù Huy Cận, Xuân Diệu, Phạm Tiến Duật, Lê Thị Mây, Trần Đăng Khoa...

Nhiều tác phẩm văn học của các nước do các nhà văn dịch ra tiếng Việt: Ngô Tất Tố, Hoàng Trung Thông, Đoàn Phú Tứ, Phạm Mạnh Hùng, Cao Xuân Hạo... Đặc biệt là nhà xuất bản đã tiến hành biên tập và cho ra mắt bạn đọc các bộ toàn tập, tuyển tập của từng tác giả, hoặc hợp tuyển theo chủ đề và từng thời kì văn học, giúp cho người nghiên cứu có cái nhìn toàn diện để đánh giá đúng hơn, thực tế hơn về các nhà văn nước ta, cũng như hiểu biết thêm về các nền văn học lớn trên thế giới.

Nhà xuất bản Văn học đã hợp tác xuất bản với các nhà xuất bản các nước như Liên Xô, Trung Quốc, Bungari, Ấn Độ, Tiệp Khắc, Pháp, Italia, Ôxtrâylia, Nhật, Thuỵ Điển...

Nhà xuất bản đã xứng đáng là cơ quan quốc gia xuất bản sách văn học của Việt Nam cả trong đối nội và đối ngoại.

Nhà xuất bản Khoa học xã hội

Là cơ quan thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa học xã hội chính thức thành lập tháng 1.1967. Nhưng trước đó, đã có các tổ chức tiền thân là: Nhà xuất bản Văn sử địa của Ban Nghiên cứu Văn sử địa (1955-1959), Nhà xuất bản Sử học thuộc Viện Sử học (1960-1963), sau đó, sách khoa học xã hội là một thành phần sách của Nhà xuất bản Khoa học (1963-1968). Đầu năm 1967, Nhà nước quyết định tách ra làm hai nhà xuất bản để có điều kiện đi vào chuyên sâu hơn. Giám đốc kiêm tổng biên tập Nhà xuất bản Khoa học xã hội trong thời kì 1967-1988 là Trần Huy Liệu, Nguyễn Khánh Toàn...

Với chức năng xuất bản sách của tất cả các bộ môn khoa học và xã hội, nhà xuất bản đã hình thành năm mảng sách lớn.

- Mảng sách *Lịch sử - Dân tộc - Khảo cổ học - Văn học dân gian*, đã xuất bản nhiều công trình quan trọng như *Lịch sử Việt Nam*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Việt sử thông giám cương mục*, *Hùng Vương dựng nước* và nhiều sách nghiên cứu về các triều đại phong kiến nước ta, nghiên cứu Cách mạng tháng Tám, cuộc Kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, biên niên sử...

- Mảng sách *Văn học - ngôn ngữ*, đã công bố *Tổng tập văn học Việt Nam* (37 tập - 65 quyển) là bộ sách lớn nhất, thâu tóm toàn bộ các tác phẩm có giá trị, các tác giả lớn của nền văn học Việt Nam. Bên cạnh đó là các sách có giá trị khác như: *Lịch sử văn học Việt Nam*, *Từ điển văn học*, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, *Tục ngữ - ca*

dao - dân ca Việt Nam giới thiệu thơ văn của Nguyễn Du, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Ngô Thì Nhậm, Phan Bội Châu, Nguyễn Đình Chiểu, Cao Bá Quát...

- Mảng sách *Hán - Nôm*, khai thác dịch và cho in: *Di sản Hán - Nôm, Văn khắc văn Nôm, Tuyển tập văn bia Hà Nội, Thư tịch cổ Hà Nội, Tên làng xã Việt Nam thế kỉ XIX, Bảng tra di tích lịch sử văn hoá Việt Nam...*

- Mảng sách *Kinh tế học, Triết học, Luật học, Xã hội học* ngày càng phát triển: *Bốn mươi năm kinh tế Việt Nam, Năm mươi năm kinh tế Việt Nam, Lịch sử tư tưởng Việt Nam, Giá trị tinh thần truyền thống Việt Nam, Lịch sử Nhà nước pháp quyền Việt Nam, Sơ lược lịch sử pháp luật Việt Nam, Xã hội học dân số.* Mảng *từ điển* được tín nhiệm, nhiều cuốn từ điển lớn đã phải tái bản nhiều lần như: *Từ điển Anh - Việt, Từ điển Việt - Anh, Từ điển Việt - Pháp, Từ điển Pháp - Việt, Từ điển Trung - Việt, Hán - Việt từ điển, Từ điển Thái Lan - Việt Nam, Từ điển Inđônêxia - Việt Nam, Từ điển Khơme - Việt, Từ điển Việt - Khơme, Từ điển Việt - Tày - Nùng, Từ điển Phật học...*

Toàn bộ biên tập viên của nhà xuất bản đều tốt nghiệp đại học chính quy trong và ngoài nước, trong đó có 30% cao học, phó tiến sĩ. Đồng thời có và một đội ngũ cộng tác viên, bao gồm hàng trăm giáo sư, tiến sĩ đầu ngành, chuyên gia về các bộ môn khoa học xã hội. Mỗi năm bình quân xuất bản 80 đầu sách. Nhà xuất bản có mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia trên thế giới.

Nhà xuất bản Khoa học và Kĩ thuật

Vốn trước là Nhà xuất bản Khoa học, thành lập năm 1960, chuyên xuất bản các sách về khoa học tự nhiên và kĩ thuật - công nghệ nên mới đổi thành Nhà xuất bản Khoa học và Kĩ thuật. Còn phần sách khoa học xã hội chuyển qua Nhà xuất bản Khoa học xã hội.

Chức năng, nhiệm vụ của Nhà xuất bản Khoa học và Kĩ thuật là:

Tổ chức biên soạn, xuất bản, các loại sách từ điển, văn hoá phẩm phục vụ cho nghiên cứu khoa học, triển khai kĩ thuật, công nghệ, tham khảo, giảng dạy và phổ biến khoa học. Xuất bản phẩm chính là sách nghiên cứu, tham khảo và giáo trình về các môn khoa học cơ bản như toán, vật lí, hoá học, sinh học, địa lí, địa chất, môi trường; sách tra cứu, hướng dẫn kĩ thuật - công nghệ và các ngành; tin học, điện tử, kĩ thuật điện, cơ khí, chế tạo máy, công nghệ khai thác và chế biến, hoá chất, năng lượng, luyện kim, kiến trúc, xây dựng, giao thông vận tải, công nghệ dệt, da, nông - lâm nghiệp, công nghệ thực phẩm, y dược học, các ngành kĩ thuật môi trường; sách về khoa học quản lí, khoa học kinh tế, các từ điển bách khoa, đối chiếu, giải thích (đơn ngữ, song ngữ, đa ngữ) thuộc mọi ngành khoa học công nghệ và môi trường... Nhà xuất bản có nhiều cộng tác viên là các nhà khoa học, viện sĩ, giáo sư, tiến sĩ, giảng viên các viện nghiên cứu, các trường đại học...

Mỗi năm nhà xuất bản xuất bản khoảng 120 đầu sách, trong đó hơn một nửa là

sách giáo khoa, giáo trình, sách công cụ cần thiết, phục vụ đất nước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá...

Nhà xuất bản Giáo dục

Thành lập từ năm 1957, số lượng đầu sách cũng như bản sách in hằng năm đứng đầu cả nước. Nhà xuất bản đã thành lập doanh nghiệp Nhà nước với 987 cán bộ, công nhân, trong đó quản lí hai nhà in lớn là Nhà in sách giáo khoa Đông Anh và Nhà in Diên Hồng.

Nếu như 10 năm trước ngày thống nhất đất nước, số lượng bản sách của Nhà xuất bản Giáo dục mới đạt gần 279 triệu bản thì 14 năm sau (1975-1988), nhà xuất bản đã ấn hành 418 triệu bản, vì địa bàn phục vụ đã chiếm lĩnh cả nước. Mỗi năm bình quân xuất bản 1200 đầu sách.

Ngoài sách giáo khoa chính thức dùng trong các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học, các giáo trình đại học, sau đại học và dùng cho các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề, sách giáo khoa và tài liệu học tập bằng tiếng dân tộc cho học sinh các dân tộc ít người ở Việt Nam; sách dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, nhà xuất bản còn ấn hành nhiều sách đọc thêm, sách bài tập, sách tham khảo, sách hướng dẫn giáo viên và sách dành cho giáo viên nghiên cứu khoa học lưu hành nội bộ "các vấn đề lí luận sách giáo khoa", các loại bản đồ, át lát, tranh ảnh, băng từ, đĩa CD - Rom phục vụ việc dạy và học.

Sách của Nhà xuất bản Giáo dục có mặt tại hầu hết các gia đình và góp phần quan trọng vào việc phổ cập giáo dục, nâng cao trình độ học vấn cho các thế hệ học sinh và sinh viên Việt Nam.

3. Giai đoạn đổi mới (1987-2007)

Bước vào giai đoạn đổi mới, các nhà xuất bản không còn được bao cấp nữa và chuyển dần sang hoạt động theo cơ chế hạch toán kinh doanh. Một số nhà xuất bản có đủ điều kiện trở thành doanh nghiệp nhà nước.

Tổ chức đã được sắp xếp lại. Một số nhà xuất bản ra đời vào những năm 70 xuất bản sách chính trị, nghiên cứu lí luận nay nhập cả vào với Chính trị quốc gia - Sự thật, hoặc chuyển giao nhiệm vụ, xuất bản của mình cho Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật (1992).

Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp nhập vào Nhà xuất bản Giáo dục sau khi thành lập Bộ Giáo dục và đào tạo (1992).

Nhà xuất bản Thông tin sáp nhập với Nhà xuất bản Văn hoá thành Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin (1992). Nhà xuất bản Ngoại văn do quan hệ đối ngoại mở rộng đổi tên là Nhà xuất bản Thế giới (1991) sau khi nâng cấp.

Thành lập một số nhà xuất bản mới:

Nhà xuất bản Bản đồ, Nhà xuất bản Tài chính (1995), Nhà xuất bản Bưu điện

(1997), Nhà xuất bản Từ điển bách khoa (1998), Nhà xuất bản Tôn giáo (1999), Nhà xuất bản Thông tấn (2000), Nhà xuất bản Lí luận chính trị (2003), Nhà xuất bản Tư pháp (2003), Nhà xuất bản Tri thức (2005), Nhà xuất bản Đại học bách khoa (2007) Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân (2007).

Đến tháng 4.2007, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 37 nhà xuất bản, trong đó có một Nhà xuất bản Hà Nội của thành phố, trên tổng số 55 nhà xuất bản trong cả nước. Như vậy, Hà Nội vẫn là trung tâm xuất bản của toàn quốc.

Đặc điểm của giai đoạn xuất bản này là nhà xuất bản phải thích nghi với cơ chế thị trường, hạch toán thu chi, không để sách tồn kho nhưng đồng thời tiếp tục làm chức năng tuyên truyền định hướng về tư tưởng văn hoá xã hội. Vì vậy, số lượng in của mỗi đầu sách nếu không bán được phải rút xuống tới mức thấp nhất. Sách văn học có tiếng hoặc của tác giả nổi danh in lần đầu cũng chỉ có nhiều nhất 2000 bản, bình thường là 1000 bản để nghe ngóng thị trường đã, rồi mới in tiếp. Sách của các tác giả mới viết chỉ in 500 cuốn. Tổng công ti Phát hành sách trước đây là người đặt số lượng in với nhà xuất bản và có mạng lưới tiêu thụ độc quyền trong cả nước. Vào thời kì này, các hiệu sách tư nhân bung ra. Các nhà xuất bản không thể chỉ trông vào Tổng công ti Phát hành để có đầu ra, mà họ tự xây dựng các đại lí khu vực để phát hành sách cho mình, họ đều là tư nhân. Một số đã trở thành "đầu nậu" sách ở các thành phố lớn. Lúc đầu họ chỉ tiêu thụ sách cho các nhà xuất bản để hưởng phí phát hành (tức là phí lưu thông thường gọi là hoa hồng). Khi đã nắm trong tay thực lực mạng lưới tiêu thụ, họ có tác động nhất định đến đến nhà xuất bản về số lượng in và nội dung sách. Bên cạnh mặt mạnh là sự năng động, linh hoạt và tiếp tục đảm bảo định hướng chính trị, tư tưởng của các nhà xuất bản, vẫn còn tình trạng chưa tốt trong lĩnh vực này. Có một số nhà xuất bản bán giấy phép xuất bản lấy lệ phí và ăn chia lãi của lần in đầu với số lượng in thử. Những người viết mới không dễ dàng được các nhà xuất bản chấp nhận in, nhưng họ xuất vốn ra để in rồi gửi "đầu nậu" hoặc các hiệu sách bán hộ, bán được trả tiền sau hằng tháng, hằng quý. Nhà xuất bản muốn đạt được số lượng đầu sách đề ra cho kế hoạch hằng năm dã làm thủ tục xuất bản bổ sung xin Cục Xuất bản cho phép, rồi làm giấy trích ngang cho tác giả tự đem in. Trong số này phần lớn là thơ. Có không ít người biết thơ của mình kém, nhưng vì cũng muốn có sách để lại cho con cháu, tặng bạn bè, tỏ ra mình cũng là "nhà thơ", nên tìm mọi cách để in thơ. Có năm chỉ riêng các nhà xuất bản ở Hà Nội đã in tới 400-500 đầu sách là thơ. Thơ in để cho, biếu. Các nhà xuất bản đều có thể cấp giấy phép được cả. Cũng có biên tập, nhưng chủ yếu là không sai phạm về chính trị.

Đó là tình trạng chung, nhưng không phải nhà xuất bản nào cũng làm như thế. Những Nhà xuất bản Văn học, Hội Nhà văn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia,

Thanh niên, Phụ nữ, văn hoá, thông tin... cẩn trọng hơn, biên tập kĩ và sẵn sàng từ chối không đứng tên xuất bản những cuốn sách không đạt yêu cầu về chất lượng. Nhưng vì để đảm bảo hoạt động và kinh phí tự nuôi mình, nhà xuất bản không thể không tìm cách để vượt khó khăn.

Về mảng sách văn học, có chuyện tranh chấp thị trường, in trùng lặp, chạy đua nhau. Thế giới vừa có một cuốn sách ăn khách, được đưa lên phim, sắp chiếu ở Việt Nam. Thế là các "đầu nậu" đặt hàng nhà xuất bản, hoặc họ tự săn lùng mua bản chính, thuê người dịch thật nhanh, có cuốn xé lẻ ra làm 4-5 mảng, giao cho 4-5 người dịch rồi chắp lại, đưa in ngay còn các nhà xuất bản đứng đắn đưa người dịch có tín nhiệm, sau còn nhờ chuyên gia xem lại, rồi biên tập làm xong bản thảo thì sách đã có bán ở thị trường rồi!

Bởi "đầu nậu" lũng đoạn mà đã nảy sinh các vụ vi phạm xuất bản, đăng kí tên sách thế này, lúc in đổi lại thế kia; nội dung một đằng, chạy đi một nẻo; có phần biên tập nhà xuất bản đã bỏ, nhưng "đầu nậu" vẫn cho in, lúc "sự đã rồi" chỉ còn bị phê bình, kỉ luật, nhưng sách đã bán khắp nơi, tiêu thụ gần hết, vì họ không nộp lưu chiểu trước theo quy định. Có nhà xuất bản uy tín cũng bị vấp ở những chi nhánh thường trú phía nam. Tình trạng lộn xộn trong việc xuất bản sách văn học đã trở thành bình thường. Việc quy định đối tượng phục vụ của các nhà xuất bản trước đây rất chặt chẽ, thì nay đã dễ dàng cho qua. Nếu như nhà xuất bản của các đoàn thể như thanh niên, phụ nữ hoặc các ngành như quân đội, công an, có xuất bản sách văn học cũng là sách viết về đối tượng đoàn thể mình, về đề tài lực lượng vũ trang. Bây giờ điều ấy chỉ còn là ước lệ.

Với các nhà xuất bản, xuất bản các loại sách khoa học kĩ thuật, trước đây quy định rất chặt chẽ chỉ được làm sách của chuyên ngành mình, các tác giả phải viết đúng chuyên môn của mình. Nay thì hầu như mạnh ai nấy làm, các quy định ấy coi như không còn hiệu lực. Bởi vậy có tình trạng chất lượng sách khoa học giảm.

Người đọc cũng không hoàn toàn tin cậy lời giới thiệu ở một số đầu sách nữa. Nó được viết không để hướng dẫn và đánh giá đúng đắn chất lượng thật sự của cuốn sách mà là để quảng cáo, mồi chài bạn đọc. Sự lựa chọn sách theo tên nhà xuất bản đã mất đi phần nào uy tín qua bao năm hoạt động của một số nhà xuất bản.

Sự bùng nổ về đầu sách đã thành hiện thực. Số đầu sách tăng gấp hai ba lần giai đoạn trước, nhưng số lượng bản in ngược lại đã xuống thấp, rất thấp, đặc biệt là chất lượng sách yếu kém.

Trên thực tế khó có con số chính xác để đánh giá, vì nạn in lậu, xuất bản nhiều đợt, in nối bản đã thành tệ nạn trong ngành, không kiểm soát nổi. Đồng thời cũng phát sinh việc vi phạm bản quyền tác giả, nhiều người đã làm việc sưu tập, sao chép, "xào xáo" lại các tác phẩm đã in chuyển thành sách của mình, xuất bản công

khai. Hoặc trích dẫn, tuyển chọn in vào công trình của mình không hề xin phép tác giả cũng như không thực hiện một chế độ nào đối với các nguyên tác đó.

Điều cần nói tới nữa là ở giai đoạn này, kĩ thuật in hiện đại đã hoàn toàn thay thế phương pháp cũ. Không còn sắp chữ chì và máy in tipô. Tất cả chuyển sang sắp chữ, lên trang trên máy vi tính, có thể chọn kiểu chữ và cỡ chữ to nhỏ theo ý muốn, sau đó làm chế bản trên giấy can hoặc phim rồi lên tấm kẽm mỏng với những hoá chất chuyên dụng, chạy in trên máy ôpxet có thể in nhiều màu cùng một lúc. Có thể lưu giữ chế bản cho các lần in sau. Bởi vậy, việc in làm nhiều đợt tiến hành không tốn kém vả lại phục vụ có hiệu quả phương thức xuất bản mới. Cùng với kĩ thuật in, là kĩ thuật làm phân màu điện tử ảnh màu, đóng sách bằng máy, vào bìa sách bằng nhiệt, đóng bìa cứng trên máy tự động, láng bóng bìa, đã góp phần làm cho cuốn sách đẹp hẳn lên về hình thức. Các nhà máy giấy Bãi Bằng, Tân Mai... sản xuất các loại giấy in không kém gì giấy ngoại. Cầm cuốn sách ấn loát tại Việt Nam bây giờ có thể tự hào về độ bền đẹp ngang với sách thế giới. Khuôn khổ sách cũng đa dạng hơn, không chỉ đơn thuần khổ 13x19 hoặc 19x27cm như trước. Có thể vuông 20x20, khổ hẹp ngang 9x19, khổ bỏ túi 6,5x9,5cm... hoặc khổ lớn 24x32cm.

Khi công nghệ thông tin phát triển, một hình thức sản xuất mới đã ra đời: *Sách điện tử*. Với chiếc đĩa CD-ROM mỏng mảnh, nhẹ bỗng, với một thỏi USB nhỏ bé, đưa vào đọc trên máy tính, ta đã có cả một kho sách khổng lồ. Đầu năm 1997, với sự giúp đỡ của Công ti Tin học Tin Việt, Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin đã cho ra đời đĩa CD-ROM sách điện tử đầu tiên *"Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam"* chứa nội dung bộ sách in nặng 3kg, giá bán 350.000đ, mở ra cái mốc mới trong lịch sử ngành xuất bản nước ta.

Nhiều sách tranh hoặc có phụ bản, bản đồ in màu trên giấy cútsê (couché) hoặc các loại giấy cao cấp khác rõ nét như ảnh chụp. Vì vậy mảng sách cho thiếu nhi rất phong phú về hình thức, đã có những ấn phẩm phức tạp như sách tranh gấp khi mở ra thành hộp hình có những lớp cảnh phía sau, người và vật phía trước, gây thích thú cho tuổi nhỏ. Cũng do ấn loát sao chụp dễ dàng mà truyện tranh phát triển khá nhanh. Có lúc tràn ngập thị trường sách thiếu nhi. Chỉ tiếc là chạy theo quy luật thị trường, nhiều nhà xuất bản, kể cả nhà xuất bản địa phương, đã lao vào in truyện tranh của nước ngoài mà phần lớn nội dung mang tính bạo lực hoặc không phù hợp với tư tưởng tình cảm và đường lối giáo dục phương Đông. Chỉ có Nhà xuất bản Kim Đồng với các loại sách truyện tranh lịch sử, cổ tích Việt Nam và các tủ sách danh nhân, tủ sách vàng (in các tác phẩm hay nhất trong nước và ngoài nước) là vẫn được tín nhiệm của cha mẹ học sinh và bạn đọc nhỏ tuổi ưa thích.

VÀI NÉT VỀ MỘT SỐ NHÀ XUẤT BẢN TRONG GIAI ĐOẠN NÀY

Nhà xuất bản Kim Đồng

Trực thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Kim Đồng là nhà xuất bản quốc gia, chuyên ấn hành sách và văn hoá phẩm phục vụ lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng Việt Nam. Thành lập ngày 17.6.1957, ngay từ đầu nhà xuất bản đã được các nhà văn yêu mến thiếu nhi, các cán bộ đoàn phụ trách làm giám đốc kiêm tổng biên tập. Với 6 loại sách chính: sách giáo dục truyền thống, sách viết về con người và cuộc sống (đề tài đương đại), sách phổ biến kiến thức và truyện khoa học viễn tưởng, sách danh nhân, sách văn học nước ngoài (có cuốn hợp tác quốc tế để xuất bản), tủ sách vàng... Hiện nay, hằng năm, nhà xuất bản đã xuất bản trên 250 đầu sách với trên dưới 10 triệu bản in, ngoài ra còn có các băng hình, băng cát-xét tranh ảnh, lịch... Nhà xuất bản còn tham gia tích cực các hoạt động hợp tác xuất bản sách thiếu nhi thuộc chương trình ACP của tổ chức Trung tâm văn hoá Châu Á - UNESCO (ACCU). Nhiều cuốn sách của Nhà xuất bản Kim Đồng được tái bản tới hàng chục lần, và được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, như: *Dế mèn phiêu lưu ký, Kim Đồng*... của Tô Hoài, *Lá cờ thêu sáu chữ vàng, An Dương Vương xây thành ốc,...* của Nguyễn Huy Tưởng, *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi, *Búp sen xanh* của Sơn Tùng, *Góc sân và khoảng trời* của Trần Đăng Khoa,...

Tủ sách văn học cổ điển nước ngoài cũng đã được các bạn đọc nhỏ tuổi ở nước ta ham thích và phải in nhiều lần như: *Không gia đình, Túp lều Bác Tôm, Guylive du ký, Truyện cổ Anđecxen, Truyện cổ Grim*... Các cuốn truyện tranh hiện đại như *Đôrêmon, Harry Porter* ra liên tục hằng tuần với số lượng hàng vạn bản in.

Nhà xuất bản Thanh niên

Cơ quan xuất bản của Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, thành lập từ trong Kháng chiến chống Pháp, ngày 14.7.1954 ở Chiến khu Việt Bắc. Qua hơn 50 năm hoạt động, nhà xuất bản đã cho ra đời hơn 3000 đầu sách với gần 30 triệu bản, hơn 4 tỉ trang in. Qua 11 bộ sách đã làm sáng tỏ mục tiêu cách mạng của Đảng cho tuổi trẻ Việt Nam, cổ vũ họ rèn luyện phấn đấu theo gương người cộng sản. Đó là các bộ sách: *Cội nguồn dân tộc, Bác Hồ kính yêu, Những gương tiêu biểu của tuổi trẻ Việt Nam, Đạo đức, lối sống thanh niên, Văn học về hiện thực xây dựng đất nước, Văn học hiện đại về chiến tranh vệ quốc, Tuổi trẻ lỗi lạc, Đường vào khoa học, Văn học nước ngoài, Khoa học vận động thanh niên, Tuổi trẻ lập thân - lập nghiệp.* Nhiều tác phẩm được giải thưởng văn học và gây ấn tượng mạnh mẽ trong đông đảo bạn đọc. Có thể kể: *Dấu chân người lính, Mẫn và tôi, Bất khuất, Cửa gió, Dưới đám mây màu cánh vạc, Hạt mùa sau, Khoảng trống, Số phận đàn bà, Dấn thân, Nói thầm, Khúc Trương Chi, Chân dung và đối thoại*...

Nhà xuất bản Phụ nữ

Cơ quan xuất bản của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, thành lập năm 1957. Qua hơn 50 năm đã xuất bản trên 3000 đầu sách trong 5 tủ sách quen thuộc với bạn đọc cả nước đã định hình: tủ sách gia đình, tủ sách nữ công gia chánh, tủ sách mẹ kể con nghe, tủ sách mẹ dạy con học, tủ sách tuổi xanh... Bên cạnh các sách chính trị về giải phóng phụ nữ, đường lối phụ vận của Đảng, phương hướng hoạt động của hội; sách văn học có giá trị của trong nước và của nước ngoài viết về cuộc sống, quan hệ tình cảm, quan hệ gia đình, đạo đức của người phụ nữ. Có những cuốn được giải thưởng của Hội Nhà văn: *Mùa lá rụng trong vườn* của Ma Văn Kháng, *Gienny Ghec Hac* tiểu thuyết của Thiodơ Draiđơ (Mỹ) do Nguyễn Tâm dịch...

Nhà xuất bản Quân đội nhân dân

Thành lập năm 1957, chuyên xuất bản sách phục vụ lực lượng vũ trang và ngoài nhân dân, 9 bộ sách được bạn đọc toàn quân và nhân dân quan tâm, dư luận đánh giá tốt là: Tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin về chiến tranh, quân đội và khoa học quân sự; các tác phẩm quân sự, chính trị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, quân đội; bộ sách lịch sử quân đội, quân chủng, binh chủng, quân khu, quân đoàn, lịch sử kháng chiến, lịch sử nghệ thuật chỉ huy chiến dịch; bộ sách tổng kết kinh nghiệm chiến đấu; bộ sách hồi kí của các tướng lĩnh, kí sự về các chiến trường; bộ sách các anh hùng lực lượng vũ trang, đơn vị anh hùng, các Bà Mẹ Việt Nam anh hùng; sách huấn luyện giáo dục và quản lí các lực lượng vũ trang; sách văn học ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phẩm chất và truyền thống của anh bộ đội Cụ Hồ.

Nhà xuất bản Nông nghiệp

Cơ quan xuất bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành lập ngày 16.1.1957. Tên ban đầu là nhà xuất bản Nông thôn; đến năm 1977, nhân dịp kỉ niệm 20 năm thành lập, đổi thành tên hiện nay. Xuất bản 6 loại sách chuyên ngành: trồng trọt, chăn nuôi - thú y, lâm nghiệp, thuỷ lợi, thuỷ sản, kinh tế nông nghiệp...

Hơn 50 năm qua, Nhà xuất bản Nông nghiệp đã ấn hành trên 7.750 đầu sách với 33 triệu bản sách cùng hàng chục triệu bản ấn phẩm khác nhằm phổ biến chủ trương, đường lối phát triển kinh tế, khoa học - kĩ thuật của Đảng và Nhà nước về nông - lâm - ngư nghiệp, trang bị có hệ thống các kiến thức khoa học - kĩ thuật, quản lí kinh tế cần thiết cho nông dân, cho cán bộ kĩ thuật ở cơ sở sản xuất và cán bộ khoa học các cấp, đặc biệt là sách hướng dẫn thực hành, nâng cao dân trí, chuyển giao công nghệ cho những người làm nghề nông, nghề cá, nghề rừng và thuỷ lợi.

Đã từng có những cuốn sách có số lượng bản in rất cao như *Tóm tắt điều lệ hợp tác xã nông nghiệp* với lời giới thiệu của Hồ Chủ tịch in 3,5 triệu bản (1969), *Tết trồng cây* - 1 vạn bản (1969).

Sách của nhà xuất bản đã góp phần vào công cuộc đổi mới cơ cấu cây trồng, nâng

cao năng suất và hiệu quả kinh tế, cải tạo các bộ giống cây, con... đem lại lợi ích chung cho xã hội.

Nhà xuất bản Hội Nhà văn

Là cơ quan xuất bản của Hội Nhà văn Việt Nam. Thành lập năm 1957, sau hai năm hoạt động đã ngừng xuất bản, đến tháng 5.1976, hoạt động lại với tên Nhà xuất bản Tác phẩm mới cho tới năm 1990 lại tên trước là Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Tính đến nay nhà xuất bản đã ấn hành gần 2000 đầu sách bao gồm hai mảng sách mới:

Văn học trong nước phản ánh những hiện thực lớn của đất nước, góp phần xây dựng nền văn học Việt Nam phong phú, đa dạng.

Văn học dịch nước ngoài, chiếm khoảng 30% đầu sách, giới thiệu các tác phẩm tiêu biểu của các nhà văn hiện đại của khoảng 40 nước ở khắp các châu lục. Ngoài ra, còn tủ sách "thế giới văn học" giới thiệu chân dung các nhà văn lớn của nước ta, tủ sách "tinh hoa văn học" xuất bản các tác phẩm xuất sắc nhất của văn học Việt Nam và thế giới, tủ sách "phổ thông văn học" và các bộ tuyển tập thơ, văn, kịch của các giai đoạn văn học. Nhà xuất bản đã có 26 cuốn sách được tặng thưởng văn học toàn quốc.

Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin

Cơ quan trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, tổ chức tiền thân là các Nhà xuất bản Văn hoá, Nhà xuất bản Phổ thông thành lập từ năm 1957, sau tiếp nhận thêm Nhà xuất bản Thông tin và lấy tên là Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin từ năm 1992, trở thành một nhà xuất bản quốc gia vào loại lớn, nay thành doanh nghiệp loại I.

Trong những năm gần đây, hằng năm Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin xuất bản trên 200 đầu sách, số lượng bình quân 1800 bản cho một đầu sách. Sách có số lượng in lớn nhất là *Thuỷ thủ mặt trăng* 20 vạn bản, *Tuyển tập thơ lục bát Việt Nam* 9.000 bản. Đáng chú ý là nhà xuất bản in nhiều bộ sách quý, có độ dày vài nghìn trang, ấn loát mĩ thuật, nhiều phụ bản màu, bìa cứng, có hộp. Đã có 8 cuốn sách của nhà xuất bản được tặng Giải thưởng quốc gia về sách đẹp.

Nhà xuất bản có một số sách và bộ sách quan trọng như: *Từ điển danh ngôn Đông - Tây*, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* , *Từ điển chữ viết tắt*, *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, *Việt Nam quốc âm dư vị*, *Vân đài loại ngữ* (3 tập), *Hoàng Việt luật lệ* (5 tập), *Kho tàng truyện cười Việt Nam* (5 tập), *Kho tàng truyện cổ tích thế giới* (5 tập), *Tổng tập ca dao người Việt* (4 tập), *Người mẹ và phái đẹp*, *Những nền văn minh thế giới*, *Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam*... Ngoài ra, nhà xuất bản còn ấn hành các loại tranh, ảnh, sách tranh, sách ảnh, bưu ảnh, bưu thiếp, các loại lịch có chất lượng và uy tín.

Nhà xuất bản Từ điển bách khoa

Ra đời ngày 24.11.1998 là cơ quan xuất bản trực thuộc Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam và là doanh nghiệp nhà nước công ích.

Trước khi chính thức thành lập, nhà xuất bản đã xuất bản thử một số cuốn *từ điển bách khoa*. Nhà xuất bản Từ điển bách khoa Việt Nam đã xuất bản trọn bộ *Từ điển bách khoa Việt Nam*, 4 tập

Nhà xuất bản Lí luận chính trị

Trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thành lập năm 2003, có nhiệm vụ công bố các công trình nghiên cứu khoa học về lí luận chính trị, chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sách giáo khoa, giáo trình, sách tham khảo dùng trong học viện và các Trường Đảng, những tác phẩm kinh điển và di sản tư tưởng thế giới, nhà xuất bản đã cho phát hành 115 đầu sách của tác giả hầu hết là giáo sư, tiến sĩ, cán bộ giảng dạy đại học, các nhà nghiên cứu lí luận có tiếng.

Nhà xuất bản Tri thức

Là nhà xuất bản trẻ nhất trong hệ thống các nhà xuất bản tại Hà Nội. Nhà xuất bản Tri thức thành lập ngày 13.9.2005 là cơ quan của Liên hiệp các Hội Khoa học Kĩ thuật Việt Nam.

Mục tiêu của Nhà xuất bản Tri thức là xuất bản các sách phổ biến những tri thức phổ thông và quan trọng hơn cả là "Tủ sách tinh hoa tri thức thế giới". Theo dự án, tủ sách này sẽ gồm trên 500 tác phẩm có giá trị trong hệ thống tư tưởng thế giới, xuất bản trong khoảng 5-10 năm.

Ngay trong ngày 19.12.2005, ngày ra mắt chính thức, Nhà xuất bản Tri thức đã công bố và cho phát hành ba cuốn sách đầu tiên của Tủ sách tinh hoa tri thức thế giới. Đó là: *Những cuộc đời song hành* của Plutarque, tác phẩm đồ sộ nhất về nền văn minh Hy Lạp - La Mã, *Bàn về tự do* của John Stuart Mill đề cập đến vấn đề quyền của các cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng và xã hội; *Thế giới như tôi thấy* của Albert Einstein, tác phẩm nổi tiếng của văn hoá Đức, tập hợp những bài viết, bài nói chuyện, thư từ và tiểu luận khoa học của nhà vật lí vĩ đại này.

*

* *

Nhìn chung, ngành xuất bản ở thủ đô Hà Nội trong thời kì này đã xuất bản được nhiều bộ sưu tập công phu từ kho tàng văn hoá dân gian Việt Nam, kho sách Hán Nôm, các tổng tập văn học, tuyển tập và toàn tập của các tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh, các tác giả văn học tiêu biểu của Việt Nam. Mảng sách lí luận phê bình đã đẩy lùi một bước quan điểm sai trái về văn học nghệ thuật và chính trị, khẳng định đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta qua từng giai đoạn, khẳng định văn nghệ cách mạng và kháng chiến. Sách về quản lí kinh tế và khoa học - kĩ thuật, thương mại, tin học, ngoại ngữ, văn hoá - xã hội được xuất bản nhiều, đề tài phong phú, nhất là các loại từ điển và sách giáo khoa song ngữ.

Cũng phải công nhận một thực tế là nhờ liên kết với một số tư nhân có tay nghề về xuất bản, lại có vốn, nên nhiều nhà xuất bản đã có một số công trình biên khảo, sưu tập, dịch thuật nghiêm túc, in đẹp, bìa cứng, làm đa dạng bộ mặt sách Việt.

Tuy nhiên, chưa có tác phẩm văn hoá đạt đỉnh cao tương xứng với sự nghiệp cách mạng và kháng chiến vĩ đại của dân tộc. Trong sáng tác và lí luận, phê bình đôi lúc nảy sinh khuynh hướng phủ nhận thành tựu văn học cách mạng và kháng chiến, đối lập văn học và chính trị, nhìn nhận hiện thực xã hội với thái độ bi quan hoặc không phân biệt tính chất chính nghĩa và phi nghĩa của chiến tranh. Vào giai đoạn đổi mới, xuất hiện xu hướng thương mại hoá, chạy theo thị hiếu không lành mạnh, làm suy giảm chức năng giáo dục tư tưởng và thẩm mĩ của xuất bản phẩm.

Công tác lãnh đạo, quản lí các nhà xuất bản, hoạt động xuất bản, còn nhiều sơ hở, để "đầu nậu" có lúc, có nơi đã lũng đoạn thị trường sách.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII (7.1998) nêu rõ các mặt yếu kém, thiếu sót về mặt xuất bản, đưa ra phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hoá - trong đó có công tác xuất bản - nhằm "Xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

Nhà nước cũng đã ban hành *Luật xuất bản* năm 1993, thể chế hoá nhiệm vụ, chức năng và quy định về hoạt động xuất bản. Năm 2004, Quốc hội thông qua *Luật xuất bản sửa đổi* có hiệu lực từ tháng 7.2005, và tiếp tục có một số điều chỉnh năm 2008. Bộ luật mới đã tăng quyền công bố tác phẩm cho nhà xuất bản nhưng cũng nâng cao hơn trách nhiệm của nhà xuất bản với cơ quan quản lí, trừ một số sách đặc biệt phải thẩm định. Luật cũng mở rộng cho phép nhà xuất bản được tổ chức cơ sở phát hành sách của mình, bán buôn và bán lẻ, cho phép liên kết với các cơ quan, tác giả và tư nhân kinh doanh sách để xuất bản các ấn phẩm và chịu trách nhiệm pháp lí về nội dung, về quản lí số lượng in và đảm bảo quyền tác giả không bị vi phạm.

Hoạt động xuất bản ở thủ đô ngày càng được chấn chỉnh, ổn định, nhằm nâng cao chất lượng xuất bản phẩm, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, tiến bước vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

CHƯƠNG III

PHÁT HÀNH SÁCH

Phát hành sách là khâu cuối của quá trình làm sách, nhằm đưa sách đến rộng rãi bạn đọc. Trước Cách mạng tháng Tám không có hệ thống riêng làm công tác phát hành. Các nhà xuất bản tự làm lấy khâu tiêu thụ hoặc thông qua các hiệu sách lớn làm tổng đại lí từng khu vực đảm nhận. Tất cả các nhà xuất bản và đại lí đều do tư nhân kinh doanh. Trong Kháng chiến chống Pháp, năm 1952, chính quyền cách mạng mới thành lập tổ chức phát hành sách, một bộ phận nằm trong Nhà in Quốc gia. Sau Ngày giải phóng Thủ đô, Nhà in Quốc gia đã sử dụng ngay một số hiệu sách tư nhân làm đại lí bán các sách xuất bản ở chiến khu đưa về, kịp thời phục vụ nhân dân vùng địch tạm chiếm đang khao khát muốn tìm hiểu về cuộc kháng chiến anh dũng của dân tộc và nền văn nghệ hiện thực của những nhà văn đi theo cách mạng. Hiệu sách nhân dân là tên gọi chung cho tất cả các hiệu sách do Nhà in Quốc gia quản lí. Hiệu sách nhân dân đầu tiên của thủ đô ra đời vào cuối năm 1954 ở một phần ngôi nhà Gôđa cũ của Pháp ở góc phố Hàng Bài và Hai Bà Trưng (nay là Trung tâm thương mại Tràng Tiền). Năm 1956, bộ phận phát hành sách tách khỏi Nhà in Quốc gia để thành lập Sở Phát hành sách Trung ương. Thành phố Hà Nội cũng thành lập Chi sở Phát hành sách Hà Nội trực thuộc Sở Văn hoá thành phố, địa điểm ở nhà số 22 phố Hai Bà Trưng. Hà Nội lúc này còn 104 hiệu sách tư nhân, phần lớn đều nhỏ, vốn ít, bản thân chủ hiệu tự bán hàng hoặc chỉ thuê 1, 2 người bán phụ. Họ đều xin làm đại lí bán sách cho hiệu sách nhân dân, hưởng hoa hồng. Năm 1959-1960, thực hiện chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh và hợp tác hoá tiểu thương, Chi sở Phát hành sách Hà Nội đã đưa toàn bộ các hiệu sách tư nhân vào 4 tổ hợp tác sách báo, vài năm sau nâng cấp sáp nhập thành 2 hợp tác xã sách báo. Họ kinh doanh tự quản theo hình thức tập thể buôn chung, bán chung, lỗ lãi cùng chịu, hưởng thụ bình quân. Cho nên, cũng như các hợp tác xã ngành khác, dần dần đi đến cảnh "cha chung không ai khóc", ỷ lại lẫn nhau, không phát huy được tính chủ động và năng lực của xã viên.

Ngành phát hành sách quốc doanh ngày càng phát triển nhanh chóng. Hệ thống hiệu sách nhân dân được hình thành ở khắp các khu phố và các huyện ngoại thành với hàng chục cửa hàng. Ngoài ra, còn bộ phận phát hành sách lưu động với hơn 20

người đem sách về bán tại các thôn, làng, trong các buổi sinh hoạt chính trị của nhân dân và các đoàn thể. Có những tổ bán rong trên tàu hoả, ô tô khách tại các bến xe, nhà ga, chợ.

Tháng 3.1960, Sở Phát hành sách Trung ương đổi tên là Quốc doanh Phát hành sách Trung ương, Chi sở Hà Nội chuyển thành Quốc doanh Phát hành sách Hà Nội và chuyển trụ sở về số 17 phố Ngô Quyền. Lúc này, thành phố cũng khai trương Hiệu sách nhân dân - Cửa hàng Quốc văn tổng hợp tại số 40 phố Tràng Tiền, một hiệu sách bề thế và khang trang, xứng đáng với vị trí hiệu sách của thủ đô. Khi thành phố tổ chức kết nghĩa anh em với Huế và Sài Gòn (10.1960), Hiệu sách Tràng Tiền là đơn vị đầu tiên được vinh dự mang tên là Hiệu sách kết nghĩa Hà Nội - Huế - Sài Gòn. Tại đây, thường xuyên tổ chức các ngày phát hành, tuần lễ phát hành sách đấu tranh thống nhất với sự tham gia của nhiều nhà xuất bản. Nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ... đã đến hiệu sách nói chuyện, đọc thơ, trình bày bài hát mới sáng tác của mình và kí tên lưu niệm vào tác phẩm cho bạn đọc. Đó là những ngày "hội sách" tưng bừng, sôi nổi còn để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng thế hệ bạn đọc thời đó.

Giai đoạn này, số lượng nhà xuất bản còn ít, quy mô còn nhỏ, số lượng đầu sách xuất bản còn chưa đáp ứng nhu cầu đọc của xã hội. Vì vậy, Quốc doanh phát hành sách Trung ương được giao nhiệm vụ là đơn vị đưa xuất bản phẩm đến người đọc và chịu trách nhiệm về chất lượng các ấn phẩm trước xã hội. Tuy nhiên, xã hội ngày càng phát triển, đời sống tinh thần của người dân ngày càng cao, đòi hỏi phải có nhiều xuất bản phẩm hơn nữa đáp ứng nhu cầu đọc ngày càng lớn. Vì vậy các nhà xuất bản được kiện toàn, mở rộng và phát triển hơn, xoá bỏ những yếu kém của thời kì theo chế độ bao cấp xoá bỏ, lượng sách dịch và sách sáng tác của các tác giả trong nước đa dạng hơn, phong phú hơn cả về chất và lượng vì thế công tác kiểm tra, tự chịu trách nhiệm về xuất bản phẩm của từng nhà xuất bản do giám đốc và tổng biên tập nhà xuất bản chịu trách nhiệm trước xã hội về chất lượng, nội dung ấn phẩm, nhiều xuất bản phẩm đã được bạn đọc đón nhận vì số lượng lớn.

Hơn 10 năm đầu sau Ngày giải phóng Thủ đô, Quốc doanh Phát hành sách Trung ương quản lí cả việc phát hành sách giáo khoa theo phương thức phân phối về các trường theo tỉ lệ tương ứng với số học sinh. Tới tháng 9.1967, Bộ Giáo dục mới thành lập ra cơ quan phát hành sách giáo khoa có nhiệm vụ phát hành các loại sách giáo khoa các cấp học, của học sinh và của giáo viên.

Về sách ngoại văn, cũng có Công ti Xuất nhập khẩu sách báo riêng mở các hiệu sách ngoại văn ở Hà Nội, đã có thời kì thành phố có hai quốc doanh phát hành sách quốc văn và ngoại văn, sau mới sáp nhập làm một.

Thời kì 1960-1975 có thể gọi là giai đoạn "hoàng kim" của ngành phát hành sách. Do được các nước xã hội chủ nghĩa viện trợ giấy in và các thiết bị ấn loát, nên giá sách rất rẻ. Qua cuộc vận động xây dựng các tủ sách và thư viện cơ quan, trường học, công đoàn, hợp tác xã, phong trào đọc lên cao. Nhiều sách văn học cổ điển có giá trị

đều cung không đáp ứng nhu cầu của độc giả, đi đến phải phân phối theo thẻ mua sách cho các đối tượng nghiên cứu được ưu tiên. Có những bộ sách nhiều tập, bạn đọc phải đặt mua để cho đủ bộ. Một vài nhà xuất bản quốc gia của Liên Xô, Trung Quốc còn phối hợp với các nhà xuất bản nước ta, in các sách dịch tác phẩm của nước họ dưới danh nghĩa cùng xuất bản nên in đẹp, giấy tốt, bìa cứng, giá lại hạ, càng làm cho ngành phát hành được mùa.

Khi xoá bỏ bao cấp, thời kì đầu ngành xuất bản (in - xuất bản - phát hành) gặp nhiều khó khăn về vốn, vật tư nên số lượng in mỗi đầu sách giảm đáng kể từ 5000-7000 bản xuống còn trên dưới 1000 bản sách làm cho giá thành sách cao, trong khi đó thu nhập của độc giả còn thấp vì vậy ảnh hưởng đến sức mua và hạn chế số lượng của xuất bản phẩm.

Hiệu sách nhân dân phải kinh doanh thêm các văn hoá phẩm, văn phòng phẩm để hỗ trợ doanh thu. Nhiều tổ chức phát hành tư nhân ra đời cạnh tranh với Tổng công ti Phát hành sách và Công ti Phát hành sách Hà Nội. Sách bán phá giá trừ phí phát hành nhiều do in lậu, in nối bản, càng làm khó khăn cho ngành phát hành sách. Nhiều hiệu sách nhân dân xuống cấp, một số hiệu sách, phải đóng cửa, mạng lưới phát hành ở nông thôn thu hẹp dần, các đại lí ở hợp tác xã mua bán không còn.

Qua một thời gian khủng hoảng, ngành phát hành sách đã tìm, nhiều phương thức mới như liên kết với các nhà xuất bản, với tác giả để góp vốn ấn hành những tác phẩm có chọn lọc, tổ chức các cửa hàng sách tự chọn để bạn đọc tiếp cận với sách được thuận tiện hơn, nhận lưu kí các sách do tác giả tự bỏ vốn in, triển khai bước đầu bán sách qua điện thoại, qua Internet...

Công ti Phát hành sách Hà Nội ở số 34 phố Tràng Tiền, vẫn giữ được mạng lưới hiệu sách nhân dân với gần 20 cửa hàng sách rải khắp nơi ở Hà Nội.

Ngoài mạng lưới hiệu sách nhân dân của Hà Nội, Tổng công ti Phát hành sách Việt Nam có Trung tâm Sách Việt Nam 44 Tràng Tiền, Hiệu sách tự chọn 22 Hai Bà Trưng, Thế giới sách ngoại văn 32 Hai Bà Trưng, Cửa hàng 50A Hàng Bài. Ngành phát hành sách giáo khoa có Trung tâm Phát hành sách tham khảo - giáo dục 57 Giảng Võ, Công ti Sách và Thiết bị trường học Hà Nội ở số 45B phố Lý Thường Kiệt. Công ti Sách - Văn hoá phẩm Tiền Phong có cửa hàng sách ở phố Nguyễn Thái Học, Nguyễn Trãi; cùng nhiều hiệu sách tư nhân khác. Các nhà xuất bản cũng có hiệu sách riêng để tự phát hành, bán buôn, bán lẻ và giới thiệu sách của mình.

Phố tập trung nhiều hiệu sách nhất ở Hà Nội là phố Tràng Tiền và phố Đinh Lễ. Triển lãm - hội chợ xuất bản - báo chí - in - quảng cáo Việt Nam lần thứ nhất đã được tổ chức tại Trung tâm triển lãm Văn hoá - Nghệ thuật ở số 2 phố Hoa Lư từ ngày 12 đến ngày 19.10.1999. Hội chợ sách lần thứ hai mở cuối năm 2007 đã thu hút hầu hết các nhà xuất bản và công ti phát hành sách ở cả hai miền Nam Bắc tham gia. Trong hội chợ còn có các buổi giới thiệu sách, gặp gỡ giữa tác giả với bạn đọc và bán sách khuyến mại, được đông đảo người đọc thủ đô đến dự.

Nhằm nâng cao chất lượng sách và liên kết hỗ trợ nhau trong nghề nghiệp, năm 2003 Nhà nước đã cho phép thành lập Hội Xuất bản - In - Phát hành trong toàn quốc. Hội có nhiệm vụ góp phần quản lí hoạt động của ngành, chăm lo phẩm chất chính trị cho đội ngũ cán bộ xuất bản, nâng cao tay nghề cho cán bộ biên tập và công nhân kĩ thuật in, nghiệp vụ phát hành; tư vấn cho Bộ Văn hoá - Thông tin ban hành các chính sách nhằm phát huy tiềm lực của lực lượng trong và ngoài quốc doanh tham gia hoạt động xuất bản - in - phát hành; tổ chức *Giải thưởng Sách Việt Nam,* tổ chức *Ngày hội Sách Việt Nam,* xuất bản tạp chí *Sách và đời sống*...

CHƯƠNG IV
THƯ VIỆN

I. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ VÀ SỰ PHÁT TRIỂN THƯ VIỆN

Tiếng Anh *Library* có nguồn gốc Latinh, liber có nghĩa là một cuốn sách. Còn từ Hy Lạp được Latinh hoá *Bibliotheca* lại là nguồn gốc của các từ Đức, Nga, Roma chỉ thư viện.

Thư viện có lịch sử từ lâu đời, ngay từ khi loài người tạo hình ra các dạng chữ thô sơ và khắc chữ trên những tấm xương rồi đem tàng trữ tại Tu viện thành Babilon (Babylone) vào khoảng 3000 năm trước Công nguyên. Đến thế kỉ VII trước Công nguyên vua ashurbanipal của người assyrian đã sưu tầm và tổ chức được một khối lượng lớn hồ sơ được khắc trên 20 ngàn tấm xương. Thư viện đầu tiên tàng trữ sách trên thế giới là các thư viện của Tu viện Hy Lạp. Nó được thành lập liên kết với các trường triết học ở Hy Lạp vào thế kỉ IV trước Công nguyên.

Những thư viện quan trọng và danh tiếng nhất trong thời cổ đại là thư viện của nhà triết học Arixtôt, Thư viện Alexandria (chứa hàng ngàn bản sách cuộn bằng da và giấy papyrus), Thư viện Unpia (Ulpia) ở Roma, Thư viện Hoàng đế tại Byzantium do đại đế Constantine thành lập vào thế kỉ IV sau Công nguyên. Ở Trung Quốc việc lưu giữ hồ sơ và sưu tập sách trong các thư viện cũng có truyền thống từ thời Xuân Thu (thế kỉ VIII - thế kỉ V trước Công nguyên), kể cả những tài liệu viết trên các thẻ tre, sách tre, viết trên các tấm da.

Những tác phẩm bằng chữ Hy Lạp và Rôma còn lưu giữ đến ngày nay được bảo quản tại thư viện của Đại đế Constantine và các thư viện của các tu viện hình thành vào thế kỉ II sau Công nguyên.

Đến thế kỉ XIII, các trường đại học ở Châu Âu trở thành các trung tâm học tập, đều có thư viện. Đồng thời, việc phát triển những thư viện tư nhân, thư viện gia đình ngày càng phổ biến.

Vào thế kỉ XVII-XVIII, người ta đã cố gắng tập hợp những bộ sưu tập lớn sách tư nhân. Quá trình tập hợp này đã dẫn tới sự ra đời các thư viện quốc gia hiện đại như Thư viện Quốc gia Pháp, Thư viện Bảo tàng Anh. Đến các năm 1800, 1862 đã lần lượt ra đời Thư viện Quốc hội Mỹ ở Oasinhtơn và Thư viện Quốc gia Nga ở Matxcơva.

Thư viện quốc gia ở Bắc Kinh và Thư viện Quốc hội Nhật Bản ra đời muộn hơn, nhưng lại thuộc các thư viện lớn nhất thế giới. Một số trường đại học cũng có thư viện lớn ngang tầm với các thư viện quốc gia và đã thành lập từ nhiều năm trước, như tại Ôcxfơt (Oxford, Anh) năm 1602, tại Havơt (Harvard, Mỹ) năm 1638, do sự đóng góp xây dựng của người đọc.

Tới thế kỉ XX, loại thư viện chuyên ngành ngày một nhiều. Kho sách của loại thư viện này tàng trữ nhiều ấn phẩm thông tin (báo, tạp chí xuất bản định kì) thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kĩ thuật, y dược học, luật pháp, thương mại... Trong thư viện, không chỉ tàng trữ sách, báo, ấn phẩm, mà còn chứa cả các băng từ, đĩa từ, phim ảnh và các vật mang tin khác.

Các thư viện này còn làm nhiệm vụ thông tin thư mục, phục vụ việc tra cứu, tìm hiểu của bạn đọc. Từ nửa cuối thế kỉ XX, ở Mỹ đã ra đời mục lục sách đọc bằng máy, mở ra con đường ứng dụng thông tin vào máy tính điện tử, đi tới hình thành thư viện điện tử kĩ thuật số lên mạng Internet giúp người đọc truy cập thông tin nhanh, thuận lợi, ít tốn kém ngay ở cơ quan, ở nhà, hơn là đến thư viện.

Thư viện tuy đã có lịch sử hàng nghìn năm, song thực sự trở thành một ngành khoa học, thư viện học thì mới xuất hiện vào nửa cuối thế kỉ XIX với những nghiên cứu và hình thành các nguyên tắc hoạt động quản lí thư viện, và tới thế kỉ XX mới ra đời hai lĩnh vực có quan hệ mật thiết với thư viện học, đó là tư liệu học và thông tin học.

Người đầu tiên xây dựng các chương trình đào tạo thủ thư, biên soạn tài liệu về những kĩ năng để đảm bảo các thư viện được tổ chức đồng nhất, thuận tiện là ông Menvin Điwây (Melvil Dewey) (1851-1931) tiến hành tại Mỹ năm 1887.

Năm 1927, Hiệp hội Thư viện quốc tế (The International Federation of Library Associations and Institutions - IFLA) được thành lập, tạo ra mối quan hệ trao đổi sách, mượn sách trong hệ thống thư viện toàn cầu. đến năm 1973, Văn phòng quốc tế kiểm soát thư mục toàn cầu đã ra đời, xúc tiến phối hợp với Hiệp hội Tư liệu quốc tế (FID) soạn thảo và ban hành các tiêu chuẩn quốc tế về tra cứu thư mục, viết tắt tên ấn phẩm định kì, mục lục đọc trên máy quốc tế (MARC)[1].

Ở Việt Nam, trong các bộ chính sử có ghi chép tên một số thư viện và tên một số quan coi giữ sách. Dưới triều Lý có các nhà chứa sách lớn như: Đại Hưng tàng, Bát giác kinh tàng[2]; đời Lê có Bồng Lai thư viện... triều Nguyễn có Tụ Khúc thư viện và nhiều thư viện khác. Các quan coi giữ sách cũng được nói đến: đời Trần có chức *thư đại tạng kinh*, đời Lê có chức *giám đốc tứ thư khố, trưởng thư giám*... Vì sử đã chép những điều đó nên có người cho rằng như vậy loại sách *kinh tích chí* hay *thư tịch chí*

---

1. Viết theo Nguyễn Hữu Viêm trong mục *"Thư viện thế giới", Almanach những nền văn minh thế giới*. Nxb. Văn hoá - Thông tin. Hà Nội, 1996, tr. 999-1000.

2. Xem: *Cương mục, chính biên*, quyển 2 tờ 20, quyển 3 tờ 32.

(bibliographie) có thể đã xuất hiện từ lâu cùng thời với những thư viện đầu tiên.

Về văn bản chính xác còn lưu lại và trở thành tài liệu quan trọng có ý nghĩa lịch sử đối với bộ môn thư tịch chí của nước ta, đó là: thiên *Nghệ văn chí* trong bộ *Lê triều thông sử* của Lê Quý Đôn và thiên *Văn tịch chí* trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú. Trong hai thiên này, Lê Quý Đôn (1727-1784) và Phan Huy Chú (1782-1840) lần lượt làm việc kê cứu lai lịch, tình trạng sách báo của nước ta từ đời Lý đến cuối đời Lê.

Trong *Nghệ văn chí*, Lê Quý Đôn phân chia sách vào 4 loại:

1. Hiến chương loại, có 16 tên bộ sách.
2. Thi văn loại, có 66 tên bộ sách.
3. Truyện kí loại, có 19 tên bộ sách.
4. Phương kí loại, có 14 tên bộ sách.

Tất cả gồm 115 tên bộ sách. Về mỗi bộ, ông chia rõ: tên sách, số quyển, tên người biên soạn hay sáng tác, sơ lược nội dung, những ghi chú về tình trạng sách còn hay mất, thiếu đủ ra sao và trong một số trường hợp còn nêu ý kiến phê bình, nhận xét tóm tắt của mình.

Phan Huy Chú kế tiếp soạn thiên *Văn tịch chí*, cũng chia sách làm 4 loại:

1. Hiến chương loại, có 28 bộ sách.
2. Kinh sử, có 24 bộ sách.
3. Thi văn, có 108 bộ sách.
4. Truyện kí, có 54 bộ sách.

Tất cả gồm 214 tên sách, nhiều hơn *Nghệ văn chí* 99 bộ. Trên mỗi loại, tác giả có viết thêm bài tiểu dẫn nói qua về nội dung; sau mỗi tên sách có tóm tắt nội dung hoặc chép thêm bài tựa của chính mình cho ý kiến phê phán của mình.

Một điều đáng chú ý là cả hai tác giả nói trên đều biên soạn với đặc tính riêng, thể hiện tính dân tộc và tính sáng tạo của Việt Nam, không rập khuôn các loại mục trong *Kinh tịch chí* của Trung Quốc như *kinh, sử, tử, tập*..., hoặc như xếp *hiến chương* đứng riêng là một loại lớn, không thấy trong các kinh tịch chí khác ở phương Đông[1].

Ngoài ra, tác giả Trần Văn Giáp còn nêu một số thư mục sách của các thư viện công thời Nguyễn như:

- *Tụ Khuê thư viện* (của Nội các triều đình Huế) dựng thời Minh Mạng (1820-1840).
- *Sử quán thư mục* năm 1841 thời Thiệu Trị.
- *Tập hiền viện thư mục* năm 1948 thời Tự Đức.
- *Tân thư viện thủ sách* năm 1909 thời Duy Tân.

---

1. Đoạn *Thư tịch chí* theo Trần Văn Giáp - *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm* tập 1 (in lần thứ hai. Nxb Văn hoá. Hà Nội, 1984, tr. 16-17)

- *Cổ học viện thư mục* năm 1922.

Tác giả cũng ghi lại được một số mục lục sách của thư viện hoặc kho sách tư nhân:

- *Hoàng Lê tứ khố thư mục* ghi 76 bộ sách làm trước triều Nguyễn.

- *Hoàng Nguyễn tứ khố thư mục* ghi 153 bộ sách của triều Nguyễn. Hai thư mục trên do Lê Trọng Hàm và nhóm Đông Thiên hội ở Nam Định soạn, ghi trong Minh Đô sử.

- *Lê Thị tích thư kí* của Chỉ Trai Lê Nguyên Trung làm năm 1846. Ông nói cả về việc tổ chức thư viện riêng của gia đình và chia sách thành 7 liệu (loại): *kinh, thư, sử, tử, tập, cử nghệ, tạp trứ.*

Trong bài kí về việc chứa sách của họ Lê, Chỉ Trai viết có đoạn: (dịch) *Tôi đi làm quan đã lâu, tiêu pha tằn tiện, hễ còn thừa tiền, tôi đem mua sách để dành. Hễ mua được thì bộ nào đóng thành từng bộ ấy, và tự an ủi: "ấy là ruộng báu của nhà ta". Tôi tuy chưa có thể đọc hết được các sách ấy, nhưng tôi giữ gìn thật kính cẩn. Tôi lại muốn để cho con cháu đời đời kính giữ bèn đóng giá xếp lên. Sau này sẽ đem đặt ở nhà thờ cho có nơi chốn để con cháu được cùng kính giữ... Bên cạnh tủ sách, tôi có đề quyển sổ ghi đủ 4 chi họ, ai cũng có thể mượn về đọc, ai mượn thì ghi rõ vào cuối bảng, khi trả lại, xoá tên đi. Việc này không thể xao lãng, để khỏi mất sách.*

Chứa sách không bằng tích luỹ việc làm điều thiện. Ta thật chưa tích luỹ được nhiều điều thiện. Tuy nhiên, trung, hiếu là của báu của nhà Nho, kinh sử là của cải ruộng nương của nhà Nho. Con cháu ta quả thật biết việc học hành, việc cấy trồng là cần thiết, thì biết gắng sức học tập. Biết học tập, thì biết kính giữ sách, không để thất lạc, ngõ hầu không bỏ hoang ruộng của mình, không bỏ rơi của báu của mình, gắng sức tiến lên làm điều thiện. Như thế sẽ không phụ tấm lòng yêu thích chứa sách của ta"[1].

Họ Đặng Thai ở làng Lương Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An cũng có một thư viện gia đình rất quý, thành lập từ đời Đặng Thai Hài (ông nội nhà văn Đặng Thai Mai) đầu thế kỉ XIX. Cụ Hài dành một gian nhà ngoài để kê mấy dãy tủ to, nhỏ chứa đến gần 5.000 bản sách in, sách chép tay và đặt tên cho phòng sách là *Tam Thai sơn phòng tàng thư*, khắc quả ấn có 6 chữ triện tên này, đóng dấu son lên bìa sách.

Thư viện họ Đặng Thai có nhiều bộ sách quý của các thư khố Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu... ngoài ra còn nhiều tư liệu viết tay liên quan đến lịch sử cận đại của đất nước. Vào khoảng những năm 1930-1931, trong đợt khủng bố phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh bị khủng bố, bọn Pháp thực dân đã bắt đào mấy hố sau vườn nhà, đem tất cả sách vở, giấy tờ của Tam Thai tàng thư ra đốt sạch[2].

---

1. Theo "Thư tịch chí...". Sđd, tr. 26, 28.

2. Theo Hữu Tuấn *Trang sách hồn nước*. Nxb Trẻ. Tp HCM 1998, tr. 264-265.

Ở Thăng Long - Hà Nội, các tàng thư cũng đã có từ lâu đời. Ngay từ thời Lý, khi lập nhà Quốc học trong Văn Miếu năm 1076 chắc chắn đã có kho sách. Lê Quý Đôn trong sách *Kiến văn tiểu lục* đã ghi là nhà Quốc học đời Hậu Lê có "kho để ván khắc và sách in 4 gian".

Ngoài ra, trong triều và cung vua cũng có những tàng thư đặc biệt cho các quan đại thần, các bộ và trong nội bộ hoàng tộc.

Sau khi chiếm Hà Nội (1856), Pháp thiết lập các cơ quan cai trị, cũng đã có một số thư viện nhỏ hoặc phòng đọc mở ra dành cho các quan chức người Pháp, như Thư viện Thành phố (Bibliothèque Municipale), Thư viện Phòng thương mại, phòng đọc của Câu lạc bộ Pháp (Cercle de l'Union). Nhưng phải đến khi thành lập Trường Viễn Đông bác cổ ở Hà Nội (1902) và xây dựng Sở Lưu trữ và Thư viện (1918), Hà Nội mới chính thức có những thư viện lớn được tổ chức một cách khoa học, việc phân loại sách, lập thư mục mới theo quy chế chung của quốc tế.

Trong kho tàng văn hoá quý báu của ông cha ta để lại có một bộ phận rất đáng quan tâm, giữ gìn cho muôn đời sau, đó là kho sách Hán Nôm. Nó bao gồm hàng nghìn thư tịch, hàng vạn thần sắc, thần phả, địa bạ, địa chí, gia phả, tộc phả, bản rập văn bia... bằng chữ Hán, chữ Nôm hoặc Hán Nôm của nước ta *"không chỉ là những bản thông điệp của người đương thời gửi cho người cùng thời hay khác thời mà thực sự còn chứng tích về một dân tộc có văn hiến mấy nghìn năm, là tâm hồn, trí tuệ, hy vọng và niềm tin của phần nhân loại sống trên giải đất "Lĩnh Nam đầu sóng ngọn gió..."*[1].

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử với bao cuộc chiến tranh chống xâm lược, bao cuộc tàn phá, đốt sách của kẻ thù, số sách cổ còn lại không là bao, lại bị khí hậu ẩm thấp, mối mọt và thời gian huỷ hoại, cho nên việc bảo tồn, khai thác, dịch thuật, và lưu giữ bằng các phương tiện khoa học hiện đại là công việc mà các thư viện cần phải đặt ra sớm nhất.

Ngày nay, Hà Nội - thủ đô đất nước - ngoài việc tiếp nhận và phát triển một số thư viện của thời Pháp thuộc để lại như: *Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ* (nay là Viện Thông tin khoa học xã hội và Thư viện khoa học kĩ thuật Trung ương), *Thư viện Quốc gia* mà lúc đầu mang tên Thư viện Pie Paxkiê (Pierre Pasquier), thì ngày nay hàng trăm thư viện lớn nhỏ được mở thêm, đáp ứng mọi nhu cầu hiểu biết và học tập của các tầng lớp dân chúng.

Thư viện Nhân dân Hà Nội là một thư viện tổng hợp và đại chúng ra đời năm 1959 từ một phòng đọc sách nhân dân, nay đã thành một hệ thống thư viện ba cấp: thành phố, quận - huyện, xã - phường - thị trấn, trở thành nơi cung cấp tri thức cho mọi bạn đọc ở thủ đô.

---

1. Lời giới thiệu *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, bản in lần 2. Nxb. Văn hoá. Hà Nội, 1984, tr.5.

Một số thư viện chuyên ngành được thành lập như: *Thư viện Viện Sử học, Thư viện Hán Nôm, Thư viện Y dược, Thư viện Quân đội*... Thư viện của các trường đại học, cao đẳng, *Thư viện Chữ nổi*. Riêng *Thư viện Giáo dục Hà Nội* còn có cả một hệ thống thư viện cơ sở ở các trường tiểu học, trung học cơ sở, phổ thông trung học, các trường chuyên nghiệp, dạy nghề... phục vụ hàng vạn giáo viên và học sinh trong học tập.

Mấy năm gần đây, bưu điện đã mở cửa hàng trăm bưu điện văn hoá xã cũng thành những phòng đọc nhỏ, góp phần vào việc phổ biến kiến thức, cập nhật thông tin cho người dân ở các vùng sâu, vùng xa.

Mặc dầu các phương tiện thông tin, truyền thông, các hình thức phổ biến tác phẩm văn học, lịch sử, khoa học ngày càng phong phú, đa dạng và đưa đến tận nhà, đến từng cá nhân, nhưng *văn hoá đọc* vẫn giữ vị trí nhất định và không thể thiếu trong cuộc sống.

Cho nên, xây dựng thư viện, bảo tồn và phát triển thư viện vẫn là một phương thức quan trọng trong việc nâng cao dân trí, lưu giữ kho tàng văn hoá cho đời sau và phục vụ đắc lực việc khuyến học để đi tới một *xã hội học tập* ở thủ đô cũng như trong cả nước.

Cùng với việc phát triển mạng lưới thư viện, tăng thêm và bổ sung đầu sách thường kì, ngành thư viện đã bước đầu đưa công nghệ thông tin vào lĩnh vực lập thư mục, phân loại, giới thiệu nội dung, giúp bạn đọc tìm được những cuốn sách cần đọc theo yêu cầu một cách nhanh chóng, thuận tiện, hoặc chỉ dẫn cho bạn đọc có thể tìm thấy vấn đề đang cần tìm hiểu ở trong cuốn sách nào, chương nào, mục nào.

Ở thủ đô, trong các gia đình có văn hoá hầu như đều có giá sách báo, tủ sách, và cả thư viện gia đình. Sách nghiên cứu khoa học - kĩ thuật, văn học, nghệ thuật cho người lớn, sách giáo khoa, sách tham khảo, sách thiếu nhi cho lớp trẻ...

Những người làm công tác giảng dạy, những nhà hoạt động chính trị, văn hoá, khoa học pháp luật, các nhà văn, nhà báo, tác gia, nghệ sĩ đều cần có những cuốn sách, bộ sách, phục vụ công việc của mình hằng ngày ngay trong nhà để đỡ mất công tới thư viện. Chỉ trừ những lúc cần tham khảo những tư liệu cổ, những sách kinh điển nước ngoài, những phát minh mới nhất về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội mà trên các trang điện tử chưa có cung cấp, họ mới đến thư viện chuyên ngành hoặc thư viện tổng hợp để tìm kiếm.

Còn đối với sinh viên đại học, cao đẳng, nghiên cứu sinh, thì thư viện là nơi họ lui tới hằng ngày. Thư viện trong trường, Thư viện Trung ương và Hà Nội lúc nào cũng đông đảo sinh viên đến mượn sách và ngồi đọc tại chỗ. Vào mùa thi, họ còn phải đến sớm để giữ sách và giữ chỗ, ôn tập và viết luận văn tốt nghiệp.

Trước khi bùng nổ công nghệ thông tin điện tử, sách là món ăn tinh thần hàng đầu của mọi người, mọi nhà ở đô thị. Đến khi máy thu thanh, thu hình, đầu phát băng - đĩa từ, Internet trở thành phổ biến trong các gia đình. Đã có lúc người ta cho

rằng văn hoá đọc sẽ dần dần được thay thế bằng văn hoá nghe nhìn. Số lượng sách xuất bản cho mỗi đầu sách từ 5.000 đến hàng vạn bản vào những năm 60-70 của thế kỉ XX, nay rút xuống chỉ còn 500-1000 bản.

Nhưng dần dần người ta đã nhận thức được rằng phương tiện nghe nhìn dù phát triển cao hơn thì văn hoá đọc vẫn tồn tại và có vị trí không kém phần quan trọng. Đọc sách có đặc điểm riêng gửi suy nghĩ, thả tâm hồn vào những trang in lặng lẽ, không ồn ào, không vội vã. Tác động của sách thẩm thấu vào trí óc có độ sâu và tồn tại lâu dài với thời gian. Người đọc có thể đọc theo cách riêng của mình, cũng có thể đọc đi đọc lại nghiền ngẫm từng câu, từng đoạn mà không bị gò bó, hoặc có thể lướt nhanh những trang không thích một cách dễ dàng. Đọc sách phát triển tư duy logic, phát triển trí tuệ.

Văn hoá đọc sẽ đi song hành lâu dài với văn hoá nghe - nhìn.

Năm 1970, UNESCO đã đưa ra khái niệm: "Thư viện, không phụ thuộc vào tên gọi của nó, là bất cứ bộ sưu tập có tổ chức nào của sách, ấn phẩm định kì hoặc các tài liệu khác, kể cả đồ hoạ, nghe - nhìn và nhân viên phục vụ có trách nhiệm tổ chức cho bạn đọc sử dụng các tài liệu đó nhằm mục đích thông tin, nghiên cứu khoa học và giải trí".

Thế giới cũng đã có sự công nhận khá rộng rãi là thư viện được cấu thành từ 4 yếu tố: vốn tài liệu, cán bộ thư viện, cơ sở vật chất - kĩ thuật, bạn đọc. Bốn yếu tố này có quan hệ biện chứng, tương tác lẫn nhau và nếu thiếu một trong các yếu tố đó sẽ không còn là thư viện.

Lúc mới ra đời, thư viện được coi là nơi thu thập các di sản văn hoá bằng chữ viết. Sự phát triển của khoa học - kĩ thuật và công nghệ thông tin đã bổ sung thêm cho thư viện những loại hình tài liệu hiện đại khác như: microfilm, microfiche, tài liệu nghe - nhìn, tài liệu điện tử...

Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã gắn bó với lịch sử phát triển thư viện, điều đó chứng minh là thư viện đã đóng góp to lớn vào việc nâng cao trình độ hiểu biết, trình độ nghề nghiệp, phổ biến các kiến thức văn hoá, giáo dục ý thức tư tưởng cho con người.

Thư viện chính là môi trường vật chất và tinh thần của học tập, nhất là trong lĩnh vực tự học thì sách chính là người thầy tốt.

Thư viện ngày nay không còn là kho sách chết, mà chúng đã trở thành cơ quan sống động, hiện đại, văn minh khi đáp ứng các nhu cầu đọc của nhân dân.

Thư viện là nguồn tài sản quý giá của quốc gia, là niềm tự hào dân tộc và là thước đo trình độ phát triển của mỗi nước, đồng thời là nơi đúc kết tinh hoa tri thức của nhân loại.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác thư viện, ngày 28.12.2000 Nhà nước ta đã ban hành *Pháp lệnh Thư viện* để làm cơ sở pháp lí cho hoạt động thư viện cả nước.

II. CÁC THƯ VIỆN LỚN VÀ HỆ THỐNG THƯ VIỆN Ở HÀ NỘI

Vào khoảng những thập niên 60, 70 của thế kỉ XX, do phong trào đọc phát triển, ngoài các thư viện công cộng tổng hợp, chuyên ngành ra, Hà Nội còn có một hệ thống thư viện công đoàn ở hầu hết các cơ quan, công sở, nhà máy, công trường, bệnh viện, hợp tác xã. Những cơ sở lớn như xí nghiệp quốc doanh có cả phòng thư viện và thủ thư chuyên trách. Sách được đưa về các phòng, ban, phân xưởng luân chuyển nhau. Cơ sở nhỏ cũng có tủ sách do cán bộ công đoàn kiêm nhiệm quản lí và cho mượn.

Đến thời kì kinh tế thị trường, không còn ngân sách để mua sách, các thư viện và tủ sách này dần dần bị mai một không còn hoạt động. Ở nông thôn, sách của hợp tác xã dồn vào thư viện xã, thị trấn.

Hiện nay, thư viện ở Hà Nội có hai bộ phận: một bộ phận do thành phố quản lí, và một bộ phận do các cơ quan trung ương quản lí.

Các thư viện do thành phố quản lí bao gồm hệ thống thư viện công cộng đại chúng, phục vụ tất cả mọi người ở ba cấp: cấp thành phố là Thư viện Hà Nội, vừa hoạt động phục vụ bạn đọc trực tiếp, vừa làm công tác nghiên cứu khoa học, hướng dẫn nghiệp vụ và chỉ đạo các thư viện cấp quận, huyện, cấp phường, xã. Hệ thống thứ hai là các thư viện trường phổ thông trên địa bàn mà trung tâm là Thư viện Giáo dục nằm trong Trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội. Các thư viện này chỉ dành riêng cho giáo viên và học sinh.

Các thư viện do các cơ quan trung ương quản lí ở Hà Nội có khá nhiều. Lớn nhất là Thư viện Quốc gia Việt Nam phục vụ đối tượng từ sinh viên năm cuối trở lên, cán bộ nghiên cứu các ngành. Thư viện Quân đội chủ yếu phục vụ bạn đọc trong lực lượng vũ trang và cựu chiến binh. Các thư viện chuyên ngành của các Viện Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội. Các thư viện các trường đại học, cao đẳng chuyên phục vụ việc giảng dạy và học tập của cán bộ và sinh viên trong trường.

Dưới đây, sẽ lần lượt giới thiệu từng thư viện với lịch sử hình thành và phát triển, chức năng nhiệm vụ, đối tượng phục vụ và nhất là tìm hiểu qua cơ sở dữ liệu và hoạt động của thư viện. Tuy nhiên trong phạm vi nhất định, cũng chỉ giới thiệu được một số thư viện lớn, lưu trữ nhiều tư liệu giá trị, có số bạn đọc đông đảo hoặc mang tính đặc thù chuyên ngành mà thôi.

1. Thư viện Hà Nội

Sau Ngày giải phóng Thủ đô 10.10.1954, Sở Tuyên truyền văn nghệ Hà Nội (sau là Sở Văn hoá, rồi đến Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội) được thành lập, đóng trụ sở tại nhà Khai trí tiến đức cũ ở góc phố Hàng Trống - Lê Thái Tổ.

Bên cạnh việc tuyên truyền đường lối, chính sách của đảng và Chính phủ về quản lí đô thị mới giải phóng, Sở đã cho mở ngay một phòng sách báo cách mạng tại nhà Thông tin - triển lãm đặt tại nhà Thuỷ Tạ bên bờ hồ Hoàn Kiếm.

Với số sách, báo ít ỏi gồng gánh từ hậu phương về, phần lớn in bằng giấy bản, giấy đen nháp một mặt, chữ chì không rõ nét, bìa trình bày đơn giản, nhưng bạn đọc thủ đô, nhất là lứa tuổi trẻ, đã lui tới phòng sách báo đông đảo để tìm hiểu về thứ văn nghệ kháng chiến lành mạnh. Cũng ở đây, họ có dịp làm quen với những khái niệm sơ đẳng về chủ nghĩa Mác-Lênin, về quan điểm và đường lối, chính sách của Đảng Lao động Việt Nam và Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Tới khi đã tích luỹ được vốn sách báo kha khá, ngày 15.10.1956, *Phòng đọc sách nhân dân* chính thức khai trương tại nhà Thuỷ Tạ, sau đó ít lâu chuyển về 45 Tràng Tiền (nơi này là Nhà Thông tin thành phố). Đến tháng 1.1959, Thư viện nhân dân Hà Nội mới ra đời và có trụ sở tại số 47 phố Bà Triệu cho tới nay.

Trong 50 năm xây dựng và phát triển, Thư viện nhân dân Hà Nội đã trở thành một thư viện công cộng được Bộ văn hoá - Thông tin xếp hạng 1, cấp quốc gia, được Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý, như các Huân chương Lao động hạng ba, hạng nhì, hạng nhất, cờ luân lưu "Đơn vị thi đua dẫn đầu ngành thư viện toàn quốc năm 1997-2000".

Thư viện nhân dân Hà Nội, hằng năm có trên 10.000 người đăng kí lấy thẻ bạn đọc; mỗi ngày, có khoảng 1000 người tới sử dụng sách báo. Thư viện còn xây dựng được mạng lưới thư viện trong toàn thành phố với 11 thư viện quận, huyện, 126 thư viện xã, phường, thôn, 228 tủ sách pháp luật, gần 80 điểm bưu điện văn hoá xã, góp phần đáng kể vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho thủ đô và cho đất nước.

Thư viện nhân dân Hà Nội không những là thư viện của thủ đô, mà còn có nghĩa vụ đối với đồng bào Miền Nam, các thành phố kết nghĩa và bạn bè anh em. Năm 1975, sau khi Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Thư viện nhân dân Hà Nội đã kịp thời gửi tặng Huế và Sài Gòn 2,5 vạn bản sách, đưa ánh sáng văn hoá cách mạng vào vùng mới giải phóng, góp phần hạn chế và đẩy lùi văn hoá độc hại của Mỹ - Nguỵ.

Năm 1986, theo yêu cầu của nước bạn Campuchia, Thư viện nhân dân Hà Nội đã tặng Thủ đô Pnông Pênh 1,2 vạn bản sách, làm tăng thêm mối tình hữu nghị và hợp tác với nhân dân Campuchia.

Thư viện nhân dân Hà Nội còn mở rộng mối quan hệ quốc tế và cũng được bạn bè thế giới nhiệt tình giúp đỡ. Chẳng hạn, Hội đồng Anh tặng 12.000 cuốn sách ngoại văn vào loại quý và hơn 100 bộ bàn ghế cho bạn đọc. Đại sứ quán Pháp tặng một phòng đọc sách ngoại văn cho thiếu nhi. Quỹ sách Châu Á tặng sách và máy vi tính. Các cơ quan khác như: Thư viện Thành phố Livơban (Pháp), Hội hữu nghị Việt Nhật, Thủ đô Matxcơva (Nga), Quỹ phát triển văn hoá Thuỵ Điển - Việt Nam, Đại sứ quán Đan Mạch, Công ti Bảo hiểm Prudential; các nhà xuất bản, công ti phát hành sách thường xuyên phối hợp giúp đỡ vật chất và tinh thần cho các hoạt động của Thư viện nhân dân Hà Nội.

Vốn sách trên toàn mạng hơn 50 vạn bản, trong đó ở Thư viện nhân dân Hà Nội có 30 vạn bản với cơ sở dữ liệu 54.300 biểu ghi, tiếng Pháp gần 5.000 biểu ghi, tiếng Anh 16.000 biểu ghi, 1.500 băng tiếng và 1.800 cuốn sách chữ nổi cho người khiếm thị... Thư viện nhân dân Hà Nội xứng đáng là thư viện hàng đầu của các thư viện địa phương trong cả nước.

Thư viện đã tổ chức được hệ thống mục lục khá hoàn chỉnh, biên soạn hàng trăm tài liệu thông tin - thư mục chuyên đề, giới thiệu sách trên toàn mạng. Đặc biệt có 25 bộ thư mục tiêu biểu phục vụ việc nghiên cứu, tìm hiểu về Thủ đô Hà Nội: *Hà Nội chống ngoại xâm, Hà Nội bên thềm thế kỉ XXI, 990 năm Thăng Long - Hà Nội, Hà Nội - khoa học và công nghệ trong những năm đổi mới*. Mỗi thư mục có từ 300 đến 1000 tư liệu. Đáng quý nhất là bộ *Tổng tập thư mục địa chí Hà Nội* bao gồm 10.300 tư liệu trước và sau năm 1954. Công trình nghiên cứu khoa học này đã được đánh giá là "công cụ tra cứu hữu hiệu, kho tư liệu vô giá về Hà Nội và tạo cho Thư viện nhân dân Hà Nội trở thành trung tâm thông tin về Hà Nội".

Công tác địa chí của Thư viện nhân dân Hà Nội được coi trọng từ nhiều năm nay, mang tính chất là một hoạt động khoa học phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và quản lí thành phố, đồng thời cũng tạo cho thư viện một bản sắc riêng mà các thư viện lớn khác trên địa bàn khó có được.

Công tác địa chí này đang góp phần nhất định vào những nội dung nhiều mặt hướng tới Kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

Thư viện nhân dân Hà Nội tiến hành thu thập tư liệu địa chí từ năm 1973 đến nay đã có hơn 4.300 tư liệu tiếng Việt, 2.000 tư liệu Hán Nôm, 1.500 bản dập văn bia, 650 tư liệu địa chí khác, hơn 20 bản đồ qua các thời kì của Hà Nội và hàng trăm tranh, ảnh về Hà Nội xưa và nay.

Mảng tư liệu Hán Nôm là di sản do tổ tiên để lại, một kho tàng văn hoá thành văn quan trọng - trước khi có những văn bản ghi bằng quốc ngữ Latinh - đã ghi lại bao sự kiện, bao dữ liệu về mảnh đất *Trung tâm bờ cõi đất nước* này.

Nhà nghiên cứu Bùi Hạnh Cẩn đánh giá cao khối tư liệu Hán Nôm của Thư viện nhân dân Hà Nội và ông tạm chia ra thành 4 cụm chủ đề lớn[1]:

- *Hà Nội trong các sách quốc chí* gồm những công trình về địa lí học tự nhiên, địa lí học lịch sử về Thăng Long - Hà Nội như: *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi (thế kỉ XV), *Bắc Thành dư địa chí lục* (nửa đầu thế kỉ XIX)...
- *Các chuyên khảo địa phương chí Tây Hồ chí, Thượng Kinh phong vật chí, Hà Nội xuyên sơn phong vực, Hà Nội địa dư, Hoàn Long huyện chí.*
- *Tài liệu lịch sử và sách tham khảo: Đại Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt sử ký tục biên, Đại Việt sử ký tiền biên, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục chính biên, Đại Việt thông sử...*

1. *Tập san Thư viện* số 4.2004, Thư viện quốc gia Việt Nam, tr. 31, 32, 33.

- *Hà Nội qua thơ văn: Thăng Long hoài cổ, Tụng Tây Hồ phú, Hà Thành chính khí ca, Long Thành cảnh chí ca, Bát Tràng lung yên, Minh Quyên thi tập, Long Biên bách nhị vịnh...*

Ngoài ra, còn có những bộ sưu tập văn hoá dân gian như *Lãm cổ kí, Mã Lân dật sử, Linh từ cổ lục, Long Thành cổ tích khảo, Nam quốc giai sử...* và những khoán ước, hương ước, khoán lệ, ngọc phả, thần tích, gia phả... giúp cho ta có thể dựng lại diện mạo một thời của Thăng Long - Hà Nội xưa.

Mảng sách Pháp văn trong đó có một số tư liệu được chuyển từ Uỷ ban hành chính thành phố về vào khoảng các năm 1957, 1958. Ngoài ra còn có những tác phẩm chuyên sâu về Hà Nội của các tác giả Dumoutier, Madrolle, Durand, Coedès. Các báo và tạp chí như *Bulletin de l'IP, Revue Indochinoise, Indochine...* với những tư liệu cận đại cần thiết cho các nhà nghiên cứu về sử học, phong tục tập quán, cuộc sống người Hà Nội, giáo dục, y tế, kinh tế, văn hoá...

Kho địa chí còn lưu giữ các báo và tạp chí của địa phương như *Hà Nội mới, An ninh Thủ đô, Phụ nữ Thủ đô, Tuổi trẻ Thủ đô, Lao động Thủ đô, Người Hà Nội, Kinh tế và đô thị...* Đáng chú ý có một số báo, tạp chí trước năm 1954 như *Nam Phong, Tiểu thuyết thứ bảy, Văn hoá nguyệt san, Văn hoá tùng biên...*

Sách tiếng Việt có hơn 200 cuốn xuất bản trước năm 1954, chủ yếu là các truyện ngắn, tiểu thuyết, phóng sự, bút kí viết về Hà Nội, cùng với 4000 cuốn xuất bản sau năm 1954 của nhiều tác giả quen thuộc viết về đề tài này. Thông qua các nhân vật, các câu chuyện, ngôn ngữ, hành xử và sự miêu tả tinh tế về không gian, cảnh quan Hà Nội của từng giai đoạn, bạn đọc có thể hiểu được những nét văn hoá thanh lịch của người Thăng Long xưa và cùng xây dựng lối sống thanh lịch, văn minh hiện đại cho người Hà Nội và văn hoá Hà Nội ngày nay.

Không chỉ sưu tập, khai thác tư liệu địa chí, thư viện nhân dân Hà Nội còn luôn tìm cách thông tin, tuyên truyền, phổ biến và ứng dụng công nghệ thông tin vào phục vụ bạn đọc tìm hiểu thư tịch địa chí. Thư viện tổ chức giới thiệu sách chuyên đề về Hà Nội gắn với các sự kiện lịch sử, các ngày kỉ niệm lớn. Tổ chức trưng bày, triển lãm sách địa chí ở thư viện và ở nhiều nơi khác, kể cả tham gia "những ngày văn hoá Hà Nội" tại Tây Nguyên. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu Thăng Long - Hà Nội qua sách báo, tìm hiểu về Đảng quang vinh; cuộc thi tuyên truyền kể chuyện sách cho thiếu nhi với chủ đề: "Tuổi nhỏ Thủ đô tiếp bước cha anh phát huy truyền thống 990 năm Thăng Long Hà Nội", được các em thể hiện sinh động, hấp dẫn. Thành công nhất là cuộc thi "Tìm hiểu về Thăng Long - Hà Nội" nhân Kỉ niệm 45 năm giải phóng Thủ đô và chào mừng 990 năm Thăng Long, đã có tới hơn 635.000 bài dự thi từ khắp nước gửi tới.

Thực hiện tin học hoá công tác địa chí, thư viện đã xây dựng cơ sở dữ liệu địa chí với 4.300 biểu ghi, tổng hợp thư mục địa chí 10.000 biểu ghi; phục vụ bạn đọc khai

thác các dữ liệu khác của thư viện, bước đầu của kế hoạch tiến tới tự động hoá công tác địa chí.

Một số đề tài nghiên cứu khoa học của thư viện cũng góp phần phục vụ công tác địa chí. Bộ "Tổng tập thư mục địa chí Hà Nội" gồm 9 tập, dày 3.700 trang là một công trình tiến hành trong 5 năm. Đề tài "cơ sở và giải pháp thu thập, phát triển kho tư liệu địa chí Thăng Long" được nghiên cứu trong 2 năm 1998-1999 với sự tham gia của tập thể cán bộ thư viện.

Thư viện Hà Nội có khá nhiều cộng tác viên là các chuyên gia về nhiều ngành, các giáo sư, nhà văn, nhà báo, nhà văn hoá, nghệ sĩ... thường xuyên góp ý kiến, tư vấn và trực tiếp làm diễn giả của các buổi giới thiệu sách. Các nhà xuất bản cũng coi thư viện là cầu nối với bạn đọc, nên đã cử biên tập viên, mời tác giả đến giao lưu gặp gỡ với công chúng rộng rãi, cũng như lắng nghe ý kiến để cải tiến công tác của mình.

Ngoài phòng địa chí, Thư viện nhân dân Hà Nội có phòng đọc tổng hợp, phòng mượn tự chọn, phòng đọc sách thiếu nhi, và đặc biệt là đã thành lập thư viện cho người khiếm thị, có phòng đọc khang trang với 20 chỗ ngồi hiện đại, đầy đủ tiện nghi, lối ra vào thuận lợi vì ở giáp mặt đường phố Bà Triệu. Đây là 1 trong 2 thư viện cho người khiếm thị được Bộ Văn hoá - Thông tin đầu tư xây dựng thí điểm trong hệ thống thư viện công cộng ở hai thành phố: Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Thư viện cho người khiếm thị Hà Nội khai trương ngày 28.11.1998, được trang bị 12 máy cátxét kèm tai nghe, 1 máy thu băng, 300 cuốn băng, 300 đầu sách chữ nổi. Nội dung băng tiếng và sách chữ nổi chủ yếu là các tác phẩm văn học cổ điển, dân gian, hiện đại nổi tiếng của Việt Nam và thế giới, khoa học thường thức, y học, danh nhân, tài liệu về pháp luật.

Để tạo điều kiện cho người khiếm thị tiếp cận với thư viện được dễ dàng hơn, Thư viện đã phối hợp với đội thanh niên tình nguyện giúp đỡ đưa bạn đọc đến thư viện; mặt khác thông qua Hội người mù thành phố và các huyện, thư viện đã tổ chức đưa sách luân lưu đến tận tay đối tượng. Số thẻ của phòng đọc cho người khiếm thị đã vượt con số 200, số thẻ mượn tại các tủ sách quận, huyện, cũng khoảng 200. So với số người khiếm thị của Hà Nội có trên dưới 10.000 người thì còn quá ít. Tuy nhiên, hoạt động cá biệt này có yêu cầu phục vụ bằng các phương thức riêng, cần kiên trì và đi vững vàng từng bước. Một khó khăn nữa là kinh phí để bổ sung sách chữ nổi, băng từ không nhiều mà tài liệu lại khá đắt. Một cuốn sách in 100 trang chuyển sang sách chữ nổi phải 300 trang, giá thành gấp 3-4 lần sách thường. Băng cát-xét phải chọn người đọc diễn cảm có tay nghề để ghi âm thì quá đắt, nên phải dùng cách chọn nhân viên thư viện có giọng tốt, phát âm chuẩn, không nói ngọng, để đọc và thu tiếng nhằm giảm giá thành tới mức thấp nhất. Do những cố gắng ấy, đến năm 2001, thư viện đã có gần 900 cuốn sách chữ nổi và hơn 800 băng cát-xét.

Hằng năm thư viện còn tổ chức hàng chục buổi giới thiệu sách cho người khiếm

thị ngay tại trụ sở Hội người mù thành phố, giúp họ nâng cao đời sống văn hoá, từng bước hoà nhập với cộng đồng.

Thiếu nhi - những chủ nhân tương lai của đất nước - được Thư viện nhân dân Hà Nội phục vụ tận tình với nhiều phương thức sinh động. Nằm trong khuôn viên của Thư viện nhân dân Hà Nội, *Thư viện thiếu nhi* có phòng đọc, phòng mượn, phòng sách ngoại văn (Anh, Pháp). Tính đến cuối năm 2001, phòng đọc thiếu nhi có 25.000 cuốn sách, phòng mượn có 43.000 cuốn và phòng ngoại văn có 3.500 cuốn. Trung bình hằng năm, thư viện cấp 3000 thẻ cho bạn đọc nhỏ tuổi, phục vụ 21.000 lượt bạn đọc, 57.000 lượt sách, báo, tập trung đông nhất là vào các tháng hè.

Một hoạt động đã thành truyền thống của Thư viện nhân dân Hà Nội là cứ vào dịp nghỉ hè hằng năm, thư viện lại phối hợp với một số ban, ngành cơ quan bạn tổ chức *Thi kể chuyện sách cho thiếu nhi*. Thời kì đầu còn làm đơn giản là kể chuyện sách cá nhân kết hợp với "hái hoa dân chủ" trả lời những câu hỏi mang tính chất tìm hiểu. Từ năm 1999 đến nay, thư viện nâng dần tầm cao cho cuộc thi thành "tuyên truyền giới thiệu sách". Về hình thức: các em tham gia theo đội tuyển, được chọn qua 2 vòng sơ khảo ở cơ sở (phường, xã, trường học) và quận, huyện; cuối cùng mới vào chung khảo: Liên hoan tuyên truyền giới thiệu sách cấp thành phố. Về nội dung: mỗi đội tuyển phải thực hiện đủ 3 phần thi: giới thiệu đội hình, địa phương và các thành viên, tuyên truyền giới thiệu sách bằng 1 trong 4 loại hình (kể chuyện sách, giới thiệu tác phẩm, điểm sách theo chủ đề và hùng biện về một tác phẩm) có thể dùng nghệ thuật để minh hoạ, năng khiếu: hát múa, đọc tấu đàn, vẽ tranh...

Các cuộc Liên hoan tuyên truyền, giới thiệu sách đã trở thành ngày hội của thiếu nhi Hà Nội. Đây là dịp để các em bộc lộ tài năng, rèn luyện kĩ năng nói chuyện sinh động, truyền cảm; đồng thời cũng góp phần giáo dục tư tưởng, tình cảm lành mạnh, ứng xử giao tiếp văn minh, thanh lịch qua nội dung và cách thể hiện của các đội tuyển.

Thư viện còn tổ chức mời các nhà văn đến toạ đàm, gặp gỡ, giao lưu, kí tên kỉ niệm vào sách... giúp các em có thêm kiến thức văn học, nghệ thuật để cảm nhận tác phẩm tốt hơn và yêu thích văn hoá đọc.

Công tác phục vụ bạn đọc nói chung và bạn đọc đặc biệt (người khiếm thị, thiếu nhi) của Thư viện nhân dân Hà Nội luôn được quan tâm cải tiến về thủ tục, cấp thẻ đọc số bạn đọc của phòng mượn ngày càng tăng. Theo tổng kết năm 2004, số lượng thẻ bạn đọc đang được phục vụ là 11.500; số lượt bạn đọc là 240.000; số lượt sách, báo luân chuyển là 590.000. Tổ chức 70 buổi nói chuyện giới thiệu sách, trong đó có 11 buổi cho người khiếm thị, 17 buổi cho thiếu nhi. Tổ chức triển lãm sách tại Triển lãm Hà Nội nửa thế kỉ chiến đấu, xây dựng và phát triển. Triển lãm "Thư tịch Thăng Long Hà Nội, tham gia tổ chức thành công cuộc thi tìm hiểu 50 năm giải phóng Thủ đô". Biên soạn 60 thư mục phục vụ các ngày lễ lớn và các chuyên đề. Đó là những con số đáng khích lệ.

Đối với mạng lưới thư viện cơ sở và quận, huyện, Thư viện nhân dân Hà Nội có một *phòng phong trào* để giúp ban giám đốc chỉ đạo và định hướng cho hoạt động của toàn hệ thống thư viện thuộc thành phố.

Kho sách của các quận, huyện có 10.400 cuốn, với 2.700 thẻ bạn đọc, lượt bạn đọc đến thư viện: 150.000, lượt sách luân chuyển: 252.000.

Ngoài vốn sách hạt nhân do Vụ Thư viện cấp ban đầu, Thư viện nhân dân Hà Nội tổ chức đưa sách xuống từng đợt, luân chuyển cho thư viện quận, huyện có sách trọng tâm phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của Thành phố. Ngoài ra mỗi thư viện có từ 20 đến 50 loại báo, tạp chí xuất bản định kì.

Phong trào xây dựng thư viện quận, huyện của Hà Nội đã ra đời từ rất sớm. Hiện nay ở hầu hết các quận huyện, đều đã có thư viện. Các thư viện này đã trở thành địa chỉ văn hoá của từng khu vực dân cư. Kinh phí mua sách do 2 nguồn: tự mua bổ sung bằng kinh phí ngân sách cấp cho nhà văn hoá, phòng văn hoá - thông tin; nguồn tài trợ của Thư viện nhân dân Hà Nội, cho nên quá ít ỏi. Cơ sở vật chất của thư viện còn nghèo nàn, giá sách, bàn ghế, tủ quầy chưa theo quy cách thống nhất. Phòng đọc chật hẹp lại ở vào địa điểm khuất nẻo, không thuận tiện cho bạn đọc. Thí dụ: Thư viện quận Ba Đình ở trên gác hai phòng Văn hoá - Thông tin, Thư viện quận Hai Bà Trưng bố trí trên gác ba nhà văn hoá quận, Thư viện huyện Gia Lâm ở xa khu dân cư, Thư viện huyện Thanh Trì chỉ là 2 căn phòng nhỏ trong Trung tâm Văn hoá huyện lọt sâu trong khu làm việc của Uỷ ban nhân dân huyện, làm sao người dân có thể dễ dàng thoải mái khi đến thư viện. Số thủ thư có nơi chỉ một người làm đủ mọi công đoạn nhập sách, bảo quản, phục vụ bạn đọc, còn đâu có thời gian giới thiệu sách. Quy chế tổ chức và hoạt động thư viện cấp huyện do Bộ Văn hoá - Thông tin đã ban hành, nhưng thực tế chưa thành một thiết chế độc lập, đủ tiềm năng và sức mạnh để phục vụ tốt bạn đọc, làm vệ tinh nhằm giảm tải cho thư viện trung tâm, đồng thời có điều kiện để giúp thư viện - tủ sách cơ sở[1].

Về thư viện thôn, xã còn khó khăn hơn. Vào năm 1978, Hà Nội có phong trào "Xoá xã trắng" về tủ sách - thư viện, hầu hết các xã đã thành lập được tủ sách, xã lớn có thư viện với vốn sách ban đầu do thư viện thành phố cấp, sau mua bổ sung sách và các chi phí cho hoạt động thư viện do quỹ phúc lợi của hợp tác xã nông nghiệp đóng góp. Sau khi xoá bỏ chế độ bao cấp, hàng loạt thư viện xã tan vỡ. Sách chia về cho các thôn đều bị mất mát, mục nát dần. Từ 250 thư viện xã tới năm 1990 chỉ còn 49 thư viện. Vào khoảng 1998, phong trào xây dựng làng văn hoá đã tác động đến việc lập lại tủ sách - thư viện thôn và dần dần được phát triển cùng với việc ngành bưu điện mở ra việc lập các điểm bưu điện văn hoá xã.

Tuy nhiên, hoạt động của các thư viện này không đồng đều, thất thường, chưa nói

---

1. Theo Nguyễn Huy Thắng - *Đôi điều suy nghĩ về hoạt động thư viện của thủ đô Hà Nội. Tập san Thư viện* số 4, 2001, tr.10.

đến cơ sở vật chất yếu kém, nhiều người phụ trách thư viện chưa qua tập huấn nghiệp vụ hoặc đào tạo chính quy, nên hiệu quả còn hạn chế.

Thư viện Hà Nội đã được bạn đọc gọi là "một trung tâm đọc sống động", luôn bám sát hơi thở và nhịp đập của đời sống thủ đô.

Quốc hội Việt Nam đã ban hành Pháp lệnh thư viện, đó là cơ sở pháp lí để Hà Nội xây dựng một thư viện mới khang trang, hiện đại, một thư viện địa chí riêng cho những nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về Hà Nội. Một dự án lớn nhằm thu thập đầy đủ thư tịch về Thăng Long - Hà Nội đang còn nằm rải rác trong các gia đình trong nước và trong các kho tư liệu lưu trữ, các thư viện lớn ở nước ngoài đang là cái đích đi tới đón chào sự kiện 1000 năm Thăng Long - Hà Nội.

2. Thư viện Giáo dục Hà Nội

Thư viện Giáo dục Hà Nội được thành lập ngày 15.3.1984 theo quyết định của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội và là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục Hà Nội. Nhưng trước đó hơn 3 năm, một thư viện của ngành giáo dục đã mở cửa phục vụ bạn đọc là giáo viên tại số 23B phố Quang Trung. Người được Sở Giáo dục giao cho nhiệm vụ thực hiện bước chuẩn bị ban đầu quan trọng này là nhà giáo Đặng Trần Hành, nguyên hiệu trưởng Trường Phổ thông trung học Hoàng Văn Thụ - nơi đã có tủ sách Nguyễn Tất Thành nổi tiếng.

Thư viện Giáo dục có ba nhiệm vụ chính: phục vụ việc nghiên cứu, nâng cao chất lượng giáo dục và giới thiệu sách mới cho cán bộ, giáo viên các cấp của ngành giáo dục Hà Nội; lưu trữ các tài liệu giáo dục, các sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên phục vụ việc bồi dưỡng, trao đổi, phổ biến sáng kiến kinh nghiệm trong ngành giáo dục, giúp đỡ các thư viện trường học trong toàn ngành về công tác thư viện.

Đến năm 1986, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội ra quyết định chuyển nhiệm vụ chỉ đạo thư viện các trường học từ Công ti Sách và Thiết bị trường học sang Thư viện Giáo dục Hà Nội, hình thành một mạng lưới thư viện thống nhất của ngành từ thành phố tới cơ sở.

Tới ngày 30.8.1995, để hợp lí hoá về tổ chức, uỷ ban nhân dân thành phố đã quyết định sáp nhập Thư viện Giáo dục Hà Nội vào Trường Bồi dưỡng Cán bộ giáo dục Hà Nội với nguyên tắc giữ nguyên hiện trạng và tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Thư viện Giáo dục Hà Nội để phục vụ ngành giáo dục và đào tạo thủ đô.

Trụ sở thư viện cũng luân chuyển qua mấy địa điểm: số 23B phố Quang Trung, số 45 phố Lý Thường Kiệt, số 87 phố Thợ Nhuộm, nhiều lúc ở hai nơi, cho đến khi về Trường Bồi dưỡng Cán bộ giáo dục Hà Nội số 67B phố Cửa Bắc.

Kho sách của Thư viện Giáo dục sau những lần chuyển địa điểm đã qua thanh lí, tặng một số thư viện trường học những sách có nhiều bản, loại bỏ những tài liệu hết thời hạn sử dụng, rách nát, tới hết tháng 12.2002, vốn sách còn 15.200 cuốn, 48 loại báo, tạp chí. Trong đó, có nhiều tài liệu giáo dục quý và các báo chí chuyên ngành

được lưu giữ khi thành lập thư viện như: *Giáo dục và thời đại, Nghiên cứu giáo dục, Thông tin khoa học giáo dục, Bản tin giáo dục, Phát triển giáo dục, Giáo viên và nhà trường, Tạp chí Giáo dục trung học phổ thông, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non, Thế giới mới...*

Kinh phí mua bổ sung sách, báo trong 5 năm 1998-2002, trung bình mỗi năm chỉ được khoảng 15 triệu đồng. Số sách, báo bổ sung trong 5 năm ấy chỉ có 3100 cuốn, so với số lượng đầu sách đã xuất bản là quá ít. Bởi vậy, thư viện phải quan tâm trước hết đến các sách tài liệu giảng dạy các bộ môn, các cấp học, các sách tham khảo, sách nghiệp vụ và rèn luyện kĩ năng giáo dục, các báo, tạp chí chuyên ngành giáo dục.

Vào những năm đầu thành lập, đã có lúc thư viện phát triển cả phòng đọc, phòng mượn với 670 thẻ bạn đọc cá nhân và thẻ mượn tập thể của một số trường.

Hằng tháng thư viện có tổ chức giới thiệu sách mới, như mời các nhà văn, nhà văn hoá là tác giả nói chuyện, biên soạn những thư mục chuyên đề phục vụ các ngày kỉ niệm lớn cung cấp cho các nhà trường làm tài liệu hoạt động...

Thư viện thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ và chỉ đạo công tác thư viện trường học, đi cơ sở kiểm tra, biên soạn các tài liệu thiết yếu về nghiệp vụ, kĩ thuật thư viện làm cẩm nang cho cán bộ thư viện các trường; mở lớp tập huấn ngắn ngày tại địa phương, tổ chức được 2 lớp trung học thư viện với 78 học viên tốt nghiệp, góp phần đào tạo chuẩn hoá đội ngũ cán bộ thư viện trường học, tổ chức các hội thi cán bộ thư viện trường học giỏi; vận động các trường tham gia các cuộc thi kể chuyện sách, thi tìm hiểu về các ngày lễ lớn, về Thủ đô Hà Nội, về Đảng và đất nước.

Ngoài ra, thư viện còn làm cầu nối với các Nhà xuất bản Giáo dục, Thanh niên, Kim Đồng, Văn học... để các nơi này giúp đỡ công tác giới thiệu sách và hỗ trợ sách cho các thư viện trường học Hà Nội.

Trong "Chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo 2001-2010", ban hành kèm theo Quyết định 201/QĐ-TTg ngày 28.12.2001 của thủ tướng Chính phủ, có nhận định chung là "thư viện, trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập còn rất thiếu và lạc hậu". Đồng thời, ở phần giải pháp cũng nêu rõ: "Phấn đấu bảo đảm các trường đều có thư viện tốt, thường xuyên được cập nhật, có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho sinh viên và giảng viên".

Bộ trưởng Bộ Giáo dục cũng đã ban hành Quyết định số 01/2003/QĐ/BGD-ĐT ngày 2.1.2003 quy định cụ thể 5 tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông.

1. Sách báo, tạp chí gồm 3 bộ phận: sách giáo khoa, sách nghiệp vụ và sách tham khảo đọc thêm với số lượng tối thiểu cho vùng đồng bằng ở tiểu học là 2 cuốn/1 học sinh, trung học cơ sở là 3 cuốn/1 học sinh; trung học phổ thông là 4 cuốn/1 học sinh.

2. Cơ sở vật chất, đảm bảo diện tích tối thiểu là 50m^2 ở trung tâm, thuận tiện cho việc đọc, mượn sách. Có đủ trang thiết bị nghe nhìn hiện đại. Thư viện các trường đạt chuẩn quốc gia phải có phòng đọc cho giáo viên tối thiểu 20 chỗ ngồi, cho học sinh tối thiểu 25 chỗ ngồi và nơi làm việc cho cán bộ thư viện.

3. Về nghiệp vụ - các ấn phẩm trong thư viện phải được xử lí nghiệp vụ theo quy định và hướng dẫn bạn đọc sử dụng thư viện.

4. Về tổ chức và hoạt động - Thư viện phân công phụ trách và bố trí cán bộ thư viện, thực hiện việc phối hợp trong công tác thư viện, lập kế hoạch hoạt động và đầu tư cho thư viện, đảm bảo chỉ tiêu sử dụng thư viện (100% giáo viên, 70% học sinh), tổ chức các hoạt động thư viện phù hợp với ngành học, cấp học.

5. Về quản lí thư viện, có đủ các loại sổ sách theo dõi hoạt động thư viện và tiến hành kiểm kê, thanh lí theo định kì.

Căn cứ vào 5 tiêu chuẩn trên, các trường phổ thông của Hà Nội còn phải tiếp tục phấn đấu nâng cấp thư viện, đầu tư vốn sách, bồi dưỡng nghiệp vụ cho thủ thư thì mới đạt tiêu chuẩn quy định, góp phần đưa nhà trường tiến tới được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Đồng thời, cần xây dựng cho thư viện trung tâm của ngành nằm trong Trường Bồi dưỡng Cán bộ giáo dục Hà Nội, xứng đáng và đủ sức mạnh là một thư viện chuyên ngành, chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động thư viện cho cả hệ thống thư viện các trường phổ thông và trở thành một trung tâm thông tin - thư viện đáp ứng nhu cầu tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên Hà Nội.

3. Thư viện Quốc gia Hà Nội

Tiền thân của Thư viện Quốc gia Việt Nam là *Thư viện Trung ương Đông Dương* trực thuộc *Nha lưu trữ và Thư viện Đông Dương*, được thành lập theo Nghị định của Toàn quyền Pháp Anbe Xarô (Albert Sarraut) kí ngày 29.11.1917. Trụ sở Nha đặt tại đường Boócnhi Đêboocđơ (Borgnis Debordes) Hà Nội, nơi trước đó là khu vực Trường thi tuyển chọn nhân tài thời phong kiến rồi đến trụ sở của Nha kinh lược Bắc Kỳ, nay là số 31 phố Tràng Thi.

Đồng thời, Chính phủ Pháp cử Pôn Budê (Paul Boudet), một chuyên viên văn thư cổ tự học, phó quản đốc thư viện và lưu trữ tỉnh Ruăng (Rouen, Pháp) làm giám đốc Thư viện Trung ương Đông Dương.

Sau gần 2 năm chuẩn bị, ngày 1.9.1919, thư viện chính thức mở cửa phục vụ bạn đọc. Vào những năm đầu, cứ 8 người tới thư viện thì có 1 người Pháp và 7 người Việt.

Khoảng giữa năm 1922, Pôn Budê biên soạn và cho xuất bản thư mục liên hợp đầu tiên với tiêu đề Pour Mieux Connaitre L'Indochine - Essai d'une Bibliographie (Để hiểu hơn về Đông Dương - Thư mục chú giải), phản ánh kho sách, báo của hai thư viện lớn ở Hà Nội là Thư viện Trung ương Đông Dương và Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ.

Ngày 31.12.1922, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định về chế độ lưu chiểu ấn phẩm trên toàn Đông Dương và thành lập *Sở Lưu chiểu* để thu nhận các loại sách, báo tạp chí, bản đồ, tranh ảnh được xuất bản trên toàn cõi Đông Dương. Mỗi năm,

Sở Lưu chiểu cho ấn hành 2 số *Danh mục ấn phẩm lưu chiểu*. Chế độ lưu chiểu bắt đầu có từ đây[1].

Năm 1928, thư viện bắt đầu cho xuất bản bộ Thư mục Đông Dương: *Biblio Graphie de L'Indochine* do P.Budê và R.Buôcgioa (Bourgeois) biên soạn, gồm 4 quyển, 5 tập, phản ánh các tài liệu về Đông Dương đã xuất bản từ năm 1913 đến năm 1935. Do Budê mất năm 1948, nên tập cuối gồm các bảng tra cứu không được hoàn thành, bà vợ ông về sau kế tục làm tiếp và cho xuất bản ở Paris năm 1967.

Thư viện Trung ương Đông Dương lần đầu mở khoá đào tạo thủ thư và nghiệp vụ thư viện ngày 1.4.1931. Mỗi khoá đào tạo trong 6 tháng, học viên phải là thư kí tập sự có bằng cao đẳng tiểu học Pháp Việt. Giảng viên đều là người Pháp tốt nghiệp Trường Cổ tự quốc gia Paris (École Nationale des Chartes)[2].

Ngày 28.2.1935, Thư viện Trung ương Đông Dương đổi tên là *Thư viện Pie Paxkiê* (Pierre Pasquier), tên một viên toàn quyền có nhiều đóng góp cho thư viện đã bị tử nạn máy bay.

Sau khi đảo chính lật đổ Pháp, viên đốc lí Nhật ở Hà Nội ra quyết định ngày 19.4.1945 bổ nhiệm giáo sư người Nhật là Cuđô (S.Kudo) làm giám đốc Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương. Có 3 người Pháp[3] còn được giữ lại làm việc mấy tháng sau, rồi được thay thế bằng các viên chức người Việt: Ngô Đình Nhu, phó giám đốc; Trần Văn Kha, trưởng phòng Thư viện; Lê Hữu Cúc, trưởng phòng Lưu trữ.

Cách mạng tháng Tám thành công, chỉ 6 ngày sau khi tuyên bố độc lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đã ra Sắc lệnh số 13, ngày 8.9.1945, chuyển giao các thư viện công, trong đó có Thư viện Pie Paxkiê cho Bộ Quốc gia giáo dục quản lí, cùng ngày, bổ nhiệm ông Ngô Đình Nhu làm giám đốc Nha Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc. Sau đó, Nha này lại sáp nhập với Nha giám đốc Đại học vụ thành Sở Lưu trữ công văn và Thư viện toàn quốc. Tuy nhiên, ông Nhu không thực tế làm việc, mà giấy tờ đều do quyền giám đốc Nha là Trần Văn Kha kí.

Thư viện Trung ương vẫn mở cửa phục vụ bạn đọc, nhưng số người đến sử dụng ít do các trường đình giảng hoặc di chuyển xa Hà Nội. Đến cuối năm 1946, số bạn đọc tăng trở lại, phòng đọc và phòng mượn đều đã có thêm hàng nghìn cuốn sách mới.

Về vấn đề lưu chiểu ấn phẩm, chính phủ lâm thời ban hành Sắc lệnh số 18 ngày 31.1.1946 và Nghị định ngày 12.2.1946, quy định nhà xuất bản phải nộp lưu chiểu

---

1. Danh mục này xuất bản số cuối cùng đầu năm 1945, ghi những ấn phẩm lưu chiểu 6 tháng cuối năm 1994.

2. Đến đầu năm 1945, khoá 15 là khoá đào tạo cuối cùng, tổng cộng ra trường 220 học viên thủ thư.

3. Ba người Pháp là P. Boudet, R. Bourgeois, S. de Saint Exupéry.

cho Thư viện Quốc gia 8 bản, nhà in nộp 2 bản, cho nên thư viện mới có thêm 3.733 bản sách.

Tháng 2.1947, Pháp chiếm lại Hà Nội, *Nha Lưu trữ và Thư viện Đông Dương* được tái lập trực thuộc Phủ Cao uỷ Pháp tại Sài Gòn. Tuy qua chiến tranh, tài sản và vốn sách của thư viện vẫn nguyên vẹn.

Tháng 6.1950, hồ sơ lưu trữ tại Nha Lưu trữ và Thư viện được phân chia cho 3 nước: Việt Nam, Lào, Campuchia và một phần đưa về Pháp. Năm 1953, Thư viện Trung ương Paxkiê sáp nhập vào Viện Đại học Hà Nội và đổi tên là *Tổng Thư viện*. Giữa năm 1954, trước khi rút chạy khỏi Miền Bắc, Pháp cho di chuyển thư viện vào Nam, nhưng chỉ đưa đi được gần 1.000 đầu sách với vài chục nghìn bản sách, báo.

Tháng 10.1954, Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà tiếp quản Hà Nội, tiếp quản Tổng Thư viện, trên văn bản mang tên là *Thư viện Trung ương Hà Nội*. Cuối năm 1954, thư viện tiếp nhận kho sách của *Thư viện Chính phủ* (CP.15), gồm 2 vạn cuốn sách, nhiều báo, tạp chí xuất bản trong thời kì kháng chiến.

Cũng từ đây, thư viện tổ chức hệ thống mục lục chủ đề và mục lục chữ cái bằng chữ Việt thay thế hệ thống mục lục của Pháp. Mỗi năm lại ra 2 tập mục lục xuất bản phẩm dựa trên ấn phẩm lưu chiểu.

Tháng 1.1955, Chính phủ ra Nghị định 446-TTg chuyển Thư viện Trung ương từ Bộ Giáo dục sang Bộ Tuyên truyền (sau là Bộ Văn hoá). Vào năm 1956, thư viện được Thư viện Quốc gia Liên Xô và Thư viện Quốc gia Trung Quốc trao tặng khoảng 60.000 bản sách, chủ yếu bằng chữ Pháp và chữ Trung, làm phong phú mảng sách tiến bộ, cách mạng và lí luận mác-xít của thư viện.

Ngày 21.11.1958, Thư viện chính thức mang tên Thư viện Quốc gia do bộ trưởng Bộ Văn hoá quyết định.

Năm 1962, bộ phận lưu trữ tách khỏi thư viện để thành lập *Cục Lưu trữ Nhà nước*. Cùng năm, thư viện xuất bản tờ *Công tác thư viện*, nội san đầu tiên của ngành thư viện nước ta, mỗi năm ra 4 số, in rônêô.

Năm 1982 Thư viện Quốc gia được Thư viện Liên hợp quốc công nhận là thư viện tàng trữ tài liệu Liên hợp quốc của khu vực Đông Dương.

Năm 1987, lần đầu tiên Thư viện Quốc gia tạo lập cơ sở dữ liệu sách Việt Nam và biên soạn thư mục được thực hiện trên máy tính. Đến năm 1993 bắt đầu đưa cơ sở dữ liệu sách ra phục vụ ở phòng đọc. Năm 1995, thành lập phòng máy tính, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào Thư viện Quốc gia và hệ thống thư viện công cộng trong cả nước.

Năm 2000, Thư viện Quốc gia chính thức gia nhập Hiệp hội Thư viện quốc tế IFLA (The International Federation of Library Association and Institution).

Năm 2002, thư viện khánh thành khu quần thể kiến trúc mới xây dựng thêm, nâng kho chứa lên gấp 3 lần (3 triệu đơn vị bảo quản), đồng thời khai trương kho

sách mở tiếng Việt với 40.000 bản sách xuất bản trong các năm 1998-2002, giúp người đọc tiếp cận sách mới nhất.

Thư viện Quốc gia ngay từ khi thành lập đã có định hướng là một thư viện bách khoa nhằm cung cấp cho người đọc những kiến thức mọi mặt về khoa học, xã hội, về văn hoá - nghệ thuật, ngoài ra còn là trung tâm tập hợp tài liệu về Đông Dương.

Vốn sách tài liệu ban đầu của thư viện chỉ khoảng vài nghìn bản, thu thập lại từ các thư viện bị giải thể như Thư viện Phủ Thống sứ Bắc Kỳ, Thư viện Bình dân, Thư viện Pháp - Nam và sách hiến tặng của các giáo đoàn ở Bắc Kỳ và một số quan chức người Pháp. Sau đó, vốn sách tài liệu mới phát triển nhanh chóng. Năm 1939, thư viện có hơn 90.000 bản sách. Nhưng đến cuối năm 1953, phòng đọc đã có trên 155.000 bản, 1.215 tên tạp chí xuất bản ở Đông Dương, 420 tên tạp chí ngoại văn, 647 tên nhật báo.

Được như vậy là do có nhiều nguồn bổ sung, trong đó có ấn phẩm lưu chiểu của tất cả 5 xứ Đông Dương (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Lào, Campuchia) và nguồn kinh phí mua sách ở Đông Dương và ở Pháp.

Theo kết quả tổng kiểm kê năm 1987, vốn sách tài liệu nhập vào thư viện từ đầu đến 1954 còn hơn 53.000 bản. Đây là vốn sách tài liệu quý hiếm, xuất bản từ rất lâu, như sách của Rabơle (Rabelais) in năm 1552, *Từ điển Latinh - Annam* năm 1886, *Dictionnaire Historique et Critique* của Pie Baylơ (Pierre Bayle) năm 1740. Nhiều cuốn sách tới nay còn rất ít bản, rất đáng quan tâm với các nhà nghiên cứu về Việt Nam, Đông Dương như: *L'Indochine* của Hăngri Guôcđông (Henri Gourdon) (1931), *Les Paysans du Delta Tonkinois* của Pie Guru (Pierre Gourou) (1936), *Excursions et Reconnaissances* (cuối thế kỉ XIX) và các công trình nghiên cứu cơ bản về Việt Nam của các học giả Pháp.

Thư viện Quốc gia còn là thư viện duy nhất trong nước có bộ sưu tập đầy đủ nhất về báo, tạp chí được xuất bản ở nước ta, do thư viện được giao chức năng thu nhận ấn phẩm xuất bản trong cả nước ngót 100 năm nay. Hiện tại, thư viện còn lưu giữ 855 tên báo, tạp chí chữ Việt xuất bản trước năm 1954. Đáng chú ý là *Gia định báo* (1865) tờ báo Quốc ngữ đầu tiên xuất bản ở Sài Gòn, *Nam Phong* (1917-1934), *Phong hoá, Tri Tân, Khai Hoá, Đông Tây*... cho đến *Cứu Quốc,* cơ quan ngôn luận của Mặt trận Việt Minh. Báo, tạp chí chữ Pháp có *Revue Indochinoise, Journal Officiel de l'Indochine, Bulletin des Études Indochinoises, Bulletin des Amis du Vieux Huế*...

Kho bản đồ khá đa dạng với 1.859 bản, có bản đồ cả nước Việt Nam, có bản đồ từng tỉnh qua các giai đoạn phân chia địa giới thay đổi rất cần cho người nghiên cứu.

Qua vốn tài liệu này, người đọc biết được về phong tục, tập quán, trang phục, tôn giáo, lễ nghi, các di sản văn hoá... cho tới cả biên bản các cuộc họp dân biểu, hương ước, các quyết định của chính quyền bảo hộ về ngân sách, đầu tư.

Tới tháng 5.2001, tổng số sách nhập kho Thư viện Quốc gia như sau: sách Việt 299.097 bản, sách ngoại 92.358 bản, sách Pháp 45.065 bản, sách Nga 267.819 bản,

sách Đông Dương 53.901 bản, sách Hán Nôm 2.278 bản, sách Hoa 44.230 bản, sách Nhật - Triều Tiên 4.374 bản, sách nhạc 20.880 bản, luận án 9.993 bản, tranh 2.999 bản, bản đồ 1.859 bản. Kho lưu chiểu ấn phẩm có 140.045 tên sách với 250.000 bản. Báo, tạp chí hiện có 8.257 tên sách với khoảng 100.000 tập đóng bìa cứng, trong đó báo chí chữ Việt 1.369 tên sách, chữ Pháp 976 tên sách, chữ Anh 2.138 tên sách, chữ Nga 784 tên sách, chữ Trung Quốc, Nhật, Triều Tiên 500 tên sách, các ngôn ngữ khác 788 tên sách.

Sau tháng 10.1954, thư viện tiến hành thu thập sách xuất bản trong thời kì chiến tranh chống Pháp, đã lưu giữ được 4.168 bản sách xuất bản ở vùng kháng chiến; 2.495 bản sách xuất bản ở Hà Nội tạm chiếm.

Vốn tài liệu bằng vi phim, vi phích đang bảo quản tại thư viện có vi phích 10.000 tên sách xuất bản ở Việt Nam trước tháng 10.1954 do Thư viện Quốc gia Pháp gửi tặng năm 1966. Phim dương bản 2.392 tên sách, báo. Phim âm bản 1.712 tên sách, báo.

Kho tài liệu về thư viện học và thư mục học có 3.000 bản, chủ yếu là chữ Nga. Ngoài ra thư viện còn biên soạn hàng trăm thư mục chuyên đề, thư mục Quốc gia tháng và thư mục Quốc gia năm, thư mục các bài đăng tạp chí đã được phản ánh trong cuốn thư mục các thư mục xuất bản năm 1969, tái bản có bổ sung năm 1977, xuất bản nội san thư viện từ năm 1971, sau 2 lần gián đoạn, năm 1991 ra định kì *Tập san thư viện*.

Thư viện Quốc gia hiện nay có quan hệ trao đổi với 122 đơn vị của 32 nước trên thế giới, phần lớn là các thư viện quốc gia, thư viện quốc hội, thư viện đại học, viện hàn lâm và một số tổ chức xã hội.

Hằng năm, thư viện Quốc gia phục vụ khoảng trên 10.000 bạn đọc có trình độ đại học trở lên và sinh viên đại học năm cuối với khoảng 400.000 lượt đọc, trên 1 triệu lượt tài liệu luân chuyển.

Thực hiện tin học hoá, Thư viện Quốc gia đi những bước đầu tiên từ năm 1986 với sự giúp đỡ của Thư viện Quốc gia Ôxtrâylia.

Tới nay, tổng số biểu ghi của cơ sở dữ liệu sách đã đạt hơn 237.000 biểu ghi. Thư viện hình thành mạng LAN nối máy vi tính với máy chủ đặt tại phòng tin học.

Để đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin, số máy tính phục vụ nhu cầu tra cứu ngày một tăng, từ 10 máy năm 1995 lên 170 máy năm 2005. Cùng với 10 máy chủ có 40 máy đặt tại phòng Internet, bước đầu đã thoả mãn nhu cầu truy cập tìm thông tin ấn phẩm của người đọc... với địa chỉ của Thư viện Quốc gia Website: http: //www.nlv.gov.vn/OPAC/ bạn đọc gần xa qua mạng Internet đều có thể tra cứu cơ sở dữ liệu sách báo của Thư viện Quốc gia[1].

---

1. Mục thư viện Quốc gia có sử dụng tư liệu của tập kỉ yếu *"Thư viện Quốc gia Việt Nam, 85 năm xây dựng và trưởng thành"*, *"Thư viện Quốc gia Hà Nội, năm 2002"*.

Thư viện cũng đã lập dự án "Xây dựng thư viện điện tử - thư viện số, thuê đường viễn thông riêng để khai thác "mạng Internet, đưa Thư viện Quốc gia thành Trung tâm Thông tin thư viện hiện đại của nước ta". Năm 2004, Thư viện Điện tử, Thư viện Quốc gia đã đi vào hoạt động. Bước đầu các mô-đun: Biên mục, xuất nhập dữ liệu, lưu thông (mượn, trả, quản lí bạn đọc), bổ sung, quản lí kho, tra cứu trực tuyến OPAC... đã vận hành tốt.

4. Từ Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ đến Thư viện Viện Thông tin - Khoa học xã hội và Thư viện Khoa học - Kĩ thuật Trung ương

Tháng 12.1898, Toàn quyền Đông Dương Pôn Đune (Paul Doumer) ra nghị định thành lập Đoàn khảo cổ thường trực (Mission Archéologique Permanente). Tháng 1.1900, tổ chức này đổi tên là Trường Viễn Đông bác cổ (École française d'Extrême Orient), thực chất là một viện nghiên cứu về lịch sử, ngôn ngữ, khảo cổ của các nước Đông Dương và khu vực Viễn Đông. Trụ sở ban đầu của đặt ở Sài Gòn, đến cuối năm 1901 mới chuyển ra Hà Nội.

Trường được sự bảo trợ của Viện Hàn lâm bi kí và văn chương Pháp (Académie des Inscriptions et Belles Lettres de France). Viện này thường xuyên cử những chuyên viên nghiên cứu là những người đã tốt nghiệp các trường cao học về ngôn ngữ Phương Đông, nghiên cứu khảo cổ học Phương Đông, đại học kĩ thuật các ngành sang làm việc tại đây với nhiệm kì 3 năm. Phần lớn các chuyên viên này đều là người Châu Âu. Khoảng 30 năm sau có một số chuyên viên nghiên cứu trợ lí người Việt như: Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Huyên, Nguyễn Thiệu Lâu, Nguyễn Văn Khoan, Trần Văn Giáp...

Trường xuất bản một ấn phẩm ra hằng quý: *Tập san Trường Viễn Đông bác cổ* (Bulletin de L'école française d' Extrême Orient) gọi tắt là BEFEO, giới thiệu các công trình nghiên cứu của trường về lịch sử, văn hoá, ngôn ngữ, phong tục, tôn giáo, khảo cổ, di tích, cổ vật của các nước Đông Á, như Đông Dương, Nam Dương, Trung Hoa, Triều Tiên, Nhật Bản, Ấn Độ, Mông Cổ...

Trụ sở của trường đặt tại số 26 đại lộ Carô (Carreau), nay là phố Lý Thường Kiệt. Ở đây, ngoài các khu nhà làm việc, nhà ở của giám đốc, của các nhà nghiên cứu, còn có một thư viện khá lớn.

Trường còn một bảo tàng cổ vật giá trị ở khu Đồn Thuỷ, nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam.

Giám đốc của Trường Viễn Đông bác cổ từ khi thành lập đến năm 1945 là Lui Phinô (Louis Finot), Anphorết Fusê (Alfred Foucher), Clốt Ogien Matơrơ (Claude Eugène Maêtre), Anrôngxô (Anronsseau), Cađet (Caedes); thời kì Hà Nội bị tạm chiếm là Malorê (Malleret). Từ năm 1954 đến năm 1957 là Đuyrăng (Durand). Năm 1958, Chính phủ Pháp rút toàn bộ nhân viên về nước, trao trả các cơ sở của trường cho Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà.

Vào khoảng thập kỉ cuối của thế kỉ XX, Cơ quan Viễn Đông bác cổ ở Paris, được sự đồng ý của chính phủ ta, đã đặt đại diện tại Hà Nội do Bectơrăng Háctinh (Bertrand Hartinh), sau là Philíp Papanh (Philippe Papin) đảm nhiệm, phối hợp với các ngành khoa học xã hội và nhân văn nước ta tổ chức một số cuộc hội thảo trong phạm vi nghiên cứu trước đây.

Thư viện của Trường Viễn Đông bác cổ có vốn sách quý hiếm được sưu tầm trong gần 50 năm. Theo thống kê năm 1939 (công bố trên L'Indochine Illustrée), thư viện này có vốn sách khá phong phú:

- Sách của Châu Âu 10.000 cuốn, Trung Hoa 2.644 cuốn, Việt Nam: chữ Hán 2.528 tên sách, 2.821 quyển, chữ Nôm 581 tên sách, 570 quyển, sách Việt Nam in lại của Trung Hoa 351 tên sách, 550 quyển.
- Khoán ước, thần tích, sắc phong 2.273 bản.
- Bản chép tay sách của Thư viện Bảo Đại, Nội các, Sứ quán ở Huế 1.750 tên sách, 9.500 quyển.
- Sách chép tay tiếng Miên 485 quyển, Lào 685 quyển, Xiêm 126 quyển, Tày 108 quyển, Chăm 45, Miến Điện 14, Môn - LôLô - Batác 126 quyển.
- Bản dập văn bia Việt Nam, Trung Hoa 15.000 bản, các dân tộc khác 1670 bản.
- Ảnh chụp âm bản, bản vẽ, bản đồ: hàng vạn[1].

Một tài liệu khác cho biết, vốn sách của Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ có 40.000 cuốn tiếng Châu Âu nghiên cứu về Châu Á, trong đó có 350 cuốn cổ thư trước thế kỉ XIX, 27.000 cuốn sách chữ Hán, 11.000 cuốn chữ Nhật, 6.000 cuốn sách chữ Hán Nôm (in và chép tay), 2000 bản chép tay Campuchia, Lào, Thái Lan, Chăm, 25.000 bản dập bia cổ Việt Nam, Trung Hoa, Lào, Campuchia...[2].

Sau khi tiếp nhận Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ năm 1958, với vốn sách đã có và được bổ sung thêm, ngày 6.2.1960 thư viện đổi tên là Thư viện Khoa học trung ương, trụ sở vẫn ở 26 phố Lý Thường Kiệt.

Đến năm 1968, Thư viện Khoa học trung ương tách làm hai thư viện chuyên ngành là:

- Thư viện Khoa học xã hội, sau là Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội.
- Thư viện Khoa học - kĩ thuật trung ương.

a) Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội

Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội hình thành trên cơ sở của Thư viện Khoa học xã hội (1968-1975) được tách ra từ Thư viện Khoa học trung ương, đơn vị đã tiếp thu vốn, sách báo của Trường Viễn Đông bác cổ (EFEO) chuyển giao năm 1957, sau đó sáp nhập với ban thông tin khoa học xã hội, thuộc trung tâm Khoa học xã hội và

1, 2. Dẫn theo Nguyễn Văn Uẩn. *Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX*, tập 2. Nxb. Hà Nội 1995, tr 461-462.

Nhân văn quốc gia. Ngày thành lập 8.5.1975, trụ sở số 26 phố Lý Thường Kiệt.

Vốn sách và tư liệu mà Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội được kế thừa của Trường Viễn Đông bác cổ có khoảng 10 vạn tư liệu về phương Đông, hơn 50 ngàn tấm ảnh và hơn 30.000 microfilm. Trong đó có 170 tập thần tích, thần sắc của 1.700 làng, gồm khoảng 230.000 trang tư liệu viết tay có tính chất độc bản. Về hương ước viết bằng Hán Nôm trên giấy dó gồm 1.225 bản, trong đó có hơn 50 văn bản được soạn thảo vào các thế kỉ XVIII và XIX.

Kho sách khoa học xã hội bằng tiếng Việt là chính, ngoài ra còn có các sách tiếng nước ngoài như: Pháp, Anh, Ba Lan, Bồ Đào Nha, Đức, Hà Lan, Latinh, Na Uy, Tây Ban Nha, Trung Hoa, Hungari, Anbani... xuất bản ở nhiều nơi như: Việt Nam, Pháp, Anbani, Anh, Áo, Ấn Độ, Ôxtrâylia, Đức, Hà Lan, Hoa Kỳ, Hồng Kông, Hungari, Ba Lan, Băngladét, Bỉ, Bồ Đào Nha, Brunây, Bungari, Canada, CHLB Đức, Inđônêxia, Italia, Mông Cổ, Mianma, Nam Tư, Na Uy, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Pakixtan, Rumani, Xuđăng, Surinam, Tây Ban Nha, Thái Lan, Thuỵ Điển, Thuỵ Sĩ, Tiệp Khắc (cũ), Trung Hoa. Nội dung kho sách này rất đa dạng và phong phú đề cập nhiều vấn đề về đời sống xã hội, lịch sử, địa lí, văn hoá, kinh tế, phong tục tập quán, các danh lam, di tích, di sản... của nhiều bộ tộc, dân tộc ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

Kho bản đồ với nhiều tỉ lệ, nhiều khổ giấy, loại giấy. Có những bản đồ của thế kỉ XVII, XVIII chủ yếu là cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, trong đó có bản đồ Hà Nội năm 1831, 1883 phần lớn bằng chữ Pháp, Anh, Nga, Thái, Lào, Hoa...

Qua bổ sung tư liệu các năm, tới năm 2004, vốn tư liệu của Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội đã có tổng số sách trên 500.000 đơn vị, báo, tạp chí 2.800 loại, trên 400.000 đơn vị tài liệu, ảnh trên 50.000 ảnh, microfilm 3.000 đơn vị, bản đồ 4.000 tấm và hơn 6.000 mảnh và nhiều tranh cổ.

Để giúp bạn đọc tra cứu thuận tiện, thư viện đã biên soạn và in thành *Thư mục*: Hương ước Việt Nam (Hán Nôm), Thần tích, Thần sắc, Hương ước (Quốc ngữ) nửa đầu thế kỉ XX... *Thư mục* chuyên đề: Chiến thắng Điện Biên Phủ, Toàn cầu hoá, Thư mục cơ sở dữ liệu toàn văn.

Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thư viện. Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội hiện nay đã có cơ sở dữ liệu:

- Thần tích, thần sắc 13.210 biểu ghi.
- Hương ước 5.636 biểu ghi.
- Bài trích tạp chí 79.282 biểu ghi.
- Mục lục tên tạp chí 827 biểu ghi.
- Sách 38.508 biểu ghi.
- Sách kho Quốc tế và kho Latinh trước năm 1945 có 46.109 biểu ghi.
- Công báo (1974-2000): 6.746 biểu ghi.
- Sách của các thư viện thuộc Viện Khoa học xã hội Việt Nam 1988-2004: 41.426 biểu ghi

Về đĩa CD - ROM có:

- Hồ Chí Minh toàn tập.
- Văn bản pháp luật Nhà nước (1945-1998).
- Chuyên đề Viện Thông tin khoa học xã hội các năm 2000, 2002, 2003.
- Social Science 1983-2003 (500 tạp chí tiếng Anh).
- Humanities 1984-2003 (trên 500 tạp chí tiếng Anh).
- Dialog on Disk gồm các bài tạp chí nước ngoài về khoa học xã hội và nhân văn (tiếng Anh)
- *Văn Uyên tử khố toàn thư* gồm 182 đĩa CD chứa toàn văn kho sách cổ Trung Hoa.

Về hoạt động, thư viện cấp theo năm, trên dưới 600 thẻ (bạn đọc). Số lượng bạn đọc trung bình 18.000 lượt/năm, với trên 36.000 đơn vị tài liệu được phục vụ. Ngoài việc bổ sung sách, báo, tạp chí hằng năm (kinh phí khoảng 78.000 USD và 100.000 VND). Thư viện còn tổ chức những buổi giới thiệu sách chuyên đề phục vụ cán bộ nghiên cứu và sinh viên. Thư viện có quan hệ trao đổi với 35 tổ chức quốc tế ở nhiều nước. Tháng 7 năm 2003, Viện Thông tin khoa học xã hội đã trở thành thành viên chính thức của tổ chức Hiệp hội Thư viện quốc tế (IFLA).

Đây là thư viện nghiên cứu tổng hợp về các ngành khoa học xã hội và về phương Đông.

b) Thư viện Khoa học Kĩ thuật trung ương

Tiền thân của Thư viện Khoa học Kĩ thuật trung ương là Thư viện Khoa học trung ương thành lập ngày 6.2.1960, trên cơ sở của Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ. Năm 1968, Thư viện Khoa học trung ương tách làm hai: Thư viện Khoa học xã hội (từ 1975 thành Thư viện Viện Thông tin Khoa học xã hội) và Thư viện Khoa học Kĩ thuật trung ương (sau khi sáp nhập với Viện Thông tin Khoa học Kĩ thuật trung ương. Hiện nay, thư viện hoạt động trong cơ cấu của Trung tâm Tư liệu khoa học và Công nghệ quốc gia).

Thư viện Khoa học Kĩ thuật trung ương là một thư viện chuyên ngành đạt trình độ tiên tiến trong khối các nước ASEAN hiện nay về hạ tầng cơ sở cũng như về các dịch vụ thông tin khoa học công nghệ chủ yếu. Có thể gọi đây là ngân hàng dữ liệu quốc gia về khoa học công nghệ.

Thư viện đã được kết nạp vào Hiệp hội Thư viện quốc tế (IFLA), có quan hệ và trao đổi tư liệu với hơn 50 tổ chức của 40 nước trên thế giới, nên nguồn tư liệu được bổ sung thường xuyên, đáp ứng yêu cầu của giới khoa học kĩ thuật nước ta.

Hiện nay, vốn sách của thư viện đã có 215.000 cuốn, 5.000 tên tạp chí, 20 cơ sở dữ liệu của CD-ROM, 150 băng hình về khoa học công nghệ, hàng vạn vi phiếu, hàng ngàn catalô...

Kho sách quý hiếm này có 97% là tài liệu nước ngoài, trong đó có nhiều tư liệu khoa học công nghệ giá trị cao.

Nằm trong hoạt động của Trung tâm Tư liệu khoa học và công nghệ quốc gia, Thư viện khoa học kĩ thuật đã chú trọng cả nguồn tin trên giấy và nguồn tin điện tử, đồng thời phát triển các mạng thông tin theo lĩnh vực trọng điểm và ưu tiên phát triển của đất nước; mở rộng thư viện điện tử tới các trường đại học, cao đẳng và hầu hết các cơ quan khoa học công nghệ, đặc biệt là đẩy mạnh các dịch vụ thông tin công nghệ phục vụ doanh nghiệp và đưa thông tin tư liệu phục vụ phát triển nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Hoà nhập với xu thế hiện đại, trung tâm có các cơ sở dữ liệu kinh tế, quản trị kinh doanh, ABI/INFORM, CHEMICAL/ABSTRACTS, PASCAL, SCIENCE DIRECT, EBSCO...

Nguồn tin điện tử có lợi thế là được cập nhật thường xuyên, đảm bảo tính thời gian, giá cả lại khá rẻ. Trung tâm phấn đấu để người dùng tin có điều kiện khai thác thuận tiện nhất.

Đối tượng phục vụ của thư viện là sinh viên năm cuối các trường đại học, trung học chuyên nghiệp; các cán bộ nghiên cứu, cán bộ giáo dục, kĩ sư, bác sĩ, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ... Gần đây, do nhu cầu mới, thư viện đã mở rộng ra cho bạn đọc công tác tại các công ti tư nhân, công ti liên doanh với nước ngoài...

Bạn đọc, người dùng tin có thể truy cập mạng thông tin quốc gia về khoa học cộng nghệ VISTA, 24/24h. Mạng VISTA được nâng cấp lên 4 đường truyền 64kb/s với tổng dung lượng là 256kb/s với hệ thống máy chủ mạnh.

Thư viện phục vụ từ xa qua điện thoại, e-mail cho nhiều cơ quan và cá nhân ở mọi địa phương trong cả nước rất thuận tiện và hiệu quả.

Về phương thức phục vụ, ngoài các kho mở như: kho tạp chí tra cứu, kho sách tra cứu, thư viện còn có phòng đọc tự chọn có khoảng 13.500 tên sách nhập vào thư viện từ 1996 đến năm 2004, gồm các ngành khoa học tự nhiên, khoa học chính xác, khoa học công nghệ, khoa học quản lí...

Một kho lưu giữ báo cáo được trang bị các tiện nghi để giúp cho công tác thẩm định đề tài, tra trùng với 4000 báo cáo cập nhật thường xuyên phục vụ tại chỗ.

Tại Trung tâm Tra cứu thư viện điện tử có nguồn tin và hệ thống khai thác tin đa phương tiện, quy mô lớn nhất Việt Nam về lĩnh vực khoa học công nghệ. Bạn đọc có thể truy cập: mạng Internet cộng đồng; mạng VISTA ngân hàng dữ liệu khoa học công nghệ toàn cầu qua mạng STN, SYFED, BIEE; cơ sở dữ liệu toàn văn IEEE; thông tin đa phương tiện MULTIMEDIA về khoa học công nghệ, truyền hình vệ tinh MMDS; khai thác dữ liệu từ CD - ROM. Bạn đọc có thể chụp bài, tin từ microfilm ra giấy hoặc được cung cấp bản sao tài liệu gốc không có ở Việt Nam. Hằng ngày có từ 100 đến 300 lượt bạn đọc đến tra cứu tại Thư viện Khoa học Kĩ thuật trung ương ở địa chỉ số 24-26 phố Lý Thường Kiệt Hà Nội.

5. Thư viện Viện Sử học

Tiền thân của Thư viện Viện Sử học là tủ sách của Ban Nghiên cứu Văn, Sử, Địa. Ban này được thành lập ngày 2.12.1953 tại Tân Trào tỉnh Tuyên Quang, trong chiến khu Việt Bắc thời Kháng chiến chống Pháp.

Ngay sau khi thành lập, vấn đề quan trọng đầu tiên của Ban Văn, sử, địa là phải xây dựng vốn tài liệu. Ban đã cử cán bộ đi các địa phương sưu tầm thu thập, trong đó có việc vào Khu IV tiếp nhận nguồn tài liệu sách báo quý của giáo sư Đào Duy Anh tự nguyện đóng góp. Trong cải cách ruộng đất, cán bộ của Ban đã đến 48 xã làm thí điểm, thu thập các sách báo, tài liệu viết tay chữ Hán Nôm, có hai kho sách lớn ở Nghệ Tĩnh của gia đình Tổng Tài quốc sử quán Cao Xuân Dục và Mộng Thượng thư trai do giáo sư Nguyễn Đổng Chi xây dựng. Đó là cái vốn ban đầu giúp cho việc ra đời tập san văn, sử, địa tháng 6.1954.

Hoà bình lập lại, Ban Nghiên cứu Văn, Sử, Địa về Thủ đô, sau đó, Viện Sử học được thành lập ngày 6.2.1960. Tủ sách của Ban trở thành thư viện của Viện Sử học.

Từ chỗ chỉ có vài trăm cuốn sách, báo, 48 số tập san văn, sử, địa lúc đầu, qua 50 năm hoạt động, tới cuối năm 2003, thư viện đã xây dựng được kho sách khá phong phú, nội dung mang tính chất tổng hợp vừa rộng, vừa sâu về chuyên ngành khoa học lịch sử. Kho sách của thư viện đã có gần 5 vạn bản, báo tạp chí tiếng Việt và ngoại văn hàng nghìn số. Ngoài ra, còn nhiều tài liệu khác như bản đồ, ảnh, tư liệu dịch, bản thảo... trong đó có nhiều bản gốc rất hiếm.

Vốn sách quý của thư viện là hai kho sách Hán Nôm và tiếng Pháp.

Về kho sách *Hán Nôm*, có nhiều bộ sử giá trị, như *Đại Việt sử kí toàn thư, Lịch triều hiến chương loại chí, Việt sử thông giám cương mục, Đại Nam thực lục, Đại Nam nhất thống chí, Văn hiến thông khảo: Trung, Pháp chiến tranh*... đặc biệt là bộ *Minh Đô sử* của nhóm tác giả Lê Trọng Hàm, gồm 100 cuốn duy nhất còn lại ở nước ta được lưu giữ tại thư viện. Kho sách Hán Nôm còn nhiều tài liệu chuyên khảo về địa lí, địa phương, dòng họ, tôn giáo cung cấp nhiều cứ liệu cho các nhà nghiên cứu xã hội, lịch sử, phong tục.

Về kho sách tiếng Pháp, bên cạnh các cuốn về lịch sử, còn nhiều tác phẩm chính trị, xã hội, xã hội học, triết học, địa lí... đề cập tới Việt Nam, Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ. Lại còn các tạp chí chuyên ngành rất khó kiếm như *L'histoire* (Lịch sử), *Histoire, Économie et Société* (Lịch sử, kinh tế và xã hội), *Revue des Sciences Morales et Politiques* (Tạp chí Khoa học đạo đức và chính trị), *Historiens et Géographes* (Các nhà sử học và địa lí học), *Les Temps Modernes* (Đương đại), *Revue Indochinoise* (Tạp chí Đông Dương), *Bulletin de l'École Française d'Extrême - Orient* (Tập san Trường Viễn đông Bác cổ), *Bulletin des Amis du Vieux Hue* (Tập san những người bạn cố đô Huế).

Kho sách tiếng Nga, Anh, Đức... cũng phong phú và đa dạng phục vụ việc nghiên cứu lịch sử thế giới.

Kho sách tiếng Việt còn lưu giữ được khá nhiều bộ sách có giá trị đã xuất bản gần nửa thế kỉ như: *Lịch sử 80 năm chống Pháp* của Trần Huy Liệu, *Lịch sử Thủ đô Hà Nội* do Trần Huy Liệu chủ biên, *Tài liệu tham khảo lịch sử cận đại Việt Nam* (12 tập), *Lịch sử chế độ phong kiến* (3 tập), *Lịch sử cận đại Việt Nam* của Trường Đại học Tổng hợp, *Lịch sử Việt Nam* của khoa sử Đại học Sư phạm. Bên cạnh đó là những tác phẩm chuyên khảo về khoa cử, giáo dục, địa lí, lịch sử Việt Nam và thế giới của những học giả có tên tuổi: Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Tôn Quang Phiệt, Minh Tranh, Hoàng Xuân Hãn, F.N. Nikiphôrốp. Những bộ sử xuất bản gần đây do Viện Sử học tổ chức biên soạn: *Lịch sử Việt Nam* từ khởi thuỷ đến thế kỉ X, từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XIV, từ năm 1897 đến năm 1918, từ năm 1919 đến năm 1930, từ năm 1954 đến năm 1965, từ năm 1965 đến năm 1975; *Biên niên lịch sử cổ - Trung đại Việt Nam*, *Việt Nam những sự kiện lịch sử. Thế giới những sự kiện lịch sử thế kỉ XX* cùng với nhiều luận án tiến sĩ lịch sử, hàng chục vạn trang tư liệu của cán bộ Viện Sử học.

Về báo, tạp chí, thư viện có những bộ sưu tập quý hiếm như *Tiếng dân, Nam Phong, Tri tân, Thanh nghị, Tập san Văn, Sử, Địa, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, Báo Cứu quốc, Nhân dân, Công báo nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà*...

Phòng thông tin, tư liệu, thư viện còn biên soạn hàng chục thư mục chuyên đề phục vụ yêu cầu nghiên cứu, cung cấp thông tin giới thiệu sách, báo, tạp chí hằng tháng, trưng bày sách mới...

Thư viện Viện Sử học đã phục vụ công tác nghiên cứu lịch sử khá toàn diện, đóng góp tích cực vào sự phát triển của Viện Sử học và của ngành nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn của nước ta[1].

6. Thư viện Hán Nôm

Viện Nghiên cứu Hán Nôm thành lập năm 1970, là một thành viên thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia.

Thư viện của Viện đang lưu giữ một số lượng đáng kể các di sản văn hoá thành văn của dân tộc. Cùng với văn hoá có giá trị này, *từ trong di sản Hán Nôm, ta có thể tìm thấy những ẩn số của quá khứ và cả những câu trả lời cho tương lai, như người xưa đã nói ôn cố nhi tri tân*[2].

Thư viện Hán Nôm là một thư viện mang tính chuyên ngành rất đặc thù. Bạn đọc đến với thư viện hầu hết là những nhà nghiên cứu, những học giả trong nước và nước ngoài quan tâm đến lịch sử văn hoá, văn minh Việt Nam.

1.Viết theo tư liệu của Trần Thị Mai trong bài "*Thư viện Viện Sử học 50 năm xây dựng và phát triển*". Tạp chí Nghiên cứu lịch sử số 6, tháng 11-12 năm 2003.

2. Chu Tuyết Lan, trích bài in trong "*Nhìn lại Hán Nôm học Việt Nam thế kỉ XX*". Nxb. Khoa học xã hội, năm 2001, tr. 726.

Vốn tài liệu của Thư viện Hán Nôm không nhiều, bao gồm 2 mảng:

- Kho sách tổng hợp Hán Nôm có khoảng 18.000 đơn vị, thác bản văn hoá khắc có 43.508 đơn vị, ván khắc in cổ khoảng 20.000 bản.

- Tài liệu tra cứu tham khảo bằng tiếng Việt và các ngôn ngữ khác có 12.330 đơn vị sách, 772 bản đồ, 4513 đơn vị tạp chí các loại.

Hiện nay, thư viện nằm trong Viện Nghiên cứu Hán Nôm tại số 183 phố Đặng Tiến Đông.

Công tác sưu tầm tài liệu cổ để bổ sung vào vốn tài liệu không hề dễ dàng. Thư viện phải có mối liên hệ khăng khít và trao đổi thông tin thư mục với nhiều thư viện bạn như Thư viện Viện Thông tin khoa học xã hội, Thư viện Viện Sử học, Thư viện Quốc gia Việt Nam ...

Nhìn những cuốn sách Hán Nôm giấy bản, giấy dó, đóng bìa giấy dó bồi quét cậy, gáy để trần hoặc quét cậy như bìa, đục lỗ, đóng bằng dây xe tơ, có bộ để trong hộp cứng, ta như gặp lại hình dáng các nho sĩ một thời "mực tàu giấy bản" đã xa.

Các thác bản văn khắc (bia, chuông, khánh...) được đựng trong các bao bì làm bằng giấy phi axít để bảo quản chống ẩm, mục.

Công tác bảo quản kho tài liệu cổ ở đây là việc làm quan trọng, phải được duy trì, kiểm tra, làm vệ sinh, phát hiện mối mọt, côn trùng... thường xuyên bất kì trong điều kiện nào. Nhiều tài liệu quá cũ bị rách nát, thủng, thư viện phải gia công bồi, vá, là ép phẳng.

Từ những năm 80 (thế kỉ XX), thư viện đã tăng cường bảo quản tài liệu gốc bằng cách nhân bản photocopy thành 3 bản để phục vụ người nghiên cứu khai thác. Bản gốc chỉ sử dụng trong điều kiện cần thiết. Tuy nhiên, có một số tài liệu liên quan đến chủ quyền quốc gia hoặc bí mật quốc gia thì không được sao chụp, và có chế độ sử dụng đặc biệt.

Viện Nghiên cứu Hán Nôm cũng đã được chính phủ Nhật Bản tài trợ một phòng máy với trang thiết bị đầy đủ cho việc chụp và đọc microfilm (vi phim), in và đóng xén các tài liệu Hán Nôm. Thư viện sẽ chụp microfim toàn bộ kho sách Hán Nôm và kho thác bản văn khắc nhằm mở rộng loại hình phục vụ bạn đọc. Đồng thời cho quét ghi vào đĩa CD vừa lưu giữ tài liệu, vừa có thể nối mạng giao lưu trên phạm vi rộng trong và ngoài nước.

Để xây dựng Thư viện Hán Nôm thành một thư viện hiện đại, đáp ứng mọi yêu cầu thông tin của người nghiên cứu, thư viện đang đưa hoạt động gắn liền với công nghệ thông tin. Với sự giúp đỡ về kĩ thuật và chuyên môn của Thư viện Quốc gia, phòng thông tin, tư liệu, thư viện của Viện Hán Nôm đã hoàn thiện hệ cơ sở dữ liệu thích hợp cho mảng sách tra cứu tham khảo về các công trình thư mục các bài viết đăng trên các tạp chí xuất bản ở Miền Bắc từ năm 1954 đến nay. Cơ sở dữ liệu này bao gồm 2.834 biểu ghi sách hồi cố, 387 biểu ghi sách mới và 1350 biểu ghi bài trích trên các tạp chí. Song song với phần mềm ISIS chạy dưới DOS, thư viện đã chuyển

sang sử dụng WINISIS để bạn đọc có thể tra tìm dễ dàng thông tin bằng "chuột".

Hằng tháng, phòng thông tin, tư liệu, thư viện có in thông báo sách mới dưới dạng thư mục, mở phích mục lục cho sách mới bổ sung.

Cũng cần nhắc đến một số công trình nghiên cứu khoa học của Viện mang tầm cỡ quốc tế được lưu giữ tại thư viện, như:

Di sản Hán Nôm Việt Nam - thư mục đề yếu (1993) do nhóm chuyên gia của Viện thực hiện dưới sự chỉ đạo của phó giáo sư Trần Nghĩa hợp tác với giáo sư Frăngxoa Grô (François Gros) và nhóm cộng sự người Pháp. Bộ sách gồm 3 tập, giới thiệu 5.038 tên sách với 16.302 đơn vị tài liệu Hán Nôm, hàm chứa những giá trị văn hoá, lịch sử của khoa học xã hội và nhân văn Việt Nam.

Thư mục văn bia Việt Nam do Hoàng Lê biên soạn; *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam - tuyển chọn lược thuật* do giáo sư - tiến sĩ Nguyễn Quang Hồng chủ biên, với sự tham gia của nhiều thế hệ cán bộ trong Viện.

Ba công trình thư mục do phòng thông tin, tư liệu, thư viện thực hiện trong nhiều năm là: *Thư mục bài viết liên quan đến tác giả, tác phẩm Hán Nôm đăng trên tạp chí Tri Tân; Thư mục các bài viết trên tạp chí Nam Phong có liên quan đến tác giả, tác phẩm Hán Nôm đăng trên các tạp chí xuất bản ở Miền Bắc từ năm 1954 đến nay,* được trình bày dưới dạng thư mục 8 yếu tố (có phần tóm tắt nội dung) đã cung cấp khá nhiều thông tin cho bạn đọc.

Nhờ các công trình này và sự có mặt của nhiều cán bộ Viện Hán Nôm tham dự các hội thảo quốc tế nên nhiều tác giả quốc tế đã tìm đến với kho di sản Hán Nôm của Thư viện Hán Nôm[1].

7. Thư viện Quân đội[2]

Tiền thân của Thư viện Quân đội là tủ sách của Tổng Quân uỷ ở chiến khu Việt Bắc với vốn tài liệu ban đầu gần 500 cuốn sách.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hoà bình được lập lại, quân đội ta vào tiếp quản Thủ đô, đóng trong Thành cổ. Ngày 15.11.1957, thực hiện chủ trương của Tổng Quân uỷ, đại tướng Nguyễn Chí Thanh, chủ nhiệm tổng cục Chính trị đã ra chỉ thị thành lập Thư viện Quân đội. Ngày ngày nay về sau được công nhận chính thức là ngày truyền thống của Thư viện Quân đội.

Địa điểm ban đầu ở tầng 2 Trung tâm câu lạc bộ trông ra phố Hoàng Diệu lúc đó thư viện còn nằm trong thành phần Câu lạc bộ Quân đội.

Năm 1958, thư viện tách ra khỏi câu lạc bộ để trở thành Thư viện Trung tâm của toàn quân và chuyển về 28 phố Cửa Đông. Ngay sau khi có cơ ngơi đàng hoàng, Thư

---

1. Theo Trần Nghĩa, Chu Tuyết Lan, Nguyễn Thị Phượng trong *Viện Nghiên cứu Hán Nôm 30 năm xây dựng và phát triển 1970-2000*, Hà Nội. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, năm 2000.

2. Theo *Tập san thư viện* số kỉ niệm 45 năm thành lập Thư viện Quân đội - 2002.

viện Quân đội đã tổ chức phục vụ bạn đọc với các bộ phận: phòng mượn, phòng đọc, phòng đọc báo, tạp chí tự chọn, phòng đọc sách đặc biệt (hạn chế, mật) và phòng đọc cá nhân.

Vào thời gian nói trên, thư viện chỉ có người phụ trách chung, đến đầu năm 1961, mới bổ nhiệm giám đốc Thư viện Quân đội đầu tiên là thiếu tá Nguyễn Hữu Bưởi. Nhiệm vụ và chức năng cơ bản của thư viện cũng được Tổng Cục chính trị xác định là:

- Trung tâm tàng trữ, bảo quản sách, báo, ấn phẩm trong và ngoài quân đội.
- Trung tâm phục vụ sách, báo cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng học tập, nghiên cứu và giải trí.
- Trung tâm biên soạn và giới thiệu thư mục trong toàn quân.
- Trung tâm phụ đạo nghiệp vụ và hướng dẫn phát triển đọc sách, báo trong toàn quân.

Thư viện trực tiếp phục vụ độc giả thuộc 3 tổng cục và các đơn vị quân đội, công an vũ trang ở Hà Nội; tiếp nhận lưu chiểu các sách, báo lưu hành trong nội bộ quân đội và tổ chức hệ thống thư viện trong toàn quân.

Năm 1968, thiếu tá Đinh Quang Thiệu được bổ nhiệm thay thế Nguyễn Hữu Bưởi làm giám đốc thư viện. Lúc này, đế quốc Mỹ đã gây chiến tranh phá hoại bằng không quân vào Hà Nội, thư viện được sơ tán kho tàng và chuyển trụ sở tạm thời về số 23 phố Lò Đúc. đến đầu năm 1973, thư viện đã có điều kiện xây dựng trụ sở mới ổn định tại số 83 phố Lý Nam Đế khang trang, xứng đáng là thư viện trung tâm của Quân đội Việt Nam.

Năm 1974, Cục Văn hoá - Tổng cục Chính trị được thành lập, Thư viện Quân đội trở thành đơn vị trực thuộc Cục. Từ đó, thư viện đã phát triển từ một thư viện phổ thông tiến lên thành một thư viện khoa học tổng hợp về quân sự, thư viện trung tâm đầu ngành của hệ thống thư viện trong quân đội. Như vậy là thư viện phải vừa phục vụ đắc lực công tác lãnh đạo, chỉ huy, phục vụ nghiên cứu khoa học, vừa phải chỉ đạo tốt hoạt động, hệ thống thư viện toàn quân gồm thư viện các quân khu, quân đoàn, quân binh chủng, các học viên, nhà trường quân đội, thư viện tỉnh đội, sư đoàn đến tủ sách đại đội...

Thư viện được nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung vốn tài liệu, tăng cường biên chế và nghiệp vụ thư viện để làm tròn các nhiệm vụ được giao.

Vốn tài liệu của Thư viện Quân đội là từ tủ sách của Tổng Quân uỷ. Ngay từ những năm đầu thành lập, Thư viện Quân đội đã đẩy mạnh công tác sưu tầm tài liệu xuất bản thời kì Kháng chiến chống Pháp còn lưu giữ tại các quân khu, các tỉnh, các sư đoàn... ở Thanh Hoá, Hoà Bình, Sơn Tây. Kết quả đã đưa về thư viện hơn 3.000 cuốn sách, báo in trên giấy dó, bao gồm các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tổng Quân uỷ về quân sự, về chiến lược, chiến dịch, chiến thuật, lịch sử

đơn vị và tài liệu tổng kết chiến tranh. Dù số lượng chưa nhiều, nhưng đây là vốn tài liệu vô cùng quý giá của Thư viện Quân đội.

Để vốn sách của Thư viện Quân đội trung tâm có từ 30 đến 50 vạn bản, trong hơn 50 năm qua, năm nào thư viện cũng không ngừng bổ sung. Ngoài sách của Nhà xuất bản Quân đội, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật là chính, thư viện còn bổ sung các tài liệu từ các nước xã hội chủ nghĩa, các nước tư bản tư bản, tăng cường mua sách xuất bản trong nước phù hợp với mục tiêu và đối tượng phục vụ.

Sau khi đất nước thống nhất (1975), Thư viện Quân đội còn tiếp quản được một số lượng lớn sách, báo chiến lợi phẩm của Mỹ - Nguỵ để lại với hàng chục nghìn bản. Số tài liệu này được phân loại, chọn lựa và đưa vào sử dụng đã góp phần cho công tác nghiên cứu trong quân đội tốt hơn.

Cho đến nay, Thư viện Quân đội có kho sách quân sự vào loại lớn nhất nước ta. Ngoài vốn tài liệu có nội dung phù hợp với chức năng và nhiệm vụ phục vụ yêu cầu chính trị và chuyên môn nghiệp vụ về khoa học, kĩ thuật, lịch sử quân sự..., còn có nhiều tài liệu quý hiếm, tài liệu không công bố, trong đó có ấn phẩm là độc bản.

Vốn tài liệu này đã phục vụ có hiệu quả nhu cầu nghiên cứu về chiến tranh và quân đội của đông đảo bạn đọc.

Trong một thời gian dài, Thư viện Quân đội hầu như khép kín chỉ phục vụ cán bộ, chiến sĩ, công nhân quốc phòng, đến nay thư viện đã mở rộng diện phục vụ ra ngoài quân đội với cán bộ nghiên cứu và những sinh viên năm cuối các trường đại học.

Trong thời kì mới, vấn đề an ninh quốc phòng luôn được gắn chặt với chính trị, kinh tế, xã hội và những vấn đề toàn cầu khác. Nhu cầu đọc của độc giả thư viện Quân đội cũng thay đổi. Họ không chỉ quan tâm đến các tài liệu quân sự, mà còn chú ý tìm hiểu về các ngành khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn khác. Nếu như trước đây thành phần sách về quân sự và những vấn đề liên quan chiếm tới 70% tổng số sách của thư viện, thì nay, vốn tài liệu nhập vào hằng năm, tài liệu về quân sự chiếm 40%, về chính trị - xã hội 20%, văn học - nghệ thuật 20%, kinh tế, pháp luật, môi trường, y tế và các vấn đề khác 20%. Hằng năm, thư viện nhập khoảng 3.000 tên sách, gần 300 loại báo, tạp chí.

Về công tác phục vụ bạn đọc, thư viện tổ chức nhiều hình thức, đa dạng. Để phục vụ tại chỗ, thư viện có một số phòng như: phòng đọc tổng hợp, phòng nghiên cứu, phòng báo, tạp chí, phòng tra cứu.

Phòng đọc tổng hợp là phòng phục vụ chủ yếu và rộng rãi. Các tài liệu cơ bản phổ thông đều tập trung tại đây. Phòng đọc tổng hợp đã xây dựng những ô phích chuyên đề, lập danh mục tài liệu chuyên đề. Đối với những yêu cầu mà tài liệu của kho thư viện không có thì thủ thư giới thiệu bạn đọc đến thư viện khác hoặc tìm cách mượn hộ.

Phòng nghiên cứu dưới dạng kho mở. Bạn đọc có thể tự chọn cho mình những luận văn, luận án được bảo vệ trong các học viện, nhà trường, viện nghiên cứu trong và

ngoài quân đội về đề tài liên quan đến chiến tranh và quốc phòng. Có cả những tài liệu mật được phục vụ theo chế độ riêng.

Phòng đọc báo, tạp chí là nơi luôn tập trung đông đảo bạn đọc muốn cập nhật thông tin, có số lượng lượt bạn đọc và lượt tài liệu luân chuyển cao nhất. Phòng còn tổ chức kho mở cho các báo, tạp chí mới nhập trong khoảng 1-2 năm, để bạn đọc tự chọn, tạo không khí thoải mái, không phụ thuộc vào thủ thư khi tìm tài liệu. Ở đây, còn có hệ thống tra cứu, phân loại tên báo, tạp chí, mục lục chuyên đề, chủ đề và cơ sở dữ liệu các bài trích từ các báo, tạp chí.

Phòng tra cứu với hơn 6000 tài liệu tra cứu phục vụ mọi yêu cầu của bạn đọc được nhanh chóng, thuận tiện trong việc tra tìm. Trên cơ sở các dữ liệu mà Thư viện Quân đội đã truy cập vào máy tính, thủ thư có thể trả lời các yêu cầu về thông tin, dữ liệu hoặc tìm hiểu về một cuốn sách dễ dàng hơn.

Bên cạnh việc phục vụ tại chỗ, thư viện còn có phòng mượn dành cho bạn đọc trong quân đội trên địa bàn Hà Nội. Hằng năm, phòng mượn đã có khoảng 6.000-7.000 lượt người mượn với khoảng 14-15 nghìn lượt tài liệu.

Từ năm 1994, thư viện còn phục vụ dưới hình thức lưu động: cho mượn sách tập thể đối với các thư viện trong hệ thống, đưa sách và tài liệu triển lãm, trưng bày ở cơ sở, tuyên truyền trực quan theo chuyên đề nhân các ngày kỉ niệm lớn.

Ngoài ra Thư viện Quân đội còn biên tập ấn phẩm đặc biệt *"Tài liệu nghiên cứu phục vụ lãnh đạo"* đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, nâng cao và mở rộng tầm nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, chỉ huy cấp chiến dịch, chiến lược trong quân đội. Trong đó có cả tài liệu chưa xuất bản, tài liệu lưu hành nội bộ, tài liệu phi văn bản...

Về *hệ thống thư viện toàn quân*, tính tới cuối năm 2001, hệ thống này đã hình thành một thể thống nhất. Toàn quân đã có 53 thư viện đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng, 330 thư viện, phòng đọc sách sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn; gần 2000 tủ sách phòng Hồ Chí Minh cấp tiểu đoàn, đại đội độc lập. Cùng với việc hướng dẫn hoạt động, đào tạo tập huấn nghiệp vụ thư viện cho cơ sở, Thư viện Quân đội còn nhập và cấp phát sách cho thư viện và tủ sách toàn quân.

Thư viện Quân đội đang tích cực sử dụng công nghệ thông tin và để hiện đại hoá hoạt động thư viện, nâng cao chất lượng phục vụ từ trung tâm đến toàn hệ thống.

8. Thư viện Trường Đại học Bách khoa

Thư viện Trường Đại học Bách khoa thành lập cuối năm 1956, trụ sở tại Nhà C2 Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, số 1 đường Đại Cồ Việt.

Đây là một thư viện đa ngành, một thư viện lớn trong hệ thống thư viện các trường đại học và cao đẳng trong cả nước.

Vốn tài liệu có trên 600.000 cuốn, bao gồm: 200.000 cuốn sách giáo trình, 200.000 cuốn sách tham khảo (90% ngoại ngữ), trên 200.000 tạp chí chuyên ngành bằng ngoại ngữ như: *Ulliman's Encyclopedia of Industrial Chemistry, Mc Graw - Hill*

Encyclopedia of Sciences and Technology, Macmillan Encyclopedia of Science, Encyclopedia of Energy Technology and the Environment...

Thư viện còn được Bộ Giáo dục và đào tạo giao nhiệm vụ nhận lưu chiểu và phục vụ các sách giáo trình mới thuộc chương trình "Giáo trình đại học và cao đẳng" trong cả nước.

Ngoài ra, còn có 4.000 đĩa mềm và đĩa CD-ROM, 400 đĩa từ. Có 4 cơ sở dữ liệu: trên 40.000 biểu ghi cơ sở dữ liệu sách, 1.300 biểu ghi cơ sở dữ liệu tạp chí, 200 biểu ghi cơ sở dữ liệu chuyên đề, 16000 biểu ghi cơ sở dữ liệu sách tiếng Nga.

Tháng 11.2003, thư viện sáp nhập với Trung tâm Thông tin - Mạng thành *Thư viện và Mạng thông tin*, có 3 phòng chức năng:

- *Phòng dịch vụ thông tin - tư liệu* gồm bộ phận đọc tại chỗ (Phòng đọc tra cứu, phòng đọc sau đại học, phòng đọc báo, tạp chí, phòng đọc giáo trình và sách tham khảo tiếng Việt); bộ phận mượn về nhà (Phòng mượn giáo trình, phòng mượn sách tham khảo); bộ phận kho.

- *Phòng nghiệp vụ thư viện* gồm: Phòng máy tính và tra cứu Internet, phòng bổ sung, biên mục.

- *Phòng công nghệ Mạng máy tính* gồm: Nhóm máy chủ, nhóm thiết bị thông tin, nhóm thư viện điện tử, nhóm nghiên cứu và phát triển.

Một *Thư viện điện tử* lớn nhất Việt Nam đã được xây dựng tại Trường Đại học Bách khoa. Theo dự án, thư viện có 10 tầng với tổng diện tích sử dụng 37.000 m^2. Thư viện Điện tử Bách khoa sẽ có 2,5 triệu đầu sách, tạp chí, tài liệu thông tin điện tử, phục vụ đồng thời 4.000 bạn đọc tại chỗ và 20.000 bạn đọc truy cập từ xa mạng máy tính và truyền thông trong thư viện sử dụng công nghệ Gigabit với 2098 nút mạng, liên thông với mạng thư viện quốc gia và quốc tế.

Hiện tại, Thư viện Đại học Bách khoa cấp 18.000 thẻ thư viện (gần 10.000 thẻ đọc, 8.000 thẻ mượn. Thư viện có 3 phòng đọc với 600 chỗ ngồi và 2 bộ phận cho mượn về nhà).

Mỗi năm, thư viện phục vụ 900 lớp sinh viên, số tài liệu mượn khoảng 310.000 lượt cuốn. Hằng ngày số lượt mượn đọc tại chỗ trung bình 1.800-2.000 lượt, mượn tài liệu về nhà 200 lượt.

Thư viện được trang bị các máy vi tính 486, 586, các loại máy in, sử dụng mạng cục bộ xây dựng các cơ sở dữ liệu, nối mạng với Trung tâm Thông tin tư liệu khoa học và Công nghệ quốc gia (VISTA); nối mạng nội bộ BKNET và mạng Internet.

Nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn, thư viện có dịch vụ sao chụp tài liệu, sao in đĩa mềm, đĩa CD-ROM.

Thư viện có quan hệ hợp tác với các cơ quan thông tin thư viện lớn trong nước và nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các trường đại học... Các nhà xuất bản nổi tiếng trên thế giới thường gửi cho thư viện nhiều thông tin tư liệu quý. Các giáo sư của trường đi công tác nước ngoài hoặc đi dự Hội nghị quốc tế đều mua sách, tạp chí hoặc mang

tài liệu hội nghị về tặng thư viện để phục vụ được rộng rãi hơn. Hằng năm, thư viện thường nhận được khoảng 2.000-3.000 sách từ nguồn biếu tặng.

Trước sự tiến bộ nhanh chóng của khoa học, công nghệ, thư viện và mạng thông tin Trường Đại học Bách khoa đang đứng trước những thử thách, khó khăn mới. Còn thiếu những người được đào tạo chính quy và chuyên sâu về công nghệ, thông tin để tiến tới điều hành và phát triển hoạt động của Thư viện Điện tử Bách khoa, cần tăng cường sự hợp tác trong nước và quốc tế để đáp ứng nhu cầu này.

9. Trung tâm Thông tin thư viện Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Trung tâm Thông tin thư viện nằm trong khuôn viên của Trường Đại học Kinh tế quốc dân trên đường Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng.

Những năm qua công tác tra cứu phục vụ bạn đọc luôn được quan tâm cải tiến đổi mới công nghệ. Bên cạnh hệ thống tra cứu truyền thống đã có sẵn và những tập chuyên đề do trung tâm biên soạn, cũng như các tập mục lục tạp chí đặt ngay tại phòng đọc, trung tâm còn cài đặt thêm mạng cục bộ (LAN), mạng Internet với hệ thống máy tính phục vụ bạn đọc tra cứu tìm tin.

Các cơ sở dữ liệu sách, tạp chí, công trình nghiên cứu, luận án, luận văn đều đã được xây dựng:

Cơ sở dữ liệu sách với 9.387 đầu sách bằng chữ Việt, 6.120 đầu sách ngoại văn (chủ yếu là Anh, Pháp).

Cơ sở dữ liệu thư mục các loại tạp chí kinh tế - xã hội.

Cơ sở dữ liệu toàn văn của hơn 200 công trình nghiên cứu khoa học về kinh tế xã hội.

Cơ sở dữ liệu luận án, luận văn với 3.550 bản luận án thạc sĩ, tiến sĩ, hơn 7.000 luận văn tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy bảo vệ tại trường.

Tất cả các cơ sở dữ liệu này đã được đưa lên mạng của trường, bạn đọc có thể tra cứu trên máy tính.

Cũng tại trung tâm, bạn đọc có thể đọc trên CD-ROM, *cơ sở dữ liệu ECONLIT, Nhà xuất bản Ovid/Silver Platter, USA*, chứa đựng 370.000 biểu ghi tóm tắt từ các tạp chí kinh tế hàng đầu, sách, luận văn, các bài báo, báo cáo ghi lại tiến trình các cuộc hội nghị, các đề tài... do Hội Kinh tế Mỹ (American Economic Association) lựa chọn từ tài liệu quốc tế về kinh tế từ năm 1969 tới nay.

Những thông tin mới được cập nhật hằng tháng về phát triển kinh tế, dự báo kinh tế, lịch sử kinh tế, lí thuyết về tài khoá, lí thuyết tiền tệ và thể chế tài chính, tài chính kinh doanh, tài chính công, lao động, chăm sóc sức khoẻ, quản lí, nhân khẩu học, kinh tế đô thị, kinh tế vùng, kinh tế nông nghiệp, nghiên cứu về các nước và những quy định của chính phủ.

Từ tất cả các máy tính nối mạng tại Trung tâm Thông tin thư viện hoặc tại các

điểm khác của Trường Đại học Kinh tế quốc dân, thông qua địa chỉ IP tĩnh của trường, bạn đọc có thể tra cứu các tư liệu thông tin hiện có tại trung tâm trên Online mà trung tâm đã mua. Đó là các sản phẩm của dự án giáo dục đại học:

Cơ sở dữ liệu Proquest Digital Dissertation (PQDD), truy cập trực tuyến tại địa chỉ URL: http://www.lib.umi.com/dissertation sẽ tiếp cận với toàn bộ thư viện. Luận văn gồm 1,6 triệu biểu ghi tóm tắt luận văn, luận án của hơn 1.000 trường đại học danh tiếng ở Mỹ và thế giới từ năm 1861 đến nay; 1,2 triệu luận văn, luận án với cả thông tin thư mục tóm tắt và cũng có thể tải về toàn bộ nội dung của 260.000 luận văn, luận án, từ năm 1997 đến nay.

Cơ sở dữ liệu tạp chí toàn văn ABI / INFORM, truy cập trực tuyến tại địa chỉ URL: http://proquest. umi.com/login/ipauto, sẽ có những thông tin mới nhất và cập nhật thường xuyên về kinh tế, kinh doanh, quản trị từ hơn 1.530 tạp chí chuyên ngành hàng đầu thế giới, cùng với các hình ảnh, biểu đồ, đồ thị minh hoạ... Có thể kể một số tạp chí tiêu biểu: Accountancy, American Economic Review, Asia Money, Economist, Harvard Business Review, Marketing Week...

Cơ sở dữ liệu trực tuyến LEXISNEXIS tại địa chỉ URL: cơ sở dữ liệu NEXIS: http://www. lexis nexis. com/sg/vtech, ID: 1VTECH Password: VTECH 2837; cơ sở dữ liệu LEXIS: http://www.lexisnexis.com/sg/vtech ID: 2 VTECH Password: VTECH 9034; có khả năng truy cập 24/24h để tìm kiếm 3 tỉ trang tư liệu, 31.640 tin tức, sự kiện kinh tế thương mại, nguồn tin pháp luật.

Cơ sở dữ liệu SPRINGERLINK, truy cập trực tuyến tại địa chỉ URL: http://www. springer linh.com, một trong các dịch vụ cung cấp thông tin toàn văn hàng đầu thế giới hiện nay.

Tạp chí Điện tử toàn văn: http://www.emeraldinsight.com với bộ sưu tập 42.000 bài báo của trên 100 tạp chí có uy tín trên thế giới về quản trị kinh doanh.

Ngoài ra, còn có *cơ sở dữ liệu sách điện tử* KLWER ONLINE E-BOOK và EBRARY E-BOOK BUSINESS AND ECONOMICS COLLECTION với hơn 4.200 đầu sách có thể tra cứu toàn văn, đọc trực tuyến và tải về dưới dạng điện tử.

Cũng từ địa chỉ IP tĩnh của trung tâm, bạn đọc có điều kiện tìm tin trong các kho dữ liệu lớn khác trong nước và quốc tế, truy cập đến các trang web tin cậy của các trường đại học và thư viện nổi tiếng trên thế giới.

10. Thư viện Trường Đại học Y Hà Nội

Thư viện ban đầu mang tên Thư viện Y dược của Trường Đại học Y dược khoa do Pháp thành lập năm 1902 tại số 13 đại lộ Bôbiô (Boulevard Bobillot) nay là phố Lê Thánh Tông. Năm 1962, Trường Đại học Y dược khoa tách làm hai, nên thư viện cũng tách ra. Thư viện Đại học Y nay ở trong trường Đại học Y Hà Nội số 1 phố Tôn Thất Tùng. Thư viện còn một lần chia tách nữa để thành lập Thư viện Y học Trung ương (nay là Viện Trung tâm Thư viện Y học Trung ương).

Từ đầu năm 1980, *Thư viện Trường Đại học Y* mới thực sự được tổ chức, xây dựng và hoạt động theo tính chất một thư viện lớn phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ và sinh viên trong trường và trong ngành y.

Vốn tài liệu của Thư viện Đại học Y có 75.000 bản của 2.500 loại sách (70% tiếng Việt), 150.000 bản của 600 loại báo và tạp chí (20% tiếng Việt). Sách báo chuyên ngành y chiếm khoảng 90%, trong đó có mảng sách quý hiếm. Đó là bộ sách giáo khoa của các cố giáo sư đầu ngành như Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Đặng Văn Ngữ, Đỗ Xuân Hợp... *Bách khoa thư Y học Pháp*, một số cẩm nang và 2.500 luận án tốt nghiệp bác sĩ, thạc sĩ, phó tiến sĩ, tiến sĩ y học (có 300 luận án tốt nghiệp bác sĩ từ 1934 đến 1954).

Nguồn báo chí, sách giáo khoa, sách tham khảo còn được các tổ chức nước ngoài, các trường đại học gửi tặng. Lần đầu tiên, thư viện đã tiếp nhận hàng chục tấn sách từ Trường Đại học NEW SOUTH WALES (Úc) năm 1987-1988. Sau là Trường Đại học Paris VI liên tục gửi, nhân danh Hội nghị quốc tế các hiệu trưởng Đại học Y nói tiếng Pháp (CIDMEF) mà Trường Đại học Y là một thành viên. Thư viện còn nhận được các phương tiện tin học, phương tiện nghe nhìn, băng ghi hình giáo khoa, đĩa quang học từ Nhật Bản. Thư viện có quan hệ hợp tác với nhiều trường y nước ngoài.

Thư viện cũng kịp thời cung cấp rộng rãi dịch vụ Internet cho các bộ môn, các giảng viên và thiết lập một trang Web của trường trên mạng với nội dung ngày càng phong phú. Cùng với thư viện, dịch vụ này đã chấm dứt tình trạng thiếu tài liệu tham khảo trong nghiên cứu khoa học và trong việc hoàn thành các luận án, luận văn trong nhà trường.

Hiện tại, thư viện đã cấp 31.000 thẻ đọc, 1500 thẻ mượn. Mỗi học kì có 14.500 người đọc với 31.000 lượt tài liệu luân chuyển, cung cấp cho bạn đọc 2000 thông tin qua hệ thống *Thư mục điện tử* và *Medline*.

11. Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội gắn liền với sự ra đời và phát triển của trường. Từ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội được thành lập ngày 11.10.1951 tại Việt Bắc, đến năm 1966 đổi thành Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I. Năm 1993, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, từ tháng 10.1999, trường tách khỏi Đại học Quốc gia, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm của cả nước.

Thư viện Trường đại học Sư phạm Hà Nội có nhiệm vụ: Định hướng và tổ chức hoạt động thông tin - thư viện phục vụ việc đào tạo và nghiên cứu khoa học của cán bộ giảng dạy và sinh viên; thu thập, bổ sung, trao đổi và quản lí vốn tài liệu, phân tích cập nhật dữ liệu, xử lí thông tin; xây dựng hệ thống tra cứu tìm tin theo phương pháp truyền thống và thiết lập mạng lưới truy cập tìm tin tự động, phổ biến thông

tin và phục vục bạn đọc; thu nhận lưu chiểu những ấn phẩm của trường, các luận án tiến sĩ, thạc sĩ bảo vệ tại trường và các tác giả là cán bộ, sinh viên của trường, nghiên cứu khoa học thông tin thư viện, ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiệp vụ thư viện, phát triển các quan hệ trao đổi nguồn lực thông tin với các cơ quan thông tin thư viện, các tổ chức khoa học trong và ngoài nước, tham gia hoạt động trong tổ chức Liên hiệp Thư viện Việt Nam.

Vốn tài liệu của thư viện đang sử dụng vào khoảng 380.000 cuốn gồm sách (90%), tạp chí (9%), luận văn (1%) chủ yếu ở dạng tài liệu truyền thống. Các tài liệu cơ sở dữ liệu hiện đại chưa nhiều. Với một trường lớn có 18 khoa, ngành, đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, việc đáp ứng thông tin tư liệu cho bạn đọc là một yêu cầu không dễ dàng, đòi hỏi thư viện phải thường xuyên phấn đấu vươn lên.

Ngoài hệ thống tra cứu truyền thống đã ổn định ở phòng đọc, thư viện sử dụng phần mềm chuyên dụng CDS/ISIS gồm 40.000 biểu ghi.

Theo số liệu năm học 2003-2004, thư viện có tổng số 9.638 bạn đọc làm thẻ, trong đó, sinh viên 6.812 thẻ, nghiên cứu sinh - cao học 1.616 thẻ, cán bộ giáo viên 1.210 thẻ. Trong năm học 2003-2004 thư viện nhà trường có 351.000 lượt bạn đọc sử dụng thư viện, với số tài liệu đọc tại chỗ 172.700 cuốn, mượn về nhà gần 60.000 cuốn. Phục vụ Internet và Multimedia trên 9.000 lượt bạn đọc.

Cũng trong năm học này, bên cạnh nguồn tài liệu bổ sung mua bằng ngân sách Nhà nước hơn 640 triệu đồng, thư viện còn được tài trợ từ các nguồn khác:

Quỹ Châu Á	1.100 cuốn
Hội nhà văn	45 cuốn
Uỷ ban Khoa học xã hội	380 cuốn
Cá nhân tặng	15 cuốn
Dự án giáo dục đại học	6.000 cuốn
Đề tài nghiên cứu khoa học	307 cuốn
Luận án bảo vệ tại trường	1.400 cuốn

Để phục vụ bạn đọc, thư viện đã in 12 số thư mục thông báo sách mới hằng tháng. Tổ chức hội nghị bạn đọc để góp ý kiến xây dựng về các phương thức phục vụ. Mở lớp hướng dẫn kĩ năng khai thác thông tin trên mạng Internet.

12. Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

Đại học Quốc gia Hà Nội thành lập ngày 10.12.1993 trên cơ sở sắp xếp lại ba Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội tách làm hai: Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Sư phạm ngoại ngữ và Đại học Sư phạm Hà Nội I. Đến năm 1999, Đại học Sư phạm Hà Nội I tách khỏi Đại học Quốc gia Hà Nội. Đại học Quốc gia Hà Nội chỉ còn ba trường trực thuộc là Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội có chức năng và nhiệm vụ phục vụ các công tác đào tạo nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng và quản lí của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Cơ sở các trường đại học trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội nằm rải nhiều nơi, trung tâm ngoài trụ sở chính tại số 144 đường Xuân Thuỷ, quận Cầu Giấy, Hà Nội, còn có các nhánh đặt tại Trường Đại học Ngoại ngữ số 1 đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy; Trường Đại học Khoa học tự nhiên số 334 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân; Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn số 336 đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân. Khoa hoá Trường Đại học Khoa học tự nhiên số 19 phố Lê Thánh Tông và kí túc xá Mễ Trì số 182 đường Lương Thế Vinh, Thanh Xuân, Hà Nội.-

Vốn tài liệu của trung tâm có 200.000 tên sách với gần 1 triệu bản; 3.000 tên tạp chí với 450.000 bản; 2000 thác bản văn bia; bộ sưu tập tài liệu điện tử gồm 6 cơ sở dữ liệu bài đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài trên CD-ROM; nguồn tin online gồm 3 cơ sở dữ liệu sách, tạp chí, luận văn (50.000 biểu ghi), 8 cơ sở dữ liệu do Trung tâm Thông tin Thư viện khoa học và Công nghệ quốc gia (NACESTID) cung cấp gồm cơ sở dữ liệu sách của Thư viện Quốc gia, cơ sở dữ liệu sinh học, cơ sở dữ liệu năng lượng - điện tử - tin học...; sách điện tử và giáo trình điện tử và nhiều tài liệu ở dạng cassette, video, đĩa CD-ROM.

Về tin học hoá, trung tâm đã có: mạng LAN hoàn chỉnh tại trụ sở chính được kết nối Intranet - Internet, mạng LAN khu vực Thượng Đình được kết nối intranet - Internet; mạng LAN ở khu vực Mễ Trì; sử dụng phần mềm Thư viện Điện tử LIBOL 5.0; 5 máy chủ, hơn 100 máy trạm, tủ quang 76 giá đĩa, mỗi đĩa 9,1 GB.

Cơ cấu tổ chức ngoài các phòng chức năng, có 4 phòng chuyên môn:

1. Phòng bổ sung - trao đổi (trao đổi bổ sung tài liệu, thông tin tư liệu; nhận lưu chiểu ấn phẩm của Đại học Quốc gia Hà Nội, luận án thạc sĩ, tiến sĩ, đề tài khoa học cấp nhà nước của Đại học Quốc gia chủ trì; triển lãm giới thiệu sách chuyên đề).

2. Phòng phân loại - biên mục (xử lí tài liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu, phân loại, từ khoá, tóm tắt nội dung, mô tả phiếu tiền máy, nhập máy, tổ chức hệ thống mục lục tra cứu truyền thống).

3. Phòng thông tin - thư mục - nghiệp vụ (xuất bản tin điện tử; phục vụ thông tin chọn lọc cho lãnh đạo, quản lí và nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng nghiệp vụ; hướng dẫn thực tập chuyên ngành thông tin, thư viện).

4. Phòng máy tính và mạng (quản lí hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử, trang Web của trung tâm, phụ trách các dịch vụ Internet, truy cập từ xa vào mạng LAN, sử dụng phần mềm ứng dụng; bảo dưỡng duy trì hệ thống mạng, và một hệ thống phục vụ bạn đọc chung và tại 5 cơ sở nhánh).

Trung tâm có quan hệ và hợp tác, trao đổi với hơn 50 trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức quốc tế như: Viện Harvard, Đại học Cornell, Đại học Hawai, Thư viện

Quốc hội Mỹ, Đại học Paris 6, Đại học Paris 7, Đại học Sorbonne (Pháp); Đại học Humbold, Đại học Bon (Đức); Đại học Lômônôxốp (Nga), Viện Hàn lâm khoa học Nga; Đại học Tokyo; Đại học Kyodo (Nhật Bản); Thư viện Quốc gia Australia; Trung tâm Nghiên cứu phát triển quốc tế...

Trung tâm là thành viên chính thức của Ngân hàng Thông tin quốc tế các nước nói tiếng Pháp (BIEF) và nhiều tổ chức quốc tế tại Hà Nội như: Viện Thông tin Hoa Kỳ, Hội đồng Anh, Quỹ Châu Á...

Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội có tên tiếng Anh là Library and information Center Vietnam National University Hà Nội.

PHẦN III

DANH MỤC BÁO CHÍ XUẤT BẢN TẠI HÀ NỘI (1883 - 2007)

ACTION (L') OUVRIÈRE, báo tuần, chữ Pháp, của Uỷ ban Lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương (khuynh hướng Trốtxkit). Số 1 ra tháng 12.1939. Chủ nhiệm: Khương Hữu Tài. Toà soạn: 79 Rollandes (Hai Bà Trưng)[1].

ACTUALITÉS, báo ngày, chữ Pháp. Số 1, ngày 19.9.1947, ra đến số 43, ngày 31.10.1947. Toà soạn: 90 Grand Bouddha (Quán Thánh).

ADESCI, tập san của cựu học sinh Trường Cao đẳng Thương mại Đông Dương. Chữ Pháp - Việt, chỉ ra 1 số, tháng 4.1945. Toà soạn: số 16 Hàng Da.

AIDS và cộng đồng, tạp chí của Uỷ ban Quốc gia phòng chống aids, xuất bản hằng tháng từ 1999. Toà soạn: 41 Nguyễn Đình Chiểu.

AMI (L') DE LA JEUNESSE STUDIEUSE (AJS), tập san của Trường Trí Đức, tháng 2 kì, chữ Pháp. Số 1 ra ngày15.9.1931, số cuối cùng ra ngày 4.2.1937. Toà soạn: 8-23 Tien Tsin (Hàng Gà), 10 Pottier (Bảo Khánh).

AN NAM (L') NOUVEAU, báo tuần, 2 kì, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 25.1.1931, số cuối cùng 1080, tháng 4.1942. Giám đốc chính trị: Nguyễn Văn Vĩnh. Quản lí: Lê Thăng, Toà soạn: 3 Hàng Gai, sau đến 8 Richaud (Quán Sứ), 85 Hàng Bông.

AN NAM TẠP CHÍ, báo tuần nhưng ra thất thường, nhiều lần ngừng rồi lại tái xuất bản đánh số lại. Số 1 ra ngày 1.7.1926 đến số 10, ra tháng 3.1927 đình bản; năm 1930 tái bản được 2 số; 1931 tái bản ở Nam Định, được vài số lại ngừng. Tháng 4.1931 ra tiếp tại Hà Nội. Số cuối cùng ra ngày 1.5.1933. Giám đốc: Khắc Hiếu (Tản Đà). Toà soạn: 68 Hàng Đậu, 80 Hàng Khoai, rồi 145 Hàng Bông.

AN NINH THẾ GIỚI, chuyên đề của tạp chí *Văn hoá - Văn nghệ công an*, cơ quan của Tổng cục Xây dựng lực lượng công an nhân dân, sau là số chuyên đề của báo

---

1. Tên phố ghi trong ngoặc đơn là tên gọi hiện nay.

Công an nhân dân. Xuất bản tháng 3 kì, số 1 ra tháng 8.1996 sau ra hằng tuần. Toà soạn: 92 Nguyễn Du, sau là 100 Yết Kiêu.

AN NINH THỦ ĐÔ, cơ quan của Công an thành phố Hà Nội. Từ đầu năm 1975 là bản tin, xuất bản tháng 2 kì, phát hành nội bộ trong ngành an ninh và lực lượng quần chúng tham gia phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đến số 260 ra ngày 7. 4.1985 chuyển thành tuần báo ra ngày chủ nhật, số 1 bộ mới. Năm 1998 ra tuần 3 kì và hằng tháng ra số chuyên san. Từ 2004, ra tất cả các ngày trong tuần. Toà soạn: 81B Trần Hưng Đạo, sau là số 2 Hàng Giấy, 136 Nguyễn Khuyến, 62 Lý Thường Kiệt.

ANH NIÊN, báo tuần ra ngày thứ sáu. Số 1 ra ngày 2.4. 1937, ra đến số 14, ngày 2.7.1937. Toà soạn: 6 Hérel de Brisis (Thi Sách).

ÁNH MẮT TRẺ THƠ, bản tin của Uỷ ban Bảo vệ và Chăm sóc Trẻ em thành phố Hà Nội, ba tháng một kì. Số 1 ra tháng 1.1994. Toà soạn: 22 Lý Thái Tổ. Từ năm 2004, nhập với bản tin *Dân số Hà Nội* thành tờ *Thông tin gia đình Hà Nội*, cơ quan của Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Hà Nội.

ANNONCES COMMERCIALES DE L' INDOCHINE, báo tuần, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 16.6.1930 ra đến số 3, ngày 30.6.1930. Toà soạn: 77 Maréchal Pétain (Nguyễn Hữu Huân).

ANNONCES (LES)INDOCHINOISES, báo tuần, sau ra tháng hai kì, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 3.8.1933; số cuối cùng: số 21 ra ngày 23.1.1934. Toà soạn: 7 Harmand (Trần Xuân Soạn).

AVENIR (L'), tháng ra hai kì, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 1.3.1936, số cuối cùng: số 10, ra ngày 15.8.1936. Toà soạn: 96 phố Richaud (Quán Sứ).

AVENIR (L') DU TONKIN, chữ Pháp. Lúc đầu ra ba tháng 1 kì. Từ ngày 13.12.1884 đến 14.6.1886 ra hàng tuần. Một thứ công báo do thống sứ Bắc Kỳ nắm. Giám đốc sáng lập: J. Cousin. Chủ nhiệm: Chesnay. Toà soạn: 114 Jules Ferry (nay là 44 Lê Thái Tổ).

AVI BULLETIN QUOTIDIEN (Agence Vietnamienne d'Information). Bản tin hàng ngày, chữ Pháp, của Việt Nam Thông tấn xã. Số 1 ra ngày 15.9.1945.

ÂM NHẠC, tạp chí của Hội Nhạc sĩ Việt Nam, ba tháng một kì. Xuất bản từ 1980 năm đến năm 1992 ra bộ mới, xuất bản hằng tháng. Toà soạn: 51 Trần Hưng Đạo.

ÂU CHÂU CHIẾN SỬ, tạp chí chữ Hán ra khoảng năm 1915, sau khi Chiến tranh thế giới I (1914-1918) bùng nổ. Sáng lập: Louis Marty.

BẢN TIN BUỔI CHIỀU, Thông tấn xã Việt Nam, xuất bản từ ngày 7.6.1951 ở Việt Bắc, trong kháng chiến chống Pháp. Từ tháng 10.1954 phát hành ở Hà Nội. Toà soạn: 5 Lý Thường Kiệt.

BẢN TIN NGÂN HÀNG THỦ ĐÔ, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1997. Toà soạn: 29 Nguyễn Đình Chiểu.

BẢN TIN THAM KHẢO KĨ THUẬT QUÂN SỰ NƯỚC NGOÀI, cơ quan của phòng nghiên cứu kĩ thuật - Bộ Tư lệnh không quân. Ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 1.1978.

BẠN DÂN, báo tuần. Số 1, ra ngày 24.4.1937, đến số 29 ra ngày 24.11.1937. Ngày 7.1.1938 ra loại mới đánh số 1, số cuối cùng số 111 ra tháng 9.1941 (không do những người cộng sản quản lí). Sáng lập và giám đốc: R.E.Michelle. Toà soạn: 49 Julien Blanc (Phủ Doãn), sau chuyển về 20 Đỗ Hữu Vị, rồi 128 Armand Rousseau (Lò Đúc).

BẠN DÂN, báo bí mật của cơ quan Công an Hà Nội, lưu hành năm 1951 trong thời gian Hà Nội bị tạm chiếm. In giấy nến.

BẠN DÂN, báo ngày, nhưng tạm xuất bản hàng tuần. Số 1 ra tháng 8.1953. Toà soạn: 25D Ngô Thời Nhiệm (Ngô Thì Nhậm).

BẠN ĐƯỜNG, cơ quan ngôn luận của Uỷ ban An toàn giao thông quốc gia. Báo tuần, ra thứ năm, sau ra mỗi tuần ra 2 kì, nối tiếp của tạp chí "An toàn giao thông". Số 1 tháng 1.1999. Toà soạn: 170 Thái Hà, sau chuyển về số 10 Lê Quý Đôn.

BẠN GÁI, chỉ xuất bản 1 số ra tháng 1.1941.

BẠN MỚI, xuất bản năm 1952 trong thời gian Hà Nội bị tạm chiếm.

BẠN TRẺ, báo tuần ra thứ tư, sau tuần ra 2 kì. Đánh số lại nhiều lần. Số 1, ra ngày 6.12.1933, số cuối cùng: số 3 ra ngày 20.5.1935. Toà soạn: 70 Hàng Đồng, sau chuyển vào 204 Maréchal Foch - Vinh.

BÁO ẢNH VIỆT NAM, cơ quan của Thông tấn xã Việt Nam, ra hằng tháng, xuất bản bằng nhiều loại chữ: Việt, Anh, Pháp, Nga, Hoa, Lào. Nguyên là *Hình ảnh Việt Nam* của Bộ Tuyên truyền. Số 1 ra ngày 15.10.1954, đến tháng 1.1960 đổi là *Báo ảnh Việt Nam* do Uỷ ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài xuất bản, từ năm 1970 đến năm 1977 thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng, sau chuyển sang Thông tấn xã Việt Nam. Hoà mạng Internet từ ngày 28.1.1999. Toà soạn: 79 Lý Thường Kiệt, sau chuyển đến tầng 3 nhà 11 Trần Hưng Đạo.

BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN, tạp chí của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Lúc đầu là nội san, ra được 2 số: tháng 11.1993 và đầu năm 1994. Chính thức xuất bản 2 tháng một kì từ số 1 ra tháng 9 và tháng 10.1994. Phụ san: *Báo chí trẻ*.

BÁO ĐÔNG PHÁP, bản chữ Việt của tờ *France - Indochine*. Lúc đầu ra tuần hai kì, từ cuối năm 1925 là báo tuần, đến số 1972 ra ngày 6.6.1932, xuất bản hằng ngày và đổi tên là *Đông Pháp*. Số 1 ra ngày 5.1.1925. Chủ nhiệm: S. Majer, rồi bà Cotier, H. de Laforge. Toà soạn: 53 Paul Bert, sau chuyển đến 94 Hàng Gai.

BÁO KHOA HỌC, xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1942, số cuối: 33- 34, ra tháng 9 và tháng 10.1944. Toà soạn: chuyển nhiều lần: 7 Hàng Gai, 12B Dieulefils (Đặng Dung), 45 Hàng Cót, 214 Hàng Bông.

BÁO MỚI, báo ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 16.4.1941, số cuối 264, ra tháng 2.1942. Giám đốc: Nguyễn Khắc Kham. Quản lí: Nguyễn Doãn Vượng. Toà soạn: 28 và 36 Henri d' Orléans (Phùng Hưng).

BÁO TIỂU THUYẾT, báo tuần, sau ra không định kì. Số 1 ra ngày 20.7.1936, đến số 12 ra ngày 16.9.1938 đình bản. Ngày 2.10.1938 ra loại mới số 1 với tiêu đề "*Cơ*

quan vô sản tranh đấu" (khuynh hướng Trốtxkít), số cuối 29, ra năm 1942. Toà soạn: 8 Cantonnais (Hàng Ngang), sau chuyển về 36 Hàng Mành, 14 Hàng Bè, rồi 7 Nguyễn Trọng Hợp (Cầu Gỗ).

BẢO AN Y BÁO, tạp chí ra hằng tháng, phổ biến y học. Số 1 ra tháng 7.1934, số cuối: 42, tháng 1.1938. Toà soạn: 167 Henri d' Orléans (Phùng Hưng).

BẢO HIỂM Y TẾ VIỆT NAM, cơ quan của Bảo hiểm Y tế Việt Nam, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 10.1993. Toà soạn: 28 Nguyễn Bỉnh Khiêm.

BẢO HIỂM XÃ HỘI, cơ quan của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, ra hằng tháng, năm thứ nhất: 1998, sau chuyển thành báo tuần. Số 1 ra ngày 11.7.2003. Toà soạn: 61E đường La Thành, sau đến 150 phố Vọng.

BẢO HỘ LAO ĐỘNG, tạp chí ra hằng tháng của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Lúc đầu ra không định kì. Số 1 ra năm 1986, đến năm 1989 ngừng xuất bản. tháng 6.1993 lại ra số 1, ba tháng một kì, nay ra tháng một kì. Toà soạn: số 1 Yết Kiêu, nay chuyển đến 216 Nguyễn Trãi.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, cơ quan của Cục Môi trường - Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 2.1994. Toà soạn: 39 Trần Hưng Đạo, sau chuyển về 116 Yết Kiêu. Từ năm 2000 chuyển thành tạp chí của Bộ Tài nguyên và Môi trường, xuất bản hằng tháng. Toà soạn: 14 Trần Bình Trọng.

BẢO VỆ PHÁP LUẬT, cơ quan của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Tuần báo ra ngày thứ ba. Số 1 ra ngày 24.12.2002. Toà soạn: 44 Lý Thường Kiệt.

BẮC HÀ, lúc đầu xuất bản 10 ngày một kì: số 1 ra ngày 1.3.1935; sau ra hằng tuần, đánh số lại, số 1 ra ngày 10.8.1936, số cuối cùng ra ngày 12 tháng 3.1938. Toà soạn: 14 Hàng Cót, sau chuyển về 17 Cao Đắc Minh (Văn Miếu).

BẮC KỲ DÂN BÁO, báo tuần. Số 1 ra ngày 1.9.1938, số cuối cùng ra ngày 24.8.1939. Toà soạn: 10 Hàng Buồm, sau chuyển đến 129 Hàng Bông.

BẮC KỲ LIÊN HIỆP ÁI HỮU TƯƠNG TẾ HỘI, cơ quan của Hội Liên hữu tương tế các viên chức Đông Dương (Bulletin de l' Association de Secours Mutuels des Fonctionnaires Indochinois). Tập san lúc đầu ra không định kì, sau xuất bản hằng tháng. Tập san in bằng hai thứ chữ Pháp và Việt. Số ra mắt năm 1930. Số 1 ra ngày 2.4.1932, ra đến năm 1945. Toà soạn: 17 Hàng Cót, sau đến 125 Henri d' Orléans (Phùng Hưng).

BẮC KỲ THỂ THAO, báo ra ngày thứ ba. Số 2 ra ngày 4.11.1930, số cuối 133, ra ngày 27.6.1932.

BẮC KỲ THỜI BÁO, chỉ ra được số 1 ra ngày 29.4.1931, đến năm sau ra lại số 1 ngày 23.4.1932, số cuối 10, ra ngày 23.7.1932. Toà soạn: 28 Hàng Cá, sau đến 62 Goussard (Tuệ Tĩnh).

BỆNH LAO VÀ PHỔI, chuyên san phòng chống bệnh lao của Tổng Hội y học Việt Nam, xuất bản 4 tháng một kì. Ra từ năm 1974.

Biên phòng, cơ quan của Cục Chính trị Bộ Tư lệnh biên phòng. Vốn là bản tin

của lực lượng công an vũ trang (Bộ Công an) ra từ tháng 4.1959. Mỗi tháng hai kì. Toà soạn: 4 Đinh Công Tráng, nay là số 8 Đinh Công Tráng.

BIỂN, tạp chí của Hội Khoa học - Kĩ thuật biển Việt Nam. Năm thứ nhất 1993. Toà soạn: 36 Hoàng Diệu, sau chuyển về A1/457 Trần Quý Cáp.

BÌNH DÂN, cơ quan tranh đấu của giai cấp bình dân. Năm thứ nhất 1946. Toà soạn: 7 Đường Thành.

BÌNH ĐẲNG NHẬT BÁO, cơ quan Pháp - Việt phục hưng. Số 1 ra ngày 12.4.1942, số cuối 4, tháng 5.1942. Toà soạn: 15 Hàng Bè.

BÌNH MINH, xuất bản sau đảo chính Nhật - Pháp ngày 9.3.1945. Số 1 ra ngày 20.3.1945, ra đến tháng 8.1945 thì đình bản.

BÓ ĐUỐC, cơ quan văn hoá đại chúng. Xuất bản năm 1946. Quản lí: Phạm Ngọc Điền. Toà soạn: 26 Đinh Công Tráng.

BÓNG ĐÁ, cơ quan của Liên đoàn bóng đá Việt Nam. Xuất bản hằng ngày. Năm thứ nhất 2002. Toà soạn: 61 Vũ Ngọc Phan.

BỒ ĐỀ, tạp chí Phật học, tháng hai kì. Số 1 ra ngày 20.9.1949, ra đến năm 1954. Toà soạn: 108 Bovet (Yết Kiêu).

BỔ TÚC VĂN HOÁ, tập san của Vụ Bổ túc văn hoá, Bộ Giáo dục. Hai tháng một kì. Năm thứ nhất 1976.

BÔN SÊ VÍCH, tạp chí của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương - 1929, sau là Đảng Cộng sản An Nam - 1930. In thạch, phát hành bí mật.

BÔN SÊ VÍCH, báo viết tay của chiến sĩ cộng sản trong Nhà tù Hoả Lò - 1930.

BÚA, tạp chí của Tổng Công hội Bắc Kỳ. Số 1 ra ngày 1.3.1931. In giấy nến, lưu hành bí mật.

BÚA LIỀM, báo chí mật của Đảng Cộng sản Đông Dương. Số 1 ra ngày 1.10.1929, ra đến số 9 ngày 5.2.1930, tự đình bản, in giấy nến.

BULLETIN DE LA SOCIÉTÉ D' ENSEIGNEMENT MUTUEL DU TONKIN, kỉ yếu của Hội Trí tri Bắc Kỳ. Xuất bản ba tháng một kì. Năm thứ nhất 1920, ra đến 1945.

BULLETIN DE L'ECOLE FRANÇAISE D'EXTRÊME ORIENT (B.E.F.E.O), tập san của Trường Viễn Đông bác cổ ra từ năm 1900, mỗi năm xuất bản một số đến trước Cách mạng tháng Tám 1945 thì đình bản. Toà soạn: Boulevard Carreau (Lý Thường Kiệt).

BULLETIN DU COMITÉ D'ÉTUDE AGRICOLE, Industriel et Comercial de L'annam et du Tonkin, bản tin của Ban Nghiên cứu nông nghiệp, kĩ nghệ và thương mại ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Phát hành ở Hà Nội bằng chữ Pháp. Số 1, ra năm 1883.

BULLETIN DU FOYER DES ÉTUDIANTS ANNAMITES, tập san ra hai tháng một kì, bằng hai chữ Pháp - Việt. Số 1 ra tháng 9 và tháng 10.1923, số cuối cùng 4, tháng 3 và tháng 4.1924.

BÚT TIÊU SẦU, báo viết tay của nhóm Việt Nam Quốc dân đảng trong Nhà tù Hoả Lò 1930-1932.

BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG, cơ quan của Trung tâm Thông tin ngành bưu điện. Trước ra tháng hai kì, sau chuyển thành báo tuần ra thứ năm. Số 1 ra ngày 20.7.1990. Toà soạn: 18 Nguyễn Du.

BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (MPT), tạp chí của Bộ Bưu chính viễn thông, xuất bản hằng tháng, nối tiếp tạp chí của Tổng cục bưu điện. Năm thứ nhất; 1963. Toà soạn: 142 Lê Duẩn.

BƯU ĐIỆN, bản tin hàng tháng của Tổng Cục bưu điện và Công đoàn bưu điện Việt Nam. Phát hành từ năm 1968.

BƯU ĐIỆN VIỆT NAM, báo tuần của Tổng Cục bưu điện, sau là Bộ Bưu chính - viễn thông từ 2007 là Bộ thông tin - Truyền thông, ra thứ năm. Số 1 ra ngày 30.6.1990. Toà soạn: 18 Nguyễn Du.

CAHIER (LE) BLEU, xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 11. 1933; cuối cùng: số 4 ra tháng 2 và 3.1934, chữ Pháp. Quản lí: Chu Hương Mậu. Toà soạn: 30 Armand Rousseau (Lò Đúc).

CÁ NGỰA VÀ THỂ THAO, báo tuần hai kì. Số 1 ra ngày 6.3.1937, cuối cùng: số 15 ra tháng 6.1937. Toà soạn: 44 Quai Clémenceau (Trần Nhật Duật).

CÁCH MẠNG ĐỒNG MINH HỘI, số 1, ra ngày 25.2.1946.

CẢI TẠO, tuần báo chính trị - xã hội - văn chương, ra thứ bảy. Báo xuất bản từ ngày 6.11.1949, đến ngày 16.12.1949. Có giai đoạn báo ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 15.5.1948, số cuối cùng: số 83 ra ngày 31.12.1949. Toà soạn: 14 Mongrand (Nguyễn Thượng Hiền).

CẢM TỬ, báo của Ban Tuyên truyền khu Hoàn Kiếm, trong thời kì đầu toàn quốc kháng chiến. Báo xuất bản từ tháng 12.1946 đến tháng 1.1947.

CÁNH BUỒM, tạp chí của Cục đường sông, Bộ Giao thông vận tải. Tháng ra một kì. Năm thứ nhất số 1 ra tháng 11. 1994. Toà soạn: 278 Tôn Đức Thắng.

CẨM NANG MUA SẮM - siêu thị thông tin, tạp chí của Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, xuất bản mỗi tháng 3 kì. Năm thứ nhất 2005. Toà soạn: ngõ Hoà Bình 4 Minh Khai.

CẤP CỨU HỒI SỨC, chuyên san của Thư viện Y học Trung ương, xuất bản ba tháng một kì. Số 1 ra quý I năm 1973.

CẤP TẾ, báo của Hội Cấp tế nạn nhân chiến tranh Việt Nam, báo tuần ra ngày thứ bảy. Số 1 ra ngày 1.5.1954, số cuối cùng 12 ra ngày 5.7.1954. Toà soạn: 4 Lê Thái Tổ.

CẤP TIẾN, tuần báo chính trị, ra ngày thứ bảy, năm 1946. Toà soạn: 70 Lý Thường Kiệt.

CẤP TIẾN, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 16.9.1949, số cuối cùng: số 106 ngày 30.12.1949.

CẬU ẤM, báo tuần. Sau đổi tên là Cậu ấm - cô chiêu. Số 1 ra ngày 20.2.1935, số cuối cùng số 129 ra tháng 11.1937. Toà soạn: 82 Hàng Bông.

CÂY THUỐC QUÝ, tạp chí của Hội Dược liệu Việt Nam, tạp chí về dược liệu và sức khoẻ cộng đồng. Xuất bản tháng 2 kì. Năm thứ nhất 2003. Toà soạn: 98 Hàng Buồm.

C.E.P.F.I (LE) (CERTIFICAT D' ÉTUDE PRIMAIRE FRANÕAIS - INDOCHINOIS), tập san luyện thi lấy bằng sơ đẳng Pháp - Việt, tuần ra một kì, sau ra hai kì. Số 1 ra tuần đầu tháng 10.1931, số cuối cùng 15 ra tháng 2.1932. Toà soạn: 33 Hàng Mành.

CHÁNH ĐẠO, nhật báo thông tin - nghị luận. Số 1 ra ngày 15.2.1952; số cuối cùng: số 738 ra ngày 20.3.1954.Toà soạn: 89 Hàng Đẫy, sau chuyển đến 26 Cầu Gỗ.

CHAT (LE) D'OR TONKINOIS, Báo văn nghệ tiếng Pháp. Số 1 ra ngày 31.3.1894.

CHĂN NUÔI, tập san của Hội Chăn nuôi Việt Nam, sáu tháng ra một kì. Số 1 ra năm 1994. Từ năm 1995, ba tháng một kì. Tổng biên tập: Nguyễn Văn Thưởng, Nguyễn Văn Thiện. Toà soạn: AI, ngõ 102 đường Trường Chinh.

CHÂU MỸ NGÀY NAY, tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu Bắc Mỹ, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia Việt Nam. Tạp chí ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 2.1996. Toà soạn: 234 Thái Hà.

CHEF, báo của huynh trưởng do Liên đoàn Hướng đạo sinh Đông Dương xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 10.1937. Tiếng Pháp, có phụ trương tiếng Việt: *Hướng đạo truyền tin*. Chủ nhiệm: Hoàng Đạo Thuý. Toà soạn: 19 Bourrin (Yên Ninh) sau chuyển vào Sài Gòn.

CHIẾN SĨ, tập san của tuyên uý và chiến sĩ các đoàn thanh niên công giáo thôn quê. Tập san ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 3 và tháng 4.1941. Ra đến năm 1945. Toà soạn: 33 phố Nhà Thờ.

CHIẾN SĨ, Báo của Ban Chỉ huy vệ quốc đoàn Thủ đô năm 1945-1947.

CHIẾN SĨ THỦ ĐÔ, bản tin của Bộ Tư lệnh Quân khu Thủ đô, tháng ra hai kì, xuất bản từ năm 1979. đến năm 1985 thành báo của lực lượng vũ trang Quân khu Thủ đô, đến 1993 lại chuyển thành bản tin nội bộ. Toà soạn: 33 Phạm Ngũ Lão.

CHIẾN THẮNG, nguyên là báo *Quân giải phóng* của Ban Chính trị vệ quốc đoàn. Số 1 ra ngày 5.8.1945 ở chiến khu Việt Bắc. Sau Cách mạng tháng Tám, báo về Hà Nội ra tiếp số 3-4 rồi đổi tên là *Chiến thắng* bắt đầu từ số 5. Toà soạn: 36 Lý Thường Kiệt.

CHIẾN THẮNG, lúc đầu là "Cờ chiến thắng", báo của Liên khu uỷ I trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp từ tháng 12.1946 đến tháng 1.1947.

CHIẾN TUYẾN, báo bảo trợ lợi ích của thương nghiệp và công nghiệp. Báo ra hằng tháng. Số đầu ra tháng 3. 1938 đến số 9 ra tháng 9.1938 thì tạm ngừng. đến tháng 3.1939 tái bản, đánh lại số 1; số cuối cùng số 4 ra tháng 6.1939. Toà soạn: 4.M. Pétain (Nguyễn Hữu Huân), sau đến 16 Bát Đàn, 161 phố Huế.

CHIẾU BÓNG, báo tuần ra thứ bảy. Báo ra từ năm 1952. Toà soạn: 214 Hàng Bông.

CHIẾU BÓNG, báo của quốc doanh chiếu bóng Việt Nam, ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 1964 đến năm 1968.

CHÍNH NGHĨA, báo tuần của Việt Nam Quốc dân đảng. Báo ra từ năm 1945 đến tháng 6.1946. Toà soạn: 80 Quán Thánh.

CHÍNH NGHĨA, báo của Uỷ ban Liên lạc toàn quốc những người công giáo Việt Nam yêu Tổ quốc, yêu hoà bình. Báo ra từ năm 1955. Năm 1961 ra loại mới. Báo ra thứ năm hằng tuần. Từ 1981 đổi tên là báo *Người công giáo Việt Nam*, ra ngày thứ bảy. Toà soạn: 59 Tràng Thi.

CHÍNH TRỊ TÙNG THƯ, báo tuần. Số 1 ra tháng 4.1938, đến số 5 ra tháng 6.1938 thì đình bản. Toà soạn: 16 Harmand (Trần Xuân Soạn) sau chuyển đến 39 A. Sénès (Hoà Mã).

CHÍNH TRỊ TUẦN BÁO, tờ tiếp nối của *Chính trị tùng thư*, ra không đều, nhiều lần đình bản rồi lại ra. Số 1 ra ngày 18.10.1938, đến số 2 ra tháng 11.1938 thì ngừng, ngày 14.1.1939 ra lại và đánh số 1, ít lâu sau lại ngừng rồi ra tiếp, số cuối cùng là số 10 tháng 8.1939. Toà soạn: 39 A Sénès (Hoà Mã) sau chuyển đến 8B Puginier (Điện Biên Phủ), rồi 50-52 Mandarine (Lê Duẩn).

CHỚP BÓNG, báo tuần, số 1 ra ngày 16.4.1932, đến số 18 ra tháng 8.1932. Toà soạn: 28 Henri d' Orléans (Phùng Hưng).

CHỦ NHẬT, báo tuần của Việt Nam Quốc dân đảng. Báo ra từ năm 1945 đến tháng 6.1946 thì đình bản. Toà soạn: 80 Quán Thánh.

CHỦ NHẬT TUẦN BÁO, số 1 ra ngày 19.10.1940, đến số 5 ra tháng 11.1940. Toà soạn: 55 Hàng Bún.

CHUYÊN SAN BÌNH DÂN HỌC VỤ CỦA BỘ GIÁO DỤC, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 3.1955, số cuối cùng số ra tháng 12.1957.

CHUYÊN SAN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP I, tập san của Bộ Giáo dục, ra hằng tháng. Số 1 ra năm 1956 đến năm 1959 đổi là *Chuyên san cấp I,* từ năm 1964 đổi là *Giáo dục cấp I,* ra đến năm 1965.

CHUYÊN SAN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CẤP II, III, tập san của Bộ Giáo dục, ra hằng tháng. Số 1 ra năm 1956. đến năm 1963 tách làm hai tờ: *Chuyên san giáo dục cấp 2* và *Chuyên san giáo dục cấp 3.* Từ năm 1964 đổi là *Chuyên san giáo dục cấp 2.*

CHUYỆN ĐỜI, báo tuần, nhưng ra không đều, tạm ngừng rồi lại tái bản nhiều lần. Số 1 ra ngày 9.4.1938, số cuối cùng số 27 ra tháng 6.1940. Toà soạn: 347 phố Huế sau chuyển về Hải Phòng.

CONLON (LE), báo của những người lao động Pháp ở Viễn Đông, bằng tiếng Pháp. Số 1 ra tháng 1.1889.

CON ĐƯỜNG CHÍNH, báo viết tay của chi bộ cộng sản trong Nhà tù Hoả Lò. Báo ra từ tháng 2.1932 đến tháng 12.1933 thì đình bản. Chủ bút: Cây Xoan (Trường Chinh).

CON ĐƯỜNG XANH, tạp chí của Hội Bảo vệ môi trường (Bộ Giao thông vận tải).

Ra hằng tháng; sau ra tháng 2 kì. Năm thứ nhất: 1998. Chủ nhiệm: Toà soạn: 80 Trần Hưng Đạo; sau chuyển đến 159 Thái Hà.

CON ONG, báo tuần, trào phúng - văn chương - xã hội. Số 1 ra ngày 7.6.1939, đến số 34 ra tháng 1.1940. Toà soạn: 37 Hàng Quạt.

CON SỐ VÀ SỰ KIỆN, tạp chí của Tổng Cục thống kê, ra hằng tháng. Nguyên là Tạp chí thống kê đổi tên. Số 1 tháng 12. 1994. Toà soạn: 2 Hoàng Văn Thụ; sau chuyển đến 48A Nguyễn Chí Thanh.

COURRIER (LE) DU VIỆT NAM, báo chữ Pháp của Thông tấn xã Việt Nam. Năm đầu, ra hằng tuần. Từ 1994 ra hằng ngày và tăng dần từ 4 trang lên 16 trang. Số đầu tiên ra ngày 15.9.1993. Toà soạn: 33 Lê Thánh Tông.

CÔNG AN MỚI, báo của ngành công an (tiền thân của báo *Công an nhân dân)*, chỉ ra được 3 số trong tháng 11 và 12.1946. Số 1 ngày 1.11.1946.

CÔNG AN NHÂN DÂN, báo của Bộ Công an, nối tiếp tờ *Rèn luyện* ra trong thời kì Kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc, phát hành nội bộ từ tháng 2.1948. Tháng 10.1954 báo chuyển về Hà Nội. đến ngày 15.7.1957 đổi tên là báo *Công an nhân dân*. Từ năm 1961-1965 chuyển thành *Tập san công an nhân dân*. Từ ngày 20.11.1965 đến ngày 30.9.1988, là tuần báo, phát hành nội bộ. Từ 4.10.1988 tuần báo ra công khai, rồi ra tuần hai kì, từ tháng 10.1999 ra tuần bốn kì; thứ hai, thứ tư, thứ sáu và thứ bảy. Hằng tháng xuất bản *Nguyệt san công an nhân dân*; hằng năm xuất bản một số tập *Đặc san công an nhân dân*. Toà soạn: tại số 3 phố Hồ Giám, sau chuyển về 125 Tôn Đức Thắng, rồi đến 66 Thợ Nhuộm.

CÔNG AN HỒ GƯƠM, báo của Sở Công an Hà Nội. Báo lưu hành bí mật trong Hà Nội bị tạm chiếm. In litô.

CÔNG BÁO, ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 16.7.1930; số cuối số 16 ra ngày 2.8.1930. Toà soạn: 15 Hàng Bè.

CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM, nguyên là tờ *Việt Nam dân quốc công báo* xuất bản số 1 ngày 29.9.1945 tại Hà Nội. Từ năm 1947 xuất bản ở Việt Bắc. Đến tháng 7.1950 đổi tên là *Công báo nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà*. Từ tháng 10.1954 trở về Hà Nội tiếp tục hoạt động đến tháng 7.1976 đổi thành Công báo nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đánh số bộ mới. Số 1 ra tháng 7.1976. Hiện nay, một tháng ra 4 kì. Toà soạn: Văn phòng Chính phủ - Bách Thảo.

CÔNG BINH, từ bản tin của Binh chủng công binh, ra năm 1966, đến năm 1973 thành báo của Bộ Tư lệnh binh chủng công binh. Năm 1979 ra loại mới đánh số 1, là cơ quan của Binh chủng công binh, Cục Công binh, Bộ Tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt Nam. Toà soạn: 309 Đội Cấn.

CÔNG DÂN, báo tuần. Số 1 ra ngày 25.9.1935, đến số 16 ra ngày 1.7.1936. Quản lí: Tiết Như Ngọc. Toà soạn: 11 Hàng Da.

CÔNG DÂN, cơ quan ngôn luận của giới cần lao. Ra thứ năm hằng tuần. Năm 1946. Chủ nhiệm: Đặng Đình Long.

CÔNG DÂN, báo hằng ngày, kế tục báo *Tự do*. Số 1 ra ngày 28.7.1949, số cuối cùng là số 38 ra ngày 4.9.1949 thì đình bản. Toà soạn: 40 Hàng Bát cũ.

CÔNG DÂN, nhật báo thông tin, nghị luận, văn nghệ. Số 1 ra ngày 13.5.1955. Toà soạn: 75 Hàng Gai.

CÔNG ĐOÀN, tạp chí hướng dẫn, nghiên cứu công tác của Tổng Công đoàn Việt Nam (nay là Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam). Năm thứ nhất: 1970. Toà soạn: 54 Giảng Võ.

CÔNG HỘI ĐỎ, tạp chí công vận của Đảng Cộng sản Đông Dương. Xuất bản bí mật năm 1929. In giấy nến.

CÔNG LUẬN, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 30.11.1948 đến số 15 ra ngày 14.12.1947 thì đình bản. Do một nhóm trí thức Hà Nội chủ trương. Toà soạn: số 89 phố Hàng Đẫy.

CÔNG LÍ, nguyên là báo *Người bảo vệ công lí*, cơ quan của Toà án nhân dân tối cao. Xuất bản hằng tuần. Năm thứ nhất: 1994. Toà soạn: 48A Lý Thường Kiệt.

CÔNG NGHIỆP, vốn là tập san của Bộ Công nghiệp, số 1 ra tháng 12.1955. Từ năm 1996 thành tạp chí, ra tháng hai kì. Toà soạn: 54 Hai Bà Trưng.

CÔNG NGHIỆP HOÁ CHẤT, báo của Tổng Cục hoá chất, năm thứ nhất: 1971, ra đến số 14, năm 1973. Từ năm 1996 chuyển thành tạp chí ra hằng tháng. Toà soạn: 2 Phạm Ngũ Lão.

CÔNG NGHIỆP LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM NƯỚC NGOÀI, cơ quan của Bộ Lương thực - thực phẩm, năm thứ nhất: 1970.

CÔNG NGHIỆP Ô TÔ VIỆT NAM, tạp chí chuyên ngành ô tô - xe máy của Bộ Giao thông vận tải. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1995. Toà soạn: 120 Hàng Trống.

CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG VÀ KINH TẾ, tạp chí của Tổng cục Công nghiệp quốc phòng và kinh tế Quân đội nhân dân Việt Nam. Ra 2 tháng một kì. Năm thứ nhất: 1996. Toà soạn: 28A Điện Biên Phủ.

CÔNG NGHIỆP TÀU THUỶ VIỆT NAM, tạp chí của Tổng Công ti công nghiệp tàu thuỷ Việt Nam. Ra hai tháng 1 kì. Năm thứ nhất: 2003. Toà soạn: 109 Quán Thánh.

CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, báo tuần, ra ngày thứ năm của Bộ Công nghiệp. Số 1 ra tháng 7.1996. Hằng tháng ra một số nguyệt san. Toà soạn: 54 Hai Bà Trưng, sau chuyển đến 32B Lò Đúc, rồi 94 Lò Đúc, hiện nay lại về 54 Hai Bà Trưng.

CÔNG TÁC ĐOÀN, nội san của Đoàn Thanh niên lao động Việt Nam, ra hằng tháng. Tiền thân của *Tạp chí Thanh niên*. Số 1 ra tháng 10.1962, số cuối cùng ra tháng 12.1968.

CÔNG TÁC KẾ HOẠCH, tập san hướng dẫn công tác, nghiên cứu lí luận phương pháp kế hoạch hoá của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước. Ra hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1958. Đến tháng 12.1977 đổi tên là *Kế hoạch hoá*, xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1978.

CÔNG TÁC KHOA GIÁO, tạp chí của Ban Khoa giáo Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 9.1993. Lúc đầu (năm 1878) có tên *Thông tin công tác khoa giáo*. Toà soạn: 7 Nguyễn Cảnh Chân.

CÔNG TÁC KIỂM SÁT, nội san của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Ra 2 tháng một kì. Năm thứ nhất: 1969. Sau chuyển thành tạp chí *Kiểm sát*. Toà soạn: 4 Quang Trung.

CÔNG TÁC LƯU TRỮ, tài liệu nghiên cứu, hướng dẫn nghiệp vụ của Cục Lưu trữ Phủ thủ tướng. Lúc đầu có tên *Công tác lưu chiểu hồ sơ*. Ra ba tháng một kì. Số 1 ra tháng 1.1959. đến năm 1966, đổi thành *Công tác lưu trữ*, số 1 ra tháng 12.1996.

CÔNG TÁC THỐNG KÊ, tạp chí của Tổng cục Thống kê, hướng dẫn công tác, nghiên cứu khoa học thống kê. Ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 1.1964. Đến năm 1978 ra bộ mới và đổi tên là *Thống kê*. Toà soạn: 2 Hoàng Văn Thụ.

CÔNG TÁC THƯ VIỆN, tập san hướng dẫn nghiệp vụ thư viện của Thư viện Quốc gia Việt Nam Trung ương. Tập san mỗi năm ra 4 số, in ronéo. Năm thứ nhất: 1962. Toà soạn: 31 Tràng Thi.

CÔNG THỊ BÁO, báo ra một tuần hai kì, bằng chữ Hán, từ năm 1929 đến 1934. Người sáng lập: Schneider.

CÔNG TỘI, báo truyền bá tư tưởng tân sinh hoạt ra hằng tháng. Số 1 ngày 9.8.1949, đến số 536 ra ngày 15.7.1951 mang tiêu đề *Tờ báo của người công dân tự do Việt Nam*. Toà soạn: 51 Hàng Bồ, sau chuyển đến 40 Bát Đàn.

CỔNG GIAO TIẾP ĐIỆN TỬ HÀ NỘI (Hanoi Portal www. hanoi.gov.vn), cơ quan của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, cung cấp thông tin và giao lưu thông tin giữa chính quyền thành phố với công dân và tổ chức trong nước và nước ngoài. Trung tâm giao dịch K1 Hào Nam, 185 đường Giảng Võ.

CỘNG SẢN, tạp chí xuất bản bí mật của tù chính trị Hoả Lò là đảng viên cộng sản. Tạp chí ra năm 1930-1932. Viết tay.

CỘNG SẢN, tạp chí của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Tạp chí xuất bản bí mật. Số 1 ra ngày 11.2.1931, ra đến tháng 3.1931 thì đình bản. In giấy nến.

CƠ HỌC, tập san của Viện Khoa học Việt Nam, sau là Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia. Xuất bản ba tháng một kì. Năm thứ nhất: quý 1.1982.

CƠ KHÍ NGÀY NAY, tạp chí của Hội Cơ khí Việt Nam xuất bản hai tháng một kì.

CƠ KHÍ VIỆT NAM, tạp chí của Hội Cơ khí Việt Nam và Hiệp hội doanh nghiệp cơ khí. Xuất bản 3 tháng 1 kì. Năm thứ nhất: 1995. 54 Hai Bà Trưng.

CỜ ĐỎ, báo bí mật của Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1929. In thạch.

CỜ ĐỎ, báo bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ - Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1935. In giấy nến.

CỜ GIẢI PHÓNG, cơ quan tuyên truyền cổ động của Đảng Cộng sản Đông Dương. Lúc đầu xuất bản bí mật, in litô từ số 1 ra ngày 10.10.1942 đến số 15 ra ngày 17.7.1945. Từ số 16 ra ngày 12.9.1945 xuất bản công khai, in tipô. Ra đến số 33 ngày 18.11.1945 thì đình bản.

CỜ VÔ SẢN, báo bí mật của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Số 1 ra ngày 1.1.1931, đến số 7 ra tháng 4.1931. In giấy nến.

CRI (LE) DE HA NOI, tạp chí bằng chữ Pháp chỉ ra được 2 số. Số 1 tháng 1.1931, số 2 ra tháng 6.1931. Giám đốc: S. Mo. Quản lí: Phùng Tất Đắc.

CUỒNG ĐÀM NGUYỆT SAN, chỉ xuất bản được một số, ra ngày 1.4.1939. Chủ nhiệm: Phan Văn Chu.

CỨU QUỐC, báo của Tổng Bộ Việt Minh. Lúc đầu xuất bản bí mật, in litô (ở Bắc Ninh, Sơn Tây), số 1 ra ngày 25.1.1942. Sau Cách mạng tháng Tám 1945 trở về Hà Nội ra công khai, in tipô, từ số 31 ra ngày 24.8.1945. Từ tháng 1.1947, báo xuất bản ở Việt Bắc. Năm 1951 trở thành báo của Mặt trận Liên Việt. Từ tháng 10.1954 về Hà Nội tiếp tục hoạt động. Năm 1955 là báo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Số cuối cùng: 3.835 ra ngày 26.1.1977. Sau đó, báo hợp nhất với báo *Thống nhất* và *Giải phóng* thành báo *Đại đoàn kết*. Toà soạn 1945: 214 Hàng Trống (nay là 44 Lê Thái Tổ); 1955: 66 Bà Triệu.

CỨU QUỐC THỦ ĐÔ, do Sở Thông tin Hà Nội phát hành, in tại vùng tự do trong Kháng chiến chống Pháp. Báo ra hằng tuần, nhưng do phải di chuyển, nên ra không đều. Số 1 ra ngày 19.5.1949, số cuối cùng ra năm 1952.

CỰU CHIẾN BINH THỦ ĐÔ, bản tin của Hội Cựu chiến binh thành phố Hà Nội, ra ngày 5 hằng tháng. Toà soạn: 33 Phạm Ngũ Lão, sau đến 12A Thể Giao.

CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM, báo của Hội Cựu chiến binh Việt Nam. Lúc đầu xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1991, ra đầu tháng. Từ năm 1993 ra thêm báo tuần, số 1 ra ngày 25.5.1993. Số báo đầu tháng có in thêm phụ san "Tìm người thân" đăng các thông tin tìm mộ liệt sĩ trên các chiến trường. Toà soạn: 34 Lý Nam Đế.

CYGNE (LE), báo tuần, phổ biến thơ Bạch Nga. Số 1, ra ngày 7.12.1935, đến số 4 (1.1936) thì đình bản. đến ngày 20.8.1936 ra tiếp số 5. Cuối cùng ra tới số 7 ngày 30.10.1936. Toà soạn: 344 Khâm Thiên.

DA LIỄU, tạp chí của Hội Da liễu, Tổng hội Y học Việt Nam, xuất bản năm 1974-1975.

DẠ ĐÀI, tuần báo văn chương, chỉ ra được một số: số 1, ra ngày 16.11.1946.

DÂN BÁO, báo hằng ngày.

Số 1 ra ngày 1.5.1927, ra được đến số 16 ngày 16.5.1927 thì đình bản. Toà soạn: số 6 phố Huế.

DÂN CHỦ MỚI, ra tháng 10.1954.

DÂN CHỦ VÀ PHÁP LUẬT, báo của Bộ Tư pháp, xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 2.1978. Toà soạn: 25A Cát Linh, 58 Trần Phú.

DÂN CHÚNG, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 28.5.1938, ngừng nhiều đợt rồi lại tiếp tục, đến số 5 ra ngày 2.12.1939 là đổi tên là *Dân chúng tuần báo* ra tiếp số 6 ngày 9.12.1939. Số cuối cùng ra ngày 18.4.1941. Người sáng lập: Vũ Kim Cương kiêm quản lí. Toà soạn: 12 Cát Linh, sau chuyển về 29 Chanceaulme (Triệu Việt Vương), rồi 50 Mandarine (Lê Duẩn), 52 Sinh Từ (Nguyễn Khuyến), 106 Bông Nhuộm (Thợ Nhuộm).

DÂN HIỆP, báo ra hằng tuần, lúc đầu ở Hà Nội, không định kì, sau ở cả Sài Gòn, tuần báo. Số 1 ra ngày 26.9.1936, số cuối: 1107 ra tháng 12.1942. Toà soạn: 128 Armand Rousseau (Lò Đúc) và ở Sài Gòn.

DÂN MỚI, chỉ xuất bản được một số, ngày 3.12.1931.

DÂN MỚI, báo hàng ngày, số 1 ra ngày 15.10.1954, chỉ ra được ít ngày.

DÂN QUÊ, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 1.12.1936, đến số 4 ra ngày 26.12.1936. Toà soạn: 40 Hàng Da.

DÂN QUÊ, báo hằng tuần ra ngày thứ bảy. Năm 1945. Toà soạn: 435 Bạch Mai.

DÂN QUỐC, nguyên là tờ báo hằng ngày *Tin mới*. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp đổi tên thành Dân quốc. Ra tiếp từ tháng 3.1945 đến tháng 8.1945. Giám đốc: Nguyễn Văn Luyện. Quản lí: Mai Văn Hàm. Toà soạn: số 5-7 Julien Blanc (Phủ Doãn).

DÂN QUYỀN, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 20.8.1949, đến số 5 ra ngày 21.9.1949 thì đình bản. Toà soạn: 180 Chanceaulme (Triệu Việt Vương).

DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH, tạp chí của Uỷ ban Quốc gia dân số và kế hoạch hoá gia đình. Báo ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 12.1989. Toà soạn: 138 Giảng Võ.

DÂN SỐ VÀ PHÁT TRIỂN, tạp chí của Uỷ ban Quốc gia dân số và kế hoạch gia đình, ra hằng tháng từ 2001. Toà soạn: 12 Ngô Tất Tố.

DÂN THANH, báo hằng ngày. Nguyên là tờ *Báo Đông Pháp* ra đời từ năm 1925, rồi đổi tên là *Đông phát*, sau Cách mạng tháng Tám đổi thành *Dân Thanh*. Số 1, ra tháng 9.1945, số cuối cùng 30.11.1946. Toà soạn: 94 Hàng Gai.

DÂN TỘC, báo của Uỷ ban Dân tộc Trung ương. Xuất bản từ năm 1957-1960. Toà soạn: 80 Phan Đình Phùng.

DÂN TỘC HỌC, tạp chí của Viện Dân tộc học thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Tạp chí ra ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1974. Toà soạn: 27 Trần Xuân Soạn.

DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI, tạp chí của Uỷ ban Dân tộc và miền núi, xuất bản ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1999. Toà soạn: 82 Phan Đình Phùng, sau chuyển đến 46 Nguyễn Thái Học, 24 Liễu Giai.

DÂN TỘC VÀ THỜI ĐẠI, cơ quan của Hội Dân tộc học Việt Nam. Năm thứ nhất: 1994, xuất bản ba tháng một kì. Từ tháng 1.1999 ra bộ mới số 1, xuất bản hằng tháng. Toà soạn: 27 Trần Xuân Soạn, sau chuyển đến Bảo tàng Dân tộc học, đường Nguyễn Văn Huyên.

DÂN TRÍ, tạp chí thông tin đại chúng về văn hoá - giáo dục, kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ của Uỷ ban Quốc gia chống nạn mù chữ. Tạp chí ra tháng hai kì. Năm thứ nhất: 1994. Toà soạn: 49 Đại Cồ Việt, 47 dốc Thọ Lão.

DÂN VIỆT, tuần báo thông tin - nghị luận, ra thứ tư và thứ bảy. Số 1 ra ngày 7.5.1949, đến số 54 ra ngày 19.11.1949 thì đình bản. Toà soạn: 87 Hàng Bút, sau chuyển đến 68 Rollandes (Hai Bà Trưng).

DÂN VIỆT NAM, tạp chí của Viện Đông Dương Bác cổ, bằng hai thứ tiếng Pháp

và Việt. Số 1 ra tháng 5.1948, đến số 3 ra tháng 8.1949 thì đình bản.

DÂN Ý, báo văn nghệ - xã hội, ra tháng hai kì. Số 1 ngày 2.5.1954, số cuối là số 5 ra ngày 2.7.1954. Toà soạn: 84 Thuốc Bắc.

DỆT MAY VIỆT NAM, tạp chí của Tổng Công ti Dệt may Việt Nam. Số 1 ra tháng 12.1986. Toà soạn: 45B Hai Bà Trưng, 25 Bà Triệu.

DI SẢN VĂN HOÁ, tạp chí về bảo vệ và phát huy di sản văn hoá của Cục Bảo tồn Bảo tàng, Bộ Văn hoá-Thông tin. Xuất bản ba tháng một kì. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 12. 2002. Toà soạn: 51-53 Ngô Quyền.

DI TRUYỀN HỌC VÀ ỨNG DỤNG, tạp chí của Hội Di truyền học Việt Nam, sau là Hội các ngành sinh học Việt Nam xuất bản ba tháng một kì. Toà soạn: 90 Nguyễn Trãi, 144 Xuân Thuỷ.

DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP, tạp chí của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, ra mỗi tuần 2 kì. Số 1 ngày 15.1.1994. Phụ san: *Việt Nam công thương* (VIC). Toà soạn: 33 Bà Triệu, sau chuyển đến 46 Ngô Quyền, 9A Đào Duy Anh.

DIỄN ĐÀN VĂN NGHỆ VIỆT NAM, tạp chí của Uỷ ban toàn quốc các Hội văn học nghệ thuật Việt Nam. Toà soạn: 51 Trần Hưng Đạo.

DIỆU ÂM NGUYỆT SAN, cơ quan truyền bá pháp luật của Uỷ ban Tăng gia Bắc Bộ. Xuất bản năm 1946. Toà soạn: 73 Quán Sứ.

DOANH NGHIỆP, nguyên là tờ *Quảng cáo báo* xuất bản ở Hải Phòng, ra tháng hai kì, có phụ trương bằng tiếng Pháp. Số 1 ra ngày 16.4.1933, ra đến số 4 thì ngừng lại chuyển lên Hà Nội. Sau khi ra số 7 ngày 5.9.1933 thì đổi tên là *Doanh nghiệp* số 8 ra tiếp số 8 ngày 16.9.1933, ra đến số 9 ngày 1.11.1933 thì đình bản. Giám đốc: Anh em Madière. Toà soạn ở Hà Nội: 53 Julien Blanc (Phủ Doãn).

DOANH NGHIỆP, tạp chí của Hội đồng Trung ương liên minh các hợp tác xã Việt Nam. Tiền thân là tờ *Sáng tạo*. Số 1 ra ngày 7.6.1993. Ra thứ tư hằng tuần. Phụ san: số chủ nhật và số hằng tháng.

DU KÍCH NỘI THÀNH, báo bí mật, do Phòng dân quân Ban chỉ huy Mặt trận Hà Nội xuất bản trong Kháng chiến chống Pháp.

DU LỊCH, tuần báo của Tổng cục Du lịch Việt Nam. Tiền thân là tờ *Tuần du lịch*. Số 1 ra ngày 5.12.1998. Năm 2000 đổi thành *Du lịch*. Cuối tháng ra phụ san: *Du lịch vòng quanh thế giới và sành điệu*. Toà soạn: Khách sạn Kim Liên, phố Đào Duy Anh, sau chuyển về 19 lô B1 khu Đầm Trấu.

DU LỊCH VIỆT NAM, tạp chí của Tổng Cục du lịch Việt Nam. Xuất bản ba tháng một kì, sau ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1981. Toà soạn: 30A Lý Thường Kiệt.

DŨNG TIẾN, tuần báo do một nhóm cách mệnh hải ngoại chủ trương. Số 1 ra tháng 6.1949. Toà soạn: 4 Mongrand (Nguyễn Thượng Hiền).

DUY TÂN, báo tuần. Số 1 ngày 28.6.1931, đến số 21 ra ngày 15.11.1931. Toà soạn: 147 Henri d' Orle'ans (Phùng Hưng).

DƯ LUẬN, báo hằng tuần, ra thứ hai. Số 1 ra ngày 27.6.1938, ra đến số 17 tháng 10.1938 thì đình bản. Toà soạn: 57 Phúc Kiến (Lãn Ông).

DƯ LUẬN, báo hàng tuần. Xuất bản năm 1946, ra được 43 số. Toà soạn: 44 Hàng Than.

DỰ BÁO KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ KINH TẾ, tập san của Viện Thông tin khoa học và kĩ thuật Trung ương, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1982.

DƯỢC HỌC, tạp chí của Bộ Y tế, ra hằng tháng. Lúc đầu là tạp chí của Hội Dược học Việt Nam. Số 1 ra tháng 3.1960. Từ năm 1965 là tạp chí *Thông tin khoa học kĩ thuật* dược. Năm 1967 ra bộ mới do Hội Dược học và Bộ Y tế xuất bản. Toà soạn: 4A Lê Thánh Tông, sau chuyển đến 138A Giảng Võ.

DƯỢC LIỆU, tạp chí của Viện Dược liệu (Bộ Y tế), xuất bản hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1996. Toà soạn: 3B Quang Trung.

ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI, cơ quan thông tin của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội. Ngày thành lập 14.10.1954. Từ tháng 10.1977 phát sóng phát thanh trên sóng AM 570 KHz, ngày 1.1.1979 phát chương trình thử nghiệm đầu tiên, chính thức phát hằng ngày từ tháng 6.1989. Có thêm *Truyền hình cáp* (HCATV) từ năm 2000.

KÊNH PHÁT SÓNG HIỆN NAY: PHÁT THANH FM: 90 MHZ, truyền hình VHF: kênh 6. Thời lượng phát sóng chương trình: phát thanh 1110 phút/ngày, truyền hình 1110 phút/ngày. Trụ sở: 47 Hàng Dầu, 26 Hàng Dầu, nay là số 5 Huỳnh Thúc Kháng.

ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM, cơ quan của Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, nay là Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phát sóng ngày 7.9.1945, tại Hà Nội. Trong Kháng chiến chống Pháp, phát sóng từ Việt Bắc, đến tháng 10.1954 lại chuyển về Hà Nội. Kênh phát sóng tại Hà Nội hiện nay: AM 675 KHz và 657 KHz, FM 100KHz, SW 5925 KHz và 4960 KHz, với các hệ: VOV1: thời sự, chính trị tổng hợp; VOV2: văn hoá và đời sống xã hội; VOV3: âm nhạc, thông tin giải trí; VOV4: phát thanh dân tộc (tiếng H'Mông, Thái, Bana, Êđê, Giarai, K'ho, Xơ đăng, Chăm). Báo điện tử VOV NEWS phát sóng ngày 3.2.1999 (trụ sở 45 Bà Triệu). Ngoài ra còn phát sóng tại thành phố Hồ chí Minh. Thời lượng phát sóng 6795 phút/ngày. Ngoài ra, tiếng Việt còn có chương trình bằng các thứ tiếng: Anh, Pháp, Hoa, Nga, Tây Ban Nha, Lào, Nhật, Thái Lan, Indônêxia, Quốc tế ngữ... Trụ sở: 58 Quán Sứ, 45 Bà Triệu.

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM (VTV), cơ quan của Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, nay là Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chính thức phát sóng ngày 7.9.1970. Kênh phát sóng hiện nay: kênh 9-10 KV, kênh 10-11 KV, kênh 22-20 KV. Thời lượng phát sóng chương trình: 12h - 24h/ngày. Ngoài ra còn có *Truyền hình cáp* (VCTV) với 46 kênh, *Truyền hình vệ tinh kĩ thuật số*. Trụ sở: 59 Giảng Võ, 43 Nguyễn Chí Thanh.

ĐẠI ĐOÀN KẾT, báo của Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Báo ra hằng tuần, sau ra tuần ba kì: thứ ba, thứ sáu và số cuối tuần. Hằng tháng ra nguyệt san và một số chuyên đề cho người cao tuổi (từ tháng 7.1993). Kế tục báo *Cứu quốc* ra từ năm 1942 (xem thêm *Cứu quốc).* Số 1 ra ngày 5.2.1977. Toà soạn: 66 Bà Triệu.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI, bản tin ra hằng tháng. Năm thứ nhất 1994. Toà soạn: 144 đường Xuân Thuỷ.

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, tập san của Trường đại học Sư phạm Hà Nội I, ra ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1974. Toà soạn: Trường Đại học Sư phạm - Cầu Giấy.

ĐẠI HỌC VÀ GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP, tạp chí của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, sau là báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lúc đầu ra hai tháng một kì sau ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 3.1973. Hằng tháng còn ra số chuyên đề *Sinh viên* (từ năm 1996). Toà soạn: 49 Đại Cồ Việt (xem thêm *Tạp chí đại học và trung học chuyên nghiệp).*

ĐẠI NAM - ĐĂNG CỔ TÙNG BÁO, tiền thân là tờ *Đại Nam đồng văn nhật báo,* một thứ công báo, chữ Hán. Xuất bản từ năm 1892. Từ số 273 ra ngày 2.1.1897 có 2 trang dạy chữ quốc ngữ. Đến số 793 ra ngày 28.3.1907 thì đổi tên là *Đại Nam đăng cổ tùng báo,* bằng hai thứ chữ Việt, Hán. Số cuối là cùng 826 ra ngày 14.11.1907.

ĐẠI NAM ĐỒNG VĂN NHẬT BÁO (xem *Đại Nam Đăng cổ tùng báo).*

ĐẠI VIỆT TÂN BÁO, tiền thân là tờ *Đại Việt quan báo,* công báo của Nhà nước ở Bắc Kỳ, sau đổi tên thành *đại Việt tân báo,* còn có lúc là *Đại Việt công báo.* In hai thứ chữ Việt, Hán. Xuất bản vào chủ nhật hằng tuần. Số 1 ra ngày 7.5.1905. Ra đến năm 1908 thì đình bản. Toà soạn: 90 Hàng Mã.

ĐÀN BÀ, báo tuần, ra ngày thứ sáu. Số 1 ngày 24.3.1939, ra đến năm 1945 thì đình bản. Toà soạn: Tô Hiến Thành.

ĐÀN VĂN, báo ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 4.4.1935, đến số 7 ra ngày 16.5.1935. Toà soạn: 5 phố sông Tô Lịch (Hàng Lược).

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (Website of vietnamese communist party/ www.dangcongsan.vn.), báo thông tin điện tử của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Phát sóng từ ngày 21.6.2003. Trụ sở: 275 Đội Cấn.

ĐẠO BINH ĐỨC MẸ, báo của Giáo phận Hà Nội. Năm thứ nhất: 1952, ra đến 1954. Toà soạn: 40 Nhà Chung.

ĐẶC SAN VIỆT MỸ, tập san của Hội Việt - Mỹ. Xuất bản hai tháng một kì. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 9 và 10 năm 2004. Toà soạn: 105A Quán Thánh.

ĐẤT VIỆT, tạp chí ra tháng hai kì. Năm 1953-1954.

ĐẦU TƯ, (Vietnam Investment Review), tuần báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tiền thân là tờ *Việt Nam đầu tư nước ngoài.* Sau ra tuần hai kì: thứ hai, thứ năm. Số 1, ra ngày 27.9.1991. Báo còn ra bản chữ Anh và các phụ trương: *Timeout, Vietnam shipping Times, Viễn thông - Tin học.* Toà soạn: 56 Quốc Tử Giám, rồi đến 175 Nguyễn Thái Học.

ĐẸP, phụ san của báo ảnh Việt Nam, ra hằng tháng, số 1, ra tháng 2.1999. Toà soạn: 79 Lý Thường Kiệt, 11 Trần Hưng Đạo

ĐIỆN ẢNH, tạp chí của Cục điện ảnh, Bộ Văn hoá, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 7.1957, đến tháng 10.1963 thì đình bản.

ĐIỆN ẢNH, tạp chí của Hội điện ảnh Việt Nam. Năm thứ nhất 1975, đến 1977 thì đình bản. Toà soạn: 51 Trần Hưng Đạo.

ĐIỆN ẢNH - KỊCH TRƯỜNG VIỆT NAM, tạp chí chuyên ngành của Bộ Văn hoá - Thông tin, tháng ra hai kì. Số 1 ra tháng 1.1995. Kế tục tờ *Điện ảnh Việt Nam ra năm 1988*. Toà soạn: 65B Trần Hưng Đạo.

ĐIỆN ẢNH NGÀY NAY, cơ quan của Viện Nghệ thuật và Lưu trữ điện ảnh Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Toà soạn: 523 Kim Mã.

ĐIỆN TỬ, tạp chí của Hội Vô tuyến điện tử Việt Nam, ra hằng tháng từ năm 1990. Tòa soạn: 1 Yết Kiêu sau đến 35 Nguyễn Đình Chiểu.

ĐIỆN VÀ ĐỜI SỐNG, tạp chí của Hội điện lực Việt Nam, xuất bản hằng tháng từ năm 1996. Toà soạn: 18 Trần Nguyên Hãn.

ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC, tạp chí của Tổng Công ti Điện tử - tin học, Bộ Công nghiệp. Tháng ra 1 kì. Số 1 ra tháng 1.1992. Tòa soạn: 39A8 Hai Bà Trưng.

ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, tạp chí của Uỷ ban Dân tộc, Phủ Thủ tướng. Tạp chí ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1962. Toà soạn: 80 Phan Đình Phùng.

ĐỌC, tuần báo độc lập và xã hội. Số 1 ra ngày 18.2.1938, ngừng hai tháng (giữa tháng 3, giữa tháng 5) ra tiếp số 5 ngày 13.5.1938. Số cuối cùng: 94, ra tháng 5.1940 thì đình bản. Toà soạn ban đầu ở 16 Harmand (Trần Xuân Soạn).

ĐỘC LẬP, báo của Đảng Dân chủ Việt Nam, trong Mặt trận Việt Minh, xuất bản bí mật từ 12.1944. Sau Cách mạng tháng Tám xuất bản công khai ở Hà Nội, toà báo ở 88 Nguyễn Du. Kháng chiến chống Pháp xuất bản ở Việt Bắc. Từ tháng 10.1954 về Hà Nội, ra hằng tuần, đến tháng 10.1988 thì đình bản. Toà soạn: 56 Bà Triệu, 59 phố Lý Thường Kiệt.

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ, tạp chí bình dân, văn chương, nông nghiệp, thương mại, kĩ nghệ và khoa học. Lúc đầu ra hằng tháng sau ra thứ năm hằng tuần. Số 1 ra ngày 15.5.1913, đến số 85 ra ngày 31.12.1914 thì đình bản. Ra loại mới số 1 ra ngày 10.1.1915 đến số 231 ra ngày 15.6.1919 thì đình bản. Có phụ trương dạy tiếng Pháp. Sau đổi là *Học báo*. Toà soạn: 20 Carreau (Lý Thường Kiệt).

ĐÔNG DƯƠNG TẠP CHÍ, tuần báo song ngữ Việt - Pháp. Số 1 ra ngày 15.5.1937, nhiều lần tạm ngừng xuất bản, cuối cùng ra đến số 10 tháng 9.1939. Toà soạn: 3 Place Négrier (Hàng Gai).

ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC, báo cổ động kháng chiến của khu Đông Kinh nghĩa thục những ngày đầu chống Pháp (12.1946 -1947). In rônêô.

ĐÔNG PHÁP, tiền thân là *Báo Đông pháp*, xuất bản từ năm 1925. Ngày 6.6.1932,

đổi tên thành đông Pháp, thay chủ nhiệm. Xuất bản tiếp đến đảo chính Nhật - Pháp đổi tên thành *Đông phát* (3.1945). Sau Cách mạng tháng Tám lại đổi tên là *Dân thanh*. Toà soạn: 53 Paul Bert (Tràng Tiền), sau là 94 Hàng Gai.

ĐÔNG PHÁT X. *Đông pháp*.

ĐÔNG PHƯƠNG, lúc đầu ra hằng ngày, sau chuyển sang tuần hai kì, rồi ra hằng tháng. Số 1 ra ngày 1.11.1929, đến số 9 (bộ mới) ra ngày 24.12.1935 thì đình bản. Người sáng lập kiêm chủ nhiệm chính trị: A. Lavaller. Toà soạn: 65 Hàng Gai, rồi 86 Cầu Gỗ, 22 Đường Thành.

ĐÔNG TÂY, tuần báo. Số 1 ra ngày 15.12.1929, từ số 8 ra ngày 30.4.1930 thì xuất bản ra hằng ngày, ra đến số 222 ngày 25.7.1932 thì đình bản. Toà soạn: 35 phố Hồ (Hàng Dầu), sau chuyển đến 12-14 Nhà Thờ.

ĐÔNG TÂY BÁO, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 27.11.1935, chỉ ra được đến số 26 ngày 25.6.1936 thì đình bản. Toà soạn: 193 Hàng Bông.

ĐÔNG TÂY TIỂU THUYẾT BẠO, báo hằng tuần, ra hai kì. Số 1 ra ngày 1.9.1937. Số cuối cùng là số 251 ra tháng 6.1940 thì đình bản. Sau ra *tập mới*, số 1 ra ngày 19.12.1941. Toà soạn: 17 Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng).

ĐÔNG THANH TẠP CHÍ, xuất bản tháng hai kì. Số 1 ra ngày 1.7.1932, ngừng nhiều lần rồi lại tái bản. Số cuối cùng 43 ra tháng 8.1938 thì đình bản. Toà soạn: 24-26 Nhà Thờ.

ĐÔNG Y, tạp chí của Viện Nghiên cứu Đông y và Hội đông y Việt Nam (sau là Hội y học cổ truyền). Xuất bản hai tháng một kì. Số 1, tháng 12.1957. Sau đổi là *Tạp chí y học cổ truyền Việt Nam*. Toà soạn: 19 Tông Đản.

ĐÔNG Y TÙNG BÁO, ra tháng hai kì. Số 1 ngày 1.8.1939; số cuối cùng: số 3 tháng 3.1940. Toà soạn: 37 Hàng Điếu.

ĐỒNG MINH, báo của Việt Nam Cách mạng đồng minh hội. Ra năm 1945-1946. Toà soạn: 52 Trần Nhân Tông.

ĐỒNG RUỘNG, xuất bản năm 1945-1946.

ĐỒNG TÂM, BÁO CỦA VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG. Ra năm 1946, đến tháng 6. 1946 thì đình bản.

ĐỒNG XUÂN, báo tuyên truyền kháng chiến của khu Đồng Xuân trong những ngày đầu Kháng chiến chống Pháp (12.1946-1.1947).

ĐỜI MỚI, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 24.3.1935, ra đến số 4 ngày 14.4.1935 thì đình bản. Toà soạn: 17 Hàng Khoai.

ĐỜI MỚI, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 25.8.1949, chỉ ra đến số 4 ngày 28.8.1949 thì đình bản. Toà soạn: 39 Hàng Đào.

ĐỜI MỚI, báo chữ Brai (nổi) và chữ Việt của Hội Người mù Việt Nam, xuất bản hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 4.1988. Toà soạn: 55, sau là 139B Nguyễn Thái Học.

ĐỜI NAY, báo hằng tuần, chính trị - xã hội. Số 1 ra ngày 15.3.1938, ra đến số 4

ngày 13.10.1938 thì đình bản. Chủ nhiệm: Vũ Văn An, sau là Vũ Văn Kiển. Toà soạn: 59 Hà Trung, sau chuyển đến 12 Hàng Than, rồi 123 Khâm Thiên. Sau bán lại, Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo ra tiếp *Tập mới*: Số 1 tập mới, ra ngày 1.12.1938, số cuối cùng 38 ra ngày 22.9.1939 thì đình bản. Quản lí: Bùi Đăng Chi (nội bộ do Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) chỉ đạo, Trần Huy Liệu chủ bút). Toà soạn: 16A Đường Thành, sau chuyển đến số 4 phố sông Tô Lịch (Hàng Lược).

ĐỜI SỐNG VÀ PHÁP LUẬT, báo hằng tuần của Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, tiếng nói của giới luật gia Việt Nam. Năm thứ nhất: 2001. Cuối tháng có thêm số chuyên san. Toà soạn: 8 ngõ 209 Đội Cấn, sau là 40 Nguyên Hồng.

ĐỜI TÙ, tạp chí viết tay, của "Lao tù hội" lưu hành trong khu giam tù chính trị Hoả Lò. Tháng ra hai kì, khoảng năm 1932-1937. Ra đến số 18 thì đình bản.

ĐUỐC ĐƯA ĐƯỜNG, báo viết tay, lưu hành trong khu giam tù chính trị Hoả Lò, do Lê Duẩn chỉ đạo, năm 1932.

ĐUỐC THIÊNG, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 14.10.1948, đến số 12 ngày 6.1.1949 tạm ngừng ra tiếp " bộ mới", số 1ra ngày 2.5.1949.

ĐUỐC TUỆ, báo của Hội Chấn hưng Phật giáo Bắc Kỳ, ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 12.10.1935, ra đến số 69, ngày 15.9.1937, có phụ trương *Đạo phật ở Nhật, Tịnh tiến*. Số cuối cùng: ra tháng 8. 1945 thì đình bản. Toà soạn: chùa Quán Sứ.

ĐUỐC VĂN MINH, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 26.4.1936, cuối cùng là số 4 ra ngày 1.8.1936. Toà soạn: 26 Hàng Than.

ĐUỐC VIỆT NAM, báo viết tay, lưu hành bí mật trong nhà tù Hoả Lò, do Trường Chinh chủ bút. Năm 1932.

ĐỨC MẸ HẰNG CỨU GIÚP, báo Công giáo, ra hằng tuần. Năm 1954.

ĐƯỜNG CÁCH MẠNG, báo viết tay, lưu hành bí mật trong nhà tù Hoả Lò. Năm 1930.

ĐƯỜNG PHỐ MỚI, báo tuyên truyền cổ động quần chúng ở đường phố của Sở Văn hoá Hà Nội. Ra không đều kì. Số 1 ra ngày 20.6.1959, ra đến 1961 thì đình bản. Toà soạn: 47 Hàng Dầu.

ĐƯỜNG SÁNG, báo hằng ngày, ra tháng 6.1954.

ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM, tiền thân là báo *Đường sắt* của Tổng Cục đường sắt, Bộ Giao thông vận tải ra đời từ năm 1964, xuất bản đến 1967. Phát hành trong ngành. Năm 1985, hoạt động trở lại, số 1 ra ngày 25.4.1985. Hiện nay ra thứ năm hằng tuần, là báo của Liên hiệp đường sắt Việt Nam. Toà soạn: 118 đường Lê Duẩn, sau chuyển đến 95 đường Lê Duẩn.

ÉCHO (L') SAU LÀ L'ÉCHO DU TONKIN, ra hằng tháng, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 5.8.1933, đến số 4 ngày 5.11.1933 đổi tên là *L'écho du Tonkin*. Ra tiếp số 5 là số cuối cùng tháng 12.1933. Chủ nhiệm: Đỗ Văn Tích. Toà soạn: 35 Hàng Đồng.

ÉCHO DE L'INDUSTRIE ET DU COMMERCE INDOCHINOIS, báo tuyên truyền và thông tin công nghiệp và thương mại, ra hằng tháng, chữ Pháp. Số 1 tháng 10.1939, chỉ ra đến số 2, tháng 11.1939 thì đình bản. Toà soạn: 20 Quán Thánh.

EFFORT (L') SAU LÀ L'EFFORT INDOCHINOIS, báo ra hằng tuần, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 9.10.1936, ra đến số 240, ngày 13.6.1941 thì đình bản.

EN AVANT, báo tuần ra ngày thứ sáu, chữ Pháp. Số 1 ngày 20.8.1937, ra được đến số 11, ngày 29.10.1937 thì đình bản. Của nhóm tri thức trong phong trào dân chủ, dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương. Quản lí: Ngô Lê Động, sau là Lưu Bách Đoán. Toà soạn: 35 Hàng Vải, sau chuyển đến 93 Henri d'Orléans (Phùng Hưng).

ENTENTE (L'), báo hằng ngày, chữ Pháp. Năm thứ nhất: 1945. Số cuối cùng: 4010, ngày 31.8.1954. Toà soạn: 15B. Rollandes (Hai Bà Trưng).

ESSOR (L') COMMERCIAL SAU ĐỔI LÀ L'ESSOR, báo hằng tuần. Quảng cáo và khuyến khích thương nghiệp, công nghệ. Chữ Pháp. Số 1 ra ngày 5.1.1933. Sau đổi tên là L'ESSOR ra từ số 25, số cuối cùng là 105 ra ngày 24.1.1935. Toà soạn: 24 Đỗ Hữu Vị (Cửa Bắc), sau chuyển đến 36 Quán Thánh.

ÉTUDES VIETNAMIENNES, tạp chí chữ Pháp, ra ba tháng một kì, có bản chữ Anh xuất bản đồng thời mang tên *Vietnamese Studies*. Số 1, ra năm 1964. đến quý I năm 1983, đổi bộ mới. Toà soạn: 46 Trần Hưng Đạo.

ÉVEIL (L') ÉCONOMIQUE DE L'INDOCHINE, toà soạn: 41 Gambetta (Trần Hưng Đạo).

FORCES, tập san, chữ Pháp xuất bản không định kì. Số 1, ra tháng 4.1938, cuối cùng là số 2, ra tháng 12.1938. Toà soạn: 16B phố Lê Lợi (Bà Triệu) sau chuyển đến 10 Hàng Buồm.

FOYER DES ÉTUDIANTS (REVUE DU), tập san của Hội Thanh niên Việt Nam. Ra năm 1923-1925. Toà soạn: trụ sở hội 5 Vọng Đức.

GIA ĐÌNH HÀ NỘI, bản tin của Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Hà Nội. Xuất bản 2 tháng một kì. Nguyên là hai bản tin: *Dân số Hà Nội* và *ánh mắt trẻ thơ* nhập lại. Số 1 ra tháng 1.2003. Toà soạn: 22 Lý Thái Tổ.

GIA ĐÌNH HẠNH PHÚC, báo ra hằng tuần của Hội Kế hoạch gia đình. Năm thứ nhất: 2001. Toà soạn: 19 Triệu Việt Vương.

GIA ĐÌNH NGÀY NAY, phụ san tạp chí *Khoa học về phụ nữ*. Tạp chí của Trung tâm nghiên cứu gia đình và phụ nữ. Tạp chí ra từ năm 1995. Tháng ra một kì. Toà soạn: 6 Đinh Công Tráng.

GIA ĐÌNH VĂN HOÁ, chuyên san của tạp chí *Toàn cảnh sự kiện - dư luận*, của Bộ Văn hóa - Thông tin (xem mục này). Năm thứ nhất: 1994. Tháng ra một kì. Tòa soạn: 86A Lê Văn Hưu.

GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI, cơ quan ngôn luận của Uỷ ban Quốc gia dân số và kế hoạch hoá gia đình, nay là Uỷ ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Việt Nam. Tuần báo. Số 1 - số xuân Kỷ Mão, ra tháng 1.1999 sau ra tuần 4 kì. Toà soạn: 138A Giảng Võ.

GIÁC NGỘ, tuần báo chính trị - xã hội - văn hoá, ra chủ nhật. Số 1, ra ngày 12.12.1948. Đến năm 1952, có tiêu đề "Cơ quan tranh đấu của đại chúng" do nhóm

hoa niên trình bày. Đến số 152, năm 1953, ra loại mới. Số cuối cùng: số 177, ra ngày 2.10.1953. Toà soạn: 5 Nguyễn Du, sau chuyển đến 26 Cầu Gỗ, rồi đến 46 Tô Hiến Thành.

GIAI PHẨM, tập san của một nhóm văn nghệ sĩ, ra được 3 tập: *Giai phẩm mùa xuân, Giai phẩm mùa thu, Giai phẩm mùa đông*, từ năm 1956 đến 1957, thì đình bản. Nhà Minh Đức-Thời Đại xuất bản. Trụ sở: 25 Phan Bội Châu.

GIẢI PHÓNG, báo bí mật của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Số 1, ngày 25.3.1941. In giấy nến. Tổng biên tập: Đặng Xuân Khu (Trường Chinh).

GIANG SƠN, nhật báo chính trị, thông tin và nghị luận. Số 1ra ngày 4.4.1950. Từ số 550, ngày 1.11.1951, ra "loại mới". Số cuối cùng: 1353, ra ngày 11.8.1954. Toà soạn: 51 Hàng Bồ, sau đến 102 Hàng Trống, 28 Lê Thái Tổ.

GIẢNG VIÊN, tạp chí hướng dẫn công tác cho giáo viên lí luận chính trị, của Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Tên lúc đầu là *Sổ tay giảng viên*, xuất bản hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1977, đến năm 1981 thì đình bản.

GIAO THÔNG, tạp chí của Bộ Giao thông vận tải. Ra từ năm 1957 đến năm 1962 thì đình bản.

GIAO THÔNG BƯU ĐIỆN, tập san của Tổng Cục bưu điện, Bộ Giao thông vận tải. Xuất bản năm 1957 đến năm 1960 thì đình bản.

GIAO THÔNG VẬN TẢI, tạp chí ra hằng tháng của ngành giao thông vận tải. Năm thứ nhất: 1960. Toà soạn: 80 Trần Hưng Đạo.

GIAO THÔNG VẬN TẢI, tuần báo của Bộ Giao thông vận tải, ra ngày thứ 5, từ tháng 7.2001 tuần ra hai kì. Toà soạn: 1 Nhà Thờ.

GIÁO DỤC CẤP 1 (xem chuyên san *Giáo dục phổ thông cấp 1, cấp II-III)*

GIÁO DỤC CẤP 2 (xem chuyên san *Giáo dục phổ thông cấp 1, cấp II-III).*

GIÁO DỤC NGUYỆT SAN, chuyên san bậc tiểu học của Bộ Giáo dục. Có phụ trương *Dạy trẻ*. Năm 1947-1949.

GIÁO DỤC NHÂN DÂN, tạp chí của Bộ Giáo dục. Số 1 ra tháng 8.1952, xuất bản ở Việt Bắc, tháng 10.1954 về Hà Nội, ra tiếp đến tháng 2.1959 thì đình bản.

GIÁO DỤC THỦ ĐÔ, bản tin của Sở giáo dục và đào tạo Hà Nội, lúc đầu là tập san, từ 2003 ra hằng tháng. Trụ sở biên tập: 23 Quang Trung.

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THƯỜNG XUYÊN. Toà soạn: 49 Đại Cồ Việt.

GIÁO DỤC VÀ THỜI ĐẠI, báo của ngành Giáo dục và Đào tạo Việt Nam - Diễn đàn toàn xã hội vì sự nghiệp giáo dục. Tên mới của báo *Người giáo viên nhân dân*, xuất bản từ năm 1959 (xem thêm mục này). Tuần báo từ năm 1991 đến năm 1993. Từ tháng 1.1994 tuần ra hai kì: thứ ba, thứ sáu. Năm 2000 tuần ra ba kì: thứ ba, thứ năm, thứ bảy. Tháng 1.1995 ra thêm *Giáo dục và thời đại chủ nhật* và *Tài hoa trẻ*. Toà soạn: 14 Lê Trực, nay ở 29B Ngô Quyền.

GIÁO VIÊN VÀ NHÀ TRƯỜNG, tập san của Vụ Giáo viên - Bộ Đại học. Toà soạn: 49 Đại Cồ Việt.

GIÓ LỐC, số 1, ra ngày 30.10.1949.

GIÓ MỚI, báo của Tổng Hội sinh viên cứu quốc Việt Nam. Xuất bản năm 1945 - 1946. Toà soạn: 18 Lê Hữu Cảnh (Phan Huy ích).

GIÓ MỚI, tuần báo. Số 1 ra tháng 6.1954, ra đến số 4 thì đình bản.

GUIDE (LE) DES ÉLÈVES DES ENSEIGNEMENTS PRIMAIRES COMPLÉMENTAIRE ET SUPÉRIEUR, tháng ra hai kì, chữ Pháp. Số 1, ra ngày 1.10.1938, số cuối cùng ra ngày 15.4.1941 thì đình bản. Toà soạn: 55 Đường Thành.

HANOI ANNONCES, báo hằng tuần, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 13.8.1934, ra đến số 10 ngày 27.9.1934. Toà soạn: 88 đường Huế.

HANOI SOIR, nhật báo thông tin, có tranh ảnh, chữ Pháp. Số 1 ra ngày 26.9.1938, xuất bản đến năm 1945 thì đình bản. Toà soạn: 94 Hàng Gai.

HÀ NỘI BÁO, tuần báo văn hoá - văn nghệ - xã hội ra ngày thứ 4. Số 1 ra ngày 1.1.1936; số cuối cùng là 55 ra ngày 25.1.1937 thì đình bản. Lê Cường. Toà soạn: 88 phố Huế.

HÀ NỘI HÀNG NGÀY, tiền thân là báo *Sông Hồng* (xuất bản từ tháng 8.1945 xem thêm mục này) từ tháng 7.1955. Số 1 - loại mới, ra ngày 22.12.1957, nhưng vẫn ghi là "năm thứ tư" (chứng tỏ sự kế tục của *Sông Hồng*). Số cuối cùng: ngày 10.12.1958. Sau đó nhập với tờ *Thủ đô Hà Nội* (xem thêm mục này). Toà soạn: 28 Lê Thái Tổ.

HÀ NỘI MỚI, nhật báo thông tin và tranh đấu của thành phố Hà Nội, số đầu ra ngày 10. 5.1946. Toà soạn: 15 phố Nhà Chung.

HÀ NỘI MỚI, báo hằng ngày của Thành uỷ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội - tiếng nói của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô. Báo hằng ngày. Tiền thân là tờ *Thủ đô* ra đời ngày 24.10.1957, sau hợp nhất với báo *Hà Nội hàng ngày* thành *Thủ đô Hà Nội* (1.1.1959) rồi lại nhập báo *Thời mới* vào thành báo *Hà Nội mới* (xem thêm các mục trên). Số 1, ra ngày 25.1.1968, vẫn ghi năm xuất bản từ năm 1957 là năm thứ 12, nhưng không đánh tiếp số. Phụ san: *Hà Nội mới chủ nhật,* số 1 ra ngày 2.4.1989. đến ngày 30.3.1995 đổi tên là *Hà Nội mới cuối tuần*, ra tiếp *Hà Nội ngày nay* phụ san ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.1994. Từ năm 2004 đổi tên là *Hà Nội ngàn năm*. Ngày 23.10.2004 ra thêm ấn phẩm *Hà Nội mới tin chiều*. Xuất bản lúc 13h hằng ngày. *Báo điện tử Hà Nội mới* hoà mạng từ năm 2002. Toà soạn: 44 Lê Thái Tổ.

HÀ NỘI MỚI CHỦ NHẬT X. *Hà Nội mới.*

HÀ NỘI CUỐI TUẦN X. *Hà Nội mới.*

HÀ NỘI NGÀY NAY X, *Hà Nội mới.*

HÀ NỘI MỚI TIN CHIỀU X. *Hà Nội mới.* Toà soạn 13 Hàng Than

HÀ NỘI NGÀN NĂM X. *Hà Nội mới.*

HÀ NỘI TÂN VĂN, tuần báo văn học. Số ra mắt 31.10.1939, số 1 ra ngày 2.1.1940, đến số 74 ra tháng 12.1941 thì đình bản. Chủ nhiệm: Vũ Đình Di. Chủ bút: Vũ Ngọc Phan. Toà soạn: Harmand (Trần Xuân Soạn).

HÀ NỘI TÂN VĂN, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 12.9.1929, ra đến số 29, ngày 10.10.1949 thì đình bản. Toà soạn: 143 Chanceaulme (Triệu Việt Vương).

HÀ THÀNH NGỌ BÁO, báo hằng ngày, số 1 ra ngày 1.6.1927, đến số 2100, ngày 15.8.1931 đổi tên là *Ngọ báo*, ra tiếp đến số 2620, ngày 6.6.1936 thì đình bản. Người sáng lập kiêm chủ nhiệm: Bùi Xuân Học. Toà soạn: số 14 phố Gia Long (Bà Triệu), sau chuyển về số 63 phố Hàng Bông, rồi đến 45 phố Hồ (Hàng Dầu).

HÀ THÀNH THỜI BÁO, báo do Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo. Báo hằng tuần ra ngày thứ ba. Số 1 ra ngày 6.4.1937. Số cuối cùng 43 ra ngày 26.3.1938 thì đình bản. Sau ra thêm 2 số loại mới, số 1 ra ngày 29.8.1938, số 2, tháng 9.1938, do người khác quản lí. Toà soạn số 16 phố Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Tố), sau chuyển đến số 4 phố Julien Blanc rồi đến (Phủ Doãn), rồi đến 30 phố Richaud (Quán Sứ) rồi số 69 phố Rollandes (Hai Bà Trưng).

HẢI QUAN VIỆT NAM, cơ quan ngôn luận của Tổng cục Hải quan Việt Nam. Báo phát hành từ ngày 4.1.1999. Lúc đầu ra hằng tháng, sau ra hằng tuần vào ngày thứ hai. Nay tuần ra ba kì. Toà soạn: ở số 162 phố Nguyễn Văn Cừ - Gia Lâm, sau chuyển đến số 173 Bùi Thị Xuân, rồi đến 159 phố Bà Triệu.

HÀNG HẢI, cơ quan ngôn luận của ngành Hàng hải Việt Nam, xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1991. Toà soạn tại số 11A đường Láng Hạ, sau chuyển đến số phố 278 Tôn Đức Thắng, rồi đến số 8 phố Phạm Hùng.

HÀNG KHÔNG VIỆT NAM, cơ quan ngôn luận của Hàng không dân dụng Việt Nam. Báo ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.1991. Mỗi quý có phụ san bằng chữ Anh "Vietnam Aviation". Toà soạn: Sân bay Gia Lâm, đường Nguyễn Sơn.

HÀNH ĐỘNG, cơ quan ngôn luận của Tổng hội Sinh viên Việt Nam. Báo ra năm 1949.

HÀNH TRÌNH ĐỔI MỚI, chuyên san của Thành uỷ Đảng Cộng sản Việt Nam thành phố Hà Nội, phục vụ cán bộ lãnh đạo và quản lí các cấp ở Thủ đô. Xuất bản ba tháng một kì. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 2.2003. Toà soạn: số 4 phố Lê Lai.

HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH, phụ san của báo *Phụ nữ Việt Nam* (xem mục này). Xuất bản tháng hai kì.

HẬU CẦU QUÂN ĐỘI, tạp chí của Tổng cục Hậu cần từ năm 1952 ở Việt Bắc, năm 1955 về Hà Nội. Xuất bản 2 tháng một kì. Toà soạn: đường Nguyễn Tri Phương.

HERITAGE (VIETNAM AIRLINES INFLIGHT MAGAZINE), tạp chí bằng hai thứ chữ Anh và Việt của Hàng không dân dụng Việt Nam. Năm thứ nhất: 1993. Toà soạn: Sân bay Gia Lâm, đường Nguyễn Sơn, sau chuyển về 23 phố Phan Chu Trinh. Phụ san chuyên đề *Heritage Fashion* ra từ tháng 12.2000.

HIẾU HỌC, tuần báo giáo khoa, ra ngày thứ năm. Có hai loại: Tập đỏ: cho bậc tiểu học, Tập xanh: cho bậc trung học. Số 1, ra ngày 12.11.1953 - 1954. Toà soạn: số 42 phố Lý Thường Kiệt.

HÌNH ẢNH QUÂN ĐỘI, báo ảnh của Quân đội nhân dân Việt Nam, xuất bản ba tháng một kì. Năm 1956-1965.

HÌNH ẢNH VIỆT NAM (xem *Báo ảnh Việt Nam).*

HÌNH SỰ CÔNG BÁO, cơ quan ngôn luận của Sở Công an Bắc Bộ, Nha Công an Việt Nam. Báo ra hằng tháng. Năm 1946. Toà soạn: số 87 phố Trần Hưng Đạo.

HOA HỌC TRÒ, báo dành cho tuổi mới lớn, sau là Tuần san của báo *Sinh viên Việt Nam* dành cho thế hệ học trò mới. Xuất bản tháng hai kì, sau ra thứ năm hằng tuần. Số 1 ra ngày 15.10.1991. Hằng tháng ra số chuyên đề. Toà soạn: 5 Hoà Mã.

HOÁ CHẤT, tạp chí của Trung tâm Thông tin khoa học kĩ thuật hoá chất. Lúc là *Hoá chất* xuất bản hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1983, đổi tên là *Hoá học ngày nay*, số 1 ra tháng 3.1993. Toà soạn: số 2 phố Phạm Ngũ Lão.

HOÁ HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HOÁ CHẤT, cơ quan ngôn luận của Hội Hoá chất và Trung tâm Thông tin khoa học kĩ thuật hoá chất, năm thứ nhất: 1992. Toà soạn: 2 Phạm Ngũ Lão.

HOÁ HỌC VÀ ỨNG DỤNG, tạp chí của Hội Hoá học Việt Nam từ năm 1995, xuất bản hằng tháng. Toà soạn: 139 Lò đúc.

HOẠ MI, phụ san của báo *Nhi Đồng* (xem mục này).

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, tiền thân là tờ *Tin Tức hoạt động khoa học*, cơ quan của Uỷ ban Khoa học - Kĩ thuật Nhà nước nay là Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, xuất bản hằng tháng, số 1 ra tháng 5.1959, đến năm 1960 đổi tên là *Hoạt động khoa học*. Toà soạn: số 39 phố Trần Hưng Đạo.

HỌC BÁO, tuần báo sư phạm, dưới sự chỉ đạo của Sở Học chính Bắc Kỳ, tiền thân là từ *Đông Dương tạp chí*. Năm thứ nhất 1920, ra đến năm 1936 Báo do Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo. Người sáng lập: Trần Trọng Kim. Chủ nhiệm: Nguyễn Văn Vĩnh.

HỌC SINH, báo bí mật, của Khu Hội học sinh Hà Nội nhằm tuyên truyền trong học sinh. Xuất bản cuối năm 1929-1930. In thạch.

HỌC SINH TUẦN BÁO, báo ra hằng tuần. Số 1, ra tháng 2. 1936, ra đến số 7, tháng 1.1937 thì đình bản. Toà soạn: số 57 phố đường Huế.

HỌC TẬP, tạp chí lí luận và chính trị của Đảng Lao động Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam). Tạp chí ra mỗi tháng một kì, số 1, ra tháng 12. 1955. Sau số tháng 12.1976 đổi tên là *Tạp chí cộng sản* (xem thêm mục này). Toà soạn: 26 -28 Trần Bình Trọng. Còn ra thêm số *Học tập tài liệu dịch*, xuất bản hằng tháng. Số 1, xuất bản năm 1957, ra đến hết năm 1962.

HỒ GƯƠM, tuần báo văn hoá - chính trị - xã hội ra ngày thứ sáu. Số 1 ngày 10.9.1948. Báo ra không đều kì, có thời gian tạm nghỉ. Sau ra bộ mới, số 1 ra tháng 4.1949. Số cuối cùng: 135 ra ngày 30.6.1953 thì đình bản. Toà soạn: số 86 phố Hàng Trống, sau đến số 96 phố Goussard (Tuệ Tĩnh).

HỘI HỒNG THẬP TỰ NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ, tạp chí của Hội Hồng Thập tự Việt Nam. Tạp chí ra từ năm 1960 đến năm 1968 thì đình bản.

HỒN CÁCH MẠNG, báo bí mật của Việt Nam quốc dân Đảng, do Nguyễn Thái Học sáng lập. Báo ra năm 1928. In thạch.

HỒN CÔNG GIÁO, báo của công giáo đứng ngoài các đảng phái. Báo ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 10.1945, ra đến số 12, tháng 9.1946 thì đình bản. Toà soạn: 33 Ngõ Huyện giữa.

HỒN LIÊM SỈ, tạp chí ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 11.1933, số cuối cùng: tháng 12.1933 thì đình bản. Toà soạn: số 129 phố Huế.

HỒN NƯỚC, báo bí mật của Việt Nam quốc dân đảng. Báo số 1 ra tháng 1.1929. In thạch.

HỒN NƯỚC, cơ quan ngôn luận tuyên truyền cổ động của Việt Nam Thanh niên cứu quốc hội, trong Mặt trận Việt Minh. Xuất bản tuần hai kì. Số 1 ra ngày 14.10.1945. Toà soạn: số 48 phố Lý Thái Tổ.

HỒN NƯỚC, báo của Thanh niên cứu quốc thành Hoàng Diệu (Hà Nội). Báo ra năm 1945, trước Cách mạng tháng Tám, lưu hành bí mật. In litô.

HỒN NƯỚC, tuần báo chính trị - xã hội - văn chương. Số 1 ra ngày 3.4.1949, ra đến số 5, ngày 5.5.1949.

HỒN TRẺ, tuần báo do những người cộng sản sáng lập. Số 1 ra ngày 15.4.1935, ra đến số 10, ngày 12.12.1935 thì đình bản. Ngày 6.6.1936, tái bản, ra số 1 *Tập mới* xuất bản đến số 12, ra ngày 27.8.1936 thì đình bản. Toà soạn: số 20 phố Tiền Quân Thành (Nguyễn Khắc Nhu). Thời gian sau toà soạn: số 11 phố Hàng Cót.

HỢP TÁC XÃ, sau là *Thương nghiệp hợp tác xã*, cơ quan của Liên hiệp Hợp tác xã Việt Nam. Báo ra từ năm 1958 đến năm 1962 thì đình bản.

HƯƠNG VIỆT, báo của Nghiệp đoàn kí giả Bắc Việt. Báo ra hằng tuần. Số 1 ra tháng 6.1954.

HƯỚNG ĐẠO CÔNG GIÁO, tập san ra hằng tháng của Liên đoàn F.I.A.S. Số 1 ra ngày 1.8.1942, số cuối cùng ra tháng 10.1943 thì đình bản. Toà soạn: số 14 phố Hàng Cót, sau chuyển đến 56 phố 56 Jules Ferry (Lê Thái Tổ).

HƯỚNG ĐẠO THẲNG TIẾN, tiền thân là tờ *Thẳng tiến*, tạp chí của Hướng đạo, ra tháng hai kì. Số 1, ngày ra 5.11.1935, ra đến số 24, tháng 12.1936 thì đổi tên là *Hướng đạo thẳng tiến*, số 1, ra ngày 22.1.1938. Xuất bản đến Cách mạng tháng Tám 1945 thì đình bản. Tạp chí có phụ trương *Tráng sĩ*. Quản lí: Trần Văn Tuyên. Toà soạn: 55 Jambert (Nguyễn Trường Tộ) sau chuyển đến số 19 phố Bourrin (Yên Ninh). Sau Cách mạng tháng Tám 1945, báo ra tiếp với danh nghĩa "cơ quan giáo dục tuổi trẻ của Hội hướng đạo Việt Nam, xuất bản tháng ba kì. Số 1, ra ngày 20.5.1946. Toà soạn: số 86 phố Hàng Trống.

HỮU NGHỊ, tạp chí của Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất, số 1, ra tháng 7.1998. Ra bộ mới, số 1, ra tháng 6.2003. Toà soạn: số 105A phố Quán Thánh.

HỮU THANH, tạp chí của Bắc Kỳ Công thương đồng nghiệp ái hữu. Tạp chí ra

tháng hai kì. Số 1, ra ngày 1.8.1921, ra đến số 22, ngày 15.9.1924 thì đình bản. Toà soạn: số 58 phố Hàng Bông.

ÍCH HỮU, tuần báo ra ngày thứ ba. Số 1, ra ngày 25.2.1936, số cuối cùng 110, ra ngày 29.3.1938 thì đình bản. Toà soạn: 93 Hàng Bông.

INCORRIGIBLE (L'), tạp chí trào phúng và văn chương. Tháng ra hai kì bằng chữ Pháp, chỉ ra được 2 số. Số 1, ra ngày 1.11.1934, số 2, ra ngày 15.12.1934. Toà soạn: số 8 phố Carnot (Phan Đình Phùng).

INDÉPENDANCE (L') TONKINOISE INDOCHINE, nhật báo văn nghệ, văn học, thông tin, bằng chữ Pháp. Chỉ ra được 1 số, ngày 9.4.1938 thì đình bản. Toà soạn: số 144 phố Sinh Từ (Nguyễn Khuyến).

INDOCHINE (L') PHILATÉLIQUE COURRIER, báo về tem, bằng chữ Pháp. Chỉ ra được một số ngày 1.7.1989 thì đình bản. Toà soạn: số 15 phố Chanceaulme (Triệu Việt Vương).

INDOSPORT, tạp chí thể thao xuất bản hằng tuần, có ảnh bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 30.3.1933, ra đến số 35, ngày 23.11.1933 thì đình bản. Toà soạn: số 37 phố Hàng Quạt.

J'APPRENDS LE FRANÇAIS (Tôi học tiếng Pháp), tạp chí ra tháng ba kì. Số 1, ra ngày 10.3.1938, ra đến năm 1945, song ngữ Pháp - Việt. Toà soạn: số 61 phố Duvillier (Nguyễn Thái Học).

JOCKEY (LE), báo xuất bản không định kì bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 8.5.1937, số cuối: 13, ra tháng 8.1937 thì đình bản. Toà soạn: số 8 phố Hàng Muối.

JOURNAL (LE) "ACTUALITÉS", hoạ báo thông tin về văn học, nghệ thuật, khoa học, kinh tế. Chữ Pháp. Chỉ ra được 5 số. Số 1, ngày 14.9.1933, số 5, ra ngày 2.11.1933 thì đình bản. Toà soạn: phố 214 Hàng Bông.

JOURNAL QUẢNG ĐẠT, thông tin thương mại và công nghiệp, song ngữ Pháp - Việt. Số 1, ra ngày 5.2.1931, cuối cùng số 5, ra ngày 7.3.1931. Toà soạn: 61B Đường Thành.

KẾ HOẠCH HOÁ, tạp chí nghiên cứu lí luận của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1978.

KẾ HOẠCH NƯỚC NGOÀI, tài liệu tham khảo của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, hai tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 1.1973.

KHAI HOÁ NHẬT BÁO, báo hằng ngày, số 1, ra ngày 15.7.1921; số cuối cùng: 1751, ra ngày 31.8.1927 thì đình bản. Người sáng lập: Bạch Thái Bưởi. Toà soạn: số 82 phố Hàng Gai.

KHAI TRÍ TIẾN ĐỨC TẬP SAN, tập san xuất bản ba tháng một kì. Số 1, ra tháng 10-12.1940, ra đến 1945 thì đình bản. Trụ sở: Nhà Khai trí tiến đức AFIMA. Phố Hàng Trống.

KHẢO CỔ HỌC, tập san của Viện Khảo cổ học, nay thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Tập san ba tháng ra một kì. Số 1, tháng 6.1969. Toà soạn: số 61 phố Phan Chu Trinh.

KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN, tập san của Nha Khí tượng thuỷ văn, sau là tạp chí của Trung tâm Khí tượng thuỷ văn quốc gia, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1957. Toà soạn: số 4 phố Đặng Thái Thân.

KHÍ TƯỢNG VẬT LÍ ĐỊA CẦU, tạp chí của Cục Khí tượng thuỷ văn, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 4.1958.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC, tạp chí thông tin của Cục Kho bạc nhà nước, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 6.1993. Toà soạn: số 15 phố Trần Khánh Dư.

KHOA HỌC, báo truyền bá khoa học, xuất bản hằng tháng. Số 1, ra tháng 1.1942. Số cuối cùng 33 và 34, ra tháng 10.1944 thì đình bản. Người sáng lập: Nguyễn Xiển. Toà soạn: 7 Hàng Gai.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG, tạp chí của Viện Khoa học công nghệ xây dựng. Xuất bản từ năm 1973, 3 tháng 1 kì. Toà soạn: phố Nghĩa Tân.

KHOA HỌC ĐẤT, tạp chí của Hội Khoa học đất Việt Nam từ năm 1991. Xuất bản một năm. Toà soạn: 61 Hàng Chuối.

KHOA HỌC KĨ THUẬT, tạp chí của Uỷ ban Khoa học Nhà nước, hai tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 8.1962.

KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ KINH TẾ THẾ GIỚI, tạp chí của Thông tấn xã Việt Nam. Tạp chí ra hằng tuần, sau có thêm đặc san hằng tháng. Tiền thân là hai bản tham khảo của Thông tấn xã Việt Nam. Số 1, ra ngày 18.5.1983. Toà soạn: số 33 phố Lê Thánh Tông.

KHOA HỌC LAO ĐỘNG, tạp chí thông tin của Viện Khoa học lao động, Bộ Lao động. Năm thứ nhất: 1981.

KHOA HỌC QUÂN SỰ, bản tin của Viện Khoa học quân sự, thuộc Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1973. Từ năm 2001 tạp chí của Bộ Quốc phòng. Tổng biên tập Từ Lịnh. Toà soạn: 1A Hoàng Diệu.

KHOA HỌC TẠP CHÍ, xuất bản hằng tháng. Số 1, ngày 1.7.1931, số cuối cùng: 232, tháng 7.1940 thì đình bản. Giám đốc - Tổng biên tập: Nguyễn Công Tiễu. Toà soạn: Biệt thự Thuỷ Tiên Trang, đường Ngọc Hà.

KHOA HỌC THƯỜNG THỨC, lúc đầu là tạp chí của Hội Phổ biến Khoa học - Kĩ thuật Việt Nam, xuất bản tháng hai kì, sau ra tuần báo. Số 1, ra ngày 30.9.1959. Đến năm 1977 đổi tên là *Khoa học và Đời sống* cơ quan của Viện Khoa học Việt Nam. Từ năm 1978 của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam. Từ tháng 3.1994 ra thêm phụ san *Khoa học và Đời sống*, tháng ra hai kì, xuất bản ở thành phố Hồ Chí Minh. Toà soạn: số 39 phố Trần Hưng Đạo, sau đến 70 Trần Hưng Đạo.

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG (x.*Khoa học thường thức*).

KHOA HỌC VÀ KĨ THUẬT, tạp chí của Học viện kĩ thuận Quân sự. Xuất bản 3 tháng 1 kì từ năm 2001. Toà soạn: 100 Hoàng Quốc Việt.

KHOA HỌC VÀ KĨ THUẬT NÔNG NGHIỆP, tạp chí ra hằng tháng của Bộ Nông nghiệp. Năm thứ nhất: 1962.

KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN, báo hằng tuần của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, sau là Bộ Khoa học Công nghệ. Số 1 ra ngày 5.2.1999. Trụ sở: số 39 phố Trần Hưng Đạo, sau là số 70 phố Trần Hưng Đạo, số 26 phố Lý Thường Kiệt.

KHOA HỌC VÀ TỔ QUỐC, tạp chí của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 2. 1990, Xuân Canh Ngọ. Từ tháng 2.1998, ra tháng hai kì. Toà soạn: số 53 phố Nguyễn Du.

KHOA HỌC VỀ PHỤ NỮ, tạp chí của Trung tâm nghiên cứu Khoa học về Gia đình và Phụ nữ. Xuất bản ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1990. Phụ san: *Gia đình ngày nay*. Toà soạn: số 6 phố Đinh Công Tráng.

KHOA HỌC XÃ HỘI, cơ quan ngôn luận của Viện Thông tin Khoa học xã hội. Năm thứ nhất: 1976. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

KHOẺ, cơ quan ngôn luận của giới thanh niên thể dục - thể thao. Số 1 ra ngày 29.9.1949, ra đến số 20, ra ngày 9.2.1950 thì đình bản. Toà soạn: số 214 phố Hàng Bông.

KHÔNG QUÂN NHÂN DÂN, tạp chí của Cục Chính trị, Bộ Tư lệnh Không quân, Quân đội nhân dân Việt Nam, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 11.1977.

KHỞI NGHĨA, tạp chí tuyên truyền của Mặt trận Việt Minh thành Hoàng Diệu (Hà Nội). Số 1 ra tháng 10.1944. Đến cuối tháng 3.1945 đổi tên là *Tuốt kiếm*, ra tiếp đến Tổng khởi nghĩa thì đình bản. In litô. Chủ nhiệm kiêm chủ bút: Nguyễn Trí Uẩn, sau đến Nguyễn Phong, Phí Văn Bái.

KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (THE VIETNAM INDUSTRIAL ZÔNE BULLETIN). Thông tin của Ban Quản lí các khu Công nghiệp Việt Nam bằng chữ Việt, có phần trích yếu một số tin bài chính bằng chữ Anh. Xuất bản hằng tháng, số 1 ra tháng 10.1998. Toà soạn: số 4 phố Bà Huyện Thanh Quan.

KHUYẾN HỌC, tạp chí tháng ra hai kì. Số 1 ra ngày 1.9.1935, ra đến tháng 4.1937. Chủ nhiệm: Nguyễn Xuân Thái. Toà soạn: số 39 phố Hồ (Hàng Dầu).

KHUYẾN HỌC, tạp chí của Hội Khuyến học Việt Nam. Xuất bản tháng hai kì. Năm thứ nhất: 1997. Toà soạn: số 46 phố Nguyễn Công Hoan, sau chuyển đến số 206 nhà 4 ngõ 651 phố Minh Khai, rồi đến số183 phố Bạch Mai.

KHUYẾN NHẠC, xuất bản năm 1945-1946.

KIỂM SÁT, cơ quan ngôn luận của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Lúc đầu là Nội san. Số 1 ra tháng 7.1960, đến năm 1989 chuyển thành tạp chí ra hằng tháng. Toà soạn: số 4 phố Quang Trung, 37B Nguyễn Bỉnh Khiêm.

KIỂM TOÁN, tạp chí của Kiểm toán Nhà nước. Xuất bản từ năm 1995, 2 tháng 1 kì. Tổng biên tập: Hà Ngọc Sơn. Toà soạn: 17 Cao Bá Quát.

KIẾN QUỐC, nhật báo chính trị - văn chương - xã hội. Số 1, ra tháng 10.1949. Toà soạn: số 10 phố Jabouille (Hồ Xuân Hương).

KIẾN THIẾT, cơ quan ngôn luận của Việt Nam nhân dân cứu quốc hội năm 1945-1946. Toà soạn: số 3 Đông Kinh nghĩa thục.

KIẾN THIẾT, Cơ quan ngôn luận của Uỷ ban nghiên cứu Kiến thiết quốc gia. Xuất bản năm 1946.

KIẾN THIẾT, báo tuần chính trị - văn hoá - xã hội. Số 1, ra ngày 12.1.1949; số cuối cùng ra ngày 23.2.1949 thì đình bản. Toà soạn: số 19 phố Gia Long (Bà Triệu).

KIẾN THỨC GIA ĐÌNH, phụ san của báo *Nông nghiệp Việt Nam* (xem mục này).

KIẾN THIẾT QUỐC PHÒNG HIỆN ĐẠI, tạp chí của Tổng cục II, Bộ Quốc phòng. Xuất bản hằng tháng, từ năm 2001. Tổng biên tập: Nguyễn Hồng Thanh. Toà soạn: 34C Trần Phú.

KIẾN TRÚC, tạp chí của Hội Kiến trúc sư Việt Nam. Ra hằng quý, sau hai tháng một kì. Số 1, quý IV năm 1983. Có phụ san hằng tháng *"Nhà đẹp"* (xem mục này). Toà soạn: 23 Đinh Tiên Hoàng.

KIẾN TRÚC XÂY DỰNG, sau đổi là kiến trúc Việt Nam tạp chí của Bộ Kiến trúc. Năm thứ nhất: 1962. Xuất bản 2 tháng 1 kì. Toà soạn: số 37 phố Lê Đại Hành. Tổng biên tập: Phạm Thanh Bằng.

KIẾN VĂN, tuần báo, số ra mắt ngày 29.12.1935. Số 1, ra ngày 5.1.1936, ra đến số 10, ngày 8.3.1936 (Trong cuốn *Lịch sử thủ đô* thì viết ra được 12 số). Giám đốc: Nghiêm Thượng Văn. Toà soạn: số 5 phố Phạm Phú Thứ (Nguyễn Quang Bích).

KINH DOANH VÀ PHÁP LUẬT, lúc đầu là tạp chí của cơ quan Trọng tài Kinh tế Nhà nước. Năm thứ nhất 1991, tháng ra hai kì. Sau thành phụ san chuyên đề của tạp chí *Pháp luật* của Hội Luật gia Việt Nam, tuần ra 1 kì, số 1 loại mới, ra ngày 20.6.1994. Toà soạn: số 65 phố Tràng Thi, sau chuyển đến số 89 phố Vân Hồ 2, rồi số 161 phố Tây Sơn.

KINH TẾ, tập san của Ban Kinh tế Chính phủ, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 2.1953.

KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG, tập san của Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương. Xuất bản ba tháng một kì. Số 1, ra tháng 12.1993. Toà soạn: 176 Thái Hà, Đống Đa.

KINH TẾ NÔNG THÔN, *(xem kinh tế VAC)*

KINH TẾ SINH THÁI, tạp chí của Viện Kinh tế sinh thái. Xuất bản từ 1990, 3 tháng 1 kì. Tổng biên tập: Nguyễn Văn Trương, Hà Chu Chử. Toà soạn: 54 Lạc Trung.

KINH TẾ VÀ DỰ BÁO, tạp chí của Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, sau là Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1968. Toà soạn: số 2 phố Hoàng Văn Thụ.

KINH TẾ VÀ ĐÔ THỊ, tạp chí của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội, xuất bản tuần bốn kì (thứ ba, thứ tư, thứ sáu và chủ nhật), từ năm 2005 báo ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 1.1.1999. Toà soạn: số 21 phố Huỳnh Thúc Kháng. Từ đầu năm 2004, Kinh tế và Đô thị điện tử đã lên mạng Internet cuối tháng ra chuyên san *Nội thất*.

KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN, tạp chí của Trường đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội.

Xuất bản 2 tháng 1 kì bằng tiếng Việt và 6 tháng 1 kì bằng tiếng Anh, từ 1995. Tổng biên tập: Lương Xuân Quỳ. Toà soạn: 41 Phố Vọng.

KINH TẾ VAC, tiền thân là báo *Người làm vườn*, từ năm 2000 đổi là *kinh tế Nông Thôn* tạp chí của Hội Những người làm vườn Việt Nam. Số 1, ra ngày 15.2.1988. Toà soạn: số 6 phố Nguyễn Công Trứ, số 57 phố Hàng Chuối.

KỈ YẾU CỦA HỘI TRÍ TRI BẮC KỲ, lúc đầu ra mỗi năm 1-2 số, từ năm 1926 đến năm 1936 mỗi quý ra một số. Toà-soạn: Hàng Quạt.

KĨ NGHỆ, tập san phổ thông khoa học và kĩ thuật, ra hằng tháng. Người sáng lập F. Camboulive; Trường Kĩ nghệ Hà Nội.

KĨ THUẬT BƯU ĐIỆN TRUYỀN THANH, tạp chí của Tổng cục Bưu điện. Năm thứ nhất: 1962.

KĨ THUẬT CÔNG NGHIỆP NHẸ, tạp chí của Bộ Công nghiệp nhẹ, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1962.

KĨ THUẬT CƠ KHÍ, tạp chí của Bộ Công nghiệp nặng, xuất bản từ năm 1960, đến năm 1969 đổi tên là Kĩ thuật công nghiệp, tạp chí của Bộ Cơ khí luyện kim. Năm thứ nhất: 1960.

KĨ THUẬT ĐIỆN ẢNH, tạp chí của Cục điện ảnh, Bộ Văn hoá. Năm thứ nhất: 1964.

KĨ THUẬT ĐIỆN LỰC, tập san của Cục Điện lực (Bộ Thuỷ lợi và Điện lực), sau là của Công ti Điện lực (Bộ Điện và Than). Năm thứ năm: 1962. Từ tháng 3.1968 hai tháng ra một kì. Bộ mới số 1, ra tháng 3-4 năm 1968.

KĨ THUẬT GIAO THÔNG, tạp chí của Bộ Giao thông vận tải, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 2.1960.

KĨ THUẬT NHIỆT ĐỚI, tạp chí của Viện Thông tin Khoa học - Kĩ thuật, thuộc Uỷ ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. Ra đời từ năm 1969. Đến năm 1973 xuất bản hàng tháng.

KĨ THUẬT Y DƯỢC, tạp chí của Thư viện Y dược Trung ương. Năm thứ nhất: 1972. Tạp chí ba tháng ra một kì.

KĨ THUẬT VÀ TRANG BỊ, tạp chí của Tổng cục Kĩ thuật, Bộ Quốc phòng. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 2001 tổng biên tập: Nguyễn Khảng Đế. Toà soạn: 1 Nguyễn Tri Phương

LAO ĐỘNG, 1. Báo của Tổng công hội Bắc Kỳ, báo lưu hành bí mật, số đầu: ra ngày 14.8.1929. Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Cảnh. In giấy nến, cơ sở ở ngõ Thông Phong - Hàng Bột (nay là phố Tôn Đức Thắng). 2. Báo của Việt Nam công nhân cứu quốc Bắc Kỳ, trong Mặt trận Việt Minh, báo lưu hành bí mật trước Cách mạng tháng Tám. Năm 1943-1945. In giấy nến, sau in tipô. 3. Báo của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, xuất bản từ trong kháng chiến ở Việt Bắc, ra không định kì. Số 1, ra ngày 20.7.1946. Từ tháng 10.1954 về Hà Nội ra hằng tuần, sau thành tờ báo của Tổng công đoàn Việt Nam rồi trở lại tên là báo Lao động, xuất bản tuần năm kì: thứ hai,

thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, nay ra hằng ngày. Báo hoà mạng Internet từ ngày 19.5.1999. Tổng biên tập: Nguyễn Văn Trân, Trần Quốc Diệp, Trần Danh Tuyên, Đỗ Trọng Giang, rồi Quang Huy, Xuân Cang, Tống Văn Công, Phạm Huy Hoàn, nay là Vương Văn Việt. Toà soạn: số 51 phố Hàng Bồ, nay là số 167/15 phố Tây Sơn.

LAO ĐỘNG, báo lưu hành bí mật của Liên hiệp Công đoàn Hà Nội, trong những năm Hà Nội bị tạm chiếm (1947-1954).

LAO ĐỘNG THỦ ĐÔ, cơ quan ngôn luận của Liên đoàn Lao động thành phố Hà Nội. Từ bản tin ra đời tháng 8.1990 đến năm 1993 xuất bản chính thức. Có thời gian lấy tên là *Lao động Hà Nội*. Ra mỗi tháng một kì, sau ra hằng tuần vào ngày thứ sáu và một kì phụ san hằng tháng. Toà soạn: số 1A phố Yết Kiêu.

LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN, tạp chí của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, tiền thân là *Tạp chí Công đoàn*. Lúc đầu tạp chí ra hai tháng một kì, sau ra tháng một kì. Số đầu ra tháng 4.1993. Toà soạn: số 175 Giảng Võ, sau chuyển đến số 97 phố Trần Quốc Toản.

LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI, tạp chí của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1987. Toà soạn: số 2 phố Đinh Lễ.

LAO ĐỘNG - XÃ HỘI, tạp chí của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội. Lúc đầu ra hằng tuần, sau mỗi tuần ra ba kì: thứ ba, thứ năm và số chủ nhật. Số 1 ra ngày 25.8.1993. Toà soạn: số 2 phố Ngô Thì Nhậm, sau đến C10 Nguyên Hồng, 73 Nguyên Hồng.

LAO TÙ

LAO TÙ ĐỎ

LAO TÙ TẠP CHÍ, báo viết tay, lưu hành bí mật của tù chính trị Hoả Lò - Hà Nội. *Lao tù* ra đời từ 1931, đổi tên là *Lao tù đỏ*, số 1 ngày 4.1.1932, sau chuyển thành *Tạp chí*, số 8, ra tháng 12.1934 là số đặc biệt kỉ niệm Quảng Châu công xã. Năm 1940-1945, chỉ ra vào những ngày kỉ niệm. Viện Lịch sử Đảng còn lưu giữ được số 36.

LÂM NGHIỆP, tạp chí của Tổng cục Lâm nghiệp. Lúc đầu là bản tin, từ năm 1961 đến năm 1968 ra tạp chí chuyên ngành. Số 1 tháng 1.1968. Toà soạn: số 123 phố Lò Đúc, sau chuyển đến số 67 phố Ngô Thì Nhậm.

LẼ SỐNG, báo ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 9.2.1949, ra đến số 26, ngày 19.3.1949 thì đình bản. Toà soạn: số 95 phố Hàng Bồ, sau đến số 51 phố Hàng Bồ.

LẼ SỐNG DÂN CHÚNG, báo ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 17.1.1949. Ra được 9 số, đến ngày 26.1.1949 thì đình bản. Toà soạn: số 51phố Hàng Bồ.

LÊN ĐƯỜNG, báo ra hằng ngày. Số 1 ra ngày 23.3.1949, ra đến số 14, ngày 7.4.1949 thì đình bản. Toà soạn: số 51 phố Hàng Bồ (ba tờ báo trên là của một nhóm chủ trương, tờ này bị đình bản lại ra tiếp tờ khác: *Lẽ sống, Lẽ sống dân chúng* rồi *Lên đường).*

LIBERTÉ (LA), báo chữ Pháp, chỉ xuất bản được một số, số 1 ngày 1.12.1938. Quản lí: Dương Trung Thực. Toà soạn: số 38 phố Hàng Mành.

LIBREMENT SOCIALISTE, báo chữ Pháp, xuất bản vào năm 1929. Chủ nhiệm: E. Babut.

LIÊN HIỆP, báo của Việt Nam quốc dân đảng. Xuất bản năm 1946.

LIÊN HIỆP, nhật báo thông tin - nghị luận. Xuất bản từ cuối tháng 5.1951 đến tháng 10.1954 thì đình bản. Toà soạn: số 100 phố Hàng Trống.

LOA, tuần báo ra ngày thứ năm. Số 1, ra ngày 8.2.1934, ra đến số 103, tháng 2.1936 thì đình bản. Chủ nhiệm: Bùi Xuân Học. Quản lí: Phan Trần Chúc. Toà soạn: số 24 phố Gia Long (Bà Triệu).

LU ET RELU, báo chữ Pháp. Chỉ ra được 2 số vào tháng 4.1938. Chủ nhiệm: Nguyễn Văn An. Toà soạn: số 58 phố Hà Trung.

LUỸ THÉP, tiếng nói của Đoàn Nguyễn Huệ. Bản tin trên công trường xây dựng phòng tuyến Sông Cầu ở vùng đồi núi huyện Sóc Sơn. Số 1, ra ngày 17.3.1979, Kết thúc công trình, bản tin cũng ngừng hoạt động: Báo Hà Nội mới.

LƯƠNG THỰC, báo của Tổng cục Lương thực từ năm 1963 đến năm 1969. Từ năm 1970 báo đổi tên là Lương thực thực phẩm của Bộ Lương thực và Thực phẩm từ 1970.

LƯU TRỮ VIỆT NAM, tạp chí của Cục Lưu trữ Nhà nước, ra ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1969.

LI TAO TUẦN BÁO, số 1, ra ngày 1.10.1937, tạm ngừng, rồi tục bản nhiều lần, số cuối cùng tháng ra 10.1940. Giám đốc: Đỗ Văn Tính, sau là Nguyễn Đồng Dy. Toà soạn: 12 phố Hàng Than, sau chuyển đến số 58 phố Hàng Gạo.

MÁCH BẠN, báo cổ động Đông y. Xuất bản từ tháng 8.1946. Toà soạn: số 58 phố Hàng Bông.

MÀN ẢNH - SÂN KHẤU HÀ NỘI (MASK), tạp chí tuyên truyền giới thiệu phim của Công ti Chiếu bóng Hà Nội, ra đời từ 1958. Đến năm 1988, là Màn ảnh sân khấu Hà Nội (Mask) tạp chí cơ quan của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội, xuất bản tháng một kì, sau ra tháng hai kì và chuyên san *Nghệ sĩ* hằng tháng. Tổng biên tập: Lương Viên, sau là Nguyễn Hữu Cẩn, Phan Đăng Long. Toà soạn: số 45 phố Hàng Bài, chuyển đến số 47 phố Hàng Dầu, rồi đến số 73 phố Hàng Bồ.

MÀN ẢNH VIỆT NAM, tạp chí của Cục điện ảnh, Bộ Văn hoá. Năm thứ nhất: 1966.

MẶT TRẬN, tạp chí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Xuất bản 2 tháng một kì, 2001. Tổng biên tập: Trần Hậu, nay là Nguyễn Quang Du. Toà soạn:46 Tràng Thi.

MẶT TRẬN THỦ ĐÔ, sau đổi tên thành *Dân chủ và đoàn kết* bản tin của Mặt trận Tổ quốc thành phố, ra 2 tháng một kì. Toà soạn số 29 phố Lý Thường Kiệt.

MESSAGE (LE) À TRAVERS LA PRESSE INTERNATIONALE, báo chính trị, bằng chữ Pháp, ra hằng tuần. Chỉ ra được ba số. Số 1, ra ngày 20.10.1937, số cuối, ra tháng 11.1937 thì đình bản. Giám đốc: Nguyễn Thế Nghiệp. Quản lí: Nguyễn Văn Lộ. Toà soạn: số 15 phố Trippenbach (Nguyễn Trung Trực).

MÊ LINH, tuần báo nghị luận - văn chương của chị em Việt Nam. Số 1, ngày

12.11.1949, ra đến số 3, ngày 25.11.1949. Toà soạn: số 48 phố Rienach (nay là phố Trần Quốc Toản).

MIỀN NÚI VÀ DÂN TỘC, bản tin ảnh chuyên đề của Thông tấn xã Việt Nam, ra hằng tháng. Số 1, ra ngày 20.1.1991. Toà soạn: số 33 phố Lê Thánh Tông.

MONOME (LE), tạp chí của Tổng hội Sinh viên Trường đại học Đông Dương. Tạp chí bằng chữ Pháp, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 6.1936, số cuối cùng ra tháng 3.1945 thì đình bản. Giám đốc: René Blanca, sau là Dương Minh Châu. Quản lí: Nguyễn Bỉnh Nghiêm, sau là Nguyễn Ngọc Định. Toà soạn: số 27 phố Jaureguiberry (xóm Hà Hồi).

MỐT VÀ CUỘC SỐNG, tạp chí của Hiệp hội May Việt Nam. Xuất bản hàng tháng. Toà soạn: số 26 phố Trần Quý Cáp.

MỐT VIỆT NAM, tạp chí của Viện Mẫu thời trang. Xuất bản hằng tháng từ năm 2000. Tổng biên tập: Mai Hoàng Ân. Toà soạn: 2 Lê Thánh Tông.

MỘT CỬA SỔ NHÌN RA THẾ GIỚI, phụ san của tạp chí *Người đưa tin Unesco*, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 1.1992. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

MUA VÀ BÁN, phụ trương báo *Thương mại* (xem mục này).

MỤC LỤC XUẤT BẢN PHẨM, tạp chí của thư viện Quốc gia Việt Nam, xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1966. Sau đổi tên là *Thư mục quốc gia*. Toà soạn: số 31 phố Tràng Thi.

MĨ NGHỆ KIM HOÀN, tạp chí của Hội Mĩ nghệ kim hoàn Việt Nam. Ra hàng tháng. Số 1 ra tháng 8.1994. Tổng biên tập: Dương Đình Hy, Lê Ngọc Dũng. Toà soạn: số 29 phố An Trạch.

MĨ THUẬT THỜI NAY, tạp chí của Hội Mĩ thuật Việt Nam. Tiền thân là *Sáng tác Mĩ thuật*, ra đời năm 1970, sau là *Tạp chí Mĩ thuật*, xuất bản ba tháng một kì, số 1, tháng 10.1977. Từ năm 1990 đổi tên là *Mĩ thuật thời nay*. Các phụ san: - Chuyên đề *Mĩ thuật - đời sống* (tạp chí M), ra hai tháng một kì. *Mĩ thuật - cười*, ra hằng tháng. Toà soạn: số 44B phố Hàm Long.

NAM CƯỜNG, báo ra hằng tuần. Số 1, ra 23.1.1938. Sau số 129 (8.1940) đánh lại số 1, ra ngày 7.6.1941, tiếp tục đến số 27, ra tháng 12.1941. Chủ nhiệm: Phạm Lê Bổng, sau là Bùi Xuân Như. Toà soạn: số 44 phố Hàng Bồ, rồi lên 78-80 Hàng Đường.

NAM HOA BÁO, xuất bản bằng hai thứ chữ Việt - Hán. Xuất bản năm 1945.

NAM PHONG, văn học, khoa học tạp chí, của Hội Khai trí tiến đức. Lúc đầu xuất bản hằng tháng, số 1, ra tháng 7.1917. đến số 199, ra ngày 1.5.1934 tháng ra hai kì. Số cuối cùng: 210, ra ngày 16.12.1934 thì đình bản. Có phụ trương chữ Hán và chữ Pháp. Chủ nhiệm: Louis Marty. Chủ bút: Phạm Quỳnh, sau là Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Bá Trác, phụ trách phần chữ Hán. Quản lí: Phạm Quỳnh, sau là Lê Văn Phúc. Toà soạn: số 80 phố Hàng Gai.

NAM VIỆT CÔNG DÂN, tạp chí xuất bản không định kì. Số 1, ra ngày 3.11.1937;

số 2, ra tháng 1.1938, cuối cùng là số 3, ra tháng 1.1939 thì đình bản. Chủ nhiệm: Dương Bá Trạc. Toà soạn: số 81 phố Sinh Từ (Nguyễn Khuyến).

NĂNG LƯỢNG, tạp chí của Bộ Năng lượng, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1963. Toà soạn: số 54 phố Hai Bà Trưng.

NGÀY MỚI, báo ra mắt ngày 24.8.1938, số cuối cùng: số 2, ra ngày 23.2.1939 thì đình bản. Chủ nhiệm: Dương Tự Quán. Toà soạn: số 195 phố Hàng Bông. Ngày 19.4.1939 báo tái bản, số 1, loại mới, chuyển thành báo cách mạng do Xứ uỷ Bắc Kỳ chỉ đạo. Trên báo vẫn để tên người sáng lập. đến số 14, ra ngày 19.8.1939. Người sáng lập: Dương Tự Quán. Giám đốc: Nguyễn Đức Chính. Quản lí: Nghiêm Hồng. Toà soạn: số 133 phố H. d' Orléans (Phùng Hưng), sau chuyển đến số 14 phố Rondony (Hàng Thùng).

NGÀY MỚI, tuần báo phóng sự. Năm 1945. Toà soạn: số 11 Ô Quan Chưởng.

NGÀY MỚI, lúc đầu là cơ quan ngôn luận của Hội đồng an dân Bắc Việt (Nguỵ). Ra đến số 375 ngày 27.10.1948 thì đình bản. Toà soạn: 75 Hàng Bồ, sau chuyển đến số 12 phố Hàng Đẫy (Nguyễn Thái Học).

NGÀY NAY, báo của Tự lực văn đoàn. Lúc đầu, 10 ngày một kì, sau tuần ra một kì, có cả trụ sở ở Sài Gòn, sau ở hẳn Hà Nội. Số 1, ngày 30.1.1935, có thời gian tạm ngừng hoặc bị cấm, đánh số lại. Số cuối cùng: 225, ngày 7.9.1940 thì đình bản. Chủ nhiệm: Nguyễn Tường Cẩm. Giám đốc: Trần Khánh Giư (Khái Hưng). Toà soạn: số 55 phố Hàng Bún, sau chuyển đến số 80 phố Quán Thánh. Tục bản với phụ đề "Kỉ nguyên mới", do nhóm Tự lực văn đoàn theo Đại Việt quốc dân đảng chủ trương. Số 1, ra ngày 5.5.1945, ra đến tháng 8.1945 thì đình bản. Chủ bút: Khái Hưng. Toà soạn: số 80 phố Quán Thánh.

NGÀY XANH, báo số 1 ra ngày 6.1.1949; số cuối cùng: số 5, ra ngày 15.3.1949 thì đình bản.

NGÂN HÀNG, lúc đầu là tập san của Viện Nghiên cứu Ngân hàng Trung ương, ra không định kì; Số 1 ra tháng 1.1955. đến tháng 1.1990, chuyển thành tạp chí lí luận và nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, xuất bản hằng tháng. Toà soạn: số 49 phố Lý Thái Tổ, 13 Đê La Thành

NGÂN HÀNG THỦ ĐÔ, bản tin của Ngân hàng Nhà nước thành phố Hà Nội. Lúc đầu là nội san. Ra đời tháng 10.1994. Từ đầu năm 1997 ra chính thức hằng tháng. Toà soạn: số 29 phố Nguyễn Đình Chiểu.

NGÂN KHỐ, tập san chuyên ngành của Tổng ngân khố. Xuất bản từ năm 1966-1969.

NGHỀ MỚI, báo tự do ra đời từ năm 1935 ở Hải Phòng, sau có trụ sở ở Hà Nội, ra đến ngày 1.12.1938 thì đình bản. Toà soạn: số 29 phố Hàng Vôi, sau là số 59 phố Hà Trung.

NGHỀ RỪNG, tạp chí của Tổng cục Lâm nghiệp. Năm thứ nhất: 1965.

NGHỆ SĨ, phụ san hằng tháng của báo *Màn ảnh sân khấu Hà Nội* (xem mục này). Sau đổi tên là *Thế giới nghệ sĩ*.

NGHỆ THUẬT CẢNH, tạp chí của Trung tâm Nghệ thuật cảnh - sinh vật. Ba tháng ra một kì. Xuất bản từ năm 1995. Toà soạn: số 34 phố Tây Sơn.

NGHỆ THUẬT ĐIỆN ẢNH, tạp chí của Hội điện ảnh Việt Nam. Tiền thân là tạp chí *Điện ảnh,* ra đời từ năm 1975. Đến tháng 8.1977 đổi tên là *Nghệ thuật điện ảnh*. Ra từ số 1. Sau khi ra số 141, tháng 1.1996 thì đổi tên là *Nghệ thuật thứ bảy* và ra hằng tháng. Số 1, bộ mới tháng 2.1996. Toà soạn: số 51 phố Trần Hưng Đạo.

NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH, tập san của Hội Nhiếp ảnh Việt Nam. Lúc đầu là tập san, xuất bản từ năm 1968, sau chuyển thành tạp chí, xuất bản 3 tháng một kì, rồi ra hàng tháng, đổi tên là *Nhiếp ảnh*. Số 1 ra tháng 12.1978. Toà soạn: số 51 phố Trần Hưng Đạo.

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM, tạp chí của Học viện Quốc phòng. Xuất bản 2 tháng 1 kì năm thứ nhất: 2001. Toà soạn, đường Hoàng Quốc Việt.

NGHỆ THUẬT THỨ BẢY, tuần báo văn chương, điện ảnh, sân khấu. Số 1, ngày 2.4.1955. Ra đến số 8, ngày 28.5.1955. Toà soạn: số 112 phố Hàng Bông.

NGHỆ THUẬT THỨ BẢY, tạp chí của Hội điện ảnh Việt Nam (xem *Nghệ thuật điện ảnh*).

NGHIÊN CỨU, nội san của Trường đại học Sư phạm Hà Nội I. Xuất bản từ năm 1970.

NGHIÊN CỨU CHÂU ÂU, tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu các nước SNG và và các nước Đông Âu, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Xuất bản hai tháng một kì. Số 1, gộp hai tháng, tháng 1 và tháng 2.1995. Toà soạn: số 234 phố Thái Hà, sau chuyển đến số 77B phố Bà Triệu.

NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á, tạp chí của Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Xuất bản ba tháng một kì rồi hai tháng 1 kì. Bắt đầu từ năm 1990. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC, tạp chí lí luận khoa học giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xuất bản hằng tháng. Phụ san: Số chuyên đề ra quý một kì. Xuất bản từ năm: 1968. Toà soạn: số 101 phố Trần Hưng Đạo.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC - KĨ THUẬT QUÂN SỰ, chuyên san của các Viện Nghiên cứu trong Quân đội. Ra hàng tháng. Số 1 ra tháng 12.1993.

NGHIÊN CỨU KINH TẾ, tạp chí của Viện Kinh tế, nay thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Lúc đầu xuất bản hai tháng một kì, sau ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 2.1961. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn, sau là 477 Nguyễn Trãi.

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, cơ quan của Viện Sử học, nay thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Tiền thân là tập san *Nghiên cứu văn sử địa* (xem mục này). Số 1ra tháng 3.1959. Toà soạn: số 38 phố Hàng Chuối.

NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ QUÂN SỰ, tạp chí của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam,

thuộc Bộ Quốc phòng. Xuất bản không định kì; số 1 ra tháng 9.1982. Sau chuyển thành tạp chí *Lịch sử quân sự*; Số 1 ra tháng 1.1986. Năm 1990 đổi tên là *Thông tin lịch sử quân sự*, số 1 gộp hai tháng 1 và tháng 2.1990. Năm 1993 trở lại tên *Tạp chí lịch sử quân sự*, xuất bản hai tháng một kì, số 1 ra tháng 1.1993. Toà soạn: số 1B - 3B phố Hoàng Diệu.

NGHIÊN CỨU LÍ LUẬN, tạp chí của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Lúc đầu là nội san *Nghiên cứu* rồi *Tạp chí nghiên cứu* của Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Xuất bản từ năm 1977. Đến năm 1983 đổi tên là *Tạp chí Nguyên cứu lí luận* ra hằng tháng, số 1, ra tháng 4.1983. Toà soạn: Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, sau là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đường Nguyễn Phong Sắc, nay là 56B phố Quốc Tử Giám.

NGHIÊN CỨU NGHỆ THUẬT, tạp chí nghiên cứu, lí luận văn hoá và nghệ thuật của Bộ Văn hoá - Thông tin. Xuất bản ba tháng rồi hai tháng một kì, sau đổi tên là *Văn hoá nghệ thuật*, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 6.1973. Tháng 7.1984 ra bộ mới. Toà soạn: Đường La Thành - Ô Chợ Dừa, 32 phố Hào Nam.

NGHIÊN CỨU NHẬT BẢN, tập san của Trung tâm Nghiên cứu Nhật Bản, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra ba tháng một kì. Số 1 ra quý I.1995. Toà soạn: số 41 phố Kim Mã Thượng.

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ, tạp chí của Học viện Quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao. Ba tháng một kì. Số 1 ra tháng 9.1993. Toà soạn: Láng Thượng.

NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO, tạp chí của Viện Nghiên cứu Tôn giáo - Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Xuất bản 3 tháng một kì, sau 2 tháng một kì. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 9.1999.

NGHIÊN CỨU TRUNG QUỐC, tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu Trung Quốc, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra hai tháng một kì. Số 1, tháng ra 8.1995. Toà soạn: số 111 phố Kim Mã Thượng.

NGHIÊN CỨU VĂN HỌC, tập san nghiên cứu, lí luận, phê bình văn học của Viện Văn học, Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam, nay thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Lúc đầu ra tháng một kì (1960-1969), từ 1970-1993 ra hai tháng 1 kì, sau lại ra hằng tháng. Số 1, tháng 1.1960. Đến tháng 7.1963 đổi tên là *Tạp chí Văn học*. Tiền thân là tập san *Văn sử địa*. Toà soạn: 20 phố Lý Thái Tổ.

NGHIÊN CỨU VĂN - SỬ - ĐỊA, cơ quan của Ban nghiên cứu Văn, Sử, Địa, thuộc Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Ra đời tháng 6.1954 ở Việt Bắc. Tháng 10.1954 về Hà Nội, xuất bản tiếp đến số 48, tháng 1.1959. Sau ra nối tiếp với hai tạp chí: *Nghiên cứu lịch sử* và *Nghiên cứu văn học*. Toà soạn: số 38 phố Hàng Chuối.

NGỌ BÁO. *Hà Thành ngọ báo.*

NGOẠI KHOA, nội san của Tổng hội Y học Việt Nam. Xuất bản ba tháng một kì. Xuất bản từ năm 1966 sau thành tạp chí của Tổng hội y dược học ra 2 tháng 1 kì.

NGOẠI NGỮ, nội san của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Toà soạn: 68A phố Bà Triệu.

NGOẠI THÀNH DÂN BÁO, báo liên lạc giữa chính phủ với quốc dân. Tuần báo chính trị, văn hoá, xã hội. Số 1, ra tháng 12.1945 đến năm 1946.

NGOẠI THƯƠNG, lúc đầu là nội san của Bộ Ngoại thương, ra đời từ năm 1961. Năm 1968 do Vụ tình hình, Bộ Ngoại thương biên tập. đến năm 1994 là *Tuần tin* của Trung tâm Thông tin thương mại, Bộ Thương mại, ra ngày thứ sáu. Số 1, ngày ra 3.1.1994. Toà soạn: số 46 phố Ngô Quyền.

NGÒI BÚT, báo ra hằng tuần, chỉ ra được 2 số. Số 1, ra ngày 10.9.1941; số 2, tháng 10.1941 thì đình bản. Toà soạn: số 53 phố Tien Tsin (Hàng Gà).

NGÔN NGỮ, tập san của Viện Ngôn ngữ học, nay thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Lúc đầu ra ba tháng một kì, sau ra hai tháng một kì, rồi ra hằng tháng. Năm thứ nhất, số 1, ra tháng 9.1969. Toà soạn: số 20 phố Lý Thái Tổ.

NGÔN NGỮ VÀ ĐỜI SỐNG, tạp chí của Hội Ngôn ngữ học Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 11.1995. Toà soạn: số 20 phố Lý Thái Tổ.

NGUỒN SÁNG, tạp chí của Trung ương Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 3.1996. Toà soạn: số 45 phố Xuân Diệu, sau chuyển đến số 26 cùng phố. Từ tháng 10.2001, ra bộ mới, đổi tên là *Nguồn sáng dân gian*, xuất bản ba tháng một kì. Toà soạn: Ngõ số 29 phố Tạ Quang Bửu.

NGỰA GIÓNG, tập san cho thiếu nhi do Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội xuất bản. Xuất bản từ năm: 1970, hai tháng ra một kì, sau ra hằng tháng. Đến năm 1983, chuyển sang Nhà xuất bản Hà Nội và ra tiếp thành "Tủ sách ngựa gióng". Năm 1991, báo *Màn ảnh - sân khấu Hà Nội* cho tục bản như một phụ san, ra tiếp được mười số, rồi ngừng. Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu.

NGƯỜI BẢO TRỢ, tạp chí của Trung ương Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ em mồ côi. Xuất bản hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 4.2004.

NGƯỜI BẢO VỆ CÔNG LÍ, tạp chí của Toà án nhân dân tối cao. Xuất bản hằng tháng, sau ra tháng hai kì. Xuất bản từ năm 1994. Toà soạn: số 48A phố Lý Thường Kiệt. Năm 2002 đổi tên là *Công lí*.

NGƯỜI CAO TUỔI, tạp chí của Trung ương Hội Người cao tuổi Việt Nam. Tháng ra hai kì. Số 1, ra tháng 10.1995. Sau ra thêm số chuyên đề hằng tháng. Toà soạn: số 10 phố Trần Nhân Tông, sau chuyển đến phố Nguyễn Đình Chiểu, phố 12 Lê Hồng Phong.

NGƯỜI CHƠI CỜ, tạp chí của Liên Đoàn cờ Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1996. Toà soạn: 36 phố Trần phú.

NGƯỜI CÔNG GIÁO VIỆT NAM, báo của Uỷ ban Đoàn kết công giáo Việt Nam. Báo tuần ra ngày thứ bảy. Tiền thân là tờ *Chính nghĩa* đổi tên (xem thêm mục này). Hằng tháng ra thêm số nguyệt san, số 1 ra tháng 8.1993. Toà soạn: số 58 phố Trường Thi.

NGƯỜI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN, tạp chí của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tạp chí ra hằng tháng, rồi một tháng ra một kì, nay xuất bản tuần 4 kì. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 10.1988. Toà soạn: số 35 phố Ngô Quyền.

NGƯỜI ĐẸP VIỆT NAM, chuyên san của báo Tiền Phong (x. *Tiền phong*). Xuất bản tháng hai kì. Số 1, ra tháng 9.1995. Toà soạn: số 15 phố Hồ Xuân Hương, sau chuyển đến số 25 phố Trần Khánh Dư.

NGƯỜI ĐƯA TIN UNESCO, tạp chí dịch ra tiếng Việt, của Unesco, Việt Nam. Thông tấn xã phát hành từ năm 1986. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

NGƯỜI GIÁO VIÊN NHÂN DÂN, báo của Bộ Giáo dục. Số 1 ra tháng 12.1959, sau đổi tên là *Giáo dục và thời đại* (xem mục này).

NGƯỜI HÀ NỘI, tạp chí của Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội. Tiền thân là tập san *Sáng tác Hà Nội,* ra đời từ năm 1967. đến năm 1984, đổi tên là *Người Hà Nội*, số 1 ra ngày 1.5.1985, tháng ra hai kì. Ngày 6.1.1990, tuần báo ra bộ mới, số 1, dưới tiêu đề "Diễn đàn văn hoá nghệ thuật Thủ đô". Sau một thời gian tạm ngừng, đến đầu năm 1999, đánh số bộ mới, ra ngày thứ bảy. Năm 2000 ra phụ san *Văn hiến* và số cuối tuần. Toà soạn: số 19 phố Hàng Buồm, sau chuyển đến số 126 phố Nam Cao.

NGƯỜI LÀM BÁO, tạp chí của Hội Nhà báo Việt Nam. Lúc đầu xuất bản hai tháng một kì. Số 1, tháng 2.1985. Đến tháng 7.1990 ra hằng tháng. Tháng 10.1990 đổi tên là *Nhà báo* và *Công luận*. đến tháng giêng 1996 ra báo tuần, nên tạp chí ra hằng tháng lại trở lại tên cũ *Người làm báo* (xem thêm *Nhà báo và Công luận)*. Toà soạn: số 59 phố Lý Thái Tổ.

NGƯỜI LÀM BÁO NHÂN DÂN, nội san của Bộ Biên tập báo *Nhân dân*, ba tháng một kì. Số 1, quý I.1985, đến số 11 ra quý III.1987 thì đình bản. Năm 1995 ra bộ mới, số 1, quý II. 1995. Toà soạn: số 71 phố Hàng Trống.

NGƯỜI LÀM VƯỜN (xem mục *Kinh tế vac).*

NGƯỜI MỚI, tuần báo văn chương, trào phúng, thể thao. Số 1, ngày 5.11.1938, ra đến số 8, tháng 2.1939. Về sau tiếp tục xuất bản và chuyển thành báo cách mạng của Đoàn thanh niên dân chủ. Số 1, ngày 5.6.1939, ra đến số 5, ngày 5.9.1939 là số cuối cùng (có tài liệu viết ra đến số 12, tháng 1.1945) thì đình bản. Toà soạn: số 17 phố Emile Nolly (Phạm Hồng Thái), sau chuyển đến số 32 phố Jean Dupuis (Hàng Chiếu), rồi đến số 75 phố Julien Blanc (Phủ Doãn).

NGƯỜI PHỤ TRÁCH, cơ quan ngôn luận của Hội đồng đội Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xuất bản từ năm 1994. Toà soạn: số 15B phố Hồ Xuân Hương.

NGƯỜI SĂN BẮN VIỆT NAM, xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 135 phố Lê Bình (Mai Hắc Đế).

NGƯỜI TIÊU DÙNG, tạp chí của Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ người tiêu dùng Việt

Nam. Ra hằng tháng. Xuất bản vào năm 1990. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo, sau chuyển đến H3 Kim Ngưu, 67 phố Tôn Thất Tùng.

NGƯỜI XÂY DỰNG, tiền thân là tập san của Bộ Xây dựng, xuất bản năm 1966. Năm 1993 tập san đổi tên là *Người xây dựng* của Hội xây dựng Việt Nam. Số 1 ra tháng 8.1993. Toà soạn: 101 phố Thái Hà, 625A phố La Thành.

NHÀ BÁO THỦ ĐÔ, nội san của Hội Nhà báo thành phố Hà Nội. Xuất bản hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 2002. Toà soạn: số 62 phố Trần Quốc Toản.

NHÀ BÁO VÀ CÔNG LUẬN, tuần báo của Hội Nhà báo Việt Nam. Báo ra ngày thứ hai hằng tuần, phụ san: số cuối tháng. Năm thứ nhất, số 1, ra tháng 10.1996 (xem thêm *Người làm báo*). Toà soạn: số 59 phố Lý Thái Tổ.

NHÀ BUÔN, cơ quan ngôn luận chấn hưng nền thương mại, kĩ nghệ nước nhà. Xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 254 phố Bà Triệu.

NHÀ ĐẸP, phụ san của tạp chí *Kiến trúc*, Hội Kiến trúc sư Việt Nam. Số 1, ra tháng 8.1997. Xuất bản hằng tháng. Toà soạn: phố Đinh Tiên Hoàng.

NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT, tạp chí của Viện Nhà nước và Pháp luật. Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Tiền thân là tạp chí *Pháp luật*. Viện Luật học, ra số đầu tiên ngày 20.8.1972. Lúc đầu xuất bản hai tháng một kì, sau ra hằng tháng. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

NHÀ QUẢN LÍ, tạp chí của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam - Viện Nghiên cứu và Đào tạo quản lí. Xuất bản hằng tháng. Số 1, tháng 6.2003. Toà soạn: tầng 5, số 38 phố Bà Triệu.

NHÀ TRƯỜNG QUÂN ĐỘI, tạp chí của Cục nhà trường, Bộ Tổng tham mưu. Xuất bản 2 tháng một kì. năm thứ nhất: 1987.

NHÃN KHOA, chuyên san của Tổng hội Y học Việt Nam. Tiền thân là nội san *Nhãn khoa*. đến năm 1964 đổi tên là *Nhãn khoa* ra đời năm 1961.

NHÂN DÂN, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Việt Nam - tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam. Lúc đầu xuất bản ở Việt Bắc trong Kháng chiến chống Pháp. Số 1, ra ngày 11.3.1951, từ ngày 23.10.1954 xuất bản ở Hà Nội hằng ngày. Các phụ san gồm:

NHÂN DÂN CHỦ NHẬT, số đầu ra ngày 12.2.1989, sau đổi thành *Nhân dân cuối tuần*, từ ngày 3.2.1995, ra lại số hàng ngày chủ nhật.

NHÂN DÂN HẰNG THÁNG, số đầu, ra tháng 5.1997. Kế tục *Nhân dân nguyệt san* ra được 5 số năm 1955.

BÁO NHÂN DÂN ĐIỆN TỬ, tiếng Việt, hoà mạng Internet từ ngày 21.6.1998. Tiếng Anh, hoà mạng từ ngày 11.3.1999. Ngoài ra còn có nội san *Người làm báo nhân dân* (xem mục này). Toà soạn: số 71 phố Hàng Trống.

NHÂN ĐẠO, tạp chí của Hội Hồng thập tự Việt Nam. Ra hằng tháng. Năm thứ nhất; số 1 ra tháng 1.1990. Toà soạn: số 68 phố Bà Triệu.

NHÂN ĐẠO VÀ ĐỜI SỐNG, diễn đàn thông tin của ngành ngành, nhà nhà, người

người làm việc thiện. Xuất bản hằng tháng. Số 1ra tháng 11.2003. Toà soạn: số 190 phố Quán Thánh.

NHÂN LOẠI, tuần báo ra ngày thứ bảy. Số 1, ngày 14.10.1934, ra đến số 18, ngày 1.6.1935 thì đình bản. Toà soạn: số 14 phố Pottier (nay là phố Bảo Khánh).

NHÂN QUYỀN, báo hằng ngày. Xuất bản từ tháng 11.1953 đến tháng 3.1954. Toà soạn: số 6 phố Nguyễn Quyền.

NHÂN VĂN, báo *Văn hoá - Xã hội*. Số 1 ra ngày 15.9.1956 thì đình bản. Chỉ ra đến số 5, ngày 20.11.1956. Toà soạn: số 43 phố Tràng Tiền.

NHẬT BÁO, xuất bản không định kì. Số 1 ra ngày 25.6.1937, chỉ ra đến số 2, ngày 6.12.1937 thì đình bản. Toà soạn: số 8 phố Richaud (nay là phố Quán Sứ).

NHẬT TÂN, tuần báo ra ngày thứ tư. Số 1 ra ngày 2.8.1933, số cuối cùng 204, ra ngày 20.2.1935 thì đình bản. Toà soạn: số 15 phố Hàng Da.

NHI ĐỒNG, báo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Số 1, số Trung Thu năm 1983. Lúc đầu ra hằng tuần, sau ra tuần hai kì (thứ hai, thứ năm), từ 1993 có các phụ san:

HOẠ MI CHO LỨA TUỔI MẪU GIÁO, ra tuần hai kì (thứ ba, thứ sáu).

NHI ĐỒNG CHĂM HỌC, MĂNG NON. NHI ĐỒNG CƯỜI VUI, ra ngày thứ sáu hằng tuần từ tháng 4.1998. Toà soạn: số 12 phố Hồ Xuân Hương.

NHI ĐỒNG GIẢNG TẬP, báo của Hội Tin Lành, dành cho trẻ em. Số 1 ra ngày 2.1.1938. Trụ sở: Nhà thờ Tin Lành, số 1 phố Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Tố).

NHI ĐỒNG HOẠ BẢN, xuất bản không định kì. Số 1 ngày 4.12.1941, ra đến 1945 thì đình bản. Người sáng lập kiêm chủ nhiệm: bà Phạm Ngọc Khuê. Toà soạn: số 20 phố Maréchal Pétain (Nguyễn Hữu Huân), sau chuyển đến phố Maréchal Foch (Cổ Tân).

NHI KHOA, chuyên san của Tổng hội Y học Việt Nam. Năm thứ nhất: 1964 là nội san, đến năm 1974 ra chính thức.

NHIẾP ẢNH (xem *Nghệ thuật nhiếp ảnh*).

NHIẾP VỤ TUẦN BÁO, báo của Liên đoàn Công giáo Việt Nam. Xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 3 phố Nhà Chung.

NHIỆT, tạp chí *Khoa học và Công nghệ nhiệt*. Ba tháng ra một kì. Toà soạn: 161C phố Đội Cấn.

NHỊP CẦU ĐỒNG HÀNH CÙNG DOANH NHÂN, cơ quan ngôn luận của Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài. Năm thứ nhất: 2004. Toà soạn: số 7B Ngõ Phan Chu Trinh.

NHỊP ĐIỆU, cơ quan ngôn luận của Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam xuất bản hằng tháng. Số 1 ra số Xuân Giáp Tuất 1994. Toà soạn: Nhà 6B - Nghĩa Tân, sau chuyển đến số 111 phố Đặng Tiến Đông.

NHO Y NGHIÊN CỨU, tạp chí xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 75 phố Hàng Bồ.

NHỰA SỐNG, báo lưu hành bí mật, vận động học sinh trong Hà Nội bị tạm chiếm. Năm 1950-1952. In thạch, in giấy nến.

NHỮNG VẤN ĐỀ KINH TẾ THẾ GIỚI, tạp chí của Viện Kinh tế thế giới, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Hai tháng ra một kì, có bản tiếng Anh ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1989. Toà soạn: phố Trung Liệt - Đống Đa.

NIỀM VUI, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 27.7.1954, ra đến số 5, ngày 31.7.1954 thì đình bản. Toà soạn: số 73 phố Hàng Bồ.

NÓI THẬT, tuần báo ra ngày thứ năm. Số 1 ra ngày 5.2.1953 ra đến tháng 10.1954 tạm ngừng. Sau Ngày giải phóng Thủ đô ra tiếp loại mới, số 1, ngày 9.5.1955, ra đến số 22, ngày 3.10.1955 thì đình bản. Toà soạn: số 48 phố Quán Sứ, sau chuyển đến ở số 13 phố Bà Triệu.

NON À LA GUERRE, báo địch vận của Bộ Chỉ huy mặt trận Hà Nội, bằng chữ Pháp. Xuất bản năm 1948.

NOTRE JOURNAL, Xuất bản năm 1908-1909 bằng chữ Pháp.

NOTRE REVUE, Xuất bản năm 1910 bằng chữ Pháp.

NOTRE VOIX, cơ quan của Xứ uỷ Bắc Kỳ Đảng Cộng sản Đông Dương, bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 1.1.1939; số cuối cùng 32, ra ngày 25.8.1939. Chỉ đạo: Đặng Xuân Khu (Trường Chinh). Ban biên tập: Võ Nguyên Giáp, Đặng Thai Mai, Phan Thanh, Trần Đình Long. Toà soạn: số 28 phố Doudard de Lagrée (Hàm Long), sau chuyển đến số 44 phố Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Tố).

NỘI KHOA, tập san của Tổng hội Y dược học Việt Nam, ba tháng ra một kì. Năm thứ nhất: 1964 là nội san. đến năm 1970 ra chính thức tập san này. Toà soạn: Bệnh viện Bạch Mai.

NỘI THƯƠNG, tạp chí lí luận và chỉ đạo công tác của Bộ Thương nghiệp, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1979.

NÔNG CÔNG THƯƠNG, nhật báo. Số 1 ra ngày 25.1.1929. Số cuối cùng 1038, ngày 31.12.1932 thì đình bản. Toà soạn: số 62 phố Changeurs (Hàng Bạc).

NÔNG DÂN VIỆT NAM, báo tuần của Hội Nông dân Việt Nam. Số 1 ra ngày 17.5.1984, sau đổi tên là *Nông thôn ngày nay*, tuần báo ra ngày thứ tư, sau ra tháng 9 kì. Về sau xuất bản hằng tháng thành nguyệt san. Toà soạn: số 13 phố Thuỵ Khuê.

NÔNG NGHIỆP, tạp chí của Uỷ ban Nông nghiệp Trung ương. Năm thứ nhất: 1976.

NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM, tạp chí *Khoa học công nghệ và Quản lí kinh tế* của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.1962. Toà soạn: số 14 phố Ngô Quyền.

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, tạp chí của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn xuất bản hằng tháng bằng tiếng Việt và bản tiếng Anh. Năm thứ nhất: 1988. Toà soạn: số 2 phố Ngọc Hà.

NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM, tạp chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tiền thân là báo *Nông nghiệp* của Bộ Canh nông. Số 1 ngày 19.1.1955. Sau này là tạp chí của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, rồi Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lấy tên là tạp chí *Nông nghiệp Việt Nam*. Ra bộ mới năm thứ nhất: 1987. Tuần hai kì (thứ hai, thứ năm), sau tuần ra 4 kì. Phụ san: *Kiến thức gia đình* (tháng ra ba kì). Toà soạn: số 14 phố Ngô Quyền.

NÔNG THÔN MỚI, tạp chí của Hội Nông dân Việt Nam, 3 tháng ra một kì. Từ tháng 5.1984, tạp chí ra hằng tháng, số 1 bộ mới, ra tháng 2.1996. Toà soạn: số 13 phố Thuỵ Khuê.

NÔNG THÔN NGÀY NAY (x. *Nông dân Việt Nam).*

NÔNG TRƯỜNG QUỐC DOANH, báo của Bộ Nông trường. Số 4 phố Nguyễn Công Trứ. Xuất bản năm 1961.

NƯỚC NAM, tuần báo chính trị, kinh tế, văn chương. Chỉ ra một số, ngày 17.4.1937. Sau đổi tên là *Nam cường*, ra từ tháng 1.1938 (xem mục này). Toà soạn: số 44 phố Hàng Bồ.

NƯỚC NAM, tuần báo ra ngày thứ bảy. Số 1, ra ngày 3.12.1938, ra đến ngày 22.9.1945 thì đình bản. Toà soạn: số 27 phố Cầu Gỗ, sau chuyển đến số 97 phố Hàng Gai.

NƯỚC NON TUẦN BÁO, tuần báo bách khoa trào phúng, châm biếm. Số 1 ngày 1.7.1935, ra đến số 12, tháng 9.1935 thì đình bản. Toà soạn: số 88 phố Huế.

Ô TÔ - XE MÁY VIỆT NAM, tạp chí của Trung tâm Nghiên cứu thị trường và Phát triển thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học - Kĩ thuật Việt Nam. Năm thứ nhất: 2000. Toà soạn: số 37 đường 2 Nam Thành Công.

PATRIE (LA) ANNAMITE, tuần báo ra ngày thứ bảy bằng chữ Pháp. Số 1 ra ngày 1.7.1933, ra đến 1945 thì đình bản. Toà soạn: số 44 phố Hàng Bồ.

PENSEÉ, xuất bản năm 1946, bằng chữ Pháp (số 8 có in bài "Les Rapports Culturels Entre la France et le Vietnam" của Phạm Văn Đồng).

PETIT (LE) TURF, tuần báo về đua ngựa bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 4.1.1941, số cuối cùng: 46, ra tháng 12.1941 thì đình bản. Quản lí: Nguyễn Thị Mỹ. Toà soạn: số 83 đường 233 (nay là phố Yên Bái).

PETRO VIETNAM REVIEW, tạp chí của Tổng công ti Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam, bằng chữ Anh. Toà soạn: số 4 phố Nguyễn Chí Thanh.

PEUPLE (le), báo đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương. Xuất bản năm 1946 bằng chữ Pháp. Tiền thân là báo *La République*. Chỉ đạo: Phạm Văn Đồng.

PHÁP LUẬT, tạp chí của Bộ Tư pháp. Số 1 ra tháng 4.1991. Lúc đầu ra hằng tháng, sau ra hằng tuần, nay mỗi tuần ra sáu kì, mỗi tháng ra hai số phụ san chuyên đề. Toà soạn: số 25A phố Cát Linh, sau chuyển đến số 217A phố Thái Hà, số 158 phố Thái Hà, số 5 phố Quốc Tử Giám.

PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG, tạp chí của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội. Từ bản tin của Sở Tư pháp Hà Nội, ra chính thức: số 1, tháng 8.1990, lúc đầu ra hằng tháng, sau ra hằng tuần, có phụ san cuối tháng. Năm 1998 ngừng phát hành. Toà soạn: số 28 phố Phan Bội Châu.

PHÁP LÍ, tạp chí của Hội Luật gia Việt Nam. Xuất bản năm 1993, tháng ra một kì, có phần phụ bằng chữ Pháp. Toà soạn: số 65 phố Tràng Thi, sau chuyển đến số 293 phố Tây Sơn, số 32 phố Nguyễn Chí Thanh.

PHÁP VIỆN BÁO, xuất bản hằng tháng, bằng hai thứ chữ Việt và Pháp. Số 1 ra tháng 5.1931, số cuối cùng: số 4-6, ra gộp 2 tháng 10 và tháng 12.1932, thì đình bản. Toà soạn: số 3 phố Hàng Gai.

PHÁP VIỆT, báo hằng tuần. Số 1, ngày 7.4.1939, ra đến số đặc biệt ngày 1.10.1939 thì ngừng. Đến năm 1964 tái bản là "báo văn chương và chính trị", số ra mắt ngày 20.6.1964, đến ngày 18.3.1941, đánh lại số 1 với tiêu đề là "tuần báo văn chương, phụ nữ, thanh niên, chính trị, xã hội" ra tiếp đến năm 1945 thì đình bản. Toà soạn: số 216 phố Khâm Thiên, sau đến 141 Soeur Antoine (Tôn Đức Thắng), rồi số 194 phố Hàng Bông.

PHÁP VIỆT, báo trào phúng xã hội. Chỉ ra được 2 số. Số ra mắt, ngày 9.3.1940; số 1, ra ngày 20.3.1940 thì đình bản. Toà soạn: số 106 phố Hàng Bông Nhuộm.

PHÁP VIỆT CÔNG BÁO, tuần báo bằng hai thứ chữ Hán và Việt. Xuất bản năm 1930.

PHÁP VIỆT TẠP CHÍ, xuất bản tháng hai kì. Nội dung dịch của sách báo Pháp bằng hai thứ chữ Pháp - Việt. Số 1, ra ngày 1.6.1929, ra đến năm 1936 thì đình bản.

PHÁT HÀNH PHIM VÀ CHIẾU BÓNG, nội san của Quốc doanh phát hành phim và chiếu bóng Trung ương. Năm thứ nhất: 1969.

PHÁT HÀNH SÁCH, nội san của Quốc doanh phát hành sách Trung ương. Năm thứ nhất: 1970.

PHIM MỚI, tạp chí giới thiệu nội dung phim mới trong tháng, do chi nhánh phát hành phim Hà Nội xuất bản. Năm thứ nhất: 1958. Ra hằng tháng. Từ năm 1959, đổi tên là *Màn ảnh Hà Nội* do Phòng chiếu bóng, sau là Quốc doanh chiếu bóng, rồi Công ti chiếu bóng, trực thuộc Sở Văn hoá xuất bản. Đến năm 1988 đổi tên là *Màn ảnh sân khấu Hà Nội* (MASK) (xem thêm mục này).

PHONG HOÁ TUẦN BÁO, báo ra hằng tuần, số 1, ra ngày 16.6.1932. Đình bản 3 tháng (tháng 3 đến tháng 6.1935). Số cuối cùng: 190, ra ngày 5.6.1936 thì đình bản. Toà soạn: số 1 phố Carnot (Phan Đình Phùng), sau đến số 80 phố Quán Thánh.

PHOTO COMMERCE, tập san ra hằng tháng của nhà ảnh Hương Ký. Năm thứ nhất: 1924, ra đến số 23, năm 1926 thì đình bản.

PHỔ THÔNG, báo hằng ngày. Số 1 ngày 1.7.1930, ra đến số 182, ngày 8.2.1932. Toà soạn: 1A Henri d' Orléans (Phùng Hưng).

PHỔ THÔNG, cơ quan văn hoá của Hội ái hữu cựu sinh viên Trường Luật. Ra hằng tháng. Số đầu tiên: gộp 2 số 1-2, ra tháng 9 tháng10.1951, ra đến số 27-28, tháng 7 tháng 8.1954. Toà soạn: số 59B phố Cửa Nam.

PHỔ THÔNG BÁN NGUYỆT SAN, tạp chí *Văn nghệ*, mỗi số in trọn một tác phẩm. Năm thứ nhất, số 1 ngày 1.12.1936. Lúc đầu ra chưa đều, từ 16.2.1939 (số 29) ra đều tháng 2 số; tháng 7.1943 ra thêm loại *Phổ thông chuyên san* rồi lại thống nhất vào một loại. Đến năm 1945 ngừng lại.

THỜI KÌ HÀ NỘI BỊ TẠM CHIẾM, tạp chí tiếp tục. Số 1, lớp mới, ra hằng tháng, tháng 1.1950, ra đến số 5, tháng 5.1950 thì ngừng hẳn. Toà soạn: số 93 phố Hàng Bông. (Số 1, lớp cũ: in *Tắt lửa lòng* của Nguyễn Công Hoan. Số 1, lớp mới in *Thư cho người mất tích* của Vũ Bằng).

PHỔ THÔNG Y DƯỢC NGUYỆT SAN, ra hằng tháng. Số 1, ra ngày 1.12.1948, ra đến số 7, ngày 1.6.1949 thì đình bản.

PHỤ KHOA, nội san của Tổng hội Y dược học Việt Nam. Năm thứ nhất: 1964. Sau đổi tên là *Sản phụ khoa*, tài liệu nghiên cứu của Hội Sản phụ khoa, thuộc Tổng hội Y học Việt Nam. Năm thứ nhất: 1974.

PHỤ NỮ, báo ra không định kì. Số 1, ra ngày 16.2.1938, sau hai lần tạm ngừng, số cuối cùng, ra tháng 4.1939 thì đình bản. Toà soạn: số 7 phố Hội Vũ.

PHỤ NỮ DIỄN ĐÀN, tạp chí nghị luận, văn chương, xã hội. Chỉ ra được ba số. Số 1, ra ngày 7.5.1949, số 3, ra ngày 28.5.1949 thì đình bản.

PHỤ NỮ QUÂN ĐỘI, tạp chí thông tin của Ban Phụ nữ quân đội, thuộc Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm thứ nhất: 1994. Toà soạn: số 38A phố Lý Nam Đế.

PHỤ NỮ TẠP CHÍ, số đầu ra ngày 9.4.1939. Toà soạn: 5 đường 109 (Tao Đàn).

PHỤ NỮ THỜI ĐÀM, báo lúc đầu ra hằng tháng, sau ra hằng tuần. Số 1, ra ngày 8.12.1930. Đến số 26, ngày 5.6.1934, ngừng xuất bản. Tục bản tuần báo, số 1, ngày 26.8.1938, số cuối cùng, ra tháng 12.1938 thì đình bản. Toà soạn: 11-13 phố sông Tô Lịch (Hàng Lược), sau chuyển đến số 59 phố Hà Trung.

PHỤ NỮ THỦ ĐÔ, báo của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội. Tiền thân là Bản tin *Phụ nữ Thủ đô*, ra số 1, ra ngày 19.8.1986. Tháng 7.1987 được phép chính thức ra báo. Lúc đầu tháng ra hai kì, sau ra báo tuần vào ngày thứ tư; cuối tháng có đặc san *Phụ nữ Thủ đô*. Một thời gian ngắn đổi tên là *Phụ nữ Hà Nội*, sau lấy lại tên cũ. Toà soạn: số 72 phố Quán Sứ.

PHỤ NỮ VIỆT NAM, báo của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Lúc đầu xuất bản ở Việt Bắc, số 1 ra ngày 8.3.1948. Hoà bình lập lại về Hà Nội. Năm thứ nhất: 1955. Phát hành thứ hai hằng tuần. Các phụ san:

PHỤ NỮ VIỆT NAM - Loại nông thôn, từ năm 1959-1965.

ĐẶC SAN PHỤ NỮ VIỆT NAM, tháng ra hai kì.

ĐỐI NGOẠI.

HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH, lúc đầu ra hằng tháng, sau ra tháng hai kì (ngày 13 và ngày 30), sau ra hằng tuần.

THẾ GIỚI PHỤ NỮ, báo xuất bản từ 1996, tháng ra ba kì (ngày 10, 20, 30), sau ra hằng tuần. Toà soạn: số 47 phố Hàng Chuối.

PHƯƠNG TIỆN, tập san của Hội Phật giáo Việt Nam, ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1951. Có phụ trương *Tin tức Phật giáo*. Toà soạn: số 73 phố Quán Sứ.

POUR LA JEUNESSE, tạp chí *Giáo dục trung và cao đẳng* bằng chữ Pháp. Tháng ra hai kì, sau ra ba kì. Số 1, ra ngày 1.9.1934; số cuối cùng, ra tháng 11.1936. Toà soạn: số 25 phố Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Tố), sau chuyển đến số 24 phố Phạm Phú Thứ (Nguyễn Quang Bích).

POUR LA JEUNESSE SCOLAIRE, tuần báo giáo dục bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 29.8.1937; số cuối cùng 142 ra ngày 4.8.1949. Sau ra thêm bộ sách Le Livre du petit. Toà soạn: số 57 phố Phúc Kiến (hiện nay là phố Lãn Ông).

POUR LE C.E.P.F.I, tạp chí *Luyện thi lấy bằng cao đẳng tiểu học,* bằng chữ Pháp. Ra hằng tuần. Số 1, ra ngày 3.9.1936. Số cuối cùng 47, ra tháng 8.1937 thì đình bản. Toà soạn: số 34 phố Tiền Quân Thành (hiện nay là phố Nguyễn Khắc Nhu).

PRÉPARATION (LA) AU C.E.P.F.I, tạp chí *Luyện thi bằng cao đẳng tiểu học*. Tạp chí ra hằng tuần. Số 1, tháng 11.1937; cuối cùng là số 10, ra ngày 13.1.1938 thì đình bản. Toà soạn: số 55 phố Huế.

PROGRÈS (LE) SOCIAL, báo *Chính trị* ra hằng tuần, bằng chữ Pháp. Số 1 ra ngày 15.9.1937, ra đến số 4, tháng 10.1937 thì đình bản.

QUAN ÂM TẠP CHÍ, tạp chí ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 10.1938, đến số 34, ra tháng 1.1943 tạm ngừng. Tháng 2.1944 xuất bản tiếp. Toà soạn: số 80 phố Madarine (nay là phố Lê Duẩn), đằng sau chùa Châu Long, rồi đến 12 phố Sinh Từ, số 3 phố Thanh Miến.

QUAN HỆ QUỐC TẾ, cơ quan ngôn luận của Bộ Ngoại giao. Lúc đầu là tạp chí xuất bản hằng tháng. Sau đổi tên là *Quốc tế* ra hằng tuần. Số 1 - bộ mới, ra ngày 14.1.1993. Các phụ san: *Thế giới* ra hằng tuần, *Quốc tế thị trường và tiêu dùng* ra hằng tháng. Toà soạn: số 1 phố Tôn Thất Đàm, sau chuyển đến số 6 phố Chu Văn An.

QUẢN LÍ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, tạp chí của Ban Chính sách và Quản lí, thuộc Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Hai tháng ra một kì.

QUẢN LÍ LAO ĐỘNG, tạp chí của Bộ Lao động. Hai tháng ra môt kì. Số 1 tháng 2.1968.

QUẢN LÍ NHÀ NƯỚC, tạp chí của Học viện Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Lúc đầu ra ba tháng một kì, sau hai tháng ra một kì rồi một tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 3.1993. Toà soạn: Nguyễn Chí Thanh.

QUẢN LÍ VĂN VẬT, chuyên san của Vụ Bảo tồn - Bảo tàng, Bộ Văn hoá. Năm thứ nhất: 1969.

Quảng cáo tuần báo, báo ra bằng hai thứ chữ Việt và Pháp. Số 1, ra ngày 11.11.1939. Tòa soạn: số 7 phố Nhà Chung.

QUẢNG ĐẠT BÁO, báo về kĩ nghệ, thương mại và các việc tổng quát. Số 1, ngày 28.1.1927; ra đến số 5, ra ngày 16.4.1927 thì đình bản. Tòa soạn: số 36 phố Hàng Bông.

QUAY SÚNG, báo địch vận lính Ngụy trong thời kì Kháng chiến chống Pháp ở Hà Nội bị tạm chiếm.

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, cơ quan ngôn luận của Đảng uỷ quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng. Tiền thân là báo *Vệ quốc quân* và báo *Quân du kích,* ra đời từ năm 1947-1948 ở Việt Bắc, sau hợp nhất lại. Lúc đầu báo ra hằng tuần, số 1, ngày 20.10.1950. Từ ngày 19.8.1954, báo ra mỗi tuần hai kì, rồi ra ba kì. Sau ra giải phóng Thủ đô, toà soạn về Hà Nội. Từ ngày 19.5.1965, báo ra hằng ngày. Nay có thêm các phụ san:

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN CUỐI TUẦN, phát hành ngày thứ tư. Lúc đầu là *Quân đội nhân dân thứ bảy*, số 1 ra ngày 7.7.1990. Từ năm 1996 đổi tên là *Quân đội nhân dân cuối tuần*.

NGUYỆT SAN SỰ KIỆN VÀ NHÂN CHỨNG, ra ngày 10 hằng tháng.

BÁO ĐIỆN TỬ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN lên mạng từ ngày 20.12.2002. Toà soạn: số 7 phố Phan Đình Phùng.

QUÂN ĐỘI XÂY DỰNG KINH TẾ, tạp chí của Tổng cục Xây dựng kinh tế Quân đội nhân dân Việt Nam. Hai tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 10.1977.

QUÂN THỦ ĐÔ, báo của Ban chỉ huy Mặt trận Hà Nội năm 1946.

QUÊ HƯƠNG, báo ra hằng tuần về văn chương - xã hội. Xuất bản đầu năm 1954, có lúc ra hằng ngày, rồi lại trở về tuần một kì. Số 1, ra ngày 17.4.1950, ra đến số 76, ngày 9.7.1954 thì đình bản. Ra thêm phụ san *Trẻ Việt*. Toà soạn: số 69 phố Hàng Bông Nhuộm. Sau chuyển đến số 10 phố Hàng Bông Nhuộm.

QUÊ HƯƠNG, báo của Uỷ ban về người Việt Nam ở nước ngoài, ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 1.1993 - Xuân Quý Dậu. Đã hoà mạng Internet. Toà soạn: số 32 phố Bà Triệu.

QUỐC GIA, tuần báo. Số ra mắt, ra ngày 29.8.1938. Số 1, ngày 9.9.1938. Ra đến số 4 ngừng lại. Tái bản ngày 23.12.1938, đánh lại số 1, đến số 15, ngày 5.4.1939 lại ngừng. Sau đổi tên *Quốc gia nhật báo,* số 1, ra tháng 5.1939, sau chuyển ra báo tuần, lấy lại tên cũ *Quốc gia*, xuất bản tiếp 5 số nữa; số 1, ra ngày 24.11.1940, số cuối cùng, số 5, tháng 12.1940 thì đình bản. Toà soạn: số 4 phố Hilleret (Ngõ Nguyễn Hữu Huân), sau chuyển đến số 67 phố Neyret (Cửa Nam) thì đình bản.

QUỐC GIA, tuần báo. Số 1, ra ngày 17.2.1949, ra đến số 17, ngày 21.6.1949 thì đình bản.

QUỐC HỘI, báo hằng ngày tuyên truyền, vận động tổng tuyển cử bầu Quốc hội

đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Ra hằng ngày, từ tháng 11.1945 đến 6.1.1946.

QUỐC TẾ (xem *Quan hệ quốc tế).*

QUY HOẠCH XÂY DỰNG, tạp chí chuyên ngành Viện Quy hoạch đô thị - Nông thôn, Bộ Xây dựng. Năm thứ nhất, số 1, ra ngày 17.1.2003.

RẠNG ĐÔNG, báo tuần. Số 1, ra ngày 8.7.1933. Tháng 10.1933 ra tuần hai kì rồi tạm ngừng, ra tiếp số cuối ngày 26.5.1934 thì đình bản. Toà soạn: số 37 phố Hàng Quạt, sau chuyển đến số 4 phố Hàng Mắm.

RASSEMBLEMENT, báo của Đảng Cộng sản Đông Dương trong thời kì Mặt trận Dân chủ (1937-1939) thì đình bản. Ra số đầu, ngày 16.3.1937, chỉ ra được 5 số, đến tháng 5.1937 thì đình bản. Toà soạn: số 30 phố Richaud (nay là phố Quán Sứ).

RÈN LUYỆN, nội san của Nha Công an Việt Nam (sau là Bộ Công an) ra đời tháng 2.1948 ở Việt Bắc. Tiền thân của báo *Công an nhân dân* (xem mục này).

RÉPERTOIRE LÉGISLATIF INDOCHINOIS, tạp chí bằng chữ Pháp, xuất bản hằng tháng. Số 1, ra tháng 1.1929, ra đến số 7, tháng 7.1939. Toà soạn: số 46 phố Route Mandarine (Lê Duẩn).

RÉPUBLIQUE (LA), báo của Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam, bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 7.10.1945, ra đến số 22, ngày 3.3.1946 đổi tên là *Le peuple* (xem mục này). Toà soạn: Nhà văn hoá cứu quốc phố Hàng Trống (Nhà Khai trí tiến đức cũ).

REPUBLIC (THE) REVIEW, báo của Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam, bằng chữ Anh. Xuất bản năm 1945-1946.

REVUE DE DROIT VIETNAMIEN, tạp chí của Hội Luật gia Việt Nam, bằng hai thứ chữ Pháp và Anh.

REVUE HEBDOMADAIRE POUR L'ENSEIGNEMENT PRIMAIRE, báo *Giáo dục sơ học,* ra hằng tuần. Lúc đầu bằng chữ Pháp, sau in bằng hai thứ chữ Việt và Pháp có tên Việt là *Sơ học tuần báo*. Số 1, ngày 29.11.1930; số cuối cùng 57, ra ngày 22.5.1932. Toà soạn: số 8 phố Tien Tsin (Hàng Gà).

SÁCH VÀ ĐỜI SỐNG, tạp chí của Hiệp hội xuất bản - in - phát hành. Xuất bản năm 2004.

SALUT PUBLIC, tuần báo bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 11.3.1939, số cuối cùng số 71, ngày 10.10.1940. Toà soạn: ở cả Sài Gòn và Hà Nội: số 128 phố A.Rousseau (Lò Đúc).

SẢN PHỤ KHOA (xem *Phụ khoa).*

SÁNG TÁC HÀ NỘI, cơ quan của Hội Văn nghệ Hà Nội, hai tháng ra một kì từ 1967 đến năm 1984, tiền thân của báo *Người Hà Nội.* Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu.

SÁNG TÁC MĨ THUẬT (xem *Mĩ thuật thời nay).*

SÁNG TẠO, báo *Điện ảnh, Sân khấu* ra tháng hai kì. Số 1, ra ngày 5.11.1956, chỉ ra được vài số thì đình bản. Toà soạn: số 4 ngõ Bà Triệu.

SÁNG TẠO (xem *Doanh nghiệp*).

SAO VÀNG, BÁO CỦA CHÍNH TRỊ CỤC, Quân sự uỷ viên hội. Ra hằng tuần. Số 1, ngày 30.5.1946, số cuối cùng 30, ra ngày 17.12.1946 thì đình bản. Toà soạn: số 28 phố Triệu Quang Phục (Hàng Bài).

SÂN KHẤU, tạp chí của các nghệ sĩ sân khấu. Số 1, ra ngày 20.11.1946. Toà soạn: số 55 phố Tô Hiệu (nay là phố Tô Hiến Thành).

SÂN KHẤU, tạp chí của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Lúc đầu xuất bản hai tháng một kì. Số 1, ra tháng 6.1976. Từ tháng 5.1981 ra hằng tháng. Toà soạn: số 51 phố Trần Hưng Đạo.

SHIPPING TIMES (Phụ san của báo *Đầu tư)* (xem mục này).

SINH HOẠT VĂN HOÁ, tạp chí hướng dẫn nghiệp vụ của Vụ Văn hoá quần chúng, Bộ Văn hoá. Ra mỗi tháng hai kì. Số 1, ra tháng 6.1956.

SINH LÍ HỌC, chuyên san của Tổng hội Y học Việt Nam, ra bộ mới. Số 1, ra tháng 1.1974. Là tài liệu nghiên cứu của Hội Sinh lí học, Tổng hội Y học Việt Nam.

SINH LỰC, tuần báo thanh niên và thể thao. Số 1, ra ngày 13.8.1952. Toà soạn: số 16 phố Tôn Thất Thuyết (nay là phố Trần Phú).

SINH VẬT HỌC, tập san thông tin của Uỷ ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. Lúc đầu là tập san *Sinh vật địa học*. Ra đời năm 1963 của Viện Khoa học Việt Nam. Năm 1974, đổi tên là *Sinh vật học*.

SINH VIÊN, tạp chí *Đại học và giáo dục chuyên nghiệp* (xem mục này) số 1 ra tháng 1.1996.

SINH VIÊN VIỆT NAM, tạp chí của Trung ương Hội Sinh viên Việt Nam. Xuất bản từ năm 1956-1960. Lúc đầu xuất bản tháng hai kì. Từ 1991, mỗi tháng có một số *Chuyên đề sinh viên* của báo *Hoa học trò* (xem thêm mục này). Tháng 10.1998 ra loại mới số 1, ngày 6.10.1998, xuất bản hằng tuần vào ngày thứ ba, chuyển tờ *Hoa học trò* thành tuần san của báo *Sinh viên Việt Nam*. Ngày 22.10.2003 ra bộ mới, số 1, xuất bản hằng tuần. Mỗi tháng ra 2 số chuyên đề. Toà soạn: số 5 phố Hoà Mã.

SỔ TAY CÔNG TÁC VĂN HOÁ THÔNG TIN, tài liệu hướng dẫn công tác, nghiệp vụ của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội. Lúc đầu ra hai tháng một kì, sau ba tháng một kì và đổi tên là *Văn hoá thông tin*. Số 1 ra tháng 4.1979. Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu, sau chuyển đến số 93 phố Đinh Tiên Hoàng.

SỔ TAY GIẢNG VIÊN (xem *Giảng viên).*

SỔ TAY TUYÊN TRUYỀN, tạp chí của Vụ Tuyên truyền, Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1979. Sau đổi tên là tạp chí *Tuyên truyền*, rồi *Thông tin công tác tư tưởng*. Từ năm 1991 đổi thành tạp chí *Công tác tư tưởng và văn hoá*, số 1 ra ngày 14.8.1991 (xem thêm mục này). Toà soạn: số 10 phố Nguyễn Cảnh Chân.

SÔNG HỒNG, "Thủ đô nhật báo - xuất bản 5 giờ sáng". Kế tục tờ *Giang sơn*. Số 1 ra ngày 14.8.1954, thì ngừng. Sau Ngày giải phóng Thủ đô ra tiếp tục. Đến tháng

7.1955 đổi tên là *Hà Nội hằng ngày* (xem thêm mục này). Toà soạn: số 28 phố Lý Thái Tổ.

SỐNG, cơ quan của Việt Nam Công giáo cứu quốc hội, trong Mặt trận Việt Minh. Xuất bản năm 1945-1946. Toà soạn: số 25 phố Lý Quốc Sư.

SƠ HỌC TUẦN BÁO (xem *Revue Hebdomadaire pour l' Enseignement primaire).*

SỰ KIỆN VÀ NHÂN CHỨNG, đặc san của báo *Quân đội nhân dân* (xem thêm mục này). Lúc đầu xuất bản không định kì vào dịp kỉ niệm các ngày lịch sử của đất nước và quân đội. Xuất bản năm 1994. Sau ra đều kì hằng tháng. Toà soạn: số 7 phố Phan Đình Phùng.

SỰ THẬT, tiền thân là báo *Cờ giải phóng*, báo tuyên truyền, cổ động của "Hội những người nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương". Số đầu tiên ra ngày 5.12.1945 tại Hà Nội. Báo hoạt động đến tháng 12.1946, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ thì chuyển lên Việt Bắc tiếp tục cho đến tháng 12.1950. Chỉ đạo biên tập: Trường Chinh. Toà soạn: số 65 phố Hàng Đào, sau đến số 24 phố Phan Chu Trinh (nay là phố Hàng Đẫy hay phố Nguyễn Thái Học).

SỨC KHOẺ, báo truyền bá vệ sinh và tân y học của Tổng hội Sinh viên Việt Nam. Xuất bản năm 1946.

SỨC KHOẺ, báo của Bộ Y tế. Số 1, ra tháng 10.1951.

SỨC KHOẺ VÀ ĐỜI SỐNG, báo của Bộ Y tế. Diễn đàn vì sự nghiệp bảo vệ sức khoẻ toàn dân. Tiền thân là báo *Sức khoẻ*, hướng dẫn bảo vệ sức khoẻ. Tháng ra hai kì. Xuất bản từ năm 1962. Từ tháng 10.1991 đổi tên là báo *Sức khoẻ và đời sống*, ra bộ mới, hằng tuần ra hai kì vào ngày thứ tư, thứ bảy. Phụ san: *Sức khoẻ và đời sống* bán nguyệt san, tháng ra hai kì. *Sức khoẻ và đời sống* chuyên đề, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 4.1996. Toà soạn: số 138A phố Giảng Võ.

SYNDICATS VIETNAMIENS, tạp chí bằng chữ Pháp của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. Hai tháng ra một kì. Toà soạn: số 82 phố Trần Hưng Đạo.

TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG, báo của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuần báo ra ngày thứ năm. Số ra mắt ngày 13.1.2005. Số 1 + 2 + 3 là số tết ất Dậu 2005. Toà soạn: số 79A phố Nguyễn Chí Thanh.

TAM KÌ TẠP CHÍ, tuần báo văn học, khoa học, nghệ thuật. Số 1, ra ngày 1.1.1931, ra đến số 49, ngày 10.12.1931 thì đình bản. Toà soạn: số 115 phố Hàng Bông.

TAM TAM (LE), tuần báo bằng chữ Pháp. Số 1, ra ngày 13.5.1933. Số cuối: ra 6, ngày 1.7.1933 thì đình bản. Toà soạn: số 23 phố Francis Garnier (nay là phố Đinh Tiên Hoàng).

TAO ĐÀN, tạp chí *Văn học*. Tháng ra hai kì, số 1, ra ngày 1.3.1939, ra đến số 13, ngày 16.10.1939 thì đình bản. Hằng tháng ra một số đặc biệt về một nhà văn. Số đặc biệt đầu tiên ra ngày 1.7.1939 về Tản Đà, số 2 ra tháng 12.1939 về Vũ Trọng Phụng. Toà soạn: số 93 phố Hàng Bông.

TAO ĐÀN TẠP CHÍ, chỉ ra được 3 số. Xuất bản năm 1946.

TÁC PHẨM MỚI, tạp chí sáng tác, lí luận, phê bình của Hội Nhà văn Việt Nam. Tạp chí ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 3.1969. Xuất bản đến 1976 thì tạm ngừng. Đổi tên là *Tác phẩm văn học*, số 1 ra năm 1987, đến tháng 10.1989, trở lại tên cũ *Tác phẩm mới*, từ tháng 4.2000 đổi tên là tạp chí *Nhà văn*. Toà soạn: số 65 phố Nguyễn Du.

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP, tạp chí của Cục tài chính doanh nghiệp, Bộ Tài chính. Xuất bản hằng tháng, năm thứ nhất 2001. Tổng biên tập: Phạm Đình Soạn. Toà soạn: số 4 ngõ 1 Hàng Chuối.

TÀI CHÍNH THỊ TRƯỜNG, bản tin ra hằng ngày của báo *Thời báo tài chính Việt Nam* (xem mục này).

TÀI HOA TRẺ, xuất bản tháng hai kì. Số 1 ra tháng 4.1996, số chuyên đề của báo *Giáo dục và thời đại* (xem thêm mục này).

TẠP CHÍ BẢO HIỂM, cơ quan Tổng công ti Bảo hiểm Việt nam, xuất bản tháng 3 kì, năm thứ nhất: 1989. Toà soạn: số 37 phố Hai Bà Trưng.

TẠP CHÍ BẢO VỆ THỰC VẬT, cơ quan của Bộ Nông nghiệp. Xuất bản hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1971. Toà soạn: số 189B phố Tây Sơn.

TẠP CHÍ CÁC KHOA HỌC VỀ TRÁI ĐẤT, tạp chí của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Tạp chí ba tháng ra một kì. Số 1 ra tháng 3.1990. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ CÁC RỐI LOẠN THIẾU HỤT IỐT, tạp chí thông tin, huấn luyện nghiên cứu khoa học phục vụ chương trình quốc gia thanh toán bệnh bướu cổ và đần độn của Bộ Y tế. Tạp chí ra ba tháng một kì. Xuất bản từ năm 1991. Toà soạn: Bệnh viện Nội tiết phố Thái Thịnh.

TẠP CHÍ CẦU ĐƯỜNG VIỆT NAM, tạp chí của Hội Khoa học - Kĩ thuật cầu đường Việt Nam, ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 1997. Toà soạn: số 80 phố Trần Hưng Đạo, sau chuyển đến số 91 phố Trần Quốc Toản.

TẠP CHÍ CHÂM CỨU VIỆT NAM, tạp chí của Viện Châm cứu thuộc Bộ Y tế và Hội Châm cứu của Tổng hội Y dược học Việt Nam. Tạp chí ra ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1991. Toà soạn: số 49 phố Thái Thịnh.

TẠP CHÍ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM, tạp chí của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, ra hằng tháng. Xuất bản từ năm: 1997. Toà soạn: số 166 phố Trần Quang Khải.

TẠP CHÍ CÔNG AN NHÂN DÂN, cơ quan của Bộ Công an, xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 11975. Toà soạn: số 112 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ CÔNG NGHIỆP MỎ, tạp chí của Hội Khoa học - Kĩ thuật mỏ. Xuất bản từ năm: 1987, 2 tháng 1 kì. Toà soạn: số 54 phố Hai Bà Trưng, số 30B phố Đoàn Thị Điểm.

TẠP CHÍ CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HOÁ, tạp chí của Ban Tư tưởng-Văn hoá Trung ương Đảng, nay đổi là *Tạp chí tư tưởng văn hoá*. Tạp chí ra hằng tháng.

Số 1 ra tháng 8.1991 (xem thêm *Sổ tay tuyên truyền*). Toà soạn: số 49 phố Phan Đình Phùng.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN, tạp chí lí luận của Đảng Cộng sản Đông Dương. Tiền thân la *Tạp chí đỏ*. Xuất bản năm 1931. Số 1 ra ngày 1.2.1931, sau khi đồng chí Trần Phú, tổng bí thư bị bắt, tạp chí ngừng xuất bản.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN, tạp chí lí luận của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1941, số 1 ra ngày 23.9. Năm 1943 ra được hai số, số 1 ngày 28.2; số 2, ra ngày 24.9.1943. In litô. Tổng biên tập: Trường Chinh.

TẠP CHÍ CỘNG SẢN, tạp chí lí luận và chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tiền thân là tạp chí *Học tập* (xem thêm mục này). Xuất bản từ tháng 12.1955. Đến năm 1997 đổi tên là *Tạp chí cộng sản*. Tháng ra một kì, sau mỗi tháng hai kì. Toà soạn: số 1 phố Nguyễn Thượng Hiền, sau là chuyển đến số 52 phố Nguyễn Chí Thanh.

TẠP CHÍ CƠ HỌC, tạp chí của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Ba tháng ra một kì. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ DÂN VẬN, tạp chí của Ban Dân vận Trung ương Đảng, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 2.1995. Tiền thân là tờ *Thông tin công tác quần chúng*, ra ba tháng ra một kì. Số 1 ra tháng 3.1987, ra đến số 32, tháng 12.1994, đổi tên là *Tạp chí dân vận*. Toà soạn: số 105B phố Quán Thánh.

TẠP CHÍ DẦU KHÍ, tạp chí của Tổng công ti Dầu mỏ và Khí đốt Việt Nam. Ba tháng ra một kì. Xuất bản từ năm 1986. Toà soạn: 80 Nguyễn Du, chuyển đến số 4 phố Nguyễn Chí Thanh.

TẠP CHÍ ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP, tạp chí của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 11.1968. Tiền thân tập san *Đại học và Trung học chuyên nghiệp* ra tháng 1.1968. Từ năm 1973 là tạp chí *Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp*, cơ quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thêm mục này). Toà soạn: số 14 phố Lê Thánh Tông, sau chuyển đến số 49 phố Đại Cồ Việt.

TẠP CHÍ ĐĂNG KIỂM, tạp chí của Cục đăng kiểm Bộ Giao thông vận tải, Hai tháng ra một kì. Từ tháng 7.2003 ra hằng tháng. Xuất bản năm 1993. Toà soạn: số 1C phố Kim Ngưu, sau chuyển đến số 18 phố Phạm Hùng.

TẠP CHÍ ĐỊA CHẤT, tạp chí của Tổng cục Địa chất, sau là Cục địa chất và Khoáng sản - Bộ Tài nguyên và Môi trường. Số 1, ra tháng 3.1961. Lúc đầu là tập san và nội san, ra hai tháng một kì, sau ra hằng tháng. Toà soạn: số 6 phố Phạm Ngũ Lão.

TẠP CHÍ ĐỊA CHÍNH, tạp chí của Tổng cục Địa chính. Toà soạn: số 79 phố Nguyễn Chí Thanh. Đến năm 2003 chuyển thành tạp chí *Tài nguyên và Môi trường*. Toà soạn: đường Hoàng Quốc Việt.

TẠP CHÍ ĐIỆN LỰC, tạp chí của Tổng công ti Điện lực Việt Nam. Ra hằng tháng. Toà soạn: số 13 phố ngõ Yên Thế

TẠP CHÍ ĐỎ, tạp chí của Đảng Cộng sản Việt Nam. Người sáng lập: Trần Phú. Số 1, ra ngày 5.8.1930. Ra không định kì. Đến tháng 10.1930 ra tiếp đổi tên là *Tạp chí cộng sản*. Đánh máy giấy sáp.

TẠP CHÍ GIA ĐÌNH, cơ quan của Hội Kế hoạch hoá gia đình. Xuất bản 4 kì một tháng, năm thứ nhất: 1995. Toà soạn 19 Triệu Việt Vương, *Tạp chí Gia Đình và Trẻ Em*, cơ quan của Uỷ ban Dân số gia đình và trẻ em. Xuất bản tháng 2 kì. Năm thứ nhất: 1981. Toà soạn: số 35 phố Trần Phú.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC, tạp chí của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Xuất bản từ năm 1969, tháng ra hai kì. Toà soạn: số 4 phố Trịnh Hoài Đức.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC LÍ LUẬN, tạp chí của Phân viện Hà Nội - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ra ba tháng một kì. Số 1 ra tháng 9.1994. Toà soạn: Thanh Xuân Bắc.

TẠP CHÍ GIÁO DỤC MẦM NON, tạp chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xuất bản từ năm 1983, hai tháng một kì. Toà soạn: số 4 phố Trịnh Hoài Đức.

TẠP CHÍ HÁN NÔM, tạp chí của Viện Hán - Nôm, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ba tháng ra một kì. Xuất bản từ năm 1987. Toà soạn: số 26 phố Lý Thường Kiệt, sau chuyển đến số 99B phố Đặng Tiến Đông, rồi số 183 cùng phố.

TẠP CHÍ HOÁ HỌC, tiền thân là tập san *Hoá học*, số đầu tiên ra năm 1962. Đến năm 1978 thành tạp chí của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, tạp chí của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Tạp chí ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 9.1991. Tòa soạn: số 39 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ TRỌNG TÀI KINH TẾ, tạp chí của Hội Luật gia Việt Nam. Xuất bản từ năm 1986. Sau đổi tên là tạp chí *Kinh doanh và pháp luật* (xem thêm mục này).

TẠP CHÍ KHOA HỌC, chuyên san khoa học xã hội của Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Xuất bản từ năm 1986. Toà soạn: số 90 phố Nguyễn Trãi, sau đến số 144 đường Xuân Thuỷ.

TẠP CHÍ KẾ TOÁN, cơ quan của Hội Kế toán Việt Nam, xuất bản 2 tháng 1 kì. Năm thứ nhất 1996. Toà soan: số 192 đường Giải Phóng

TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐÀO TẠO NGÂN HÀNG, tạp chí của Viện Nghiên cứu khoa học ngân hàng - Học viện Ngân hàng. Ra hằng tháng. Toà soạn: số 12 phố Chùa Bộc.

TẠP CHÍ KHOA HỌC KĨ THUẬT THÚ Y, cơ quan của Hội Thú y Việt Nam, Xuất bản 3 tháng một kì. Năm thứ nhất, 1994. Toà soạn: số 86 phố Trường Chinh.

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, tạp chí của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Hai tháng ra một kì. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NHIỆT, cơ quan của Hội Khoa học

công nghệ nhiệt. Xuất bản 2 tháng một kì. Năm thứ nhất 1995. Toà soạn: số 149 phố đội Cấn.

TẠP CHÍ KIỂM TRA, tạp chí của Uỷ ban kiểm tra Trung ương Đảng. Số 1, tháng 9.1995. Ra hằng tháng. Toà soạn: số 4 ngõ Nguyễn Cảnh Chân.

TẠP CHÍ LỊCH SỬ ĐẢNG, tạp chí của Viện Lịch sử Đảng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 1983. Toà soạn: đường Nguyễn Phong Sắc, sau chuyển đến số 56B phố Quốc Tử Giám.

TẠP CHÍ LỊCH SỬ QUÂN SỰ (xem *Nghiên cứu lịch sử quân sự*).

TẠP CHÍ LUẬT HỌC, tạp chí của Trường đại học Luật Hà Nội. Hai tháng ra một kì. Số 1 ra tháng 12.1994. Toà soạn: số 6 phố Nguyễn Chí Thanh.

TẠP CHÍ LƯU TRỮ VIỆT NAM, tạp chí của Cục Lưu trữ Nhà nước. Ba tháng ra một kì. Nguyên là nội san xuất bản từ năm 1969. Toà soạn:phố Linh Lang.

TẠP CHÍ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, tạp chí của Học viện Chính trị Hồ Chí Minh. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 2001. Toà soạn: số 56B phố Quốc Tử Giám.

TẠP CHÍ MẶT TRẬN, cơ quan của Uỷ ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam. Xuất bản mỗi tháng 1 kì. Năm thứ nhất: 2003. Toà soạn: số 46 phố Tràng Thi.

TẠP CHÍ NGÀY NAY, tạp chí của Hiệp hội Unesco Việt Nam. Tháng ra hai kì. Năm thứ nhất: 2003. Toà soạn: số 61 phố Hàng Bè, nay là số 38B phố Phạm Hồng Thái.

TẠP CHÍ NGÂN HÀNG, tạp chí của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ra tháng hai kì. Toà soạn: số 12 phố Chùa Bộc.

TẠP CHÍ NGHE NHÌN VIỆT NAM, tạp chí của Liên hiệp các Hội Khoa học - Kĩ thuật Việt Nam. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 2003. Tòa soạn: số 231 phố Tôn Đức Thắng.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC, tạp chí của Phân viện Nghiên cứu Phật học - Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Lúc đầu ra ba tháng một kì, sau ra hai tháng một kì. Xuất bản từ năm 1991. Toà soạn: số 73 phố Quán Sứ.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM, cơ quan của Viện Y học cổ truyền - Bộ Y tế. Xuất bản 3 tháng một kì, năm thứ nhất: 2001. Toà soạn: số 29 phố Nguyễn Bỉnh Khiêm.

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU Y HỌC, cơ quan của Đại học Y Hà Nội. Xuất bản 3 tháng một kì năm thứ nhất: 1996. Toà soạn: số 1 phố Tôn Thất Tùng.

TẠP CHÍ NHÀ VĂN, tạp chí sáng tác, lí luận, phê bình của Hội Nhà văn Việt Nam. Đến tháng 4.2000 đổi tên là tạp chí *Tác phẩm mới*. Toà soạn: số 65 phố Nguyễn Du (xem thêm *Tác phẩm mới*).

TẠP CHÍ PHÁT THANH, tạp chí của Đài Tiếng nói Việt Nam. Hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1994. Toà soạn: số 35 phố Nguyễn Đình Chiểu.

TẠP CHÍ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, tạp chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hai tháng ra một kì. Số 1 ra tháng 2.1995. Toà soạn: số 106 phố Trần Hưng Đạo.

TẠP CHÍ PHÂN TÍCH HOÁ LÍ VÀ SINH HỌC, tạp chí của Hội Khoa học kĩ thuật

phân tích Hoá Lí Sinh học. Xuất bản từ 1995, ba tháng một kì. Toà soạn: số 19 phố Lê Thánh Tông.

TẠP CHÍ QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, tiền thân là *Quân chính tập san*. Từ tháng 8.1957 đổi tên là *Tạp chí Quân đội nhân dân*, ra đến tháng 3.1988. Từ tháng 4.1988 ra số 1 - loại mới, đổi tên là *Tạp chí quốc phòng toàn dân*. Tạp chí lí luận quân sự và chính trị của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng. Địa chỉ: số 61 phố Cửa Đông sau là số 57 phố Cửa Đông.

TẠP CHÍ SÁCH (xem *Xuất bản).*

TẠP CHÍ SINH HỌC, tạp chí của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Xuất bản từ 1979, ba tháng một kì. Toà soạn số 70 phố Trần Hưng đạo

TẠP CHÍ TÀI CHÍNH, tạp chí của Bộ Tài chính. Lúc đầu ba tháng ra một kì, sau hai tháng, rồi mỗi tháng ra một kì. Xuất bản từ năm 1984. Toà soạn: số 8 phố Phan Huy Chú sau là số 7 Lý Thường Kiệt.

TẠP CHÍ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (xem mục *Tạp chí địa chính).*

TẠP CHÍ TEM, tạp chí của Hội Tem Việt Nam. Hai tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 7.1993. Toà soạn: số 18 phố Nguyễn Du.

TẠP CHÍ THAN, tạp chí của Tổng công ti Than Việt Nam. Ra hằng tháng. Tổng biên tập: Đoàn Văn Kiển, Nguyễn Hùng. Toà soạn: số 108 phố Lê Duẩn, rồi số 226 phố Lê Duẩn.

TẠP CHÍ THANH TRA, tạp chí của Thanh tra Nhà nước. Lúc đầu ra không đều kì, sau ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1979. Toà soạn: số 218C phố Đội Cấn.

TẠP CHÍ THỂ THAO, tạp chí của Uỷ ban Thể dục thể thao Việt Nam. Tháng ra hai kì. Xuất bản từ năm 2004. Toà Soạn: số 8 phố Sơn Tây.

TẠP CHÍ THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ, tạp chí của Ban Vật giá Chính phủ. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 1993. Hằng ngày ra *Bản tin thị trường*. Toà soạn: số 3 phố Mai Xuân Thưởng.

TẠP CHÍ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TIỀN TỆ, tạp chí của Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, ra hằng tháng, sau ra tháng hai kì. Xuất bản từ năm 1995. Toà soạn: số 193 phố Bà Triệu.

TẠP CHÍ THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI, tạp chí của Ban Chỉ đạo thông tin đối ngoại. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 2004. Toà soạn: số 18 phố Hùng Vương.

TẠP CHÍ THÔNG TIN VÀ TƯ LIỆU, cơ quan của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường, xuất bản 3 tháng một kì. Năm thứ nhất: 1992. Toà soạn: số 24 phố Lý Thường Kiệt.

TẠP CHÍ THÔNG TIN Y DƯỢC, cơ quan của Bộ Y tế. Xuất bản hằng tháng từ 1969. Toà soạn: số 13-15 phố Lê Thánh Tông.

TẠP CHÍ THỐNG KÊ, tạp chí của Tổng cục Thống kê. Ra không định kì. Số 1 tháng 2.1962, ra đến tháng 12.1994 đổi tên là *Con số và sự kiện* (xem thêm mục này). Toà soạn: số 2 phố Hoàng Văn Thụ.

TẠP CHÍ THUẾ NHÀ NƯỚC, cơ quan của Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính. Xuất bản hàng tháng, năm thứ nhất: 2001. Toà soạn: số 123 phố Lò đúc.

TẠP CHÍ THUỶ LỢI, tạp chí của Bộ Thuỷ lợi. Xuất bản từ năm 1962. Toà soạn: số 164 phố Trần Quang Khải, sau chuyển đến số 21 phố Lò Sũ.

TẠP CHÍ THUỶ SẢN, tạp chí của ngành thuỷ sản. Hai tháng ra một kì. Xuất bản từ năm 1988. Toà soạn: số 57 phố Ngọc Khánh, sau chuyển đến số 10 phố Nguyễn Công Hoan.

TẠP CHÍ TIN HỌC NGÂN HÀNG, tạp chí lúc đầu hai tháng ra một kì, sau ra hằng tháng, rồi tháng ra hai kì (từ tháng 12.1995). Số 1, ra tháng 1.1994. Toà soạn: số 28, 64 phố Nguyễn Chí Thanh.

TẠP CHÍ TIN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG, tạp chí của Hội Tin học Việt Nam, xuất bản hàng tháng. Năm thứ nhất: 1993. Toà soạn: số 25, B17 khu Nam Thành Công.

TẠP CHÍ TOÀ ÁN NHÂN DÂN, tạp chí của Toà án nhân dân tối cao. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 1972. Toà soạn: số 48 phố Lý Thường Kiệt.

TẠP CHÍ TRI THỨC VÀ CÔNG NGHỆ, tạp chí của Hội Khoa học công nghệ Đúc - Luyện kim Việt Nam. Hai tháng ra một kì. Năm thứ nhất: 1993. Toà soạn: số 54 phố Hai Bà Trưng, sau chuyển đến số 80 phố Nguyễn Du.

TẠP CHÍ TRUYỀN THANH - TRUYỀN HÌNH, tạp chí của Uỷ ban Phát thanh và Truyền hình Việt Nam. Ra hằng tháng. Xuất bản từ năm 1986.

TẠP CHÍ VĂN HOÁ - THÔNG TIN CƠ SỞ, tạp chí của Cục Văn hoá - Thông tin cơ sở, Bộ Văn hoá - Thông tin. Ra hằng tháng, sau tháng ra hai kì. Từ tháng 12.2004 đổi tên là *Tạp chí xây dựng đời sống văn hoá*. Xuất bản từ năm 1994. Toà soạn: Vân Hồ 3-69 ngõ 9, số 16 phố Lê Thái Tổ, rồi số số 79 phố Hàng Trống.

TẠP CHÍ VĂN HỌC (xem *Nghiên cứu văn học)*.

TẠP CHÍ XÂY DỰNG, tạp chí của Bộ Xây dựng. Hai tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 9.1961. Toà soạn: số 37 phố Lê Đại Hành.

TẠP CHÍ XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HOÁ (xem mục *Tạp chí Văn hoá Thông tin cơ sở*).

TẠP CHÍ Y HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM, tạp chí của Hội Y học cổ truyền Việt Nam. Tiền thân là tạp chí *Đông y*. Ra hằng tháng (xem thêm *Đông y)*.

TẠP CHÍ Y HỌC QUÂN SỰ, tạp chí của Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần quân đội. Xuất bản từ năm 1957.

TẠP CHÍ Y HỌC THỰC HÀNH, tạp chí của Bộ Y tế. Ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1955. Toà soạn: số 4A phố Lê Thánh Tông.

TÂM LÍ HỌC, tạp chí của Viện Tâm lí học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Lúc đầu ba tháng ra một kì, sau tháng ra một kì. Số 1, ra tháng 9.1996. Toà soạn: H1 - Kim Mã Thượng.

TÂN BÁO, tuần báo. Số 1, ra ngày 25.3.1938, ra đến số 26, tháng 11.1938 thì đình bản. Toà soạn: số 58 phố Hàng Đậu.

TÂN BÁO TUẦN SAN, tạp chí của Hoa kiều, bằng chữ Việt. Tuần báo. Số 1, ra tháng 8.1946, ra đến số 14, tháng 12.1946 thì đình bản. Toà soạn: số 83 phố Hàng Bồ.

TÂN DÂN, tuần báo chính trị, văn hoá, xã hội. Năm 1945, ra được 5 số thì đình bản. Đến năm 1949 ra tiếp. Đánh số mới. Số 1 - số tết Kỷ Sửu, ra ngày 20.2.1949, đến số 6 ngày 7.5.1949 thì ngừng. Toà soạn: số 45 phố Hàng Đồng.

TÂN NỮ LƯU, tạp chí tháng ra hai kì. Số 1, ra ngày 4.5.1935, ra đến số 8, ngày 31.8.1938 ngừng lại, đến ngày 22.2.1939 ra số 9, số cuối cùng thì đình bản. Toà soạn: số 16 phố Hàng Da.

TÂN THANH TẠP CHÍ, tạp chí ra hằng tuần, ra không đều kì. Số 1, ra ngày 12.2.1931, đến số 82, ra ngày 13.8.1934 ngừng lại. đến ngày 25.1.1935 ra số 83, số cuối cùng thì đình bản. Toà soạn: 26 Hàng Bông.

TÂN THẾ KỈ, tạp chí ra hằng tuần. Xuất bản từ năm 1945 đến năm 1946. Toà soạn: số 64 phố Hàng Trống.

TÂN THIẾU NIÊN, tạp chí tuần ra hai kì. Số 1, ngày 21.2.1932, ra đến số 51, ngày 21.8.1932 tạm ngừng. Xuất bản loại mới, số 1, ngày 1.6.1934, ra đến số 3, ngày 16.2.1935 thì đình bản. Toà soạn: số 25 phố Lê Quý Đôn (Hàng Chuối), sau chuyển đến số 37 phố Riquier (Nguyễn Du).

TÂN VIỆT, tuần báo *Kinh tế* ra ngày thứ sáu, số 1 ra tháng 4.1946. Chủ nhiệm: Trần Khánh Trạch. Toà soạn: số 43 phố Nguyễn Thượng Hiền.

TÂN VIỆT HOA, báo chữ Hán của Hoa kiều. Số 1 ra ngày 1.8.1955, ra đến năm 1978 thì đình bản.

TÂN VIỆT NAM, tạp chí ra hằng tháng, nhiều lần ngừng, rồi ra tiếp loại mới. Số 1 ra ngày 1.4.1937; số cuối cùng ra ngày 2.11.1939. Toà soạn: số 30 phố Henri d' Orléans (Phùng Hưng).

TÂN VIỆT NAM, báo thông tin nghị luận, bằng chữ Hán của Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam. Xuất bản từ năm 1945 đến năm 1946.

TÂN XÃ HỘI, tạp chí, số ra mắt, ngày 30.9.1936, số 1 ra ngày 10.10.1936; số 2, số cuối cùng, ra ngày 17.10.1936. Do nhóm cộng sản chủ trương. Toà soạn: số 21 phố Phạm Phú Thứ (Nguyễn Quang Bích).

TẤC ĐẤT, bản tin cổ động sản xuất cấp tốc của Bộ Canh nông. Số 1 ra ngày 7.12.1945, ra đến năm 1946 thì đình bản. Toà soạn: số 20 phố Lý Thái Tổ.

TẬP SAN BỔ TÚC VĂN HOÁ, tập san của Vụ Bổ túc văn hoá, Bộ Giáo dục. Xuất bản năm 1967.

TẬP SAN DÂN TỘC, tạp chí của Uỷ ban Dân tộc, Phủ thủ tướng. Toà soạn: số 80 phố Phan Đình Phùng.

TẬP SAN ĐẠI HỌC (Văn khoa), tập san của Khoa văn Trường Đại học Tổng hợp. Năm 1956-1957.

TẬP SAN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, tập san của hai Trường đại học Sư phạm văn học

và khoa học Hà Nội. Số 1 ra tháng 4 - 5.1955, ra đến năm 1956 thì đình bản. Toà soạn: Trường Đại học Sư phạm văn học.

TẬP SAN THƯ VIỆN, tập san thông tin của Thư viện Quốc gia Việt Nam. Ba tháng ra một kì. Xuất bản năm 1971, là nội san của ngành thư viện. Ra đến năm 1976 thì tạm ngừng, năm 1988 ra tiếp đến 1991 lại nghỉ 1 năm, đến năm 1992 ra lại. Toà soạn: số 31 phố Tràng Thi.

THÁI BÌNH DƯƠNG CHU SAN, báo chữ Hán của Việt Nam Hoa kiều văn hoá xã. Số 1 ra ngày 22.12.1947. Ra tới tháng 5.1948 thì đình bản. Toà soạn: số 20 phố Nhà Thương Khách (Hoè Nhai).

THANH NGHỊ, tạp chí nghị luận, văn chương, khảo cứu. Ra hằng tháng, sau nửa tháng, rồi hằng tuần. Tiền thân là tờ *Thanh nghị báo*. Số 1 ra ngày 25.4.1941, số cuối cùng:120, ngày 11.8.1945. Phụ san *Thanh nghị - trẻ em*, số 1 ra ngày 15.5.1941, tháng ra ba kì Đến năm 1943 thì đình bản. Toà soạn: số 65B phố Rollandes (Hai Bà Trưng), sau chuyển đến số 102 phố Hàng Bông, rồi số 15 phố Hàng Gà.

THANH NGHỊ BÁO, lúc đầu là tuần báo. Số 1, ngày 27.10.1939. Đến ngày 20.4.1940, chuyển thành tạp chí và ra số 2, cũng là số cuối cùng. Sau chuyển thành tạp chí *Thanh nghị*. Toà soạn: số 3 phố Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Tố) sau chuyển đến số 4 Hà Trung (xem thêm *Thanh Nghị)*.

THANH NIÊN, số 1 ra ngày 6.10.1933, đến số 16, ra ngày 5.12.1933 tạm ngừng. Năm 1943 ra bộ mới, số 1 ra ngày 20.1.1934, đến số 5, ngày 4.6.1935 là số cuối cùng thì ngừng hẳn. Toà soạn: số 35 phố Rue des Tasses (Bát Sứ), sau chuyển đến số 13 phố sông Tô Lịch (Hàng Lược).

THANH NIÊN, tuần báo xã hội, văn chương, nghị luận. Xuất bản năm 1953. Toà soạn: số 67A phố Hai Bà Trưng.

THANH NIÊN, tạp chí của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Lúc đầu ra hằng tháng, sau tháng ra hai kì. Tiền thân là nội san *Công tác đoàn* (xem thêm mục này) ra đời năm 1962. Đến năm 1969 đổi tên là tạp chí *Thanh Niên* số 1, ra tháng 6.1969. Phụ san: *Tuổi trẻ sống đẹp*, tháng ra một kì, từ tháng 3.1994. *Tuổi xanh*, ra tháng một kì, từ tháng 12.1988. Toà soạn: số 64 phố Bà Triệu, sau chuyển đến số 5 phố Chùa Láng.

THANH NIÊN HÀ NỘI, bản tin của Uỷ ban Thanh niên Hà Nội. Xuất bản từ năm 1994-1996. Ba tháng ra một kì. Toà soạn: số 14B phố Phan Chu Trinh.

THANH NIÊN THỜI ĐẠI, báo của Uỷ ban Thanh niên Việt Nam. Ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 29.9.1994. Toà soạn: số 15B phố Hồ Xuân Hương.

THANH TRA, tuần báo của Uỷ ban Thanh tra Nhà nước. Xuất bản năm 1993. Báo ra hằng tuần vào ngày thứ tư. Tiền thân là tờ *Thông tin thanh tra*. Toà soạn: số 218C phố Đội Cấn, sau chuyển đến số 220 cùng phố.

THÁNH GIÁO, tuần san (xem *Trung Hoà nhật báo)*.

THÁNH KÍNH BÁO, báo ra hằng tháng. Xuất bản năm 1931. Ra đến tháng

10.1939 thì ngừng. Quản lí: W. Cadman. Toà soạn: số 1 phố Nguyễn Trãi (Nguyễn Văn Tố).

THĂNG LONG, báo tuần. Số 1 ra ngày 8.9.1949; số cuối: 13, ra ngày 23.12.1949 thì ngừng.

THĂNG LONG - HÀ NỘI NGÀN NĂM, thông tin của Ban Chỉ đạo quốc gia Kỉ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và Hội Bảo tồn di sản văn hoá Thăng Long - Hà Nội. Hai tháng ra một kì. Xuất bản năm: 2001. Toà soạn: số 12 phố Lê Lai, sau chuyển đến số 47 phố Hàng Dầu.

THĂNG LONG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, tạp chí của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường thành phố Hà Nội. Lúc đầu, hai tháng ra một kì, sau ra hằng tháng. Xuất bản năm 1994. Toà soạn: số 2 ngõ Phan Chu Trinh.

THẮNG TIẾN, báo tháng ra hai kì. Số 1 ngày 5.11.1935, ra đến số 24, tháng 12.1936. Sau đổi tên là *Hướng đạo thắng tiến* (xem mục này).

THÂN DÂN, báo hằng ngày. Số 1, ra ngày 2.8.1953, ra đến năm 1954 thì ngừng bản. Toà soạn: số 177 phố Huyền Trân Công Chúa (nay là phố Bùi Thị Xuân).

THẦN ĐỒNG TIÊN NỮ, báo của phụ nữ và nhi đồng. Xuất bản từ năm 1952 đến năm 1953. Tòa soạn: số 61 phố Đinh Tiên Hoàng.

THẦN KIẾM, báo của Đệ Tam quân khu (Báo của phòng 5, Quân đội quốc gia (Nguỵ). Số 1 ngày ra 15.1.1954, ra đến số 9, ngày 1.7.1954 thì đình bản.

THẦN KINH TÂM THẦN VÀ PHẪU THUẬT THẦN KINH, nội san của Tổng Hội Y học Việt Nam. Lúc đầu, ra nội san (1964-1968), sau ra chuyên san. Số 1, ra năm 1975.

THẦN NÔNG BÁO, tuần báo. Số 1 ra ngày 1.12.1929, ra đến số 110 tháng 11.1932 thì chuyển tháng ra hai kì, xuất bản tiếp đến số 120, ngày 5.3.1933 thì ngừng bản. Toà soạn: số 33B phố Carreau (Lý Thường Kiệt), sau chuyển đến số 63 phố Duvillier (nay là phố Nguyễn Thái Học).

THẾ GIỚI, báo của Đoàn Thanh niên Dân chủ (do Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo). Số 1 ra ngày 15.9.1938, ra đến số 9, ngày 1.2.1939 thì ngừng. Sau ra tiếp 4 số đặc biệt không ghi số. Số cuối cùng ra ngày 13.9.1939 thì đình bản. Toà soạn: số 7 phố Nhà Thương Khách (Hoè Nhai), sau chuyển đến số 14 phố Phạm Phú Thứ (Nguyễn Quang Bích), số 19 phố Hàng Cót, rồi số 49 phố Julien Blanc (Phủ Doãn).

THẾ GIỚI, báo viết tay, lưu hành bí mật trong Nhà tù Hoả Lò. Năm 1932. Biên tập: Nguyễn Văn Chi.

THẾ GIỚI, phụ san của báo *Quốc tế* (xem mục này). Số đầu ra ngày 17.9.2001.

Thế giới đàn ông, chuyên đề về nam giới của Nhà xuất bản Thanh niên. Số 1 ra tháng 10.1997. Toà soạn: số 62 phố Bà Triệu.

THẾ GIỚI ĐIỆN ẢNH, tạp chí của Hội điện ảnh Việt Nam. Toà soạn: số 51 phố Trần Hưng Đạo.

THẾ GIỚI MỚI, tạp chí nghiên cứu, nghị luận, sáng tác. Ra hằng tháng, số 1 ra tháng 11.1946; số cuối cùng: số 2, ra tháng 12.1946. Toà soạn: số 44B phố Hàng Bồ.

THẾ GIỚI PHỤ NỮ, chuyên san của báo *Phụ nữ Việt Nam* (xem mục này).

THẾ GIỚI THỂ THAO, đặc san hằng tháng của báo *Thể thao Việt Nam* (xem mục này).

THẾ GIỚI TRONG TA, tạp chí của Hội Tâm lí - Giáo dục học Việt Nam. Ra hằng tháng; số 1 ra tháng 6.1994. Toà soạn: số 12A phố Lý Nam Đế, sau chuyển đến 47 dốc Thọ Lão.

THẾ KỈ, bán nguyệt san văn hoá - xã hội, ra ngày 1 và 16 hằng tháng. Số 1, ra ngày 16.4.1950, ra đến số 71, ngày 1.4.1953 thì đình bản. Toà soạn: số 9 phố Beylie (nay là phố Hàng Chuối).

THẾ SỰ, tuần báo nghị luận, văn chương, tư tưởng ra ngày thứ bảy, tháng 11.1946, ra được 4 số. Toà soạn: số 98 phố Hoà Mã.

THỂ DỤC - THỂ THAO (xem *Thể thao Việt Nam).*

THỂ THAO - KHOẺ VÀ ĐẸP, chuyên san của báo *Thể thao Việt Nam.* Tháng ra hai kì.

THỂ THAO NGÀY NAY, báo của Sở Thể dục thể thao Hà Nội (xem mục *Thể thao - Văn hoá Hà Nội).*

THỂ THAO VÀ VĂN HOÁ, tạp chí của Thông tấn xã Việt Nam. Lúc đầu ra hằng tuần, sau tuần ra hai kì: thứ 3 và thứ 6. Mỗi tháng xuất bản một số *Đặc san.* Số 1, ra ngày 21.8.1982. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt, sau chuyển đến số 33 phố Lê Thánh Tông.

THỂ THAO VĂN HOÁ HÀ NỘI, tạp chí của Sở Thể dục - thể thao và Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội. Lúc đầu ra hằng tuần, sau mỗi tuần ra hai kì: thứ hai, thứ năm. Mỗi tháng ra hai kì chuyên đề, ngôi sao bóng đá. Số 1 ra tháng 5.1996. Năm 2001 đổi tên là *Thể thao ngày nay*, ra tuần 6 kì báo. Toà soạn: số 14A phố Trịnh Hoài Đức.

THỂ THAO VIỆT NAM, tạp chí của Uỷ ban Thể dục - thể thao Việt Nam. Tiền thân là báo *Thể dục - thể thao*. Lúc đầu tạp chí ra hằng tháng, sau mỗi tuần ra một kì, rồi mỗi tuần ra ba kì (thứ hai, thứ năm và số cuối tuần). Số 1, ra ngày 16.6.1957, các ấn phẩm phụ:

CHUYÊN SAN *THỂ THAO KHOẺ VÀ ĐẸP* (một tháng ra hai kì).

ĐẶC SAN *THẾ GIỚI THỂ THAO* (tháng ra hai kì).

PHỤ NỮ VÀ THỂ THAO (ra hằng tháng).

TIN NHANH *THỂ THAO* (ra hằng tháng). Toà soạn: số 5 phố Trịnh Hoài Đức.

THI ĐUA KHEN THƯỞNG, thông tin của Viện Thi đua khen thưởng Nhà nước. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 6.2000. Chịu trách nhiệm xuất bản: Cao Kim Hường. Toà soạn: số 103 phố Quán Thánh.

THỊ TRƯỜNG, TIN NHANH HẰNG NGÀY. Do các cơ quan hợp tác xuất bản:

- Viện Nghiên cứu Khoa học thị trường giá cả, Ban Vật giá Chính phủ.
- Trung tâm Thông tin thương mại Việt Nam, sau là Sở Tài chính, vật giá thành phố Hồ Chí Minh.

- Viện Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

- Trung tâm Thông tin, Tư vấn thị trường - Giá cả các tỉnh Nam Bộ. Chủ nhật ra số đặc biệt. Số 1, ra ngày 1.12.1989. Toà soạn: số 1 phố Thuỵ Khuê, số 46 phố Ngô Quyền.

THIẾT GIÁP, tạp chí của Bộ Tư lệnh Binh chủng thiết giáp, Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm thứ nhất: 1975.

THIẾT THỰC, báo của Việt Nam Quốc dân đảng. Xuất bản năm 1945-1946. Toà soạn: số 30 phố Quán Thánh.

THIẾU NHI, tuần báo. Số 1 ra ngày 23.4.1949. Ra đến số 4, ngày 11.5.1949 thì đình bản. Toà soạn: số 19 phố Trippenbach (Nguyễn Trung Trực).

THIẾU NHI DÂN TỘC, đặc san của báo *Thiếu niên tiền phong* (xem thêm mục này). Ra hằng tháng. Xuất bản năm 1994.

THIẾU NIÊN TIỀN PHONG, báo của Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, sau là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Báo của Đội thiếu niên. Ra đời tại Việt Bắc trong kháng chiến. Số 1 ra ngày 1.6.1954. Sau *Ngày giải phóng Thủ đô*, báo trở về Hà Nội, ra hằng tuần. Nay mỗi tuần ra ba kì (thứ ba, thứ sáu và số chủ nhật). Phụ san: *Thiếu niên hoạ báo* (1956-1959), *Thiếu nhi dân tộc* (từ năm 1994) ra hằng tháng, rồi tháng ra hai kì, *Thiếu niên tri thức, tuổi hồng* ra hằng tháng. Toà soạn: số 15 phố Hồ Xuân Hương, sau chuyển đến số 5 phố Hoà Mã.

THIẾU SINH, báo của tuổi trẻ. Ra thứ hai hằng tuần. Xuất bản năm 1945, ra được 13 số thì ngừng. Toà soạn: số 13 phố Chợ Đuổi (Tuệ Tĩnh).

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG THUỶ VĂN, bản tin của Nha Khí tượng. Lúc đầu là *Thông báo thời tiết* (1961-1963) đến năm 1964 đổi tên như trên.

THÔNG BÁO KIỂM NGHIỆM, bản tin của Viện Kiểm nghiệm, Bộ Y tế. Xuất bản năm 1988. Toà soạn: Phòng Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ - Thông tấn xã Việt Nam, số 5 phố Lý Thường Kiệt.

THÔNG BÁO NỘI BỘ, tài liệu phục vụ sinh hoạt chi bộ của Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội. Ra hằng tháng, lưu hành nội bộ. Địa chỉ: số 4 phố Lê Lai.

THÔNG TẤN XÃ VIỆT NAM, cơ quan cung cấp thông tin của Chính phủ Việt Nam, thành lập ngày 15-9-1945. Trụ sở chính: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

THÔNG TIN, bản tin của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội. Bản tin ra không định kì, cung cấp cho Ban Văn hoá - Thông tin và Đài Truyền thanh cơ sở. Lúc đầu là tài liệu *Tuyên truyền*, bản tin của Sở Thông tin Hà Nội, xuất bản năm 1966. đến năm 1970 do nhập Sở Văn hoá và Sở Thông tin lại, đổi tên là *Thông tin*. ra tiếp tục mỗi tháng từ 5 đến 10 kì. Nay ra theo chuyên đề. Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu, sau chuyển đến số 93 phố Đinh Tiên Hoàng.

THÔNG TIN BÁO, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 4.8.1941, ra đến năm 1945 thì ngừng. Toà soạn: số 67 phố Gia Long (nay là Bà Triệu), sau đến 62 Hàng Cót. đến

tháng 4.1945 báo tiếp tục ra và chuyển thành tuần báo. Số 1 ra ngày 1.4.1945. Toà soạn: số 21B phố Jean Soler (Hàng Bông Nhuộm).

THÔNG TIN CHIẾN LƯỢC KHOA HỌC - KĨ THUẬT - KINH TẾ, tạp chí của Trung tâm Thông tin tư liệu Khoa học và Công nghệ quốc gia, Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1987. Toà soạn: số 24 phố Lý Thường Kiệt.

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ, bản tin của Phòng Khoa học Công nghệ Môi trường. Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân. Xuất bản năm 1989. Toà soạn: số 61 phố Cửa Đông.

THÔNG TIN CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG, bản tin của Ban Văn hoá - tư tưởng Trung ương Đảng ra hằng tháng bắt đầu từ năm 1987. Toà soạn: số 10 phố Nguyễn Cảnh Chân (xem thêm: *Sổ tay tuyên truyền).*

THÔNG TIN DÂN SỐ HÀ NỘI, bản tin của Uỷ ban Dân số - Kế hoạch hoá gia đình thành phố Hà Nội. Hai tháng ra một kì. Xuất bản năm 1993. Toà soạn: số 22 phố Lý Thái Tổ.

Từ năm 2003, nhập với bản tin *ánh mắt trẻ thơ* thành tờ *Gia đình Hà Nội* (*xem mục này*).

THÔNG TIN HỮU NGHỊ VÀ HỢP TÁC, bản tin của Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị thành phố Hà Nội. Ra hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1997. Toà soạn: số 14B phố Phan Chu Trinh.

THÔNG TIN KHOA HỌC KĨ THUẬT VÀ KINH TẾ BƯU ĐIỆN, bản tin của Tổng công ti Bưu chính viễn thông Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Toà soạn: số 142 đường Lê Duẩn.

THÔNG TIN KHOA HỌC TÀI CHÍNH, tạp chí của Viện Khoa học tài chính, Bộ Tài chính. Năm thứ nhất: 1985. Ra hằng tháng. Toà soạn: số 8 phố Phan Huy Chú.

Thông tin khoa học giáo dục, bản tin của Viện Khoa học giáo dục (Bộ Giáo dục - Đào tạo). Xuất bản hai tháng một kì, số 1 ra năm 1983. Toà soạn: số 101 phố Trần Hưng Đạo.

THÔNG TIN KHOA HỌC THANH NIÊN, tạp chí của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Phụ san: *Tuổi trẻ và pháp luật*, số chuyên đề ra hằng tháng. Toà soạn: số 60 phố Bà Triệu.

THÔNG TIN KHOA HỌC XÃ HỘI, tạp chí của Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1979 (lúc đầu của Uỷ ban Khoa học xã hội). Phụ san: số chuyên đề ra hằng tháng (từ năm 1994). Toà soạn: số 26 phố Lý Thường Kiệt.

THÔNG TIN KINH DOANH VÀ TIẾP THỊ, tạp chí của Câu lạc bộ Doanh nghiệp Việt Nam và Hội Khoa học kinh tế Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1995. Toà soạn: số 2 phố Vũ Ngọc Phan.

THÔNG TIN KINH TẾ, báo ra hằng tuần. Số 1 ra tháng 7.1949. Toà soạn: số 19 phố Gia Long (Bà Triệu).

THÔNG TIN KINH TẾ KẾ HOẠCH, tạp chí của Trung tâm Thông tin, Bộ Khoa học và Đầu tư. Ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1985. Toà soạn: số 2 phố Hoàng Văn Thụ.

THÔNG TIN LÍ LUẬN, nguyên là *Thông tin những vấn đề lí luận* của Viện Thông tin khoa học - Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sau đổi tên là *Thông tin lí luận,* tạp chí của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.1976. Toà soạn: số 56B phố Quốc Tử Giám.

THÔNG TIN NHỮNG VẤN ĐỀ SINH HỌC NGÀY NAY, tập san của Hội các ngành Sinh học Việt Nam. Ra ba tháng một kì. Năm thứ nhất: quý III-1995. Toà soạn: số 90 phố Nguyễn Trãi.

THÔNG TIN QUẢNG CÁO, bản tin của Hãng quảng cáo và triển lãm, Bộ Văn hoá - Thông tin. Toà soạn: số 9 phố Ngọc Khánh.

THÔNG TIN QUỐC HỘI, bản tin của Văn phòng Uỷ ban Thường vụ Quốc hội. Năm thứ nhất: 1977. Toà soạn: số 35 phố Ngô Quyền.

THÔNG TIN SỨC KHOẺ VÀ ĐỜI SỐNG, bản tin của Sở Y tế Hà Nội. Ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 11.1995. Toà soạn: số 4 phố Tây Sơn.

THÔNG TIN THƯƠNG MẠI TẬP SAN, tập san, số 1 ra tháng 1.1953, đến năm 1954 thì ngừng. Toà soạn: số 36 phố Lê Thái Tổ.

THÔNG TIN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, bản tin của Bộ Y tế. Năm thứ nhất: 1989.

THÔNG TIN TRIỂN LÃM VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT, tập san giới thiệu nghiệp vụ thông tin - triển lãm. Xuất bản ba tháng một kì, sau ra hai tháng một kì. Năm thứ nhất, số 1 ra tháng 5.1997. Toà soạn: số 47 phố Lê Đại Hành, sau chuyển đến số 2 phố Hoa Lư.

THÔNG TIN TƯ LIỆU, bản tin ra hằng tuần của Thông tấn xã Việt Nam. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

THÔNG TIN VIÊN, bản tin nghiệp vụ của báo *Quân đội nhân dân*. Ba tháng ra một kì. Năm thứ nhất: 1993.

THỐNG KÊ, tạp chí hướng dẫn công tác nghiên cứu khoa học thống kê của Tổng cục Thống kê. Hai tháng ra một kì. Năm thứ nhất: 1978. Toà soạn: 2 Hoàng Văn Thụ.

THỐNG NHẤT, báo ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 1.5.1949, ra đến số 7 ngày 12.6.1949 thì ngừng. Toà soạn: số 108 A Sénès (Hoà Mã).

THỐNG NHẤT, tạp chí của Uỷ ban Thống nhất Trung ương, ra hằng tuần. Số 1 ngày 19.5.1957, số cuối cùng ra ngày 19.5.1975 thì ngừng. Sau ngày đất nước thống nhất, tạp chí hợp nhất với báo *Cứu quốc* thành *Đại đoàn kết* (xem thêm mục này).

THỜI BÁO, báo xuất bản tuần ba kì. Số 1 ngày 15.1.1931, ra đến số 36, ngày 17.4.1931 tạm ngừng. Năm 1932 ra tiếp, số 1 ra ngày 3.8.1932; số cuối cùng 20 ra

ngày 28.8.1932 thì ngừng hẳn. Toà soạn: số 20 phố Hàng Mành, sau chuyển đến số 12 phố Nhà Thờ.

THỜI BÁO, nhật báo độc lập - thông tin và nghị luận. Số 1 ra ngày 22.11.1949 ra đến số 357 ngày 31.12.1950 thì ngừng hẳn. Toà soạn: số 23 phố Hàng Than.

THỜI BÁO KINH TẾ VIỆT NAM, tạp chí của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam. Lúc đầu ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 3.1991. Năm 1992, ra tháng hai kì. Từ năm 1993 tạp chí ra hằng tuần. Hiện nay, tuần ra 5 kì. Mỗi tháng ra một số *Chuyên san*. Toà soạn: số 10 phố Đường Thành, sau chuyển đến số 175 phố Nguyễn Thái Học, số 96 phố Hoàng Quốc Việt.

THỜI BÁO NGÂN HÀNG, tạp chí của ngành Ngân hàng Việt Nam. Ra hằng tuần, sau ra tuần hai kì (thứ ba, thứ năm) và số cuối tuần. Số 1 ra tháng 1.1991. Toà soạn: số 49 phố Lý Thái Tổ, sau chuyển đến số 137 phố Yên Phụ.

THỜI BÁO TÀI CHÍNH VIỆT NAM, tạp chí của Bộ Tài chính. Lúc đầu ra hằng tuần, sau tuần ra hai kì (thứ ba, thứ sáu). Hằng ngày ra phụ san: bản tin *Tài chính thị trường*. Hằng tháng ra một số đặc san (từ tháng 4.1994). Năm thứ nhất, số 1, ra ngày 2.9.1993. Toà soạn: số 8 phố Phan Huy Chú, sau chuyển đến số 34 phố Tuệ Tĩnh.

THỜI ĐẠI, báo hằng ngày chỉ ra được một số, ngày 20.12.1937. Toà soạn: số 32 H.d' Orléans (Phùng Hưng).

THỜI ĐẠI, báo hằng ngày. Số 1 ra tháng 7.1941 ra đến số 3, tháng 7.1942. Toà soạn: 133 Hàng Bông.

THỜI ĐẠI, số 1 ra ngày 25.11.1948, số cuối cùng: 35, ra ngày 4.1.1949 thì ngừng.

THỜI PHONG, tuần báo chính trị và xã hội. Số 1, ra tháng 6.1954.

THỜI MỚI, báo ra hằng tuần. Năm 1946. Ra được 14 số. Toà soạn: số 36 phố H. d' Orléan (Phùng Hưng).

THỜI MỚI, nhật báo, kế tục báo *Tia sáng* ra đời trong thời gian Hà Nội bị tạm chiếm (xem thêm mục này). Số 1 ra ngày 10.10.1954, số cuối cùng ra tháng 12.1967, sau đó hợp nhất với báo *Thủ đô Hà Nội* thành báo *Hà Nội mới*. Nguyên là báo của tư nhân, từ năm 1961 do Mặt trận Trung ương quản lí. Toà soạn: số 38 phố Gia Long, (nay là phố Bà Triệu).

THỜI SỰ, nhật báo độc lập, thông tin và nghị luận. Lúc đầu ra hằng tuần, sau ra hằng ngày, từ giữa năm 1947. Số 1, ra ngày 15.3.1947, số cuối cùng: 375, ra ngày 27.11.1949 tạm ngừng. Phụ san: *Thời sự chủ nhật*, số 1, ra ngày 22.2.1948, ra đến số 46, ngày 2.1.1949 thì ngừng hẳn. Toà soạn: số 18 phố Hàng Bún, sau chuyển đến số 90 phố Quán Thánh, rồi đến số 23 phố Hàng Than.

THỜI SỰ PHỔ THÔNG, tạp chí của Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng. Ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 1.1960, số cuối cùng: ra tháng 12.1972.

THỜI TẬP, tuần báo văn chương, nghệ thuật của Lạc Hồng thư xã. Xuất bản trong thời kì Hà Nội bị tạm chiếm. Toà soạn: số 63 phố Doudard de Lagrée (Hàm Long).

THỜI THẾ, tuần báo văn chương - xã hội. Số 1, ra ngày 26.3.1937, ra đến số 5, ra ngày 29.7.1937 thì ngừng. Toà soạn: số 30 phố Maréchal Pétain (nay là phố Nguyễn Hữu Huân).

THỜI THẾ, tuần báo văn chương - xã hội. Số 1, ngày 30.10.1937, ra được 13 số, số cuối cùng ra ngày 12.2.1938 thì ngừng. Báo do những người cộng sản chủ trương.

THỜI TRANG MĨ NGHỆ KIM HOÀN, tạp chí của Hội Mĩ nghệ kim hoàn đá quý Việt Nam. Toà soạn: số 7E phố Đoàn Trần Nghiệp.

THỜI TRANG TRẺ, tạp chí của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Ra hằng tháng, sau ra tháng hai kì. Số 1 ra ngày 5.10.1993. Toà soạn: số 12 phố Hồ Xuân Hương nay chuyển vào thành phố Hồ chí Minh.

THỜI VĂN NGUYỆT SAN, tập san xuất bản năm 1949. Toà soạn: số 181 phố H.d' Orléans (Phùng Hưng).

THỜI VỤ BÁO, báo ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 8.2.1938, ra đến số đặc biệt, tháng 3.1940 thì ngừng. Toà soạn: số 16 phố Hàng Da.

THỦ ĐÔ, cơ quan của Uỷ ban Kháng chiến Liên khu XI (Hà Nội). Số 1, ngày 22.12.1946; số cuối cùng: tháng 2.1947.

THỦ ĐÔ, báo của Thành uỷ Đảng Lao động Việt Nam thành phố Hà Nội. Số 1 ra 24.10.1957, ra đến hết tháng 12.1958, hợp nhất với báo *Hà Nội hằng ngày* thành báo *Thủ đô Hà Nội*. Số 1 ra ngày 1.1.1959, ra đến hết năm 1967, hợp nhất với tờ *Thời mới* thành báo *Hà Nội mới* (xem mục này). Toà soạn: số 6 phố Hai Bà Trưng, sau chuyển đến số 44 phố Lê Thái Tổ.

THỦ ĐÔ HÀ NỘI (Xem *Thủ đô* và *Hà Nội mới*).

THƯ MỤC QUỐC GIA (xem *Mục lục xuất bản phẩm).*

THỰC NGHIỆP DÂN BÁO, báo lúc đầu xuất bản hằng ngày, số 1 ra ngày 12.7.1920. Số cuối cùng ra ngày 24.9.1933 thì đình bản. Sau báo ra tiếp và xuất bản hằng tháng nhưng không đều kì. Số 1, tháng 2-3.1934, nhưng ra không đều kì, đến giữa năm 1935 là số 6. Toà soạn: số 42 H.d'Orléans (Phùng Hưng) sau chuyển đến số 31 phố Hồ - Rue du Lac (Hàng Dầu).

THƯƠNG BÁO, báo tuần. Số 1 ngày 7.9.1930, ra đến số 42, ngày 5.7.1931 thì ngừng. Chủ nhiệm: Đoàn Như Khuê. Toà soạn: số 124 phố Hàng Bông.

THƯƠNG BÁO, báo tuần của một số nhà buôn tuyên truyền cho thương nghiệp và công nghiệp. Số 1 ra ngày 3.12.1933, ra đến số 10, ra ngày 11.3.1933 thì ngừng. Toà soạn: số 31 phố Francis Garnier (nay là phố Đinh Tiên Hoàng), sau chuyển đến số 49 phố Cầu Gỗ.

THƯƠNG MẠI, tạp chí của Bộ Thương mại. Xuất bản tháng 2 kì, năm thứ nhất 1990. Toà soạn 46 Ngô Quyền.

THƯƠNG MẠI, tạp chí xuất bản tháng hai kì. Số 1 ngày 28.10.1934, ra đến số 9 ngày 20.2.1935 thì ngừng. Toà soạn: số 14 phố Hàng Cót.

THƯƠNG MẠI, báo của Bộ Thương mại, nguyên là tờ *Thương nghiệp* sau đổi tên

là *Thương mại* (xem mục này), năm 1990 xuất bản hằng tuần, sau ra tuần hai kì (thứ tư, thứ bảy) số cuối tuần tên là *Thế giới thương mại* và có phụ trương quảng cáo *Mua và bán* (Văn phòng số 42 phố Hà Trung). Toà soạn: số 100 phố Lò Đúc, sau chuyển đến số 20 phố Lý Thường Kiệt.

THƯƠNG MẠI THUỶ SẢN, tạp chí của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thuỷ sản, xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất 2001. Toà soạn: 10 Nguyễn Công Hoan.

THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH, tạp chí của Trung tâm Thông tin thương mại - Bộ Thương mại. Số 1 ra tháng 2. 1992. Toà soạn: số 46 phố Ngô Quyền.

THƯƠNG NGHIỆP, báo của Bộ Nội thương. Tiền thân là tờ *Mặt trận kinh tế* ra đời trong Kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc (10.1950). Sau *Ngày giải phóng Thủ đô* báo trở về Hà Nội, xuất bản hằng tháng, sau ra hằng tuần. Xuất bản từ năm 1958. Đến năm 1990 đổi tên là *Thương mại* (xem mục này). Toà soạn: số 9 phố Trần Hưng Đạo, sau chuyển đến số 100 phố Lò Đúc.

THƯƠNG NGHIỆP HỢP TÁC XÃ, báo của Hợp tác xã mua bán Việt Nam. Năm thứ nhất: 1956, ra đến năm 1971 thì ngừng.

THƯƠNG NGHIỆP THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM, tạp chí của Bộ Thương mại. Ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1969. Toà soạn: số 37 phố Nguyễn Bỉnh Khiêm.

TIA SÁNG, nhật báo thông tin. Số 1,ra ngày 28.10.1948, số cuối cùng 2094, ra ngày 12.9.1954. Sau chuyển thành báo *Thời mới* (xem mục này). Toà soạn: số 12 phố Hàng Đẫy (Nguyễn Thái Học), sau đến số 38 phố Gia Long (nay là phố Bà Triệu).

TIA SÁNG - ĐẶC SAN, tuần báo văn chương, xã hội, ra ngày thứ bảy. Số 1, ra ngày 22.5.1954, ra đến số 13, ngày 14.8.1954 thì ngừng. Toà soạn: số 38 phố Gia Long (phố Bà Triệu).

TIA SÁNG, tạp chí của Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 6.1991. Toà soạn: số 1B phố Yết Kiêu, số 51 phố Lý Thái Tổ.

TIÊN PHONG, tập san vận động văn hoá mới của Hội Văn hoá cứu quốc Việt Nam. Tháng ra hai kì, vào ngày 1 và 16 hằng tháng. Số 1 ra ngày 10.11.1945, ra đến số 24, ngày 1.12.1946 thì ngừng (Số 1 ra bí mật, trước Cách mạng tháng Tám, sau in lại. Số 4 + 5 đặc san tết Bính Tuất năm 1946 lấy tên *Nguồn sống mới*). Toà soạn: Nhà Khai trí tiến đức phố Hàng Trống (phố Lê Thái Tổ) sau đến số 40 phố Quang Trung (từ số 10). Ngô Quang Châu (từ số 19).

TIỀN PHONG, nội san của Thành uỷ Hà Nội, lưu hành bí mật. Năm 1949.

TIỀN PHONG, báo bí mật cổ động kháng chiến của khu phố Đông Thành, trong Hà Nội bị tạm chiếm. In litô.

TIỀN PHONG, báo tranh đấu của nam nữ thanh niên Hà Nội, do Đoàn Thanh niên cứu quốc Hà Nội xuất bản bí mật. Năm thứ nhất 1952, in litô. Số cuối cùng là số đặc biệt chào đón Ngày giải phóng Thủ đô, ra đầu tháng 10.1954, in tipô.

TIỀN PHONG, báo của Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, sau là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Báo ra đời ở Việt Bắc trong Kháng chiến

chống Pháp, sau Ngày giải phóng Thủ đô báo trở về Hà Nội, xuất bản thứ ba hằng tuần, sau ra tuần ba kì (thứ ba, thứ năm, thứ bảy). Số 1, ra ngày 16.11.1953. Các phụ san: *Tiền phong chủ nhật* - Năm thứ nhất: 1989; *Tiền phong cuối tháng* - tháng một kì. Từ năm 1993. *Tri thức trẻ* - tháng ra một kì; *Tuổi trẻ hạnh phúc* - tháng hai kì. *Người đẹp Việt Nam* - tháng ra một kì. Toà soạn: số 64 phố Bà Triệu, sau chuyển đến số 15 phố Hồ Xuân Hương.

TIẾN HOÁ, báo xuất bản không định kì. Số cuối cùng: số 3, ngày 7.12.1935. Toà soạn: số 83B phố Route Mandarine (nay là phố Lê Duẩn).

TIẾN LÊN, báo ra bí mật của Xứ uỷ Bắc Kỳ - Đảng Cộng sản Đông Dương. Ra khoảng tháng 5 năm 1930-1934. In giấy nến. Sáng lập: Trần Phú.

TIẾN LÊN, báo ra bí mật của Quận uỷ nội thành, lưu hành trong Hà Nội thời kì bị địch tạm chiếm.

TIẾN THẮNG, báo của cơ quan phụ trách thiếu nhi. Ra hằng tháng. Xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 6 phố Mạc Đĩnh Chi (nay là phố Trịnh Hoài Đức).

TIẾNG BẠN, báo hằng ngày. Số 1, ra ngày 5.8.1949, ra đến số 30, ngày 4.9.1949 thì ngừng. Toà soạn: số 93 phố Hàng Bông.

TIẾNG CHUÔNG, báo, phát hành năm 1931. Chỉ ra được 2 số. Toà soạn: số 114 phố Hàng Gai, sau đến số 242 phố Hàng Bông.

TIẾNG CHUÔNG SỚM, tạp chí ra tháng hai kì. Số 1, ra ngày 15.6.1935, ra đến số 24, tháng 5.1936 thì ngừng. Toà soạn: Chùa Bà Đá, phố Nhà Thờ.

TIẾNG CÒI, tạp chí của Ban chỉ đạo An toàn giao thông Trung ương. Số 1 ra tháng 12.1994. Toà soạn: số 80 phố Trần Hưng Đạo.

TIẾNG DÂN, báo hằng ngày. Phát hành năm 1952. Toà soạn: số 177 phố Huyền Trân Công Chúa (nay là phố Bùi Thị Xuân).

TIẾNG DỘI, báo hằng ngày. Phát hành năm 1950. Nối tiếp tờ *Tiếng bạn*. Toà soạn: số 93 phố Hàng Bông.

TIẾNG GỌI PHỤ NỮ, tuần báo của Hội Phụ nữ cứu quốc thành Hoàng Diệu (Hà Nội), xuất bản từ thời kì 1945-1946.

TIẾNG HÁT QUÊ TA, báo văn nghệ quần chúng do Sở Văn hoá (sau là Sở Văn hoá - Thông tin) Hà Nội xuất bản, không định kì. Số 1 ra tháng 5.1958, ra đến năm 1973 thì ngừng. Lưu hành chủ yếu ở ngoại thành, phục vụ nông dân. Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu.

TIẾNG MÁY, cơ quan Tuyên truyền vận động sản xuất công nghiệp của Sở Văn hoá Hà Nội. Ra không định kì. Số 1, tháng 12.1959, ra đến 1960. Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu.

TIẾNG NÓI VIỆT NAM, tuần báo của Đài Tiếng nói Việt Nam. Năm thứ nhất: 1998. Ra bộ mới, tuần hai kì từ ngày 30.8.2004. Toà soạn: số 58 phố Quán Sứ, sau chuyển đến số 45 phố Bà Triệu.

TIẾNG TRẺ, tuần báo. Số 1 ra ngày 18.4.1935, ra đến số 13, tháng 2.1936 thì

ngừng. Toà soạn: số 11 phố Hàng Cót. Sau Xứ uỷ Bắc Kỳ - Đảng Cộng sản Đông Dương thuê lại, ra tiếp loại mới. Số 1 ra ngày 22.12.1936. Ra được 5 số, số cuối cùng ra ngày 19.1.1937 thì ngừng. Toà soạn: số 4 phố Bourret (Ngõ Trạm).

TIẾNG VANG LÀNG BÁO, báo chỉ ra được hai số: số ra mắt, ngày 6.5.1936, ra số 1, ngày 20.5.1936. Toà soạn: số 16 phố Hồng Phúc.

TIẾNG VIỆT, hằng ngày. Xuất bản năm 1951.

TIẾP THỊ VÀ GIA ĐÌNH, tạp chí của trung tâm Hội chợ - triển lãm Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1998. Tổng biên tập: Nguyễn Trường Sơn. Trung tâm hợp tác báo chí truyền thông quốc tế, toà soạn số 61B phố Thợ Nhuộm.

TIẾP THỊ VÀ QUẢNG CÁO VIỆT NAM, tạp chí của Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1998. Toà soạn: Trung tâm Hội chợ triển lãm Giảng Võ.

TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG, tạp chí của Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Xuất bản 2 tháng một kì, năm thứ nhất 1999. Toà soạn: đường Hoàng Quốc Việt.

TIỂU CÔNG NGHIỆP - THỦ CÔNG NGHIỆP, tạp chí của Trung ương Liên hiệp Hợp tác xã thủ công nghiệp Việt Nam. Ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 9.1971. Toà soạn: số 80 phố Hàng Gai.

TIỂU THUYẾT CHỦ NHẬT, tuần báo. Số 1 ngày 2.8.1931. Đến số 11 đổi tên là *Tiểu thuyết tuần báo*, ra tiếp đến số 13, ngày 25.10.1931. Sau đổi tên là *Tiểu thuyết tuần san*, số 1 ra ngày 7.11.1931. Cuối cùng là số 8, ra ngày 26.12.1931. Toà soạn: số 19 phố Nhà Thờ.

TIỂU THUYẾT NHẬT BÁO, báo hằng ngày. Phát hành từ đầu năm 1939 đến tháng 3.1941, tiền thân là tờ *Tiểu thuyết thứ ba* (xem mục này). Toà soạn: số 57 phố Phúc Kiến (Lãn Ông).

TIỂU THUYẾT THỨ BA, báo hằng ngày. Lúc đầu là *Tiểu thuyết thứ ba*, số 1 ngày 2.3.1937, ra đến số 46, tháng 1.1938 ngừng lại. Đổi tên là *Tiểu thuyết nhật báo*, số 1 ngày 9.2.1938, số cuối cùng 363, ra tháng 5.1941. Ra nhiều số đặc biệt. Toà soạn: số 57 phố Phúc Kiến (Lãn Ông).

TIỂU THUYẾT THỨ BẢY, số 1 ngày 2.6.1934, ra đến năm 1945, ra trở lại ngày 5.5.1945 báo ra trở lại. Thời kì Hà Nội bị địch tạm chiếm, báo tái bản. Số 1 lớp mới, ra ngày 1.3.1949 lúc đầu ra 10 ngày một kì, sau ra hằng tuần. Đến số 40, ra ngày 31.12.1949 mỗi tháng còn ra một số đặc biệt, in trọn vẹn một tác phẩm. Ra được 3 số. Toà soạn: số 93 phố Hàng Bông.

TIỂU THUYẾT THỨ NĂM, số 1 ra ngày 18.3.1937, ra được 7 số, số cuối cùng ra ngày 1.5.1937 (có sự chỉ đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương. Số 71 phố Hàng Bông. Sau đó ra tiếp thời kì mới (không có sự chỉ đạo của Xứ uỷ Bắc Kỳ). Số 1, ra ngày 8.5.1937, ra đến số 51, tháng 1.1942 thì ngừng. Toà soạn: số 71 phố Hàng Bông, sau chuyển đến số 88 phố Huế.

TIỂU THUYẾT THỨ SÁU, số 1 ngày 17.6.1949, ra đến số 5, ngày 9.9.1949.

TIỂU THUYẾT TUẦN BÁO (xem *Tiểu thuyết chủ nhật).*

TIỂU THUYẾT TUẦN SAN (xem *Tiểu thuyết chủ nhật).*

TIỂU THUYẾT TUẦN SAN, số 1 ra ngày 28.8.1932, ra đến số 7 ngày 2.12.1934 thì ngừng. Toà soạn: số 140 phố Cửa Bắc.

TIỂU THUYẾT TUẦN SAN, số 1 ngày 10.11.1937, ra đến số 61, tháng 9.1940. Toà soạn: số 67 Neyret (Cửa Nam).

TIỂU THUYẾT TUẦN SAN, số 1 tháng 12.1940, số cuối cùng, tháng 2. 1942. Toà soạn: số 15 phố Nhà Chung.

TIM MẠCH HỌC VIỆT NAM, tạp chí của Hội Tim mạch học quốc gia Việt Nam. Xuất bản 3 tháng một kì, năm thứ nhất: 1992. Toà soạn: số 78 phố Giải Phóng

TIME OUT (phụ san của báo *Đầu tư* (xem mục này)).

TIN HÀ NỘI, bản tin của Sở Tuyên truyền, sau là Sở Văn hoá Hà Nội, nối tiếp tờ *Tin tức* của Uỷ ban Quân quản Hà Nội. Lúc đầu ra hằng ngày, sau hai, ba ngày một kì. Số 1 giữa tháng 11.1954, ra đến số 311, ngày 1.5.1956. Toà soạn: số 47 phố Hàng Dầu.

TIN HỌC VÀ ĐIỀU KHIỂN HỌC, tạp chí của Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia. Xuất bản 3 tháng một kì. năm thứ nhất: 1986. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

TIN HỌC VÀ ĐỜI SỐNG, cơ quan của Hội Tin học Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 1993. Toà soạn: số 67/4 phố Lý Thường Kiệt, sau là số 54 phố Hoàng Ngọc Phách, 25B17 Nam Thành Công, số 66 phòng 103 Kim Mã Thượng. Năm 2005 ra thêm hai ấn phẩm: *Tin học và nhà trường, Thế giới số.*

TIN HỌC VÀ TUỔI TRẺ, tạp chí của Hội Toán học Việt Nam. Lúc đầu ra hai tháng một kì, sau ra hằng tháng. Số 1, ra tháng 10.1964.

TIN MAI, báo hằng ngày. Số 1, ra ngày 28.11.1948, ra đến số 29, ngày 31.12.1948 thì ngừng.

TIN MỚI, báo hằng ngày. Số 1, ra ngày 27.1.1940, một tuần sau mới ra số 2, ngày 4.2.1940. Ra đến sau ngày 9.3.1945, đổi tên là *Dân quốc* (xem thêm mục này). Toà soạn: số 5-7 phố Julien Blanc (Phủ Doãn).

TIN MỚI THỂ THAO, phụ san của *Tin mới*, ra thứ bảy hằng tuần. Số 1, ra ngày 15.9.1940. Ra đến số 88, tháng 3.1942 thì ngừng. Toà soạn: số 5-7 phố Julien Blanc (Phủ Doãn).

TIN MỚI VĂN CHƯƠNG, tuần báo tiểu thuyết, phóng sự, chiếu bóng. Số 1, ra ngày 15.9.1940, ra đến số 54, tháng 12.1941 thì ngừng. Toà soạn: số 5-7 phố Julien Blanc (Phủ Doãn).

TIN NHANH, các bản tin nhanh của Thông tấn xã Việt Nam:

TIN NHANH - ra ngày hai kì.

TIN THAM KHẢO CHỦ NHẬT - ra hằng tuần.

TIN THAM KHẢO THẾ GIỚI - ra hằng ngày.

TIN THAM KHẢO KINH TẾ - ra hằng ngày.

TIN THẾ GIỚI - ra hằng ngày.

TIN TRONG NƯỚC - ra ngày ba kì. Đều đã đưa lên mạng Internet. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

TIN THỊ TRƯỜNG, bản tin ra hằng ngày của Trung tâm Thông tin thương mại - Bộ Thương mại. Số 1 ra ngày 1.2.1989. Toà soạn: số 46 phố Ngô Quyền.

TIN TỨC, báo của Mặt trận Dân chủ Đông Dương (do Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương. Chỉ đạo: Trường Chinh. Giám đốc: Trần Huy Liệu chủ bút. Tuần ra hai số. Số 1 ngày 2.4.1938, ra đến số 43, ngày 15.10.1938 thì ngừng. Toà soạn: số 105 Henri d'Orléans (Phùng Hưng).

TIN TỨC, báo của Uỷ ban Quân quản thành phố Hà Nội. Số 1, ngày 10.10.1954, số cuối cùng ra ngày 11.11.1954, sau chuyển thành *Tin Hà Nội*. Toà soạn: Bệnh viện Đồn Thuỷ (nay là Viện Quân y 108).

TIN TỨC, báo của Thông tấn xã Việt Nam, xuất bản buổi chiều hằng ngày. Số 1 ra ngày 1.1.1999. Nguyên là hai tờ *Tuần tin tức* và *Tin tức buổi chiều* hợp nhất (xem thêm hai mục này). Mỗi tuần có một số cuối tuần. Hằng tháng ra đặc san chuyên đề. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

TIN TỨC BUỔI CHIỀU, báo của Thông tấn xã Việt Nam. Ra buổi chiều hằng ngày. Năm thứ nhất: 1991. Đến hết năm 1998, hợp nhất với *Tuần tin tức* thành báo *Tin tức* (xem mục này). Toà soạn: số 5 Lý Thường Kiệt.

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG, cơ quan của Hội Người mù Việt Nam. Năm thứ nhất: 1970. Toà soạn: số 139B phố Nguyễn Thái Học.

TIN TỨC PHẬT GIÁO (xem *Phương tiện)*.

TIN TỨC TUẦN SAN, số 1 ra ngày 10.11.1937.

TIN VĂN, tuần báo. Số 1, ngày 28.7.1935, ra đến số 15, tạm ngừng. Tập mới số 16, ra ngày 15.4.1936. Tháng ra hai kì. Số cuối cùng ra ngày 28.11.1936. Toà soạn: số 82 phố Hàng Bông.

TIN VĂN, bản tin cổ động sách báo. Xuất bản năm 1946.Toà soạn: số 71 Tien Tsin (Hàng Gà).

TINH HOA, tuần báo văn chương, mĩ thuật, ra ngày thứ bảy. Số 1, ngày 13.3.1937, đến số 13 ra tháng 7.1937 thì ngừng. Toà soạn: số 48 phố Richaud (Quán Sứ).

TỊNH TIẾN, phụ trương báo *Đuốc tuệ* của Hội Phật giáo Việt Nam. Xuất bản năm 1945. (xem thêm *Đuốc Tuệ)*.

TÌNH THƯƠNG VÀ CUỘC SỐNG, tập san của Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam. Số 1 ra tháng 3.1999. Toà soạn: số 49 phố Thái Thịnh.

TOÀN CẢNH, sự kiện và dư luận. Cơ quan của Bộ Văn hoá - Thông tin. Tạp chí ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 10.1990. Hằng tháng ra thêm số chuyên đề *Gia đình*

văn hoá. Tòa soạn: 1 Ngô Quyền, sau chuyển đến số 86A phố Lê Văn Hưu.

TOÁN HỌC, tạp chí của Uỷ ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. Ra ba tháng một kì. Số 1 ra tháng 3.1973. Toà soạn: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

TOÁN HỌC VÀ TUỔI TRẺ, tập san của Uỷ ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. Ra hằng tháng. Năm thứ nhất: 1964.

TOÁN HỌC TÍNH TOÁN VÀ KĨ THUẬT MÁY TÍNH, tạp chí, của Uỷ ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. Năm thứ nhất: 1968. Tạp chí ba tháng ra một kì.

TOÁN LÍ, tập san của Ban Toán lí, Uỷ ban Khoa học và Kĩ thuật Nhà nước. Năm thứ nhất: 1963. Tập san ba tháng ra một kì.

TỔ CHỨC NHÀ NƯỚC, tạp chí của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, sau là Bộ Nội vụ. Ra hai tháng một kì, sau ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 2.1991. Toà soạn: số 37A phố Nguyễn Bỉnh Khiêm.

TỔ QUỐC, báo Trung ương Đảng Xã hội Việt Nam. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 12.1954, ra đến số 410, tháng 10.1998 thì ngừng. Tiền thân là tờ *Tiến lên*, xuất bản ở Việt Bắc từ tháng 7.1946, hoà bình lập lại về Hà Nội đổi tên là *Tổ quốc*. Toà soạn: số 53 phố Nguyễn Du.

TƠ TẰM, tập san của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm. Năm thứ nhất: 1993.

TRADUCTEUR (LE), dịch văn tạp chí, ra không định kì. Số 1 ngày 15.12.1940, số cuối cùng, ra ngày 12.4.1942. In hai thứ chữ Pháp và Việt. Toà soạn: số 55 phố Đường Thành.

TRÁNG SĨ, phụ trương của *Hướng đạo thẳng tiến*, ra hằng tháng, cơ quan liên lạc của tráng sinh và huynh trưởng. Số 1 ra tháng 1.1943, ra đến 1945 thì ngừng. Quản lí: Lê Văn Đức. Toà soạn: số 86 phố Jules Ferry (Hàng Trống).

TRANH ĐẤU, cơ quan Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Xuất bản bí mật, in giấy nến. Số 1 ra ngày 15.8.1930.

TRAVAIL (LE), tuần báo chính trị - kinh tế bằng chữ Pháp. Lúc đầu do một nhóm đảng viên Đảng Cộng sản chủ trương, sau do Xứ uỷ Bắc Kỳ, Đảng Cộng sản Đông Dương chỉ đạo. Số 1 ngày 16.9.1936, ra đến số 30, ngày 16.4.1937 thì ngừng. Toà soạn: số 28 phố Nguyễn Trãi (nay là phố Nguyễn Văn Tố), sau chuyển đến số 21 phố Đường Thành.

TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ, tạp chí của Hội Trắc địa bản đồ - viễn thám. Xuất bản 3 tháng một kì. Toà soạn: 71 Nguyễn Chí Thanh.

TRĂM HOA, tuần báo văn nghệ ra ngày thứ bảy. Số 1 ra ngày 20.10.1956. Số cuối cùng: số Xuân 1957. Toà soạn: số 17 phố Lê Văn Hưu.

TRẬT TỰ, báo của Cao uỷ Pháp ở Đông Dương. Xuất bản năm 1947.

TRẺ VIỆT, phụ san của báo *Quê hương*. Toà soạn: số 69 phố Bông Nhuộm.

TRI TÂN, tạp chí văn hoá ra thứ ba hằng tuần. Số 1 ra ngày 3.6.1941, ra đến số 212, ngày 22.11.1945 đánh lại số 1 ngày 6.6.1946, đến số 2 ngày 16.7.1946 là số cuối

cùng. Toà soạn: số 249 phố Huế, sau chuyển đến số 70 phố Bạch Mai, số 195 phố Hàng Bông, rồi số 95-97 phố Chanceaulne (Triệu Việt Vương).

TRI THỨC BÁCH KHOA, Viện Từ điển bách khoa xuất bản ba tháng một kì. Số 1, ra tháng 11.1984.

TRI THỨC TRẺ, phụ san báo *Tiền phong*, của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Số 1, ra tháng 2.1995 (xem thêm *Tiền phong*).

TRIẾT HỌC, tạp chí của Viện Triết học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Lúc đầu là *Thông báo triết học*, số 1, ra tháng 1.1966, từ năm 1973 đổi tên *Tạp chí triết học*. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn, sau chuyển đến số 59 phố Láng Hạ.

TRUNG BẮC CHỦ NHẬT, tiền thân là tờ *Trung bắc tân văn chủ nhật*, phụ san của báo *Trung bắc tân văn*. Số 1, ra ngày 3.3.1940. Từ số 93B, ra ngày 31.1.1943 đổi tên là *Trung bắc chủ nhật*, ra đến số 257, ngày 12.8.1945 là số cuối cùng. Toà soạn: số 36 phố Henri d'Orléans (Phùng Hưng).

TRUNG BẮC TÂN VĂN, chi nhánh tờ *Lục tỉnh tân văn* ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Lúc đầu ra hằng tuần. Số 1, ra ngày 7.1.1915. Từ số 39, tháng 10.1915 ra mỗi tuần ba kì. đến năm 1919 ra hằng ngày. Số cuối cùng: 7265, ra tháng 4.1941. Người sáng lập: Schneider. Chỉ đạo nội dung: Louis Marty. Chủ bút: Nguyễn Văn Vĩnh (đến năm 1935). Toà soạn: số 36 phố Henri d'Orléans (Phùng Hưng).

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG, tạp chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hai tháng ra một kì. Năm thứ nhất: 1994. Toà soạn: số 49 phố Đại Cồ Việt.

TRUNG HOÀ NHẬT BÁO, báo của Công giáo Miền Bắc. Tuần ra hai kì. Năm 1923, chỉ ra được 16 số. Toà soạn: số 13 phố Mission (Nhà Chung).

TRUNG TÂM, tuần báo, số 1, ra ngày 17.10.1934, ra đến số 6, ngày 23.3.1935. Toà soạn: số 97 phố Hàng Bông.

TRUNG VIỆT TÂN VĂN, năm 1945-1946.

TRUYỀN BÁ, tập báo của tuổi trẻ, ra ngày 10 và 25 hằng tháng. Số 1, ra ngày 25.7.1941, ra đến 1944. Toà soạn: số 93 phố Hàng Bông.

TRUYỀN HÌNH CÁP HÀ NỘI, tập san của Công ti dịch vụ Truyền thanh - Truyền hình Hà Nội, số 1, ra tháng 9.2005, xuất bản hằng tháng. Toà soạn Nhà xuất bản Lao động xã hội - số 41 phố Lý Thái Tổ.

TRUYỀN HÌNH HÀ NỘI, tạp chí của Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội (HTV). Xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.2004. Toà soạn: số 5 phố Huỳnh Thúc Kháng.

TRUYỀN HÌNH VTV, tạp chí của Đài Truyền hình Việt Nam. Lúc đầu ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 10.1994. Từ tháng 1.1997 ra mỗi tháng hai kì, đến tháng 9.1998 ra thêm báo tuần, phát hành ngày thứ năm. Toà soạn: số 61B phố Hàng Bông Thợ Nhuộm, sau chuyển đến số 59 phố Giảng Võ, rồi số 43 phố Nguyễn Chí Thanh, số 844 đường La Thành.

TRUYỀN THỐNG VÀ THỜI ĐẠI, tập san của Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam. Chỉ ra được hai số. Số 1 ra tháng 10.1991. Toà soạn: số 25 phố Tông Đản.

TRƯỜNG BƯỞI, nội san của Hội ái hữu cựu học sinh Trường Bưởi. Năm thứ nhất: 1964, năm cuối cùng: 1967.

TRƯỜNG LÀNG, tạp chí *Giáo dục* dùng cho trường làng ở Bắc Kỳ. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 9.1940, ra đến năm 1945 thì ngừng.

TỪ NHÂN BÁO, báo viết tay, lưu hành bí mật trong Nhà tù Hoả Lò, khoảng 1931.

TUẦN DU LỊCH, tạp chí của Tổng cục Du lịch Việt Nam. Ra ngày thứ hai hằng tuần. Năm thứ nhất: 1998. Toà soạn: Nhà A, Khách sạn Kim Liên, phố Đào Duy Anh. Năm 2000 đổi tên là *Du lịch*.

TUẦN KINH TẾ CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG, xuất bản hằng tuần. Toà soạn: số 176 phố Thái Hà.

TUẦN TIN TỨC, tạp chí của Thông tấn xã Việt Nam. Năm thứ nhất: 1983. Đến năm 1999 nhập với *Tin tức buổi chiều* thành báo *Tin tức* ra hằng ngày. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt (xem thêm *Tin tức)*.

TUỔI THƠ, báo xuất bản hằng tháng. Số 1 tháng 9.1953. Toà soạn: Hòm thư 23A Hà Nội.

TUỔI TRẺ MỚI, cơ quan Giáo dục thanh, thiếu nhi Việt Nam mới. Báo ra hằng tuần. Xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 9 phố Đội Cung.

TUỔI TRẺ SỐNG ĐẸP, số chuyên đề của tờ tạp chí *Thanh niên*, ra hằng tháng. Số 1 tháng 3.1994. Toà soạn: số 64 phố Bà Triệu.

TUỔI TRẺ THỦ ĐÔ, báo của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Hà Nội. Nguyên là bản tin *Thanh niên Hà Nội* ra hằng tháng, số 1 ra tháng 3.1982. Đầu năm 1985 đổi tên là *Tuổi trẻ Thủ đô*. Lúc đầu ra tháng hai kì, sau ra hằng tuần ngày 7.10.2005 ra số 1 bộ mới. Toà soạn: số 14A phố Phan Chu Trinh, sau chuyển đến số 19 phố Lý Thường Kiệt.

TUỔI TRẺ VÀ HẠNH PHÚC, phụ san chuyên đề báo *Tiền phong*, cơ quan Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Ra tháng hai kì, năm thứ nhất: 1997 (xem thêm *Tiền phong)*. Toà soạn: số 1 phố Nguyễn Gia Thiều, sau chuyển đến số 55 phố Quang Trung.

TUỔI XANH, báo của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 12.1988. Toà soạn: số 64 phố Bà Triệu.

TUYÊN HUẤN, tạp chí của Ban Tuyên huấn Thành uỷ, Đảng Cộng sản Đông Dương thành phố Hà Nội, xuất bản trong Kháng chiến chống Pháp.

TUYÊN HUẤN, tạp chí hướng dẫn học tập và công tác tuyên truyền của Ban Tuyên huấn Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.1959.

TUYÊN TRUYỀN (xem *Sổ tay tuyên truyền)*.

TƯ VẤN TIÊU DÙNG, tạp chí của Hội Khoa học kinh tế Việt Nam, ra hằng

tháng. Số 1 ra tháng 1.1996. Chuyên san của *Thời báo kinh tế*. Toà soạn: số 175 Nguyễn Thái Học.

TỨ DÂN TẠP CHÍ, báo ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 8.3.1930, ra đến số 51 ngày 9.4.1932 thì ngừng. Toà soạn: số 26 phố Hàng Đậu.

TỨ DÂN VĂN UYỂN, ra tháng hai số vào ngày 1 và 15. Số 1 ngày 1.1.1934, xuất bản đến số 35 tháng 11.1943 thì ngừng. Người sáng lập: Toàn quyền René Robin và thống sứ Tholance.

TỰ DO, báo của Việt Nam Quốc dân đảng. Ra tháng 1.1946.

TỰ DO, báo hằng ngày, số 1 ra ngày 9.4.1949, ra đến số 113 ngày 28.7.1949 bị rút giấy phép. Sau ra tiếp tờ *Công dân*. Toà soạn: số 40 phố Hàng Bát (cũ).

TỰ ĐỘNG HOÁ NGÀY NAY, tạp chí của Hội Khoa học công nghệ tự động hoá. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 2001. Toà soạn: 184 Thái Thịnh.

TỰ HỌC, báo của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển tự học. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 2000. Toà soạn: số 25 phố Hàn Thuyên.

TỰ TRỊ, báo của Tổng hội Sinh viên Việt Nam. Ra sau khi Nhật đảo chính Pháp (9.3.1945) đến trước ngày khởi nghĩa (19.8.1945).

TƯƠNG LAI, báo ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 2.9.1936. Giám đốc: Nguyễn Doãn Chí. Toà soạn: số 60 phố Hàng Cót.

TƯƠNG LAI, tuần báo chính trị, kinh tế, xã hội. Số 1 năm 1937, ra đến số 13 ngày 22.4.1937 thì ngừng. Toà soạn: số 16B phố Đường Thành.

TƯƠNG LAI, tuần báo chính trị, xã hội, văn chương. Số 1 tháng 11.1945 đến 1946 thì ngừng. Toà soạn: số 83 phố Hàm Long.

UNION (L') INDOCHINOISE, tuần báo ra ngày thứ sáu, bằng chữ Pháp. Số 1 ra ngày 7.7.1933, ra đến số 51 ngày 29.6.1934 thì ngừng. Toà soạn: số 48 phố Henri d'Orléans (Phùng Hưng).

VĂN, tuần báo sáng tác, phê bình giới thiệu, sinh hoạt văn học, tin văn thơ của Hội Nhà văn Việt Nam. Số 1 ra tháng 5.1957; số cuối cùng là 37 ra tháng 1.1958.

VĂN HIẾN, tạp chí của Trung tâm Bảo tồn và Phát huy văn hoá dân tộc Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Năm thứ nhất: 2001. Toà soạn: số 4B/34A phố Lý Nam Đế.

VĂN HOÁ, tạp chí văn hoá, nghệ thuật, tư tưởng, ra hằng tháng. Số 1 ra ngày 5.1.1941, ra đến số 5 ngày 31.7.1941 thì ngừng. Toà soạn: số 40-42 phố Duvillier (Nguyễn Thái Học) sau chuyển đến số 17 Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng).

VĂN HOÁ, tập san nghiên cứu lí luận, hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Văn hoá, ra hằng tháng, năm thứ nhất: 3.1957. Tháng 1.1962 đổi là báo *Văn hoá*, ra tháng hai kì. Tháng 1.1970, chuyển thành tạp chí *Văn hoá nghệ thuật*. Năm 1992 sáp nhập với *Tạp chí thông tin*.

VĂN HOÁ, tạp chí của Bộ Văn hoá - thông tin. Tiền thân là tờ "*Văn hoá nghệ thuật*. Lúc đầu ra hằng tháng, sau ra tháng hai kì, hằng tuần, rồi tuần hai kì vào ngày thứ tư và thứ sáu. Hằng tháng xuất bản đặc san *Văn hoá*. Hằng tuần ra chuyên

đề *Văn hoá nông thôn - miền núi và dân tộc và số chủ nhật*. Toà soạn: số 26 phố Điện Biên Phủ, sau đến số 124 phố Nguyễn Du.

VĂN HOÁ DÂN GIAN, tạp chí của Viện Nghiên cứu Văn hoá dân gian, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra ba tháng một kì. Số 1 ra tháng 11.1983. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

VĂN HOÁ CÁC DÂN TỘC, tạp chí của Hội Văn học các dân tộc Việt Nam, bằng chữ Việt và chữ Hán. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1994. Toà soạn: số 1 phố Giang Văn Minh.

VĂN HOÁ DOANH NHÂN VIỆT NAM, tạp chí của Trung tâm Văn hoá doanh nhân Việt Nam, số 1+2 ra tháng 9.2005. Toà soạn: Nhà số 1 ngõ 319 đường Tam Trinh.

VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT, tạp chí của Bộ Văn hoá - thông tin. Ra hằng tháng (xem *Nghiên cứu nghệ thuật)*.

VĂN HOÁ NGHỆ THUẬT ĂN UỐNG, tạp chí của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Ra hằng tháng, nay ra tháng ba kì. Số 1 ra tháng 10.1997. Tòa soạn: số 6 phố Lê Thánh Tông, sau chuyển đến số 111 phố Đặng Tiến Đông.

VĂN HOÁ TẠP CHÍ, báo hằng tuần. Số 1 ra ngày 29.6.1939. Sau khi ra số 2 ngày 30.12.1939 ngừng lại. Tục bản, đánh số 1 ngày 30.12.1940, ra đến năm 1945. Toà soạn: số 17 Francis Garnier (Đinh Tiên Hoàng).

VĂN HOÁ - THÔNG TIN, tập san của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội (xem *Sổ tay công tác văn hoá - thông tin)*.

VĂN HOÁ TÙNG BIÊN, tạp chí của Việt Nam văn hoá hiệp hội. Ra hằng tháng. Số 1 tháng 1.1951, đến năm 1953 đổi tên là *Văn hoá*, ra tiếp đến cuối năm. Toà soạn: Đền Ngọc Sơn.

VĂN HOÁ - VĂN NGHỆ CÔNG AN, tạp chí của Bộ Công an. Tạp chí ra hàng tháng. Số 1, ra tháng 1.1996. Toà soạn: số 92B phố Nguyễn Du, sau chuyển đến số 66 phố Hàng Bông Thợ Nhuộm.

VĂN HỌC, tuần báo của Hội Nhà văn Việt Nam. Ra tiếp tuần báo *Văn*. Số 1 tháng 5.1958, ra đến tháng 4.1963, hợp nhất với tạp chí *Văn nghệ* thành tuần báo *Văn nghệ* (xem thêm các mục: *Văn, Văn nghệ)*. Toà soạn: số 17 phố Trần Quốc Toản.

VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI, tạp chí dịch của Hội Nhà văn Việt Nam. Xuất bản hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 2.1996. Toà soạn: số 9 phố Nguyễn Đình Chiểu.

VĂN HỌC TẠP CHÍ, tạp chí, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 5.1932, ra hằng tháng. Từ số 6 ngày 1.11.1932, mỗi tháng ra hai kì, đến số 34 ngày 21.4.1934, ra hằng tuần. Số cuối tháng, tháng 8.1935. Toà soạn: số 193 phố Hàng Bông.

VĂN HỌC VÀ TUỔI TRẺ, tạp chí của Nhà xuất bản Giáo dục, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 9.1994. Toà soạn: số 187B phố Giảng Võ.

VĂN HỮU, tạp chí cơ quan cổ động sách báo, sân khấu, mĩ thuật, ra hằng tháng, số 1 ra ngày 2.11.1946.

VĂN MỚI, tuần báo văn chương và mĩ thuật. Số 1 sau đó ngày 15.2.1939, bị cấm;

tái bản ngày 3.6.1939, số 1 loại mới. Ngừng xuất bản nhiều lần, ra lại đổi tên là *Văn mới nghị luận*, tạp chí xuất bản hằng tháng, số 1 ra ngày 10.10.1944. Năm cuối cùng: 1945. Toà soạn: số 7 Charron (Mai Hắc Đế), sau chuyển đến số 157 phố Hàng Bông.

VĂN NGHỆ, tạp chí của Hội Văn nghệ Việt Nam. Ra đời ở Việt Bắc trong Kháng chiến chống Pháp. Số 1 ra tháng 3.1948. Tháng ra một kì. Từ số 57 tháng 11.1954, chuyển về Hà Nội, ra tháng ra hai kì. Đến khi thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, ra báo *Văn*, tờ *Văn nghệ* chuyển thành tạp chí của Hội Văn nghệ (sau là Hội Liên hiệp văn học - nghệ thuật) ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 6.1957, ra đến số 71 tháng 4.1963 thì hợp nhất với tờ *Văn học* thành tuần báo *Văn nghệ* của Hội Nhà văn Việt Nam. Toà soạn: số 17 phố Trần Quốc Toản.

VĂN NGHỆ, tuần báo sáng tác, lí luận, phê bình, thông tin văn học - nghệ thuật của Hội Nhà văn Việt Nam. Ra thứ bảy hằng tuần. Nguyên là tờ *Văn học* hợp nhất với tạp chí *Văn nghệ* (xem thêm các mục: *Văn, Văn học, Văn nghệ*). Số 1 ra ngày 3.5.1963. Phụ san: - *Văn nghệ dân tộc miền núi* (hằng tháng, từ năm 1995) - *Văn nghệ trẻ* (lúc đầu ra hằng tháng, sau ra chủ nhật hằng tuần, từ năm 1995), báo *Thơ*. Toà soạn: số 17 phố Trần Quốc Toản.

VĂN NGHỆ ĐẶC SAN, phụ trương của tuần báo *Văn nghệ* (bộ mới), Hội Nhà văn Việt Nam. Số ra mắt, tháng 9.1993.

VĂN NGHỆ HÀ NỘI, tạp chí của Sở Văn hoá Hà Nội. Nguyên là hai tờ *Đường phố mới* và *Tiếng máy* nhập lại. Số 1 ra tháng 4.1961. Chỉ ra được 10 kì thì ngừng.

VĂN NGHỆ QUÂN ĐỘI, tạp chí của Tổng cục Chính trị, Quân đội nhân dân Việt Nam, ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1. 1957. Phụ san *Văn nghệ quân đội* ra tháng hai kì, từ đầu năm 1998. Toà soạn: số 4 phố Lý Nam Đế. Tiền thân là tờ *Sinh hoạt văn nghệ*, ra tháng hai kì trong kháng chiến ở Việt Bắc, số 1 ra ngày 23.2.1952, ra đến 1955 được 30 số (từ cuối năm 1954 in ở Hà Nội).

VẬT LÍ NGÀY NAY, tạp chí của Hội vật lí Việt Nam xuất bản 2 tháng một kì. Năm thứ nhất: 1990. Toà soạn: Nhà 4 Đại học Bách khoa.

VỆ NÔNG BÁO, tạp chí tháng ra hai kì. Năm thứ nhất: 1923, ra đến số 90 tháng 12.1933. Sở Nông nghiệp Bắc Kỳ chỉ đạo. Toà soạn: số 80-82 phố Hàng Gai.

VỆ SINH BÁO, ra ngày 15 hằng tháng. Năm thứ nhất: 1927. Từ năm 1932 ba tháng ra một kì. Số cuối cùng: 75, ra quý III-1933. Toà soạn: số 59 phố Paul Bert (Tràng Tiền).

VÌ DÂN, báo ra ngày. Số 1 ra ngày 1.1.1948, ra đến số 184 ngày 12.8.1948 thì ngừng.

VÌ NƯỚC, báo hằng ngày. Số 1 ra tháng 12.1945 ra đến 1946 thì ngừng. Phát hành buổi chiều. Chủ nhiệm: Nguyễn Đức Thuyết. Tòa soạn: số 38 phố Hàng Bột (Tôn Đức Thắng).

VÌ NƯỚC, báo hằng ngày. Số 1 ra ngày 27.9.1949, ra đến số 34 ngày 4.11.1949 thì ngừng.

VÌ TRẺ THƠ, tạp chí của Uỷ ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam. Tạp chí ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 3.1991. Toà soạn: số 12 phố Hồ Xuân Hương, sau chuyển đến số 35 phố Trần Phú.

VIE (LA) INDOCHINOISE, báo ra hằng tuần chính trị, văn học. Chữ Pháp. Số 1 ngày 16.12.1933, ra đến số 13 ngày 29.3.1934 thì đình bản. Toà soạn: số 6 phố Puginier (Điện Biên Phủ).

VIỄN THÔNG - TIN HỌC, phụ trương của báo *Đầu tư* (xem mục này).

VIỆT BÁO, báo hằng ngày, số 1 ra ngày 18.8.1936, số cuối cùng: 1689 ra ngày 9.2.1942. Toà soạn: số 24 phố Gia Long (Bà Triệu), sau chuyển đến số 70-80 phố Hàng Đường.

VIỆT CƯỜNG, kế tục tờ *Việt báo*. Số 1 ra 10.2.1942, số cuối cùng 906 ra ngày 10.3.1945. Toà soạn: số 51 phố Hàng Bồ.

VIỆT DÂN, tạp chí của Việt Nam Y dược hội. Số 1 ra tháng 4.1936.

VIETNAM, báo chữ Pháp. Chỉ ra được ba số. Số 1 ra ngày 1.7.1934; số 3, ra ngày 15.7.1934 thì ngừng. Toà soạn: số 193 phố Hàng Bông.

VIETNAM, tuần báo chữ Anh. Xuất bản năm 1945. Chủ nhiệm: Trần Tử Anh.

VIỆT NAM, báo của Việt Nam Quốc dân đảng. Số 1 ra ngày 15.11.1945, ra đến số 37 ra ngày 30.11.1946 thì đình bản. Toà soạn: số 23 phố Quán Thánh, sau chuyển đến số 80 phố Quán Thánh.

VIỆT NAM, tạp chí chính trị, xã hội, văn hoá và kinh tế, bằng chữ Pháp. Chỉ ra được 5 số. Số 1 ra ngày 15.10.1949; số 5 ra ngày 16.12.1949. Toà soạn: số 214B phố Hàng Bông.

VIETNAM ADVANCES, tạp chí của cơ quan của Uỷ ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài, bằng chữ Anh. Xuất bản từ năm 1956-1963.

VIETNAM AVIATION, tạp chí của Hàng không Việt Nam, bằng chữ Anh. Ba tháng ra một kì. Toà soạn: Sân bay Gia Lâm.

VIỆT NAM ẤN LOÁT, tập san của Hội Việt Nam ấn cục Bắc Việt. Xuất bản từ năm 1953-1954.

VIETNAM BANKING REVIEW, tạp chí của Ngân hàng Quốc gia Việt Nam bằng chữ Anh. Lúc đầu ra hằng tháng, sau ra tháng hai kì. Số 1 ra tháng 1.1994. Toà soạn: số 13 phố Đê La Thành.

VIETNAM BUSINESS, tạp chí giới thiệu nghiệp vụ xuất khẩu, bằng hai thứ chữ Việt - Anh. Tháng ra hai kì. Số 1 ra ngày 15.1.1991. Toà soạn: số 46 phố Ngô Quyền.

VIETNAM COOPÉRATION INVESTISSEMENT, tạp chí của Uỷ ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư bằng chữ Pháp. Tháng ra hai kì. Số 1 ra ngày 1.4.1993. Toà soạn: số 3 phố Phan Huy Chú.

VIETNAM COURRIER, tạp chí của Thông tấn xã Việt Nam, ra chủ nhật hằng tuần. Loại mới bằng chữ Anh, số 1 ra ngày 5.9.1993. Toà soạn: số 33 phố Lê Thánh Tông.

VIỆT NAM DÂN QUỐC CÔNG BÁO (xem *Công báo nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam).*

VIETNAM (LE) DÉMOCRATIQUE, báo chữ Pháp. Số 1 ra tháng 4.1955. Toà soạn: số 13 phố Phan Chu Trinh.

VIỆT NAM ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI (xem *Đầu tư).*

VIETNAM ECONOMIC NEW, tuần báo bằng chữ Anh của Trung tâm Thông tin thương mại, Bộ Thương mại. Ra tuần 1 kì, vào ngày thứ hai. Lúc đầu là bản tin, số 1 ra tháng 6.1991. đến 1992 ra báo tuần. Toà soạn: số 46 phố Ngô Quyền, sau chuyển đến 6 phố Nguyễn Chí Thanh.

VIETNAM ECONOMIC TIMES, tạp chí bằng chữ Anh Trung ương Hội Khoa học kinh tế Việt Nam. Ra hằng tháng. Số 1 ra ngày 15.3.1994. Toà soạn: số 10 phố Đường Thành, sau chuyển đến số 175 phố Nguyễn Thái Học.

VIETNAM (LE) EN MARCHE, tạp chí bằng chữ Pháp của Uỷ ban Liên lạc văn hoá với nước ngoài. Ra từ năm 1956 đến năm 1963.

VIETNAMESE LAW JOURNAL, tạp chí bằng hai thứ chữ Anh và Pháp của Hội Luật gia Việt Nam. Năm thứ nhất: 1995.

VIETNAMESE STUDIES, tạp chí bằng tiếng Anh của "*Etudes Vietnamiennes*", sau đổi tên là *Vietnam studies,* ra ba tháng một kì. Số 1 ra năm 1964. Quý I.1983 ra bộ mới. Toà soạn: số 46 phố Trần Hưng Đạo.

VIETNAMESE TRADE UNION, tạp chí bằng chứ Anh của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam. Ra hai tháng một kì. Toà soạn: số 82 phố Trần Hưng Đạo.

VIỆT NAM HỒN, tuần báo ra ngày chủ nhật. Xuất bản từ năm 1945-1946. Tòa soạn: số 10 phố Huế.

VIỆT NAM HƯƠNG SẮC, tạp chí của Hội Sinh vật cảnh Việt Nam. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 10.1993. Tòa soạn: 10 đường Thành, chuyển đến số 38 phố Lý Nam đế, rồi đến số 76 phố Thợ Nhuộm.

VIETNAM INVESTMENT REVIEW, bản tin tiếng Anh của báo *Đầu tư,* ra thứ hai hằng tuần. Số 1 ra ngày 21.10.1991. Toà soạn: số 56 phố Quốc Tử Giám.

VIỆT NAM KHOẺ, tuần báo vận động phổ thông thể dục - thể thao của Nha Thể dục Trung ương. Xuất bản năm 1946. Toà soạn: số 6 phố Hoàng Diệu.

VIỆT NAM KINH TẾ, tuần báo nông, công, thương. Số 1 ra ngày 7.2.1949, ra đến số 37 ngày 10.12.1949. Toà soạn: số 42 phố Hàng Trống.

VIỆT NAM KINH TẾ NGUYỆT SAN, tạp chí của Bộ Quốc dân kinh tế. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 5.1946.

VIETNAM LAW & LEGAL FORUM, tạp chí bằng chữ Anh của Thông tấn xã Việt

Nam. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 9.1994. Phụ san phần *Công báo* ra bốn tháng một kì. Toà soạn: số 33 phố Lê Thánh Tông.

VIETNAM NET (www. vnn.vn.), báo điện tử. Có các trang: Vietnam net nhận định, Truyền hình Vietnam net, Thể thao Vietnam net, giai điệu xanh, Net mode, Vietnam net mobile.

VIETNAM NEWS, báo chữ Anh của Thông tấn xã Việt Nam. Ra hằng ngày. Lúc đầu ra hằng tuần. Số 1 ra ngày 17.6.1991. Phụ san *Vietnam news sunday* ra Chủ nhật. Toà soạn: số 79 phố Lý Thường Kiệt, sau chuyển đến tầng 4, nhà 11 phố Trần Hưng Đạo.

VIETNAM OBSHESTVENNYE NAUKI, tạp chí bằng chữ Nga của Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam, sau là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra ba tháng một kì. Số 1 ra quý III-1954. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

VIỆT NAM QUỐC PHÒNG TẬP SAN, tạp chí của Bộ Quốc phòng. Xuất bản từ năm 1946 đến năm 1949.

VIETNAM SCIENCES SOCIALES VÀ VIETNAM SOCIAL SCIENCES, tạp chí của Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam, sau là Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra ba tháng một kì, sau ra hai tháng một kì. Xuất bản đồng thời hai loại bằng chữ Pháp và bằng chữ Anh. Số 1 ra quý III-1984. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

VIETNAM SOCIAL ECONOMIC DEVELOPMENT, tập san bằng chữ Anh của Viện Kinh tế, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, ra ba tháng một kì. Số 1 ra quý I-1995. Toà soạn: số 27 phố Trần Xuân Soạn.

VIỆT NAM THANH NIÊN TẠP CHÍ, tạp chí của Hội Sinh viên Việt Nam, bằng hai thứ tiếng Việt và Pháp. Hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 7 + 8.1923, ra đến số 4 tháng 1 + 2.1924 thì ngừng. Toà soạn: số 5 phố Vọng Đức.

VIỆT NAM THƯƠNG MẠI KĨ NGHỆ, tạp chí bênh vực quyền lợi thương mại, kĩ nghệ Việt Nam. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.1939, đến số 10 ra tháng 10.1939 thì ngừng. Toà soạn: số 57 phố Phúc Kiến (Lãn Ông).

VIỆT NAM Y BÁO, nguyệt san của Hội Việt Nam Y học. Số 1, ra ngày 1.6.1940, số cuối cùng, ra tháng 12.1940 thì đình bản. Toà soạn: số 47 phố Phúc Kiến (nay là phố Lãn Ông).

VIỆT NHẠC, tạp chí ra một tháng hai kì. Số 1, ra ngày 16.8.1948, ra đến số 31, ngày 16.12.1949.

VIỆT NỮ, tập san ra hằng tuần. Số 1, ra ngày 7.4.1937, ra đến số 12, tháng 11.1937 thì ngừng. Toà soạn: số 24 phố Gia Long (Bà Triệu).

VIỆT NỮ, tập san nghị luận, xã hội, giáo dục của phụ nữ Việt Nam. Xuất bản từ năm 1945-1946.

VIỆT THANH, tạp chí văn hoá, thể dục của thanh niên. Số 1, ra ngày 28.5.1948, ra đến số 33, ngày 8.1.1949 thì ngừng.

VỊT ĐỰC, báo trào phúng ra hằng tuần vào ngày thứ tư. Số 1, ngày 24.1.1938, ra đến số 53, tháng 7.1939 thì ngừng. Toà soạn: số 11 phố Julien Blanc (nay là phố Phủ Doãn).

VNA DAILY BULLETIN, bản tin hằng ngày bằng chữ Anh của Thông tấn xã Việt Nam. Số 1 ra ngày 15.9.1945. Toà soạn: số 5 phố Lý Thường Kiệt.

VNMEDIA VN (www.vnmedia.vn), báo điện tử của Tổng công ti Bưu chính viễn thông. Toà soạn: số 292 phố Tây Sơn.

VOV NEWS, báo điện tử của *Đài Tiếng nói Việt Nam*, hoà mạng từ ngày 3.2.1999, bằng hai thứ chữ Việt và Anh. Trụ sở: số 45 phố Bà Triệu.

VÔ TUYẾN TRUYỀN THANH (TSF), báo tuần, số 1 ra ngày 4.12.1939, ra đến số 3 tháng 6.1940 thì ngừng. Toà soạn: số 26 phố Reinach, sau chuyển đến số 9 phố Hàng Bè. (*Tao Đàn* số 11 đưa tin báo *Vô tuyến truyền thanh* lại tái bản ngày 20.7.1939. Toà báo: số 45 phố Mã Mây).

VÔ TƯ, báo nghị luận, văn chương, ra chủ nhật hằng tuần. Số 1 ra ngày 9.5.1948, ra đến số 18 ngày 5.9.1948 thì ngừng. Toà soạn: số 96 phố Huế.

VUI SỐNG, tạp chí truyền bá vệ sinh và y học của Cục Quân y, Bộ Quốc phòng, Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm thứ nhất, số 1 tháng 6.1946. Trong Kháng chiến chống Pháp, xuất bản ở Việt Bắc. Toà soạn lúc đầu: số 54 phố Hai Bà Trưng.

VUSTA (www.Vusta.org.vn.), báo điện tử của Liên hiệp các Hội Khoa học - Kĩ thuật Việt Nam. Ban biên tập: số 53 phố Nguyễn Du.

WOMEN OF VIETNAM, tạp chí bằng chữ Anh của Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Xuất bản năm 1958-1964. Toà soạn: số 47 phố Hàng Chuối.

XÃ HỘI HỌC, cơ quan của Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam, sau Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Ra ba tháng một kì. Năm thứ nhất: 1983. Toà soạn: 27 Trần Xuân Soạn. Còn xuất bản bằng chữ Pháp *Vietnam sciences sociales* và chữ Anh *Vietnam social sciences*.

XÃ HỘI THÔNG TIN, tạp chí của Trung tâm Thông tin bưu điện, Tổng công ti Bưu chính viễn thông Việt Nam. Xuất bản hằng tháng. Số 1 ra tháng 1.2003. Phụ san: *Sức mạnh số*. Toà soạn: số 142 đường Lê Duẩn.

XÂY DỰNG, cơ quan của Bộ Xây dựng, xuất bản tuần 3 kì và số cuối tháng. Năm thứ nhất: 1998. Toà soạn: số 37 phố Lê Đại Hành.

XÂY DỰNG ĐẢNG, tạp chí của Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Ra hằng tháng. Số 1 ra tháng 1. 1965. Toà soạn: số 10 phố Nguyễn Cảnh Chân.

XÂY DỰNG VÙNG KINH TẾ MỚI, tạp chí của Tổng cục Khai hoang. Ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 6.1978.

XE HƠI, tạp chí của Bộ Giao thông vận tải. Xuất bản năm 1955, đến năm 1957 sáp nhập hợp với các tập san khác thành tạp chí *Giao thông*, đến năm 1962 đổi là *Giao thông Vận tải* (xem các mục này).

XUẤT BẢN, tạp chí thông tin sách và công nghệ in của Cục Xuất bản, Bộ Văn hoá-Thông tin, ra hai tháng một kì. Số 1 ra tháng 10.1995, sau đổi tên là *Tạp chí sách* (1997), từ năm 2004 lại gọi là *Tạp chí xuất bản*, ra hằng tháng. Toà soạn: số 10 phố Đường Thành.

XƯA VÀ NAY, tạp chí của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam. Lúc đầu ra hằng tháng, sau ra tháng hai kì sau thành tạp chí hằng tháng. Năm thứ nhất: 1994. Toà soạn: số 25 phố Tông Đản.

Y HỌC THẢM HOẠ VÀ BỎNG, tạp chí của Viện Bỏng quốc gia, Bộ Y tế. Xuất bản 3 tháng một kì. Năm thứ nhất: 2001. Toà soạn: Viện Bỏng quốc gia.

Y HỌC THỰC HÀNH, tập san của Bộ Y tế, ra hai tháng một kì. Năm thứ nhất: 1955. Toà soạn: số 138A phố Giảng Võ.

Y HỌC THƯỜNG THỨC, chỉ ra được một số, ngày 15.6.1939. Toà soạn: số 22 phố Pottier (Bảo Khánh).

Y HỌC VIỆT NAM, tạp chí của Tổng hội Y dược học Việt Nam. Năm thứ nhất: 1955. Toà soạn: số 68 phố Bà Triệu.

Y TÁ TÙNG BIÊN, tạp chí của Hội Nam nữ Y tá Bắc Kỳ. Ba tháng ra một kì. Số 1 ra ngày 15.8.1940, ra đến số 8, ngày 15.5.1942 thì ngừng. Toà soạn: số 18 Ngõ Huyện, sau chuyển đến số 48 phố Hàng Nón.

Ý DÂN, báo hằng ngày, số 1 ra tháng 11.1945, ra đến số 136, tháng 5.1946 thì ngừng.

ZÂN, tạp chí nghiên cứu các vấn đề chính trị, xã hội. Ra hằng tháng. Số 1 ra ngày 15.7.1938, ra đến số 10 tháng 2.1940 thì ngừng. Toà soạn: số 24 phố Richaud (Quán Sứ).

ZÂN MỚI, tuần báo, Số 1 ngày 18.3.1948, ra đến số 105 ngày 21.4.1949.

Các nhà xuất bản trên Địa bàn hà nội từ sau ngày giải phóng thủ đô từ tháng 10.1954 đến nay

ÂM NHẠC (DIHAVINA), cơ quan thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin. Thành lập năm 1957 lấy tên Nhà xuất bản Mĩ thuật - Âm nhạc, rồi Nhà xuất bản Âm nhạc - Đĩa hát, sau là Nhà xuất bản Văn hoá. Năm 1986 lập lại Nhà xuất bản Âm nhạc. Năm 1995, nhập thêm Công ti Video Vietnam. Xuất bản:

- Các loại sách nhạc lí, kĩ thuật thanh nhạc, khí nhạc, nghiên cứu, lí luận, giáo trình âm nhạc, tác phẩm âm nhạc...

- Các chương trình gốc audio, video, các băng từ và đĩa CD âm thanh và hình. Địa chỉ số 61 phố Lý Thái Tổ - Hà Nội.

BẢN ĐỒ, tiền thân là tổ biên tập Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước (1980), Xưởng biên tập Cục Đo đạc và Bản đồ Nhà nước (1983), Trung tâm Biên tập (1956), Trung tâm Biên tập - Xuất bản bản đồ (1990). Ngày thành lập chính thức Nhà xuất bản

28.1.1995. Cơ quan thuộc Tổng cục Địa chính (nay thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường). Xuất bản: Các loại bản đồ địa hình, hành chính, quy hoạch, dưới mọi hình thức: tờ rời, atlat, địa cầu, bản đồ nổi, băng từ, đĩa từ về bản đồ với các tỉ lệ. Các ấn phẩm liên quan đến ngành địa chính. Địa chỉ: số 73 phố Nguyễn Chí Thanh, nay là số 85 phố Nguyễn Chí Thanh.

BƯU ĐIỆN, cơ quan thuộc Tổng cục Bưu điện. Thành lập năm 1997. Xuất bản các ấn phẩm chuyên ngành bưu điện, bưu chính, các sách nghiên cứu khoa học, văn học của ngành. Địa chỉ: số 11 phố Trần Quốc Toản, số 18 phố Nguyễn Du.

CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ (Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc)

CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Thành lập ngày 5.12.1945 lấy tên là Chính trị quốc gia - Sự thật, tiền thân là Nhà xuất bản Cờ Giải phóng. Thời kì đầu (1945) do đồng chí Trường Chinh trực tiếp chỉ đạo. Đến năm 1946 do đồng chí Lê Văn Lương phụ trách.

Trước năm 1946, Nhà xuất bản đóng tại số nhà 65 phố Hàng Đào. Đến giữa năm 1946, số nhà 24 phố Phan Chu Trinh (nay là phố Hàng Đẫy hay phố Nguyễn Thái Học). Xuất bản phẩm đầu tiên là cuốn *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của C. Mác và Ph. Ăngghen dịch từ tiếng Pháp. Tiếp đó là tái bản cuốn *Chủ nghĩa Các Mác* của Hải Triều viết từ thời kì Mặt trận Dân chủ (1936-1939), và xuất bản nhiều cuốn sách khác. Sau Ngày giải phóng Thủ đô, Nhà xuất bản trở về Hà Nội, tiếp tục hoạt động. Lúc đầu, cơ quan đóng tại số 4 phố Đặng Thái Thân, sau chuyển đến số 22-24 phố Quang Trung cho đến nay. Ngày 20.11.1992 hợp nhất với ba nhà xuất bản: Tư tưởng - Văn hoá, Thông tin - Lí luận và Pháp lí thành Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật. Chức năng, nhiệm vụ: truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước thông qua việc xuất bản: tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Hồ Chí Minh và các vị lãnh đạo khác của Đảng và Nhà nước, sách phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin và phổ biến kiến thức chính trị - xã hội, các công trình nghiên cứu, tổng kết lí luận và chỉ đạo thực tiễn, sách về xây dựng nhà nước pháp quyền, về đường lối đối ngoại, sách tra cứu, tham khảo về chính trị - xã hội...

Do đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động xuất bản, nên Nhà xuất bản đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng: Huân chương Hồ Chí Minh ngày 13 tháng 12 năm 1990. Huân chương Hồ Chí Minh (lần thứ hai) ngày 4 tháng 12 năm 2002.

CÔNG AN NHÂN DÂN, Thành lập ngày 10.2.1981. Xuất bản các loại sách và đề tài "Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội", bao gồm:

Sách hướng dẫn nghiệp vụ, nghiên cứu, tổng kết, lịch sử, giáo khoa, giáo trình của ngành an ninh.

Sách văn học - nghệ thuật, văn hoá phẩm... Địa chỉ: số 167 phố Mai Hắc Đế.

CÔNG NHÂN KĨ THUẬT, cơ quan xuất bản của Bộ Công nghiệp. Hoạt động trong những năm 70-80. Xuất bản các giáo trình dạy nghề, hướng dẫn nghiệp vụ, phổ biến kiến thức về các ngành công nghiệp cho công nhân. Sau khi đình hoạt

động, chức năng này chuyển cho Nhà xuất bản Khoa học và Kĩ thuật. Địa chỉ: số 42 phố Gia Ngư.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI, cơ quan xuất bản của Trường Đại học Quốc gia Hà Nội. Thành lập ngày 12.12.1995. Xuất bản các giáo trình, sách tham khảo, nghiên cứu, tra cứu phù hợp với mục tiêu đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường. Địa chỉ: số 16 phố Hàng Chuối.

ĐẠI HỌC VÀ TRUNG HỌC CHUYÊN NGHIỆP, cơ quan xuất bản của Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp (cũ). Khi sáp nhập hai Bộ: Giáo dục và Đại học và Trung học chuyên nghiệp thì nhà xuất bản thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, chức năng nhiệm vụ của nhà xuất bản này chuyển sang Nhà xuất bản Giáo dục (1992). Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ xuất bản các giáo trình, tài liệu tham khảo cho các trường. Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Địa chỉ: số 45 phố Hàng Chuối (Nhà xuất bản Giáo dục).

GIAO THÔNG VẬN TẢI, cơ quan xuất bản của Bộ Giao thông vận tải xuất bản các loại sách sau:

Khoa học kĩ thuật, quản lí kinh tế, sách giáo khoa, từ điển, quy trình, quy phạm, tiêu chuẩn, luật lệ.

Sách chính trị, văn nghệ, truyền thống của ngành. Địa chỉ: số 40 phố Phùng Hưng sau chuyển đến số 80B phố Trần Hưng Đạo.

NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI, cơ quan xuất bản tổng hợp của Đảng bộ và Chính quyền thành phố Hà Nội. Thành lập ngày 24.11.1979. Xuất bản loại sách chính trị, xã hội, khoa học - kĩ thuật, văn hoá - nghệ thuật và các ấn phẩm văn hoá khác. Quan tâm đến đề tài giáo dục chính trị, tư tưởng và đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân Thủ đô. Sách viết về Hà Nội. Được Bộ Văn hoá - Thông tin giao thêm nhiệm vụ xuất bản các sách và ấn phẩm phục vụ tôn giáo ở các tỉnh, thành phía bắc. Địa chỉ: số 4 phố Tống Duy Tân.

HỘI NHÀ VĂN, cơ quan xuất bản trực thuộc Hội Nhà văn Việt Nam. Thành lập năm 1957. Sau hai năm hoạt động (1957-1958) sáp nhập vào Nhà xuất bản Văn học. Tháng 5.1976 đến năm 1990 tái lập với tên Nhà xuất bản *Tác phẩm mới*. Từ năm 1990 đổi lại tên cũ Nhà xuất bản Hội nhà văn. Xuất bản:

Tác phẩm văn học trong nước.

Tác phẩm dịch văn học nước ngoài. Ngoài ra có:

Tủ sách "Thế giới văn học" giới thiệu chân dung các nhà văn.

Tủ sách "Tinh hoa văn học", xuất bản các tác phẩm xuất sắc nhất của Việt Nam và thế giới.

Các bộ tuyển tập văn học.

HỘI VĂN NGHỆ HÀ NỘI, sau là Nhà xuất bản Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, xuất bản các ấn phẩm do cơ quan Hội vận động sáng tác, từ năm 1967 đến năm 1979. Chủ yếu xuất bản những sách viết về đề tài Hà Nội và tạp chí *Sáng tác*

Hà Nội, trước khi có Nhà xuất bản Hà Nội và báo *Người Hà Nội*. Chịu trách nhiệm xuất bản là chủ tịch Hội hoặc tổng thư kí Hội Văn nghệ Hà Nội: Địa chỉ: số 47 phố Hàng Dầu, sau chuyển đến số 19 phố Hàng Buồm.

KHOA HỌC, nhà xuất bản thành lập năm 1960; đến năm 1967 thì tách bộ phận biên tập sách khoa học xã hội sang Nhà xuất bản Khoa học xã hội, còn lại lập Nhà xuất bản Khoa học và Kĩ thuật.

KHOA HỌC VÀ KĨ THUẬT, nhà xuất bản thuộc Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường. Kế tục Nhà xuất bản Khoa học, từ năm 1967. Đến tháng 2.1993 chuyển thành doanh nghiệp nhà nước. Xuất bản:

Công trình nghiên cứu thuộc tất cả các ngành khoa học, công nghệ và môi trường. Sách tham khảo, tra cứu, cẩm nang, kĩ thuật chuyên ngành và thông dụng. Sách quản lí, kinh tế học, phổ biến khoa học. Các loại từ điển khoa học, công nghệ, môi trường (từ điển song ngữ, đa ngữ, giải thích, đối chiếu, bách khoa). Các văn hoá phẩm, các loại lịch. Địa chỉ: số 70 phố Trần Hưng Đạo.

KHOA HỌC XÃ HỘI, cơ quan thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Thành lập tháng 1.1967, kế tục các nhà xuất bản tiền thân: Nhà xuất bản Văn sử địa (1955-1959). Nhà xuất bản Sử học (1960-1963). Xuất bản sách về tất cả các bộ môn khoa học xã hội (văn, sử, địa, kinh tế, triết học, xã hội học, dân tộc học, tôn giáo học, luật học, tâm lí học, ngôn ngữ học, dân số học, khoa học nhân văn, văn hoá học, khảo cổ học, văn hoá dân gian). Các sách nghiên cứu về khoa học xã hội các nước, các thành tựu khoa học xã hội của Việt Nam và thế giới. Các từ điển ngôn ngữ và chuyên ngành khoa học xã hội.

Địa chỉ: số 61 phố Phan Chu Trinh, số 27 phố Trần Xuân Soạn.

KIM ĐỒNG, cơ quan xuất bản thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Thành lập ngày 17.6.1957. Chuyên xuất bản sách và văn hoá phẩm phục vụ đối tượng thiếu niên, nhi đồng, với các mảng sách chính:

Sách giáo dục truyền thống. Sách viết về con người và cuộc sống mới.

Sách phổ biến kiến thức khoa học, truyện khoa học viễn tưởng.

Tủ sách danh nhân.

Tủ sách vàng (các tác phẩm hay nhất trong và ngoài nước).

Sách văn học nước ngoài.

Truyện tranh.

Địa chỉ: số 62 phố Bà Triệu.

LAO ĐỘNG, cơ quan xuất bản của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam (tiền thân là Hội Công nhân cứu quốc Việt Nam, Tổng Công đoàn). Thành lập ngày 1.11.1945, trong Kháng chiến chống Pháp ngừng hoạt động. Sau Ngày giải phóng Thủ đô nhà xuất bản tiếp tục hoạt động. Xuất bản các loại sách:

Chính trị: - Hướng dẫn thực hiện các nghị quyết của Đảng, luật pháp Nhà nước, văn kiện của Công đoàn Việt Nam.

Kinh tế: nguyên tắc, phương thức, kinh nghiệm về quản lí sản xuất, kinh doanh, kinh nghiệm nước ngoài.

Nghiệp vụ công đoàn.

Văn học, quan tâm đến đề tài công nhân, xây dựng con người mới.

Địa chỉ: số 91 phố Trần Hưng Đạo, rồi số 37 phố Hai Bà Trưng nay là số 175 phố Giảng Võ.

LAO ĐỘNG - XÃ HỘI, cơ quan xuất bản của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội. Địa chỉ: số 2 phố Đinh Lễ, nay là tầng 6 nhà 41B phố Lý Thái Tổ.

LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, cơ quan xuất bản thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, thành lập ngày 2.12.2003, có nhiệm vụ xuất bản các công trình nghiên cứu khoa học về lí luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các kỉ yếu hội thảo; sách giáo khoa, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập, tham khảo theo chương trình đào tạo, bồi dưỡng lí luận chính trị của học viện. Địa chỉ: số 56B phố Quốc Tử Giám.

MĨ THUẬT, cơ quan xuất bản của Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, nay là Hội Mĩ thuật Việt Nam. Thành lập ngày 15.7.1987. Xuất bản các sách: lí luận, nghiên cứu, lịch sử về mĩ thuật của Việt Nam và thế giới, sách tuyển tập tranh của các tác giả hoạ sĩ Việt Nam, các sưu tập tranh, tượng, sách tranh truyện, vựng tập triển lãm, mĩ thuật với đời sống. Các loại văn hoá phẩm: bưu ảnh, tranh tờ, lịch. Địa chỉ số 44B phố Hàm Long.

NGOẠI VĂN, cơ quan xuất bản tổng hợp thuộc Bộ Văn hoá, nay là Bộ Văn hoá-Thông tin. Thành lập ngày 17.3.1957, đến năm 1991 đổi tên là Nhà xuất bản Thế giới. Xuất bản các sách bằng chữ nước ngoài nhằm giới thiệu đất nước, con người, văn hoá Việt Nam với thế giới. Địa chỉ: số 46 phố Trần Hưng Đạo (xem thêm Nhà xuất bản Thế giới).

NÔNG NGHIỆP, cơ quan xuất bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tiền thân là Nhà xuất bản Nông thôn, thành lập ngày 16.1.1957, đến ngày 13.4.1976 đổi tên là Nhà xuất bản Nông nghiệp. Tháng 3.1993, chuyển thành doanh nghiệp nhà nước. Xuất bản tổng hợp, phục vụ các ngành: nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản, thuỷ lợi, bao gồm:

Sách hướng dẫn thực hành và phổ biến kiến thức, chuyển giao công nghệ mới.

Tổ chức sản xuất, chỉ đạo sản xuất và quản lí.

Các công trình nghiên cứu khoa học trong ngành.

Giáo trình đại học, trung học, dạy nghề, các quy trình, quy phạm kĩ thuật.

Các loại lịch mang nội dung phục vụ nông nghiệp.

Địa chỉ: Bách thảo, C10 Kim Liên, nay là D14 Phương Mai.

Nông thôn (xem *Nông nghiệp).*

PHÁP LÍ, cơ quan thuộc Bộ Tư pháp. Xuất bản sách pháp luật. Thành lập vào đầu những năm 80 đến cuối năm 1992 sát nhập vào Nhà xuất bản Chính trị quốc

gia sự thật. Địa chỉ: số 25B phố Cát Linh, số 5 phố Ông ích Khiêm (xem thêm Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật). Năm 2003, nhà xuất bản đã được tái lập với tên Nhà xuất bản Tư pháp.

PHỔ THÔNG, cơ quan thuộc Cục Xuất bản, Bộ Văn hoá. Thành lập năm 1957 đến đầu những năm 80 nhập vào Nhà xuất bản Văn hoá. Xuất bản các sách văn nghệ đại chúng (cổ văn, ca dao, tấu, kịch, thơ) phổ biến kiến thức. Các loại văn hoá phẩm tranh tết, tranh mĩ thuật, tranh dân gian, câu đối, khẩu hiện, lịch...

PHỤ NỮ, cơ quan xuất bản của trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Thành lập năm 1957. Xuất bản các loại sách:

Chính trị về quan điểm giải phóng phụ nữ, đường lối phụ vận của Đảng, các chủ trương, chính sách liên quan đến phụ nữ và trẻ em; truyền thống yêu nước, văn hoá, đạo đức của phụ nữ Việt Nam; gương mặt danh nhân phụ nữ nước ta và thế giới, công tác Hội.

Kiến thức về các lĩnh vực đời sống: Hôn nhân - gia đình, chăm sóc sức khoẻ, khoa học nuôi dạy trẻ, thường thức gia đình, nữ công - gia chánh.

Những tác phẩm văn học Việt Nam và thế giới viết về cuộc sống, quan hệ xã hội - gia đình - tình cảm của phụ nữ và trẻ em. Hình thành các tủ sách: Gia đình, Nữ công - gia chánh, Mẹ kể con nghe, Mẹ dạy con học, Tuổi xanh... Giám đốc: Phương Hằng, Nguyệt Tú, Trần Thu Hương, Mai Quỳnh Giao. Địa chỉ: số 39 phố Hàng Chuối.

QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN, cơ quan xuất bản của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng. Ngày thành lập: 11.12.1957. Xuất bản các loại sách:

Kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin, tác phẩm của Hồ Chủ tịch và các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta về chiến tranh nhân dân, quân đội và khoa học quân sự.

Lịch sử quân đội, lịch sử kháng chiến, lịch sử các quân khu, quân đoàn, quân-binh chủng. Tổng kết kinh nghiệm chiến dịch. Hồi kí của các tướng lĩnh. Sách viết về các anh hùng, đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang, Bà Mẹ Việt Nam anh hùng.

Sách hướng dẫn nghiệp vụ tham mưu, chính trị, hậu cần; giáo trình, giáo khoa, tài liệu giảng dạy trong quân đội.

Tác phẩm văn học nghệ thuật về đề tài "Anh bộ đội cụ Hồ", về chiến tranh nhân dân, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Địa chỉ: số 23 phố Lý Nam Đế (lúc đầu ở số 8 phố Lý Nam Đế).

SÁCH GIÁO KHOA MÁC - LÊNIN, hoạt động trong những năm 80. Xuất bản các giáo trình cho các trường Đảng các cấp. Nhiệm vụ này sau chuyển cho Chính trị quốc gia - Sự thật. Địa chỉ: số 29 phố Nguyễn Đình Chiểu.

SÂN KHẤU, cơ quan xuất bản của Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam. Ngày thành lập: 27.5.1986. Xuất bản các tủ sách:

Sáng tác: kịch bản văn học đương đại, từ kịch nói, kịch thơ đến kịch hát truyền thống.

Cổ điển: dịch và in những tác phẩm lớn của kho tàng sân khấu dân tộc.

Lí luận - phê bình: công trình nghiên cứu khoa học về sân khấu, lịch sử sân khấu, tác giả - tác phẩm, nghiệp vụ.

Sách dịch (cả sáng tác, lí luận của thế giới sân khấu).

SỬ HỌC, cơ quan xuất bản của Viện Sử học. Hoạt động từ 1960 đến 1963 sau thành bộ phận sách lịch sử - xã hội trong Nhà xuất bản Khoa học (1963-1966), đến tháng 1.1967, bộ phận này tách ra thành lập Nhà xuất bản Khoa học xã hội, thuộc Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia. Địa chỉ: số 39 phố Hàng Chuối.

TÁC PHẨM MỚI, cơ quan xuất bản của Hội Nhà văn Việt Nam. Thành lập tháng 5.1976 đến 1990 đổi lại tên ban đầu (1957-1958) là Nhà xuất bản Hội Nhà văn (xt. Nhà xuất bản Hội Nhà văn).

TÀI CHÍNH, cơ quan xuất bản của Bộ Tài chính. Ngày thành lập 29.4.1995. Xuất bản sách chuyên ngành phục vụ công tác quản lí tài chính và đào tạo cán bộ, chuyên gia tài chính - kế toán gồm các loại:

Phổ biến, hướng dẫn chế độ, chính sách và nghiệp vụ quản lí về ngân sách, thuế, kho bạc, bảo hiểm; quản lí vốn đầu tư, công sản, kế toán, kiểm toán...

Các công trình nghiên cứu, lí luận, giáo trình đào tạo về các lĩnh vực thuộc ngành tài chính.

Các ấn phẩm phục vụ cho hoạt động tài chính. Trần Thị Quỳnh Châu. Địa chỉ: số 4 Phan Huy Chú, nay là số 1B phố Nguyễn Công Trứ.

THANH NIÊN, cơ quan xuất bản của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Ngày thành lập: 14.7.1954. Xuất bản 5 mảng sách chính sau đây:

Sách chính trị, xã hội và lối sống.

Sách thanh niên với khoa học kĩ thuật.

Sách truyền thống (dân tộc và cách mạng).

Sách văn học.

Sách khoa học về công tác giáo dục thanh - thiếu niên, về xây dựng và tổ chức hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: số 62-64 phố Bà Triệu.

THẾ GIỚI, cơ quan xuất bản đối ngoại của Bộ Văn hoá - Thông tin. Tiền thân là Nhà xuất bản Ngoại văn. Thành lập ngày 17.3.1957. Đổi tên này năm 1991. Xuất bản tổng hợp các sách.

Chính trị xã hội, lịch sử, văn hoá, văn minh, địa lí, khoa học kĩ thuật, văn học nghệ thuật, luật pháp, hướng dẫn hợp tác và đầu tư, hướng dẫn du lịch, truyện tranh cho thiếu nhi, từ điển, sách tiếng Việt cho người nước ngoài... bằng 10 thứ tiếng: Anh, Pháp, Trung Quốc, Nga, Tây Ban Nha, Nhật, Đức, Lào, Quốc tế ngữ, Việt.

Ra tạp chí *"Nghiên cứu Việt Nam"* (Vietnam Studies E'tudes Vietnamiennes) theo

chuyên đề, bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, mỗi năm 4 kì, từ năm 1964, được nước ngoài coi như bộ "Bách khoa thư Việt Nam". Từ 1993 ra hằng tháng nguyệt san "Việt Nam mới" tiếng Anh. 1998 ra "*Cửa sổ văn hoá Việt Nam*" tiếng Việt và tiếng Anh.

Địa chỉ: số 46 phố Trần Hưng Đạo.

THỂ DỤC THỂ THAO, cơ quan xuất bản của Tổng cục Thể dục - thể thao. Ngày thành lập: 1.7.1960. Trong quá trình phát triển có các giai đoạn sau: 1964-1970 nhập với Nhà xuất bản Y học - Thể dục thể thao. Từ năm 1971-1974 tách khỏi Nhà xuất bản Y học - Thể dục thể thao, thành bộ phận xuất bản sách của Tổng cục Thể dục thể thao. Năm 1974 tái lập Nhà xuất bản Thể dục thể thao. Xuất bản các loại sách và ấn phẩm chuyên ngành về thể dục - thể thao gồm:

Sách chỉ đạo đường lối, xây dựng phong trào; giáo khoa, giáo trình đào tạo cán bộ; hướng dẫn kĩ thuật, phương pháp luyện tập các bộ môn; luật thi đấu - trọng tài; chuyên đề, chuyên khảo, khoa học kĩ thuật; sách dành cho trẻ em, phụ nữ, người già; sách tuyên truyền, thông tin về các sự kiện thể thao - thể dục; sách văn nghệ đề tài thể dục thể thao. ấn phẩm, văn hoá phẩm (tranh, ảnh, lịch) về thể dục thể thao.

Địa chỉ: số 7 phố Trịnh Hoài Đức.

THÔNG TẤN, cơ quan xuất bản của Thông tấn xã Việt Nam, thành lập năm 2000 chuyên xuất bản các sách tư liệu, nghiên cứu về các vấn đề chính trị, kinh tế, quân sự, xã hội, các sách ảnh, sách kỉ niệm những ngày lễ lớn...

Thông tin, cơ quan xuất bản của Bộ Thông tin. Thành lập năm 1987, đến năm 1992 nhập vào Nhà xuất bản Văn hoá thành Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin. Xuất bản các sách nhằm thông tin về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá trong nước và thế giới.

Địa chỉ: số 58 phố Quán Sứ (xt. Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin).

THÔNG TIN LÍ LUẬN, thành lập vào những năm 70, đến tháng 11.1992 nhập vào Chính trị quốc gia - Sự thật thành Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật. Xuất bản các sách tham khảo, lí luận, thông tin về chính trị (xt. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia).

THỐNG KÊ, cơ quan xuất bản của Tổng cục Thống kê. Thành lập ngày 20.10.1980. Xuất bản các sách.

Số liệu thống kê (hằng năm và 5 năm).

Quản lí kinh tế và thống kê, kế toán, tài chính, thương mại, ngân hàng, vật giá.

Tin học.

Giáo trình đại học và trung học thuộc khối kinh tế tổng hợp.

Địa chỉ: số 98 phố Thuỵ Khê.

TÔN GIÁO, cơ quan xuất bản của Ban Tôn giáo Chính phủ. Thành lập ngày 29.9.1999. Xuất bản sách về tôn giáo, chính sách tôn giáo của Đảng và Chính phủ, nghiên cứu về tôn giáo.

Địa chỉ: số 53 phố Tràng Thi, số 37 phố Hùng Vương, nay là số 17 phố Lý Nam Đế.

TUYÊN HUẤN, cơ quan xuất bản của Ban Tuyên huấn Trung ương sau đổi thành Ban Tư tưởng văn hoá, nhà xuất bản mang tên Tư tưởng - Văn hoá. Thành lập vào những năm 70, tháng 11.1992 nhập vào với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.

Địa chỉ: Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương.

TRI THỨC, cơ quan xuất bản của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kĩ thuật Việt Nam, thành lập ngày 13.9.2005, chuyên xuất bản sách phổ biến kiến thức phổ thông và Tủ sách tinh hoa tri thức thế giới.

Địa chỉ: số 53 phố Nguyễn Du.

TƯ PHÁP, cơ quan xuất bản của Bộ Tư pháp. Trước đây đã thành lập Nhà xuất bản Pháp lí, năm 1992 nhập vào Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, nay tái lập (2003) chuyên xuất bản các sách luật, hướng dẫn thi hành luật, phổ biến luật pháp. Địa chỉ: 58-60 Trần Phú.

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA, cơ quan xuất bản trực thuộc Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam. Doanh nghiệp nhà nước công ích. Ngày thành lập: 24.11.1998. Xuất bản bách khoa thư và từ điển bách khoa, đại từ điển chuyên ngành. Giới thiệu các công trình bách khoa về văn hoá, khoa học của Việt Nam và thế giới. Địa chỉ: số 109 phố Quán Thánh.

VĂN HOÁ, lúc đầu là cơ quan của Viện Văn học (1957-1958) sau chuyển thuộc Cục Xuất bản - Bộ Văn hoá (1959). Đầu những năm 60, nhập thêm Nhà xuất bản Mĩ thuật - Âm nhạc, thành Nhà xuất bản Văn hoá - Nghệ thuật. Cuối những năm 70, nhập thêm các Nhà xuất bản Phổ thông. Nhà xuất bản các Dân tộc, lập lại tên Nhà xuất bản Văn hoá. Cơ quan thuộc Bộ Văn hoá. Đến năm 1992 nhập thêm Nhà xuất bản Thông tin thành Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin. Xuất bản các sách văn học (cổ văn, cận đại, hiện đại) các kịch bản sân khấu, nghiên cứu về văn hoá - nghệ thuật, các văn hoá phẩm (bưu ảnh, tranh, câu đối, lịch).

Địa chỉ: số 6 phố Quang Trung, số 19 phố Nguyễn Bỉnh Khiêm, sau về số 43 phố Lò Đúc (xt. Nhà xuất bản Văn hoá - Thông tin).

VĂN HOÁ DÂN TỘC, cơ quan xuất bản của Bộ Văn hoá - Thông tin. Thành lập năm 1976 trên cơ sở Nhà xuất bản Việt Bắc, lúc đầu mang tên Nhà xuất bản các Dân tộc thiểu số. Năm 1978 nhập vào Nhà xuất bản Văn hoá. Năm 1987 tách ra, tái lập Nhà xuất bản với tên Văn hoá dân tộc. Xuất bản các sách về: Văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số trong nước và ngoài nước.

Sách nghệ thuật, giới thiệu - nghiên cứu - sưu tầm các phong tục tập quán và di sản văn hoá các dân tộc.

Sách văn học, văn hoá dân gian truyền thống.

Văn hoá phẩm.

Địa chỉ: số 19 phố Nguyễn Bỉnh Khiêm.

VĂN HOÁ - NGHỆ THUẬT, cơ quan xuất bản của Bộ Văn hoá. Sau là Nhà xuất bản Văn hoá (xt. Nhà xuất bản Văn hoá).

VĂN HOÁ - THÔNG TIN, cơ quan xuất bản thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin, doanh nghiệp nhà nước. Thành lập năm 1957, trên cơ sở sáp nhập lần lượt các nhà xuất bản trực thuộc Bộ Văn hoá (sau là Bộ Văn hoá - Thông tin) như Phổ thông, Văn hoá - Nghệ thuật, Văn hoá và Nhà xuất bản Thông tin của Bộ Thông tin (1992). Xuất bản các loại sách về đề tài văn hoá, khảo cứu về văn hoá Việt Nam và các nền văn hoá thế giới.

Dịch thuật phục hồi các văn hoá cổ điển của dân tộc.

Các loại từ điển về văn hoá, xã hội, du lịch, lễ hội, danh lam, ngôn ngữ, giao tiếp...

Các tác phẩm văn học - nghệ thuật của trong nước và nước ngoài.

Các tổng tập về các thể loại văn học Việt Nam và thế giới.

Sách danh nhân văn hoá Việt Nam và thế giới.

Các loại văn hoá phẩm (tranh, ảnh, bưu ảnh, bưu thiếp, sách tranh, các loại lịch).

Địa chỉ: số 43 phố Lò Đúc (xt. Nhà xuất bản Văn hoá).

VĂN HOÁ - THÔNG TIN HÀ NỘI, xuất bản các sách của Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội (lúc đầu là Sở Văn hoá).

Các sách về đề tài Hà Nội, giới thiệu xưa và nay, lịch sử truyền thống Thăng Long - Hà Nội, danh nhân Hà Nội, vốn cũ văn nghệ dân gian và những chặng đường xây dựng, phát triển của thủ đô. Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Sở Văn hoá, sau là Sở Văn hoá - Thông tin. Địa chỉ: số 47 phố Hàng Dầu.

VĂN HỌC, cơ quan xuất bản trực thuộc Bộ Văn hoá - Thông tin. Thành lập tháng 3.1948 ở chiến khu Việt Bắc, với danh nghĩa *"Ngành văn nghệ Trung ương xuất bản"*. Năm 1954 mang tên Nhà xuất bản Văn nghệ. Tháng 10.1954, Thủ đô giải phóng chuyển về Hà Nội, trực thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam. 1959 nhập thêm Nhà xuất bản Hội Nhà văn, thành Nhà xuất bản Văn học trực thuộc Bộ Văn hoá (nay là Bộ Văn hoá - Thông tin). Từ 1976, Hội Nhà văn lập lại Nhà xuất bản "Tác phẩm mới" đến 1990 lấy lại tên cũ Nhà xuất bản Hội Nhà văn. Xuất bản các tác phẩm văn học Việt Nam và thế giới. Hình thành các tủ sách có hệ thống:

Tủ sách văn học cổ, cận đại Việt Nam.

Tủ sách văn học hiện đại Việt Nam.

Tủ sách văn học cổ điển nước ngoài.

Tủ sách văn học hiện đại nước ngoài.

Tủ sách văn học mọi nhà.

Các tuyển tập, toàn tập của từng tác giả.

Sách lí luận văn học, phê bình tác phẩm, giới thiệu tác giả.

Địa chỉ: số 6 phố Quang Trung, số 38A phố Hai Bà Trưng, số 49 phố Trần Hưng Đạo - Hàng Bài, nay về số 18 phố Nguyễn Trường Tộ.

VĂN SỬ ĐỊA, cơ quan xuất bản trực thuộc Ban Nghiên cứu văn - sử - địa. Thành lập năm 1955, hoạt động đến 1959. Sau tách ra phần sử thành lập Nhà xuất bản Sử học (1960-1963) rồi nhập và Nhà xuất bản Khoa học xã hội. Phần Văn chuyển giao

chức năng cho Nhà xuất bản Văn học, phần Địa về Nhà xuất bản Khoa học.

XÂY DỰNG, cơ quan xuất bản trực thuộc Bộ Xây dựng. Thành lập ngày 12.2.1977. Trong quá trình phát triển đã nhập thêm Nhà xuất bản Xây dựng thuộc Uỷ ban Xây dựng cơ bản Nhà nước, tập san Xây dựng và thành doanh nghiệp nhà nước (1993). Xuất bản các loại sách.

Khoa học kĩ thuật và quy hoạch, kiến trúc, xây dựng cơ bản, vật liệu xây dựng, quản lí nhà đô thị, công trình kĩ thuật hạ tầng, xây dựng nông thôn, kinh tế xây dựng.

Văn bản pháp quy, luật lệ, các định mức kinh tế kĩ thuật, tiêu chuẩn quy phạm của ngành.

Sổ tay, cẩm nang kĩ thuật, từ điển xây dựng.

Giáo khoa, giáo trình cho các trường đại học, trung học thuộc ngành quản lí.

Lịch sử và gương mặt đơn vị, cá nhân xây dựng. Địa chỉ: số 37 phố Lê Đại Hành.

Y HỌC, cơ quan xuất bản thuộc Bộ Y tế. Ngày thành lập: 31.10.1959. Xuất bản các loại sách.

Phổ thông truyền bá y học, chăm sóc sức khoẻ ban đầu.

Giáo khoa, giáo trình y - dược học các cấp.

Công trình nghiên cứu chuyên đề y - dược học.

Sách y học cổ truyền, kết hợp Đông Tây y.

Sách dịch giới thiệu y - dược học nước ngoài và sách ngoại văn giới thiệu với thế giới thành tựu của y dược Việt Nam. Các từ điển y dược, atlat giải phẫu...

(Từ 1964-1970), nhập với Nhà xuất bản Thể dục thể thao, nên xuất bản các sách Thể dục - thể thao).

Địa chỉ: số 138A phố Giảng Võ, số 4A phố Lê Thánh Tông, số 352 phố Đội Cấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Đảng bộ thành phố Hà Nội. *Lịch sử Đảng bộ Hà Nội 1930-2000*. Nxb. Hà Nội, 2004.

2. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Hà Nội. *Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ ở Hà Nội*. Nxb. Hà Nội, 1980.

3. Ban liên lạc các nhà báo Hà Nội hưu trí. *Những kỉ niệm một thời làm báo*, tập 1. Nxb Hà Nội, 1997; tập 2 - Hội Nhà báo xuất bản, 2002; tập 3 - Hội Nhà báo Hà Nội xuất bản, 2004.

4. Ban liên lạc học sinh - sinh viên kháng chiến Hà Nội. *Một thời sôi nổi*, Hà Nội 1998.

5. *Các nhà xuất bản Việt Nam*, Nxb Khoa học kĩ thuật, Hà Nội, 1995.

6. Đỗ Quang Hưng (chủ biên. *Lịch sử báo chí Việt Nam* (1865-1945). Nxb. Đại học quốc gia, 2000.

7. *Đấu tranh của các chiến sĩ yêu nước và cách mạng tại Nhà tù Hoả Lò*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1994.

8. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, tập 1, 2, 3. Nxb. Sự thật. Hà Nội, 1980-1982.

9. Hồng Chương. *Báo chí Việt Nam*. Nxb. Sự thật, 1985.

10. Hoàng Đạo Thuý. *Hà Nội thanh lịch*. Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 1998.

11. Hoàng Đạo Thuý. *Hà Nội thanh lịch*. Nxb. Giáo dục. Hà Nội, 1998.

12. Hội Nhà báo Hà Nội, *Báo chí Hà Nội - một chặng đường lịch sử* 1954-1993, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1995.

13. *Hà Nội mới - những chặng đường lịch sử* . Báo Hà Nội mới xuất bản 1997.

14. Hội Nhà báo Hà Nội. *Báo chí Hà Nội khi ra đời đến năm 1946* (đề tài nghiên cứu khoa học 1996-1997).

15. Hội Nhà báo Hà Nội. *Báo chí Hà Nội thời kì Pháp tạm chiếm* (1947-1954) (đề tài nghiên cứu khoa học 1995).

16. Hội Nhà báo Hà Nội. *Sơ thảo lịch sử báo chí Hà Nội* 1905-2000. Nxb. Chính trị quốc gia, 2004.

17. Hữu Tuấn. *Trang sách hồn nước*. Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh 1998.

18. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (sơ thảo), tập 1. Nxb. Sự thật. Hà Nội, 1984.

19. Lê Minh Quốc. *Hỏi đáp báo chí Việt Nam*. Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh 2001.

20. Lê Quý Đôn. *Toàn tập*, tập 2, 3. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, 1984.

21. Mai Hương. *Nhà xuất bản Mai Lĩnh*. Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội, 1997.

22. *Mục lục báo chí trong nước*. Công ti Phát hành báo chí Trung ương các năm 1999-2003.

23. Nhiều tác giả. *Thăng Long - Hà Nội*. Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 1999.

24. *Những sự kiện Đảng bộ Hà Nội*, tập 1. Nxb. Hà Nội, 1982

25. Nguyễn Quyết. *Hà Nội tháng Tám*, Nxb. Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1980.

26. Nhiều tác giả. *Những chặng đường báo quốc*. Nxb. Hà Nội, 1987.

27. Nguyễn Thành. *Báo chí cách mạng Việt Nam 1925-1945*. Nxb. Khoa học Xã hội, 1984.

28. Nguyễn Thành. *Từ điển thư tịch báo chí Việt Nam*. Nxb. Văn hoá Thông tin, 2001.

29. Nhiều tác giả. *Thư tịch báo chí Việt Nam*. Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1998.

30. Nhiều tác giả. *Viết trong Hà Nội*. Nxb. Hà Nội, 1994, tập 2, Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội, 2004.

31. *Nửa thế kỉ Tiếng nói Việt Nam (1945-1995)*. Nxb. Chính trị quốc gia, 1995.

32. Nguyễn Công Hoan. *Nhớ gì ghi nấy*. Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội, 1998.

33. Nguyễn Văn Uẩn. *Hà Nội nửa đầu thế kỉ XX* (3 tập). Nxb. Hà Nội, 1995.

34. Nhiều tác giả. *Tác gia văn học Thăng Long Hà Nội* (Thế kỉ XI-XX). Nxb. Hội Nhà văn. Hà Nội, 1998

36. Nhiều tác giả. *Truyện các ngành nghề*. Nxb. Lao động. Hà Nội, 1977.

37. Nhiều tác giả. *Nghề cổ truyền* tập 1 Sở Văn hoá thông tin Hải Hưng 1984.

38. Nguyễn Mai Hoa. *Nghiên cứu giải pháp xây dựng thư viện trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội*... (đề tài khoa học) 2002.

39. Nhiều tác giả. *Nửa thế kỉ văn hoá thông tin Hà Nội*. Sở Văn hoá - Thông tin Hà Nội, 1995.

40. *Nửa thế kỉ Văn hoá - thông tin Hà Nội 1945-1995*. Sở Văn hoá Thông tin Hà Nội, 1995.

41. Nguyễn Mai Hoa (chủ nhiệm). *Nghiên cứu giải pháp xây dựng thư viện trường bồi dưỡng giáo dục Hà Nội đáp ứng nhu cầu giảng dạy và tự học, tự bồi dưỡng của cán bộ, giáo viên thủ đô*. (Đề tài nghiên cứu khoa học 2002).

42. *Từ điển báo chí*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1996.

43. *Tiên phong*, sưu tầm trọn bộ, 2 tập, Nxb. Hội Nhà văn 1996.

44. *Tao Đàn*, sưu tập trọn bộ, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1998.

45. Thiếu Sơn. *Những văn nhân chính khách một thời*. Nxb. Lao động. Hà Nội, 1993

46. *Tập san thư viện*, năm 2001, 2002. Thư viện Quốc gia Việt Nam, Hà Nội.

47. *Thư mục* của các thư viện: Quốc gia, Hà Nội, Khoa học kĩ thuật, Khoa học xã hội.

48. *Tư liệu* do các báo, các nhà xuất bản cung cấp (tháng 3-4.1999), do các thư viện cung cấp (tháng 3.2005).

49. *Thư viện Quốc gia Việt Nam - 85 năm xây dựng và trưởng thành.* Thư viện Quốc gia, Hà Nội, 2002.

50. *Tập san thư viện*. Thư viện Quốc gia xuất bản các năm 2001-2002.

51. *Tạp chí nghiên cứu lịch sử*, số 6, tháng 11 + 12 năm 2003.

52. Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*. Nxb. Văn hoá. Hà Nội, 1984

53. Uỷ ban Khoa học xã hội Việt Nam - *Lịch sử Việt Nam*, tập 2. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1985.

54. Viện sử học. *Việt Nam, những sự kiện lịch sử* 1945-1975, tập 1. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1990.

55. Viện sử học. *Lịch sử Thủ đô*. Nxb. Sử học. Hà Nội, 1960.

56. Võ Nguyên Giáp. *Những năm tháng không thể nào quên*. Nxb. Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1974.

57. Võ Nguyên Giáp. *Chiến đấu trong vòng vây*. Nxb. Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1980.

58. Vương Thừa Vũ. *Hà Nội 60 ngày khói lửa*. Nxb. Hà Nội, 1996.

59. Vũ Đình Hoè. *Thanh Nghị*. Nxb. Văn học, Hà Nội, 2000.

60. Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại*, 5 tập, Nxb. Vĩnh Thịnh. Hà Nội, 1951.

61. Vũ Bằng. *Bốn mươi năm nói láo*. Nxb. Văn hoá thông tin. Hà Nội, 2001.

62. Viện Văn học. *Từ điển văn học* 2 tập, Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội, 1984.

63. *40 năm Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội,* Nxb. Hà Nội, 1994.

64. *45 năm Phát thanh và Truyền hình Hà Nội 1954-1999*. Đài PTTHHN, 1999.

Tài liệu nước ngoài

65. E. Côbêlép. *Đồng chí Hồ Chí Minh*. Nxb. Thanh niên Hà Nội và Tiến bộ Matxcơva, 1985.

66. Jean Lacouture. *Ho Chi Minh*. E.Seuil. Paris, 1967.

67. Daniel Henery. *Ho Chi Minh de l'Indochine au Vietnam*. E.Gallimard. Paris, 1990.

68. Philippe Devillers. Paris - Saigon- Hanoi (Hoàng Hữu Đản dịch). Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

69. E'mile Boivin. *Histoire du Journalisme*. E. Presses Universitaire de France. Paris, 1940.

70. Pierre Denoyer. *La presse dans le monde*. E.Puf. Paris, 1950.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 7
Tổng quan 15

***PHẦN I* - THÔNG TIN** 21

Chương I. CÁC HÌNH THỨC THÔNG TIN XƯA VÀ NAY 23
1. Thông tin thời Thăng Long - Hà Nội dưới chế độ phong kiến 23
2. Thông tin ở Thăng Long - Hà Nội thời Pháp thuộc và thời kì tiền khởi nghĩa 26
3. Thông tin ở Hà Nội sau Cách mạng tháng Tám và trong thời gian Kháng chiến chống Pháp 31
4. Thông tin từ ngày Thủ đô giải phóng đến nay 35

Chương II. THÔNG TIN ĐIỆN TỬ 48
1. Đài Tiếng nói Việt Nam 48
2. Thông tấn xã Việt Nam 53
3. Đài Truyền hình Việt Nam 54
4. Từ truyền thanh đến phát thanh và truyền hình: Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội 58
5. Công nghệ thông tin 63

Chương III. BÁO CHÍ 69
I. Từ năm 1884 đến Cách mạng tháng Tám 1945 69
II. Báo chí Hà Nội sau Cách mạng tháng Tám 103
III. Báo chí thời kì Hà Nội bị tạm chiếm (1947-1954) 111
IV. Báo chí thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc và chiến đấu chống Mỹ cứu nước (1954-1975) 119
V. Thời kì đất nước thống nhất và đổi mới 131
VI. Hội nhà báo thành phố 140
VII. Vài nét về báo chí của Trung ương xuất bản tại Hà Nội 141
VIII. Một số nhà báo tiêu biểu tại Hà Nội (trước 1945) 149

PHẦN II. **IN - XUẤT BẢN - PHÁT HÀNH SÁCH - THƯ VIỆN** 159

Chương I. NGHỀ IN XƯA VÀ NAY 161
I. Nghề in mộc bản thời cổ và sách Hán - Nôm 161
II. Từ in Tipô đến in Lade 166

Chương II. XUẤT BẢN 169
I. Xuất bản từ khi có chữ Quốc ngữ, thời Pháp thuộc đến toàn quốc kháng chiến (1946) 169
II. Xuất bản ở Hà Nội trong tám năm bị địch tạm chiếm (1947-1954) 185
III. Xuất bản ở Hà Nội từ sau Ngày giải phóng Thủ đô (10.1954-1999) đến nay 188

Chương III. PHÁT HÀNH SÁCH 210

Chương IV. THƯ VIỆN 214
I. Vài nét về lịch sử và sự phát triển thư viện 214
II. Các thư viện lớn và hệ thống thư viện ở Hà Nội 221
1. Thư viện Hà Nội 221
2. Thư viện Giáo dục Hà Nội 228
3. Thư viện Quốc gia Hà Nội 230
4. Từ Thư viện Trường Viễn Đông bác cổ đến Thư viện Thông tinkhoa học xã hội và Thư viện Khoa học kĩ thuật Trung ương 235
5. Thư viện Viện sử học 240
6. Thư viện Hán Nôm 241
7. Thư viện Quân đội 243
8. Thư viện Trường Đại học Bách khoa 246
9. Trung tâm Thông tin thư viện Trường Đại học Kinh tế quốc dân 248
10. Thư viện trường Đại học Y Hà Nội 249
11. Thư viện Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 250
12. Trung tâm Thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội. 251

PHẦN III. **DANH MỤC BÁO CHÍ XUẤT BẢN TẠI HÀ NỘI (1883-2007)** ... 255
Tài liệu tham khảo 345

BÁCH KHOA THƯ HÀ NỘI
THÔNG TIN XUẤT BẢN

Chịu trách nhiệm xuất bản
BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm bản thảo
PGS TS NGUYỄN HỮU QUỲNH

Biên tập
BIÊN TẬP VIÊN VIỆN NGHIÊN CỨU
VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA

Chế bản
VIỆN NGHIÊN CỨU
VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA

Sửa bản in
TẠ THỊ HẢI ĐƯỜNG
ĐINH TRỌNG KHÔI

Trình bày bìa:
PHÙNG MINH TRANG

In 100 cuốn tại Công ty TNHH In Khuyến học
Giấy phép xuất bản số: 381-2010/CXB/17/13-11/TĐ, cấp ngày 21-4-2010
In xong và nộp lưu chiểu Quý II- 2010.

BÁCH KHOA THƯ Hà Nội (18 TẬP)

ĐÓN ĐỌC

* LỊCH SỬ
* ĐỊA LÝ
* CHÍNH TRỊ
* PHÁP LUẬT
* KINH TẾ
* KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
* KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
* GIÁO DỤC
* Y TẾ
* VĂN HỌC
* TIẾNG HÀ NỘI
* NGHỆ THUẬT
* THÔNG TIN - XUẤT BẢN
* DI TÍCH - BẢO TÀNG
* DU LỊCH
* TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO
* PHONG TỤC - LỄ HỘI
* THỂ DỤC THỂ THAO